



NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN
Tập 5

BỔ TÁT DI LẶC THUYẾT

**DU GIÀ
SƯ ĐỊA
LUẬN**

TẬP 5

(Từ quyển 81-100)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG

Người dịch: Sa-môn THÍCH GIÁC PHỔ

Cư sĩ TRẦN PHÁ NHẠC

Hiệu đính: Sa-môn THÍCH LỆ QUANG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

III. PHẦN NHIẾP THÍCH

Quyển 81
PHÂN NHIẾP THÍCH
Phẩm Thượng

Như vậy đã thuyết giải thích Nhiếp Quyết Trạch. Sao gọi là **Nhiếp Thích**? Ớt-Đà-Nam nói chung:

*Thể, văn, nghĩa, thích, pháp
Khởi, nghĩa, nạn, thứ, thầy
Thuyết, chúng, thỉnh, khen Phật
Lược, rộng, học thắng lợi.*

Sao gọi là **thể**? Là thể kế kinh, lược có 2 chủng: **1. Văn**; **2. Nghĩa**. Văn là sở y. Nghĩa là năng y. Hai chủng như vậy gọi chung làm một là tất cả cảnh giới sở tri.

1. Văn: Có 6 chủng: **a.** Danh thân; **b.** Cú thân; **c.** Văn thân; **d.** Lời; **e.** Hành tướng; **f.** Cơ thỉnh.

a. Danh thân: Thêm lời để cùng hiểu biết hơn (tăng ngữ). Đây lược có 12 chủng: 1. Danh giả lập;

2. Danh thật sự; 3. Danh tương ứng đồng loại; 4. Danh tương ứng dị loại; 5. Danh theo đức tính; 6. Danh giả thuyết; 7. Danh đồng hiểu rõ; 8. Danh không đồng hiểu rõ; 9. Danh hiển; 10. Danh không hiển; 11. Danh lược; 12. Danh rộng.

Danh giả lập: bên trong giả lập danh là ngã, hữu tình, mạng giả...; bên ngoài giả lập danh là bình bát, y phục...

Danh thật sự: trong nghĩa các căn mắt... sắc... lập danh là nhãn...

Danh tương ứng đồng loại: danh của hữu tình sắc chấp thọ đại chúng...

Danh tương ứng dị loại: danh Phật trao cho những đức tánh khác nhau của sự vật như xanh, vàng...

Danh theo đức tính: biến ngại nên danh là sắc, lãnh nạp nên danh là thọ, phát ánh sáng nên danh là mặt trời... hết thấy danh thuộc loại như vậy.

Danh giả thuyết: cách xưng hô rất ít; nhưng đặt danh rất nhiều, hoặc các danh khác được an lập mà không cần quán sát đối đãi nghĩa mới có được.

Danh đồng hiểu rõ: ở nơi một sự việc cùng tưởng hiểu biết.

Danh không đồng hiểu rõ: trái với tướng trên.

Danh hiển: là nghĩa dễ hiểu.

Danh không hiển: là nghĩa khó hiểu, như minh chú Đạt-la-nhị-đồ...

Danh lược: là danh một tự (chữ).

Danh rộng: là danh nhiều tự.

b. Cú thân: tức là đầy đủ danh và tự. Đây lại có 6 chủng: 1. Cú không đầy đủ; 2. Cú đầy đủ; 3. Cú sở thành; 4. Cú năng thành; 5. Cú tiêu biểu; 6. Cú giải thích.

Cú không đầy đủ: do văn không rõ ràng, nghĩa không rõ ràng. Nên biết lại do cú thứ hai thì cú thứ nhất mới được đầy đủ. Như nói: “Chớ làm các điều ác; phụng hành các việc lành; khéo điều phục tự tâm; là chư Phật thánh dạy”. Trong đây nếu chỉ nói “các ác” thì văn không rõ ràng, nếu nói “các ác ấy” thì nghĩa không rõ ràng, nếu thêm “chớ làm” thì mới được đầy đủ, tức là cú đầy đủ.

Cú sở thành: cú trước do cú sau mới được lập thành, như nói: “Các hành vô thường; pháp có khởi tận; sanh ắt diệt vậy; kia tịch là vui”. Trong

đây vì thành “Các hành vô thường”, nên kế nói “Pháp có khởi tận”. Trước là sở thành, tức là cú sở thành. Sau là năng thành, tức là cú năng thành.

Cú tiêu biểu: như nói “tánh thiện”.

Cú giải thích: tức là chân chánh hướng đến hạnh của bậc thiện sĩ.

c. Tự thân: hoặc rớt ráo, hoặc không rớt ráo, danh cú làm chỗ nương cho 49 tự. Trong đây “dục” là danh đầu, danh là cú đầu. Cú hẳn có danh, danh hẳn có tự. Nếu chỉ có một tự thì không thành cú. Lại nếu có tự mà không được nhiếp bởi danh, thì chỉ là tự mà không có danh.

Hỏi: Nhân duyên nào thi thiết ba chủng thân là danh, cú, tự thân?

Đáp: Vì khiến lãnh thọ cái thọ được sanh khởi do tiếp xúc với các thêm lời.

Hỏi: Nghĩa danh là gì?

Đáp: Năng khiến cùng rõ biết chủng chủng, nên gọi là danh. Lại năng khiến ý tác chủng chủng tương, nên gọi là danh. Lại do chỗ xưng hô của ngôn ngữ, nên gọi là danh. Nhiếp thọ các danh khiến hiển rõ rớt ráo nghĩa chẳng hiện thấy, nên gọi là cú. Vì theo đó hiển danh cú, nên gọi là văn

(tự). Như Thế Tôn thuyết về *thêm lời* và *cách thêm lời*, cho đến nói rộng. Trong đây, thêm lời tức là danh tương ứng tất cả những nhóm đồng loại, cách thêm lời bao gồm các nhóm đồng loại “dục” năng phát khởi kia. Từ (tự) ở đây tức là lời tương ứng kia. Lại tức lời đây hoặc tiêu biểu, hoặc giải thích mỗi vấn đề đều riêng khác. Chỗ nương của vấn đề gọi là cách thêm lời. Thi thiết tức là mỗi mỗi phân biệt. Thi thiết kiến lập chỗ nương của vấn đề kia, gọi là cách thêm lời kia. Dục tức là từ, không có dục khác. Đây tức là thi thiết cách thêm lời.

Lại danh thân... lược có 6 chỗ nương: 1. Pháp; 2. Nghĩa; 3. Bồ-đặc-già-la; 4. Thời; 5. Số; 6. Nơi chốn. Nếu rộng tuyên thuyết nên biết như trong *Văn sở thành địa*.

d. Lời: nói lược đủ có 8 phần, đó là lời đầu tiên, lời mỹ diệu... do lời kia tương ứng văn cú... cho đến thường thuận theo hướng đến phân tư lương, nên năng thuyết chánh pháp.

Lời đầu tiên: vì hướng đến cung Niết-bàn là đầu tiên.

Lời mỹ diệu: vì âm thanh trong trẻo như ca-lăng-tần-già.

Lời hiển rõ: vì từ, cú, văn đều thiện xảo.

Lời dễ hiểu: vì khéo biện thuyết.

Lời vui nghe: vì dẫn phát nghĩa.

Lời không nương: vì không nương mong cầu người tín phục mình.

Lời không trái nghịch: vì biết lượng mà nói.

Lời vô biên: vì rộng sâu khéo léo.

Tám chủng lời như vậy tóm lược đủ 3 đức: 1. Đức hướng đến là chủng đầu tiên; 2. Đức của tự thể là chủng thứ hai; 3. Đức do gia hạnh là các chủng còn lại.

Tương ưng: tức là khéo an lập thứ lớp danh, cú, văn thân. Lại, tương ưng nương bốn chủng đạo lý. Trợ bạn: vì thứ lớp năng thành. Tùy thuận: vì thứ lớp giải thích. Trong sáng: vì hiển rõ ràng văn cú. Hỗ trợ thanh tịnh: vì khéo nhập các tâm.

Tương ưng vì chúng hội, vì ứng cúng, vì đúng pháp, vì dẫn nghĩa, vì thuận thời. Thường thuận theo hướng đến phần tư lương: vì ân trọng sâu nơi tất cả sự thực hành, hằng thường thực hành, gọi là thường thuận theo. Phần tư lương: tức là chánh kiến... vì “chánh kiến” đây là tư lương của “thường thuận theo” vậy.

e. Hành tướng: tương ứng các uẩn, tương ứng các giới, tương ứng các xứ, tương ứng duyên khởi, tương ứng xứ phi xứ, tương ứng niệm trụ, tương ứng hết thấy ngữ ngôn hoặc Thanh văn thuyết, hoặc Bồ-tát thuyết, hoặc Như Lai thuyết. Đây gọi là hành tướng.

f. Cơ thỉnh: tức là nhân người thỉnh hỏi mới khởi ngôn thuyết.

Lại nữa, do căn.. đây sai khác nên biết có 27 chủng bố-đặc-già-la sai khác.

Trong đây do căn sai khác nên thành 2 chủng:

1. Người độn căn; 2. Người lợi căn.

Do hành sai khác nên thành 7 chủng: như người hành tham... trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

Do chúng sai khác nên thành 2 chủng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia.

Do nguyện sai khác nên thành 3 chủng: 1. Thanh văn; 2. Độc giác; 3. Bồ-tát.

Do có thể cứu độ, không thể cứu độ sai khác, nên thành 2 chủng: 1. Người có pháp Bát-niết-bàn; 2. Người không pháp Bát-niết-bàn.

Do gia hạnh sai khác nên thành 9 chủng: 1. Người đã nhập chánh pháp; 2. Người chưa nhập

chánh pháp; 3. Người có chướng ngại; 4. Người không chướng ngại; 5. Người đã thành thực; 6. Người chưa thành thực; 7. Người đầy đủ phước; 8. Người không đầy đủ phước; 9. Người không phước.

Do chủng loại sai khác nên thành 2 chủng: 1. Người; 2. Không phải người.

Sáu chủng như vậy gom chung có 4 tướng, gọi là văn: 1. Tướng sở thuyết, tức là danh thân... cho đến sau là hành tướng; 2. Tướng sở vi, tức là cơ thể, nhiếp 27 chủng bổ-đặc-già-la; 3. Tướng năng thuyết, tức là lời; 4. Tướng người thuyết, tức là Thanh văn, Bồ-tát, Như Lai.

Sáu chủng như vậy đều hiển “văn”, nếu khuyết một chủng không thể hiển nghĩa. Do năng hiển nghĩa cho nên gọi là văn.

2. Nghĩa: Nên biết lược có 10 chủng: **a.** Nghĩa địa; **b.** Nghĩa tướng; **c.** Nghĩa tác ý; **d.** Nghĩa nương; **e.** Nghĩa quá hoạn; **f.** Nghĩa thắng lợi; **g.** Nghĩa sở trị; **h.** Nghĩa năng trị; **i.** Nghĩa lược; **j.** Nghĩa rộng.

a. Nghĩa địa lược có 5 địa: 1. Tư lương địa; 2. Gia hạnh địa; 3. Kiến địa; 4. Tu địa; 5. Cứu cánh địa.

Lại phân biệt rộng thì có 17 địa, đầu tiên là Năm thức thân tương ứng địa và cuối cùng là Vô dư địa.

b. Nghĩa tướng nên biết có 5 chủng tướng: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Tướng giả lập; 4. Tướng nhân; 5. Tướng quả. Năm tướng như vậy đã biện trong phần *Tư sở thành địa*.

Lại có 5 tướng: 1. Tướng dị môn; 2. Tướng Du-già; 3. Tướng chuyển đổi; 4. Tướng tạp nhiễm; 5. Tướng thanh tịnh. Năm tướng như vậy nên biết đã phân biệt ở trước.

Lại có 5 tướng: 1. Tướng sở thuyên; 2. Tướng năng thuyên; 3. Tướng tương ứng với hai tướng trên; 4. Tướng chấp trước; 5. Tướng không chấp trước.

Tướng sở thuyên: là tướng năm pháp, như đã thuyết trong năm sự.

Tướng năng thuyên: ở nơi kia nương danh... vì muốn dụng ngôn ngữ tùy thuyết tự tánh sai khác. Nên biết đây tức là tướng tự tánh biến kế sở chấp. Tự tánh biến kế sở chấp đây cũng có danh khác, cũng gọi là biến kế sở chấp, cũng gọi là hòa hợp sở thành, cũng gọi là tướng sở tăng ích, cũng gọi là sở

chấp hư vọng, cũng gọi là chỗ hiển ngôn thuyết, cũng gọi là văn tự gia hạnh, cũng gọi là chỉ có âm thanh, cũng gọi là không có tướng thể. Nên biết hết thấy loại sai biệt như vậy.

Tướng tương ưng với hai tướng trên: tức là sở thuyên, năng thuyên lại xoay vần tương ưng lẫn nhau, tức là tự tánh biến kế sở chấp làm chỗ nương tựa.

Tướng nương chấp trước: như các ngu phu từ vô thủy đến nay tương tục lưu chuyển chấp tự tánh biến kế sở chấp và tùy miên của kia.

Tướng không chấp trước: như có người đã kiến đế, như thật rõ biết tướng biến kế sở chấp và thoát khỏi tập khí kia. Nếu chánh phân biệt thì tướng đây như trong *Tư sở thành địa* đã thuyết.

c. *Nghĩa tác ý* là 7 chủng tác ý, đó là tác ý liễu tướng... như đã thuyết ở trước trong phần *Thanh văn địa*.

Lại có 10 trí: 1. Khổ trí; 2. Tập trí; 3. Diệt trí; 4. Đạo trí; 5. Pháp trí; 6. Chủng loại trí; 7. Tha tâm trí; 8. Thế tục trí; 9. Tận trí; 10. Vô sanh trí. Tất cả trí đây đã biện trong phần *Thanh văn địa*.

Lại có 6 thức thân, đó là nhãn thức cho đến ý

thức. Đây cũng đã biện trong *Năm thức thân địa* và *Ý địa*.

Lại có 9 chủng biến tri: 1. Đoạn trừ khổ tập kiến sở đoạn hệ buộc Dục giới biến tri; 2. Đoạn trừ khổ tập kiến sở đoạn hệ buộc Sắc giới, Vô sắc giới biến tri; 3. Đoạn trừ diệt kiến sở đoạn hệ buộc Dục giới biến tri; 4. Đoạn trừ diệt kiến sở đoạn hệ buộc Sắc giới, Vô sắc giới biến tri; 5. Đoạn trừ đạo kiến sở đoạn hệ buộc Dục giới biến tri; 6. Đoạn trừ đạo kiến sở đoạn hệ buộc Sắc giới, Vô sắc giới biến tri; 7. Đoạn trừ thuận hạ phần kiết biến tri; 8. Sắc tham tận biến tri; 9. Vô sắc tham tận biến tri. Tất cả tướng kia đã biện trong *Tam-ma-hí-đa địa*.

Lại có 3 giải thoát môn là Không, Vô tướng và Vô nguyện. Nên biết tướng kia đã biện trong *Tam-ma-hí-đa địa*.

Trong đây, nên biết phân biệt các pháp bao nhiêu chủng sự tư duy của tác ý, bao nhiêu sự sở tri của trí, bao nhiêu sự nhận biết của thức, bao nhiêu chủng biết khắp của biến tri, bao nhiêu sự giải thoát của môn giải thoát. Dụng hết thấy vô lượng quán môn như thế để quán các pháp.

d. Nghĩa nương lược có 3 chủng: 1. Nương sự;

2. Nương thời; 3. Nương bổ-đặc-già-la.

Nương sự lại có 3 chủng: 1. Nương sự căn bản; 2. Nương sự đặc phương tiện; 3. Nương sự bi mẫn người.

- Nương sự căn bản lại có 6 chủng: 1. Đường thiện; 2. Đường ác; 3. Thối đọa; 4. Thăng tiến; 5. Sanh tử; 6. Niết-bàn.

Đường thiện: là cõi trời, cõi người.

Đường ác: là các nẻo ác.

Thối đọa lại có 2 chủng: 1. Không từ phương khác; 2. Từ phương khác. Chủng đầu tiên hiển thọ mạng tự nhiên thối giảm. Như thọ mạng thối giảm, thì sức khỏe, giàu sang, an vui, tiếng tăm, biện tài... tự nhiên thối giảm nên biết cũng vậy. Chủng thứ hai hiển dòng tộc thối giảm, tự tại tăng thượng thối giảm, dòng tộc nghèo nàn, lời nói không uy nghiêm, trí huệ hẹp nhỏ, hiểm ác, không thể thu được sắc thanh hương vị xúc rộng lớn, đối với sự thọ dụng rộng lớn trong lòng không vui thích. Hết thảy loại như vậy gọi là thối đọa.

Thăng tiến: tùy chỗ thích hợp trái với tướng trên.

Sanh tử: tức là thăng tiến lên cõi thiện và

thối đọa vào đường ác.

Niết-bàn: hai Niết-bàn giới là Hữu dư y và Vô dư y.

- Nương sự đắc phương tiện lại có 12 chủng, cũng là 12 chủng hành: 1. Hành dục; 2. Hành lìa; 3. Hành thiện; 4. Hành bất thiện; 5. Hành khổ; 6. Hành không khổ; 7. Hành thuận phần thối; 8. Hành thuận phần tiến; 9. Hành tạp nhiễm; 10. Hành thanh tịnh; 11. Hành riêng mình; 12. Hành tha nghĩa.

Hành dục: như đã thuyết 10 chủng thọ dụng dục.

Hành lìa: tức ở nơi sự thọ dụng dục kia biết rõ hết thấy đều vô thường, nên nhàm chán lìa bỏ xuất gia, thọ trì cấm giới, thủ hộ căn môn...

Hành thiện: hành thí, giới, tu thiện hữu lậu.

Hành bất thiện: là ba chủng ác hạnh.

Hành khổ: như không mặc y phục để lộ thân thể... Hết thấy loại như vậy cho đến nói rộng.

Hành không khổ: như không xả bỏ pháp có được an lạc; xa lìa hai biên, chỗ gọi biên hành thọ dụng dục lạc và biên hành tự khổ hạnh; y chỉ trung đạo, như pháp truy cầu và chân chánh thọ

dụng y phục...

Hành thuận phần thối: sở hữu hành năng chương thọ các sự thăng tiến.

Hành thuận phần tiến: nên biết trái tướng hành thuận phần thối, như trong *Kinh Anh Vũ* đã thuyết.

Hành tạp nhiễm lược có 3 chủng: 1. Nghiệp tạp nhiễm; 2. Phiền não tạp nhiễm; 3. Lưu chuyển tạp nhiễm. Nên biết trong đây có 9 cú căn bản. Nghiệp tạp nhiễm có 3 cú: 1. Tham dục; 2. Sân khú; 3. Ngu si. Phiền não tạp nhiễm có 4 cú: gồm bốn điên đảo. Lưu chuyển tạp nhiễm có 2 cú: vô minh và hữu ái. Vì sao như thế? Do ba căn bất thiện sanh khởi chủng chủng nghiệp tạp nhiễm. Do bốn điên đảo năng phát chủng chủng phiền não tạp nhiễm. Phiền não đã sanh, lại do môn vô minh khiến những người xuất gia sanh chủng chủng lưu chuyển tạp nhiễm; do môn hữu ái khiến những người tại gia sanh chủng chủng lưu chuyển tạp nhiễm.

Hành thanh tịnh: lược có 3 học và 5 địa, từ tư lương địa cho đến cứu cánh địa như trước đã thuyết. Nên biết hết thấy học có 9 cú căn bản, gồm tăng

thượng giới học và tăng thượng tâm học, không tham không sân không si, ở tư lương địa và gia hạnh địa. Tăng thượng tuệ học có bốn không điên đảo, minh và giải thoát, ở kiến địa, tu địa và cứu cánh địa.

Hành riêng mình: là hành tự lợi, như Thanh văn, Độc giác. Tuy các vị kia có lúc phát khởi hành lợi tha, nhưng gốc nguyện không phải lợi tha nên sở hành gọi là hành riêng mình.

Hành tha nghĩa: là hành lợi tha như chư Phật, Bồ-tát, vì muốn lợi ích vô lượng chúng sanh, vì muốn an lạc vô lượng chúng sanh, cho đến nói rộng.

Lại nói hành dục: hoặc có người năng chiêu cảm cõi thiện, vì muốn sanh đến cõi thiện về sau nên tạo tác nghiệp thiện. Hoặc có người năng chiêu cảm đường ác, vì nhiếp thọ các dục bằng những việc phi pháp.

Hành lia: hoặc có người hủy phạm năng chiêu cảm đường ác, hoặc có người năng thành tựu trọn vẹn năng chiêu cảm đường thiện và năng tạo tác tư lương Niết-bàn.

Hành thiện: năng chiêu cảm đường thiện và

năng tạo tác tư lương Niết-bàn.

Hành bất thiện: năng chiêu cảm đường ác.

Hành khổ: năng chiêu cảm đường ác, vì nương tà kiến nên tự thân thọ khổ.

Hành không khổ: năng tạo tác tư lương Niết-bàn.

Hành thuận phần thối, hành thuận phần tiến: tùy theo chỗ thích hợp hoặc thối đọa, hoặc thăng tiến.

Hành tạp nhiễm: năng cảm sanh tử.

Hành thanh tịnh: năng chứng Niết-bàn.

Hành tự nghĩa: chỉ khiến tự thân đến đường thiện, đọi đến thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

Hành tha nghĩa: khiến mình người cùng đi đến đường thiện, cùng đạt đến thăng tiến, chứng đắc Niết-bàn.

- Nương sự bi mẫn người có năm chủng: 1. Khiến ly dục; 2. Chỉ dạy; 3. Dạy dẫn; 4. Khích lệ sách tấn; 5. Vui mừng.

Khiến ly dục: quả trách sáu chủng các hành phẩm hắc, hiển dạy lỗi lầm khiến lìa ái dục.

Chỉ dạy: vì muốn khiến thọ học các hành phẩm bạch, chỉ dạy bốn chủng đạo lý chân thật.

Dạy dẫn: chỉ bày khiến người được tín giải, an đặt học xứ khiến người chân chánh thọ hành. Ở nơi học xứ, người kia đã được tự tại, liền thỉnh hỏi: “Tôi hiện nay nên chánh học thế nào, duy nguyện thầy dạy răn”. Bậc thầy dạy rằng: “Nay ông nên chân chánh tu học, nên thực hành học xứ như vậy như vậy”.

Khích lệ sách tấn: nếu hữu tình kia ở nơi sở tri, sở hành, sở đắc, trong tâm sanh nhàm chán thối thất, bấy giờ phải khen ngợi khích lệ tâm người kia, khiến kia ở nơi sự thực hành có đủ năng lực kham nhẫn.

Vui mừng: ở nơi tùy pháp hành pháp, người kia đã dừng mãnh chánh hành, thì như thật tán thán khiến kia hoan hỷ.

Lại nói chỉ dạy khiến người ly dục: Hoặc khiến người ly dục mà không chỉ dạy, như dạy dẫn khiến người kia lìa dục mà nói như vậy: “Như lời ta nói ông không được làm như vậy, ông nay nhất định chẳng nên lặp lại”; hoặc răn kia rằng: “Nếu ông làm như vậy, ta tất sẽ làm như vậy như vậy”; hoặc lại nhẹ nhàng bảo kia: “Ông nếu là bạn hữu thân thiết của ta, tất chẳng nên làm như vậy”, Hoặc có

chỉ dạy mà chẳng khiến kia ly dục, như đối với một điều nào đó, chỉ ra lỗi lầm cùng với công đức, nhưng chưa thể ngăn chặn khiến kia lìa lỗi lầm. Hoặc có chỉ dạy khiến kia ly dục, như chỉ ra lỗi của kia khiến kia lìa dục.

Lại nói dạy dẫn, khích lệ sách tấn: tức là người mới đầu chưa thọ học thì khiến thọ học; đã thọ học rồi mà chưa thăng tiến hơn, thì khiến thăng tiến.

Vui mừng: nếu lúc người kia đã vui mừng, sẽ được 5 lợi ích thù thắng: 1. Khiến người kia nơi tâm quyết định đối với điều đã chứng; 2. Khiến người kia ở nơi công đức của sự chứng đắc còn lại phát khởi tâm hướng đến chứng đắc; 3. Khiến người kia có tâm phỉ báng, được thanh tịnh; 4. Khiến người không thanh tịnh, tâm được an trụ; 5. Khiến người đã thanh tịnh càng thêm tăng trưởng. Nếu có bổ-đặc-già-la vui mừng đối với việc thiện của người, nên biết tạo tác tăng trưởng việc vui mừng đây năng cảm nghiệp vừa lòng đẹp ý, được sanh vào cõi trời. Nếu lúc mạng chung đã tùy sanh vào cõi kia, thường nghe âm thanh vi diệu vừa ý, tất cả cảnh giới không gì không đẹp ý.

Tóm lại, ở trong 3 sự thì *sự căn bản* có 6 chủng, từ đường thiện ban đầu cho đến sau cùng đắc Bát-niết-bàn; *sự phương tiện* có 12 chủng, là 12 hành; *sự bi mãn người* có 5 chủng, là 5 chủng bi mãn chúng sanh.

Trong đây do sự căn bản lực tăng thượng, lại nương 12 hành, tùy chỗ thích hợp *kiến ly dục* cho đến *vui mừng*.

Nương thời, lược có 3 chủng sự lời nói: 1. Sự lời nói quá khứ; 2. Sự lời nói vị lai; 3. Sự lời nói hiện tại, như kinh đã rộng thuyết.

Nương bổ-đặc-già-la: có tất cả 27 chủng bổ-đặc-già-la, từ căn yếu kém... Tức nương hoặc sự, hoặc thời, hoặc bổ-đặc-già-la đã thuyết như trên mà chư Phật Thế Tôn rộng lưu truyền thánh giáo. Cho nên thuyết tất cả kia gọi là *chỗ nương*.

e. *Nghĩa quá hoạn*: tóm lại mà nói, hoặc pháp, hoặc bổ-đặc-già-la xứng với nghĩa đáng răn trách thì phát lời răn trách.

f. *Nghĩa thắng lợi*: hoặc pháp, hoặc bổ-đặc-già-la xứng với nghĩa đáng xưng khen thì phát lời xưng khen.

g. *Nghĩa sở trị*: tất cả hạnh tạp nhiễm.

h. Nghĩa năng trị: tất cả hạnh thanh tịnh.

Như tham là sở trị, bất tịnh là năng trị; sân là sở trị, từ là năng trị. Nên biết hết thấy loại như vậy.

i. Nghĩa lược: tuyên thuyết các pháp tương ưng đồng loại.

j. Nghĩa rộng: tuyên thuyết các pháp tương ưng dị loại.

Lại nữa, thuyết về kinh bất liễu nghĩa và kinh liễu nghĩa. Lại có 2 chủng nghĩa lược: 1. Danh lược; 2. Nghĩa lược. Như nghĩa lược thì nghĩa rộng cũng có 2 chủng: 1. Danh rộng; 2. Nghĩa rộng. Như Thế Tôn nói: “Xá Lợi Tử! Pháp Ta sở thuyết hoặc lược, hoặc rộng, rất khó có người năng đắc hiểu ngộ”, như kinh thuyết rộng. Nên biết trong đây hiển thị Thế Tôn tuyên thuyết ở trong Khế kinh thì văn rộng, nghĩa lược; tuyên thuyết ở trong Ưng tụng thì nghĩa rộng, văn lược. Vì nhiếp 10 nghĩa, nên thuyết các thể loại trung gian.

Tóm lại, Ôt-Đà-Nam nói:

Các địa, tướng, tác ý

Chỗ nương, đức, không đức

*Sở đối trị, năng trị
Nghĩa rộng lược nên biết.*

Như vậy đã lược thuyết Phật dạy 10 chủng thể tánh nghĩa, các bậc thuyết pháp phải y Thánh giáo nghiên cứu quán xét hoặc đủ hoặc không đủ 10 chủng. Đã tự mình tìm hiểu rồi, lại phải vì người thuyết. Như vậy đã kiến lập văn, nghĩa của thể các kinh. Các bậc thuyết pháp nên dụng 5 tướng thuận theo đó giải thích tất cả kinh Phật.

Sao gọi là **thích**? Lược có 5 chủng: **1. Pháp**; **2. Đăng khởi**; **3. Nghĩa**; **4. Giải thích vấn nạn**; **5. Thứ lớp**. Ban đầu nên lược thuyết các pháp yếu; kế nên tuyên thuyết đăng khởi; kế nên tuyên thuyết nghĩa ấy; kế nên giải thích vấn nạn; về sau nên biện biệt thứ lớp.

1. Pháp: pháp lược có 12 chủng, bao gồm Khế kinh... mười hai phần giáo.

Khế kinh: xuyên suốt thật nghĩa.

Trường hàng: thuyết trực tiếp, đa phần nhiếp thọ ý thú thể tánh.

Ứng tụng: là sau khi thuyết Trường hàng lại

tuyên thuyết Kệ tụng. Lại lược nêu sở thuyết kinh bất liễu nghĩa.

Ký biệt: phân biệt rộng, lược nghĩa tiêu biểu và thọ ký nơi sanh xứ của các đệ tử đã qua đời.

Phúng tụng: hoặc dùng một cú để thuyết, hoặc hai cú, hoặc ba, bốn, năm, sáu cú để thuyết.

Tự thuyết: không thỉnh hỏi mà tự nhiên thuyết. Vì khiến đệ tử được thắng giải, vì giáo hóa hữu tình phẩm thượng khiến an trụ lý thù thắng, nên tự nhiên mà thuyết, như trong kinh nói: “Nay Thế Tôn tự nhiên tuyên thuyết”.

Duyên khởi: có người thỉnh hỏi nên thuyết, như trong kinh nói: “Một thời Thế Tôn ở vườn Nai, vì các Bí sô tuyên thuyết pháp yếu”. Lại sở hữu ngôn thuyết nhiếp vào đạo Tỳ-nại-da đều nương Biệt giải thoát mà phát khởi. Lại ở xứ đây phát lời như vậy: “Thế Tôn nương nhân duyên như vậy như vậy, nương sự việc như vậy như vậy mà thuyết lời như vậy như vậy”.

Thí dụ: có kinh thí dụ, do thí dụ nên sáng tỏ nghĩa ẩn mật.

Bổn sự: trừ bổn sanh, tuyên thuyết sở hữu các việc thuộc tiền tế.

Bổn sanh: tuyên thuyết tự thân khi hành hạnh Bồ-tát ở đời quá khứ.

Phương quảng: thuyết đạo Bồ-tát, như thuyết bảy địa, bốn hạnh của Bồ-tát và thuyết 140 chủng pháp Phật bát cộng của chư Phật, bao gồm bốn nhất thiết chủng thanh tịnh cho đến nhất thiết chủng diệu trí, như trong *Bồ-tát địa* đã rộng thuyết.

Phương quảng: pháp đây vì rộng lớn, vì số nhiều, vì quá sâu xa, vì trường cửu, tức phải đồng mãnh trải qua ba đại kiếp a-tăng-xí-da mới thành tựu viên mãn, cho nên gọi là Phương quảng.

Pháp vị tăng hữu: chư Như Lai hoặc các Thanh văn, hoặc người tại gia thuyết pháp hy hữu lạ thường. Như trong các kinh nhân sự việc hy hữu mà khởi ngôn thuyết.

Luận nghị: các kinh điển đều có Ma-đát-ly-ca xoay vòng khảo cứu chặt chẽ, như tất cả kinh liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-ly-ca. Ở nơi xứ kia, Thế Tôn tự phân biệt rộng thể tướng các pháp. Lại ở nơi xứ kia, các Thánh đệ tử đã được dấu tích kiến đế, nương tự sở chứng mà phân biệt không diên đảo thể tướng các pháp, đây cũng gọi là Ma-đát-ly-ca. Tức Ma-đát-ly-ca như vậy cũng gọi là A-tỳ-đạt-

ma. Như ở thế gian tất cả sách toán thơ luận... đều có Ma-đát-ly-ca, nên biết trong kinh xoay vòng khảo cứu sâu xa thể tướng các pháp cũng lại như vậy. Lại như các văn, nếu không có Ma-đát-ly-ca tức không sáng tỏ, như vậy Khế kinh... mười hai phần Thánh giáo nếu chẳng kiến lập thể tướng các pháp thì không sáng tỏ, nếu đã kiến lập tức được sáng tỏ. Lại tướng pháp nương đây mà được tuyên thuyết không tạp loạn, cho nên Ma-đát-ly-ca đây cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma. Lại nương Ma-đát-ly-ca đây giải thích nghĩa các kinh còn lại, cũng gọi là Luận nghị.

2. *Đẳng khởi*: do 3 chủng chỗ nương hoặc sự, hoặc thời, hoặc bổ-đặc-già-la, tùy theo đó mà thuyết. Tức là bổ-đặc-già-la như vậy, có hành như vậy, khiến lìa dục cho đến vui mừng.

3. *Nghĩa*: lược có 2 chủng: 1. Nghĩa chung; 2. Nghĩa riêng.

Do 4 chủng tướng nên nói là nghĩa chung: 1. Vì dẫn kinh liễu nghĩa; 2. Vì phân biệt rõ ràng các sự; 3. Vì hạnh; 4. Vì quả. Hạnh lại có 2 chủng: 1.

Tà hạnh; 2. Chánh hạnh. Quả cũng có 2 chủng: 1. Quả tà hạnh; 2. Quả chánh hạnh.

Do 4 chủng tướng nên nói là nghĩa riêng: 1. Phân biệt danh sai khác; 2. Phân biệt tướng tự thể; 3. Ngôn từ huấn dạy giải thích (huấn từ); 4. Nghĩa môn sai biệt.

- Ngôn từ huấn dạy giải thích lại do 5 chủng phương tiện: 1. Do tướng; 2. Do tự tánh; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.

- Nghĩa môn sai biệt nên biết lại do 5 tướng: 1. Tự tánh sai biệt; 2. Giới sai biệt; 3. Thời sai biệt; 4. Vị sai biệt; 5. Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Trong đây, tự tánh sai biệt tức là tự tánh sắc có mười sắc xứ sai biệt, tự tánh thọ có ba thọ sai biệt, tự tánh tưởng có sáu tướng sai biệt, tự tánh hành có ba hành sai biệt, tự tánh thức có sáu thức sai biệt. Hết thấy loại như vậy là tự tánh các pháp sai biệt.

Giới sai biệt: Dục giới sai biệt, Sắc giới sai biệt, Vô sắc giới sai biệt.

Thời sai biệt: thời quá khứ sai biệt, thời vị lai sai biệt, thời hiện tại sai biệt.

Vị sai biệt: nên biết có 25 chủng phần vị sai

biệt, bao gồm ba vị thượng, trung, hạ sai biệt; ba vị khổ, lạc, không khổ không lạc sai biệt; ba vị thiện, bất thiện, vô ký sai biệt; ba vị văn, tư, tu sai biệt; ba vị tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ sai biệt; hai vị trong, ngoài sai biệt; hai vị sở thủ, năng thủ sai biệt; hai vị sở trị, năng trị sai biệt; hai vị hiện tiền, không hiện tiền sai biệt; hai vị nhân, quả sai biệt.

Bổ-đặc-già-la sai biệt: như 27 chủng bổ-đặc-già-la sai biệt đã thuyết ở trước.

4. Giải thích vấn nạn: hoặc tự lập câu hỏi, hoặc người đặt câu hỏi, thấy đều phải giải thích.

Nên biết vấn nạn đây lược do 5 tướng: 1. Vì nghĩa chưa rõ khiến được hiển rõ, như nói: “Văn đây có nghĩa gì?”; 2. Vì lời mâu thuẫn, như nói: “Vì sao Thế Tôn trước sở thuyết khác, nay sở thuyết khác?”; 3. Vì đạo lý mâu thuẫn, như có sự chỉ dạy trái với nghĩa bốn đạo lý; 4. Vì sự chỉ dạy không quyết định, như nói: “Cớ sao Thế Tôn ở nơi một chủng nghĩa mà hiển thị chủng chủng dị môn sai biệt?”; 5. Vì rốt ráo không hiện thấy, như nói: “Bên trong ngã có thể tánh gì, có sắc tướng gì, mà

nói thường hằng không biến đổi?”.

Phải nên chân chánh trụ rõ biết hết thấy loại tướng vấn nạn như vậy. Ở nơi năm vấn nạn đây, tùy theo thứ lớp mà giải thích. Tức là ở nơi vấn nạn không rõ nghĩa, hiển dạy phương tiện. Ở nơi vấn nạn lời mâu thuẫn, hiển dạy ý hướng tùy thuận lãnh hội thông đạt. Như ở nơi vấn nạn lời mâu thuẫn, hiển dạy ý hướng tùy thuận lãnh hội thông đạt, thì ở nơi vấn nạn không quyết định, ở nơi vấn nạn rốt ráo không hiện thấy nên biết cũng vậy. Ở nơi vấn nạn đạo lý mâu thuẫn, hoặc dùng giáo khác mà xác quyết, hoặc lại hiển dạy bốn chủng đạo lý, hoặc lại hiển dạy nhân quả tương ưng, tức lời đây là tăng ích cho quả, hoặc là tăng ích cho nhân.

Lại ở nơi giải thích vấn nạn phải thiết lập bốn cách trả lời: 1. Trả lời một hướng, tức là có người như lý đến hỏi thì kiến lập tánh tướng các pháp không diên đảo; 2. Trả lời có sự phân biệt, tức là có người như lý hoặc không như lý đến hỏi, thì tùy đó mà khai thị tánh tướng các pháp sai biệt; 3. Trả lời bằng cách hỏi trở lại, tức là khiến kẻ hy luận kia tự biết mình có lỗi; 4. Trả lời bằng

cách yên lặng.

Có bốn nhân duyên trả lời bằng cách yên lặng, đó là vì không có thể tánh, vì thắm sâu, tướng đây đã thuyết như trong phần *Tư sở thành địa*. Lại như có người hỏi “Như Lai diệt rồi về sau hoặc có, hoặc không...”, đây ở nơi sở hữu lý thú thế tục và thắng nghĩa để đều không nên trả lời, nên gọi là trả lời bằng cách yên lặng. Trong đây, Như Lai lược chung thắng nghĩa để là tánh “chẳng phải có”, cho nên không thể trả lời. Lược chung thế tục để, vì có đạo sở y và năng y trái nhau, nên quả kia vĩnh viễn đoạn trừ, vì kia không thành thật, cũng không thể trả lời: “Như Lai diệt rồi về sau hoặc có, hoặc không...”.

5. Thứ lớp lược có 3 chủng: 1. Thứ lớp viên mãn; 2. Thứ lớp giải thích; 3. Thứ lớp năng thành.

Vì muốn hiển thị ba thứ lớp đây nên lược dẫn bằng Thánh giáo. Như Thế Tôn nói: “Ta xưa xuất gia rất hy hữu kỳ đặc, hy hữu kỳ đặc bậc nhất, hy hữu kỳ đặc tột cùng”, lời đây hiển thị thứ lớp viên mãn hy hữu kỳ đặc. Lại nói rằng: “Ta từng ở trong cung, vua cha là Tịnh Phạn, dung nhan đoan chánh

cho đến nói rộng”, lời đây hiển thị thứ lớp giải thích hy hữu kỳ đặc. Lại nói rằng: “Vì nghĩa gì mà xuất gia hy hữu kỳ đặc? Do thấy pháp sanh, lão, bệnh, tử..”, lời đây hiển thị thứ lớp năng thành hy hữu kỳ đặc.

Lại trong kinh lược thuyết các pháp, như nói ba thọ là thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Hết thấy loại như vậy chỉ hiển thứ lớp viên mãn. Các cú còn lại bổ sung đầy đủ cho thọ đây, nên gọi là viên mãn. Như thọ thì bốn đế cũng vậy, tức trước thuyết một cú, về sau thuận theo đó tuyên thuyết thứ lớp. Thứ lớp năng thành lại có hai chủng: hoặc lấy cú trước thành lập cú sau, hoặc lấy cú sau thành lập cú trước. Thứ lớp giải thích nên biết cũng vậy.

Sao gọi là **thầy**? Thành tựu mười pháp gọi là vị thầy thuyết pháp viên mãn các tướng:

1. Khéo ở nơi pháp nghĩa, tức là ở nơi sáu chủng pháp và mười chủng nghĩa, khéo thông hiểu phân biệt.

2. Năng tuyên thuyết rộng, tức là đa văn, trì văn, tích tập văn.

3. Đầy đủ vô úy, tức là ở trong đại chúng thù thắng như Sát-đế-lợi... tuyên thuyết chánh pháp không khiếp sợ. Lại nhân đây âm thanh thuyết pháp không khàn, nách không chảy mồ hôi, không quên mất nhớ nghĩ.

4. Ngôn từ thiện xảo, tức là lời nói khéo léo đầy đủ, thành tựu tám chi, thuyết pháp giữa chúng phát lời ngôn từ rõ ràng. Lời khéo léo đầy đủ tức là văn câu tương ưng trợ bạn... cho đến nói rộng. Thành tựu tám chi tức là lời nói đầu tiên, lời nói mỹ diệu... cho đến nói rộng.

5. Phương tiện thiện thuyết, tức là dùng 20 chủng phương tiện thiện xảo tuyên thuyết chánh pháp, như dụng thời ân trọng...

6. Thành tựu đầy đủ tùy pháp hành pháp, tức là không chỉ lấy lắng nghe cho là rốt ráo, phải ở nơi điều đã thuyết mà thực hành.

7. Đầy đủ oai nghi, tức là khi thuyết pháp, tay chân không loạn, đầu không động lay, mặt không biến sắc, mũi không đổi khác, đi đứng qua lại uy nghi đĩnh đạc.

8. Tinh tấn dũng mãnh, tức là ở nơi pháp chưa nghe thường vui lắng nghe, nơi pháp đã nghe khiến

triển chuyển sáng tịnh; không xả Du-già, không xả tác ý, tâm không xả lìa nội Xa-ma-tha.

9. Không nhàm mỏi vì bốn chúng rộng tuyên diệu pháp, thân tâm không mệt mỏi.

10. Đầy đủ lực an nhẫn, tức là bị kẻ khác mắng chửi trợn không phản trả oán giận, bị khinh miệt không sanh ưu não hận hiềm, cho đến nói rộng.

Sao gọi là **thuyết, chúng**? Ở nơi năm chúng, dụng tám chủng lời nói để tuyên thuyết. Những gì là tám? 1. Lời nói khiến hỷ lạc; 2. Lời nói khéo khai sáng dẫn phát; 3. Lời nói khéo giải thích vấn nạn; 4. Lời nói khéo phân tích; 5. Lời nói khéo tùy thuận khiến dẫn nhập; 6. Lời nói khéo dẫn chứng khác nhau; 7. Lời nói biện tài thù thắng; 8. Lời nói nương theo tông.

Năm chúng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng tịnh tín; 4. Chúng tà ác; 5. Chúng trung gian.

Lời nói khiến hỷ lạc nên biết có năm tướng: 1. Có nhân chứng; 2. Có thí dụ; 3. Lời đầy đủ viên mãn; 4. Văn câu mỹ diệu; 5. Ngôn từ hiển rõ.

Lời khéo khai sáng dẫn phát: khai sáng nghĩa ẩn kín thâm sâu khiến hiển rõ ràng, biện biệt hiển rõ nghĩa thô khiến hiểu nghĩa thâm sâu.

Lời nói khéo giải thích vấn nạn: thành tựu lời nói khéo léo khiến lìa năm chủng vấn nạn.

Lời nói khéo phân tích: ở nơi mỗi một pháp khiến tăng một đạo lý, cho đến phân chia làm mười chủng, hoặc lại hơn đây. Như nói nương ba pháp, hoặc nương bốn niệm trụ, cho đến nói rộng.

Lời nói khéo tùy thuận khiến dẫn nhập: chỉ khéo giải thích hiển hiện pháp Khế kinh, Ứng tụng... trọn chẳng dẫn tà luận ngoại đạo khác.

Lời nói khéo dẫn chứng khác nhau: tức là dẫn chứng kinh khác để thành lập sở thuyết.

Lời nói biện tài thù thắng: theo điều mình đã lãnh thọ mà khéo phân biệt nghĩa.

Lời nói nương theo tông: nương Ma-đát-lý-ca mà phân biệt hiển thị, hoặc nương sở thuyết ngôn giáo không điên đảo của người, như lý giải thích.

Lại nữa, đối với chúng tại gia, hiện tại thuyết chánh pháp cần xưng khen các thiện hạnh, hủy chê các ác hạnh, vì khiến kia dừng nghỉ và tiến tu. Đối với chúng xuất gia, hiện tại thuyết chánh pháp

cần nương ba học là tăng thượng giới... vì khiến kia nhanh chóng hân lạc. Đối với chúng tịnh tín, hiện tại thuyết chánh pháp cần nương uy đức rộng lớn của Thánh giáo, khiến kia tăng trưởng bội phần. Đối với chúng tà ác, khiến kia sanh tín. Đối với chúng trung gian, khiến kia sanh tịnh tín.



Quyển 82

PHẦN NHIẾP THÍCH

Phẩm hạ

Sao gọi là **thính** (lắng nghe)? Người thuyết chánh pháp như vậy khi thuyết pháp phải an xú người, khiến người an trụ cung kính lắng nghe không diên đảo. Sao gọi là an xú? Hoặc do một nhân, hoặc cho đến mười nhân.

Một nhân: vì cung kính nghe pháp, hiện tiền năng chứng lợi ích an lạc. Trong đây tác bốn câu: hoặc có lợi ích chẳng phải an lạc... như đã thuyết trong *Bồ-tát địa phần* “Truyền pháp”.

Hai nhân: vì khéo kiến lập tất cả pháp, vì khéo kiến lập tức là lìa các lỗi lầm, vì đầy đủ nghĩa rộng lớn. Lại vì người thuyết, người nghe nhọc công thiết lập mà có kết quả thù thắng. Nếu chẳng vậy, người năng thuyết, kẻ năng nghe bỏ phí nghiệp mình, hư ổng nhọc công thiết lập mà không có kết quả.

Ba nhân: vì cung kính nghe pháp năng khiến

chúng sanh xả bỏ đường ác, vì sanh đường thiện, vì nhanh chóng dẫn nhiếp nhân Niết-bàn. Ba việc đây cần yếu do cung kính lắng nghe mới được thành tựu.

Bốn nhân: 1. Cung kính lắng nghe pháp năng khéo liễu đạt pháp Khế kinh...; 2. Chánh pháp như vậy năng khiến chúng sanh xả các bất thiện, thâm nhiếp lãnh thọ các thiện; nếu người khéo nghe sẽ năng tinh cần hoặc xả lìa, hoặc lãnh thọ; 3. Vì xả thọ, nên xa lìa nhân ác là chỗ chiêu cảm khổ về sau; 4. Vì lãnh thọ đây khéo xả lìa nhân ác, nhanh chóng chứng đắc Niết-bàn.

Năm nhân: là chánh pháp mà chư Phật Thế Tôn sở thuyết có nhân duyên, có xuất ly, có nương tựa thú hưởng, có đồng mãn, có thần biến. Các cú như vậy như phần *Nhiếp dị môn* đã rộng phân biệt.

Lại có năm nhân: “Ta phải nghe điều chưa từng nghe. Ta lắng nghe rồi tìm hiểu nghiên cứu. Ta phải đoạn trừ lưới nghi. Ta phải vất bỏ các kiến. Ta phải dùng tuệ thông đạt tất cả cú nghĩa thâm sâu”. Chư Phật Thế Tôn thuyết năm chủng đây, phương tiện hiển ba thánh tuệ thanh tịnh do văn, tư, tu mà thành tựu. Hai chủng đầu hiển tuệ

do văn mà thành tựu; hai chủng kế hiển tuệ do tư mà thành tựu; một chủng sau hiển tuệ do tu mà thành tựu.

Sáu nhân: 1. Vì muốn cung kính báo ân đức Đại sư, như tác nghị: “Phật Thế Tôn vì chúng ta nên hành vô lượng khổ hạnh khó hành mà cầu được pháp đây. Cớ sao ta nay không lắng nghe?”; 2. Quán nghĩa tự lợi, như “Chánh pháp Phật hiển hiện nghĩa lợi”; 3. Rốt ráo năng lìa tất cả nhiệt nã; 4. Khéo thuận chánh oai nghi quý tặc; 5. Dễ có thể rõ thấy; 6. Những người thông tuệ bên trong tự chứng biết.

Bảy nhân: “Ta phải tu tập bảy chủng; chánh pháp. Ta phải biết pháp biết nghĩa... cho đến muốn biết thứ lớp Bồ-đặc-già-la sai biệt”.

Tám nhân: 1. Vì pháp Phật dễ được cho đến vì Chiên-đà-la mà khai thị; 2. Vì dễ năng tu học, lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều tu được; 3. Vì dẫn phát nghĩa lợi, là năng dẫn phát quả sanh tăng thượng, quả quyết định thù thắng; 4. Vì phần đầu thiện; 5. Vì phần giữa thiện; 6. Vì phần sau thiện; 7. Vì hiện tại cảm quả an lạc; 8. Vì dẫn quả an lạc về sau.

Chín nhân: vì năng giải thoát 9 sự bức bách

của thế gian: 1. Năng vượt khỏi ngục lớn sanh tử; 2. Vĩnh viễn đoạn trừ ngục trời buộc kiên cố của tham...; 3. Xả bỏ bảy pháp tài nghèo cùng, kiến lập bảy pháp tài giàu có; 4. Nghe chánh pháp khiến vượt qua thiện hạnh yếu kém, nghe chánh pháp khiến kiến lập thiện hạnh sung mãn; 5. Diệt vô minh tối tăm, khởi trí tuệ minh; 6. Vượt thoát khỏi bốn bạo lưu, tiến đến bờ Niết-bàn; 7. Rốt ráo năng trị bệnh phiền não; 8. Giải thoát tất cả lưới tham ái; 9. Năng vượt thoát rừng rậm đồng hoang sanh tử bao đời. Trong các lao ngục, lao ngục sanh tử là bậc nhất, cho nên thuyết trước.

Mười nhân: 1. Cung kính nghe pháp được lực tư trạch, do đây năng lãnh thọ, năng nghe pháp được lợi ích thù thắng. Như pháp cầu tài vật không dụng phi pháp, lúc thọ dụng thấy sâu quá hoạn; 2. Khéo biết ra khỏi xa lìa. Như tài sản bị hao tán cũng không ưu không buồn, không than oán, cho đến nói rộng; hoặc quyến thuộc chia ly hoại diệt, hoặc gặp bệnh khổ cũng không bi thán, không sầu não, cho đến nói rộng; 3. Thấy sâu lỗi lầm tai hoạn của các dục và thấy công đức xuất ly thù thắng hơn, nên thanh tịnh xuất gia, xả ly tham trước ngoại cụ thượng diệu, cho đến năng chứng các tính

lự vi diệu; 4. Cung kính nghe pháp, thực hành, nhanh chóng chứng nhập các pháp duyên khởi rộng lớn, thâm sâu, tương tự thâm sâu. Lại năng dẫn phát các thiện căn hoan hỷ xuất ly rộng lớn. Như Thế Tôn thuyết: “Thánh đệ tử của Ta chuyên tâm chuyên chú lắng nghe chánh pháp, năng đoạn năm pháp, năng tu bảy pháp, nhanh chóng viên mãn”; 5. Các Thánh đệ tử cung kính nghe pháp, chỗ có tập pháp đều thành diệt pháp; 6. Đã thông hiểu chánh pháp, nhanh chóng xa trần lìa cấu, ở trong các pháp sanh chánh pháp nhãn; 7. Năng dẫn nhiếp tư lương thù thắng chứng quả Dự lưu, cho đến chứng đắc quả A-la-hán, cũng năng dẫn nhiếp tư lương tối thắng quả A-la-hán; 8. Năng dẫn nhiếp tư lương Độc giác; 9. Năng dẫn nhiếp tư lương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 10. Năng dẫn tất cả giải thoát tinh lự, đẳng trì, đẳng chí thế gian xuất thế gian.

Sao gọi là **lược tán thán** và **rộng tán thán Phật**? Vị thầy thuyết pháp khi sắp xiển dương chánh pháp, trước phải tán thán ân đức chư Phật. Có 2 chủng tán thán: 1. **Lược**; 2. **Rộng**.

- **Lược tán thán Phật** nên biết có 5 chủng tướng: 1. Diệu sắc; 2. Tịch tĩnh; 3. Thắng trí; 4. Chánh hạnh; 5. Uy đức.

Diệu sắc: ba mươi hai tướng Đại trượng phu và tám mươi tùy hảo.

Tịch tĩnh: năng khéo mật hộ các căn môn... và năng nhỏ sạch phiền não tập khí.

Thắng trí: đối với pháp đời quá khứ, vị lai, hiện tại và pháp không thuộc đời đều không bị trệ ngại, cũng không đắm trước.

Chánh hạnh: viên mãn chánh hạnh tự lợi, lợi tha.

Uy đức: du hý thân thông của chư Như Lai.

Lại có 6 chủng lược tán thán Như Lai: vì công đức viên mãn, vì lìa cấu nhiễm, vì không uế trước, vì không gì sánh được, vì chỉ lấy việc lợi ích hữu tình làm sự nghiệp, vì ở nơi nghiệp dụng đây có khả năng kham nhiệm. Tất cả tướng đây đã rộng phân biệt trong phần *Nhiếp quyết trạch*.

- **Rộng tán thán Phật**: chư Phật Thế Tôn có vô biên danh xưng, vì đức vô lượng; năng thí quang minh, vì phát trí minh; năng trừ hắc ám, vì vĩnh viễn diệt trừ tối tăm vô trí; thành tựu mắt sáng, vì

đầy đủ ba mắt; kiến thắng nghĩa đế, vì rõ biết các thánh đế không gì sánh; thành tựu cấm giới, vì viên mãn giới, vì sẵn đủ giới. Như vậy, bậc Lương Túc Trung Tôn là tối thắng tối thượng trong các điều ngự, là tối cực thù thắng vì diệu trong chúng Sa-môn, là trân bảo khó được trong các thế gian. Như vậy là bậc ai mãn, là bậc đại bi, là bậc vui vì nghĩa, là bậc mong đem đến lợi ích, là bậc thương bi mãn. Như vậy là mắt, là trí, là nghĩa, là pháp, năng khéo quyết định ở nơi nghĩa sáng tỏ, phạm có sở tác đều nương nơi nghĩa. Như vậy năng chứng tất cả nghĩa chưa chứng, vì trước từng chứng tám Thánh đạo chi, vì tự nhiên chứng; khéo răn chế lập điều chưa từng lập, vì phạm hạnh thù thắng. Như vậy là bậc thấu biết trung đạo, là bậc chứng đạo, là bậc dạy đạo, là bậc thuyết đạo, là bậc dẫn đạo. Như vậy là Sư tử trong loài người, vì lìa bố úy; là Trâu chúa trong loài người, vì lãnh đạo đại chúng; là Cai quản trong loài người, vì thượng thủ trong chúng; là Long vương trong người, vì không mê lầm; là Ngựa lành trong người, vì tâm khéo điều hòa; là Tối thắng trong người, vì dòng dõi gia tộc chiếu sáng trong loài người...; là Tối thượng trong loài người, vì chánh hạnh, giới, trí, uy đức... thù

thắng chiếu sáng trong chúng người; là Hoa sen trong người, vì tám pháp thế gian không thể nhiễm. Như vậy là bậc vô đẳng, vì không gì so sánh được; là bậc vô vô đẳng, vì hết thấy quá khứ vị lại hiện tại không ai sánh được; là bậc tối đệ nhất, vì tối thượng trong các hữu tình; là bậc Đại tiên vương, vì đầy đủ giới, trường thời tích tập phạm hạnh thù thắng, vì xưa chứng đạo đại tiên; là bậc cực tối thắng, vì năng đắc thắng hết thấy ma phiền não, các ngoại đạo; là bậc Đại Mâu-Ni, vì không có hết thấy trạo cử kiêu mạn... vì tương ứng đầy đủ cùng ba tịch tĩnh; là bậc không thể dẫn đoạt, vì tất cả sanh... và các dị luận chẳng thể dẫn đoạt; là bậc tám gọi thiện, vì vĩnh viễn xa lìa tất cả các pháp ác; là bậc đến bờ kia, vì siêu vượt tất cả hữu thân. Như vậy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến nói rộng là Bạc-Già-Phạm. Như vậy là bậc bạch pháp viên mãn nhất thiết trí, vì làm chủ tất cả pháp, không quên mất pháp, vì kiên định thù thắng bậc nhất trong các hữu tình, ở nơi tất cả khổ lạc mà tâm không nhiễm. Là bậc khéo điều phục, vì khéo mật hộ căn môn viên mãn. Là bậc tịch tĩnh, vì khéo thọ trì giới viên mãn. Là bậc an ẩn, vì đã nhập Quyết định địa. Là bậc Bát-niết-bàn, vì đã

chứng Bồ-đề. Là bậc nhỏ mũi tên độc, vì nhổ mũi tên ái; vì điều phục kẻ chưa điều phục, tịch tĩnh kẻ chưa tịch tĩnh như trước đã thuyết; vì an ủi vô về tất cả kẻ chưa an ổn, khéo năng an lập các dị sanh... khiến chứng quả Dự lưu, Nhất lai; vì tịch diệt tất cả kẻ chưa tịch diệt, khéo năng kiến lập trụ quả thứ nhất, quả thứ hai, khiến chứng quả Bất hoàn, cùng quả A-la-hán. Là bậc không gông cùm, là bậc ra khỏi hầm lửa, là bậc vượt qua hầm sâu, là bậc dứt các mong cầu, là bậc không bị khuynh động, là bậc bẻ gãy cờ kiêu mạn, là bậc đại thường trụ. Như vậy như A-la-hán vĩnh viễn tận các lậu như trước nói rộng, cho đến tận trừ các hữu kiết. Như vậy vĩnh viễn đoạn năm chi, thành tựu sáu chi, nói rộng cho đến tích tập thuần thiện. trượng phu tối thượng. Như vậy là bậc khéo biết pháp, cho đến là bậc khéo biết bố-đặc-già-la có thứ lớp sai khác. Như vậy là bậc đại Sa-môn, bậc đại Bà-la-môn, là bậc lìa cấu, vì đoạn phiền não chướng; là bậc vô cấu, vì đoạn sở tri chướng, vì nhổ hẳn tập khí; là bậc lương y, thương chủ; là bậc thắng quán, vì ngày đêm sáu thời thường quán sát thế gian, là chỗ nương của thế gian, là chỗ chúng sanh tôn trọng. Như vậy là bậc tất cả chúng thiện thanh

tịnh; là bậc tướng Đại trượng phu và tùy hảo trang nghiêm nơi thân; là bậc đại lực, vì đầy đủ mười lực; là bậc vô sở úy, vì đầy đủ bốn vô úy; là bậc đại bi, vì trường thời tích tập trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới năng chứng đắc, vì nương duyên tất cả hữu tình, vì duyên tất cả chúng khổ làm cảnh giới, vì ở nơi tất cả tổn não, biến đổi, lợi dưỡng của các chúng sanh mà không động chuyển, vì đối với các hữu tình bình đẳng chuyển; là bậc ở nơi ba niệm trụ khéo trụ nhớ nghĩ; là bậc thành tựu ba chủng pháp bất hộ; là bậc không quên mất pháp, vĩnh viễn hại diệt tất cả tập khí, đầy đủ tất cả chúng trí vi diệu.

Lại nữa, trong đây các vị thầy thuyết pháp nên an lập giải thích tướng pháp kinh như sau: trước nên tìm hiểu hoặc văn hoặc nghĩa, kế lại vì người giải thích tùy chuyển theo năm chủng “thích” như trước đã thuyết, giải thích đạo lý chánh pháp được tuyên thuyết. Lại nên như vậy mà an lập tự thân, như các tướng người thuyết pháp đã thuyết ở trước, tức là khéo viên mãn hết bảy mươi chủng pháp nghĩa. Lại tự an lập rồi, phát khởi lời thuyết thuộc phẩm loại như vậy, ở nơi năm đại chúng, dùng tám chủng ngôn từ rất hỷ lạc vì chúng thuyết

pháp. Lại an đặt người khiến trụ cung kính nghe pháp không điên đảo. Lại trước nên xưng khen công đức Đại sư. Nếu có người đầy đủ năm phần thuyết chánh pháp như vậy, nên biết giống như năm phần âm lạc, năng khiến mình người sanh hỷ lạc rộng lớn, lại năng dẫn phát lợi ích mình, người.

Nếu năng khéo tu học như vậy nên biết đầy đủ 5 chủng thù thắng lợi ích: 1. Đối với nghĩa mà Phật thuyết, hiểu rõ chẳng khó; 2. Năng khéo thuyết các pháp tướng viên mãn; 3. Năng khéo khởi phát khiến mình người tương tục hỷ lạc rộng lớn; 4. Năng dẫn thiện xuất ly, cho đến khắp cả trời người đều xưng khen; 5. Năng sanh khởi vô lượng công đức.

Lại nữa, như trong kinh thuyết về **Trụ học thắng lợi**, nên biết kinh đây văn, nghĩa là *thể*.

Văn: Trong kinh nói: “Bí-sô các ông phải nên an trụ tu học thắng lợi”. Trong đây có mười hai chữ, bốn danh và một cú. Như vậy nhiếp lấy danh thân, cú thân và chữ thân. Trong đây nói thuyết tương ưng tương học xứ thì nhiếp thuộc “hành tướng”. Gốc xuất phát sở thuyết của Như Lai là do Bí-sô thỉnh vấn, thì nhiếp thuộc “cơ thỉnh”. Ngôn âm sở

thuyết của Như Lai thì nhiếp thuộc “lời”. Vậy nên kinh đây một cú nhiếp đủ sáu văn. Như vậy tuệ làm thượng thủ... trong tất cả các cú, tùy theo tướng đều phải rõ biết.

Nghĩa: ở trong nghĩa “địa” đây chỉ cần thuyết Thanh văn địa, hoặc đủ năm địa. Kinh nói: học thắng lợi là tư lương địa; tuệ làm thượng thủ là gia hạnh địa; giải thoát kiên cố và niệm làm tăng thượng là kiến địa, tu địa và cứu cánh địa. Đây gọi là nghĩa địa.

Trong nghĩa “tướng”, thì “học thắng lợi” là tự tướng giới. Tuệ làm thượng thủ thì đầy đủ hai chủng tướng, đó là ở trong tuệ có sở y, sở duyên, trợ bạn... duy chỉ có tự thể tuệ là tự tướng tuệ; sở y, sở duyên, trợ bạn của tuệ là cộng tướng. Giải thoát kiên cố tức lìa hẳn tất cả phiền não thô trọng là tự tướng giải thoát. Niệm làm tăng thượng là tự tướng niệm. Đây gọi là nghĩa tướng.

Trong nghĩa “tác ý”, thì “học thắng lợi” chẳng phải các tác ý, chỉ hiển nơi chốn kiến lập tác ý. Tuệ làm thượng thủ, đây hiển thị tác ý liễu tướng, tác ý thắng giải. Giải thoát kiên cố, đây hiển thị tác ý viễn ly, tác ý nhiếp lạc, tác ý gia hạnh cứu cánh và tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Niệm làm

tăng thượng, đây hiển tác ý quán sát. Đây gọi là nghĩa tác ý. Do đạo lý đây, ở trong trí, biến tri... nên tùy theo đó mà kiến lập.

Trong nghĩa “nương”, nương học xứ Niết-bàn nhiếp lấy hành thanh tịnh, tùy chỗ thích hợp mà khởi dạy dẫn... chỗ gọi từ dạy dẫn cho đến vui mừng. Nên biết trong đây cũng thông cả hành thiện... nhưng thù thắng hơn cả thì chỉ cần thuyết hành thanh tịnh. Bồ-đặc-già-la xuất gia. thuộc “nương bồ-đặc-già-la”. Lại tất cả bồ-đặc-già-la nương căn yếu kém... nên biết “vui mừng”. Lại ở thời quá khứ, hiện tại nên biết đã chứng đắc, đang chứng đắc, phát khởi “vui mừng”. Ở thời hiện tại phát khởi “chỉ dạy”. Ở thời vị lai phát khởi “dạy dẫn” và “khích lệ sách tấn”. Đây gọi là nghĩa nương.

Trong nghĩa “thắng lợi”, thì tu ba học nhanh chóng được viên mãn là nghĩa thắng lợi.

Trong nghĩa “quá hoạn”, thì người xuất gia không được hành hạnh khác lạ, không được tích chứa tài vật dư thừa.

Trong nghĩa “sở trị, năng trị”, tức là phiền não, vô trí, hủy phạm giới và quên mất chánh niệm. Nên biết phòng hộ giới... tức là nghĩa năng trị. Lại tất cả hành tạp nhiễm đều là sở trị. Hành

ba học... đều là năng trị.

Trong nghĩa “lược, rộng”, trụ học thắng lợi cho đến niệm làm tăng thượng. Đây lược nêu cử tông gọi là nghĩa lược. Nên biết phân biệt đây gọi là nghĩa rộng. Đây gọi là nghĩa lược, rộng. Ngoài đây ra trọn không có hoặc quá hoặc hơn.

Trong phần *Thích* như trước thuyết bao gồm 5 chủng: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Giải thích vấn nạn; 5. Thứ lớp.

1. Pháp: Tức là ở mười hai phần giáo. Nên biết đây nhiếp vào Khế kinh, cũng nhiếp vào Ký biệt, vì liễu nghĩa vậy.

2. Đẳng khởi: Phải thuyết *chỗ nương*, vì muốn tự hiển vào khắp hành trí lực mà phát khởi kinh đây. Lại vì hiển thị người tinh cần tu tập hạnh thanh tịnh, cũng vì hiển thị giáo hóa hữu tình coi trọng của cải danh lợi khiến kia tín hiểu, nương theo trụ học thắng lợi... mà tinh tấn tu tập, nhanh chóng đắc viên mãn ba học thắng lợi. Lại vì hiển thị bốn chủng thể Bí-sô. Trong đây, kinh nói “Học thắng lợi” vì khiến Bí-sô thể xa lìa chủng tánh hình tướng, vì khiến Bí-sô thể mật hộ oai nghi, xa lìa đối hiện quý tặc; “Tuệ làm thượng thủ” vì khiến Bí-sô thể xa lìa chấp trước danh xưng khen tặng hư

vọng; “Giải thoát kiên cố và niệ làm tăng thượng” vì khích lệ khiến Bí-sô thể tu tập chánh hạnh chân thật. Vì sao như thế? Nếu người vui thích tiếng tằm khen tặng, tuy tự gắng sức khích lệ nghe thọ chánh pháp mà tuệ không tăng trưởng. Nếu xa lìa lỗi lầm đã nói trước, liền ở trong chánh hạnh chân thật nhiếp thọ giải thoát chân chánh, kham nhiệm sự khích lệ dẫn dắt. Lại nếu người cải sanh vui đủ với chút phần hạ liệt, thì khích lệ kia khiến lần hồi tu học thắng tiến. Nếu người vui truy tìm văn chương chú thuật thuận theo thế gian, giới chậm chạp, thì vì kia thuyết học thắng lợi. Nếu người giữ gìn Thi-la, xả đa văn, thì thuyết tuệ làm thượng thủ. Nếu người chỉ ở văn, tư mà sanh vui đủ, thì thuyết giải thoát kiên cố. Nếu người ở nơi giới, tuệ giải thoát khỏi tăng thượng mạn, thì thuyết niệ làm tăng thượng. Hết thấy loại như vậy gọi là Đẳng khởi.

3. Nghĩa: Trong nghĩa chung, kinh đây tuyên thuyết chánh hạnh và quả chánh hạnh. Hết thấy ba học giới như vậy gọi là giới hạn của học. Lại nói người trụ ba học như vậy, đây hiển phương tiện chân chánh nhiếp lấy bốn chủng Du-già. Lại nói người trụ ba học như vậy, đây hiển thị quả chánh

hạnh. Trong đây tin muốn làm tiền dẫn, sau nhiếp thọ Thi-la, lắng nghe lãnh thọ tinh tấn, lấy tuệ... làm phương tiện.

Trong nghĩa riêng của “học”, chỗ nói danh sai khác: là siêng năng tinh tấn hoặc tu, hoặc tập, thực hành như thánh giáo.

Tự tánh: khéo hiện hành chánh mạng, thanh tịnh thân ngữ.

Ngôn từ huấn dạy giải thích (huấn từ): do chánh hành giới nhĩn nhục... tu tập hiển phát, gọi là học. Lại vì tịch tĩnh, cũng là thanh lương, tinh tấn diệt trừ thói quen, gọi là học. Lại như ngôn từ huấn dạy trước do năm chủng phương tiện là tướng, tự tánh, nghiệp, pháp và nhân quả, tùy thứ lớp như vậy mà giải thích.

Nghĩa môn sai biệt: do 5 tướng, đó là tự tánh sai biệt, cõi giới sai biệt, thời sai biệt, vị sai biệt và bổ-đặc-già-la sai biệt. Nay sẽ giải thích.

- Tự tánh sai biệt: là học thắng lợi, là chỗ hiển thị bảy phẩm giới, hoặc 250 học xứ, hoặc hơn đây.

- Cõi giới sai biệt: trong Dục hành có luật nghi Biệt giải thoát; trong Sắc, Vô sắc hành có luật nghi tinh lự và luật nghi vô lậu không hệ

thuộc giới.

- Thời sai biệt: ở nơi học thắng lợi, quá khứ đã học, vị lai sẽ học, hiện tại đang học. Học thắng lợi đây ở quá khứ, vị lai, hiện tại bình đẳng không khác.

- Vị sai biệt: các học thắng lợi của bồ-đặc-già-la đã nhập chánh pháp, thì người chưa thành thực là vị hạ, người đang thành thực là vị trung, người đã thành thực là vị thượng. Nếu người tâm không hỷ lạc mà khích lệ tu tập các phạm hạnh, thì học thắng lợi đây là vị khổ. Nếu người tâm hỷ lạc, chẳng cần khích lệ mà tự tu phạm hạnh, thì học thắng lợi đây là vị lạc. Nếu ở nơi phạm hạnh, không hỷ lạc không phải không hỷ lạc, thì học thắng lợi đây là vị không khổ không lạc. Lại học thắng lợi đều là vị thiện, không phải vị bất thiện, không phải vị vô ký. Nếu người nghe thọ đầy, gọi là vị văn. Nếu người tư duy đây, gọi là vị tư. Nếu người tu tập đây, gọi là vị tu. Nếu người chưa chứng đắc tăng thượng tâm, tuệ, chỉ là vị tăng thượng giới. Nếu người đã chứng đắc, là hai vị tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ. Hết thấy loại như vậy là vị sai biệt.

- Bồ-đặc-già-la sai biệt: trong đây ý nói bồ-

đặc-già-la xuất gia, hoặc là độn căn, hoặc là lợi căn, hoặc hành tham... hoặc hành đẳng phần, hoặc hành mông trần. Đây chỉ là Thanh văn, không phải các Độc giác, không phải chư Bồ-tát. Do Độc giác kia riêng tự mình giác ngộ, còn Bồ-tát là giải thoát kiên cố, cho nên không thuyết chung trụ tu học thắng lợi với Thanh văn. Lại trong đây chỉ thuyết người lấy Bát-niết-bàn làm pháp, người đã nhập chánh pháp, người không có chướng ngại, người cũng đủ phước, người chẳng đủ phước, người chẳng phải không phước, chỉ là người, chẳng phải trời. Hết thấy loại như vậy gọi là bổ-đặc-già-la sai biệt.

Như ở nơi học thắng lợi, thì ở nơi tuệ làm thượng thủ, ở nơi tánh giải thoát kiên cố, ở nơi tánh niệm làm tăng thượng, tùy chỗ thích hợp nên biết đều có năm chủng sai biệt như vậy.

Trong đây nghĩa riêng của “thắng lợi”, danh sai khác là công đức tăng tiến viên mãn. Tự tánh: như thuyết nên quán mười chủng thắng lợi. Huấn từ: vì pháp đây năng nhiều ích nên được tán thán, gọi là thắng lợi. Lại pháp đây hữu tình theo đó sanh khởi quyết định nên triển chuyển thực hành, gọi là thắng lợi. Lại pháp đây tùy theo đó được

xung khen, gọi là thắng lợi. Môn sai biệt: nên biết có mười chủng sai biệt, đó là năng nhiếp thọ đối với Tăng, khiến Tăng tinh cần chân thật cho đến nói rộng.

Trong đây nghĩa riêng của “Bí-sô”, danh sai khác là Sa-môn xả ly pháp gia đình, hướng đến đời sống không nhà. Tự tánh: là các hạnh đồng phạm với “đầy đủ luật nghi Biệt giải thoát”. Huấn từ: vì nương nơi hình sắc mà phát siêng tinh tấn, hãi sợ đường ác, tự mình phòng hộ giữ gìn, vì nhiếp lấy không tổn hại, gọi là Bí-sô. Môn sai biệt: vì Sát-đế-lợi... sai biệt, vì tộc trên tộc dưới sai biệt, vì già trẻ trung niên sai biệt.

Trong đây nghĩa riêng của “trụ”, danh sai khác là thời thời tinh siêng tu tập. Tự tánh: tức là lìa sở học đã thuyết thì không có pháp riêng. Huấn từ: tùy thời khắc nhiếp thọ chủng chủng oai nghi, nên gọi là trụ. Môn sai biệt: vì oai nghi sai biệt; vì sớm mai, giữa ngày và chiều sai biệt; vì ngày đêm sai biệt.

Trong đây nghĩa riêng của “tuệ”, danh sai khác là trí kiến minh hiện quán... Tự tánh: là chọn lựa pháp tướng, pháp sở hữu của tâm. Huấn từ: vì tánh chọn lựa, vì trị bệnh vô trí, gọi là tuệ; lại năng liễu tri mỗi mỗi phẩm khác nhau, gọi là tuệ; lại năng

hiển rõ các bậc thông tuệ là tánh thông tuệ, gọi là tuệ. Môn sai biệt: theo chỗ thích hợp mà an lập như trước.

Trong đây nghĩa riêng của “giải thoát”, danh sai khác là vĩnh viễn đoạn, lìa hệ buộc, thanh tịnh, diệt tận, ly dục... Tự tánh: vĩnh viễn hại thô trọng, vĩnh viễn đoạn phiền não. Huấn từ: năng giải thoát khỏi chủng chủng trói buộc của tham... gọi là giải thoát; lại Thế Tôn vì chủng chủng tịch mặc mà thuyết, lấy đây làm thể tánh tịch mặc, gọi là giải thoát. Môn sai biệt: gồm giải thoát đơi thời, giải thoát bất động, giải thoát kiến sở đoạn, giải thoát tu sở đoạn, giải thoát Dục hành, giải thoát Sắc hành, giải thoát Vô sắc hành. Hết thấy loại nghĩa môn sai biệt còn lại nên biết như trước.

Trong đây nghĩa riêng của “niệm”, danh sai khác là tâm sáng thông, nhớ biết rành rẽ không quên mất. Tự tánh: là pháp sở hữu của tâm. Huấn từ: quay lại nhớ nghĩ các pháp, nên gọi là niệm; lại tùy việc đã trải qua mà phát khởi nhớ nghĩ, do đây năng khiến ký ức sáng tỏ rành rẽ, nên gọi là niệm. Môn sai biệt: tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp... nói rộng cho đến sáu chủng tùy niệm. Theo thứ lớp nghĩa môn sai biệt như trước đã thuyết, nên biết

tùy chỗ thích hợp mà giải thích nói rộng.

4. Giải thích vấn nạn:

Hỏi: Trụ học thắng lợi có nghĩa gì?

Đáp: Thêm lời dây hiển thị ở nơi tăng thượng giới học thấy được công đức thù thắng của trụ.

Hỏi: Tuệ làm thượng thủ có nghĩa gì?

Đáp: Thêm lời dây hiển thị ở trong các căn, tuệ căn là bậc nhất.

Hỏi: Giải thoát kiên cố dây có nghĩa gì?

Đáp: Thêm lời dây hiển thị vĩnh viễn đoạn trừ phiền não kiến, tu sở đoạn.

Hỏi: Niệm làm tăng thượng có nghĩa gì?

Đáp: Thêm lời dây hiển thị không sanh vui đủ đối với chút phần chúng đắc thấp kém.

Hỏi: Ở trong kinh khác, Thế Tôn đã thuyết thứ lớp ba học khác với đây, cơ sao trong đây trước thuyết tăng thượng giới, sau thuyết tăng thượng tuệ mà chẳng phải tăng thượng tâm?

Đáp: Trong đây hiển thị “trụ học thắng lợi”. Do ngôn thuyết đây để hiển tuệ do văn... mà thành tựu nhiếp thọ không hồi hận, do đây dần dần đắc tam-ma-địa, tức là hiển thị tăng thượng tâm học. Như Thế Tôn thuyết: “Trong năm căn, căn năng thâm nhiếp lãnh thọ thù thắng nhất đối với những

điều được nhiếp thọ là tuệ căn”. Bởi lẽ các Bí-sô thành tựu tuệ căn cho đến năng tu định căn, như vậy cho đến thành tựu định căn, nên biết đều là lực của tuệ căn. Nay trong kinh đây, Thế Tôn hiển thị tuệ căn là nhân dẫn phát Tam-ma-địa, cùng nhân dẫn dứt đoạn trừ phiền não. Cho nên tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học đồng thời được nói đến.

Hỏi: Trong kinh khác thuyết tu tập ba học tiến đến viên mãn, có sao không thuyết tu tập tăng thượng tâm học tiến đến viên mãn?

Đáp: Như đã thuyết ở trước, nên biết trong đây đạo lý cũng vậy.

Hỏi: Có sao trong đây chỉ thuyết trụ học thắng lợi, không thuyết trụ tuệ thắng lợi, trụ giải thoát thắng lợi...?

Đáp: Đối với hữu tình ở trong thấp kém, nếu khuyến khích kia nắm giữ thọ trì thắng lợi, nên biết cũng tức là giáo hóa hữu tình ở trong thắng diệu khiến nhiếp thọ thắng lợi. Lại nhiếp thọ đối với Tăng, khiến Tăng tinh cần chân thật... có hết thấy mười chủng thắng lợi phân minh dễ hiểu, dễ có thể ngộ nhập. Vậy nên chỉ thuyết trụ học thắng lợi.

Hỏi: Người chưa giải thoát thì ở trong các pháp, giải thoát là thù thắng nhất. Nhân duyên nào chỉ thuyết trụ tuệ làm thượng thủ, mà không thuyết trụ giải thoát làm thượng thủ?

Đáp: Đối với hữu tình ở trong thấp kém, khuyến khích thọ trì tánh tuệ làm thượng thủ, nên biết cũng tức là giáo hóa hữu tình ở trong thắng diệu nhiếp thọ tánh tuệ làm thượng thủ. Lại vì ở nơi giải thoát hiển thị công đức bất cộng sai biệt. Những gì gọi là công đức bất cộng sai biệt? Đó là vì ở nơi vô thường, vô thượng tuệ giải thoát ở biên thường nên thật sự bền chắc.

Hỏi: Những gì gọi là trụ học thắng lợi?

Đáp: Như trong chỗ thi thiết các học xứ, quán mười thắng lợi, thường phòng hộ gìn giữ giới, kiên cố phòng hộ gìn giữ giới, thường thực hành, thường triển chuyển... Như vậy gọi là trụ học thắng lợi.

Hỏi: Các cú nhiếp thọ Tăng... có nghĩa thế nào?

Đáp: *Nhiếp thọ đối với Tăng* là cú chung. Khiến Tăng tinh cần chân thật, tức là khiến lìa biên thọ dụng dục lạc. Khiến Tăng an lạc, tức là khiến lìa biên thọ dụng tự khổ hạnh. Vì khiến nhiều người cứu trụ phạm hạnh, triển chuyển tăng trưởng rộng

lớn, cho đến vì các trời người khai thị con đường thiện chân chánh, tức khiến thánh giáo trường thời tương tục không đoạn dứt. Trong đây, người chưa tịnh tín khiến được tịnh tín, người chưa nhập chánh pháp khiến được nhập chánh pháp, người đã tịnh tín khiến được tăng trưởng, người đã nhập chánh pháp khiến được thành thực, người khó điều phục khiến điều phục, người phạm giới khiến khéo đỗi bỏ, người tầm quý khiến trụ an lạc, người trụ tịnh giới khiến không hối hận, người ngăn phòng lậu hiện pháp khiến thuận theo hàng phục phiền não triền, người hại diệt lậu hậu pháp khiến dứt bỏ tà nguyện, tu hành phạm hạnh, khiến tùy thuận vĩnh viễn đoạn tùy miên hoặc. Mười chủng thắng lợi như vậy được nhiếp làm ba, tức ba chủng đây khai triển rộng là mười. Những gì là ba? 1. Khiến Tăng an trụ không nhiễm ô; 2. Khiến Tăng an trụ an lạc; 3. Khiến thánh giáo Phật trường thời tùy chuyển. Trong đây do bảy chủng tùy phòng hộ hiển thị an trụ không nhiễm ô và an trụ an lạc. Bảy chủng tùy hộ: 1. Tùy hộ kính dưỡng; 2. Tùy hộ tự khổ hạnh; 3. Tùy hộ tiền của gia sản thiếu thốn; 4. Tùy hộ qua lại tiếp xúc lẫn nhau; 5. Tùy hộ tâm truy cầu biến đổi; 6. Tùy hộ phiền não triền; 7.

Tùy hộ tà nguyên. Một cú rớt sau hiển thị thánh giáo trường thời tùy chuyển.

Sao gọi là thường giữ gìn giới? Vì không xả bỏ học xứ.

Sao gọi là kiên cố giữ gìn giới? Vì không hủy phạm học xứ.

Sao gọi là thường thực hành? Vì không khuyết phạm học xứ.

Sao gọi là thường triển chuyển? Vì đã khuyết phạm, liền dừng dứt, trở lại thanh tịnh.

Sao gọi là thọ học học xứ? Vì thuận theo đây tu học đầy đủ các học xứ. Người hành như vậy thường giữ gìn Thi-la, kiên cố giữ gìn Thi-la; sau khi nghe chánh pháp, một mình ở chốn tịch tĩnh, buộc niệm tư duy, suy lường quán sát thẳm sâu. Vì muốn hướng đến cầu tăng thượng tâm, tuệ, nương văn, tư, tu khiến sanh diệu tuệ, năng chứng đắc giải thoát. Tánh giải thoát đây khiến không thối chuyển trong việc hành pháp, nên thuyết danh là kiên cố, là quả Thánh trí xuất thế gian. Lại hành giả đây do lực chánh niệm tự quán sát sâu: “Giới uẩn của ta có viên mãn chưa? Ta ở nơi các pháp có chánh tuệ thông đạt không? Ta ở nơi giải thoát khéo chứng chưa?”. Như vậy chỉ nương lực giữ gìn

chánh niệm, phát khởi tuệ làm thượng thủ, chứng đắc giải thoát kiên cố. Lại chánh niệm đây lược có ba chủng: hoặc nhân thuyết pháp, hoặc nương dạy trao, hoặc do quán sát nên làm, không nên làm.

Hỏi: Thế Tôn thuyết giới có vô lượng chủng, đó là giới việc thiện, giới Bí-sô, giới Cận trụ, giới tinh lự, giới đẳng trì, giới mà bậc Thánh yêu thích... Hết thấy giới như vậy, nay nương giới gì mà thuyết “Trụ học thắng lợi”?

Đáp: Nương giới Bí-sô, vì thù thắng hơn cả.

Hỏi: Thế Tôn thuyết tuệ cũng có nhiều chủng, đó là tuệ thành tựu do văn, tuệ thành tựu do tư và tuệ thành tựu do tu. Nay nương tuệ nào mà thuyết “Trụ tuệ làm thượng thủ”?

Đáp: Nương đủ cả ba tuệ.

Hỏi: Thế Tôn thuyết giải thoát cũng có nhiều chủng, đó là giải thoát thế gian, giải thoát xuất thế gian, giải thoát hữu học, giải thoát vô học, giải thoát động chuyển, giải thoát bất động. Hết thấy loại như vậy, nay nương giải thoát nào mà thuyết “Trụ giải thoát kiên cố”?

Đáp: Nương giải thoát bất động xuất thế gian.

Hỏi: Thế Tôn thuyết niệm cũng có vô lượng chủng, đó là sở hữu các niệm ở nơi thân niệm trụ,

ở nơi thọ niệm trụ, ở nơi tâm niệm trụ, ở nơi pháp niệm trụ, ở nơi sở tác sở thuyết đã lâu tùy niệm, ở nơi sở thọ đọc tụng các pháp tùy niệm, dạy trao tùy niệm, nên làm không nên làm tùy niệm, Phật tùy niệm... Nay trong đây nương niệm nào mà thuyết “Lấy niệm làm tăng thượng”?

Đáp: Nương nên làm, không nên làm mà quán sát tùy niệm là thù thắng hơn cả.

5. Thứ lớp: bao gồm 3 chủng.

Thứ lớp viên mãn: tức là trước phải an trụ giới Bí-sô, kế nên lắng nghe lãnh thọ chánh pháp Như Lai, kế nên như lý tác ý tư duy. Người hành như vậy, do thanh tịnh trì giới nên không ưu buồn hối hận, do không ưu buồn hối hận nên dần dần sanh khởi định, do chánh phương tiện thâm nhiếp trí tuệ, chánh tư duy như lý tác ý, nên tăng thượng tâm học nhanh chóng thành tựu viên mãn. Như vậy gọi là thứ lớp viên mãn, vì trước trước sau sau dần được viên mãn.

Thứ lớp năng thành: do trụ học thắng lợi năng thành tựu tuệ làm thượng thủ, do tuệ làm thượng thủ năng thành tựu giải thoát kiên cố. Sac gọi là năng đắc trụ học thắng lợi, cho đến năng thành giải thoát kiên cố? Do niệm làm tăng thượng, gọi

là thứ lớp năng thành tựu. Lại an trụ tu tập ba học nhanh chóng đắc viên mãn như vậy, cũng gọi là thứ lớp năng thành tựu.

Thứ lớp giải thích: hay khéo dạy răn đệ tử Thanh văn tất cả việc phải làm và không được làm, nên gọi là Đại sư. Lại năng giáo hóa dạy dẫn vô lượng chúng sanh khiến khổ được tịch diệt, nên gọi là Đại sư. Lại vì hàng phục trừ diệt tà uế ngoại đạo xuất hiện thế gian, nên gọi là Đại sư. Từ âm thanh người lắng nghe chánh pháp, lại năng khiến người lắng nghe chánh pháp, nên gọi là Thanh văn.

Hỏi: Nhân duyên nào chỉ vì Thanh văn mà thuyết “Trụ học thắng lợi..”?

Đáp: Do chúng Thanh văn thuận theo đó tu học là con chân thật của chư Phật Thế Tôn. Trong đây, pháp nên biết tuyên thuyết danh, cú, văn thân. Học xứ là chỗ tuyên thuyết năm tụ hủy phạm. Đủ lân mãn là trong đêm dài hằng trụ các pháp vô lượng như từ... đối với các hữu tình. Đủ đại bi là năng nhổ bật, cứu giúp vô lượng chúng sanh vốn có nhiều pháp khổ. Nghĩa lợi vui là năng cùng chung nhiều pháp lạc với chúng sanh. Mong lợi ích là năng cùng chung vô lượng phẩm loại pháp diệu

thiện với chúng sanh. Hằng bi mẫn là năng cứu chúng sanh thoát khỏi vô lượng các pháp ác bất thiện. Vì khiến nhiều người cứu trụ phạm hạnh tức là nương dòng tộc Sát-đế-lợi... mà thuyết. Chuyển rộng thêm tức là nương chủng loại hữu tình như vậy, sau chuyển tăng rộng mà thuyết. Cho đến vì các trời người mà thuyết tức là nương thế lực kia mà thuyết, trong đây hiển thị Thế Tôn đại bi trùm khắp tất cả, chẳng phải một phần. Chánh thiện khai thị tức là tánh như sở hữu và tánh tận sở hữu. Tuyên thuyết chánh pháp là đối với mười hai phần giáo, lắng nghe, thọ trì, tìm hiểu, nhậm văn, giữ gìn, đọc tụng; ở chốn tịch tĩnh, tư duy chánh pháp như vậy. Như vậy năng khiến kia được lợi ích, tức là nương tăng thượng giới học mà thuyết. Như vậy năng khiến kia được an lạc, tức là không nương vào chút khổ vất vả nhỏ mà gây trở ngại khiến không tự tại hành. Như vậy năng khiến kia được lợi ích an lạc, tức là người ly dục, hành tăng thượng tâm, hành tăng thượng tuệ. Khéo hành đây nên gọi là lợi ích, năng nhiều ích nên gọi là an lạc.

Lại nữa, nếu ở xứ đây Thế Tôn khen ngợi công đức Đầu-đà vi diệu, đây gọi là lợi ích. Nếu ở xứ đây Thế Tôn cho thọ nhận trăm vị ăn uống,

trăm ngàn y phục, đây gọi là an lạc. Nếu ở xứ đây Thế Tôn chế lập ba học, đây gọi là lợi ích an lạc. Lại thuyết: “Như Lai ở trong các pháp dùng tuệ kia khéo quán sát”, đây hoặc là lợi ích, hoặc là an lạc, hoặc là lợi ích an lạc, nương tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà thuyết. Trong đây có hai nhân duyên gọi là khéo quán sát: 1. Vì đêm dài xuyên suốt tu tập, rõ biết hết thấy; 2. Vì chánh giác ngộ không điên đảo. Ở nơi kia khéo chứng đắc giải thoát, tức là nương tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ mà thuyết. Do hai nhân duyên gọi là khéo chứng đắc: 1. Vì đến cứu cánh; 2. Pháp không hồi chuyển, pháp không thối thất.

“Thi-la uẩn của ta không viên mãn”, đây hoặc tu tập một phần Thi-la, hoặc chẳng y chỉ Thi-la như vậy để tu tập viên mãn các Thi-la định địa. “Ta không khéo quán sát các pháp”, đây cũng do hai chủng tướng như trước nên biết. “Ta ở nơi giải thoát không khéo chứng đắc”, đây do hai chủng tướng như trước nên biết. “Điều nên thuyết, như vậy đã thuyết”, đây tổng kết điều trước đã nêu ra một cách tóm lược và phân biệt rộng.

Lại nữa, do 6 chủng tướng phải nên giải thích

tất cả Khế kinh: 1. Do biết khắp sự; 2. Do xả bỏ xa lìa ác hạnh và các phiền não, tùy phiền não; 3. Do thọ học thiện hạnh; 4. Do hành như bệnh... trí biến tri thông đạt; 5. Do quả kia; 6. Do mình và người lãnh thọ quả kia. Do 6 tướng đây và do tướng được kiến lập như trước, nên khéo giải thích tất cả kinh điển. Trong đây, sự là uẩn, giới, xứ, duyên khởi, niệm trụ và chánh đoạn... Quả kia, đó là yếm hoạn, ly dục, giải thoát và khắp giải thoát. Mình người lãnh thọ quả kia, đó là “Ta sanh đã tận”. Hết thấy loại như vậy gọi là phần *Nhiếp thích*.



IV. PHÂN NHIỆP DỊ MÔN

Quyển 83
PHẦN NHIẾP DỊ MÔN
Phẩm thượng

Như vậy đã thuyết Nhiếp Thích. Sao gọi là **Nhiếp Dị Môn?**

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Phẩm Bạch và phẩm Hắc
 Tuyên thuyết dị môn thầy
 Vì khai ngộ giác nghĩa
 Tụng tổng, lược nên biết.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Thầy, đệ nhất, hai tuệ
 Thiện thuyết bốn chủng thầy
 Cũng có nhân duyên thầy
 Rộng thuyết thí, giới, đạo.*

Trong đây Như Lai gọi là Đại sư. Nói tiếp sư tức là đệ tử thứ nhất, như tôn giả Xá Lợi Tử kia... Nói tập sư là Quĩ phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc bậc đồng pháp, hoặc bậc năng khai ngộ, hoặc

bạc khiến nhớ nghĩ.

Đại sư tức là người lập Thánh giáo. Nói tiếp sư là người truyền Thánh giáo. Tập sư là người thuận theo Thánh giáo. Vì khai, hứa, chế, chỉ tất cả điều phải làm và không được làm; vì mọi lúc triển chuyển dạy răn dạy trao, nên biết tức là bậc năng thuyết, bậc truyền thuyết và bậc tùy thuyết. Vì đuổi bỏ, ngăn ngừa những việc không được làm, gọi là bậc năng tương trợ. Vì vui mừng ủng hộ những việc nên làm, gọi là bậc tương trợ thù thắng. Vì năng khai thị những việc nên làm, những việc không được làm, gọi là bậc tương trợ hết lòng. Vì tùy chỗ sanh khởi tất cả nghi hoặc đều năng khiến trừ, gọi là bậc năng dẫn dắt. Vì đều năng khiến trừ ác tác ưu hối, gọi là bậc dẫn dắt thù thắng. Vì đều năng khiến trừ tất cả phiền não và tùy phiền não, gọi là bậc dẫn dắt hết lòng.

Người năng đoạn trừ tất cả nghi hoặc: vì nghĩa chưa hiển rõ năng hiển phát, vì nghĩa đã hiển phát khiến trong sáng rõ ràng. Vì nghĩa cú thâm sâu dùng tuệ thông đạt, rộng khai thị; vì thế làm quỹ phạm, làm tôn trọng, làm chỗ nương tựa, gọi là bạn thứ hai. Theo đó mà triển chuyển bạn, gọi

là bạn lành. Xa xưa đồng vui nơi cư gia, gọi là bạn cũ. Cha mẹ thân tộc xoay vần hệ thuộc lẫn nhau, gọi là người gần gũi thương yêu. Nếu chẳng phải quyến thuộc mà thí ân huệ, gọi là người có ân.

Nói nghĩa lợi là việc mong cầu năng dẫn nghĩa lợi, vì đây mà vui gọi là vui nghĩa lợi. Lợi ích gọi là thiện hạnh, vì đây mà vui gọi là vui lợi ích. An lạc là an trụ an ổn, có nghĩa lợi ích thân tâm, vì đây mà vui gọi là vui an lạc. Nương hiện pháp vui gọi là vui an ổn, nương hậu pháp vui gọi là vui tương ưng an ổn. Ở nơi tất cả sự việc, hiển hiện chân chánh thuận theo, gọi là tín thuận. Nếu ở nơi bổ-đặc-già-la kia mà phát khởi tín thuận, gọi là tín. Sau khi hiển bày công đức và uy lực tuệ thù thắng của bổ-đặc-già-la kia rồi, tức có người ở pháp của bậc kia mà phát khởi tín thuận, thuận theo môn chánh lý, gọi là tịnh tín. Tức do lực tăng thượng như vậy, cho đến lông trên thân dựng đứng, cảm động rơi lệ, hết thấy hành động của người kia như vậy là tướng tịnh tín. Sau khi người kia đã nghe hết thấy công đức uy lực của bậc ấy rồi, ở nơi các oai nghi đi đứng... hằng thường tin chân thật công đức, gọi là tín thuận làm theo.

Nói dục, là nếu ở nơi đây vui làm vui được. Tinh tấn: dũng mãnh phát khởi gia hạnh rồi tâm. Nỗ lực sách tấn: đã dũng mãnh, lại chân chánh siêng năng tu học ở nơi gia hạnh kia. Cương quyết: đã phát siêng tinh tấn rồi trọn không mệt mỏi phế bỏ, không hoại mất, không thối lui. Siêu vượt: ân trọng tinh tấn. Uy thế: đầu đêm, giữa đêm mặc áo giáp tinh tấn. Sách tấn: hoặc như chỗ đã nói mặc giáp phát siêng tinh tấn, hoặc lại tăng thêm uy lực mạnh mẽ, dũng mãnh phát siêng tinh tấn.

Thấy sâu lợi ích thù thắng của quả kia, gọi là dũng nhuệ. Lúc siêng tu, năng kham nhẫn chịu ước lạnh... gọi là dũng mãnh. Do khéo rõ biết trước sau sai biệt, ở nơi sự chứng đắc thù thắng sai biệt vượt hơn, thâm sanh tín thuận, thành tựu tinh tấn, gọi là khó chế phục. Ở nơi những điều chứng đắc thấp kém, khéo tiến tu không khiếp sợ lui sụt, gọi là không vui đủ.

Nói khích lệ tâm, là trong lúc phát siêng tinh tấn có các ma sự, những việc chướng ngại, tất cả phiền não và tùy phiền não, cực khéo nhận ra thông hiểu, nhanh chóng quán sát khiến tâm tĩnh lặng. Thường hằng, tức ở trong chánh gia hạnh

đây năng thường tu làm, năng không xả ách. Chánh tín là khi Đại sư thuyết chánh pháp, ở nơi chánh pháp đã lắng nghe rồi, thu được tịnh tín. Không phóng dật là đã được tịnh tín, ở trong pháp lạc vượt khỏi các chướng ngại, phòng hộ tâm, hằng thường phát khởi tu tập thiện pháp. Du-già là thọ trì, đọc tụng, luận vấn, quyết trạch, chánh tu gia hạnh. Tư duy là theo điều đã thọ trì, quán sát sâu kỹ rốt ráo pháp nghĩa.

Nói nhớ nghĩ, là đối với tất cả pháp nghĩa đã quán sát, không bị quên mất; ở nơi điều đã làm, điều đã nói từ lâu xa, năng chân chánh theo đó nhớ nghĩ. Tâm tư là nương pháp nghĩa như vậy không diên đảo, chỗ phát khởi tâm tư... thì xa lìa. Trí: gia hạnh diệu tuệ xuất thế gian. Hiểu: chánh thể diệu tuệ xuất thế gian. Tuệ: đã chứng đắc tuệ xuất thế gian, về sau chứng đắc diệu tuệ thế gian. Quán sát: do tác ý quán sát không diên đảo, quán sát sâu kỹ đã đoạn, chưa đoạn, còn sót thừa, không sót thừa. Phạm hạnh: tám Thánh đạo chi và xa lìa pháp phi phạm hạnh, tập quen dâm dục. Nói an trụ phạm hạnh còn lại, là ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần. Kia do sự nhiếp thọ của ba xứ: do Xa-ma-tha,

do Tỳ-bát-xá-na và do tu thân niệm, như chỗ thích hợp là tự tánh kia, phẩm loại kia. Trong đây tín, niệm đều thông hai phẩm.

Lại, Đại sư đây cũng được xưng khen là đệ nhất, vì hành nghĩa tự lợi; cũng xưng khen là tôn quý, vì hành nghĩa lợi tha; cũng xưng khen là thù thắng, vì hành cả hai nghĩa; cũng xưng khen là cao cả, vì chiếu sáng bao trùm tất cả ngoại đạo; cũng xưng khen là vô thượng, vì chiếu sáng bao trùm tất cả Thanh văn, Độc giác, Trung thừa, Hạ thừa.

Lại có cách nói khác. Đệ nhất: vì khéo viên mãn cùng những người thế gian. Tôn quý: vì khéo viên mãn cùng các Thanh văn. Thù thắng: vì khéo viên mãn cùng các Độc giác. Cao cả: vì ở nơi phiền não chướng được thanh tịnh. Vô thượng: vì ở nơi sở tri chướng được thanh tịnh.

Lại có cách nói khác. Đệ nhất: vì ở Dục hành khéo đắc viên mãn. Tôn quý: vì ở Sắc hành khéo đắc viên mãn. Thù thắng: vì ở Vô sắc hành khéo đắc viên mãn. Cao cả: vì siêu vượt tất cả ba cõi thế gian, khéo viên mãn. Vô thượng: vì khéo đắc viên mãn xuất thế gian. Hữu tình không chân như rắn, hữu tình hai chân như người, hữu tình bốn chân

như trâu, hữu tình nhiều chân như loài trăm chân, hữu tình hữu sắc từ Dục giới cho đến Đệ tứ tinh lục, hữu tình vô sắc từ Không vô biên xứ cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, hữu tình hữu tướng từ Dục giới cho đến Vô sở hữu xứ (trừ trời Vô tướng), hữu tình vô tướng thuộc trời Vô tướng. Hữu tình chẳng phải hữu tướng chẳng phải vô tướng sở hữu sanh thiên ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy nói lược phẩm loại sai biệt, hiển thị Như Lai là đệ nhất ở trong ba loài: loài xuân động, loài nương thân và loài nương tâm.

Lại nữa, nói tuệ năng đắc là tổng nhiếp tất cả sở hữu thiện tuệ năng dẫn nghĩa lợi, khéo sanh trưởng tăng ích. Tuệ rộng lớn là chỗ có tuệ phẩm nhuyễn, trung, thượng tăng tiến sai biệt. Tuệ thanh tịnh là tuệ do đời trước xuyên suốt tu tập, trải qua nhiều thời khiến thành thục. Tuệ thành biện là tuệ đối với các phiền não biết khắp, vĩnh viễn đoạn trừ. Tuệ viên mãn tức thiện tuệ đầy đã đến rốt ráo. Tuệ không gián đoạn tức thiện tuệ đầy đã triển chuyển thành pháp bất thối, rốt ráo xuất ly. Tuệ nhạy bén là tuệ rõ biết nhanh chóng. Tuệ nhanh chóng là tuệ không trệ ngại. Tuệ thông lợi

là tuệ khéo liễu tri tận sở hữu và như sở hữu. Tuệ xuất ly là tuệ năng khéo liễu tri đối với pháp xuất ly và ly dục thế gian. Tuệ quyết trạch là tuệ năng liễu tri đối với các pháp ly dục xuất thế gian. Tuệ thăm sâu là tuệ năng liễu tri các pháp tùy thuận tánh Không thăm sâu, tương ứng duyên khởi, vì năng như thật khéo thông đạt ở nơi tất cả nghĩa cú thăm sâu. Trong đây đã chế lập tuệ Như Lai, thì tuệ Thanh Văn... năng tùy theo đó mà hiểu rõ.

Lại, nói tuệ lớn tức là tuệ đầy trường thời xuyên suốt tu tập. Tuệ rộng tức tuệ đầy cảnh sở hành vô lượng vô biên. Tuệ không gì sánh, vì các tuệ khác không gì có thể sánh xứng. Tuệ bảo, vì ở trong các căn, tuệ là thù thắng hơn cả, như bảo châu ma-ni năng hiển phát khiến bảo Tỳ-lưu-ly-luân-vương tịnh sáng. Vì tuệ đầy tương ứng với thí dụ kia nên đều được danh là tuệ bảo.

Lại, nói tuệ nhân là tuệ câu sanh. Tuệ minh, do người dẫn, tức là tuệ do từ người dẫn mà khéo gia hạnh. Tuệ quang là tuệ thành tựu do gia hạnh văn, tư. Tuệ chiếu sáng là tuệ thành tựu do tu. Tuệ đấng là tuệ ở nơi sở thuyết kinh điển Như Lai, kiến lập khai thị thăm sâu... Tuệ nền là tùy lượng, tùy thời

năng tùy chuyển giáo pháp. Tuệ chiếu là ở nơi các pháp kia, dùng diệu tuệ năng khéo liễu tri, tuy khéo liễu tri nhưng chỉ do người mà chuyển, chưa phải do tự thân chứng đắc. Tuệ không ám là tự thân tác chứng. Tuệ căn là sở hữu các tuệ do ở nơi sở chứng khác năng liễu tri khắp lực tăng thượng. Tuệ lực là tuệ do tự mình chứng đắc trước sau sai biệt, năng liễu tri khắp lực tăng thượng; tuệ đây do nương đạo lý pháp nên không bị thối khuất. Tuệ tài là dụng tuệ năng chiêu cảm dẫn tất cả giàu sang thù thắng tự tại, thành tựu tự tâm được tự tại hành chuyển. Trong đây, tuệ bảo là thù thắng hơn cả trong tất cả tài bảo, năng là nhân căn bản của tất cả của cải trần bảo thế gian. Tuệ kiếm và tuệ đao năng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả kiết. Tuệ gậy năng phòng hộ xa tất cả phiền não thiên ma ác. Tuệ dây cương là tuệ nắm giữ con ngựa ý căn phi nhanh vào Thiện hạnh địa. Tuệ không đọa, vì khiến các thân phần không tan hoại. Tuệ tường thành, vì khắp ở tất cả triển chuyển một môn. Tuệ thêm bậc là đạo gia hạnh. Tuệ bảo điện, tức là đến cứu cánh. Vì muốn hiển thị hết thấy ba tường thành, lại thuyết ba chủng, đó là giới trí, chủng chủng giới trí và không

phải một giới trí.

Lại, nói chánh kiến tức năng khéo thông đạt chân thật pháp. Tuệ hữu học là tuệ như lý tác ý năng dẫn phát tâm thiện giải thoát, tuệ thộn giải thoát; lại về sau có các tuệ hữu học nhiếp thuộc quả Dự lưu, quả Nhất lai và quả Bất hoàn; lại các tuệ vô học nhiếp thuộc A-la-hán Bồ-đề, hoặc nhiếp thuộc Độc giác Bồ-đề, hoặc nhiếp thuộc Như Lai tối thắng Vô thượng Bồ-đề.

Sao gọi là giới trí? Vì trí năng rõ biết chủng chủng cõi giới, hoặc năng rõ biết mười tám giới, gọi là không phải một giới trí; vì trí năng thông đạt rõ biết hướng đến phẩm loại sai biệt của giới kia, địa kia, bổ-đặc-già-la kia, hoặc năng rõ biết giới kia có chủng chủng phẩm loại, gọi là chủng chủng giới trí.

Lại, nói vi tế vì năng nhập nghĩa chân thật thâm sâu. Thâm xét tất cả, vì năng chứng nhập đầy đủ tất cả nghĩa. Thông minh, vì tuệ tương ứng với dẫn phát. Tuệ triết, vì tuệ tương ứng với câu sanh.

Lại, nói nhãn vì năng nắm lấy việc hiện thấy. Trí vì năng nắm bắt việc không hiện thấy. Minh vì hiểu biết nhập vào tận sở hữu của sự việc. Giác vì

hiếu biết nhập vào như sở hữu của sự việc. Hành nghĩa: nhiếp thiện pháp do *tư* mà thành tựu. Hành pháp: nhiếp thiện pháp do *văn* mà thành tựu. Hành thiện: nhiếp thiện pháp do *thí, giới* mà thành tựu. Hành điều nhu: nhiếp thiện pháp do *tu* mà thành tựu.

Lại, nói thiện thuyết, vì khéo viên mãn các văn cú. Thiện giác: năng khéo hiện thông hiểu tất cả nghĩa. Xuất ly: là đạo thế gian, đoạn trừ các khổ, đắc xuất ly. Hướng đến Đẳng giác: là đạo xuất thế, vì vượt qua các khổ, năng chân thật hiện Đẳng giác. Không sai biệt: tướng văn nghĩa thuyết của thầy và đệ tử không chống trái nhau, thấm nhuần phần tán. Có tháp vững chắc: tất cả thiên ma ngoại đạo và người thế gian khác không thể khuynh động. Có chỗ nương: vì đầy đủ bốn nương không hoại mất.

Đại sư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đây là các cú về giáo sở thuyết thiện thanh tịnh. Trong các cú đây lược hiển bốn chủng khéo thuyết pháp luật tối cực viên mãn. Đó là cú thứ nhất hiển văn nghĩa viên mãn. Cú thứ hai hiển quả viên mãn. Cú thứ ba hiển hạnh viên mãn. Một cú sau cùng hiển bậc thầy viên mãn.

Lại nữa, pháp của chư Phật Thế Tôn có nhân duyên: vì có duyên khởi, nên chế lập “tất cả học xứ”. Có xuất ly: vì đã hủy phạm, nên chế lập “như pháp trở lại ra khỏi xa lìa”. Có chỗ nương: vì bốn nương, chế lập “vượt qua tất cả ác giới luật, các sự hủy phạm”. Có vượt qua: vì chế lập “xa lìa biên thọ dụng dục lạc, biên tự khổ hạnh, thuận theo đó ứng dụng khiến thành tự”. Có thần biến: vì ba chủng hiển hiện thần biến, vì khiến thu được thần thông nhanh chóng, không gián đoạn, chế lập “chân chánh dạy trao không gián đoạn”.

Lại nữa, nay rộng thuyết Thí. Nói xả, giải thoát: vì hồi hướng Niết-bàn, vì không buộc đăm trong quả bố thí. Thường duỗi tay: ân trọng rộng thí. Vui xả bỏ: trước khi thí, đang khi thí và sau khi thí, ý vui thanh tịnh, không nhớ lại hối tiếc. Thí tế tự: một hương như pháp, không dùng sự bất thiện để tích chứa tài vật, mọi lúc đều luôn trải khắp vật thí mà thí xả. Xả viên mãn: vì ở nơi ruộng phước mà phụng hiến. Ở trong huệ thí vui phân bố: vì đối với cha mẹ, vợ con... luôn phân bố bình đẳng. Tất cả như thế tổng cộng có sáu thí: 1. Thí không chỗ nương; 2. Thí rộng lớn; 3. Thí hoan

hỷ; 4. Thí luân luân; 5. Thí ruộng, đất đai; 6. Thí quyển thuộc nhiếp thọ. Trong đây nương theo phẩm loại thời gian, nơi chốn bố thí mà thuyết.

Lại nữa, nay rộng thuyết Giới. Trong Ôt-Đà-Nam nói:

Thi-la, pháp, sát sanh
Thuyết rộng đầy đủ giới.

Nói giới luật, vì ở nơi sự nhiệt nã do tội hủy phạm tịnh giới, mà năng tịch tĩnh, lại vì tương ưng với nghĩa thanh lương. Luật nghi: vì xa lìa tướng tự thể. Đầy đủ: chánh nhiếp thọ không hối hận... Thanh tịnh: hiện hành nhiếp thọ Tam-ma-địa. Nói thiện: năng nhiếp thọ quả khả ái. Không tội: năng nhiếp thọ lợi mình người. Không hại: năng bỏ hết thấy sự đấu tranh, chống đối, cầm nắm dao gậy... Tùy thuận: thuận theo chúng đặc các quả Sa-môn và sở hữu công đức thù thắng khác. Ẩn giấu: thường ẩn che thiện pháp của mình. Hiển phát: thường tự phát lộ pháp ác của bản thân. Đoan nghiêm: nhiếp thọ đầy đủ sở hữu vật trang nghiêm của Sa-môn như thiếu dục... Ruộng phước: nhiếp thọ chánh kiến, quỹ phạm, tịnh mạng, viên mãn đức. Không nhiệt:

xa lìa biên tự hành khổ. Không nã: xa lìa biên thọ dụng dục lạc. Không hối hận: chân chánh xa lìa sự nhiễm ô ưu buồn, không an vui.

Lại, nói thiện thuyết pháp vì nhiếp thuộc đạo lý, vì giữ gìn chuyển vận đức thù thắng. Tỳ-nại-da: thuận theo năng diệt tất cả phiền não. Bạc thánh: xa lìa tất cả pháp tạp nhiễm ô, khiến kia không sanh khởi. Nói thiện: năng cho quả khả ái vô tội. Nên tập: phải thân cận tu tập. Lành thay: là các Thánh hiền xưng khen một sự việc nào đó.

Lại, nói sát sanh tức nói rộng phẩm hắc, phẩm bạch như trong *Có tâm có tứ* địa đã thuyết. Lại nói đầy đủ giới... đều rộng thuyết: tức là an trụ đầy đủ giới, cũng năng phòng hộ giữ gìn luật nghi Biệt giải thoát cho đến nói rộng. Mật hộ căn môn: hoặc phòng hộ giữ gìn niệm, hoặc thường thuận theo niệm cho đến nói rộng. Ở nơi ăn biết lượng: ở nơi việc ăn uống, tư trạch mà ăn, không vì vui thích sung mãn, không vì kiêu ngạo phóng dật, cho đến nói rộng. Đi đứng qua lại, an trụ chánh biết cho đến nói rộng. Tất cả như vậy nên biết đê. rộng thuyết trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, nay rộng thuyết Đạo. Trong Ót-Đà-

Nam nói:

*Niệm trụ, chánh đoạn
Thân tức, căn lực
Giác chi, đạo chi
Vô lượng theo sau.*

Vì muốn siêng tu bốn niệm trụ, nên phát khởi vui muốn mãnh lợi phẩm thượng: tức là vì đoạn trừ lỗi lầm của tác ý bất chánh. Tinh tấn: siêng năng sách tấn vì muốn đoạn trừ các lỗi lầm chậm chạp. Siêng năng sách tấn: vì đoạn trừ các lỗi lầm của hai tùy phiền não hôn trầm và trạo cử. Dũng mãnh: vì không tự khinh miệt. Dũng nhuệ: vì năng đối kháng ngoại địch. Không thể chế phục: vì không sanh vui đủ đối với ít phần chứng đắc thấp kém. Chánh niệm: vì không quên mất dạy trao. Chánh biết: vì không hủy phạm cấm giới. Không phóng dật: không xả ách thiện. Trụ nhiệt quang: năng tu pháp đối trị giải đãi. Chánh giải: vì năng tu pháp đối trị hủy phạm. Niệm thành tựu: vì năng tu pháp đối trị quên mất chánh niệm. Điều phục thế gian: vì năng tu tất cả pháp thế gian chân chánh đối trị tham ưu. Trong đây hiển thị siêng tu niệm trụ, tức là các Bí-sô... cần phải tu tập bốn chủng đối trị.

Lại nữa, chỗ có tên gọi sai khác của các chánh đoạn, các thần túc, như đã thuyết rộng trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, ở chỗ Như Lai an lập chánh tín... nói rộng nên biết như phần *Nhiếp quyết trạch*; an trụ có thể lực, có tinh tấn, có đồng mãn... nên biết nói rộng như *Bồ-tát địa*.

Lại nữa, tư trạch các pháp, tư trạch thăm sâu, tầm tư toàn khắp, quán xét toàn khắp, nói rộng như *Thanh văn địa*. Đã đạt được tác ý chân vô lậu, duyên cảnh thánh đế, tác ý tương ưng tất cả vô lậu, gọi là trạch pháp. Tư trạch: tổng hợp chung tất cả chủng loại pháp khổ là Khổ thánh đế. Tư trạch thăm sâu: phân tích nắm lấy từng phần riêng của các khổ, tức là sanh khổ, lão khổ... Cực tư trạch pháp: tức nương xứ đây chọn lựa pháp như Khế kinh... Vì cơ sao? Vì nương đây, nên trước hết huân tu thực hành.

Lại, tư trạch: quyết định hiểu rõ sâu xa. Tư trạch thăm sâu: quyết định hiểu rõ sâu xa hết thấy. Cực tư trạch pháp: quyết định hiểu rõ sâu xa hết thấy những điều gần. Ở phần trước là tìm hiểu đạo, phần này là quyết định đạo.

Lại có cách nói khác. Nói hiểu rõ, vì ở nơi sự sở tri, tác ý phát khởi hiểu biết. Hiểu rõ hết thấy: vì đã phát khởi hiểu biết rồi, phương tiện tìm hiểu. Hiểu rõ gần: tìm hiểu rồi, xác quyết. Thông suốt sáng rõ: vì rõ biết phân biệt thể. Thông đạt: vì thông đạt sự sở tri.

Lại, thông suốt sáng rõ: vì rõ biết tự tướng. Thông đạt: vì rõ biết cộng tướng. Quán sát sâu: năng quyết định nắm giữ tận sở hữu, như sở hữu, trước sau dần dần tăng trưởng bội phần. Thông duệ: ở trong nghĩa kia trước sau thứ lớp không quên mất. Giác: kham năng chọn lựa, tuệ câu sanh. Minh: tuệ do huân tập mà thành tựu. Tuệ hành: năng thọ trì, đọc tụng, luận vấn, quyết trạch thù thắng, liễu biệt tăng thượng, tức ở nghĩa kia triển chuyển tăng trưởng phân minh, siêng năng tu tập tuệ. Tỳ-bát-xá-na: ở nơi nghĩa đã liễu biệt trước, quán sát sâu xa. Trải qua nhập vào: trước tầm tư ở nơi cảnh sở duyên, trải qua tác ý tư duy nên tâm nhập vào. Nạp thọ: năng thâm nhiếp lãnh thọ kia. Thôi thúc tâm: tức là nắm lấy các tướng kia. Cực thôi thúc tâm: tức là nắm lấy tướng tùy hảo của kia.

Lại có cách nói khác. Thôi thúc tâm: vì tâm

mong cầu tìm hiểu. Cực thôi thúc tâm: vì tâm tư duy quán xét. Thôi thúc tâm cùng tột: vì ở nơi được mát, thúc đẩy chọn lựa tâm tư cực bén nhạy. Vì thánh giáo làm chỗ nương mà khởi tâm cầu, gọi là tâm tư. Vì hiện lượng làm chỗ nương, gọi là tư duy. Vì tỷ lượng làm chỗ nương, gọi là phân biệt. Chán lìa: tăng thượng ý lạc, phát khởi quyết định ở nơi hạnh viễn ly. Xa lìa: từ người nên thọ biên xa lìa. Tùy lìa: thọ rồi về sau năng phòng hộ giữ gìn giới kia. Hoàn lìa: nếu đã phạm rồi, tức năng như pháp hối trừ; từ đây về sau dừng nghỉ, hành trì luật nghi, tùy phòng hộ giới. Dừng nghỉ: đầy đủ sự nhu hòa nhẫn nhục. Luật nghi: đầy đủ thiếu dục từ tâm... Mật hộ căn môn: tức tự mình không gây tạo. Không gây tạo: do không tác động đến người khác. Không hành: do rõ biết chân chánh nên không hiện hành. Không phạm: không do quên mất chánh niệm mà hiện hành. Cầu dò: vì nương đây vượt qua pháp ác. Phao nổi: nương đối trị, thế năng chuyển vận si cuồng, lạc đường, khiến vượt thoát đi ngược các pháp chướng ngại. Không hỷ lạc: ở nơi hạnh viễn ly tăng thượng ý lạc rất đầy đủ sung mãn. Không trái vượt: vì ở trong tất cả nhóm sở học, vì

không hủy phạm, vì không xả bỏ. Không trái vượt khác: ở nơi một phần sở học, vì không hủy phạm, vì không xả bỏ. Niệm: vì tâm an trụ. Niệm hết thấy: là tâm an trụ đẳng trụ... như vậy nói rộng 9 chủng tâm trụ sai biệt. Tướng đây đã thuyết trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Trí, tuyên thuyết, thiện, dục
Bùng cháy, riêng, xa trần
Nhu bệnh thấy, giải thích
Ngã đoạn, tận sanh thấy
Gồm trời, thế, chúng sanh
Nương thấy, ngã tác thấy.*

Nói trí, tức tuệ do lắng nghe lời nói làm tiền dẫn. Kiến: tuệ do kiến lời nói làm tiền dẫn. Giác: tuệ do nhận biết lời nói làm tiền dẫn. Tri: tuệ do hiểu biết lời nói làm tiền dẫn. Trí: biết cảnh chẳng hiện thấy. Kiến: thấy cảnh hiện thấy ở trước. Minh: thông hiểu, ngược lại vô minh. Giác: thật có nghĩa. Trí giác: trí hiểu biết không tăng thêm những gì chẳng thật có. Tuệ: đặc tuệ do cầu sanh sanh khởi. Minh: tuệ do gia hạnh huân tập mà thành tựu.

Hiện quán: ở bên trong hiện quán các pháp rồi, đối với các pháp chẳng phải không hiện thấy, chẳng cần duyên trí khác.

Lại nữa, nói tuyên thuyết tức nhân người thỉnh hỏi mà vì họ ký biệt. Thi thiết: do lời và dục, thứ lớp kết nối danh, cú, văn thân. An lập: đã thứ lớp kết nối rồi, tóm lược vì người thuyết. Phân biệt: đã lược thuyết rồi, phân biệt khai thị giải thích nghĩa ấy. Khai thị: năng triển chuyển đoạn trừ chỗ sanh nghi hoặc của người. Hiển phát: tự thông đạt nghĩa cú thẳm sâu, vì người hiển dạy. Dạy: không nhân người phát khởi thỉnh hỏi, chỉ vì ai mãi nên thuyết pháp khai thị. Khai thị khắp: diễn thuyết không gián đoạn, không lấy quyền làm thầy, không ôm lòng che giấu.

Lại nữa, lúc đầu thiện tức khi lắng nghe sanh hoan hỷ. Lúc giữa thiện: khi tu hành không ngại vất vả khổ nhọc, nương hành trung đạo, xa lìa hai biên. Lúc sau thiện: cực rốt ráo lìa các cấu và tất cả rốt ráo ly dục làm ngăn mé sau. Diệu nghĩa: năng dẫn phát lợi ích an lạc. Văn thiện xảo: khéo kết nối danh thân... và lời đầy đủ viên mãn. Thuần nhất: không cùng chung với ngoại đạo. Viên mãn:

vì không hạn lượng nên tôn quý thù thắng hơn cả. Thanh tịnh: vì tự tánh giải thoát. Sáng sặc: vì tương tục giải thoát. Phạm hạnh: là tám Thánh đạo chi. Nên biết đạo đây nương chỗ hiển thuyết của bốn chủng diệu tướng như thuận nhất.. Lắng nghe kỹ: ở nơi tướng pháp như vậy, khích lệ khiến lắng nghe sâu xa. Nên khéo khẩn thiết: khuyến khích khiến không điên đảo, như lý tư duy ân trọng, không gián đoạn.

Lại nữa, nói dục mãnh lợi, như tác nghĩ: “Đối với việc kia, ta nên làm gì?”, cho đến nói rộng. Yêu thích mãnh lợi: ở trong việc tu tập, gia hạnh chân chánh. Vui mãnh lợi: đối với bậc tuyên thuyết và Đại sư, những bậc đáng tôn trọng... Tín mãnh lợi: đối với giáo pháp, dạy trao dạy răn.

Lại nữa, nói năng bùng cháy tức là nhanh chóng chứng đắc thông tuệ, trọn không tự nhàn hạ, trì hoãn, phát siêng tinh tấn kiên trì cho đến về sau. Thuận Du-già: tôn trọng lời dạy mà huân tu gia hạnh hoặc bằng hoặc hơn, trọn không giảm dần suy thối. Năng vĩnh viễn đoạn trừ: năng tu tập đối trị phiền não. Năng nhàn cư: nương cư trú ở chốn viễn ly, nơi bờ vắng, tu Tam-ma-địa khiến

hiện tại tiền, nương Tam-ma-địa tu tập đối trị.

Lại nữa, riêng tức ở chốn viễn ly, nơi bờ vắng, không an trú xứ thứ hai. Xa lìa: đối với các sự nhiễm ô vô ký, không hiện hành tác ý. Không phóng dật: ở nơi tâm tư pháp ác như dục... phòng hộ tâm, lại tự an đặt mình nơi các phẩm thiện. Bùng cháy: như trước đã thuyết. Phát khởi: bên trong gìn giữ tâm, đoạn trừ năm cái; lại do đây nên phát khởi khiến trừ kia khiến đến nơi an ổn vô thượng.

Lại nữa, nói xa trần lìa cấu. Trần: trí đã sanh, nhưng chưa đến rốt ráo; năng chướng ngại hiện quán, hoặc có gián đoạn, hoặc không gián đoạn, hiện ngã mạn chuyển. Cấu: sở hữu thô trọng của phẩm ngã mạn và phẩm kiến đoạn. Vì vậy tất cả kia vĩnh viễn đều không, nên gọi là xa trần lìa cấu.

Lại, trần là ngã mạn và tất cả phiền não kiến sở đoạn. Cấu: sở hữu thô trọng của hai phẩm. Ở trong pháp: an trú trong sở hữu tự tướng và cộng tướng của pháp. Pháp nhãn: tuệ như thật hiện chứng “duy chỉ có pháp”. Pháp kiến: ở nơi khổ... như thật thấy. Pháp đắc: tùy chứng đắc quả Samôn. Pháp tri: đã chứng đắc rồi, như điều đã chứng năng tự rõ biết: “Ta là Dự lưu, ta đã chứng đắc

pháp không thối đạo”. Pháp chí thành: vì lực hiện quán để tăng thượng, thành tựu chứng tịnh; đối với Phật Pháp Tăng và Giới mà bậc thánh yêu thích, tự mình đã chứng đắc, dụng chánh tín như thật chí thành thực hành. Vượt qua hoặc: ở nơi sự chứng đắc của bản thân. Vượt qua nghi: ở nơi sự chứng đắc của người. Chẳng được duyên nơi người: ở nơi pháp đây, bên trong tự mình chứng đắc, chẳng phải chỉ lắng nghe theo người. Chẳng bị điều khác dẫn đoạt: ở nơi thánh giáo của Đại sư, không bị tất cả ngoại đạo, dị luận khác dẫn đoạt. Ở trong các pháp được vô sở úy: ở nơi chứng đắc của bản thân, nếu bị người cật vấn quyết không hãi sợ. Ngược dòng: vì đã chứng thánh đạo. Thú hưởng: ký thần thông rớt ráo đi vào các cõi, không thối trở lại. Lại có sự sai khác, nên biết kiến lập hai chủng pháp là thế tục và thắng nghĩa.

Lại nữa, nay thuyết như bệnh cho đến nói rộng. Sao gọi là hiển thị kia như bệnh... chẳng phải chỉ thuyết kia như trọng bệnh cho đến nói rộng? Người tu hành trước như thật dụng hành vô thường... ở trong sự kia như thật chê trách, khởi tư duy đây như bệnh... thật đáng nhàm chán trái lìa. Vì muốn

không hòa hợp với kia, nên kể đến thuyết hành vô thường... như thật hiển thị quán sát quả kia. Vô thường: vì hiển hiện sanh của thân cùng với sát-na đều triển chuyển. Sát-na triển chuyển: do xúc kia sanh khởi tận diệt, nên thọ kia cũng sanh khởi tận diệt; thấy đây tương tục, chẳng phải không hiện thấy, chẳng phải duyên trí khác. Khổ: có hai chủng khổ, đó là các khổ như sanh... và các sở hữu thọ đều nói là khổ. Hai chủng khổ đây như chỗ thích hợp do thấy hữu của sanh thân triển chuyển nên được hiểu biết nhập vào. Tức là chết: không gián đoạn, có hữu của sanh thân sanh khởi, sanh rồi lại có lão... các khổ. Cho nên thuyết là vô thường nên khổ, do thấy sanh thân có triển chuyển, cho nên nhận biết được tánh khổ.

Sao gọi là các sở hữu thọ đều nói là khổ? Các thọ lạc biến hoại nên khổ. Tất cả thọ khổ sanh rồi trụ nên khổ. Thọ không khổ không lạc, thể là vô thường, là pháp hoại diệt nên nói là khổ. Trong đây, thọ lạc do vô thường nên tất có biến hoại. Tất cả thọ khổ do vô thường nên sanh trụ tương tục đều sanh khởi khổ. Thọ không khổ không lạc đã hoại diệt rồi, do vô thường nên gọi là khổ. Đã sanh

khởi tức pháp hoại diệt, nên cũng gọi là khổ. Pháp hoại diệt đây vì hai kia đỗi theo, vì tương ứng với hai kia, nên cũng gọi là khổ.

Sao nói phải quán thọ lạc là khổ? Do thọ đây là tùy miên của tham. Do tùy miên nên đương lai nắm giữ khổ, ở trong hiện pháp năng sanh hoại khổ. Như vậy phải quán thọ lạc là khổ.

Sao nói phải quán thọ khổ như tên? Tức là quán như tên độc, cho đến hiện tiền thường nảo hoại.

Sao nói thọ không khổ không lạc, thể là pháp vô thường hoại diệt? Đã diệt tức là vô thường. Đương lúc chưa diệt cũng chính là pháp hoại diệt. Nếu vô thường, từ đây lại sanh hoặc lạc hoặc khổ. Pháp hoại diệt thì trọn chẳng thoát khỏi hai chủng khổ, lạc. Không: tức là pháp chân thật, không thường, không hằng, biến đổi. Vô ngã: vì xa lìa ngã, vì nhiều duyên sanh, vì không tự tại.

Lại nữa, nói giải thích, vì năng hiển thị tự tánh kia. Khai thị: vì hiển thị đây nên biết khắp, vì đây nên vĩnh viễn đoạn... sai biệt. Hiển rõ: năng hiển thị nếu chẳng vĩnh viễn đoạn, nếu không biết khắp thấy, thì thành quá hoạn. Liễu: là tác ý liễu

tướng. Giải: là tác ý thắng giải. Tri: tác ý viễn ly... Giải liễu: vì rõ được tự tướng. Cận giải liễu: vì rõ được cộng tướng. Liễu tận tướng: vì rõ biết tận sở hữu của kia. Thông đạt: vì rõ biết như sở hữu của kia. Xúc: nhiếp vào phạm hạnh ở trong tám Thánh đạo chi. Tác chứng: quả của kia là Niết-bàn.

Lại nữa, nói ngã, tức ở năm thủ uẩn, hành ngã, ngã sở kiến hiện tiền. Hữu tình: các bậc hiền thánh vì như thật rõ biết “chỉ có pháp”, lại không biết khác, lại vì rõ biết ở nơi hữu tình kia có ái trước. Ý sanh: đây là tánh chủng loại ý. Nho đồng (ma-nạp-phước-ca): nương ở nơi ý hoặc cao hoặc thấp. Dưỡng dục: vì năng tăng trưởng nghiệp hậu hữu, vì năng tạo tác tất cả dụng sĩ phu. Bồ-đặc-già-la: năng lớp lớp tiến đến nhập vào các cõi không biết chán đủ. Mạng giả: sống hòa hợp hiện tiền tồn tại hoạt động. Sanh giả: đầy đủ sở hữu pháp như sanh...

Lại nữa, cần đoạn các ái, dừng dứt các kiết tức là khi đắc hiện quán thánh đế, liền năng vĩnh viễn đoạn ba kiết; ở tất cả cõi, ái hậu hữu không hiện hành trở lại. Kia ở thời sau, lớp lớp siêng tu tùy quán sanh diệt, lại năng vĩnh viễn đoạn. “mạn”...

không sót thừa. Cho nên nói rằng năng chánh tu tập vĩnh viễn đoạn các “mạn”. Vì chân thật hiện quán nên tất cả ái tùy miên kia vĩnh viễn đoạn. Do nhân duyên đây, đời đương lai các khổ và các pháp hậu hữu không thể được trở lại, lại năng rớt ráo hết gần mé khổ.

Lại nữa, ta sanh đã tận, đó là hữu thứ tám... Phạm hạnh đã lập: ở nơi Thánh đạo, tu rớt ráo nên không trở lại thối thất. Việc làm đã xong: tất cả kiết vĩnh viễn không sót thừa, đã chứng đắc tất cả đạo quả. Không thọ hậu hữu: ở nơi bảy hữu vĩnh viễn tận diệt. Lại, “Ta sanh đã tận” có 2 chủng sanh: 1. Sanh của sanh thân, đây như trước đã thuyết; 2. Sanh của phiền não, đây mỏng nhẹ nên cũng nói là tận. Đây ký biệt quả thứ nhất. Phạm hạnh đã lập: là quả Bất hoàn, phi phạm hạnh như tham... vĩnh viễn đoạn. Việc làm đã xong, không thọ hậu hữu: là quả A-la-hán. Nên biết trong đây ký biệt bốn chủng hành tướng giải liễu.

Lại nữa, trời thế gian là cú chung. Đây có 2 chủng: 1. Kế cả Ma; 2. Kế cả Phạm. Chúng sanh gồm có Sa-môn, Bà-la-môn: hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn sanh trong cõi người, vì mong cầu Ma,

Phạm mà tu hành. Chúng sanh gồm có các trời, người: ở trong cõi trời, trừ Ma và Phạm; ở trong cõi người, trừ Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy tổng kết giải thoát ba phước, ra khỏi xa lìa dục tham.

Lại nữa, nay nói Tỳ-nại-da, đoạn trừ, siêu vượt: Tỳ-nại-da do tác ý liễu tướng và tác ý thắng giải; đoạn trừ do tác ý viễn ly...; siêu vượt do tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Lìa hệ: tức là lìa chín kiết. Giải thoát: giải thoát tất cả sanh lão... Lìa điên đảo: do kiến đạo. Nhiều: do tu đạo, kia nhiều tu tập tu đạo, gọi là nhiều. Lợi ích: hành các thiện. An lạc: hành không tổn não. Ai mãn: như có người hành các thiện, hành không tổn não, ai mãn đối với người, vì lấy việc đây làm chỗ mong cầu, vì đáng vui thích, nên được gọi là nghĩa; vì không có tội, vì năng dẫn nghĩa lợi. Làm lợi ích an lạc: đối với kia khởi hành thiện, hành không tổn não. Người: là Sát-đế-lợi... hoặc có người nhân nơi Phật xuất hiện nơi đời, hoặc nhân nơi Tăng khéo thuyết chánh pháp, nên khéo tu hành được nhiều lợi ích, nhiều an lạc; hoặc làm lợi ích an lạc cho mình, thương xót thế gian; hoặc làm lợi ích cho người, hoặc cả hai cùng. Cho nên nói nghĩa lợi ấy là lợi ích an lạc. Trong

đây chỉ thuyết về trời và người: vì kia có năng lực liễu nghĩa, có thể tu chánh hạnh.

Lại nữa, nương là năm thủ uẩn cùng bảy chủng sự được nhiếp thọ, tức là cha mẹ và vợ con... Thủ: là các dục tham, cũng gọi là thủ. Do không an lập và an lập mà nói có bốn thủ. Chỗ nương của tâm: đó là bốn thức trụ. Chấp trước: các phiền não do “nương” phát sanh, tức gọi là triền. Phẩm thô trọng của kia, gọi là tùy miên. Như vậy gọi là nương, thủ, chỗ nương của tâm, chấp trước, tùy miên. Ở trong đây có thức thân cùng tất cả tướng bên ngoài: đó là tướng cảnh giới của ngã, ngã sở, ngã mạn, chấp trước, tùy miên, nhân duyên.

Lại nữa, hành của ngã, ngã sở: tức là hữu thân kiến. Ngã mạn: mạn đây tức các triền kia, gọi là chấp trước; tức thô trọng kia, gọi là tùy miên. Nhiều phần chấp trước: đó là các ngoại đạo. Tùy miên: thông cả hai.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Như Lai, tướng vô thường,
Đáy cát, bố, vô vi,
Chẳng có, chẳng tương tục,
Không, vô thường, không sót.*

Hết thấy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác: như kinh đã phân biệt. Ứng: vì nên cúng dường. Minh Hạnh Viên Mãn: đó là ba minh, hành, ngă. chặn, hành hạnh, thấy đều viên mãn.

Lại nữa, bốn chủng pháp tăng thượng tâm, hiện pháp lạc trú thấy đều viên mãn. Trước là hành hạnh, sau là trụ hạnh. Trong đây thar.h tịnh thân ngữ ý nghiệp, hiện hành chánh mạng là hành viên mãn. Mật hộ căn môn là ngă. chặn viên mãn. Do hai chủng đây hiển thị ba chủng bất hộ, pháp vô vong thất của chư Như Lai. Do không gây tạo lỗi lầm tĩnh lự thế gian, ngă. chặn hành tự khổ hạnh. Thiện Thệ: vì trong đêm dài ở tất cả chủng, đều đầy đủ hai chủng công đức là tự lợi, lợi tha. Thế Gian Giải: vì ở nơi tất cả chủng hữu tình thế gian và khí thế gian đều khéo thông đạt. Do khéo ngộ nhập hữu tình thế gian: vì nương tức trụ sanh tử tiền tế hậu tế; vì nương tất cả thời, tám vạn bốn ngàn hạnh sai biệt. Do khéo ngộ nhập ở nơi khí thế gian: tức là phương đông... mười phương vô biên thế giới thành hoại đều khéo rõ biết. Lại ở nơi tự tánh các pháp thế gian, nhân duyên ái vị, quá hoạn, xuất ly, năng hướng đến hành... đều khéo

rõ biết. Vô Thượng Trượng Phu Điều Ngự Sĩ: vì trí không gì sánh xứng, không gì vượt hơn. Ở trong hiện pháp là bậc Đại trượng phu, phần nhiều điều ngự vô lượng trượng phu, vì tối đệ nhất, vì tôn quý hơn cả. Thiên Nhân Sư: vì có năng lực khiến trời người hiểu nghĩa thâm sâu mà siêng tu chánh hạnh. Phật-Đà: vì rốt ráo đoạn tất cả phiền não kể cả các tập khí, hiện Đăng Chánh Giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Bạc-Già-Phạm: vì thần nhiên an trụ ngôi tòa diệu Bồ-đề, nhậm vận hàng phục diệt trừ tất cả quân ma, có đại thế lực. Trong đây Như Lai là chữ chung đầu tiên. Ứng Chánh Đăng Giác...: vì vĩnh viễn giải thoát khỏi tất cả phiền não chướng và sở tri chướng. Riêng chi tiết bên trong lược có 2 chủng, chỗ gọi cộng đức và bất cộng đức. Ở trong cộng đức: như nói giải thoát khỏi các phiền não chướng và sở tri chướng. Các chữ còn lại trong cú Minh Hạnh Viên Mãn... là bất cộng đức.

Lại nữa, ở trong *Kinh Tướng Vô Thường*. Tu: tức là hoặc tu, hoặc tập cho đến nói rộng. Quả tu: tất cả dục tham cho đến nói rộng. Tu sai biệt: thí dụ sai biệt. Tu phương tiện: hoặc trụ a-lan-nhã cho đến nói rộng. Trong đây, hoặc tu: do tác ý liễu

tướng. Hoặc tập: do tác ý thắng giải. Nhiều tu tập: do tác ý còn lại. Lại, hoặc tu: ở nơi sự sở tri mà phát khởi hướng đến. Hoặc tập: tu gia hạnh ân trọng, không gián đoạn. Nhiều tu tập: trường thời tu tập thành thực. Là xứ: vì làm chỗ nương. Là sự: vì làm sở duyên. Tùy thuận: do tác ý tư duy. Xuyên suốt tập: tùy ý muốn mà được không khó khăn. Khéo nhiếp thọ: lắng nghe chánh pháp. Khéo phát khởi: bên trong như lý tác ý tư duy.

Lại, khéo nhiếp thọ: tác ý ân trọng. Khéo phát khởi: tác ý không gián đoạn. Lại, khéo nhiếp thọ: đến cứu cánh. Khéo phát khởi: chánh gia hạnh. Thuận theo Dục tham nên nói ở nơi trạo. Thuận theo Sắc tham nên nói ở nơi mạn. Thuận theo Vô sắc tham nên nói ở nơi vô minh. Nhổ tận gốc: hại diệt tùy miên. Nhanh bề gãy các cành nhánh: vì đoạn diệt kia khiến thiện pháp địa thấp không tăng trưởng, vì dụng sở duyên tướng vô thường hiển thị tướng vô thường, tự tâm tác ý quán vô thường. Lầu gác: giải thoát đồng hành với tướng vô thường. Đòn đông: nương nhân kia. Dấu vết hình tướng: vì tướng bất tịnh là bậc nhất. vì sở duyên rộng lớn. Rỉ chảy: nhân giải thoát đồng

hành với tướng vô thường, năng hướng đến Niết-bàn. Mặt trời mọc: năng đối trị vô minh tối tăm. Như Luân vương: vô học, tướng vô thường. Như Thành vương: tướng còn lại. Hoặc ở a-lan-nhã, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở nhà trống, hoặc ở nơi vắng vẻ dưới gốc cây có bóng râm... tức là thâu nhiếp xa lìa giới hạn ngoại cụ. Chỉ có sắc tánh vô thường: tức là chỉ có sắc, đều không có ngã. Phải chánh tu gia hạnh như vậy.

Lại nữa, lược có 4 chủng đi đến đạo và hai chủng chướng đạo. Do nghi nên không thể phát khởi đi đến. Tuy phát khởi đi đến, nhưng do tà tâm tư nên lạc đến xứ khác, đây là do phần tà tâm tư kiến hành. Tuy không việc đây, thì cũng không thể kham nhiệm dạy trao dạy răn. Phẫn: lúc người khuyển can. Khổ não: người xuất gia không được tự tại, ngăn cấm khó khăn, hạnh thô tế... Không vui: sự sân hỗn tạp. Hai chủng đây giống như hầm hố và khe suối, lại là hai chủng năng chướng lộ trình. Tuy không có việc đây, nhưng do lợi dưỡng và cung kính, tuy vào chốn núi rừng vẫn bị chướng ngại. Mãnh lợi: rừng rậm thâm u. Vì cố sao? Tuy xả sự nhiếp thọ mà không thể xả bỏ đây vậy.

Lại nữa, nói có bố tức là có trộm cắp và gian dối. Có úy: tức là có đi qua rừng thâm u, có các ác thú và phi nhân đe dọa. Có châm chích: là tất cả xứ có nhiều gai độc châm chích. Lạc đường: đến xứ khác. Đường ác: không bình an. Năm chủng như vậy hiển khó khăn của lộ trình. Đi vào đường ác: hiển thị gặp phải khó khăn, lạc đường, hành theo đường ác và thân cận không phải thiện sĩ. Không phải thiện sĩ: hiển thị bỏ-đặc-già-la năng hành các lỗi lầm. Các đạo tặc trộm cướp... gọi là không phải thiện sĩ.

Lại nữa, nói không động, vì xa lìa tất cả tướng. Không chuyển: vì dứt tận tham ái, vì không lay động nơi các cảnh giới. Khó thấy: vì thẳm sâu. Cam lồ: tức là sanh lão bệnh tử đều vĩnh viễn tận. An ẩn: vượt qua tất cả tai hoạn khủng bố của người và phi nhân. Thanh lương: vì tất cả khổ đều tịch diệt, rất mát mẻ. Việc thiện: tức là cảnh sở duyên hiện pháp lạc trú. Hướng đến kiết tường: đoạn trừ tất cả cảnh sở duyên phiền não. Không ưu sầu: vượt quá tất cả ái, phi ái. Lại chứng đắc rồi không bị hoại mất. Không chết: vì thường trụ, vì không thối thất trở lại. Không thiêu đốt: tức là

thanh tịnh. Không nhiệt não: vì vĩnh viễn chấm dứt tất cả thiếu thốn ở nơi các dục. Không bệnh: tất cả bệnh, tất cả ung nhọt... đều vĩnh viễn lặn dứt. Không động loạn: tất cả động loạn đều diệt tận. Niết-bàn: tất cả y đều tịch diệt.

Lại nữa, sao là không có ngã, không có ngã sở? Vì ở phạm vi đời vị lai mà nói, ở nơi tánh ngã, ngã sở nhiếp lấy nội xứ, ngoại xứ, nhiếp lấy tự nội thể tánh và nhiếp lấy các sự nhiếp thọ, không sanh khởi mong cầu. Lại vì hiển thị sự mong cầu sở y không sanh khởi và mong cầu thọ của sở y kia cũng không sanh. Ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có: vì ở phạm vi đời hiện tại mà nói, trước quán trạch diệt, đây quán vô thường diệt. Lại vì trước chỉ có mong cầu, vì về sau ở hiện tại quán tánh nhân vô thường.

Lại nữa, nói không tương tục tức đã chết rồi, về sau thức khác không sanh. Không thủ: không chỗ trụ thức, không hướng đến nhập vào sự danh sắc, tự thể vĩnh viễn không sanh khởi. Không sanh trưởng: không có danh sắc thêm tăng rộng. Tất cả hành đều dừng nghỉ: vì ngũ uẩn đều dừng nghỉ.

Lại nữa, nói không, tức xa lìa tất cả phiền

não... Vô sở đắc: xa lìa tất cả tướng sở hữu. Ái tận: không mong cầu sự vị lai. Ly dục: không thọ dụng hỷ lạc hiện tại. Diệt: đoạn phiền não sót thừa. Niết-bàn: là Vô dư y.

Lại nữa, nói vô thường tức là tánh phá hoại, pháp hư bại. Hữu vi: nương tiền tế chỗ có tâm tư. Tạo tác: nương hậu tế chỗ có mong cầu. Duyên sanh: nương hiện đời, lực của các nhân duyên khiến sanh khởi. Có pháp tận: vì tận dứt một phần. Có pháp chết: vì diệt toàn phần. Lại, có pháp tận: vì diệt toàn phần. Có pháp chết: vì tương tục biến hoại. Có pháp ly dục: vì tương ưng với quá hoạn. Có pháp diệt: vì tất cả pháp hữu vi đều có ra khỏi xa lìa.

Lại nữa, “đoạn không sót thừa” là cú chung. Nói vĩnh viễn xả bỏ: đoạn các triền. Vĩnh viễn biến đổi nhả ra: đoạn tùy miên. Vĩnh viễn tận: giải thoát quá khứ. Vĩnh viễn ly dục: giải thoát hiện tại. Vĩnh viễn diệt: giải thoát vị lai. Vĩnh viễn tịch tĩnh: do kiến đạo. Vĩnh viễn diệt chết: do tu đạo. Nên biết trong đây do hai chủng đạo nên đoạn sự phiền não, hiển đoạn không sót thừa.

Quyển 84
PHÂN NHIỆP DỊ MÔN
Phẩm Hạ

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Ba chủng dục, mời thỉnh
Vì pháp, tăng, huệ thí
Chán, phạm chí, vô thường
Bọt nước thấy là sau.*

“Các dục vô thường, hư ngụy, không thật” tức tuyên nói các dục là điên đảo. Vì có sao? Vì dụng 4 chủng nên biết sự điên đảo của chúng. Tức trong đây vì hư nên vô ngã, vì ngụy nên bất tịnh, vì không thật nên khổ, vì lẽ ở nơi các dục vui chẳng thật. Nhưng vì các dục kia chúng hiển hiện hết thấy giống như thường, nên được gọi là pháp hư vọng, là sự điên đảo.

Sao nói các dục là pháp hư vọng? Vì hiển nghĩa đây nên dụ kia như việc huyền. Tuy không phải thường, nhưng hiển hiện tương tự thường,

nên đồng pháp kia. Đối gạt mê hoặc kẻ ngu: kẻ ngu vì không thấy nghe, không như thật biết các dục kia, trong đêm dài hằng bị kia lừa dối mà lại sanh sâu đắm nhiễm, bị bức xúc bởi sự biến hoại khổ. Người thông tuệ thì không như vậy, vì như thật biết các dục kia.

Lại các dục kia dụ như xương khô, vì khiến không no đủ; dụ như đông thịt, vì chúng có nhiều; dụ như bó đuốc cỏ, vì làm nhân cho ác hạnh hành phi pháp; dụ như một phần tro nóng, vì tăng trưởng ái dục khiến nhiệt não mạnh mẽ; dụ như rắn độc lớn, vì là chỗ các thánh hiền xa lìa; dụ như chỗ được trong mộng, vì nhanh chóng tan hoại; dụ như chỗ vay mượn đủ thứ vật để trang nghiêm, vì nương gá các duyên; dụ như quả chín đầu cành, vì có nguy cơ rơi xuống đất.

Lại “bất tịnh” là cú chung. Nói xú uế: vì khi đã thọ dụng thức uống ăn rồi, kế tiếp chúng bị biến hoại. Chỗ biến hoại thành phân, nước tiểu bất tịnh gọi là nơi xú uế. Chỗ biến hoại thành máu thịt... gọi là sanh xú uế. Đáng chán lìa: vì chỗ thọ dụng dâm dục biến hoại mà thành, thật là xấu xa đáng xả lìa.

Lại nữa, nên gọi mời: vì xả bỏ của cải thế gian. Nên phụng thỉnh: vì tận dứt tham ái. Muốn cầu quả báo, cho nên gọi mời. Muốn cầu giải thoát, cho nên phụng thỉnh. Nên chấp tay: tức là hai hành động vào lúc gọi mời và phụng thỉnh. Nên hòa kính: vì nên lễ bái hỏi thăm, vì nên cùng kia đồng giới kiến. Vô thượng phước điền của đời nên phụng thí: vì huệ thí đối với vị kia được quả vô lượng vậy.

Lại, thiện thuyết: văn nghĩa diệu khéo thiện xảo. Hiện thấy: ở trong hiện pháp khả chứng đắc. Không nhiệt: vì lìa phiền não. Không thời: vì ra khỏi ba đời. Khó dẫn: lão, bệnh, tử... không thể dẫn đoạt. Khó thấy: ở trong cõi trời... chẳng thể thấy. Bên trong tự sở chứng: chỉ tin người mà không có khả năng chứng. Các bậc có trí: là bậc học và bậc vô học. Làm nhà cửa, làm cồn bãi, làm chỗ cứu hộ, làm chỗ quay về, làm chỗ hướng đến: do cú sau giải thích cú trước, hiển nghĩa xuất ly.

Lại vì năng rõ biết bốn Thánh đế, gọi là chánh kiến. Sanh khởi: ở mọi lúc đều năng phát sanh. Đã sanh khởi: ở đời quá khứ trụ vị vô học. Nay sanh khởi: ở đời hiện tại, hoặc đã chứng đắc, hoặc tu

viên mãn. Sê sanh khởi: hoặc chưa chứng đắc, hoặc siêng tu tập. Nên tu, nên tập, nên nhiều tu tập: tùy chỗ thích hợp nên biết như trước đã thuyết. Nên tùy phòng hộ: tùy thuận xa lìa pháp thối đọa. Nên xúc: tức bằng thân thể. Nên tác chứng: hoặc quả, hoặc trí thù thắng, như nói: “Ta đê chứng đạo”. Thuyết đúng thời: hoặc rõ biết người kia mong muốn vui nghe và đủ khả năng nghe: mới vì kia thuyết, người nghe pháp phải ngồi thấp hơn... gọi là đúng thời. Nên thuyết theo đúng thứ tự: trước tiên nếu rõ biết người kia vui muốn tăng thượng rồi, liền ân trọng tùy theo khả năng có được mà tận lực vì kia thuyết pháp; chỉ vì muốn khai thị nghĩa sai biệt mà người kia chưa từng được nghe, không chỉ dùng ngôn từ hoa mỹ vui thích để thuyết; tiếp theo vì kia khai thị nghĩa. Tùy mật: giả sử phòng có nạn. Tùy hội: vì kia giải thích chỉ dạy. Khiến hoan hỷ: giáo hóa người khiến họ lãnh thọ lời dạy. Khiến vui thích: giáo hóa người ở mức độ bậc trung. Khiến hỷ lạc: giáo hóa người hỷ báng. Khích lệ: vì muốn người kia có được đức chân thật, dùng tâm điều thuận, phát lời tốt lành khen ngợi. Quở trách đui bỏ: quán người kia thật có lỗi

phạm, dụng tâm không giận dữ, tự phát lời khai thị quả trách. Đạo lý: đầy đủ bốn đạo lý là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, pháp nhĩ đạo lý và chứng thành đạo lý. Có ích: không xả bỏ sự thực hành. Không tạp: vì không lẫn tạp, vì có sự liên kết. Có pháp: vì năng dẫn nghĩa, vì nương nơi khổ... vì có vô lượng chủng pháp do xuất ly, viển ly mà sanh khởi. Như chúng hội: tùy theo khả năng kham nhiệm của bốn chúng như Sát-đế-lợi... Dùng tâm từ: vì muốn khiến kia được nghĩa lạc. Tâm lợi ích: vì khiến làm sao để người ân trọng lắng nghe chánh pháp đều được thấu hiểu, thu được lợi ích lớn. Tâm ai mãi: vì muốn khiến người kia tu tùy pháp hành pháp. Không chỗ nương: chẳng vì lợi dưỡng, cung kính, danh xưng, tức là không nương các việc như y phục... cũng không nương sự cung kính... chỉ vì khiến người lãnh hội nhập vào chánh pháp.

Lại đối với người không có sự khinh miệt, cho đến nói rộng. Không tự cao: chẳng vì sự lợi dưỡng cung kính mà nói lời như vậy: “Chỉ có ta năng biết pháp luật như vậy, bọn các người chẳng biết”, nói rộng cho đến đã tự khen ngợi công đức rồi, lại luận bàn lỗi lầm của người. Tùy từng lúc nên nghe pháp:

đến lúc như vậy phải tự quán sát: “Ta nay cần có nhiều thực hành trong việc lắng nghe thuyết pháp”. Khi người thuyết pháp, phải chánh rõ biết: “Ta chớ ở trong tâm bị chướng ngại”, tức liền ân trọng đem tâm khiêm hạ ngồi ở chỗ thấp, đầy đủ oai nghi, tùy chỗ mà kham nhận lắng nghe chánh pháp, khởi tướng cung kính. Vì muốn sáng tỏ những nghĩa trước chưa hiểu rõ, nên phát khởi thưa hỏi. Nếu lúc được trả lời mà vẫn chưa thấu hiểu, hay sanh khởi nghi hoặc, trọn không được trách mắng, hủy chê. Đối với bậc thắng vượt hơn thì cung kính tùy thuận. Đối với người ngang bằng, hoặc đối với người kém hơn, vì cung kính pháp cũng không được khinh miệt. Đối với vị thầy thuyết pháp thâm sanh tôn trọng. Như thuyết pháp: vì sẽ thành tựu quả lợi ích thù thắng rộng lớn không gì vượt hơn. Không khinh pháp: tức không nói lời như vậy: “Lời đây chẳng trau chuốt văn tự chương cú gì cả, văn câu quá thô thiển”. Không khinh vị thầy thuyết pháp: tức không nói lời như vậy: “Chủng tánh kia ti liệt so với ta”. Không tự khinh: vì đối với sở chứng không khiếm nhược hạ liệt, tức không nói lời như vậy: “Ta không có năng lực hiểu pháp”. Tâm phụng

giáo: tâm không nhiễu loạn, chỉ muốn cầu được thông hiểu. Tâm nhất thú hương: vì muốn lãnh thọ thông hiểu văn câu sai biệt. Lắng tai nghe: vì muốn rõ biết âm vận sai biệt. Tu trị ý: vì muốn ngộ nhập nghĩa thâm sâu. Ở tất cả tâm không gì mà không buộc niệm: vì muốn lãnh hội không gián đoạn âm vận, văn cú nghĩa, không gì chẳng rõ biết, không gì chẳng thông đạt, vượt qua lỗi chấp không.

Lại nữa, nói “chánh hành” là cú chung. Nên hành đúng lý: trụ quả hữu học. Hành chất trực: trụ ở hướng đạo. Hành hòa kính: là vô học, bởi kia cung kính sâu đối với chánh pháp, đạo sư và học xứ... Hành tùy pháp: lúc ở nơi chuyển các nhân, tùy pháp hành pháp, do lắng nghe âm thanh của người, bên trong chân chánh như lý tư duy.

Lại nên hành đúng lý là chánh đạo và quả diệt hành. Hành chất trực: như thánh giáo mà chánh tu hành, không siểm, không cưỡng, như thật hiển hiện. Hành hòa kính: cùng cộng tương ưng với sáu pháp kiên cố. Hành tùy pháp: tùy pháp hành pháp. Các A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận cho đến nói rộng. Cứu cánh cùng tột cho đến nói rộng. Cũng gọi là xuất ly, vượt qua hào sâu, ra khỏi

hầm hố sâu, cho đến nói rộng. Vĩnh viễn đoạn năm chi, thành tựu sáu chi cho đến nói rộng. Thành tựu Dự lưu, không pháp đọa điên đảo, quyết định hướng đến ba quả Bồ-đề, cho đến nói rộng. Như vậy tất cả chi tiết trong phần *Nhiếp sự* ta sẽ rộng thuyết.

Lại nữa, “con của Đại sư” là cú chung. Từ bụng mà sanh: vượt qua sự sanh con ti liệt thấp kém của hàng dị sanh. Từ miệng mà sanh: từ thuyết pháp âm mà dẫn sanh. Từ pháp mà sanh: được sanh từ như lý tác ý, tùy pháp hành pháp. Từ pháp mà hóa: từ đường Pháp thân mà được thành lập, là giống như pháp. Pháp đẳng phần: thọ dụng tài bảo của pháp vô lậu, là giống như pháp. Các cú như vậy hiển thị sanh tăng thượng viên mãn và phần giống như pháp sanh viên mãn. Trong cú đầu tiên của tăng thượng sanh viên mãn tức là loại trừ lỗi lầm của khí. Trong cú thứ hai tức là loại trừ từ tình huyết bất tịnh mà sanh. Trong cú thứ ba là loại trừ dục tham chẳng phải chánh pháp mà sanh. Ba cú như vậy hiển thị sanh tăng thượng viên mãn. Trong cú thứ tư hiển thị tự thể giống như pháp. Trong cú thứ năm hiển thị thọ dụng giống như pháp. Hai cú

như vậy hiển thị phần phụ tương tự pháp của sanh viên mãn.

Lại nói thứ tự là duyên. Tập là nhân. Vì duyên tăng thượng gọi là chủng loại kia. Vì nhân tăng thượng gọi là sở sanh kia. Tuy từ nhân sanh ra mà tích chứa thế lực duyên mới được sanh khởi, làm nương cho kia vậy. Lại ở trong đây, cú sau sẽ giải thích cho cú trước.

Lại, “khéo thấy” là cú chung. Khéo biết: biết pháp nghĩa. Khéo tư duy: như chánh lý mà tư duy. Khéo thông tuệ: biết toàn phần. Khéo thông đạt: biết như thật. Hai cú sau hiển tánh khéo thấy. Hai cú trước hiển gia hạnh kia.

Lại nói thánh, vì vô lậu, vì tương tục trong hàng thánh giả. Xuất ly: vì vượt khỏi tất cả khổ của ba cõi. Quyết đạt: vì rốt ráo xuất ly không thối chuyển.

Lại nữa, các pháp đều lấy Thế Tôn làm gốc, bởi Phật Thế Tôn là bậc tối sơ hiện Đẳng Giác. Thế Tôn làm mắt: vì hiện Đẳng Giác rồi, khai thị hết thấy trời, người. Thế Tôn làm chỗ nương: ở nơi pháp sở thuyết, tùy theo sự nghi hoặc sanh khởi mà năng khai thị giải thích tất cả.

Lại, Phật Thế Tôn năng làm mắt: vì năng dẫn phát tuệ câu sanh. Năng làm trí: vì năng dẫn phát tuệ gia hạnh. Năng làm nghĩa: vì năng dẫn phát tuệ thành tựu do tư. Năng làm pháp: vì năng dẫn phát tuệ thành tựu do văn. Ở nơi nghĩa chưa hiển rõ năng quyết liễu: vì năng đoạn tất cả nghi hoặc. Năng làm chỗ nương của tất cả nghĩa: là năng dẫn phát sự hưng thịnh của tất cả thế gian và xuất thế gian.

Lại nữa, nói nhàm chán, đó là ở vị kiến đạo. Ly dục, đó là ở vị tu đạo, rốt ráo ly dục. Diệt, đó là ở vị vô học, tất cả y đều diệt. Hai chủng trước ở vị gia hạnh, tu tập hạnh nhàm chán và hạnh ly dục. Một chủng sau ở vị vô học, hành ở nơi diệt hành.

Lại, nói nhàm chán: do kiến đế, ở nơi tất cả hành đều nhàm chán trái lìa. Ly dục: do ở vị tu đạo, vĩnh viễn đoạn trừ tham. Giải thoát: do lìa tham. Một hướng an ẩn: đối với phiền não sót lại, tâm được giải thoát. Khấp giải thoát: vì đoạn phiền não, ở nơi khổ sanh... khấp đều được giải thoát.

Lại nữa, nói Bà-la-môn: vì đoạn trừ các ác, vì rốt ráo đến bờ kia là tướng đây. Không do dự...: vì ở nơi điều chứng đắc của bản thân lìa nghi hoặc.

Đoạn các việc làm ác: đối với việc nên làm, không việc gì không làm; đối với việc không nên làm, quyết định không làm. Là các tham ái: không ham thích lợi dưỡng cung kính. Ở nơi có, chẳng phải có, không đấm trước tùy miên: vì vĩnh viễn đoạn tùy miên. Nên biết trong đây, hoặc đời hiện tại, hoặc đời vị lai, gọi là có. Đời quá khứ gọi là chẳng phải có. Do các cú đây hiển bày quán sát tướng Bà-la-môn không điên đảo. Do ba cú trước hiển bày quán sát tướng đa văn và chánh biết của kia. Nếu kia không chân chánh tu tập phẩm thiện, lại hiển bày quán sát tướng kia bằng câu thứ tư.

Trong đây, đấm trước là 8 chủng đấm trước. Ở đời quá khứ nhiếp lấy *chẳng phải có* sanh khởi ưu buồn đấm trước. Ở đời hiện tại nhiếp lấy *có*, có năm chủng đấm trước: 1. Sanh khởi tu trị; 2. Sanh khởi cứu hộ; 3. Sanh khởi ngã sở; 4. Sanh khởi cao hơn; 5. Sanh khởi thấp hơn. Ở đời vị lai nhiếp lấy *có* thì có sanh khởi hành, sanh khởi động. Tổng hợp ba đời đây gọi là vì sanh khởi hậu trọng, vì sanh khởi sự hám ngọt. Sanh khởi ưu buồn: vì chỗ yêu thích bị biến hoại. Sanh khởi tu trị: vì nhiếp lấy chấp ngã, năng tăng trưởng nghiệp hậu hữu,

năng gây tạo tất cả dụng mạnh mẽ. Sanh khởi cứu hộ: vì ở nơi sự bức não mà mong cầu cứu hộ. Sanh khởi ngã sở: vì chấp làm ngã sở. Sanh khởi cao hơn: vì kế chấp “ta là hơn” nên khởi kiêu mạn, như Thế Tôn nói: “Như chúng sanh thế gian giương cao cờ mạn”. Sanh khởi thấp hơn: vì kế chấp “ta là hạ liệt”, cũng là khởi kiêu mạn. Sanh khởi hành: là yêu thích mong cầu ở đời vị lai. Sanh khởi động: mong cầu rồi, phương tiện tìm kiếm. Sanh khởi hậu trọng: tức là vui thích những vật không thể ăn dùng như vàng, bạc... có thể dùng để mua bán trao đổi. Sanh khởi sự hám ngọt: vì có thể ăn cùng.

Lại có sai khác: năm cú sau lược hiển đạo và tác chứng quả đạo. Đây lược hiển đạo của Bà-la-môn: đó là không do dự... đoạn các việc làm ác, lia các tham ái, ở nơi có, *chẳng phải có* không dấn trước, tùy miên. Các cú như vậy lược hiển thu được tác chứng quả đạo, vì ở nơi những điều ghi nhớ hiểu biết, đoạn trừ nghi hoặc; vì ở trong sở hành, đoạn trừ tất cả sự quên mất thực hành pháp; vì ở đời vị lai, đoạn nhân khổ; vì ở đời hiện tại, đoạn nhân khổ thô trọng.

Nói có, ở trong nghĩa đây nên biết tác ý các

tướng nhiếp thuộc ba cõi. Chẳng phải có: tác ý tư duy ở nơi vô tướng giới. Đắm trước: ở trong nghĩa đây chính là tham sân si. Như các bậc hữu học ở nơi Vô tướng định vẫn còn tùy miên, các bậc A-la-hán không còn tâm tư, hý luận, đắm trước và tướng. Bốn chủng tạp nhiễm như vậy, hai chủng trước là phẩm xuất gia, hai chủng sau là phẩm tại gia. Do đắm trước tùy miên nên tạp nhiễm kia được sanh khởi. Những người xuất gia do nhớ nghĩ tìm lại cảnh đã từng thọ dụng, nên sanh khởi tâm tư; do động loạn hiện hành, nên có hý luận. Những người tại gia trụ cảnh hiện tiền, nên có tướng, có đắm trước. Do có nhiễm đắm nắm giữ các tướng, nên có hai chủng nhân duyên tạp nhiễm, đó là không như lý tác ý và pháp xứ thuận theo kia. Do nhân duyên đây, tạp nhiễm sanh khởi. Cho nên nói đây là nhân duyên của tạp nhiễm.

Lại nữa, nói “sở hữu vô thường đều là khổ”, đây bao gồm những nghĩa nào? Hoặc có các loại đồng phạm với vô thường như sanh, lão... các nhóm khổ sanh khởi. Hoặc nương các xúc nên có các thọ: vì kia đều biến hoại, sanh rồi tìm đến diệt, nên nói các thọ thấy đều là khổ. Hoặc có pháp sanh

khổ và có pháp hoại khổ: vì kia đều vô ngã, tự chẳng phải ngã. Nơi ấy cũng không có ngã. Do đây nhiếp thọ hành “không”, “vô ngã”.

Lại, hiểu rõ: là tuệ thành tựu do nghe, do các bậc trí luận thuyết như vậy. Hiểu rõ hết thấy: là tuệ do tư mà thành tựu. Hiểu rõ thẳm sâu: là tuệ do tu mà thành tựu. Tức ở trong ba tuệ hành như vậy mà có sở hữu các nhãn, gọi là hỷ lạc, hoặc hỷ lạc hết thấy, hoặc hỷ lạc khắp. Lại có tùy quán vô thường, tùy quán đoạn, tùy quán ly dục, tùy quán diệt, như *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt.

Lại, chỗ tổn hại của lực vô thường cho đến nói rộng, nên biết trong đây tăng thêm một sự tóm lược văn hiển vô thường... sai biệt, như chỗ thích hợp chướng ngại sai biệt là sau cùng. Do muốn hoạch đắc chỗ chưa hoạch đắc: vì ban đầu muốn đắc, hoặc trước đã từng có sở chứng thấp kém. Tác chứng ở bậc cao hơn sai biệt: tức là ở nơi đoạn mà tác chứng. Quán sát: đây nói tuệ. Thẳm lự: đây nói tam-ma-địa. Như lý quán sát: đây nói “hai pháp không điên đảo triển chuyển”. Tuy thật không có mà lại hiển hiện: vì ở trong đây không thật vui. Hư: vì không, vô ngã. Ngụy: vì bất tịnh. Không bền

chắc: vì vô thường. Đây tức hiển thị không có bốn sự diên đảo.

Lại nữa, sắc như đông nước bọt: vì nhanh chóng tăng giảm; vì thủy giới phát sanh, như nghĩ đến mùi vị thức uống ăn nước miếng chảy ra; vì kia không thể uốn nắn, không như đất sét mà khiến chuyển biến làm thành những hình dạng khác nhau, cho nên nói là không thể uốn nắn. Lại thật chẳng phải đông mà hiển dụ giống như đông, vì năng khiến hữu tình phát khởi sự hiểu biết.

Thọ dụ bọt nước nổi: vì ba hòa hợp sanh, trụ không bền lâu, tương tự pháp. Như đất: vì chỗ các căn kia sanh khởi nương tựa. Như mây: là các cảnh giới. Như mưa: là các thức. Mưa tuôn rơi: là các xúc. Như bọt nước nổi: vì các thọ nhanh chóng khởi rồi tan diệt, không trụ bền lâu.

Tướng đồng như bóng nắng: vì tánh điều động, vì vô lượng chủng tướng thay đổi sanh khởi, vì khiến nơi sở duyên mà phát khởi diên đảo, vì khiến cảnh giới hiển rõ ràng, vì do phân biệt đây thành tướng nam nữ... sai biệt.

Hành thuộc loại cây chuối. Như người mắt sáng: là Thánh đệ tử. Dao bén: là đao diệu tuệ. Vào

rừng: vì ở nơi năm đường, khởi ý phan duyên cuốn theo chủng chủng tự tánh các thứ khổ sai khác, các cây pháp giống nhau. Vì giữ lấy cây chuối đứng thẳng: tác giả, thọ giả, ngã kiến. Đào sạch gốc của kia: đoạn ngã kiến. Bẻ gãy lá: phân tích tỉ mỉ đến ngọn “chỉ là chủng chủng các pháp hành tư..”. Ở trong đây đều không chỗ nào năng thu hoạch được: vì trải qua thời gian không trụ bền chắc lâu dài. Hà hướng thật bền chắc: hà hướng có cái khác thường hằng thật ngã, tác giả, thọ giả mà có thể thấy được.

Thức như việc huyền. Huyền sĩ: thức hành theo phước, phi phước, bất động. Trụ ngã tư đường: trụ bốn thức trụ. Tạo làm bốn chủng sự huyền hóa: là voi, ngựa... như thân voi tuy hiện có thể thấy mà không chân thật là thân voi. Như vậy nên biết thức hành theo phước, phi phước, bất động, trụ bốn thức trụ, tuy có tướng ngã, người làm, người thọ... có thể thấy, nhưng không chân thật tánh ngã khả đắc. Lại thật tánh của thức ẩn bên trong, bên ngoài hiện tướng khác, giống như hình tượng huyền.

Lại nữa, đã thuyết dị môn phẩm bạch, nay Ta sẽ thuyết dị môn của phẩm hắc. Ốt-Đà-Nam nói:

*Sanh, lão, tử, nhóm thầy
Khả hân thầy, phiên nã
Nói rộng tham sân si
Ít thầy sai biệt thầy.*

Nói sanh, là ban đầu kết sanh, tức ở vị danh sắc... Sanh: lúc thai tạng đã đủ tháng. Xuất: ra khỏi thai. Hiện: từ vị anh nhi cho đến vị thiếu niên và trung niên. Khởi: cho đến vị lão niên.

Lại, uẩn đắc: ở vị danh sắc. Giới đắc: ở trong vị dây có được chủng tử kia. Xứ đắc: danh sắc tăng trưởng, sáu xứ đầy đủ. Các uẩn hiện: từ vị ra khỏi thai cho đến vị già nua. Mạng căn khởi: xả chúng đồng phận cũ, chọn lấy chúng đồng phận mới.

Lại nữa, nói về lão. Té ngã: gặp tuổi suy yếu bước đi đến lui nhiều khó khăn, vấp ngã. Đầu bạc: tóc lông biến đổi thành trắng bạc. Nhiều nếp nhăn: da có nhiều nếp nhăn. Suy yếu: gặp lúc tuổi suy yếu tức da vàng khô nứt nẻ, không tươi nhuận. Hư hoại: sức lực dững kiện đều không còn, xương sống cong vẹo, thân hình khom chúi về trước, đi đứng nương nhờ gậy, nhiều các nốt đen, xanh đen khắp thân thể. Già không nhanh nhẹn: đối với việc đi,

đứng, ngồi... thấy đều không thể linh hoạt. Gây yếu: các căn thiếu sáng suốt khi tiếp xúc các cảnh. Suy thối: trí nhớ không minh mẫn. Khấp suy thối: các căn kia từ niệm, hơi thở, cho đến nháy mắt thấy dần dần tổn giảm. Các căn thực: tức kia suy phế, không còn khả năng chịu đựng. Các hành mục nát: chỗ nương của các căn đã trải qua thời gian lâu. Thế hư bại: tức là tánh kia suy giảm biến đổi.

Lại nữa, nói vẫn: xả bỏ thân hình. Chung: vào thời chết. Táng: vào lúc đây vẫn còn thi hài. Một: vào lúc đó, thi hài tận diệt. Lại, táng: còn sắc thân để làm căn cứ. Một: chỉ căn cứ theo danh thân. Thọ thối, hơi ấm thối: lúc sắp lâm chung, tim còn đập. Lúc mạng căn diệt: tất cả tuổi thọ đều hết. Tử: thức xả bỏ, tim ngừng đập. Qua đời: từ lúc chết cho đến về sau, hoặc trải qua một tuần, hoặc trải qua hai, ba tuần...

Lại nữa, tất cả ngu phu dị sanh ở nơi sáu xứ do chấp ngã, gọi là chứa nhóm; do chấp ngã sở, gọi là giữ gìn. Vì dụng hữu thân mỗi mỗi sai khác làm căn bản, kiến thú của các dạng loại thế gian sai biệt, ngã mạn tăng thượng, ái hiện hành, nên gọi là che giấu. Vì sở hữu sáu xứ thuận theo thọ vui có

tham dục, gọi là vị. Vì sở hữu sáu xứ thuận theo thọ khổ thì có sân khuể, gọi là kiết. Vì sở hữu sáu xứ thuận theo thọ không khổ không vui có ngu si, gọi là hợp. Vì sở hữu sáu xứ có luyến tiếc đời quá khứ, gọi là tùy miên. Vì sở hữu sáu xứ có mong cầu đời vị lai, gọi là hệ thuộc. Vì sở hữu sáu xứ có đăm nhiệm ở đời hiện tại, gọi là chấp trước. Đối với sáu xứ của thân khác mà mình nhiếp thọ, thì chấp làm ngã sở. Đối với sáu xứ của thân khác hoặc kém, hoặc bằng, hoặc hơn, không do mình nhiếp thọ, vì nương chủng loại mạn, phát khởi mạn. Ở nơi bất định địa hệ buộc Dục giới, phát khởi sở hữu mong cầu về sau. Ở nơi định địa hệ buộc Sắc, Vô sắc, bởi rộng lớn vi diệu nên tùy chỗ thích hợp phát khởi hậu trọng. Phẩm tại gia nương sắc thanh hương vị xúc, bởi ái vị quyến thuộc đuổi theo mà phát khởi vị hám ngọt. Phẩm xuất gia nương sáu xứ, bởi giải đãi phóng dật phiền não, nên ở khắp tất cả không thể xả ly.

Lại nữa, nên biết trong bốn cú khả hân, khả lạc, khả ái và khả ý đây, lược hiển sự việc đáng yêu thích. Sự việc đáng yêu thích đây lược có ba chủng: 1. Sự khả mong cầu; 2. Sự khả tâm tư; 3. Sự khả

đám trước. Sự việc đáng yêu thích ở vị lai, vì đáng mong cầu gọi là khả hân. Sự việc đáng yêu thích quá khứ, vì chỉ đáng vui, vì chỉ đáng muốn gọi là khả lạc. Sự việc đáng yêu thích hiện tại lược có hai chủng: 1. Sự cảnh giới; 2. Sự lãnh thọ. Nếu sự cảnh giới, vì đáng yêu thích gọi là khả ái. Nếu sự lãnh thọ, vì đáng yêu thích gọi là khả ý. Như vậy đã thuyết các sự việc đáng yêu thích hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc cảnh giới, hoặc lãnh thọ có sự sai biệt. Hoặc còn có tên là sự khả mong cầu, hoặc sự khả tầm tư, hoặc sự khả đắm trước, cho nên tuyên thuyết tất cả các cú sai biệt như vậy.

Lại, khả hân: vì đáng mong cầu hệ thuộc đời vị lai. Khả lạc: hiện vui muốn không chán đủ hệ thuộc đời hiện tại. Khả ý: tùy nhớ nghĩ tìm lại những điều vừa ý hệ thuộc đời quá khứ. Khả ái: tương diệu sắc khả ái thông cả ba đời. Khả dục: nhớ nghĩ đẹp ý. Dục sở dẫn: vì hệ buộc Dục giới, hoặc vì thuận theo hai chủng thọ dụng dục sai biệt. Khả nhiệm trước: vì ở xứ tham.

Lại nữa, vì ở nơi năm chủng sự năng hòa hợp, gọi là kiết. Năm chủng sự: 1. Sự sở kiết; 2. Sự năng

kiết; 3. Sự tội lỗi; 4. Sự đả lưu; 5. Sự hướng đến. Sở duyên các kiết gọi là sự sở kiết. Vì cơ sao? Do ái khuể... ở nơi mỗi mỗi sở duyên tùy theo tướng sai biệt mà hòa hợp. Tức các kiết kia triển chuyển dẫn dắt nhau mà hòa hợp, gọi là sự năng kiết. Do nhân duyên các kiết khiến sanh tội lỗi trong hiện pháp, cho đến lãnh thọ tâm pháp ưu khổ do từ kia sanh khởi nên kia năng hòa hợp, gọi là sự tội lỗi. Vì đời đương lai nhân của tham... mãnh lợi phát sanh tạo thành mà hòa hợp, gọi là đả lưu. Lại năng sanh năm đường, vì ở trong các đường năng hòa hợp, gọi là sự hướng đến. Do nhân duyên đây tự hành ác hạnh, bị người dùng roi đánh đập trừng phạt, trói buộc bắt bớ, quở trách mắng chửi, đuổi bỏ gia hại... sanh khởi chủng chủng các thứ khổ, gọi là năng tự tổn mình. Hoặc tự mình không gặp những điều như vậy mà khiến người gặp, gọi là năng tổn người. Hoặc do kia nên cả mình và người đều gặp, gọi là đều năng tổn cả hai. Năng sanh tội hiện pháp: do việc kia nên gặp chủng chủng sự khổ như đã thuyết, nhưng có sự việc không nhất định dẫn đến các đường ác. Năng sanh tội ở hậu pháp: cũng các việc trên, nhưng có sự việc tuy ở

hiện pháp người không biết, các tội lỗi kia lại là nhân đến các đường ác. Năng sanh tội ở hiện pháp hậu pháp: đủ cả hai chủng. Lại ở hiện pháp lòng ôm nhiều nhiễm đấm, sự mong muốn không toại ý, nên rộng sanh chủng chủng tâm pháp ưu khổ ở đương lai dẫn đến các đường ác. Kiết tuy vô lượng nhưng gom chung lược có 9 chủng.

Lại trong phạm vi nghĩa không theo ý muốn, cho nên thuyết có ba phược là tham, sân, si. Do nhân duyên tham, sân, si kia nương ba thọ, tuy muốn thoát khỏi chúng mà không thể thoát, nên gọi là phược.

Lại, sự đuổi theo của chúng tử phiền não phẩm thô trọng, gọi là tùy miên, cũng chính là nghĩa tùy phược, cũng chính là nghĩa vi tế. Căn bản của tùy miên đây chỉ cần có bảy chủng.

Lại vì từ phiền não sanh, vì gần gũi phiền não, vì tùy não loạn tâm, gọi là tùy phiền não. Trừ bảy tùy miên, tất cả tâm pháp nhiễm ô còn lại đều là tùy phiền não.

Lại nghĩa hiện khởi tương tục, không đoạn dứt, gọi là triền. Triền có tám chủng, đó là không tà...

Lại kia năng khiến chuyển thành phẩm thượng tương tục sanh khởi, năng khiến thân tâm không thể kham chịu, thuyết là “chu ngọt”, như ruộng không thể gieo trồng.

Lại vì mỗi chủng riêng biệt, vì kia phát sanh nghi có sai khác, nên thuyết năm tâm “chu” như tham... cũng riêng biệt, nên nói có 3 chủng.

Lại vì kia năng khiến không thanh tịnh, gọi là cấu. Lại vì ở các xứ môn thường rỉ chảy, gọi là nễ-già; vì thường năng hại, cũng gọi là nễ-già.

Lại kia năng khiến không tịch tịnh, gọi là tên. Như lúc trúng tên độc mà chưa nhổ bỏ, thì không thể an ổn.

Lại vì năng chướng xả, vì có hý luận, gọi là sở hữu.

Lại kia khiến hành phi pháp, hành không quân bình hiện tại tiền, nên gọi là ác hạnh.

Lại kia năng khiến khởi hết thấy phiền não các ác hạnh, nên gọi là căn.

Lại kia năng khiến xuất sanh sự sanh đương lai, nên gọi là lậu.

Lại đã sanh rồi, do già chết... khiến thiếu thốn, nên gọi là thiếu thốn.

Lại chịu sự thiêu đốt do không yêu thích mà gặp nhau, yêu thích mà chia lìa, tham cầu lợi dưỡng, gọi là thiêu.

Lại kia năng khiến sâu thán khổ ưu não, gọi là não.

Lại kia năng khiến thuận dòng mà chìm nổi, gọi là bạo lưu.

Lại nương tiền tế năng là phương tiện thù thắng lưu chuyển sanh tử ở hiện pháp, gọi là ách.

Lại nương hiện tại năng là phương tiện thù thắng của vị lai, gọi là thủ.

Lại vì khó hiểu, gọi là hệ. Lại ở sự sở tri năng chướng ngại trí, gọi là cái.

Lại so với Sắc giới, Vô sắc giới, thì Dục giới là phần hạ. So với tu đạo, thì kiến đạo là phần hạ. Do phạm vi hai phần hạ sai biệt đây, tùy chỗ thích hợp nên gọi là năm hạ phần chướng, cũng gọi là năm hạ phần kiết. Trái với tướng đây, nên biết là năm thượng phần kiết.

Lại nói rừng, tức năng sanh chủng chủng tánh thể khổ uẩn. Do gần gũi ái nên kia được tăng trưởng, gọi là rừng rậm.

Lại năng phát khởi các đấu tranh kiện tụng..

chúng chúng phần hận đua tranh, nên gọi là tránh. Sở trị của chính nó nên gọi là hắc. Năng dẫn khổ nên gọi vô nghĩa. Không chỗ dùng nên gọi là hư xấu. Tánh nhiễm ô nên gọi là có tội. Không nên thân cận tập theo gọi là nên xa lìa. Hủy phạm tịnh giới đã thọ gọi là phá hoại giới.

Lại, pháp ác: vì không tâm không quý, không tin Phật... hủy báng Thánh hiền, tương ưng tà kiến rất mạnh mẽ; lại vì hiện hành chúng chúng ác pháp; lại vì tâm có tham dục sân khuể... cho đến nói rộng. Nên biết trong đây, kẻ bên trong hư bại: vì bên ngoài giữ tướng Sa-môn, bên trong không pháp Sa-môn, như cây gỗ lớn lớp da ngoài nhìn đẹp đẽ chắc chắn, bên trong bị một ăn rỗng bọng không thật. Sanh sản hạ: rộng như sanh sản của loài hạ, không phải sanh từ cửa pháp như trước thuyết. Nước sanh ốc: vì sự nghe thọ ở đây tương tự như nước, chỉ để trừ cơn khát của ái. Nếu các Bí-sô phạm cấm giới... như ốc kia làm ứ bản nước trong sạch, cho nên giống như nước có ốc chẳng thể dùng uống, phải nên xa lìa. Loa âm cầu hạnh: các Bí-sô tập hành ác hạnh, khi thọ lợi dưỡng ngoại cụ, tự xưng niên lạc cao nhất. Thật chẳng phải Sa-

môn mà tự xưng Sa-môn: vì đã mất phạm Bí-sô mà tự xưng có phạm Bí-sô; vì thật tâm ôm ác dục mà tự xưng “Ta là chân Sa-môn bậc nhất”. Phi phạm hạnh: thật chẳng xa lìa pháp uế dâm dục mà tự xưng “Ta đã xa lìa”. Lại mất tánh Bí-sô mà tự xưng có tánh Bí-sô, nên gọi là vọng xưng phạm hạnh. Thật chẳng phải Sa-môn mà tự xưng “Ta là chân thật Sa-môn bậc nhất”, nên gọi là vọng xưng Sa-môn.

Lại xả bỏ giới đã thọ, nên gọi là phá giới. Trước đã bỏ ác pháp, trở lại nắm giữ, gọi là pháp ác. Hình tướng, ý lạc xoay vần không tương xứng, do nhân duyên đây gọi là bên trong hư bại. Tùy theo muốn mà đi đứng, gọi là sanh sản hạ. Hủy nhục điều đã nghe gọi là nước sanh ốc. Do tà thọ dụng các tín thí, gọi là loa âm cầu hạnh. Tà ngôn thuyết gọi là vọng xưng phạm hạnh Sa-môn. Lại có tham sân si phần hận... cho đến nói rộng các sự hỗn tạp phiền muộn, như trong phần *Nhiếp sự* Ta sẽ nói rộng. Lại có vô thường, khổ, không, vô ngã, pháp sanh, pháp lão cho đến thiêu đốt, tùy theo từng dạng loại Ta sẽ rộng thuyết.

Lại nữa, nhiễm: vì vui đắm trước thọ dụng.

Trước: vì đối với điều nào đó, đoái hoài thương tiếc. Tham tài bảo vật thực: vì mong cầu có được sự thọ dụng ở vị lai. Nuốt hít vào: lại thêm bị sự nuốt hít của trợ bạn phiền não. Mê muộn: về sau sẽ thuyết. Đắm trước: những gì đã được chấp chặt kiên cố, không thể xả bỏ. Tham cầu: đối với những gì chưa được thì truy cầu, siêng năng gia hạnh để tìm kiếm. Dục: những gì chưa đắc, đã đắc, mong cầu thu được và thọ dụng. Tham: trong lúc thọ dụng thì vui thích, đắm trước kiên cố. Gần gũi và vui ái: tương đậy như đã thuyết trong gần gũi và ái lạc. Tàng: ở bên trong nhiếp lấy tự thể, yêu thích điều ấy. Hộ: ở trong sự tương tục của người, yêu thích điều ấy. Chấp: ở trong ngã sở yêu thích điều ấy. Khát: mong cầu tăng gấp bội. Chỗ nhiếp: cư trú ở xứ tham. Chỗ kiêu: cư trú ở bảy xứ kiêu. Chỗ dục: ở chủng chủng phẩm loại thọ dụng cư trú nơi tham dục. Chỗ gần gũi: yêu thích đuổi theo, luyến tiếc các việc trong quá khứ. Chỗ ái lạc: yêu thích đuổi theo các hân hỷ ở hiện tại.

Lại trong hiện pháp thường xuyên tập quen ái, gọi là gần gũi; đời trước thường xuyên tập quen phát sanh ái, gọi là ái lạc. Chỗ mê muộn: vì bên

trong không thể quán sát công đức và lỗi lầm. Chỗ tham trước: cư trú nơi tâm đắm mê vui thích. Chỗ phược trước: cư trú nơi tham sân si. Chỗ hy cầu: cư trú nơi năng sanh ái. Chỗ hệ phược: cư trú nơi tất cả kiết. Là kẻ ác: vì năng hòa hợp pháp bất thiện. Vì khiến sanh hỷ lạc hiện tiền: đó là hy vọng. Vì khiến sanh nói năng hiện tiền: đó là lấy ngôn ngữ mà truy cầu. Vì khiến chứng đắc mà sanh thúc bách: đó là sanh tham trước nên thân truy cầu. Trụ đắm trước: vì bảo vệ giữ gìn điều đã được, không xả bỏ. Nhiễm thấy: ở nơi thọ lạc mà khởi tham dục. Ác thấy: ở nơi thọ khổ mà khởi sân khuể. Ngu thấy: ở nơi ba thọ mà khởi ngu si. Luyến tiếc: ở nơi quá khứ. Hệ buộc tâm: ở nơi vị lai. Lao nhọc: do nhân duyên kia đang phát khởi truy cầu. Thiêu đốt: những điều mong muốn được quả toại ý, khởi tâm nhiễm ô. Thiêu: điều mong muốn bị suy tổn, khởi tâm nhiễm ô. Nảo: điều đã được mà bị biến hoại. Cầu đảo: hiển thị chấp trước yêu thích sự tốt lành. Xúc đối: hiển thị chấp trước yêu thích xúc chạm, cầm nắm. Hy cầu: hiển thị chấp trước yêu thích cùng lợi. Hân duyệt: hiển thị chấp trước yêu thích tư duy như ý.

Lại ở nơi các dục, nơi tâm thú nhập thanh tịnh cho đến nói rộng. Ở năm chủng xuất ly giới nên biết như trước đã thuyết trong *Tam-ma-hi-đa-địa*. Kiêu say: vì cộng tướng cùng ba kiêu. Cực kiêu say: vì nương dựa kiêu, khắp trong các pháp ác bất thiện, năng khiến tâm không được phòng hộ. Hường đến kiêu say: ở nơi kiêu say, chuyển vận theo nhân duyên đó mà lãnh thọ tùy thuận. Ở trong các dục sanh kiêu thấy: không quán thọ dụng dục là lỗi lầm. Bình an: là tự tướng thọ lạc. Lãnh thọ: cộng tướng các thọ. Hường đến thọ: tướng nhân thọ khác. Lại, dục tham: kiên cố đắm trước hết thấy tham, như tham tài của vật thực, tướng đây trong *Văn sở thành địa* đã thuyết.

Lại nữa, nói cấu bên trong, tức là đối với người oán, ý muốn ôm lòng giữ chặt không xả bỏ. Bên trong ganh ghét: đối với điều yêu thích mà bị chướng ngại. Bên trong chống đối: vì năng dẫn phát điều không yêu thích. Bên trong oán: vì năng dẫn phát điều không an ổn. Lại tướng bất khả hỷ, bất khả lạc, bất khả ái... thì ngược lại khả hỷ... đã thuyết ở trước.

Lại nói khổ tức tự tánh khổ, cũng tùy nhớ

ngĩ khổ. Tổn hại: vì hiện tiền khổ. Trái nghịch: tư duy khổ ở ba đời. Không thuận ý: vì khổ hiện hữu năng làm tổn hại. Lại khổ mãnh lợi, kiên cố, vất vả, gian khổ, bất khả ý... như phần *Nhiếp sự* Ta sẽ rộng thuyết.

Lại nữa, “bạo ác” là cú chung. Độc trùng cắn chích: tức là lời thô thiển châm chích. Chũ lời đối nhau: lập văn tự không căn cứ, lời thô thiển nhỏ hẹp trái nghịch. Oán hiềm: nương tựa hủy nhục. Phát phẫn: phát lời hiển phát sự vui ác ý. Khuể hại: vì dùng tay... gia hại. Trụ nhãn nhớ buồn bực: đã nóng giận, tổn hại rồi sau mặt mày nhãn nhớ khó chịu, an nhiên trụ trong trạng thái đó. Khấp sanh phần khuể: liên tục nhớ nghĩ lại tương; không nhiều ích gặp phải, khiến sanh oán hận não loạn sâu nơi tâm, hoặc sanh phiền não não loạn nơi tâm. Do nhân duyên đây nên giam cầm nơi khổ, như thuyết: “Bí-sô giải đãi bị các ác hỗn tạp sai sử, trụ trong các thứ khổ”. Có khổ: vì kia nhiếp thọ khổ vị lai. Có thiếu thốn: vì kia xa lìa các phẩm thiện. Có tai: vì kia lâm vào các nhân hoặc khác. Có nhiệt: vì lúc sau phát sanh nhiệt não.

Lại, nói “khổ” là cú chung. Có khổ: vì tương

ung ưu khổ. Có thiếu thốn: vì thọ lạc biến hoại. Có tai: ở trong thọ không khổ không lạc, ở nơi hai điều trên không được giải thoát. Có nhiệt: ở nơi lạc... như chỗ thích hợp có lửa tham sân si.

Lại, có khổ: ở quá khứ. Có thiếu thốn: ở vị lai. Lại hại: hiển thị nhiếp thọ oán hiềm phẩm thượng. Oán và địch thì như trước đã thuyết. Lại, tôi phục: sĩ dụng sanh trái với sĩ dụng chưa sanh. Phá hoại: sĩ dụng trụ trái với sĩ dụng đã sanh. Bị cái khác thắng: công năng sanh trái với công năng chưa sanh. Cái khác rơi ở sau: công năng trụ trái với công năng đã sanh. Lại chẳng tôi phục, phá hoại, chẳng phải sở thắng, có sở thắng, các cú như vậy do các cú trước mà biết được nghĩa.

Lại nữa, không hiểu biết đối với tiền tế: tức là không rõ biết “ở quá khứ, pháp tánh các hành vô thường”. Không hiểu biết đối với hậu tế: tức là không rõ biết “ở hiện tại, pháp tánh các hành tận diệt”. Không hiểu biết đối với tiền hậu tế: tức là không rõ biết “ở vị lai pháp tánh các hành sẽ sanh và pháp tánh sẽ sanh, rồi sẽ tận”. Kể kia không rõ biết như thế: tức nương tiền tế... khởi không như lý tư duy: “Ta ở quá khứ đã từng có chăng?”. Cho đến

nói rộng: “Những gì là ta? Ta là những gì? Nay hữu tình đây từ đâu mà đến? Ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”. Đây gọi là nương tiền tế hậu tế không như lý tác ý, ở nơi pháp tánh vô thường như vậy mà ngu si không rõ biết. Ở trong các hành, ngã kiến lại theo đó triển chuyển, cho nên không thể rõ biết hai chủng ở trong và ở ngoài chỉ có pháp tánh. Nội: là nội xứ. Ngoại: là dấu vết bên ngoài. Nội ngoại: là nơi căn trụ cùng với pháp xứ, bởi các pháp kia ở nội khả đắc, lại là chỗ thâm nhiếp của ngoại xứ.

Không hiểu biết đối với nghiệp: tức là không thể rõ biết “ở các nghiệp chỉ có tánh hành”, mà lại vọng chấp cho là “ta là người làm”. Không hiểu biết đối với dị thực: tức là ở nơi phát khởi nhân nghiệp của hữu tình thế gian và khí thế gian, hư vọng kế chấp trời Tự tại là người tạo ra, người sanh ra. Không hiểu biết nghiệp dị thực: do ngu si ở khắp tất cả, nên rơi vào tà kiến phỉ báng nghiệp quả. Đây muốn tuyên thuyết chỗ không hiểu biết của ngoại đạo dị sanh ở trong các pháp. Không hiểu biết đối với Phật: tức là không rõ biết Pháp thân Như Lai và các hình tướng. Không hiểu biết

đối với Pháp: tức là không rõ biết hết thấy tướng thiện thuyết. Không hiểu biết đối với Tăng: tức là không rõ biết hết thấy tướng các hành. Không hiểu biết đối với khổ: tức là không rõ biết các tướng phân biệt trong các kinh và trong mười sáu hạnh. Không hiểu biết đối với nhân: tức là không rõ biết “ở trong các chi hữu như vô minh... năng là tánh nhân của hành...”. Không hiểu biết đối với nhân sanh: tức là không rõ biết “ở trong các chi hữu, tánh hành... từ nhân vô minh mà được sanh”.

Lại, ở phẩm pháp tạp nhiễm, thanh tịnh: vì tương ưng thiện, bất thiện; có tội, không tội; lỗi lầm, công đức. Thuận theo hắc bạch: vì phần minh, vô minh, như hắc dị thực hắc, bạch dị thực bạch; và phần có đối ngại như hắc bạch dị thực hắc bạch. Tất cả như vậy đều được sanh khởi từ nhân duyên, nên gọi là duyên sanh. Vì ở nơi tất cả kia mà không rõ biết, nên gọi là không hiểu biết. Ở nơi sáu xúc xứ không thể như thật thông đạt khắp: tức là nơi sáu xứ, thuận theo cảm xúc khiến phát sanh thọ lạc... không thể như thật khắp rõ biết là kia tịch diệt vắng lặng.

Lại, gia hạnh đây không thể ở nơi pháp mà

như thật thông đạt tri kiến hiện quán: tức ở nơi pháp kia không như thật biết. Ở kia ở đây: ở nơi như sở thuyết, hoặc sở vị thuyết. Vô trí: đối với những điều không hiện thấy. Vô kiến: đối với những điều hiện thấy ở trước. Không hiện quán: ở nơi những gì như thật chứng, không do duyên khác. Hắc ám: ở nơi sự thật không chân chánh rõ biết. Ngu si: ở nơi sự không thật, hư vọng sanh khởi tăng ích. Vô minh: ở sự sở tri không thể thiện xảo. Ở xứ kia không chân chánh liễu tri: đối với những điều đã thuyết kia và ở nơi danh, cú, văn thân, không thể hiểu rõ. Hôn ám: rơi vào tất cả tà kiến, phỉ báng.

Lại vô minh cái chướng: sẽ rộng thuyết như phần *Nhiếp sự*. Lại che giấu, ẩn chìm, hôn muội, khắp hôn muội... đã nói rộng như kế kinh "Ái". Không cung kính: vì không tu cung kính. Không tôn trọng: vì không tín đức của kia. Không quý trọng: không đáp ứng theo nhu cầu của người kia, khiến họ bị thiếu thốn. Không cúng dường: không thí lợi dưỡng. Lại không cung kính cho đến không cúng dường, nên biết cú sau triển chuyển giải thích cú trước. Lại không cung kính, không tôn trọng,

không tín mà lắng nghe pháp... đã rộng thuyết trong phần *Nhiếp quyết trạch*.

Lại, không vâng nghe: vì không muốn nghe. Không lắng nghe sâu: vì tâm tán loạn. Tâm không an trụ phụng hành lời dạy: vì không muốn thực hành tu tập. Không tu chánh hạnh: vì ở nơi tùy pháp hành pháp, không như ý lạc mà chân chánh tu hành. Lại không triển chuyển thọ học: ở nơi thánh giáo Đại sư, không thể chứng đắc.

Lại, “vui tùy miên hư ảo để trôi qua kiếp sống” là cú chung. Hư luống: không thể tu tập nhân đi đến nẻo thiện. Không kết quả: không thể đắc quả đi vào nẻo thiện. Vô nghĩa: không thể tu tập nhân đắc Niết-bàn. Không lợi ích: không thể đắc quả Niết-bàn kia.

Lại hỏi: “Ít bệnh não chằng?” vì giới của thân không bị mất quân bình. “Ít sự nghiệp chằng?” vì sự nghiệp gia hạnh đều đặn. “Dậy ở nhẹ nhàng thông tiện chằng?” tức là nhu cầu ăn uống, đã ăn uống rồi dễ dàng tiêu hóa. Lại sức khỏe vui và vô tội... như trong *Thanh văn địa*, phần “ăn uống biết lượng” đã thuyết tướng đây. Lại không chọn lựa phân tích, không chọn lựa phân tích thắm sâu, đã

rộng thuyết như *Thanh văn địa*. Lại không tư duy, không đúng lượng... đã rộng thuyết như *Thanh văn địa*.

Lại nữa, ít là không tương ưng với lượng cao rộng. Nhỏ: tương ưng với lượng hẹp kém. Hiếm có: tạm lãnh thọ theo lượng ngôn thuyết của thế gian. Lại nữa, hoặc dị môn: vì tự tướng sai biệt. Hoặc ý thú: vì tướng thô tục sai biệt. Hoặc thù dị: vì tướng nhân sai biệt. Như vậy gọi là phần *Nhiếp dị môn*. Dị môn như vậy ở trong các kinh đã tùy hiển hiện phần thô. Nói đa dụng, tức dùng nhiều ngôn lời để lược tích tập chọn lọc các nghĩa sai khác. Ngoài ra, vô lượng chư Phật Thế Tôn đã thuyết dị môn và nghĩa sai biệt. Do các khía cạnh đây, do sở học đây, do ngôn giáo đây phải nên tinh cần biện biệt tư trạch, hiển thị an lập môn sai khác, nghĩa sai khác.

V. PHẦN NHIỆP SỰ

Quyển 85

Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH **Phần 1**

Như vậy đã thuyết Nhiếp dị môn. Sao gọi là **Nhiếp sự**? Có 3 xứ nên biết nhiếp sự: **1. Sự Tố-đát-lãm (Kinh); 2. Sự Tỳ-nại-da (Luật); 3. Sự Ma-đát-lý-ca (Luận).**

Sự Tố-đát-lãm:

Do 24 xứ thâm nhiếp tóm lược tất cả Khế kinh:
1. Khế kinh biệt giải thoát; 2. Khế kinh sự; 3. Khế kinh tương ưng Thanh văn; 4. Khế kinh tương ưng Đại thừa; 5. Khế kinh nghĩa chưa hiển rõ khiến hiển rõ; 6. Khế kinh nghĩa đã hiển rõ lại khiến sáng tịnh hơn; 7. Khế kinh việc làm đời trước; 8. Khế kinh xung tán; 9. Khế kinh hiển thị phẩm hắc; 10. Khế kinh hiển thị phẩm bạch; 11. Khế kinh bất liễu nghĩa; 12. Khế kinh liễu nghĩa; 13. Khế kinh nghĩa lược, văn cú rộng; 14. Khế kinh nghĩa rộng, văn cú lược; 15. Khế kinh nghĩa lược,

văn cú lược; 16. Khế kinh nghĩa rộng, văn cú rộng; 17. Khế kinh nghĩa thâm sâu, văn cú cạn; 18. Khế kinh nghĩa cạn, văn cú sâu; 19. Khế kinh nghĩa sâu, văn cú sâu; 20. Khế kinh nghĩa cạn, văn cú cạn; 21. Khế kinh đương lai xa lìa lỗi lầm; 22. Khế kinh hiện tiền xa lìa lỗi lầm; 23. Khế kinh khiến trừ chỗ sanh nghi hoặc; 24. Khế kinh vì khiến chánh pháp cứu trụ.

1. Khế kinh biệt giải thoát: ở trong đây y chỉ năm tụ phạm và ra khỏi năm tụ phạm mà thuyết hơn 150 học xứ, vì khiến các thiện nam tử tự mình quý trọng mà tinh cần tu học.

2. Khế kinh sự: gồm bốn A-cấp-ma (A-hàm): 1. Tạp A-hàm; 2. Trung A-hàm; 3. Trường A-hàm; 4. Tăng nhất A-hàm.

Tạp A-hàm: Trong đây Thế Tôn quán sát căn hành của hữu tình được giáo hóa rồi mới tuyên thuyết. Giáo pháp tương ưng mà Như Lai và các đệ tử thuyết, đó là tương ưng uẩn, xứ, giới; tương ưng duyên khởi, thực, đế; tương ưng niệm trụ, chánh đoạn, thân túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, a-na-ba-na niệm, học, chứng tịnh... Lại nương tám chúng thuyết giáo pháp tương ưng với chúng. Về sau người

kiết tập, vì khiến thánh giáo cứu trụ mà kiết tập thành những bài kệ tụng Ôt-Đà-Nam, tùy chỗ thích hợp thứ lớp an bố. Nên biết tất cả giáo pháp tương ứng như vậy lược do ba tướng. Những gì là ba? 1. Năng thuyết; 2. Sở thuyết; 3. Sở vị thuyết. Hoặc Như Lai, hoặc đệ tử Như Lai là năng thuyết, như phần giáo được Phật thuyết hay đệ tử thuyết. Hoặc sở liễu tri, hoặc năng liễu tri là sở thuyết, như phần giáo tương ứng năm thủ uẩn, sáu xứ, nhân duyên và phần đạo phẩm; hoặc các chúng Bí-sô, thiên, ma... là sở vị thuyết, như phẩm kết tập. Như vậy tất cả lược nêu ra phần thô của năng thuyết, sở thuyết và sở vị thuyết.

Tức tất cả sự giáo tương ứng kia hoặc dài, hoặc ngắn, hoặc vừa được tập hợp lẫn lộn phức tạp, cho nên gọi là Tập A-hàm. Lại tức giáo tương ứng kia được thuyết bằng tướng vừa phải, cho nên gọi là Trung A-hàm. Lại tức giáo tương ứng kia được thuyết bằng tướng rộng dài, cho nên gọi là Trường A-hàm. Lại tức giáo tương ứng kia được thuyết bằng đạo lý tăng dần từng số 1 lên đến 2, 3... cho nên gọi là Tăng nhất A-hàm. Bốn chủng như vậy thầy trò triển chuyển truyền lại đến nay, do đạo lý đây cho

nên gọi là Tăng nhất A-hàm, cũng được gọi là khế kinh sự.

3. Khế kinh tương ứng Thanh văn: ở trong mười hai phần giáo, trừ phần Phương quảng, còn lại là khế kinh tương ứng Thanh văn.

4. Khế kinh tương ứng Đại thừa: là phần Phương quảng. Nghĩa của phần đây nên biết như trước.

Bốn chủng khế kinh như vậy khiến nghĩa chưa hiển rõ được hiển rõ. Hai mươi chủng khế kinh còn lại tùy theo chỗ thích hợp nên biết tướng kia.

Từ đây về sau nương bốn chủng khế kinh đã thuyết đây, sẽ thuyết Ma-đát-lý-ca của khế kinh, vì muốn quyết trạch điều Như Lai thuyết, điều Như Lai xưng khen tán thán, điều tốt đẹp của những bậc tiên thánh trong khế kinh. Thí như không bản mẫu thì chữ nghĩa không sáng sạch rõ ràng, như vậy chỗ kinh đây không nhiếp bản mẫu tức nghĩa mờ tối, nghĩa không rõ ràng. Trái với tướng đây tức nghĩa sáng sạch rõ ràng. Như vậy gọi là Ma-đát-lý-ca.

Ốt-Đà-Nam nói chung:

Giới, lược giáo, tướng hành

*Chóng thông, nhân, đoạn chi
Hai phẩm, trí, sự tránh
Không chán, trụ thiếu dục.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Giới, thuyết, dẫn đầu, quán sát, quả
Tướng ngu, quyết định vô thường... giới
Hai chủng thứ lớp phải nên biết
Không phải đoạn, không phải thường và nhiễm
tịnh.*

Có bốn chủng hữu tình được giáo hóa, do hữu tình kia trước tập theo tà giải thoát, nương điều tự thân thấy được rồi huân tập thành cõi giới. Những gì là bốn? Ở trong hữu trước, đời trước, thân trước, chỗ được tự thể trước, vì lắng nghe thường kiến tăng thượng và pháp bất chánh không như lý tác ý lực tăng thượng. Nên nay do kia làm nhân, do kia làm duyên, lớp lớp huân tập tà giải thoát, nương kiến ấy mà tích tập thành cõi giới. Như nói do thường kiến, thì nói rộng do đoạn kiến, do hiện pháp Niết-bàn kiến, do hữu thân kiến cũng vậy.

Trong đây, Thế Tôn với trí lực chủng chủng thắng giải, trí lực chủng chủng giới lực tăng thượng,

như chỗ thích hợp trước tìm hiểu thắng giải và sau tìm hiểu cõi giới của hữu tình kia. Vì điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia, phần nhiều triển chuyển bốn chủng giáo pháp. Hoặc lại có loại hữu tình khác, người trí chưa thành thực khiến kia trí thành thực, người trí đã thành thực khiến kia giải thoát các phiền não.

Vì hữu tình tà cõi giới ban đầu dạy: “Nhân diệt nên hành diệt”. Do đây thuyết môn “Hành tận tánh vô thường” khiến điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia.

Vì hữu tình tà cõi giới thứ hai dạy: “Nhân nhóm họp nên hành nhóm họp”. Do đây thuyết môn “Hành khởi tánh vô thường” khiến điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia.

Vì hữu tình tà cõi giới thứ ba chuyển dạy chánh pháp môn “các hành khổ”, khiến điều phục tà thắng giải, tà cõi giới của kia.

Vì hữu tình tà cõi giới thứ tư, hoặc có loại lìa các hành khởi, hành hữu thân kiến, thì chuyển dạy chánh pháp môn “các hành không”; hoặc có loại nương hành khởi, hành hữu thân kiến thì chuyển dạy chánh pháp môn “vô ngã”, khiến điều

phục tà thắng giải, tà côi giới của kia.

Lại nữa, thiện thuyết pháp luật lược do ba chủng bất cộng, bất cộng ngoại đạo nên liệt vào số thiện thuyết: 1. Vì tuyên thuyết giải thoát chân thật rất ráo; 2. Vì tuyên thuyết phương tiện của kia; 3. Vì tuyên thuyết bên trong tự chứng đắc kia.

1. Sao gọi là *giải thoát chân thật rất ráo*? Là sẽ rất ráo giải thoát và tất cả giải thoát, tức là quả kiến đạo và từ đây về sau sở đắc quả tu đạo thế gian, xuất thế gian. Trong đây, quả kiến đạo vì “sẽ rất ráo” nên được gọi là chân thật, mà chưa phải rất ráo, vì đối với tất cả giải thoát vẫn còn việc phải làm.

Lại giải thoát có ba chủng: 1. Giải thoát của thế gian; 2. Giải thoát của bậc hữu học; 3. Giải thoát của bậc vô học. Giải thoát của thế gian: đây không chân thật, vì còn bị thối chuyển. Giải thoát của bậc hữu học: tuy là chân thật mà không rất ráo, vì còn việc phải làm. Nên biết giải thoát của bậc vô học thì đầy đủ cả hai chủng là chân thật và rất ráo.

2. Sao gọi là *phương tiện của kia*? Tức là ở trong các hành, nương tánh như sở hữu và tánh

tận sở hữu mà tu tướng vô thường; nương vô thường mà tu tướng khổ; nương khổ mà tu tướng không, vô ngã. Nhân đây khi được nhập hiện quán đế, do chân chánh quán sát cảnh sở tri, nên đạt được chánh kiến. Do chánh kiến đây làm chỗ nương, ở trong vị tu đạo khắp các hành trụ tướng nhằm chán trái lìa. Vào lúc trụ, tuy vị kia lãnh thọ tương ưng nhớ nghĩ tư duy cảnh hoặc không hiện tiền, hoặc hiện tiền rõ ràng mà không sanh hỷ. Vì hỷ không sanh lực tăng thượng, nên vào lúc hành tuy lãnh thọ sở duyên cảnh giới mà không sanh nhiễm trước. Vị kia ở trong tất cả cảnh giới mong cầu đã được hãy còn không mong cầu, hà hướng mê đắm. Do vị kia hoặc trụ hoặc hành như vậy, nhanh chóng năng diệt tận hỷ tham triền, an trụ tâm thanh tịnh. Lại tức như đạo đã đắc ấy mà tu tập rất nhiều lấy làm nhân duyên, nên vĩnh viễn nhổ trừ tận gốc phẩm tùy miên thô trọng; đạt được giải thoát chân thật rốt ráo, nên biết tức là tâm thiện giải thoát.

3. Sao gọi là *bên trong tự chứng đắc kia*? Nên biết có bốn chủng tướng. Nếu ở nơi giải thoát của bậc hữu học chuyển, thì bên trong tuệ đạt đến chứng đắc hai chủng tướng: “Ta đã tận dứt các

hành sanh khởi trong các đường ác”, hoặc “Ta đã tận trừ các hành hậu hữu còn lại sanh khởi, hoặc bảy lần sanh, hoặc hai lần sanh, hoặc một lần sanh...”. Lại “Đạo Ta đã trụ năng tận rốt ráo không thối chuyển”.

Nếu ở nơi giải thoát của bậc vô học chuyển, thì bên trong tuệ chạm đến chứng đắc hai chủng tướng như vậy: “Ta đã tác chứng đoạn, việc cần thiết còn lại là đoạn trừ tất cả phiền não sót thừa” và “Nay ta hãy còn không sót lại một lần sanh, huống là hai hay bảy”. Lại tùy ý lạc mà năng vì người như thật trả lời. Như vậy gọi là bên trong tự chứng đắc.

Lại nữa, tức giải thoát kia có hai chủng pháp dẫn đầu: 1. Pháp kiến dẫn đầu; 2. Pháp quả đạo dẫn đầu.

Pháp kiến dẫn đầu: do từ thanh âm thuyết dạy chánh pháp của người, phát khởi như lý tác ý diệu thiện do văn tư tu mà thành giải thoát, phương tiện kia và bên trong tự chứng đắc lực tăng thượng. Nếu chưa nhập Chánh tánh ly sanh, thì năng nhập Chánh tánh ly sanh, đắc kiến như thật chánh kiến xuất thế.

Pháp quả đạo dẫn đầu: đã đắc chánh kiến như vậy, vì đoạn các phiền não sót thừa, lại khởi chánh tư duy... Còn lại, hoặc đồng thời sanh, hoặc thời sau sanh pháp đạo dẫn đầu.

Lại nữa, vì muốn chúng đắc giải thoát chỗ chưa chúng đắc, nên quán sát tám sự. Đó là ở trong các hành quán sát ái vị, quá hoạn, xuất ly và quán sát văn, tư, lực tư trạch, kiến đạo, tu đạo. Ở trong các hành, khi quán sát ái vị năng khéo thông đạt sở hữu tự tướng các hành ái vị. Khi quán sát quá hoạn của các hành, năng khéo rõ biết quá hoạn cộng tướng của phần vị ba thọ, biết được trong ấy rất ít các ái vị, nhiều các quá hoạn. Như vậy rõ biết ái vị nhiệm trước tương ưng cùng nhiều cộng tướng của các quá hoạn rồi, ở trong tất cả hành chỗ có ái vị, tùy chỗ sanh khởi dục tham phiền não liền năng trừ khiển, chế phục, đoạn diệt, xả bỏ. Ở đây dục tham không hiện hành gọi là đoạn diệt, không phải vĩnh viễn ly dục mà gọi là đoạn diệt. Lại nơi sự kia tâm chưa giải thoát, thì năng ở nơi tùy miên rốt ráo siêu vượt, cho đến vĩnh viễn ly dục tâm đắc giải thoát. Đây là môn quán sát sai biệt thứ nhất.

Lại người tu tập lúc đang quán sát các hành kia, trước dụng tuệ do văn mà thành tựu. Như nương A-hàm nên rõ biết các hành thể là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên không và vô ngã. Vị kia thuận theo thánh giáo như vậy mà thắng giải, như vậy thông đạt. Đã thông đạt rồi, lại dụng tư duy tương ứng với thúc đẩy vượt qua cho đến thành tựu tác ý vi tế, ở nơi cảnh kia rõ biết như thật. Do lực thông đạt rõ biết tăng thượng như vậy, nếu phiền não hiện hành tương ứng với kia, thì dụng như thật quán sát chỗ có lỗi lầm tai hại ở hiện pháp, đương lai. Do lực tư trạch làm chỗ nương, giả sử phiền não lại sanh khởi cũng không đắm trước, tức liền xả ly. Vị kia nương rõ biết thông đạt và lực tư trạch như vậy, nhiều thực hành tu tập, năng nhập Chánh tánh ly sanh. Đã nhập Chánh tánh ly sanh, nhờ lực tu đạo dần dần lìa các dục. Như vậy vị kia trước dụng hai chủng lực tư trạch và kiến đạo, tùy chỗ thích hợp đoạn các phiền não, đó là không hiện hành đoạn và một phần đoạn, do dụng lực tu đạo nên được rốt ráo ly dục. Cũng tức do hai chủng trước dần dần ly dục tham, do lực tu đạo mà tâm đắc giải thoát.

Lại nữa, có hai chủng quả phiền não đoạn và quả khổ diệt: 1. Các quả kiến sở đoạn: do chứng kia nên năng tự rõ biết: “Ta đã vĩnh viễn tận diệt địa ngục, bàng sanh, quỷ thú. Ta nay chứng đắc pháp Dự lưu, không còn thối đọa”, cho đến nói rộng. 2. Quả tu sở đoạn: do chứng kia, năng tự rõ biết “Ta nay đang tạm nương thân cuối cùng, hữu thân thứ hai vĩnh viễn không chuyển trở lại”.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt do hiện tại làm nhân vị lai; 2. Khổ diệt do quá khứ làm nhân hiện tại.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt của tâm; 2. Khổ diệt của thân.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt của hoại khổ và khổ khổ; 2. Khổ diệt của hành khổ.

Lại có hai chủng khổ diệt: 1. Khổ diệt của nghiệp quả phi ái; 2. Khổ diệt của nghiệp quả khả ái.

Lại có phần ít các Thánh đệ tử đã được dấu tích kiến đế, tuy đã vượt qua sự hãi sợ khổ nơi các ác đạo, nhưng vì chưa vĩnh viễn tận diệt tất cả kiết, nên tâm vẫn còn hãi sợ hữu sanh lão tử ở đời đương lai như các dị sanh. Vì đoạn trừ kia, nên

năng phát khởi vui muốn mãnh lợi, cho đến chánh niệm và không phóng dật siêng tu quán hành.

Lại nữa, ngu phu có hai chủng tướng. Những gì là hai? 1. Đối với điều nên cầu mà không như thật biết; 2. Đối với điều không nên cầu lại phát khởi mong cầu.

Những gì gọi là điều nên cầu? Đó là Niết-bàn, các hành vĩnh viễn diệt, mà các ngu phu lại không vui muốn ở đời đương lai các hành chẳng sanh. Lại ở nơi các hành sanh chỉ thấy vui thích hân hoan, do nhân duyên đây, đối với điều nên cầu và sở hữu các thứ khổ do các hành sanh khởi, không như thật biết.

Những gì gọi là điều không nên cầu mà lại phát khởi mong cầu? Điều không nên cầu là các lão, bệnh, tử, không ưa mà gặp nhau, yêu thương mà chia lìa, những điều mong cầu không toại ý, khiến phát khởi chủng chủng nhiệt não sâu, thán, ưu, khổ... Đối với các hành sanh khởi như vậy, kia lại sanh vui thích hân hoan. Ở nơi sanh là gốc tất cả các hành, khởi sâu vui đắm. Ở nơi sanh là gốc sở hữu các nghiệp, thì gây tạo chứa nhóm. Do nhân duyên đây nơi hữu sanh khổ và sanh là gốc của già,

bệnh, chết... các thứ khổ sai khác không được giải thoát. Như vậy gọi là điều không nên cầu mà lại sanh khởi mong cầu.

Lại nữa, ở trong các hành có bốn điều quyết định: 1. Quyết định vô thường; 2. Quyết định khổ; 3. Quyết định không; 4. Quyết định vô ngã.

1. Sao gọi là *các hành quyết định vô thường*? Do ba chủng tướng nên biết các hành quá khứ, vị lai hãy còn quyết định vô thường, hà huỷng hiện tại. Những gì là ba? Vì trước không mà có, vì trước có mà không, vì sanh khởi và tận diệt tương ưng.

Nếu hành vị lai trước chưa có mà quyết định chẳng phải có, tức lẽ chẳng phải trước không mà nay có, như vậy ứng với chẳng phải quyết định vô thường? Do kia lúc trước thi thiết “chẳng phải có”. Chẳng phải có làm dẫn đầu, thời sau mới có, cho nên các hành vị lai quyết định vô thường. Nếu hiện tại theo duyên hành sanh rồi quyết định có, tức lẽ chẳng phải trước có mà nay không, các hành vị lai liền ứng với chẳng phải quyết định vô thường, các hành hiện tại cũng ứng với sanh khởi, tận diệt không cùng tương ưng? Do hành hiện tại theo duyên sanh rồi, chẳng phải quyết định có. Lấy có làm

dẫn đầu thì thiết chẳng phải có, cho nên các hành quá khứ quyết định vô thường. Như vậy, các hành hiện tại, nhân hành vị lai trước không mà có, nhân hành quá khứ trước có mà không. Do đây thì thiết sanh khổ, tận diệt tương ưng. Cho nên nói rằng: “Nên biết các hành quá khứ, vị lai quyết định tánh vô thường, hà hưởng hiện tại”. Đây gọi là các hành quyết định vô thường.

2. Sao gọi là *các hành quyết định tánh khổ*? Các hành quá khứ vị lai còn là pháp sanh khổ, hà hưởng hiện tại. Vì cơ sao? Các hành quá khứ là khổ đã qua. Các hành vị lai là khổ chưa đến. Các hành hiện tại là khổ đang hiện tiền. Đây gọi là các hành quyết định tánh khổ.

3. Sao gọi là *các hành quyết định tánh không*? Các hành quá khứ, vị lai còn quyết định tánh không, hà hưởng hiện tại. Vì cơ sao? Các hành vị lai tánh nó chưa có, do đây nên không. Các hành quá khứ tánh nó đã diệt, do đây nên không. Các hành hiện tại tuy có chưa diệt, vì thắng nghĩa đế tánh tự xa lìa, do đây nên không. Nên gọi là các hành quyết định tánh không.

4. Sao gọi là *các hành quyết định vô ngã*? Các

hành quá khứ vị lai còn quyết định vô ngã, hà huống hiện tại. Vì cơ sao? Các hành vị lai: chẳng phải tướng ngã, vì chưa hiện tiền. Các hành quá khứ chẳng phải tướng ngã, vì đã diệt qua rồi. Các hành hiện tại đang hiện tiền, chẳng phải tướng ngã, vì đang hiện tiền. Cho nên, các hành quyết định vô ngã.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định vô thường: 1. Do đời quá khứ đã hoại diệt; 2. Do đời hiện tại, vị lai là lẽ pháp hoại diệt.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định là khổ: 1. Vì pháp sanh khổ...; 2. Vì tánh ba khổ. Các tướng khổ đây nên biết như trước đã rộng thuyết.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định là không: 1. Vì sẽ rớt ráo lìa, tánh không; 2. Vì về sau mới lìa, tánh không. Rớt ráo lìa, tánh không: vì trong các hành, tánh ngã ngã sở rớt ráo không vậy. Về sau mới lìa, tánh không: vì tất cả phiền não đã đoạn, trong tâm giải thoát, tất cả phiền não thấy đều không.

Lại do hai tướng nên biết các hành quyết định vô ngã: 1. Vì các hành thuộc chủng chủng tánh

bên ngoài; 2. Vì các hành từ các duyên sanh, không tự tại.

Lại do mười tướng nên biết các hành có bốn tướng quyết định như vậy: do tướng pháp tánh tương ưng bại hoại, biến đổi, biệt ly; tướng không đáng vui, không an ổn tương ưng với tướng đổi khác, chia lìa. Hết thấy tướng như vậy, như trong *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt.

Lại nữa, nương đạo xuất thế tu tác ý, có năm phẩm giới là hệ buộc: 1. Đoạn giới; 2. Vô dục giới; 3. Diệt giới; 4. Hữu dư y Niết-bàn giới; 5. Vô dư y Niết-bàn giới. Tức là đoạn các hành kiến đạo sở đoạn, gọi là Đoạn giới. Đoạn các hành tu đạo sở đoạn, gọi là Vô dục giới. Tức đây chỉ là Hữu dư y, gọi là Hữu dư y Niết-bàn giới. Đây nương diệt gọi là Diệt giới, cũng gọi là Vô dư y Niết-bàn giới. Tức năm giới đây do tất cả hành vĩnh viễn tịch tĩnh, gọi là các hành dừng. Do ngã, ngã sở, ngã mạn, chấp trước cùng tùy miên đều xa lìa, gọi là không. Do tất cả tướng đều xa lìa, gọi là vô sở đắc. Ở trong Đoạn giới, tất cả tùy thuận pháp thượng hữu lậu, chỗ có tham ái đều xa lìa, gọi là ái tận. Ở Vô dục giới, chỗ có dục tham đều xa lìa, gọi là vô dục. Ở

trong Diệt giới và ở trong Hữu dư y, Vô dư y Niết-bàn giới, như chỗ thích hợp vì đều vĩnh viễn diệt, vì đều tịch tĩnh, tùy theo thứ lớp gọi là diệt, cũng gọi là Niết-bàn. Lại ở Đoạn giới chưa đắc, vì khiến đắc nên siêng tu tập, gọi là ở các hành tu nhằm chán. Ở Vô dục giới chưa đắc, vì khiến đắc nên siêng tu tập, gọi là ở các hành tu ly dục. Ở Diệt giới chưa đắc, vì khiến đắc nên siêng tu tập, gọi là ở các hành tu diệt.

Lại nữa, vì siêng tu tập tâm giải thoát có hai chủng thứ lớp: 1. Thứ lớp trí; 2. Thứ lớp quả trí.

1. Sao gọi là *thứ lớp trí*? Ở trong các hành, do tư trạch đạo lý các hành kia sanh diệt, trước khởi trí vô thường. Về sau, ở hành tương ứng sanh quán là pháp sanh, pháp lão cho đến pháp ưu khổ nhiệt não... do nhân duyên đây tất cả đều khổ. Trong đây trước nương trí vô thường, về sau phát sanh trí khổ.

Lại các hành kia vì là pháp sanh cho đến là pháp nhiệt não, chính là đạo lý duyên khởi tướng hành sanh tử xoay vần lưu chuyển không được tự tại, cho nên không có ngã. Trong đây trước nương trí khổ, về sau phát sanh trí vô ngã. Như vậy quán

vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã, gọi là thứ lớp trí.

2. Sao gọi là *thứ lớp quả trí*? Tức là nhằm chán, ly dục, giải thoát, khắp giải thoát.

Sao gọi là nhằm chán? Vì có đối trị hiện tiền, nên phát khởi tướng nhằm chán trái lìa, khiến các phiền não không hiện hành trở lại.

Sao gọi là ly dục? Do tâm tu tập nhằm chán, tuy không tác ý tư duy đối trị, nhưng ở nơi tất cả pháp cảnh sự đáng yêu thích nhiễm đắm, tham không hiện hành. Đây do lực canh phòng đoạn tăng thượng.

Sao gọi là giải thoát? Tức ở nơi đối trị canh phòng đoạn đây nhiều tu tập, vĩnh viễn nhổ hẳn gốc tùy miên. Như vậy gọi là nhằm chán, ly dục, giải thoát có sự sai khác thứ nhất.

Lại có sự giải thích khác: Ở vị Đoạn giới, nhằm chán đã đạt đến thành tựu tròn đầy, gọi là nhằm chán. Tức nương nơi nhằm chán đây, trừ Phi tướng phi phi tướng xứ, ở các địa dưới còn lại khi đắc ly dục, thi thiết kiến lập vị ly dục, gọi là ly dục. Ở Phi tướng phi phi tướng xứ khi đắc ly dục, thi thiết kiến lập vị giải thoát, gọi là giải thoát. Đây

gọi là nhàm chán, ly dục, giải thoát có sự sai khác thứ hai.

Sao gọi là khắp giải thoát? Do phiền não tạp nhiễm giải thoát như vậy, nên các khổ tạp nhiễm như sanh... cũng khắp giải thoát, gọi là khắp giải thoát. Như vậy do lực tăng thượng của trí, ở trong các hành khởi nhàm chán. Do tu tập nhàm chán, nên đắc ly dục. Do tu tập ly dục, nên đắc giải thoát và khắp giải thoát. Như vậy gọi là thứ lớp của trí.

Trong đây lại có bốn chủng tà chấp. Những gì là bốn? 1. Kiến tà chấp; 2. Mạn tà chấp; 3. Bên trong tự tà chấp; 4. Do người dạy khiến tà chấp.

Kiến tà chấp: ở trong các hành chấp ngã, ngã sở. Do đây chướng ngại hiện quán đế.

Mạn tà chấp: ở trong các hành khởi chấp ngã mạn. Do đây chướng ngại đoạn trừ phiền não tu sở đoạn...

Bên trong tự tà chấp: tức là một mình ở chốn không nhân, phân biệt bất chánh làm chỗ nương, chấp có thật ngã, hoặc kiến tà chấp, hoặc mạn tà chấp. Lại ở bên trong khởi phân biệt bất chánh chấp ngã, ngã sở, gọi là bên trong tà chấp, cũng gọi là không do người dạy khiến tà chấp.

Người dạy khiến tà chấp: do người dạy khởi tà chấp trước, cho đây là ngã, đây là ngã sở, ngã mạn hành chuyển.

Như vậy, vì tất cả tà chấp trên vĩnh viễn đoạn, nên gọi là quả trí.

Lại nữa, do ba chủng tướng nên biết các hành không phải thường, không phải đoạn. Những gì là ba? 1. Dụng hành vô trụ làm nhân; 2. Nhân sanh rồi không trụ; 3. Các hành vị lai, tánh nhân diệt. Trong đây vì các hành nhân vô thường, vì nhân sanh rồi trụ chẳng thể đắc, nên biết các hành không phải thường. Các hành năng sanh, tánh nhân hiện tại diệt, nên biết các hành không phải đoạn.

Lại có bốn duyên năng khiến các hành triển chuyển lưu chuyển. Những gì là bốn? 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên. Bốn duyên đây lược có hai chủng: 1. Nhân; 2. Duyên. Chủng nhân chỉ là nhân duyên. Ba chủng còn lại chỉ là duyên.

Lại, nhân duyên là chủng tử các hành. Đẳng vô gián duyên là sáu thức trước và pháp tương ưng đẳng vô gián diệt; là sáu thức sau và pháp tương ưng đẳng vô gián sanh. Sở duyên duyên là năm

thức thân lấy năm cảnh riêng khác làm sở duyên, thức thân thứ sáu lấy tất cả pháp làm sở duyên. Tăng thượng duyên là năm thức lấy sở y nhãn... mỗi mỗi riêng khác làm tăng thượng duyên và lấy năng sanh tác ý... làm tăng thượng duyên. Ý thức thân lấy bốn đại chủng thân và năng sanh tác ý... làm tăng thượng duyên.

Lại, nghiệp được gây tạo trước kia nhìn về hướng quả ái, phi ái sanh khởi, nên biết cũng là tăng thượng duyên.

Lại, tư lương như vậy nhìn về hướng của đạo, đạo nhìn về hướng đắc Niết-bàn, nên biết cũng là nhiếp thuộc tăng thượng duyên.

Lại nữa, do ba chủng sự, hai chủng tương ưng mà năng quán sát tạp nhiễm, thanh tịnh.

Sao gọi là do ba chủng sự mà năng quán sát tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh? 1. Quán sát nhân duyên tạp nhiễm ở trong các hành, tức là quán ái vị, ở nơi kia là ái vị; 2. Quán sát nhân duyên thanh tịnh ở trong các hành, tức là quán quá hoạn, ở nơi kia là quá hoạn; 3. Quán sát thanh tịnh ở trong các hành, tức là quán xuất ly, ở nơi kia là xuất ly. Tất cả như vậy tóm lược chung làm một, gọi là do ba sự

mà quán sát tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh.

Sao gọi là do hai chủng tướng mà năng quán sát tất cả tạp nhiễm, thanh tịnh? 1. Do tánh như sở hữu; 2. Do tánh tận sở hữu. Tánh như sở hữu: ở trong các hành, hoặc ái vị, hoặc quá hoạn, hoặc xuất ly. Tánh tận sở hữu: như ở trong các hành, tận sở hữu ái vị, tận sở hữu quá hoạn và tận sở hữu xuất ly.

Trong đây, quán sát các hành làm duyên sanh khởi lạc, sanh khởi hỷ, gọi là ở nơi kia ái vị. Lại ái vị đây rất là nhỏ hẹp. Như vậy do hai chủng tướng mà quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là ái vị.

Lại quán sát các hành là pháp vô thường, khổ, biến hoại, gọi là ở nơi kia quá hoạn. Lại quá hoạn đây rất là rộng lớn. Như vậy do hai chủng tướng mà quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là quá hoạn.

Lại quán sát ở trong các hành, dục tham tận diệt, dục tham đoạn trừ, dục tham xuất ra, gọi là ở nơi kia xuất ly. Lại xuất ly đây tịch tĩnh, không gì vượt hơn, rốt ráo an ổn. Như vậy do hai chủng tướng mà quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là xuất ly.

Lại tức ái vị đây, tức quá hoạn đây, tức xuất ly

đây, ở trong các hành hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc thô, hoặc tế, hoặc liệt, hoặc thắng, hoặc xa, hoặc gần, quán sát tỉ mỉ sâu xa. Nên biết đây gọi là ở nơi các hành quán sát tánh như sở hữu, chỗ gọi là ái vị, quá hoạn, xuất ly.

Lại vì rõ biết thể tánh của ba sự như vậy, nên biết ba nhóm hữu tình sai khác: 1. Nhóm nhiễm trước các dục; 2. Nhóm xa lìa các dục; 3. Nhóm lìa hệ buộc của các dục.

Ở nơi ba nhóm đây, lại có ba chủng thể gian ngu si: 1. Trời thế gian; 2. Sa-môn, Bà-la-môn; 3. Các trời, người. Ba chủng thể gian như vậy do ba nhân duyên mà được an lập: 1. Do được dục tự tại và thanh tịnh tự tại, đó là hoặc Ma, hoặc Phạm thế gian; 2. Do siêng tu đắc nhân kia, đó là hoặc Sa-môn, Bà-la-môn; 3. Do hướng đến chủng chủng nghiệp nhân quả, đó là hoặc các trời, người.

Lại ở ba chủng đây tùy chỗ thích hợp năng tác chứng đoạn, lìa bốn tâm điên đảo có hai chủng đạo: đó là đã nhập kiến địa và ở nơi tu đạo bậc cao hơn, an trụ nhiều tu tập.

Lại, hai chủng đạo đây có bốn chủng tướng

mà quả là tâm giải thoát: 1. Tướng giải thoát khỏi tham sân phược; 2. Tướng xuất ly, đoạn diệt dục tham; 3. Tướng lìa hệ buộc của chín kiết; 4. Tướng giải thoát các khổ sanh... Trong đây, ba tướng trước hiển thị nhân xứ giải thoát phiền não, một tướng sau hiển thị quả xứ giải thoát khỏi các khổ. Nghĩa đây cũng thí như có người trong nhà lao bị giam cầm, trói cột bởi chũng chũng vật hoặc bằng cây, hoặc bằng dây, hoặc bằng sắt. Lại sai khiến người khác canh giữ. Hoặc giả sử từ ngục kia trốn thoát đi xa, mà bị bắt trở lại. Hoặc chẳng thể cử động, hà huống trốn thoát. Hoặc tại chỗ giam cầm tối tăm đưa vào chũng chũng các dục vi diệu khả ái, khiến kẻ kia tự nhiên sanh tâm vui thích chấp đắm, không muốn trốn thoát. Như vậy, kẻ kia bị sự trói cột của tất cả chũng vật, bị sự nắm giữ chặt chẽ của các phương tiện khéo, bị sự giam cầm kiên cố của lao ngục, lại bị kẻ oán thù muốn mà gia hại, hoặc đánh đập, hoặc cắt xẻo, hoặc dùng gậy đánh, hoặc đoạt mạng. Nếu kẻ kia năng thoát khỏi bốn sự trói buộc trên, cũng đồng nghĩa từ tất cả chỗ giam cầm mà được giải thoát.

Như vậy, ba chũng hữu tình thế gian ngu si

kia bị sự giam cầm trói cột của chúng chúng trói buộc, nên biết thí như bị sự nắm giữ chặt chẽ của tham sân si phược; thí như tâm tư bất chánh sanh khởi và phiền não tùy miên chưa nhổ tận gốc. Vì nếu tâm tư bất chánh sanh khởi, cử động cùn chẳng thể, hà hướng trốn thoát, tức đắc ly dục. Vì nếu phiền não tùy miên chưa nhổ tận gốc, tuy dụng phương tiện đạo thế gian trốn thoát cho đến Hữu đảnh, vẫn bị bắt giữ trở lại. Chúng chúng các dục vi diệu khả ái kia, thí như chín kiết. Do kiết kia, khiến tự nhiên vui đắm nơi sanh tử, ở nơi tự thân bị giam cầm không muốn trốn thoát.

Kẻ kia như thế bị sự trói buộc rất kín sâu của chúng chúng vật phược; bị sự trói buộc rất kín sâu của phương tiện phược khéo; bị sự trói buộc rất kín sâu của ngục phược rất kiên cố; lại bốn ma oán tùy theo chỗ ham muốn vui thích đem binh lính sanh... khổ mà gia hại. Nếu năng từ phược kia mà khéo đắc giải thoát, liền năng gọi là từ tất cả phược mà được giải thoát.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Lược dạy, quả dạy, chết, đọa số

*Ba biến trí, đoạn, phược, giải thoát
Kiến, mạn, tạp nhiễm, câu nói tịnh
Đủ bốn viễn ly, ba viên mãn.*

Do ba nhân duyên có các Thanh văn đến chỗ của bậc Đại sư thỉnh cầu được dạy trao. Những gì là ba? Hoặc có Thanh văn chỉ thích nghe nhiều cho là rốt ráo, nên nhầm chán trái bỏ đối với các sự thực hành khác, lại khởi nghĩ: “Chỉ lược nghe pháp là đầy đủ nghĩa lợi, hà tất lấy đa văn làm rốt ráo. Chỉ cần tu chánh hạnh là chân thật trong sạch”. Do đây người kia muốn xả bỏ đa văn rốt ráo.

Hoặc có Thanh văn bị ngăn ngại chùn bước trước sự nhập môn quá nhiều điều phải thực hành, tức là phải khéo phương tiện mới được nhập.

Hoặc có Thanh văn đã khéo lắng nghe, khéo tư duy nhiều pháp. Người kia khởi nghĩ: “Ta ở nơi nhiều pháp đã khéo nghe, tư duy”, hoặc “Ta nay đã thông hiểu tận nghe, tư duy, nếu chỉ lấy việc đắc các pháp làm chỗ nương, ở nơi các cảnh tâm an trụ và ở nơi cảnh dục ràng buộc, tâm giải thoát.. mà khiến ta không bị tác ý tán loạn, thì lẽ như đây còn chẳng thể đắc tâm an trụ, hà huống giải thoát”.

Lại ở trong tất cả pháp đã nghe đã nghĩ như vậy, người kia không xác quyết được, khởi nghĩ: “Vậy phải nương thế nào nhanh chóng chứng thông tuệ? Vậy phải nương đâu nhanh chóng được xuất ly? Phải duyên cảnh nào khiến tâm an trụ? Phải duyên cảnh nào khiến chúng đắc giải thoát?”. Người kia tự mình không thể xác quyết, nên hiện tiền được gặp Đại sư, hoặc đệ tử của chư Như Lai, liền đến thỉnh hỏi để được dạy trao.

Lại nữa, nên biết chánh dạy trao có bốn chủng quả đắc nghĩa tự lợi. Tức là vì đây xuất gia và như đây xuất gia, đó là: đầy đủ hình tướng, đầy đủ sự nghiệp, đầy đủ ý lạc và đầy đủ xứ xả, thủ. Vì nương đây nên đắc vô thượng, đắc hiện pháp, đắc nội chứng, đắc tự nhiên.

Lại nữa, có sáu chủng chết: 1. Chết quá khứ; 2. Chết hiện tại; 3. Chết không điều phục, 4. Chết điều phục, 5. Chết đồng phạm; 6. Chết không đồng phạm.

Chết quá khứ: các hành quá khứ chết, cho đến mạng căn diệt nên chết.

Chết hiện tại: các hành hiện tại chết, cho đến mạng căn diệt nên chết.

Chết không điều phục: ở đời quá khứ không điều không phục, hành có tùy miên, triển chuyển đuổi theo tùy miên. Thế gian nói là sĩ phu tùy miên đã mạng chung. Ở đời hiện tại kết sanh tương tục, hành có tùy miên nhiếp lấy tự thể được sanh khởi. Ở đời hiện tại cho đến mạng tận hết cũng lại như thế, không điều không phục, nói rộng cho đến mạng chung. Tự thể vị lai lại được sanh khởi, lại năng nhiếp thủ hành có tùy miên. Do nhiếp thủ kia lấy làm nhân, nên bị sự trói buộc của các khổ sanh... cũng bị sự trói buộc của các phược lớn như tham...

Chết điều phục: ở đời hiện tại cho đến lúc mạng chung đã điều đã phục không còn tùy miên. Tự thể vị lai không sanh khởi trở lại, cũng không nhiếp thủ hành có tùy miên. Do không nhiếp thủ kia lấy làm nhân, nên giải thoát khỏi các khổ của sanh... sai biệt, cũng lại giải thoát khỏi các phược lớn như tham...

Chết đồng phạm: như ở đời quá khứ từng không điều không phục mà xả thân mạng, ở đời hiện tại cũng không điều không phục mà xả thân mạng, nên biết như đây gọi là chết đồng phạm, cũng gọi

là chết tương tợ, cũng gọi là chết tùy thuận.

Chết không đồng phận: nếu ở quá khứ không điều không phục mà xả thân mạng, nhưng ở đời hiện tại đã điều phục mới xả thân mạng, đây gọi là chết không đồng phận, chết không tương tợ, chết không tùy thuận. Nếu ở đời hiện tại hành có tùy miên, triển chuyển đuổi theo tùy miên, mà lúc mạng chung chết như quá khứ, gọi là chết đồng phận và chết tùy thuận. Vì lúc mạng chung không như quá khứ, nên không năng nhiếp thủ các hành vị lai đồng phận kết sanh tương tục.

Lại sáu chủng chết đây, nên biết có hai tướng: 1. Tướng quá hoạn của các hành lưu chuyển; 2. Tướng thù thắng lợi ích của các hành trở lại tận diệt.

Nếu ở quá khứ và ở hiện tại không điều không phục, đồng phận mà chết, nên ở vị lai thủ lấy khổ sanh... và bị phiền não phược của tham... gọi là tướng quá hoạn của các hành lưu chuyển.

Nếu ở hiện tại đã điều đã phục, không đồng phận mà chết, nên ở vị lai không thủ lấy các thứ khổ, giải thoát tất cả phiền não phược, gọi là tướng lợi ích thù thắng của các hành trở lại tận diệt.

Lại nữa, do 8 chủng tướng ở nơi các hành sanh khởi, thế tục gọi là thuộc trong số sĩ phu, đó là: tên gọi như vậy, chủng loại như vậy, dòng tộc như vậy, ăn uống như vậy, lãnh thọ hoặc khổ hoặc vui như vậy, trường thọ như vậy, cứu trợ như vậy, sở hữu thọ mạng giới hạn như vậy. Các tướng như vậy trong *Bồ-tát địa phần* “Túc niệm trụ” đã rộng phân biệt.

Lại nữa, do ba chủng tướng ở trong các hành nên biết vô ngã, biến trí và đoạn. Những gì là ba? 1. Ở nơi nội biến trí; 2. Ở nơi ngoại biến trí; 3. Ở nơi nội ngoại biến trí.

Đoạn, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy, chỗ gọi các hành đều không có ngã, không có ngã sở, cũng không có hỗ tương hệ thuộc khác. Nên biết như vậy là ở nơi nội ngoại đồng biến trí và đoạn. Trong đây, do pháp trụ trí mà đặc quyết định biến trí. Vì luôn tu tập đây, xả chỗ có tùy miên tương ưng kia, nên đặc đoạn rất ráo. Nên biết trong đây, đối với người ở trong các hành chưa được biến trí, thì Như Lai đại sư vì kia thuyết chánh pháp yếu khiến được biến trí. Đối với người ở trong các hành đã được biến trí mà chưa vĩnh

viễn đoạn trừ, thì Như Lai đại sư khích lệ dẫn phát hơn nữa khiến kia luôn tu tập cho đến được vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại nữa, lưu chuyển trong sanh tử có ba chủng phược. Do phược đây nên tâm rất khó giải thoát. Nên biết trong đây chỉ có thiện thuyết pháp luật mới năng khiến giải thoát, chẳng phải do ác thuyết pháp luật mà thành tựu việc đây. Những gì là ba? 1. Ngoại trừ ái kiết, các sự hữu lậu của các kiết hệ buộc còn lại; 2. Các sự hữu lậu của ái kiết nhiễm ô; 3. Đương lai năng sanh các hành hậu hữu.

Ở nơi ba phược đây, do ba nhân duyên khiến tâm khó giải thoát. Đó là: do chủng chủng đầu tiên; do lao ngục kiên cố vi diệu khả ái lạc thứ hai; do vi tế thứ ba.

Lại do 5 tướng là chỗ trói buộc của hậu hữu phược, nên biết có năm ngã mạn hiện hành: do chỗ nương, do sở duyên, do trợ bạn, do tự tánh và do nhân quả.

Nên biết trong đây lấy hữu thân kiến làm chỗ nương. Kế chấp ngã vị lai hoặc sẽ là có, hoặc sẽ là chẳng phải có, dụng có và *chẳng phải có* đây làm cảnh sở duyên. Trong đây, lấy *chẳng phải có* làm

cảnh sở duyên chỉ có một chủng; lấy có làm sở duyên có 5 chủng, đó là: ngã sẽ hữu sắc, ngã sẽ vô sắc, ngã sẽ hữu tướng, ngã sẽ vô tướng, ngã sẽ phi hữu tướng phi vô tướng. Như vậy tất cả hợp chung làm một, gọi là có 6 chủng sở duyên cảnh giới. Nói trợ bạn: là tâm động loạn. Nói tự tánh: lấy tướng hành cao cử cho là tự tướng, tự tánh hý luận cho là cộng tướng, vì tất cả phiền não tánh hý luận vậy. Tánh nhân quả: vì năng chiêu cảm sanh là tánh nhân, vì tạo tác nghiệp hành đuổi theo ái.

Lại nữa, do 3 chủng tướng nên biết tâm khéo giải thoát: vì rõ biết khắp các hành; vì nếu kia tương ưng với các phiền não, liền đoạn, đặc tác chúng; vì phiền não đã đoạn, ở mọi nơi an trụ là ái.

Lại ở trong đây do bốn chủng hành, nên ở trong các hành năng liễu tri khắp tánh như sở hữu, đó là vô thường... Do mười một hành, nên ở trong các hành năng rõ biết khắp tánh tận sở hữu, đó là quá khứ vị lai thấy, như trước đã nói rộng.

Lại nữa, có hai chủng nhiếp lấy năm chủng tạp nhiễm, kể cả năm chủng tướng nhân. Hai chủng như vậy các bậc hữu học nên biết nên đoạn, các bậc vô học đã biết đã đoạn. Những gì là hai? Đó là

kiến tạp nhiễm và mạn tạp nhiễm. Hai đây có năm chủng sai biệt, tức là do hành, do triền và do tùy miên. Những gì là năm? 1. Kế chấp ngã; 2. Kế chấp ngã sở; 3. Ngã mạn; 4. Chấp trước; 5. Tùy miên. Trong đây ba chủng là kế chấp ngã, kế chấp ngã sở và ngã mạn làm chỗ nương, ở nơi sự sở duyên mà có chấp, thủ trước, chỉ cho đây là chân thật, khác đây đều là ngu si hư vọng. Nên biết trong đây do đạo lý triền, nên gọi là chấp trước. Tức chủng tử tùy phược kia tiếp nối, gọi là tùy miên.

Lại, hữu thức thân và ngoại sự thấy nên biết là tướng nhân của năm chủng kia, tức là tướng nhân kế chấp ngã cho đến tướng nhân tùy miên. Tướng nhân đây lại có hai chủng: 1. Tướng nhân sở duyên; 2. Tướng nhân nhân duyên. Kế chấp ngã, ngã mạn, lấy hữu thức thân làm tướng nhân sở duyên. Kế chấp ngã sở thông lấy cả hai chủng làm tướng nhân sở duyên. Nếu chấp trước kia thì lấy nghe pháp bất chánh, tác ý không như lý và tùy miên kia làm tướng nhân nhân duyên. Nếu tùy miên kia lấy không như thật rõ biết, thường xuyên lớp lớp tích tập triền của các hành phiền não làm tướng nhân nhân duyên.

Lại nữa, chúng hữu tình có bốn chủng, ở trong ấy mà an lập tập nhiễm. Những gì là bốn? 1. Chúng hữu tình ngoại đạo; 2. Chúng hữu tình pháp dị sanh; 3. Chúng hữu tình hữu học; 4. Chúng hữu tình vô học.

Trong chúng hữu tình ngoại đạo có đủ tất cả chủng.

Trong chúng hữu tình pháp dị sanh khả đắc bốn chủng và tướng nhân của bốn chủng kia, kể cả một phần tướng nhân chấp trước, nhưng chấp trước không khả đắc.

Trong chúng hữu tình hữu học có hai chủng kế chấp ngã, ngã sở và tướng nhân của hai chủng kia. Chấp trước tùy miên và chấp trước ngã mạn bao gồm tướng nhân của kia đều không khả đắc, nhưng có ngã mạn tùy miên khả đắc.

Trong chúng hữu tình vô học, tất cả đều không có được. Lại, chúng hữu tình ngoại đạo chỗ có sở hành không vì đoạn kia. Chúng hữu tình pháp dị sanh tu tập chánh hạnh vì đoạn kia mà chưa thể đoạn, vì chưa kiến như thật. Chúng hữu tình hữu học đã đoạn một phần, vì đoạn phần còn lại nên tiếp tục tu chánh hạnh, tuy kiến như thật mà chẳng

tự xưng “Ta đã năng kiến”, bởi chưa đạt được tận vô sanh trí. Chúng hữu tình vô học đã đoạn tất cả, ở trong các hành tự xưng “Ta như thật kiến”.

Lại nữa, có 8 chủng câu nói thanh tịnh. Những gì là tám? Vì siêu vượt kiến và mạn, nên có câu nói thanh tịnh “siêu vượt hai chủng ý”. Vì đoạn trừ tướng nhân của kia, nên có câu nói thanh tịnh “đoạn trừ tướng”. Vì đoạn trừ chấp trước kia, nên có câu nói thanh tịnh “tịch tĩnh”. Vì đoạn tùy miên kia, nên có câu nói thanh tịnh “khéo giải thoát”. Lại có hai câu nói thanh tịnh dành cho bậc hữu học, đó là ở trong tất cả hành hậu hữu, do đạo lý “không hiện hành”, nên có câu nói thanh tịnh “đã dứt tham ái” và “chuyển ba kiết”. Có hai câu nói thanh tịnh dành cho bậc vô học, đó là dừng nghỉ mạn, hiện quán và vĩnh viễn nhổ sạch tất cả gốc khổ tham ái tùy miên, nên nói “đã tác ngăn mé khổ”. Tất cả như vậy hợp chung làm một, gọi là có tám chủng câu nói thanh tịnh.

Lại nữa, do bốn chi nên đầy đủ viễn ly, gọi là khéo đầy đủ. Những gì là bốn? 1. Không trụ chỗ thứ hai; 2. Ở nơi bờ mé nằm ngồi vắng vẻ; 3. Thân xa lìa; 4. Tâm xa lìa. Đó là ở nơi cảnh sống tại cư

gia, phát sanh các tướng tâm tư, tham dục, sân khuể... tức liền xa lìa, nương không phóng dật mà phòng hộ giữ gìn tâm.

Lại do năm tướng phát siêng tinh tấn, nhanh chóng chứng thông tuệ: 1. Có thế lực, vì mặc giáp tinh tấn; 2. Có tinh tấn, vì tinh tấn gia hạnh; 3. Có dũng mãnh, vì ở nơi pháp sâu rộng mà không khiếm nhược, lại thêm tinh tấn; 4. Có kiên cố mạnh mẽ, vì lạnh nóng muỗi mòng... cũng chẳng thể làm lay động tinh tấn; 5. Không xả ách thiện, vì không vui đủ đối với những điều hạ liệt, càng thêm tinh tấn. Lại vì đoạn hôn trầm thùy miên, trạo cử ác tác, như thứ lớp trước tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên thế chân chánh Chỉ Quán không bị hoại mất.

Lại nữa, ở trong pháp Tỳ-nại-da thiện thuyết có ba viên mãn. Những gì là ba? 1. Hạnh viên mãn; 2. Quả viên mãn; 3. Thầy viên mãn.

Hạnh viên mãn: vì chạm đến chứng đắc Đoạn giới, Vô dục giới và Diệt giới, nên lắng nghe chánh pháp, vì người diễn thuyết, tự chân chánh tu hành tùy pháp hành pháp, nên gọi là hạnh viên mãn.

Quả viên mãn: do lực tùy pháp hành pháp đây

tăng thượng nên tâm khéo giải thoát, lại hiện pháp năng chứng đắc Niết-bàn, gọi là quả viên mãn.

Thầy viên mãn: tất cả pháp năng dẫn phát phạm hạnh vì đều nương Thế Tôn làm căn bản, vì đều do Thế Tôn chuyển pháp nhãn, vì đều lấy Thế Tôn làm chỗ nương. Do Như Lai xuất thế có giáo có thể biết, nên nói Thế Tôn làm căn bản kia. Phật đã xuất hiện nơi đời, quán xét căn cơ của hữu tình được giáo hóa kia rồi thuyết chánh pháp nhãn. Thầy và đệ tử triển chuyển truyền lại, cho nên nói là Thế Tôn chuyển chánh pháp nhãn. Sau khi chuyển pháp nhãn, nếu có người đối trong đây sanh khởi nghi hoặc, chỉ nương Thế Tôn liền năng quyết nghi, cho nên nói Thế Tôn làm chỗ nương.

Lại vị thầy thuyết pháp lược do hai chủng: 1. Do giáo; 2. Do chứng. Tức là vị thầy đã được nghe chánh pháp từ một bậc thầy khác, theo điều đã nghe mà tuyên thuyết. Do nương chứng đạo học, đạo vô học rồi theo đó mà tuyên thuyết.

Quyển 86

Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH

Phần 2

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

Tướng hành, tướng ngu, nhãn, thắng lợi

Chín trí, không si, cùng thắng tiến

Ngã kiến sai biệt, ba tướng hành

Sau rộng ba phẩm tổng pháp thấy.

Ở trong các hành, tu tướng hành vô thường có 5 chủng: 1. Do tánh không thường; 2. Tánh không hằng; 3. Tánh không phải cứu trụ; 4. Tánh không thể giữ gìn; 5. Tánh pháp biến hoại.

Trong đây vì sát-na sát-na hoại nên không thường. Tự thể có gián đoạn, vì bị phụ thuộc vào giới hạn của trụ thọ, nên không hằng. Ngoại sự của kiếp sau quyết định không thể trụ, nên không cứu trụ. Thọ lượng chưa mãn mà phải chịu duyên hoại, bất kỳ lúc nào cũng có thể chết, nên không thể giữ gìn. Bây giờ đang trụ, ở khoảng trung gian

không quyết định được an vui, nên là pháp biến hoại.

Lại nữa, kẻ ngu lược có 3 chủng tướng ngu phu. Những gì là ba? Các ngu phu ở nơi tất cả hành không thể tư duy năm tánh vô thường như đă thuyết ở trên. Ở nơi tánh không chân thật lúc thắng diệu lúc kém cõi kia, mà đem so sánh phân biệt mình người là hơn là kém. Tự cho mình là hơn, đây gọi là tướng ngu phu thứ nhất. Như cho là mình hơn, thì cho mình là bằng, cho mình là thua... nói rộng cũng vậy. Trái với tướng đây, nên biết bậc trí cũng có 3 chủng tướng trí.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên biết bậc Thánh có huệ nhãn thanh tịnh, đó là: xa trần và lìa cấu. Do đắc lìa hệ buộc của các triền phiền não kiến sở đoạn, nên gọi là xa trần. Do đắc lìa hệ buộc của các tùy miên phiền não kiến sở đoạn, nên gọi là lìa cấu. Lại khi hiện quán có ngã mạn thô tùy nhập tác ý gián đoạn, không gián đoạn mà chuyển, nếu liền rõ biết khắp sở thủ, năng thủ, sở duyên bình đẳng, tức đoạn diệt kia. Do đoạn diệt kia, nên gọi là xa trần. Vì tất cả tùy miên phiền não kiến đạo sở đoạn được đoạn trừ, gọi là lìa cấu.

Lại nữa, ở trong các pháp xa trần lìa cấu lúc đạt được pháp nhãn, nên biết có được 10 chủng thắng lợi. Những gì là mười? 1. Vì tự mình khéo thấy bốn Thánh đế, gọi là kiến pháp; 2. Vì theo đó thành tựu một trong bốn chủng quả Sa-môn, gọi là đắc pháp; 3. Vì ở nơi những điều mình đã chứng năng tự rõ biết: “Ta nay đã tận dứt địa ngục, bàng sanh, ngã quý. Ta chứng Dự lưu”, cho đến nói rộng, gọi là biết pháp; 4. Vì đắc bốn chứng tịnh, đối với Phật Pháp Tăng như thật biết, gọi là khắp kiên cố pháp; 5. Vì không nghi hoặc ở nơi sở chứng của mình; 6. Vì không nghi hoặc đối với sở chứng của người; 7. Vì tuyên thuyết chánh giáo tương ưng thánh đế, không bị dẫn đoạt bởi duyên khác; 8. Vì không quán mặt người, không nhìn miệng người, trụ bền chắc trong chánh pháp luật, không bị tất cả luận khác lay chuyển; 9. Vì ký biệt tất cả sở chứng giải thoát mà không hãi sợ; 10. Vì hai nhân duyên tùy nhập thánh giáo: thế tục chân chánh và đệ nhất nghĩa.

Lại nữa, có 9 chủng trí năng biết khắp siêu vượt các hành: 1. Trí các hành lưu chuyển; 2. Trí các hành hoàn diệt; 3. Trí nhân duyên tạp nhiễm;

4. Trí nhân duyên thanh tịnh; 5. Trí thanh tịnh; 6. Trí khổ; 7. Trí tập; 8. Trí diệt; 9. Trí đạo.

Trong đây, trí các hành lưu chuyển lược do 3 chủng nhân duyên tập, đó là: do tập hỷ, do tập xúc, do tập danh sắc; và tùy chỗ thích hợp hoặc tập sắc, hoặc tập thọ, tưởng, hành, hoặc tập thức, cho nên có được chánh trí về tập của tất cả hành. Cũng tức do 3 chủng nhân duyên đây diệt, nên 3 chủng hành diệt. Đây gọi là trí các hành hoàn diệt. Trí nhân duyên tập nhiễm, trí nhân duyên thanh tịnh và trí thanh tịnh, tức là ra khỏi xa lìa lỗi lầm tai hoạn của ái vị, nên biết như trước đã thuyết. Trong bốn Thánh đế có bốn trí là trí khổ... nên biết như trước đã phân biệt trong đạo lý Thánh đế. Ở vị dị sanh nếu tu tập 5 trí trước sẽ năng nhanh chóng chứng đắc bốn trí thánh đế sau. Do chứng trí kia mà năng như thật rõ biết các hành. Lại nếu bị khuyết các trí ở trước, quyết định chẳng thể dụng đạo lý để mà biết khắp các hành, cần yếu chứng đắc các trí trước mới năng biết khắp. Nếu ở nơi đạo lý để mà thiếu đi trí biết khắp hành, nhất định không thể ở nơi vị tu đạo bậc thượng dùng lược “đối trị đoạn” để đoạn trừ các phiền não và siêu

vượt tất cả hành. Trái với tướng đây cho đến năng siêu vượt, do đây gọi là có 9 chủng trí năng biết khắp siêu vượt các hành.

Lại nữa, người tu quán hành do 3 điều ở trong các hành không rơi vào ngu si. Những gì là ba? 1. Ở nơi các hành quá khứ, như thật rõ biết là tánh vô thường; 2. Ở nơi các hành hiện tại, như thật rõ biết là tánh pháp diệt; 3. Ở nơi các hành vị lai, như thật rõ biết tánh pháp sanh diệt. Người kia ở nơi ba đời của các hành như vậy không rơi trong ngu si, nên tâm không bị nhiễm ô, an trụ an lạc, nhập trong số minh tịnh. Trái với tướng đây nên biết tức là rơi trong ngu si, nhập trong số vô minh.

Lại có 3 chủng tên gọi khác của phiền não, phần nhiều được nói trong phẩm phiền não: 1. Tên gọi khác của tham; 2. Tên gọi khác của sân; 3. Tên gọi khác của si.

Tên gọi khác của tham: cũng gọi là hỷ, cũng gọi là tham, cũng gọi là luyến tiếc, cũng gọi là hân hoan, cũng gọi là muốn, cũng gọi là bần lầy, cũng gọi là vui, cũng gọi là chứa nhóm, cũng gọi là giữ, cũng gọi là đăm trước, cũng gọi là mong, cũng gọi là đăm mê, cũng gọi là yêu, cũng gọi là nhiễm,

cũng gọi là khát.

Tên gọi khác của sân: cũng gọi là giận, cũng gọi là ghét, cũng gọi là sân, cũng gọi là phần, cũng gọi là tổn, cũng gọi là bất nhẫn, cũng gọi là tội lỗi, cũng gọi là bạo ác, cũng gọi là nọc độc, cũng gọi là chống đối, cũng gọi là tàn độc, cũng gọi là phần phát, cũng gọi là thù giận, cũng gọi là ôm ấp buồn rầu, cũng gọi là bỗng nhiên bùng bùng phát khởi.

Tên gọi khác của si: cũng gọi là vô trí, cũng gọi là vô kiến, cũng gọi là không hiện quán, cũng gọi là hôn muội, cũng gọi là ngu si, cũng gọi là vô minh, cũng gọi là hắc ám.

Hết thấy tên gọi như vậy, nên biết phần nhiều đã biện trong phần *Nhiếp dị môn*. Nay Ta sẽ thuyết sự sai khác của *hỷ* và *tham*.

Duyên nương tựa thọ phát sanh vui thích gọi là hỷ. Duyên cảnh sanh thọ phát khởi nhiễm trước gọi là tham. Lại ở nơi cảnh sắp có được mà sanh gọi là hỷ. Nếu ở nơi cảnh đã được mà sanh gọi là tham. Lại ở nơi sự việc đã được, gần sắp thọ dụng gọi là hỷ. Tức ở nơi sự việc đây đang thọ dụng gọi là tham. Lại ở nơi cảnh giới, phương tiện để năng đạt được, gọi là hỷ. Tức ở tại cảnh giới đây, gọi là

tham. Lại ở hậu hữu gọi là hỷ. Ở cảnh giới hiện tiền gọi là tham. Lại đối với sự vinh quang lợi dưỡng của hữu tình khác mà vui thích gọi là hỷ. Ở nơi vinh quang lợi dưỡng của mình mà vui thích gọi là tham.

Lại nữa, ở trong các hành, người như lý tu tập đạt được 4 sự thắng tiến, đó là tướng thắng tiến. Đây lược có 3 chủng: 1. Điều chưa đắc vì đắc; 2. Điều chưa khế hội vì khế hội; 3. Điều chưa chứng vì chứng. Nếu để đạt được hiện pháp lạc trú, thì gọi là thắng tiến thứ tư.

Đầu tiên, quả Dự lưu chưa đắc năng đắc, đây gọi là điều chưa đắc vì đắc. Tức đây làm chỗ nương, lại năng khế hội quả tăng thượng học, đây gọi là điều chưa khế hội vì khế hội. Tức đây làm chỗ nương, lại đoạn trừ các hoặc năng tác chứng quả A-la-hán, đây gọi là điều chưa chứng vì chứng. Nếu đã chứng đắc quả A-la-hán thì không còn điều chưa đắc vì đắc cho đến điều chưa chứng vì chứng mà chánh siêng tu tập, chỉ vì hiện pháp lạc trú mà chánh siêng tu hành.

Lại nương nghĩa tự lợi có 3 tướng thắng tiến, đó là ở trong các hành, tướng nhàm chán trái lìa,

tưởng quá hoạn và tưởng thật nghĩa.

- Tưởng nhàm chán trái lìa lại có 4 hành: ở trong các hành tư duy như bệnh, như ung, như tên, não hại.

Như bệnh: như có người nhân các giới trong thân bị rối loạn phát khởi các thứ bệnh, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa.

Như ung: như có người do nghiệp nhân đời trước, đời này chiêu cảm khổ ung nhọt đau nhức, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa.

Như tên: như có người nhân bị người oán gia hại, đau khổ như bị trúng tên độc, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa.

Não hại: ở trong sự thiếu thốn tài vật nuôi thân, vì kế sanh nhai mà phải hành tà hạnh nên phát sanh các khổ, nên tu tưởng nhàm chán trái lìa. Như vậy gọi là người tu quán hành ở trong các hành tu tưởng nhàm chán trái lìa.

- Tưởng quá hoạn lại có 2 hành: ở trong các hành, tư duy vô thường và tư duy khổ.

- Tưởng thật nghĩa cũng có 2 hành: ở trong các hành, tư duy tánh không và tánh vô ngã. Trong đây, trước chánh tu tập tưởng quá hoạn và tưởng

thật nghĩa rồi, về sau mới năng an trụ tu tập tưởng nhằm chán trái lìa. Trong đây trước nói về quả kia, sau nói về nhân kia.

Lại nữa, có 4 chủng ngã kiến làm chỗ nương năng sanh ngã mạn.

Bốn chủng ngã kiến: 1. Có ngã kiến phân biệt, đây là sự sanh khởi ngã kiến của các ngoại đạo; 2. Ngã kiến đồng sanh, là sự sanh khởi ngã kiến của các loài, thấp cho đến cầm thú... cũng năng sanh khởi; 3. Ngã kiến duyên nương thân mình, tức là trong mỗi thân tự riêng khởi; 4. Ngã kiến duyên nương thân người, tức là chỗ khởi phân biệt ngã kiến đối với thân người làm chỗ nương.

Sanh ngã mạn: do kiến đây nên quán thấy thân mình, thân người kế chấp cho là có thật ngã.

Nên biết trong đây do 2 chủng ngã kiến sau cùng làm chỗ nương nên phát sanh ngã mạn. Ví như mặt gương tròn sáng phẳng lặng, hình chất của gương làm chỗ nương phát sanh ảnh tượng, lại lấy ảnh tượng trong gương làm chỗ nương mà phát sanh tưởng hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém sai khác. Như vậy, do tà phân biệt nên ngã kiến duyên nương thân mình làm duyên phát sanh ngã kiến

duyên nương thân khác, như nương hình chất của gương phát sanh ảnh tượng. Đây lại làm duyên phát sanh ngã mạn, mới đối với người khác cho là ta hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém.

Nếu do ngã kiến đồng sanh làm duyên sanh ngã mạn, nên biết thí dụ đây có sự sai khác so với thí dụ trước. Như người mắt sáng đến vũng nước trong để soi mắt tai... tướng còn lại nên biết như trước.

Tóm lại mà nói, tất cả chủng hữu thân kiến đây chỉ nương pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mới năng vĩnh viễn đoạn trừ, tà giáo khác không thể đoạn trừ.

Như vậy, Như Lai và chúng đồng phạm hạnh cùng rõ biết, hoặc các đệ tử đồng phạm hạnh có đại ân đức, chỉ do một nhân duyên như vậy nên nói là đối với Đại sư, hoặc sau Đại sư diệt độ, bậc đồng phạm hạnh là người chân thật báo ân. Lại có nguyên do thứ hai, tức là người vì lợi ích mà nương cú nghĩa khác nhau như vậy siêng tu chánh hạnh, đây cũng gọi là tùy phần báo ân, vì sự hy vọng đối với vị kia vẫn chưa hoàn toàn trọn vẹn.

Lại nữa, do 3 chủng tướng các hành diệt mà

gọi là Vô dư y Niết-bàn giới: 1. Các hành diệt do sự sanh khởi đời trước; 2. Các hành diệt do tự tánh hoại diệt; 3. Do tất cả phiền não vĩnh viễn lìa hệ buộc.

Các hành diệt do sự sanh khởi đời trước: vì các hành do sự tạo tác của các nghiệp phiền não ở đời trước năng cảm hậu hữu hoại diệt, vì các hành do sự mong cầu của nguyện xưa cũng diệt và vì các hành do sự sanh khởi hiện tại cũng vĩnh viễn diệt.

Các hành diệt do tự tánh hoại diệt: đó là các hành đã sanh vốn dung chứa tánh hoại diệt một cách tự nhiên, không trụ rốt ráo, nên các hành vĩnh viễn diệt.

Do tất cả phiền não vĩnh viễn lìa hệ buộc: các phiền não đoạn diệt không sót thừa, nay chúng diệt về sau không lại sanh khởi. Cho nên do 3 tướng các hành diệt đây mà được gọi là tịch diệt, không phải vĩnh viễn vô tướng, mà là tướng chuyển đổi vậy. Nếu vĩnh viễn vô tướng, thì không thể thi thiết danh là tịch diệt.

Lại nữa, do lực của ba giải thoát môn tăng thượng là Không giải thoát môn, Vô nguyện giải thoát môn và Vô tướng giải thoát môn, nên biết

kiến lập bốn chủng pháp Ốt-Đà-Nam. Nương Vô nguyện giải thoát môn, kiến lập pháp Ốt-Đà-Nam thứ nhất, thứ hai là tất cả hành vô thường và tất cả hành khổ. Nương Không giải thoát môn, kiến lập pháp Ốt-Đà-Nam thứ ba là tất cả pháp vô ngã. Nương Vô tướng giải thoát môn, kiến lập pháp Ốt-Đà-Nam thứ tư là Niết-bàn tịch tĩnh.

Lại nữa, có 2 chủng pháp Ốt-Đà-Nam tăng thượng hành “dục”: 1. Dục đồng hành thắng giải; 2. Dục đồng hành ý lạc.

Dục đồng hành thắng giải: do bốn chủng pháp Ốt-Đà-Nam, nên ở trong các hành mà sanh “dục” lạc. Lại, người ở nơi các hành tịch tĩnh sanh vui muốn, tức là do ý lạc nên một mình ở chốn không nhân, tác ý tư duy. Nhưng do 4 chủng tướng, tuy ở chốn tịch tĩnh kia, mà tâm trở lại thối thất: 1. Vì thấy nếu không nhập vào các hành kia thì lợi ích hơn; 2. Không tin đạt được “Tín thanh tịnh”; 3. Vì ở sở duyên kia không sanh vui thích, không an trụ; 4. Vì đối với kia mà phát khởi thắng giải chẳng vui. Trái với tướng đây nên biết tức là dục đồng hành ý lạc.

Lại do 2 duyên, tuy sanh khởi dục đồng hành

thắng giải vô ngã, nhưng đối với Niết-bàn do hãi sợ nên tâm trở lại thối thất: 1. Do ở nơi dục đây chưa khéo xuyên suốt tập, chưa rốt ráo nhập vào; 2. Vào lúc tác ý, do nhân duyên trên nên quên mất chánh niệm. Lại do đây chưa xuyên suốt huân tập “nhãn dục”, nên bấy giờ ở trong các hành tuy hiểu rõ duy chỉ hành theo trí, nhưng tâm ngu muội lớp lớp tư duy ngã: “Ngã hiện nay đang ở chỗ nào?”, truy tìm hành ngã vi tế đồng hành chuyển theo các sự chướng ngại. Do duyên đây nên kia khởi suy nghĩ: “Ngã sẽ chẳng có”, mà không nghĩ như vậy: “Chỉ có các hành, đương lai chẳng có”. Kẻ kia do đuổi theo thân kiến như vậy, lấy đây làm chỗ nương nên phát sanh thức theo đó triển chuyển biến đổi. Do hãi sợ đối với sự tịch diệt kia, nên tâm trở lại thối thất.

Lại nữa, vì đoạn trừ sự hãi sợ như vậy có 2 chủng pháp cần phải thực hành nhiều: 1. Đối với các bậc có trí đồng phạm hạnh, như thật tự tỏ bày; 2. Phát tâm hiểu rõ nhân dục thiện pháp và tâm điều nhu.

Lại phát tâm thấu hiểu như vậy: “Lắng nghe chánh pháp”; phát sanh hoan hỷ đối với 3 chủng

tướng: 1. Do bổ-đặc-già-la tăng thượng: là do quán thấy sâu “đại oai lực đoan nghiêm của bậc Đại sư thật đáng tán thán quy ngưỡng” và xưng khen là “bậc thiện thuyết pháp”; 2. Do pháp tăng thượng: tin hiểu pháp sở thuyết năng khiến lìa khỏi nghiệp phiền não khổ và tin hiểu nghĩa thâm sâu tối thượng của pháp kia; 3. Do tự mình tăng thượng: năng ở nơi pháp sở thuyết có lực thực hành khiến giác ngộ.

Lại phát khởi điều nhu tâm như vậy, đó là có 3 kiến: 1. Hoặc nương kia mà chuyển; 2. Hoặc do kia mà biết khắp; 3. Hoặc phải dẫn dắt phát khởi.

- Nương kia mà chuyển: ở nơi các đế chưa đắc hiện quán, vì muốn đắc hiện quán, nên nương thẳng giải kia đồng hành với cực khéo xuyên suốt tập hành chánh kiến mà chuyển.

- Do kia mà biết khắp: do nương chánh kiến thuận với hiện quán, ba sự chấp ngã, hữu thân kiến, tùy miên kia, tánh nương tựa hai kiến đoạn thường, bao gồm quả sở đắc, đều năng rõ biết khắp. Nói 3 sự: 1. Hoặc sở thủ; 2. Hoặc năng thủ; 3. Hoặc như vậy thủ. Trong đây gì là sở thủ? Tức là năm thủ uẩn. Gì là năng thủ? Tức là bốn thủ. Sao gọi

thủ? Tức là bốn thức trụ, tùy theo thứ lớp nên biết như trước, vì chỗ nương của hai tâm thủ. Lại tức ở nơi sở hữu các triền dẫn dắt phi lý, duyên cảnh giới hữu thân kiến kia, nên sanh khởi chấp trước và tùy miên kia nên biết như trước.

- Phải dẫn dắt phát khởi: an trụ ở kia mà năng đoạn trừ vĩnh viễn ba sự chấp trước, hữu thân kiến và tùy miên kia, nơi trí thánh đế không mượn nhờ duyên khác.

Lại nếu lúc nương kia biết khắp, chánh kiến chuyển, nhưng ở nơi ba sự khởi chấp trước ngã và có tùy miên, thì ở trong các hành, hoặc tu tập, hoặc độn chìm còn không khéo biết, không thể nhập hành trung đạo, hướng được xuất lìa. Nếu lúc trụ chánh kiến tùy thuận hiện quán, ở trong ba sự chỗ có chấp ngã đều đã lìa hệ buộc, tuy vẫn còn sự trói buộc của tùy miên kia, mà ở trong các hành hoặc tu tập, hoặc độn chìm năng khéo biết, nên xa lìa hai biên, nhập hành trung đạo. Tuy chưa xuất lìa nhưng kham năng xuất lìa. Nếu đã dẫn dắt phát hiện quán thánh đế, do chánh kiến nên ở trong ba sự không chấp trước ngã, xa lìa tùy miên. Trước đã thú nhập hành trung đạo rồi, về sau do đây mới

đắc xuất lià. Như vậy khi ba kiến chuyển mà có sự sai khác đây.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Chóng thông, tự thể, trí, cảnh giới
Lưu chuyển, hành, vui đủ, thuận dòng
Tướng biết đoạn, tướng, lập trái tư lương
Sau rộng thuyết phẩm việc làm thầy...*

Vì muốn chúng đắc giải thoát chân thật rốt ráo chưa chứng đắc, lược có 3 pháp năng khiến nhanh chóng thành tựu thông tuệ:

1. Lược trí: nếu an trụ trí kia không gián đoạn, kham năng vĩnh viễn tận các lậu, nên biết tức là trí kiến hữu học.

2. Lược không phóng dật: đã đạt được trí kiến như vậy, tức nương đạo đã đắc ấy làm phương tiện siêng tu, tâm canh phòng pháp ác bất thiện sanh khởi.

3. Lược luôn huân tập: tức nương phương tiện đây siêng tu, thường thực hành, thường triển chuyển, trọn không nghỉ hoặc: “Ngày hôm nay ta đã được tận các lậu, tâm giải thoát chưa?”. Đối với ngày mai, ngày mốt... cũng khởi nghĩ như thế. Do

tà suy nghĩ đây khiến tâm căng thẳng, chán chường, mệt mỏi. Nếu không suy nghĩ sẽ không nhàm mỏi, do không nhàm mỏi liền không khiếp sợ, đã không khiếp sợ thì không xả gia hạnh, năng tận các lậu.

Hỏi: Sao gọi là trí và kiến có sự sai khác?

Đáp: Nếu chiếu soi cảnh quá khứ và vị lai không hiện thấy, tuệ đây gọi là trí. Chiếu soi cảnh hiện tại, tuệ đây gọi là kiến.

Lại sở thủ làm duyên, tuệ đây gọi là trí. Năng thủ làm duyên, tuệ đây gọi là kiến.

Lại do văn tư mà thành, tuệ đây gọi là trí. Do tu mà thành, tuệ đây gọi là kiến.

Lại phiền não đã đoạn, năng chứng giải thoát, tuệ đây gọi là trí. Năng đoạn phiền não, tuệ đây gọi là kiến.

Lại duyên cảnh tự tướng, tuệ đây gọi là trí. Duyên cảnh cộng tướng, tuệ đây gọi là kiến.

Lại do giả thi thiết, khắp ở trong ngoài các hành kia hoặc lập là ngã, hoặc lập hữu tình, trời, rồng, dục-xoa, kiện-đạt-phược, a-tổ-lạc, khiết-lộ-trà, ni-hô-lạc-già... hoặc lập quân, rừng, núi, nhà... dụng hết thấy hành thuận theo lý thế tục như thế duyên cảnh sở tri, tuệ đây gọi là trí. Nếu năng

nắm giữ ở tự tướng, cộng tướng, tuệ đây gọi là kiến.

Lại tầm cầu các pháp, tuệ đây gọi là trí. Đã tầm cầu rồi tứ sát các pháp, tuệ đây gọi là kiến.

Lại duyên ảnh tượng vô phân biệt làm cảnh, tuệ đây gọi là trí. Duyên ảnh tượng có phân biệt làm cảnh, tuệ đây gọi là kiến.

Lại ảnh tượng có sắc nhĩ diệm làm duyên, tuệ đây gọi là kiến. Ảnh tượng không sắc nhĩ diệm làm duyên, tuệ đây gọi là trí.

Khi kia dụng phương tiện hoặc trí hoặc kiến như vậy làm chỗ nương cho việc tu tập, lại thêm siêng tu 4 sự thiện xảo:

1. Sự quán sát: là bốn niệm trụ. Tu tập đây vì muốn đối trị bốn điên đảo và vì như thật biết khắp tất cả cảnh.

2. Sự xả thủ: là bốn chánh đoạn. Tu tập đây vì muốn đoạn trừ pháp bất thiện và vì tu tập các pháp thiện.

3. Sự xuất thọ: là bốn thân túc. Đây nương thứ lớp bốn tinh lực mà năng ra khỏi, đầu tiên là căn ưu cho đến căn lạc.

4. Sự phương tiện: là các căn, lực, giác chi,

đạo chi. Nên biết đây là phương tiện chính yếu năng đoạn phiền não kiến sở đoạn và tu sở đoạn.

Như vậy người siêng tu sự thiện xảo nên biết có 4 chủng nghĩa sở y, năng y.

Nghĩa sở y: đó là dụng quán hành để chánh siêng tu tập.

Nghĩa năng y: thành tựu học, các pháp vô lậu vẫn chưa thanh tịnh, vì còn màng vô minh sót thừa bao bọc.

Lại phải nương đạo thanh tịnh thì về sau các pháp vô lậu kia mới được thanh tịnh. Đạo thanh tịnh đây nên biết có 4 chủng thực hành sai biệt: 1. Tập quen gần gũi chánh pháp, chân chánh tinh lự thâm sâu; 2. Gần gũi những việc làm của bạn lành; 3. Lấy thọ trì giới, mật hộ căn môn, thiếu dục... để huân tập điều luyện tâm; 4. Một mình ở chốn không nhân, thực hành Chỉ và Quán, lấy sự an lạc chân chánh thù thắng làm trợ bạn.

Lại, thanh tịnh các pháp vô học kia tức là nương đạo thanh tịnh hành đây nhiều tu tập, dụng pháp hữu học phá màng vô minh tối tăm, hướng đến vô học địa.

Lại vì đặc giải thoát chân thật rất ráo lược có

5 chủng thứ lớp: 1. Trước lấy tích tập tư lương làm chỗ nương; 2. Lấy đây làm chỗ nương tu Chỉ và Quán; 3. Lấy đây làm chỗ nương, đầy đủ hiện quán đế, thắng giải Niết-bàn; 4. Lấy đây làm chỗ nương, nên ở nơi chút phần chứng đắc thấp kém không sanh vui đủ, cũng không an trụ nơi pháp đáng nhàm chán mà sanh sâu yểm hoạn; 5. Lấy đây làm chỗ nương, nên chứng đắc Kim cương dụ đ. nh cuối cùng tương ứng tâm học.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết tất cả các hành tự thể đều vô thường, vì thọ lượng của tất cả tự thể đều có hạn. Giả sử có người muốn tự khảo nghiệm: “Ta nay dùng tay nắm giữ viên bìn hoặc viên phấn bỏ trải qua bấy nhiêu thời gian như vậy...”, khởi muốn này rồi theo đó nắm giữ. Bấy giờ người kia giữ ý thích này năng cầm mãi không vất bỏ, cho đến về sau muốn vất bỏ tức liền vất bỏ, muốn nắm giữ tức liền nắm giữ. Không phải như giới hạn tuổi thọ của thân, đến lúc thọ lượng đã tận, muốn trì hoãn một sát-na còn không được toại nguyện, hà huống sống lâu. Lại tất cả tự thể kia vì nhân sanh khởi, vì nhân tạo tác, vì vô thường.

Lại có tự thể rộng lớn hưng thịnh nhưng chung

quy đều tiếp xúc với hoại diệt khả đắc, đó là chư thiên và loài người thuộc Dục giới, Sắc giới, Đại Phạm, Đế Thích, Chuyển luân vương...

Lại do A-hàm không điên đảo, đó là chư Phật Thế Tôn hiện kiến, hiện chứng pháp tánh vô thường của các tự thể, nên theo đó tuyên thuyết.

Lại đây đủ sai biệt của các kẻ thọ dục có 3 chủng, do nhân duyên đây các kẻ thọ dục nương đây hằng thường hý luận. Những gì là ba? 1. Đây đủ vật dụng nuôi thân; 2. Đây đủ tự thể; 3. Đây đủ cúng dường của hữu tình thù thắng.

Nên biết lại có 3 chủng nhân duyên năng được đầy đủ sai biệt như vậy: đó là do thí, giới đồng hành điều phục các căn và do đắc quả trong việc tu tập Từ cõi Dục. Từ làm đạo dẫn đầu, Từ làm nhân nương tựa, đối với các hữu tình tổn hại mà hành tướng tịch tĩnh chuyển.

Lại nữa, nên biết ở sự sở tri có 7 chủng trí như thật thông đạt hành: 1. Trí đã đắc; 2. Trí chưa đắc; 3. Trí không điên đảo; 4. Trí thị xứ “không phải có” biết không phải có; 5. Trí thị xứ còn lại biết “chẳng không”; 6. Trí khổ bất tịnh; 7. Trí chóng hoại diệt.

Lại do 15 chủng tướng hiểu rõ các hành, năng nhanh chóng đoạn diệt ngu si đối với tất cả hành. Những gì là mười lăm? Vì như thủy giới phát sanh nên vô ngã, hiển hiện tương tợ ngã, nên không trụ bền chắc. Vì không tùy thích uốn nắn nên hiểu rõ các sắc giống như đồng nước bọt. Vì pháp tương tợ ba hòa hợp sanh, như phương tiện hòa hợp của mây, đất, mưa, nên hiểu rõ các thọ dụ bọt nước nổi. Vì pháp tương tợ năng hiển rõ, năng đốt cháy, năng khiến mê loạn ở nơi cảnh sở tri, nên hiểu rõ các tướng đồng như bóng nắng. Vì pháp tương tợ đoạn trừ căn bản thân kiến, vì nhân của nhiều phẩm tự thể sai biệt, vì thời lượng sát-na không lúc tạm dừng, nên hiểu rõ các hành giống như cây chuối. Vì pháp tương tợ của hữu, thủ... nương bốn thức trụ, phát khởi chủng chủng tự thể theo đó chuyển, nên hiểu rõ các thức như việc huyền... Đây đã rộng phân biệt ở trước trong phần *Nhiếp dị môn*.

Lại nữa, có 2 chủng thể gian nhiếp tất cả hành: 1. Hữu tình thể gian; 2. Khí thể gian. Hữu tình thể gian gọi là chủng loại sanh tử. Khí thể gian gọi là khí sanh tử.

Chúng loại sanh tử vì không đồng với pháp sanh tử khác, nên so với khí sanh tử lược có 5 điều không đồng phạm. Đó là khí sanh tử cộng nhân mới sanh khởi. Chúng loại sanh tử không do cộng nhân mà sanh. Đây gọi là do nhân không đồng phạm thứ nhất.

Lại khí sanh tử ở vô tử có ngăn mé trước sau đoạn dứt. Chúng loại sanh tử ở vô tử trọn tương tục lưu chuyển thường không đoạn dứt. Đây gọi là do thời không đồng phạm thứ hai.

Lại khí sanh tử nếu lúc hoại diệt chỉ là sự hoại diệt của thủy hỏa phong. Chúng loại sanh tử thì không như vậy. Đây gọi là do sở trị không đồng phạm thứ ba.

Lại khí sanh tử không vĩnh viễn đoạn nhân. Chúng loại sanh tử thì không như thế. Đây gọi là do đoạn không đồng phạm thứ tư.

Lại khí sanh tử đoạn rồi lại tiếp nối. Chúng loại sanh tử đoạn rồi không tiếp nối. Đây gọi là do tiếp nối không đồng phạm thứ năm.

Lại nữa, tất cả ngu phu lưu chuyển không dừng trong sanh tử do 5 chủng tướng: 1. Do nhân ái; 2. Do quả ái; 3. Do tự tánh ái; 4. Do nhân triển chuyển;

5. Do nhân triển chuyển nương nơi tiền tế không cùng tận.

Nhân ái: tức là vô minh.

Quả ái: các nghiệp năng đến nẻo thiện và nẻo ác. Vì cơ sao? Nghiệp đến nẻo thiện là do ái kiết trói buộc khiến ngu phu tự nhiên vui thích tìm đến. Nghiệp đến nẻo ác là do vòng xích của ái trói buộc khiến ngu phu dẫu không muốn đi đến mà bị bức bách khiến đi.

Tự tánh ái lược có 3 chủng: 1. Ái hậu hữu; 2. Ái đồng hành hỷ tham; 3. Ái hỷ lạc kia kia. Ba ái như vậy tóm lược thấu nhiếp làm hai: 1. Ái hữu; 2. Ái cảnh. Ái hậu hữu gọi là ái hữu.

Ái đồng hành hỷ tham: tức là chỗ có tham ái do ở nơi cảnh giới hiện tiền sắp được, ở nơi cảnh giới đã được chưa thọ dụng và kể cả ở nơi cảnh hiện tiền đang thọ dụng.

Ái hỷ lạc kia kia: là chỗ có tham ái do có sự mong cầu cảnh ở vị lai. Nên biết trong đây do ái đồng hành hỷ tham, nên gọi là ái kiết trói buộc. Do ái hậu hữu và ái hỷ lạc kia kia, nên gọi là vòng xích của ái trói buộc. Nếu ở sự việc kia bị ái kiết trói buộc, gọi là đi nhanh. Nếu ở sự việc kia bị

vòng xích ái trói buộc, gọi là lưu chuyển.

Lại trường thời nhân triển chuyển dẫn đến các hành tương tục, tiền tế khó biết, hậu tế không cùng tận.

Ngu phu do 5 tướng mà bị lưu chuyển, nên biết cũng do năm tướng mà bị trói buộc: 1. Ở xứ kia trói buộc; 2. Do kia mà trói buộc; 3. Chính đây năng trói buộc; 4. Nương kia nên trói buộc; 5. Có sự lãnh thọ.

Ở xứ kia trói buộc: do nghiệp năng đến đường thiện, nên trụ ở đường thiện mà bị trói buộc. Hoặc do nghiệp năng đến đường ác, nên trụ ở đường ác mà bị trói buộc. Lại do ái đồng hành hỷ tham nên trụ ở sự việc như vậy mà bị trói buộc, do ái hỷ lạc kia kia và ái hậu hữu nên trụ ở sự việc như vậy mà bị trói buộc.

Do kia mà trói buộc: ngu phu dị sanh bị vô minh trói buộc.

Chính đây năng trói buộc: là pháp tương tự đồng loại với khổ mà không biết nhằm chán.

Nương kia nên trói buộc: nương hậu uẩn mà bị trói buộc.

Có chỗ lãnh thọ: lãnh thọ các thứ khổ như sanh...

Lại nữa, ngu phu dị sanh ở nơi sự hữu lậu có 4 vui đủ, nên biết phần nhiều là các ngoại đạo. Những gì là bốn? 1. Vui đủ nơi thân người; 2. Vui đủ nơi thân trời Dục giới; 3. Vui đủ sanh cõi Phạm thế; 4. Vui đủ cho đến biên tế Hữu đánh. Ngu phu ở 4 vui đủ kia tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt.

Lại ở nơi sự hữu lậu có 5 chủng sở hành của đường ái của tất cả ngu phu: 1. Hậu hữu; 2. Mong cầu cảnh giới vị lai; 3. Cảnh giới hiện tiền sắp được; 4. Chỗ có cảnh giới đã được; 5. Cảnh giới hiện tiền thọ dụng. Nên biết ở nơi năm chủng kia, thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt. Trong đây, đi nhanh có 2 chủng: 1. Ở hậu hữu; 2. Mong cầu cảnh giới vị lai.

Lại có 4 chủng sở hành của đường ái: 1. Ý nghiệp mong cầu cảnh giới; 2. Hai nghiệp thân, ngữ; 3. Đạt được; 4. Nơi những gì đã được, tùy theo dục hoặc triển chuyển, hoặc huân tập. Đây là phát nghiệp sở hành của đường ái, hoặc mong cầu cảnh giới, hoặc lại mong cầu các hữu. Nên biết ở nơi bốn chủng sở hành của đường ái kia, tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc

ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt.

Như ở nơi sự hữu lậu chỗ có 4 vui đủ cho đến sở hành của đường ái, tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm có sự sai biệt, thì ở nơi sự hữu lậu chỗ có hỷ lạc, hỷ luận, nhiễm trước và đam mê vui thích tùy theo thứ lớp hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm nên biết cũng vậy.

Lại có 2 chủng tướng quả sở hành của đường ái sai biệt: 1. Tâm sai biệt; 2. Thân sai biệt.

Tâm sai biệt lại có 2 chủng: 1. Phẩm loại sai biệt: do tự tánh, do sở y, do sở duyên và do trợ bạn; 2. Tạp nhiễm sai biệt: do sở hữu phiền não tham sân si... và tùy phiền não.

Thân sai biệt cũng có 2 chủng: 1. Vì chủng chủng thân sai biệt; 2. Vì một chủng thân sai biệt.

Nên biết trong đây chỗ có tạp nhiễm của tâm sai biệt năng là nhân của hai chủng thân sai biệt. Vì đoạn kia, các hành giả nên dùng lớp lớp tác ý không điên đảo mà siêng tu quán hành.

Lại do 4 chủng nhân sai biệt khiến quả sai biệt:

1. Ở đây sai biệt: ở sở hữu đường thiện, đường ác sai biệt.

2. Do đây sai biệt: do tham sân si nhiễm ô tâm khiến kia có sự sai biệt.

3. Tức đây sai biệt: năm chủng hành nhiếp thọ chủng chủng thân sai biệt.

4. Như đây sai biệt: ở nơi nhân duyên, lưu chuyển, tạp nhiễm, thanh tịnh của các hành và thể thanh tịnh đều không như thật biết, mà lại phát sanh vui thích... và chủng chủng hoặc đi nhanh, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm sai biệt.

Lại nữa, các loại ngu phu bởi không thể rõ biết thông đạt các hành vô thường, nên lấy thân kiến làm chỗ nương, thuận dòng mà hành chuyển. Do 5 chủng tướng nên thuận dòng mà chìm nổi: 1. Hoặc ở đây chìm nổi; 2. Hoặc do đây chìm nổi; 3. Hoặc nương đây chìm nổi; 4. Hoặc như đây chìm nổi; 4. Hoặc chỗ có các tướng lúc bị chìm nổi.

Ở đây chìm nổi: ở đường thiện, đường ác mà bị chìm nổi, như tấp vào hai bờ kia đây, đến lui đều bị chìm nổi.

Do đây chìm nổi: do ngâm mình trong biển ái mà bị chìm nổi. Nên biết đây có 5 chủng tướng: 1.

Rong ruổi nơi các cảnh giới, hướng xuống phần dưới; 2. Vì thuận theo hành vi tế khó thể hiểu rõ; 3. Ở các cảnh giới khó thể xoay chuyển quay đầu; 4. Vì cho đến Hữu danh, chủng chủng các hành đuổi theo đều rộng lớn; 5. Vì tướng thân tâm tán loạn, không tịch tịnh.

Nương đây chìm nổi: nương năm chủng các hành như sắc... mà bị chìm nổi, tức ở hai bờ là đường thiện và đường ác có năm chủng hành phẩm loại sai biệt lớp lớp nắm bắt duyên thuận theo dòng chìm nổi.

Như đây chìm nổi: Chìm nổi thế nào? Như trước đã thuyết ở nơi các hành tùy theo thứ lớp bị lưu chuyển... mà không như thật biết, tức là kẻ chấp cho là ngã và ngã sở.

Chỗ có các tướng lúc bị chìm nổi: những kẻ kia lúc bị chìm nổi như vậy, tuy yêu quý thân muốn giữ lâu dài, nhưng do tự tánh diệt nên không thể trụ lâu, tức là bị chìm nổi. Trái với tướng đây nên biết là người hành ngược dòng chảy.

Lại người thông tuệ có 10 chủng tướng nên biết nhiếp đầy đủ các tướng thông tuệ: 1. Thành tựu tuệ câu sanh; 2. Thành tựu tuệ do huân tập

văn, tư, tu; 3. Thành tựu tuệ không bị dao động, khéo tư duy điều nên tư duy, khéo nói điều nên nói, khéo làm điều nên làm; 4. Năng tự nương mình, tánh chưa từng nương gởi mạng nơi người; 5. Phàm mong cầu điều gì tất cả đều vì lợi ích an lạc; 6. Phàm tất cả điều mong cầu đều nương chánh hạnh, đều dụng theo pháp, không dụng phi pháp; 7. Đối với tài sản, vật dụng nuôi thân... năng phòng hộ cẩn thận khiến không bị hoại mất, hư hỏng; 8. Vào lúc thọ dụng quán thấy quá hoạn; 9. Vào lúc bệnh duyên, quán sát chọn lựa thuốc trị bệnh rồi sau mới uống; 10. Năng khéo tránh duyên chết phi thời. Mười chủng tướng thông tuệ như vậy nhiếp đầy đủ các tướng thông tuệ.

Lại nữa, người nương lý vô ngã ở trong các hành, hoặc biết hoặc đoạn, nên biết lược có 3 tướng sai biệt:

1. Người ở nơi các hành năng khắp rõ biết mà hữu thân kiến chưa đoạn hẳn, thì ở nơi các hành kia phần nhiều quên mất chánh niệm mà bị chuyển theo, ít phần không quên mất niệm. Nếu hữu thân kiến đã vĩnh viễn đoạn, nên biết tướng đầy trái với tướng kia. Đây gọi là tướng sai biệt thứ nhất.

2. Người ở trong các hành tuy khắp rõ biết mà thân kiến chưa đoạn hẳn, thì ở trong các cảnh sự khả ái rộng lớn sanh nhiều vui thích, ở cảnh sự thấp hèn không khả ái sanh nhiều ưu khổ. Lúc hai cảnh giới kia hiện tại tiền, nếu hành không phóng dật, tự mình còn không thể buộc tâm giữ gìn nơi chánh niệm, huống là phóng dật. Lúc bấy giờ sẽ bị thân kiến trói buộc quấy nhiễu nơi tâm, do đây khiến tâm không thể hiểu rõ. Nếu thân kiến đã vĩnh viễn đoạn, nên biết tướng đây trái với tướng kia. Đây gọi là tướng sai biệt thứ hai.

3. Người ở trong các hành mà thân kiến chưa đoạn hẳn, chưa thể ở tất cả các hành bên trong hiện tiền an lập lìa tướng hữu tình, như đối với các sự việc cỏ cây lá... bên ngoài. Nếu thân kiến đã vĩnh viễn đoạn, nên biết tướng đây trái với tướng kia. Đây gọi là tướng sai biệt thứ ba.

Như vậy, nếu thân kiến đã đoạn trừ thì có 3 chủng tướng sai biệt trên. Thực hành như vậy dẫn đến 3 chủng thù thắng lợi ích: 1. Vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não năng cảm hậu hữu; 2. Nương kia không bao lâu nhanh chóng đạt được tích tập đạo đối trị kia; 3. Vì đã đắc nghĩa tự lợi, tức nương đạo

kia làm phương tiện siêng tu tập khiến được hiện pháp lạc trú, do đây thu được an lạc rộng lớn.

Lại nữa, do 4 sự sai biệt nên biết ở nơi tất cả chúng hành tu tập tướng vô thường, khổ. Những gì là bốn? 1. Do quả sai biệt; 2. Do tự tánh sai biệt; 3. Do phẩm loại sai biệt; 4. Do phương tiện sai biệt.

Quả sai biệt: vì tu tướng đây năng khiến trừ tất cả trạo, mạn, vô minh, tham Dục giới, tham Sắc giới và tham Vô sắc giới. Nên biết trong đây hiển thị ba chủng gốc phiền não được đoạn trừ và hiển thị ba chủng tùy phiền não được đoạn trừ. Vì cố sao? Vì phiền não tham Dục thì trạo làm trợ bạn, phiền não tham Sắc thì mạn làm trợ bạn, phiền não tham Vô sắc thì vô minh làm trợ bạn. Lại có cách nói khác: tức ở trong đây hiển thị thượng phần kiết và hạ phần kiết đều tận diệt.

Tự tánh sai biệt: trong đây do chánh tu tập vẫn thành tựu tuệ gọi là thân cận. Do chánh tu tập tư thành tựu tuệ, từ đây năng nhập tu, gọi là tu tập. Do chánh tu tập tu thành tựu tuệ gọi là nhiều tu tập. Lại do tu tập tác ý liễu tướng, gọi là thân cận. Chân chánh tu tập các tác ý khác, chỉ trừ tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là tu tập. Chân chánh tu

tập tác ý gia hạnh cứu cánh, gọi là nhiều tu tập. Đây gọi là ba chủng sai biệt thứ hai. Lại do tác ý, sở y, sở duyên, tùy theo thứ lớp gọi là thừa, là sự, là tùy kiến lập. Lại do trường thời xuyên suốt tu tập, gọi là thuần thực. Vì lớp lớp không điên đảo tu phương tiện, gọi là khéo lãnh thọ và khéo tăng trưởng.

Phẩm loại sai biệt: khi tu tướng vô thường như vậy, nhanh chóng năng vĩnh viễn nhổ bật tận gốc tất cả tùy miên, xả bỏ tất cả thiện pháp địa dưới, nhiếp thọ tất cả thiện pháp địa trên. Khi tu tất cả tướng bất tịnh khác... tánh cao rộng vô cùng, năng khéo nắm giữ khắp tất cả hành. Giống như quán sát sự sở thủ, tức như vậy mà quán sát sự năng thủ. Giải thoát khỏi tướng kia, năng đắc tướng vô lậu vô thường. Như vậy tất cả hoặc tướng hữu lậu, hoặc tướng vô lậu đều khéo năng tùy thuận nhập vào Niết-bàn, đều khéo năng đối trị vô minh tối tăm sâu rộng, nên tất cả chủng vĩnh viễn đoạn trừ. Các tướng vô học đều do tất cả tướng vô lậu học tăng thượng mà có được. Vì vĩnh viễn đoạn kia nên thanh tịnh sáng sạch.

Phương tiện sai biệt: một mình riêng ở chốn

không nhân, dụng lớp lớp tác ý không đ.ên đảo quán sát tánh các hành vô thường. Do tướng vô thường nên an trụ tướng vô ngã. Ở trong kiến đạo đã trụ tướng vô ngã vô lậu rồi, ở vị tu đạo cao hơn do tướng hữu học vĩnh viễn hại diệt ngã mạn, theo đó chứng đắc đầy đủ hai chủng Niết-bàn.

Lại nữa, vì an trụ Niết-bàn mà chưa khéo tích tập tư lương, lược có năm chủng pháp trái nghịch tư lương: 1. Nhân nhớ nghĩ các việc cời chơi, vui vẻ, hành động... đã từng trải qua trong quá khứ, dẫn phát tác ý đồng hành suy tư nhớ nghĩ khiến phát sanh hết thấy ưu sầu than tiếc; 2. Vì tâm nhớ nghĩ chủng chủng việc kia, trong lúc lắng nghe lãnh thọ pháp cứu cánh lại sanh nhiều vọng niệm, do đây không thể thông hiểu các pháp; 3. Hoặc ăn uống quá nhiều, hoặc ăn uống quá ít, do nhân duyên đây khiến thân nặng nề hay quá gầy yếu, nên nhàm chán không vui tu hành các phạm hạnh; 4. Ham ưa ngủ nghỉ, không xuyên suốt tu tập đoạn, nên bị phẩm thượng thù miên trới buộc; 5. Sống gần gũi những nơi ồn ào hỗn tạp, xa lìa tu tập tư duy các đế, xa lìa gia hạnh chánh pháp. Đây là năm chủng pháp trái nghịch tư lương.

Lại có 5 chủng thuận theo pháp trên: 1. Ở nơi hai sự tu tập ly dục, đó là ly dục do siêng tu phẩm thiện khiến xa dần các dục triền và ly dục do chân chánh đối trị khiến vĩnh viễn hại diệt tùy miên, nhưng vẫn chưa thể lìa một trong hai chủng dục hoặc dục triền hoặc dục tùy miên; 2. Không giữ gìn căn môn; 3. Ăn không biết lượng; 4. Đầu đêm, cuối đêm không thường sách tấn siêng tu tập tỉnh thức Du-già; 5. Không năng quán sát thiện pháp rất ráo. Trái với các tướng trên nên biết gọi là pháp thuận tư lương và năng thuận với pháp kia.

Lại, các Thanh văn tu hành pháp thuận tư lương và nhân duyên thuận theo kia như vậy, trong lúc tu tập cầu thỉnh pháp Niết-bàn, Đại sư vì kia mà chế lập 5 chủng lời dạy chánh đạo.

1. Phải nương điều đã được nghe mà như pháp quán sát: “Khắp tất cả các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh”, lại dùng tác ý thế gian để không sanh nghi hoặc.

2. Vào lúc trụ, không đắm trước tầm tư bất chánh ở ba điều. Những gì là ba? Vật dụng, tiền của để tồn tại mạng sống; Tướng tổn hại người; Hoặc người hủy mắng, hoặc người đồng phạm hạnh

hiện hành một việc xấu ác, không hợp với chánh pháp.

3. Phải lấy dạy trao làm tiền dẫn.

Người kia do nương âm thanh dạy bảo của bậc Đại sư, như lý tác ý ba điều trên, năng phát sanh chánh kiến, năng đoạn tà kiến. Nên biết nương ba điều đây gọi là *vào lúc trụ* thuận theo lời dạy chánh đạo.

Lại, *vào lúc hành* có hai chủng thuận theo lời dạy chánh đạo. Đó là lúc bậc có trí đồng phạm hạnh vì người kia tuyên thuyết về chỗ phải, chỗ không phải mà kia không sanh khởi oán giận. Lại vật dụng, tiền của để nuôi mạng sống hoặc được, hoặc không được, hoặc xấu, hoặc đẹp... Lại các giới của thân không điều hòa, rối loạn... mà tâm đối với việc đây không bị nhiệt não. Đây gọi là thứ nhất. Đối với người được lợi dưỡng cung kính hơn, tâm không phiền muộn. Đây gọi là thứ hai. Do người kia vào lúc trụ, vào lúc hành như vậy, năng chân chánh tu hành đi đến đạo Niết-bàn vi diệu, không bao lâu sau quyết chắc sẽ đắc Niết-bàn trọn không thối thất.

Lại nữa, lược có 5 chủng việc làm của Đại sư

đối với các Thanh văn: 1. Chánh chiết phục; 2. Chánh nhiếp thọ; 3. Chánh quả trách; 4. Chánh thuyết tạp nhiệm; 5. Chánh thuyết thanh tịnh.

Lại nữa, do 2 nhân duyên ở nơi các sự tranh cãi trái vược của Thanh văn, ẩn kín mà ký biệt sự tranh cãi của kia: 1. Vì nhiều loạn thêm rộng lớn; 2. Vì cùng với luật tương ưng.

Lại nữa, do 7 nhân duyên Đại sư đuổi bỏ các chúng Thanh văn: 1. Quán sát tất cả chủng hành của kia đều là tà hạnh; 2. Vì thấy kia phần nhiều hành tà hạnh như vậy; 3. Do phương tiện của các bậc Thượng tọa, Quĩ phạm sư, Thân giáo sư; 4. Vì không thể kham cộng trú; 5. Vì đuổi bỏ kia; 6. Vì tránh xa lỗi hiện tiền; 7. Vì khiến vị lai không sanh khởi lỗi hủy phạm.

Lại nữa, do 10 nhân duyên Như Lai vào nơi thôn xóm khát thực: 1. Vì hiển công đức Đầu-đà; 2. Vì muốn dẫn dắt một phần những kẻ kia khiến thú nhập hạnh khát thực; 3. Vì muốn dùng hạnh đồng sự dẫn nhiếp một phần kia; 4. Vì chúng sanh vị lai phát khởi ánh sáng soi chiếu, cho đến khiến kia tạm khởi xúc chứng điều đó; 5. Vì muốn dẫn nhiếp các ngoại đạo kia với những thắng giải thô tế khác

nhau; 6. Vì nghe thấy sự hủy chê của người nên hiện oai nghi diệu sắc tịch tĩnh, khiến kia sanh tâm cung kính quy hướng; 7. Vì trong xứ kia, chúng sanh dụng ít công lực mà trồng nhiều phước; 8. Vì muốn khiến người phát tâm tín mà xả bỏ phóng dật, sanh sâu tâm quý, tuy dụng ít công lực mà thu được phước lớn. Như vì người phóng dật thì người giải đãi cũng thế; 9. Vì muốn chủng chủng bệnh hoạn, mù điếc, tâm cuồng loạn của chúng sanh đều được lặn dứt; 10. Vì khiến vô lượng vô biên trời, rồng, được-xoa, kiện-đạt-phước, a-tổ-lạc, yết-lộ-trà, khẩn-nại-lạc, ni-hô-lạc-già... có uy lực rộng lớn, tùy tùng theo Như Lai đến nhà người sanh sâu kính ngưỡng, thêm kính trọng hộ trì nhau, không vì nào hại.

Lại nữa, do 8 nhân duyên Như Lai nhập thiên trụ tịch tĩnh: 1. Vì giáo hóa dẫn dắt kẻ vui tạp trụ, khiến kia thú nhập xa lìa sự vui tạp ấy; 2. Vì muốn dùng hạnh đồng sự để thâm nhiếp khiến kia xa lìa; 3. Tự thọ dụng hiện pháp lạc trú; 4. Cùng với đại tộc các trời đồng nhóm hội; 5. Vì dùng Phật nhãn quán sát khắp mười phương thế giới, hiện đại thần biến hóa hiện, tùy theo chỗ thích hợp mà làm việc

nhiều ích; 6. Vì khiến các chúng Thanh văn thấy được Như Lai như thế sanh sâu khát ngưỡng; 7. Vì hiển các đại Thanh văn đối với điều đã lược thuyết năng khéo ngộ nhập; 8. Vì khích lệ xả bỏ sự vui đắm hý luận tạo tác ngôn từ.

Lại nữa, do 5 chủng tướng Đại sư nhiếp thọ các chúng Thanh văn: 1. Vì dùng pháp; 2. Vì dùng tài vật; 3. Vì làm y chỉ; 4. Vì ban đầu nhiếp thọ; 5. Vì đuổi bỏ, xả sự nhiếp thọ.

Lại nữa, do 7 nhân duyên khiến trời Thích, Phạm... đến chỗ Như Lai: 1. Vì cúng dường Như Lai; 2. Vì lắng nghe chánh pháp; 3. Vì quyết liễu những điều sanh nghi hoặc; 4. Vì thuận theo người để trợ giúp; 5. Vì thương xót loài người nên muốn làm nhiều ích; 6. Vì quý trọng thánh giáo Như Lai; 7. Khắp biết Như Lai khởi tâm thế tục muốn đến dự pháp hội.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên biết tất cả tánh ban đầu của người phát tâm xuất gia: 1. Do lớn tuổi xuất gia; 2. Do còn nhỏ xuất gia; 3. Do thiếu niên xuất gia; 4. Do khó nhọc xuất gia; 5. Do thọ Cụ túc xuất gia.

Lại nữa, do 3 chủng tướng sanh khởi ác tác: 1.

Do trái vượt sở học tăng thượng; 2. Do thế thọ pháp luật tăng thượng; 3. Do xả bỏ gia đình tăng thượng.

Lại nữa, Như Lai sắp muốn tuyên thuyết chánh pháp cho các Thanh văn, hiện bốn chủng tướng: 1. Từ chỗ ngồi thấp, an tường đứng dậy tiến đến chỗ ngồi cao nhất, an nhiên ngồi xuống; 2. An trụ thuận theo oai nghi mà thuyết pháp; 3. Phát tiếng cười vang hiện tướng sắp thuyết pháp; 4. Mặt mắt đoái nhìn như Long tượng vương.

Lại nữa, Thanh văn phạm giới ở nơi 3 điều an trụ tàm quý, đến chỗ Đại sư: 1. Biết rõ ràng điều mình đã hủy phạm là tăng thượng xứ; 2. Sự thất lễ đối với thầy là tăng thượng xứ; 3. Do sự trái nghịch phép tắc, nên dùng phương tiện oai nghi điều thuận đến chỗ Đại sư là tăng thượng xứ.

Lại nữa, dùng 3 chủng tướng ứng chân chánh quả trách Thanh văn phạm giới: 1. Quả rằng: “Ông trông đợi một cách thấp hèn để tồn tại mạng sống”; 2. Quả rằng: “Ông ý lạc không thanh tịnh” 3. Quả rằng: “Ông vì ý vui tồn tại mạng sống mà hành hạnh phi pháp”.

Lại nữa, ở trong thiện thuyết Tỳ-nại-da, lược

do 6 tướng nên biết nhiếp khắp tất cả tà hạnh:

1. Lỗi lầm hiện hạnh: Do tham triền nên đắm nhiễm, do sân triền nên ganh ghét. Vì đã ôm lòng tham, sân... nên không xấu hổ. Vì không xấu hổ nên an trụ ác, không xả bỏ.

2. Lỗi lầm ý vui: Ở biên đắm nhiễm đây, ý vui tham rất thấp hèn. Ở biên ganh ghét đây, ý vui sân rất thấp hèn.

3. Lỗi lầm gia hạnh: Hoặc không phát khởi tinh tấn, hoặc tinh tấn trì trệ.

4. Lỗi lầm trí tuệ: Hoặc ở nơi sự huân tập tuệ do văn, tư mà thành tựu, quên mất chánh niệm, trụ nhiều ngu si; ở nơi sự huân tập tâm do tu mà thành tựu, không tịch định.

5. Lỗi lầm tâm tư: Ở nơi điều ác bất thiện của đời sống tại gia mà thuận theo, sanh khởi nhiều tâm tư; ở nơi chánh pháp luật, tâm bị nhiễu loạn.

6. Lỗi lầm do nương tựa: Kẻ kia vào thời trước do không tu tập làm nhân, nên nay thành tựu tự tánh tín mỏng kém, thành tựu tự tánh tu tập trụ ít giới, thành tựu tự tánh trụ ít nhớ nghĩ, thành tựu tự tánh ít tuệ câu sanh.

Lại nữa, do 4 chủng tướng năng khiến người

kia tuy nhập thánh giáo mà hành tà hạnh: 1. Do ý vui mừng kém bất tịnh; 2. Do mong muốn tìm cầu thánh giáo cạn mỏng khiến chánh pháp suy đồi; 3. Do chú trọng nhân duyên ăn uống, y phục và mạng sống; 4. Do sợ hãi vua, giặc, chủ nợ bức bách. Nếu hành các tà hạnh như thế khiến phát sanh sự ngưng trệ của 2 phần: 1. Sự ngưng trệ do hoại mất nghĩa tự lợi của người tại gia; 2. Sự ngưng trệ do hoại mất nghĩa tự lợi của người xuất gia.

Lại nữa, hành tà hạnh như vậy có hai nhân duyên là tâm tư bất chánh và tướng bất chánh, năng làm hành tiền dẫn cho ba điều là vật thực, y phục và mạng sống. Đối với ba điều kia trước phát khởi các tướng bất chánh, rong ruổi theo tướng hảo; sau thuận theo pháp kia càng rong ruổi theo tâm tư, càng rong ruổi theo pháp quán sát sâu dày thêm.

Lại nữa, vì đoạn trừ nhân duyên tà hạnh như vậy, nên biết cũng có 2 chủng đối trị: 1. Vì đoạn tâm tư bất chánh thì lớp lớp thực hành hai hạnh không điên đảo, đó là nơi tâm an trụ chánh niệm và an trụ thiện; 2. Vì đoạn các tướng bất chánh nên tu tập Vô tướng tâm tam-ma-địa. Trong việc tu

tập đối trị đây, cần yếu do bên trong vui muốn mạnh mẽ thì sự đối trị kia mới thành tựu trọn vẹn, không thể thiếu vui muốn mạnh mẽ. Vui muốn mạnh mẽ đây do 2 duyên mà phát sanh: 1. Thấu hiểu việc đối trị đây có quả to lớn; 2. Không cùng chung tất cả ngoại đạo.

Có quả to lớn: lúc tu tập liền năng nhanh chóng chứng Vô tướng tâm định và trụ hai môn cam lồ diệu giới là Đoạn giới và Vô dục giới. Nếu an trụ đây càng tiến gần hai Niết-bàn là Hữu dư y và Vô dư y hiện tại chưa chứng đắc.

Không cùng chung: Vô tướng định duy chỉ có người trụ nội pháp chứng đắc, các ngoại đạo không có. Vì có sao? Do ngoại đạo kia nếu có sở đắc tức liền tăng thêm, không quán như lượng; nếu không sở đắc tức liền phân biệt hư vọng. Do ngã kiến nên ngu si đối với các hành, hoặc chỉ ở nơi thân hữu sắc, hoặc chỉ ở nơi vô sắc, hoặc ở cả hai mà sanh ngã chấp trước. Vì chấp chặt ngã cho là “Ngã sẽ không”, nên đối với Niết-bàn tâm không vui thích. Vì không vui thích, nên tâm còn chưa năng thú nhập hưởng là an trụ, chỉ tăng thêm kinh hãi, tâm trở lại thối thất. Người trụ nội pháp trái với tướng

kia, đối với Bát-niết-bàn tâm không thối chuyển, biết rõ chỉ có khổ diệt, thấy rõ chỉ có công đức thanh tịnh. Nếu hàng hữu học chỉ vui cầu tịch diệt bên trong, không vì cầu đạo sanh, phải nên từ người thỉnh cầu dạy răn dạy trao. Nếu hàng vô học thì chỉ vui thích tịch diệt bên trong, trọn không mong cầu tận trừ các phiền não, chỉ có nhân trước phát sanh các hành nhậm vận quy về diệt mà Bát-niết-bàn.



Quyển 87

Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH

Phần 3

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

Nhân, thắng lợi, hai trí

Ngu phu phần vị năm

Hai chủng kiến sai biệt

Ở nơi thánh giáo thầy.

Nhân của tất cả hành lược có 2 chủng: cộng và bất cộng.

1. Cộng nhân: Lấy hỷ làm nhân trước tiên. Do hỷ đây nên mỗi chỗ sanh đến, tự thể được thấm nhuần, chướng ngại cho sự nhàm chán xa lìa. Ở xứ sắp muốn sanh đến kia tuy có tất cả nhân phiền não, mà ở nơi xứ hỷ đã sanh ấy không thể đối với phiền não kia khởi tưởng nhàm chán trái lìa. Lại tức hỷ đây chỉ nương sắc mà nói, nhân trước đã sanh, không đợi nhân khác mà tự chính nó rốt ráo chuyển.

2. Bất cộng nhân: Đó là xúc thuận theo khổ, lạc, không khổ không lạc, nhìn về phía pháp sở hữu của tâm là thọ... ý diệt không gián đoạn đồng sanh danh. Hết thấy mười chủng sắc nhìn về phía sáu chủng thức, do tất cả kia tuy từ nhân trước mà được sanh, nhưng sát-na sát-na riêng đợi nhân khác mới được sanh khởi.

Lại nữa, các A-la-hán tâm giải thoát, trí kiến thanh tịnh có 4 thắng lợi, nên biết không cùng chung với ngoại đạo: 1. Vào lúc hành, an trụ tánh thường hằng; 2. Vào lúc trụ, an trụ tánh vô tướng; 3. Nhân xa xưa sanh khởi các hành nhậm vận quy về diệt; 4. Vì nay nhân của các hành hậu hữu đã đoạn, nên không sanh khởi trở lại. Vì chứng bốn chủng thắng lợi như vậy nên có ba thứ lớp: vì lấy học trí kiến làm chỗ nương, nên chạm đến sự nhàm chán xa lìa, tức ở trong các hành không sanh vui thích, cho đến không trụ đắm say vui thích. Vì chán lìa làm tiền dẫn, nên đắc ly dục. Vì ly dục làm tiền dẫn, nên đắc tâm thiện giải thoát. Từ đó về sau, tức do thường hằng an trụ tâm thiện giải thoát như vậy, nên không thuận theo cũng không chống trái.

Hoặc vào lúc hành, hoặc vào lúc trụ, ở nơi tất cả tướng không tác ý trở lại; ở nơi vô tướng giới, tác ý tư duy trụ vô tướng. Ở đây tất cả kiến thú trước năng làm chướng ngại, nay đã vĩnh viễn đoạn trừ, huống sẽ làm trở ngại. Do kia dụng hai lúc hoặc hành hoặc trụ như vậy cho đến khi thọ tận, dụng vô học bên trong Bát-niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Trước sanh khởi hữu thì nay vĩnh viễn tận, đương lai các hành không sanh khởi trở lại.

Lại do 3 phần nên biết kiến lập hữu thân kiến làm căn bản của tất cả kiến thú:

1. Đồng hành tiền tế: Như có người khởi nghĩ: “Ta ở đời quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng? Đã từng là cái gì? Từng có thế nào?”.

2. Đồng hành hậu tế: Như có người khởi nghĩ: “Ở đời vị lai ta sẽ có chăng? Là sẽ không chăng? Sẽ là cái gì? Sẽ có thế nào?”.

3. Đồng hành tiền hậu tế: Như có người khởi nghĩ: “Ta từng là ai? Ai sẽ là ta? Nay hữu tình đây từ chỗ nào đến? Ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”.

Lại, các ngoại đạo lấy hữu thân kiến làm căn bản nên có 62 kiến thú ác. Đó là 18 kiến thú ác là luận thuyết ngã kế chấp tiền tế: 4 luận thường

kiến, 4 luận một phần thường kiến, 2 luận không nhân, 4 luận tướng có biên không biên, 4 luận bất tử kiểu loạn. Và 44 kiến thú ác là luận thuyết ngã kế chấp hậu tế: 16 luận tướng hữu kiến, 8 luận vô tướng, 8 luận phi hữu tướng phi vô tướng, 7 luận đoạn kiến, 5 luận hiện pháp Niết-bàn.

Luận kế chấp hậu tế như vậy lược nhiếp có 5 chủng: 1. Luận hữu tướng; 2. Luận vô tướng; 3. Luận phi hữu tướng phi vô tướng; 4. Luận đoạn kiến; 5. Luận hiện pháp Niết-bàn. Năm chủng như vậy lại lược làm ba: 1. Luận thường kiến; 2. Luận đoạn kiến; 3. Luận hiện pháp Niết-bàn.

Lại tất cả các kiến thú ác đây do 6 nhân duyên mà được kiến lập: 1. Do nhân duyên; 2. Do nương giáo; 3. Do nương tinh lự; 4. Do nương đời; 5. Do nương các kiến; 6. Do nơi sanh đến.

1. Do nhân duyên: Kia lấy tất cả các hữu thân kiến làm nhân duyên.

2. Do nương giáo: Là do nương kia năng hiển kiến thú pháp tạng không đúng chánh pháp, thầy trò lắng nghe triển chuyển truyền lại cho

nhau, lấy đây làm phương tiện.

3. Do nương tĩnh lự: Vì lấy tĩnh lự làm chỗ nương, đối với những điều trước đã nghe và trước đã tin hiểu mà lại xác quyết theo như vậy. Tĩnh lự đây lại có 2 chủng: *a.* Cùng đồng hành với túc trụ tùy niệm; *b.* Cùng đồng hành với sở đắc thiên nhãn.

a. Đồng hành với túc trụ tùy niệm: Trong 3 luận thường của kế chấp tiền tế, do thanh tịnh phẩm hạ, trung, thượng sai biệt và 4 chủng luận có biên, không biên. Kể kia nhớ nghĩ các khí thể gian có hai kiếp thành hoại nên xuất hiện phương tiện. Nếu kể kia nhớ nghĩ phần vị kiếp thành, bấy giờ liền sanh ba chủng vọng tưởng. Hoặc một hướng nhớ nghĩ trên dưới, trên đến Đệ tứ tĩnh lự, dưới đến địa ngục Vô gián. Nhớ nghĩ như vậy có phần lượng biên tế, liền ở nơi thế gian trụ tướng có biên. Hoặc một hướng nương vào nhớ nghĩ không có biên tế, liền ở nơi thế gian trụ tướng không biên. Hoặc nhớ nghĩ đồng hành hai chủng, liền ở nơi thế gian trụ đủ cả hai tướng. Nếu kể kia nhớ nghĩ phần vị kiếp hoại, bấy giờ liền trụ tướng không phải có biên, tướng không phải không biên,

các khí thế gian không chỗ có được.

b. *Đồng hành với sở đắc thiên nhiên*. Có kẻ nương các tinh lự, hoặc nói một phần luận thường, hoặc nói luận không nhân, hoặc nói luận bất tử kiểu loạn. Trong đây có hai tịnh thiên: 1. Bất thiện thanh tịnh; 2. Thiện thanh tịnh.

Nếu người chỉ năng nhập định thế tục là thiên bất thiện thanh tịnh, vì ở trong các đế không thông đạt, vì tâm chưa được thiện giải thoát. Nếu người năng chứng nhập định nội pháp, nên biết gọi là thiên thiện thanh tịnh, vì trong các đế đã thông đạt, vì tâm đã được thiện giải thoát.

Nên biết *không loạn* cũng có 2 chủng: 1. Không tướng không phân biệt; 2. Có tướng có phân biệt. Trong đây thiên thiện thanh tịnh là chủng thứ nhất. Thiên bất thiện thanh tịnh là chủng thứ hai.

Thiên thiện thanh tịnh thứ nhất tự mình chuyển theo ở nơi bất tử không loạn, cho nên thuyết là bất tử không loạn.

Thiên bất thiện thanh tịnh thứ hai: nếu có người nương bất tử không loạn mà có điều cật vấn, liền vin dựa nơi sự việc khác mà đối trá tránh né; ở nơi các đế không khéo léo, chưa đắc tâm vô

tướng định. Trước khởi tâm trầm tư nghĩ rằng: “Tất cả ta đều trả lời bằng cách xưng khen bất tử không loạn”.

Lại có kẻ bất tử không loạn khác, ở các thánh đế đã được khéo léo, đã đắc tâm vô tướng định. Do sở đắc như vậy mà kia hư vọng cho là “Ta là hơn cả. Nếu có người đối với việc đây mà hỏi ta, ta hoặc trả lời riêng, hoặc trả lời khác đi, hoặc phỉ báng thật có, hoặc chấp nhận là không phải có”. Kẻ kia ở nơi sự trả lời riêng thấy có lỗi lầm rồi, liền khởi nghĩ: “Ta đối với tất cả sự cật vấn đều không nên trả lời”. Lại có kẻ đối với việc đây thấy có lỗi khác, khởi nghĩ: “Người do đây quán xét ta, nguyên nhân không hiểu biết của ta sẽ khiến họ khinh thường cười nhạo bất tử không loạn”.

Lại có kẻ hành dối trá nghĩ rằng: “Ta ở trong đây nên trả lời rằng ta chẳng phải tịnh thiên. Tất cả đều kín đáo trả lời riêng là tự mình chứng đắc và thanh tịnh đạo”. Suy nghĩ như vậy rồi cố dùng lời dối trá hiện tướng kiêu loạn. Kẻ kia đã trụ tà tư duy như thế, lưu bố khắp tâm như thế, ở nơi thiên thanh tịnh tối thượng kia mà tự xưng “Ta là bất tử không loạn”. Do ôm lòng hãi sợ nên không

trả lời riêng, tự tác nghĩ: “Ta chớ để người biết được sự thấp kém ngu muội của mình”. Do nhân duyên đây, không thể giải thoát, lấy đây làm nhà mà tự an ổn trong ấy.

Lại có loại ngu si nóng nảy chuyên tu hạnh Chỉ, không thể dụng phương tiện siểm trá kiểu loạn mà thiết lập loạn ngôn, chỉ khởi nghĩ này: “Có người đến hỏi, ta sẽ hỏi ngược trở lại. Tỳ chỗ kia đáp, ta sẽ như tất cả lời nói của người ấy không giảm bớt mà ấn thuận”.

Tóm lại, do sự kế chấp so lường có sai biệt mà kiến lập 4 chủng bất tử kiểu loạn.

4. Do nương đời: Do nương đời quá khứ và hiện tại mà khởi phân biệt, gọi là kế chấp tiền tế; do nương đời vị lai mà khởi phân biệt, gọi là kế chấp hậu tế.

5. Do nương các kiến: Nương ba kiến nên biết như trước. Do nương kiến thứ nhất, ở trong hiện pháp kế chấp ngã hữu sắc, về sau hoặc hữu sắc hữu tướng, hoặc vô hữu tướng, hoặc phi hữu tướng phi vô tướng. Do nương kiến thứ hai, ở trong

hiện pháp kế chấp ngã vô sắc, về sau kế chấp nên biết như trước. Do nương kiến thứ ba có 2 luận ngã: 1. Nói ngã hữu sắc vô sắc; 2. Nói ngã phi hữu sắc phi vô sắc. Còn lại như trước thuyết.

Lại kế chấp ngã là hữu sắc: hoặc nói hẹp nhỏ, hoặc nói vô lượng. Kế chấp ngã vô sắc nên biết cũng vậy. Hai luận ngã đây nương kiến thứ ba lập làm hai luận: 1. Kế chấp ngã hẹp nhỏ; 2. Kế chấp ngã vô lượng. Do đây có 4 chủng luận ngã sai biệt: nói ngã có biên, nói ngã không biên, nói ngã cũng có biên cũng không biên, nói ngã không phải có biên không phải không biên, tùy theo thứ lớp nên biết như trước.

Lại tức nương theo các kiến và nương luận ngã như vậy mà tuyên thuyết ngã thanh tịnh giải thoát, đối với dục tĩnh lự đều được tự tại, tùy theo chỗ muốn trụ nhiều biến hóa, như chỗ muốn đây mà an trụ tĩnh lự, dùng kiến thanh tịnh mà phương tiện du hý thọ dụng pháp lạc. Như vậy gọi là nương các kiến mà an lập.

6. Do nơi sanh đến: Tức là ngã có một tướng, cho đến nói rộng. Có một tướng là ở Vô sắc, Không

vô biên xứ và Thức vô biên xứ. Có chủng chủng tướng là ở địa dưới. Tùy theo thứ lớp như trước đã thuyết nên biết nói ngã có tướng hẹp nhỏ, có tướng vô lượng. Một hướng có lạc là ở ba tinh lự dưới. Một hướng có khổ là ở địa ngục. Có lạc có khổ là ở cõi quý, bàng sanh, người, trời Dục giới. Có không khổ không lạc là ở Đệ tứ tinh lự trở lên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại, nơi các ngoại đạo như vậy hợp chung có 3 chủng suy tổn: 1. Suy tổn do luận kiến và dục lạc triển chuyển trái nhau; 2. Suy tổn do nương luận ngã vô trí mà hỏi đáp; 3. Suy tổn do nương tùy pháp hành pháp chứng đắc.

1. Suy tổn do luận kiến và dục lạc triển chuyển trái nhau: Kẻ luận hoặc kế chấp hữu tướng, hoặc kế chấp vô tướng, hoặc kế chấp phi hữu tướng phi vô tướng và kẻ luận đoạn kiến, hoặc luận nương quả trách người lấy làm thù thắng, hoặc luận nương thoát nạn lấy làm thù thắng mà khởi kế chấp suy tính. Nên biết gọi là suy tổn thứ nhất. Do các kẻ luận kia kế chấp hậu tế, nương đời vị lai mà hư vọng kế chấp cho ngã là có, là không.

2. Suy tổn do nương luận ngã vô trí mà hỏi

đáp: Tức là ở nơi hoặc các tạp nhiễm, hoặc xứ tạp nhiễm, hoặc năng tạp nhiễm, như vậy tất cả ở nơi đạo lý hai đế là thế tục và thắng nghĩa không như thật biết. Bởi vô trí đây lấy sự thú hưởng làm dẫn đầu mà sở đắc có sự sai biệt. Từ vô trí đây thú hưởng thế nào? Tức là ba, bốn chuyển: 1. Hết thấy thường, vô thường; 2. Hết thấy có biên, không biên; 3. Hết thấy mình làm, người làm. Vì có sao? Do kẻ kia vô trí, trước cần thiết phải thú hưởng sai biệt như vậy, sau mới hỏi đáp. Lại ở trong thánh pháp Tỳ-nại-da, bậc sở hữu trí thì chẳng thể ký sự, vì ở nơi hai đạo lý không thể cho phép ký, đó là đạo lý hai đế là thế tục và thắng nghĩa. Trong đây, kẻ kế chấp tiền tế của bốn chủng luận một hưởng thường và kẻ kế chấp tiền tế của luận không nhân là hai loại sai khác, trước đều kế chấp ngã, sau mới duyên ngã. Các luận một hưởng thường... có sự khác biệt. Lại trong bốn chủng thì kẻ luận một phần thường kế chấp tiền tế kia có sự sai khác, tức là có kẻ luận một phần duyên thường, vô thường, hoặc có kẻ luận một phần duyên phi thường, phi vô thường. Các kẻ luận có biên, không biên thấy, tướng kia nên biết như trước. Hoặc cho rằng “Tất

cả đều do nhân đời trước tạo ra”, gọi là luận tự tạo ra. Hoặc cho rằng “Tất cả đều do nhân trời Tự tại... biến hóa tạo ra”, gọi là luận người khác tạo. Hoặc cho rằng ít phần nhân do trời Tự tại biến hóa làm, một phần không vậy, gọi là luận cả hai mình, người tạo. Hoặc kẻ luận không nhân tạo ra gọi là luận chẳng phải cả hai tạo. Nên biết đây gọi là suy tổn thứ hai do nương luận ngã vô trí hỏi đáp, do các kẻ luận kia kế chấp tiền tế, nương đời quá khứ hiện tại mà hư vọng phân biệt.

3. Suy tổn do nương tùy pháp hành pháp chứng đắc: Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn không nương luận quán xét trách cứ người lấy làm thù thắng, không quán luận thoát nạn lấy làm thù thắng, cũng không nương các luận ngã vô trí, duy vì mong cầu các sự dục lạc lợi dưỡng cung kính... mà khai xiển, nên ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà cầu xuất gia, không vì giải thoát mà vui cầu xuất ly. Nên biết kia là chủng loại mỏng trần làn tánh, ngu nóng nảy chuyển mà tu hạnh Chỉ. Do kia được dạy bảo dạy răn đắc định Sơ tinh lự, năng ở nơi kiến thú đồng hành tiền tế và ở nơi kiến thú đồng hành hậu tế, không tự nhiên tin theo mà lại vượt

qua. Ở trong hiện pháp năng vượt qua các kiết Dục giới, chứng xa lìa hỷ. Từ nơi ấy trở lên không nghe không biết, tức ở trong đây sanh tướng Niết-bàn. Do kẻ kia đã chứng xa lìa hỷ như vậy, hoặc do nhân duyên khác chứng đắc Đệ nhị, Đệ tam tĩnh lự mà không vui ái vị, hoặc Đệ tứ tĩnh lự mà không thọ khổ lạc, từ đây trở lên cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ nên biết cũng vậy. Kẻ kia đã vượt qua chủng chủng tướng đồng hành thọ khổ lạc sai khác, nhưng ở nơi đi đến các hành thủ, kẻ kia không thể vượt qua nên trở lại thối thất pháp lạc, chưa Bát-niết-bàn mà khởi mạn cho là đã Niết-bàn. Nên biết đây gọi là suy tổn thứ ba.

Trong đây, Như Lai tự nhiên chứng giác dấu tích vi diệu tịch tĩnh, ở nơi tất cả hành tướng của ba chủng suy tổn như đã thuyết, như thật biết rõ do năm chủng tướng mà sanh khởi: hoặc tự tánh kia, hoặc các kiến kia, hoặc do vô trí mà kia được sanh khởi, hoặc do sở duyên chuyển và hoặc quá hoạn của sở duyên thô tế kia, xuất lìa các cõi trên. Nơi sự việc như vậy mà như thật rõ biết, tức ở trong xuất lìa thường tự xuất lìa.

Lại nữa, có 2 trí năng khiến kiến thanh tịnh

và kiến thiện thanh tịnh, đó là: pháp trụ trí và đây làm tiền dẫn của Niết-bàn trí.

Pháp trụ trí: năng rõ biết tự tướng chủng loại các hành sai biệt và năng rõ biết quá hoạn cộng tướng các hành sai biệt. Tức là ở nơi các hành thuận theo ba vị hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc, phương tiện rõ biết tánh các hành có ba khổ...

Niết-bàn trí: trong tất cả hành như vậy trước khởi tướng khổ, sau nghĩ như vậy: “Tất cả các hành có khổ đây đều vĩnh viễn đoạn không sót thừa, nói rộng cho đến gọi là Niết-bàn”. Rõ biết như vậy gọi là Niết-bàn trí.

Hai trí đây khiến kiến thanh tịnh và kiến thiện thanh tịnh, nhưng cần yếu phải chánh siêng tu tập 2 môn mới khiến kia tịnh: 1. Bồ-đặc-già-la tự mình không có năng lực, nhân được người dạy trao năng khiến kia tịnh; 2. Bồ-đặc-già-la tự mình có năng lực, tư duy tìm cầu đa văn năng khiến kia tịnh. Trong đây, bồ-đặc-già-la thứ nhất vì không thông lợi, vì các căn như tín... chỉ một vị sở duyên Chỉ Quán, ở nơi chút phần *Đế sát pháp nhãn* chuyển. Trái với tướng đây nên biết là bồ-đặc-già-la thứ hai.

Lại nữa, có 3 chủng biên trí hiện quán, do tu tập kia nên kiến được thanh tịnh: 1. Năng thuận sanh vô lậu trí; 2. Vô lậu trí; 3. Vô lậu trí, sau tương tục trí. Thứ nhất là trí nhiếp thuộc pháp thế gian bậc nhất. Thứ hai, trụ ở kia năng đoạn trừ tất cả phiền não kiến sở đoạn. Thứ ba, đã đoạn phiền não, về sau tương tục giải thoát trí.

Nếu trụ trong trí ấy được gọi là đã nhập Chánh tánh ly sanh, siêu vượt dị sanh địa, nhưng chưa đắc quả Dự lưu. Tuy chưa nhanh chóng chứng đắc trí giải thoát thứ ba quả Dự lưu, nhưng ở khoảng trung gian trụ sát-na, nếu chưa chứng đắc trọn không chết yểu. Từ đây dụng công không gián đoạn, chỉ trong thời gian ngắn tất chứng trí thứ ba. Trụ trong vị đây vì như thật hiện kiến cảnh sở tri, nên gọi là kiến thanh tịnh. Tuy nhiên vẫn còn hoặc sót thừa nên không phải thiện thanh tịnh. Nếu ở nơi trí đây nhiều tu tập sẽ thành A-la-hán, lìa trói buộc của tất cả phiền não, nên gọi là thiện thanh tịnh.

Lại nên biết 3 tướng đoạn không sót thừa: 1. Do không hiện hành; 2. Do cõi giới; 3. Do sự.

Do không hiện hành: tức phiền não triền sanh khởi mà không nhiễm đắm. Tuy chưa vĩnh viễn

đoạn diệt nhưng do lớp lớp tu tập các thiện pháp nên dần bỏ xa chúng, các phiền não triền không hiện hành trở lại.

Do giới: đó là ba giới nên biết như trước.

Do sự, có hai sự: 1. Sự phiền não; 2. Sự khổ.

Lại ở nơi an lạc lợi ích tùy triển chuyển theo các phẩm lià hệ buộc trong năm cõi giới, nên có công đức thù thắng tịch tịnh vi diệu... cho đến Niết-bàn là sai biệt cuối cùng.

Lại ở trong tất cả sự nương giữ đều xả bỏ, xả bỏ tổn hại cha mẹ... Lại ở trung hữu, sanh hữu, hậu hữu không sanh trở lại. Như thứ lớp ấy nên biết gọi là không có tương tục, không nắm giữ, không sanh khởi.

Lại ở 3 phẩm do 3 chủng môn làm chướng ngại, nên kiến lập 3 kiết sai biệt: 1. Vì chưa phát khởi hướng đến, đó là những kẻ tại gia; 2. Tuy đã phát khởi hướng đến mà thiết lập tà, đó là những kẻ xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da; 3. Không chánh hành trong chánh pháp, đó là những kẻ xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da.

Lại, hành giả hành thú hướng nghịch lưu, giải thoát khỏi đường ác, thành tựu 2 chủng quyết

định giải thoát: 1. Quyết định giải thoát phiền não; 2. Quyết định giải thoát hậu hữu. Do nhân duyên đây nên gọi là Dự lưu, cho đến nói rộng.

Lại nếu chúng đắc quả A-la-hán, trước ở vị an trụ học địa, ở trong các hành đã không chấp thọ ngã và ngã sở, về sau ở nơi các lậu đều được giải thoát.

Lại do cùng tương ưng với 4 chủng nghĩa, nên biết gọi là tướng A-la-hán: 1. Vì việc mình đã rốt ráo, nên làm việc có nghĩa lợi cho người; 2. Vì đắc nghĩa tự lợi, khắp viên mãn tất cả nghĩa đạo lý; 3. Vì nhân hành vị lai đã vĩnh viễn đoạn diệt, nên trong chúng nghĩa hiện pháp lạc trú; 4. Vì tương ưng nghĩa “vượt qua hữu học địa, nhập vô học địa”.

Lại nữa, ngu có 5 vị, nếu chuyển trong 5 vị đây tức thuộc trong số ngu phu. Những gì là năm? 1. Không đạt được tuệ câu sanh; 2. Không đạt được tuệ duyên sanh do được nghe âm thanh của người; 3. Không đạt được thánh tuệ chân thật; 4. Bị sự trói buộc của ngu si triền; 5. Bị sự theo đuổi trói buộc của ngu si tùy miên.

Lại có 4 chủng kế chấp hư vọng của luận ngã: 1. Tuyên thuyết “các hành chính là ngã”; 2. Tuyên

thuyết “ngã có các hành”; 3. Tuyên thuyết “các hành thuộc ngã”; 4. Tuyên thuyết “ngã ở trong hành”.

Do hai nhân duyên luận ngã kế chấp hư vọng tạo tác các tạp nhiễm: 1. Do chấp trước: các ngoại đạo tuy cầu giải thoát mà bị kia làm chướng ngại nên ở tất cả chúng không thể thành tựu; 2. Do tùy miên: các kẻ nội pháp đấm trước cảnh giới, tùy miên đây chỉ tạm thời làm chướng ngại mà không phải rốt ráo làm chướng.

Lại nữa, hoặc có ngã kiến, hoặc không ngã kiến, cùng duyên các hành làm sự cảnh, gọi là đồng phạm. Nếu ở sự kia, nghĩa chấp thủ tà, chấp thủ chánh, nhiễm ô, thanh tịnh... riêng khác, gọi là không đồng phạm.

Lại do 4 tướng nơi sự sở duyên chấp trước dấu tích tà lực tăng thượng, năng khiến ngã kiến gây tạo các tạp nhiễm: 1. Do nhân duyên; 2. Do tự tánh; 3. Do quả; 4. Do đẳng lưu.

Do nhân duyên, bao gồm hai ngu si: 1. Ở nơi các sự việc mà ngu si; 2. Ở nơi kiến mà ngu si. Ở nơi các sự việc mà ngu si: sự ngu đây do trước nghe theo pháp tà, sau khởi ngã kiến. Ở nơi kiến mà ngu si: tức vì ngu kiến, ở nơi kiến tương ứng các vô

minh xúc sanh khởi thọ, hư vọng kế chấp cho là ngã. Do đây làm duyên hằng làm chỗ đuổi theo của ngã ái. Lại do đây nên thường ở nơi ngã kiến không thể xả ly.

Do tự tánh: là chỗ nhiếp thọ của hai nhân duyên, tùy theo đó mà quán sát thấy, ở nơi tùy miên kia không thể xa lìa.

Do quả: vì lấy hữu thân kiến kia làm chỗ nương, nên không thể xa lìa tùy miên ngã và mạn. Do hai tùy miên lực tăng thượng năng dẫn đương lai khiến khởi các căn. Do kia lãnh nạp hai thọ lạc và khổ, nhân đây càng phát khởi kế chấp ngã, ngã sở, chẳng như lý tư duy tương ưng với ý lời phân biệt. Nói phân biệt, tức là có sự lãnh thọ ngã, ngã sở.

Do đẳng lưu: do lực nhân đời trước nắm giữ, tức chủng tử kiến triển chuyển đuổi theo ý, sau có ý giới. Do lực nhân duyên tích tập từ trước nên có được đầy đủ, tức ở nơi như vậy, sau có ý, trong có vô minh chủng và vô minh giới, chính là hai chủng tử đuổi theo ý sở duyên pháp giới. Do kia đời trước nương pháp ác thuyết và ác Tỳ-nại-da mà sanh khởi phân biệt. Lấy hữu thân kiến làm chỗ nương nên nay tích tập thành giới. Do giới đây lực tăng

thượng, nên phát khởi đồng sanh hữu thân kiến. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, kiến đây cũng lại hiện hành năng làm chướng ngại.

Lại tức ở nơi kiến đây do 2 chủng tướng nên có 6 chuyển hiện hành: 1. Do đời: khởi kế chấp: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng?”... cho đến nói rộng nên biết như trước; 2. Do mạn: cho là “Ta là hơn”... cho đến nói rộng. Kẻ kia ở nơi tất cả điều ấy không thấy không biết như thật. Do nhân duyên đây, kia không như chánh lý, phát khởi tà quán.

Lại vị minh có 3 chủng: nghe âm của người mà như lý tác ý là vị minh thứ nhất; đã năng chứng nhập Chánh tánh ly sanh là vị minh thứ hai; tâm thiện giải thoát, quả A-la-hán là vị minh thứ ba.

Vị vô minh lại có 2 chủng trước và sau. Vị tùy miên là trước, các vị triền là sau. Lại trong phạm vi kiến, tu sở đoạn có khác, nên biết đây gọi là sai biệt của vô minh thứ hai.

Lại nữa, sau đây thuyết về Thế Tôn, nương thánh giáo mình, vì muốn hiển bày thiện mà phát khởi thuyết; nương tà giáo người, vì muốn hiển bày lỗi lầm của ác thuyết mà tự có sở thuyết. Về sau

người kết tập lại, ở trong pháp môn xưng là Thế Tôn Ồt-Đà-Nam thuyết.

Do 2 nhân duyên pháp luật thiện thuyết được gọi là phát khởi quả rộng lớn, lợi ích rộng lớn; pháp luật ác thuyết hư vọng, không có kết quả: 1. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vĩnh viễn lìa tất cả chủng khổ khả đắc, đó là 3 chủng tánh khổ; 2. Vĩnh viễn đoạn trừ tất cả các kiết khả đắc, đó là hạ phần kiết và thượng phần kiết. Trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, bởi những kẻ kia nương hữu thân kiến, nên hai việc như vậy đều không thể có được.

Người nương thân kiến, ở nơi các hành tâm nhằm chán khổ khổ, vì mong cầu lạc làm chỗ nương nên phát khởi tư duy thắng giải: “Nguyện ở đương lai không có khổ ngã, ngã không có khổ, hoặc là đã đoạn”, tức nhân khổ kia và quả sẽ có kia đều đoạn trừ. Ở đời vị lai, vì hai chủng tướng mà phát sanh thắng giải, đó là khổ vị lai sẽ lìa nơi ngã và ngã vị lai sẽ không có khổ. Do bốn chủng hành tướng vui đoạn trừ làm chỗ nương như vậy, ly dục Dục giới, sanh Sơ tinh lự, thứ lớp cho đến ở Phi tướng phi phi tướng xứ hoặc định hoặc sanh. Do

nhân duyên đây siêu vượt khổ khổ, nhưng chưa năng đoạn hạ phần các kiết. Vì chưa đoạn kia nên biết chưa vĩnh viễn siêu vượt khổ khổ. Đối với việc đoạn trừ hai khổ là hoại khổ và hành khổ còn không sanh vui muốn, hà hưởng năng đoạn. Do người kia chưa tùy thuận đoạn, nên biết đối với các kiết thuận thượng phần cũng chưa năng đoạn.

Người trụ nội pháp lúc ban đầu tu quán, tuy ở Dục giới chưa đắc ly dục, vì hữu tình vượt hơn mà ở nơi ba khổ thâm tâm chán lìa, nương lạc, đoạn dục. Ở trong các hành dụng vô ngã kiến làm chỗ nương, phát sanh thắng giải như vậy: “Nguyện ở vị lai không ba khổ ngã, ngã không có ba khổ”. Người kia ban đầu tu tập hành như vậy, nên ở nơi các dục Dục giới mà được xa lìa, vĩnh viễn đoạn khổ khổ, lại sanh khởi thắng giải như trước: “Sẽ không khổ ngã, ngã sẽ không khổ”. Người hành như vậy nên rốt ráo giải thoát khỏi khổ khổ, cũng vĩnh viễn vượt qua các kiết thuận hạ phần. Tức ở đạo đây thứ lớp tiến tu, cho đến năng đắc quả A-la-hán.

Nếu các ngu phu lấy hữu thân kiến làm chỗ nương, đối với việc vĩnh viễn vượt qua hai khổ là hoại khổ, hành khổ và vĩnh viễn đoạn diệt tất cả

kiết thuận thượng phần, tức là “ngã sẽ không”, đáng lẽ không nên sợ mà lại vọng sanh hãi sợ, nên đối việc đây còn không khởi vui muốn, hà huống sẽ năng đoạn trừ. Lại ở xứ đây do hai nhân duyên không nên sanh hãi sợ: vì chỉ có tâm trụ bốn thức trụ có chuyển có nhiễm, vì chỉ có tâm đoạn trừ bốn thức trụ không chuyển không nhiễm.

Lại có 4 y: là sắc, thọ, tưởng, hành.

Lại có 4 thủ: là ở dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ sở hữu dục tham.

Lại có 2 duyên: hoặc sở duyên hoặc năng duyên.

Lại có 6 thức: nhãn thức..

Lại có 2 thức trụ: trụ phiền não triền và trụ phiền não tùy miên. Trong đây do lực của các thủ tăng thượng, dụng không như lý phân biệt làm tiền dẫn.

Lại do 3 nhân duyên: 1. Do ngã, ngã sở nắm giữ cảnh giới tà; 2. Do duyên nắm giữ tự tướng cảnh giới; 3. Do nương cả hai điều trên. Do 3 chủng đây khiến các thức chuyển và khiến nhiễm ô.

Lại do 3 chủng: 1. Vì ở hiện pháp hướng đến tập đế; 2. Vì duyên khổ vị lai ngã sẽ như vậy như

vậy ái; 3. Vì nhân trước phát sanh khổ hiện tại mà trụ ở đó.

Lại do 3 chủng: 1. Do hướng đến vị lạc; 2. Do duyên vị khổ; 3. Do an trụ vị không khổ không lạc.

Lại do 3 chủng: 1. Vì hướng đến đời vị lai; 2. Vì duyên đời quá khứ; 3. Vì trụ đời hiện tại.

Lại do 3 chủng: 1. Do ái hậu hữu hướng đến hậu hữu; 2. Do ái hỷ lạc kia kia duyên cảnh giới vị lai; 3. Do ái đồng hành hỷ tham trụ cảnh giới hiện tại đã được.

Lại do 3 chủng: 1. Do thân hệ buộc tham dục hướng đến thuận theo sự việc của chỗ tham; 2. Do thân hệ buộc sân khuể duyên sự việc của chỗ ấy; 3. Do thân hệ buộc hai chủng là giới cấm thủ và thật chấp thủ đây trụ nơi hai sự việc của chỗ ấy.

Ốt-Đà-Nam nói:

Nhân quả và thọ

Đời ái và buộc.

Hỷ ái thấm nhuần nên biết như trước, tức như *nhân các hành* đã tuyên thuyết. Lại tức khi thức kia chuyển như vậy, ở hai xứ sanh đến nên biết kết sanh tương tục tăng rộng: 1. Ở Hữu sắc; 2. Ở Vô sắc.

Ở Hữu sắc xứ nương trung hữu mà có đến đi. Ở trong Vô sắc xứ chỉ có hữu tùy theo đó mà sanh. Trụ tương tục ở hai xứ ấy cho đến thọ tận, nên gọi là trụ. Nên biết người trong Dục giới trụ đây có 3 phần vị: lúc mới nhập thai; lúc thức tốt nhuần, thai phân đầy đủ; lúc ra khỏi thai. Nên biết đây lại có 3 sai biệt, như thứ lớp là Dục, Sắc và Vô sắc.

Nếu có người chối bỏ thuyết “Đường thức lưu chuyển” của Như Lai mà nói lời đây: “Ta sẽ thi thiết tác thuyết riêng khác”. Nên biết chỗ thi thiết của người đây nơi văn có khác mà nơi nghĩa không khác, duy chỉ có ngôn sự. Nếu người có trí thấy nơi văn khác trước bảo là đạo lý, sau vặn hỏi: “Chỗ thi thiết của ông sai khác thế nào?”. Kể kia lúc bấy giờ mờ mịt không rõ. Nếu vào lúc sau kia tự thấu đạt quán xét, đối với điều thiết lập trước kia quay lại như lý quán đế, chỗ sanh mờ tối không hiểu rõ. Do ngu muội đây tự nhận biết ta xưa vô trí đã thọ trì như vậy, là ác không phải thiện.

Lại có 10 sắc gọi là sắc giới. Lại có 6 chủng là thọ giới, tướng giới và hành giới.

Lại ở 3 vị nên biết giải thoát khỏi các thức phiền não: 1. Vì ở nơi các hành thấy sâu quá hoạn,

năng khiến lìa bỏ xa dân các triền; 2. Vì ở trong kiến địa, các tùy miên hệ buộc của tất cả ngoại đạo đều vĩnh viễn đoạn diệt; 3. Vì nương tu đạo mà được rốt ráo.

Lại các ngoại đạo kế chấp hư vọng vào tất cả nơi sanh đến, đó là các chủ của cõi trời như Đại Tự Tại và vô lượng phẩm loại chúng sanh ở đó. Đối với tất cả xứ sanh đến mà vui sanh kia, gọi là thân hệ buộc tham. Đối với người trong các kiến phần pháp khác mà tăng thêm ganh ghét, gọi là thân hệ buộc sân. Do 2 duyên: 1. Nương tà nguyện mà tu phạm hạnh; 2. Đối với đồng phạm hạnh trong pháp khả lạc mà khởi ganh ghét chống trái, nên ở nơi tăng thượng giới học năng bị tạp nhiễm. Nên biết tức do giới cấm thủ kia, nên ở nơi tăng thượng tâm học năng bị tạp nhiễm. Do thân hệ buộc thật chấp thủ đây, nên ở nơi tăng thượng tuệ học năng bị tạp nhiễm. Bốn pháp như vậy hiện diện trong sắc thân, danh thân hương đến an lập trong sự sở duyên khiến tâm bị hệ phược, nên gọi là thân hệ buộc. Lại vì kia ở tại ý địa vì ý phân biệt, vì ý tương ưng, vì ý tùy miên, vì ý nhiễm ô, gọi là ý sở thành. Lại kia đoạn, đó là duyên cảnh kia để đoạn các phiền

não, nhưng đây không phải sở duyên kia, vì ở cảnh kia hiểu biết không điên đảo.

Lại, chủng thức hậu hữu được sự thâm nhiếp giữ gìn của các nghiệp phiền não hậu hữu, nên biết ở nơi sự nương tựa đây mà kiến lập. Vì kia không có, nên lý thú 3 chủng sai biệt sanh trưởng rộng lớn ở đương lai như trước đã nói, tất cả thấy đều tận diệt.

Lại tức do kia không trụ thức nên phần nhân, phần quả không sanh trưởng trở lại, chỉ nhiếp vào các đạo mà được sanh trưởng. Lại kia lấy Không giải thoát môn làm chỗ nương, gọi là không sở vi; lấy Vô nguyện giải thoát môn làm chỗ nương, gọi là vui đủ; lấy Vô tướng giải thoát môn làm chỗ nương, gọi là an trụ. Vì ở nơi kia vui thích lớp lớp tu tập, nên thành tựu thiện giải thoát. Vì tất cả tùy miên vĩnh viễn diệt tận, nên tâm thiện giải thoát. Như vậy từ đây về sau đọi đặc hằng trụ, tuy trụ các hành mà không hãi sợ, đã đặc các uẩn nhậm vận diệt, nhân sót thừa được đoạn trừ khiến không sanh trở lại. Do thức hữu lậu kia đã vĩnh viễn diệt, nên khắp mười phương đều không chỗ đi đến, chỉ trừ như bóng các thọ và cây thức, uẩn thức

kia như đèn đều quy về tịch diệt. Ở trong Hữu dư Niết-bàn giới, nương đoạn triền ban đầu gọi là tịch tĩnh, nương đoạn thứ hai gọi là thanh lương, nương đoạn thứ ba gọi là tĩnh lặng.

Lại do 3 duyên thức hưởng đến thức trụ đều không chỗ có: 1. Do tự nhiên, không phải nhiễm ô; 2. Do không còn lại nhiễm ô; 3. Do trợ bạn của thức không còn.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Chi đoạn, thật hiển rõ
Hành duyên, giáo không gì sánh
Bốn chủng chúng hữu tình
Bốn đạo, năm rốt ráo.*

Những người tu đoạn lược có 5 chi nhiếp thọ đoạn, năng ở nơi các hành như thật hiển rõ: 1. Do thân xa lìa; 2. Do tâm xa lìa; 3. Do phẩm Chỉ tam-ma-địa; 4. Do phẩm Quán tam-ma-địa; 5. Do thường thuận theo thực hành.

Lại nữa, như phần *Nhiếp dị môn* đã thuyết, có 12 chủng như thật hiển rõ tướng hành: vì lắng nghe, thủ thiện, thủ ác riêng biệt; vì hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo cảnh giới; vì tự tướng, cộng

tướng; vì tánh như sở hữu, tánh tận sở hữu; vì nhập kiến địa, cứu cánh địa.

Lại nữa, lược có 4 chủng sự sở duyên như thật hiển rõ đạo lý hành tướng trí:

1. Dị sanh trụ nội pháp bỗng nhiên bị cuốn theo cảnh nên sanh khởi thọ. Nếu không như thật biết lực tăng thượng, năng khiến các hành lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu như thật biết, năng khiến thanh tịnh.

2. Có dị sanh tại gia ở trong sở y hậu hữu... mà sanh vui mừng. Nếu không như thật biết lực tăng thượng, năng khiến các hành lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu như thật biết, năng khiến thanh tịnh.

3. Có các ngoại đạo ở trong sự vui thích hư vọng phân biệt, định sanh hỷ ái làm chỗ nương, nếu không như thật biết lực tăng thượng, năng khiến các hành lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu như thật biết, năng khiến thanh tịnh.

4. Có bậc hữu học trụ nội pháp, nương nơi các căn cảnh phát khởi vọng niệm và hành sót thừa. Nếu không như thật biết lực tăng thượng, tức bị lưu chuyển tạp nhiễm. Nếu đã đoạn sót thừa, tức được thanh tịnh. Trong tất cả phẩm đây, các phẩm thanh

tĩnh đều trụ nội pháp. Như vậy gọi là 4 sự sở duyên.

Lại do 3 nhân duyên Như Lai sở thuyết chánh giáo không gì sánh xứng:

1. Vì tuyên thuyết giáo pháp bất cộng: trong đây tuyên thuyết, hoặc hướng đến hữu thân tập hành, tức là hướng đến khổ tập hành; hoặc hướng đến hữu thân diệt hành, tức là hướng đến khổ diệt hành.

2. Vì tuyên thuyết giáo pháp không điên đảo: như thuyết lời: “Đây chân thật có”.

3. Vì tuyên thuyết giáo pháp tự giác: như thuyết lời: “Ta như thật biết”.

Lại có 3 chủng các hành lưu chuyển sai biệt: 1. Thân, là nghĩa nơi chốn an đặt các hữu tình nơi nhiệm trước; 2. Thế gian, là nghĩa nơi nhiệm trước bại hoại; 3. Hữu, là nghĩa nhiệm trước lại thêm các sự sanh...

Lại chúng hữu tình kia lược có 4 chủng. Những gì là bốn? 1. Một hướng an trụ nghiệp quả khả ái, tức ở nơi quả đây mê đắm thọ dụng, như sanh ở cõi trời chuyên hành phóng dật; 2. Một hướng chuyển nhân, đó là hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn mong cầu kia; 3. Các chúng hữu tình vui Bát-niết-bàn; 4. Các

chúng loại hỗn tạp, hoặc trụ nơi quả đấm trước thọ dụng, hoặc vui nhiếp thọ quả ái đương lai, hoặc mọi thời tu tư lương Niết-bàn xa lìa phóng dật. Ở trong ba chủng hữu tình trước, tùy chỗ thích hợp nên biết là tập, diệt của thế gian và tập, diệt của hữu thân. Ở trong chúng hữu tình thứ tư, nên biết tập kia, diệt kia của hữu thân hướng đến đạo sai biệt.

Lại nữa, nương 2 chủng đạo nên biết thi thiết 4 chủng hành tướng. Hai chủng đạo tức là nương kiến đạo và nương tu đạo. Bốn chủng hành tướng: 1. Hành tướng nên biết khắp; 2. Hành tướng nên vĩnh viễn đoạn diệt; 3. Hành tướng nên tác chúng; 4. Hành tướng nên tu tập. Bốn chủng như vậy, ba nương kiến đạo, một nương tu đạo.

Khi nhập kiến đạo và hiện quán đế, năng biết khắp khổ, đoạn một phần tập, chúng một phần diệt. Ở kia một phần năng đoạn trừ, chúng đặc, tức là ở trong tu đạo, vì cầu đoạn trừ không sót và chúng đặc, nên như đạo đã được mà siêng tu tập. Như vậy, vì nhân tu tập các tư trạch đạo và tu đạo, nên vĩnh viễn đoạn tập còn lại, chúng đặc diệt còn lại.

Lại nữa, để chúng đặc cực rốt ráo như vậy, nên biết do 5 chủng tướng mới được rốt ráo. Những

gì là năm? 1. Vì đã chứng đắc khổ và nhân khổ tận dứt không sót thừa; 2. Vì kham làm tất cả nghĩa lợi tha, tất cả nghĩa tự lợi đều viên mãn; 3. Vì chứng đắc sẽ rất ráo đoạn và trí; 4. Vì năng rất ráo nhập thành Niết-bàn; 5. Vì đã được nhập rồi, năng an trụ Thánh vị.

Ở tướng thứ nhất có đoạn tiệt bốn chủng sai biệt là ái... nên biết như trước. Ở tướng thứ hai có sở hữu sai biệt của A-la-hán tận các lậu... nên biết như trước. Ở tướng thứ ba có sẽ rất ráo đến cứu cánh, vì tất cả sự hành thấy đều đoạn trừ; có sẽ rất ráo vô cấu, vì sẽ rất ráo đoạn tất cả phiền não; có sẽ rất ráo phạm hạnh lấy làm biên sau, vì đã đạt được trong việc đối trị kia. Ở hành tướng thứ tư, thí như ở thế gian đủ 5 chủng tướng gọi là nhập cung thành, tùy khuyết một chủng không được gọi là nhập, như vậy cần đủ 5 chủng tướng kia nên biết gọi là nhập cung thành Niết-bàn.

Những gì gọi là đủ 5 tướng thế gian? 1. Mở cổng thành; 2. Vượt qua hào thành mà không rơi xuống nước; 3. Sanh khởi kiên quyết mà vượt qua; 4. Đã vượt qua hào thành, tiến đến mở toang cửa cung; 5. Không còn là sự hy vọng của mình của

người nữa, mà cầm cờ chiến thắng tiến thẳng vào trong cung. Như vậy là nhập cung không các chương ngại. Nhập cung Niết-bàn cũng thế: Trước đoạn năm thuận hạ phần kiết như mở cổng kia. Kế đến khởi tướng hãi sợ hằm sâu vô minh nên đoạn không sót thừa, trụ nơi Niết-bàn; như vượt qua hào thành mà không bị rớt xuống. Vì vượt qua hữu thân năng đến bờ kia, vì năng nhậm trì thân tối hậu; như kiên quyết mà vượt qua. Gần nhập Vô dư y Niết-bàn giới, như tiến sát phá cửa cung. Đã đoạn hữu ái, ở nơi các cảnh không sanh ái trở lại, ở khắp tất cả không khởi kiêu mạn, như vậy mà nhập Niết-bàn; như chẳng còn là sự hy vọng của mình của người, mà quyết chắc cầm cờ chiến thắng tiến thẳng vào trong cung.

Như trước đã thuyết 5 chủng nhân duyên nhập cung, nên biết Niết-bàn cũng vậy. Lại đã nhập rồi, do 2 chủng tướng an trụ Thánh trụ: 1. Do hành; 2. Do trụ.

Do *hành* là chân chánh rõ biết 3 tướng:

1. Vì bất cộng: tức vĩnh viễn đoạn trừ năm thuận hạ phần kiết, ở trong các dục sẽ rớt ráo ly dục, ở ngay xứ ấy mà du hành.

2. Vì vô nhiễm: tức ở nơi sáu hàng trụ thường nhiếp thọ.

3. Vì chân chánh nương tựa những vật ngoại thân: tức đối với một phần pháp, chỗ gọi là voi ác, ngựa ác... suy nghĩ chọn lựa xa lìa; đối với một phần pháp, chỗ gọi là y phục, áo quần... suy nghĩ chọn lựa gần gũi.

Như vậy ở nơi hành đã thiện thanh tịnh rồi, lại do 5 tướng nên chánh rõ biết ở nơi *trụ*:

1. Hoặc do đây mà trụ: tức do tâm bất động mà an trụ giải thoát.

2. Hoặc đây làm nương: đối với một phần pháp năng tư duy phân tích khiến trừ, như rong rêu du hành khắp nơi là nhân duyên khiến thân tâm uể oải mệt nhọc. Đối với một phần pháp tư duy phân tích nhấn thọ, như lạnh nóng... Đây gọi là “làm nương”.

3. Hoặc do đây lìa hệ buộc: ba chủng tạp nhiễm là kiến tạp nhiễm, ái tạp nhiễm và tầm tư tạp nhiễm. Do lìa hệ buộc của kiến tạp nhiễm, nên ở trong hậu hữu tâm không động lay. Do lìa hệ buộc của ái tạp nhiễm, nên ở các cảnh giới không bị tri trệ lưu tán. Do lìa hệ buộc của tầm tư tạp nhiễm, nên chỉ tầm tư thiện, không có bất thiện. Như vậy

gọi là do đây là hệ buộc.

4. Hoặc đây làm nương: tức nương 4 chủng tính lự Vô động tam-ma-địa, hiện pháp an trụ lạc trú bậc nhất. Đây gọi là “làm nương”.

5. Hoặc do đây tương ưng: do vô học tâm thiện giải thoát và tuệ thiện giải thoát cùng tương ưng. Lại người lìa ái, không sanh trở lại thân thứ hai, vì đối với Niết-bàn không còn thối chuyển, vì chóng chứng vô thượng viên mãn đức. Do 5 tướng đây nên biết an trụ viên mãn, an trụ đệ nhất trụ.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Lược chung hai phẩm, có ba khác
Thắng giải, đoạn, lưu chuyển, tánh hữu
Bất thiện thanh tịnh, thiện thanh tịnh
Thầy thiện thuyết, ác thuyết sai khác.*

Lược do 3 xứ tổng nhiếp tất cả phẩm hắc và phẩm bạch: 1. Do chỗ biết khắp pháp là khổ đế, tập đế, nên biết đây tổng nhiếp tất cả phẩm hắc; 2. Do biết khắp là diệt đế, nên biết đây nhiếp một phần phẩm bạch; 3. Do biết khắp thành tựu là bổ-đặc-già-la và đạo đế.

Bổ-đặc-già-la tuy là giả có nên biết cũng nhiếp

thuộc phẩm bạch. Đây các Thánh đệ tử Như Lai tất đều khéo léo nơi thế tục đế và thắng nghĩa đế. Nương hai đạo lý như thật tùy quán *đều không thể ký*, đó là Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Đây đều không thể nắm lấy, cũng chẳng thể ký. Vì cơ sao? Nếu đều nương thắng nghĩa thì kia hoàn toàn không thể đắc, huống là Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không! Nếu nương thế tục, tức đối với các hành nếu giả lập Như Lai, tức là đối với Niết-bàn. Nếu đối với các hành, thì Như Lai diệt rồi về sau không có một hành lưu chuyển khả đắc, bấy giờ xứ nào giả lập Như Lai? Đã không Như Lai, sao gọi là có không? Nếu đối với Niết-bàn, Niết-bàn chỉ là chỗ hiển không hành, tuyệt các hý luận, tự bên trong chúng đắc. Vì nếu tuyệt hý luận mà thi thiết là có thì không đúng đạo lý, cũng lại không nên thi thiết chẳng phải có, cũng chớ nên tổn hoại hủy chê thi thiết diệu có Niết-bàn tịch tĩnh.

Lại, Niết-bàn đây vì rất khó biết, vì rất vi tế, nên gọi là thâm sâu. Vì là chỗ hiển đoạn trừ chủng chủng các hành phiền não chẳng phải một, nên

gọi là quảng đại. Là chỗ không thể dùng hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng để so lường, nên gọi là vô lượng.

Lại nữa, do 3 nhân duyên nội gánh vác khổ và ngoại gánh vác khổ có sự sai biệt: 1. Vật gánh vác; 2. Chỗ gánh vác; 3. Thời gánh vác. Đó là ngoại gánh vác nhiếp thuộc một phần sắc hoặc bó lúa, hoặc bó củi, hoặc chủng loại khác là vật gánh vác. Ngu phu thì lấy tất cả các hành là vật gánh vác. Lại ngoại gánh vác thuộc tại thân vai gánh vác là chỗ gánh vác. Ngu phu lấy tất cả ái uẩn là chỗ gánh vác. Lại ngoại gánh vác chỉ hiện dụng vai gánh vác vật nặng. Ngu phu dụng tất cả ái uẩn gánh vác vật nặng. Muốn xả “vật nặng” cần yếu phải trừ uẩn, không có phương tiện khác mà khiến xả bỏ được. Vì chưa thể xả vật nặng, đương lai hằng thường gánh vác vật rất nặng, vì gánh vác chấp giữ xấu tốt, thấp kém, nhỏ nhoi, yếu mềm, không yên tĩnh. Vì gánh vác vật nặng trường thời không gián đoạn, cho nên nội gánh vác có ba sự lãnh thọ các khổ như vậy, ngoại thì chẳng vậy. Đây gọi là hai chủng gánh vác sai biệt.

Lại do 5 chủng tướng, trói buộc bên ngoài và

trói buộc bên trong của ngu phu có sự sai khác. Đó là nương trói buộc bên ngoài là sự trói buộc của một phần sắc, hoặc cây, hoặc sắt, hoặc dây... Ngu phu ấy thì bị các hành trói buộc. Lại trói buộc bên ngoài do trói buộc của cái khác trói buộc. Ngu phu ấy là do sự trói buộc của tự chính nó trói buộc. Lại trói buộc bên ngoài kia dễ có thể rõ biết, vô số nhân duyên trói buộc thì có vô số phương tiện thoát khỏi. Tất cả trói buộc bên trong của ngu phu khó biết. Lại trói buộc bên ngoài kia chết, về sau bèn không. Trói buộc bên trong của ngu phu chết, về sau các hành theo đuổi mãi không xả bỏ. Lại trói buộc bên ngoài kia nếu có xuất gia, năng xả các dục bèn đắc giải thoát, tất cả oán trả chẳng thể ngăn ngại. Trói buộc bên trong của ngu phu tuy đắc ly dục cho đến Hữu danh còn chưa thể thoát, hướng chỉ xuất gia. Trong đây ở vị ly dục, ma đối với kia không được tự tại. Vị chưa ly dục ma liền được tự tại. Ở vị xuất gia chưa thoát khỏi tay ma. Nếu vị tại gia, ma tùy muốn mà tạo tác. Nếu ở vị chưa ly dục bị sự trói buộc của ma phược, do đây đạo thế gian tuy sanh Hữu danh mà chưa thoát lưới ma.

Lại nữa, lược do 4 tướng nên biết Như Lai và

A-la-hán tuệ giải thoát... đồng phạm, khác phạm.

Do 1 chủng tướng nên gọi là đồng phạm, tức là đều giải thoát.

Do 3 chủng tướng nên gọi là khác phạm: vì hiện Đẳng giác, vì năng thuyết pháp và vì hành chánh hạnh. Trong đây, Như Lai không thầy tự nhiên tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, hiện Đẳng chánh giác. Đẳng chánh giác rồi khắp nương thắng nghĩa. Nếu ở hiện pháp có thể, không thể, hoặc pháp hiện thấy được, hoặc pháp không hiện thấy được, nơi tất cả chủng thủy đều liễu đạt, gọi là Tự nhiên Đẳng giác Bồ-đề. Liễu đạt pháp thắng nghĩa như vậy rồi, tức ở nơi hai chương là các tập khí phiền não chương và sở tri chương khéo đắc giải thoát. Làm thầy giải thoát độ nhất không hai của các chúng trời và thế gian khác. Nên biết liễu đạt 4 tướng như vậy gọi là Tự nhiên Đẳng giác Bồ-đề. Do đây không cùng chung với các Thanh văn.

Lại nương việc làm nghĩa lợi cho người mà năng thuyết chánh pháp. Do 5 chủng tướng nên biết không cùng chung. Những gì là năm? 1. Như Lai như thật biết rõ tất cả chủng đạo là đạo, tất cả chủng phi đạo là phi đạo; 2. Đã biết thì như thật

tuyên thuyết là đạo, là phi đạo, vì khiến người thú hưởng đạo, không thú hưởng phi đạo; 3. Nếu có người như đạo đã thuyết mà vui muốn siêng tu hành, thì khiến kia thực hành nhiếp thọ phương tiện, như lý dẫn dắt tác ý chánh đạo, dùng môn dạy trao mà vì kia tuyên thuyết; 4. Người kia lúc như thánh giáo mà hành, nếu có lỗi lầm làm chướng ngại Chỉ Quán đều khiến trừ khiến; 5. Nếu có người thuận theo pháp kia, đều khiến nhiếp thọ. Đây gọi là năng thuyết pháp không đồng phạm.

Trong đây, chánh hạnh không đồng phạm đó là Thanh văn trước nương Như Lai, sau hành chánh hạnh. Phạm Như Lai thì không thiếu chỗ nương. Lại kia hành chánh hạnh thành tựu chủng tánh Thanh văn, mà Phật Như Lai thành tựu tự chủng tánh. Lại Thanh văn kia hoặc đã thành thực, hoặc sẽ thành thực, chẳng phải trong tối hậu hữu thân Bồ-tát khá có được hai hành, đó là: nếu người chưa thực, thì kia tùy hành đạo khiến năng thực, đương lai thành thực tương tục; nếu người đã thực, ở hiện pháp kia thành bậc Đại sư dạy dẫn. Như hai chủng đây, như thánh giáo đây, tức như thế hành. Nếu tùy hành đạo, ở đời sau người kia sẽ chứng Niết-

bàn. Nếu ở hiện pháp thành Đại sư dạy dẫn, kia nương thân này liền chứng Thánh đạo, đạo quả Niết-bàn. Tức vì Thánh đạo đây và quả Thánh đạo không tổn lạc, gọi là như thật pháp; vì tánh nhiều ích nên gọi là thiện.

Lại nữa, ở trong các hành lược có 2 chủng thắng giải vô ngã: 1. Thắng giải văn, tư tăng thượng; 2. Thắng giải tu chứng tăng thượng. Trong đây thắng giải văn, tư tăng thượng năng làm chỗ nương cho thắng giải tu chứng tăng thượng. Các thiện nam tử tịnh tín xuất gia tuy đối đây đã cực khéo ân trọng đạt đến cũng không nên cho là vui đủ. Cần yếu lấy đây làm chỗ nương, ở trong các hành dần dần tu tập tướng vô thường... chứng đắc thắng giải vô ngã tăng thượng. Vì khiến kia chứng đắc triển chuyển thù thắng hơn, thì phải siêng tu quán thắng giải.

Lại nữa, do 4 chủng tướng nên biết các hành có 2 chủng đoạn. Những gì là bốn? 1. Vì đoạn các triền; 2. Vì đoạn tùy miên; 3. Vì đoạn tánh nhân các hành hậu hữu; 4. Vì đoạn các hành hạnh nhiễm hiện tại. Bốn chủng như vậy nên biết thuyết chung làm hai chủng đoạn: đoạn phiền não và dùng đoạn sự. Ba tướng trước gọi là đoạn phiền não, một

tướng sau gọi là đoạn sự.

Lại nữa, ở trong Dục giới các hành lưu chuyển ở vị trước, giữa, sau lược có ba chủng khổ sâu kín: 1. Ở thời sanh bị nhất kín trong thai tạng nên có khổ do ẩn khuất chướng ngăn; 2. Đã sanh ra, thời anh nhi, trẻ trung nhiều tật bệnh nên khổ; 3. Thời già suy, các căn suy yếu, có già chết nên khổ. Lại các hành kia lưu chuyển sanh khởi, trước giữa sau “diệt” tức là 3 chủng diệt nên khổ.

Lại nữa, có 3 tánh hữu, vì đoạn kia nên các Thánh đệ tử phải tinh cần tu học: 1. Nương quá khứ là tánh nhân của hữu. Do nhân duyên đây phát khởi tịnh tín, xả bỏ gia đình hưởng đến không gia đình, thấy sâu quá hoạn, chán bỏ các dục; 2. Nương vị lai sanh khởi các hành là tánh nhân của hữu; 3. Nương hiện tại chưa đoạn ý lạc tạp nhiễm tánh hữu. Để đoạn ba chủng tánh hữu như vậy cần có 3 đoạn: vì không đoái luyến, vì không hân lạc và vì tu tập thành tựu đoạn giới, ly dục giới, diệt giới.

Lại nữa, ở trong các hành lược có 2 chủng quán vô ngã kiến lìa tăng thượng mạn. Những gì là hai? 1. Bất thiện thanh tịnh; 2. Thiện thanh tịnh.

Sao gọi là bất thiện thanh tịnh? Như có người

trụ hạnh viễn ly, nương quán nhĩn các hành tánh vô thường. Do trí thế gian mà phát sanh thắng giải tánh vô ngã. Nhân thắng giải đây nên ở nơi nhĩn nhận biết sắc, cho đến ý nhận biết pháp thủy đều tùy quán sát, vì tướng ngã ngã sở không hiện hành, nên gọi là đoạn.

Lại năng chế phục bốn ngoại hệ buộc nhiếp lấy ba chủng tham sân si sở hữu, đó là thân hệ buộc tham dục nhiếp tham sở hữu, thân hệ buộc sân khuể nhiếp sân sở hữu, hai chủng thân hệ buộc còn lại nhiếp si sở hữu. Nên biết trong đây nghĩa “cực uest nhiếp” là nghĩa “sở hữu”, vì trí vô ngã lia tăng thượng mạn và tương ưng như lý tác ý, vì nhiếp định địa. Trí đây do hai nhân duyên bất thiện thanh tịnh: 1. Ở thời đây, đó là lúc ở vị thú nhập thiện căn thuận phần quyết trạch, có ngã mạn thô tùy nhập tác ý vi tế hiện hành gián đoạn, không gián đoạn mà chuyển. Do nhân duyên đây tác niệm như vậy: “Ta nay ở nơi *không* năng tu năng chứng”, “*không* là ta có”. Do *không* đây nên kế chấp “Ta là hơn”. Như *không*, thì *vô tướng* và *vô sở hữu* nên biết cũng vậy; 2. Nhân duyên năng khiến pháp kia hiện hành, đó là ở nơi các dục hoặc

thân có thức nhiễm ái. Do ở nơi thức nhiễm ái như vậy mà không biết rõ khắp lực tăng thượng, liền bị sự trôi nổi của các dục ái thân. Do ý lạc đây nên đối với Niết-bàn kia không thể thú nhập, tầm trở lại thối thất như trước đã thuyết.

Sao gọi là thiện thanh tịnh? Do 8 tướng năng biết rõ khắp, vì biết rõ khắp nên trừ các quá hoạn. Nên biết đây gọi là chân trí vô ngã cực thiện thanh tịnh lìa các ngã mạn. Lại ở trong đây vì đã hoại diệt, vì pháp hoại diệt, gọi là vô thường. Chỗ tập hành các nghiệp phiền não gọi là hữu vi. Do nguyện lực xưa mà tích tập thành gọi là tư sở tạo. Vì từ tự chủng tử ngoại duyên hiện tại mà tích tập thành, gọi là duyên sanh. Vì ở đời vị lai pháp suy lão, gọi là pháp tận. Pháp chết chìm, gọi là pháp chết. Vì chưa đến già, chết mà bị tật bệnh... chúng chủng tai hoạn bức não, nên gọi là pháp phá hoại. Do nương hiện lượng, vì năng lìa dục, vì năng đoạn diệt, gọi là ở hiện pháp đắc pháp ly dục cùng với pháp diệt. Trong đây, trừ pháp ly dục và pháp diệt, do tướng còn lại lược quán sở hữu quá hoạn của ba đời, do tướng còn lại quán ra khỏi kia. Nếu do quá hoạn và ra khỏi như vậy mà biết khắp thức

kia, gọi là khéo biết khắp. Trong tất cả pháp không có tánh ngã, gọi là các pháp ấn. Tức pháp ấn đây bởi theo luận *Đạo lý Pháp vương* mà được tạo ra. Ở các thánh thân không bị não hại, tùy hỷ năng đắc tất cả thánh tài. Do đây tự nhiên kiết tường an lạc, vượt qua đường dài sanh tử rộng lớn hiểm nạn, cho nên cũng gọi là chúng thánh pháp ấn. Trong đây nên biết do trước gọi là thông đạt trí, do sau gọi là kiến thiện thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết do 5 chủng tướng, ở nơi nội pháp và ngoại pháp, thầy và đệ tử có sự cao thấp sai khác: 1. Do trụ; 2. Do điều ngự chúng; 3. Do luận quyết trách; 4. Do kiến lập khai hóa hiển thị đạo; 5. Do hạnh.

Các thầy và đệ tử ngoại đạo hằng thường trú nơi ồn náo. Thầy và đệ tử nội pháp hằng thường trú nơi cực tịch tĩnh. Đây gọi là cao thấp sai khác thứ nhất.

Lại, các thầy ngoại đạo, do chúng đệ tử Tăng xuất gia của các ngoại đạo tự có hạn lượng, gọi là có Tăng. Do chúng đệ tử tại gia của các ngoại đạo tự có hạn lượng, gọi là có Chúng. Mong muốn tất cả kia ngưỡng mộ tin theo làm thầy, nên gọi là các

thầy. Chúng sanh thuộc loại ngu tin theo cho là đức, cho nên gọi là cùng truy cầu các sắc tốt. Nên biết Như Lai trái với tướng kia. Tuy là Đại sư vô thượng của tất cả trời và thế gian, được trời người và thế gian đồng suy tôn, mà không chỗ mong cầu.

Lại, khi thầy và đệ tử ngoại đạo cùng hưng khởi luận nghị quyết trạch, phạm có sở thuyết triển chuyển ý hiểu mỗi mỗi sai khác, tướng không thuận với nhau, càng chuyển càng thêm rối, không phải tịnh trí. Nên biết nội pháp trái với tướng kia.

Lại, thầy ngoại đạo dạy các đệ tử nương theo không nhân, nhân không bình đẳng, cùng thi thiết kiến lập khai hiển đạo như vậy. Nếu lắng nghe pháp bất chánh như vậy là đại quý La-sát nhiều loạn nơi tâm. Lại tâm tư bất chánh, tương ứng tác ý phi lý, nơi tâm tán động, lấy đây làm chỗ nương mà ôm lòng hơn thua trách mắng đối với người. Nếu người phản hỏi liền nóng nảy vội bạo, không tư trạch sâu, phát ngôn từ khinh suất. Tự mình ẩn giấu trong không nhân, nhân không bình đẳng, gọi là tạp nhiễm. Do đây ngu phu đối với nhân duyên nhiễm kia, hoặc do mình, hoặc do người mà không như thật biết, cho nên gọi là ngu muội. Vì

lìa thanh tịnh, gọi là không sáng suốt minh bạch. Vì đối với nhân thanh tịnh không được thiện xảo, gọi là bất thiện. Lại cho đến đối với lời nên sở thuyết, lời như sở thuyết, lời thuyết thị xứ, tất cả như vậy đều không như thật biết. Cho nên thuyết kia là không biết lượng, là không biết ruộng. Nên biết nội pháp trái với tướng trên.

Lại, các thầy và đệ tử ngoại đạo tuy có thuyết sai khác, vì sở thuyết không giảm không điên đảo; tuy không trôi nổi tản mạn, vì sở thuyết không tăng không thêm lên; tuy sở thuyết hết thảy, vì nghĩa tương tự; tuy là thuyết pháp, vì văn bình đẳng; tuy lại ký biệt pháp và thuận theo pháp, nhưng đối với đồng pháp lạc chỉ là bè đảng. Nên biết ở nơi tùy pháp hành pháp chứng đắc nghĩa tự lợi, kẻ kia nếu không phóng dật còn không thể đắc, huống là phóng dật. Do kia không được nghĩa tự lợi như vậy, liền bị luận khác chế phục khinh hủy. Kẻ kia lại nhiếp thọ các pháp tà ác. Nên biết nội pháp trái với tướng kia. Đây gọi là năm chủng cao thấp sai khác.

Lại nữa, do 4 chủng tướng nên biết các hành quyết định không phải nhiễm, khổ. Lại do 4 tướng

quyết định không phải lạc, tịnh. Bốn tướng như vậy nương chung 3 sự. Những gì là ba?

1. Vì nương xứ sanh đến: Nói lạc, tức ở Đệ tam tinh lự. Lạc đuổi theo: ở trong người có hai chủng. Hỷ lạc khắp: ở Sơ và Đệ nhị tinh lự. Chưa vĩnh viễn lìa lạc: ở Đệ tứ tinh lự trở lên. Trong đây khổ: ở ngã quý và bàng sanh. Chỗ tùy khổ: ở trong người. Ưu khổ khắp: ở địa ngục. Chưa vĩnh viễn lìa khổ: ở trong các cõi trời có khổ đuổi theo.

2. Vì nương thọ: Nói lạc, là thọ vị không khổ không lạc hiện tại tiền. Lạc đuổi theo: thọ vị khổ hiện tại tiền. Hỷ lạc khắp: thọ vị lạc hiện tại tiền. Không vĩnh viễn lìa lạc: vì ở tất cả vị nhân lạc tùy chuyển theo. Nếu trái với tướng đây nên biết là khổ sai biệt.

3. Vì nương đời: Nói lạc, tức hành thuận lạc và lạc đã diệt. Lạc đuổi theo: có nhân lạc, ở đời vị lai sẽ sanh khởi lạc. Hỷ lạc khắp: ở hiện tại thuận theo xứ lạc. Chưa vĩnh viễn lìa lạc: ở quá khứ và vị lai. Trái với tướng đây là 4 khổ sai biệt nên biết như trước.



Quyển 88

Thứ 1. NHIẾP TRẠCH SỰ HÀNH KHẾ KINH Phần 4

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*Hai trí gồm các sự
Hành lạc thủy chuyển biến
Thuyết kinh: thỉnh, không thỉnh
Niết-bàn có hai chủng.*

Trí có 2 chủng: chánh trí và tà trí. Trong đây chánh trí nương *sự có* mà sanh khởi. Tà trí cũng vậy. Tuy hai trí đây đều nương *sự có*, nhưng chánh trí như thật nắm giữ sự việc. Tà trí thì tà phân biệt, không như thật nắm giữ sự việc. Do nương chánh giáo, như lý tác ý làm hành dẫn đầu, nên ở nơi cảnh sở tri chánh trí được sanh. Do nương tà giáo, tác ý phi lý làm hành dẫn đầu, nên ở nơi cảnh sở tri, tà trí được sanh, chánh trí chẳng sanh, hoại cảnh sở tri. Chỉ cần ở nơi cảnh đây mà xả bỏ tà chấp, ngay đó chánh trí khởi. Như sắc trong tối,

lúc đèn sáng chỉ năng soi sáng mà không hại sắc kia, nên biết nghĩa đây cũng lại như vậy.

Lại nữa, các hành thuận theo thọ lạc vì cùng tương ưng với tướng vô thường, nên hành kia lúc đến vị khổ, bấy giờ gọi là tổn não bức bách; nếu đến vị không khổ không lạc, lúc này mới ở hành khổ, gọi là khổ bức bách; nếu không đến vị kia, liền lẽ rớt ráo chỉ thuận thọ lạc, không đến vị khác.

Lại các hành thuận theo pháp sanh lão... đều là khổ. Hành kia nếu đến vị tật bệnh, gọi là tổn não bức bách; nếu đến vị sanh khổ... gọi là khổ bức bách; nếu không đến vị kia, ở trong các hành chỉ có sự đuổi theo của nhân sanh khổ... không đến vị quả.

Lại, bản tánh các hành là nhóm duyên sanh, nên không được tự tại, cũng không chủ tử. Nếu tất cả hành kia có chủ tử, thì tuy tánh vô thường, lẽ tùy sở thích mà lưu chuyển không dứt, hoặc không khiến rơi vào sanh nói rộng cho đến tử.

Lại nữa, Khế kinh có 2 chủng: 1. Nhân thính mà thuyết; 2. Không nhân thính mà thuyết.

Nhân thính mà thuyết: nếu có bổ-đặc-già-la

do chánh giáo về tướng các hành đây mà được điều phục, thì nhân sự thỉnh cầu của kia mà chuyển dạy tướng các hành như vậy.

Không nhân thỉnh mà thuyết: như ở trong hội có đến vài trăm chúng, dùng vô lượng môn thiện lành vi diệu để tuyên thuyết. Hoặc Đại sư vì muốn chánh pháp cửu trụ nên tác thuyết như vậy như vậy cho đệ tử cận trụ A-Nan-Đà...

Lại nữa, do 3 phần nên nhiếp thọ viên mãn Niết-bàn: 1. Do tùy thuận dạy trao; 2. Do chánh quán sát hết thủy hành; 3. Do vĩnh viễn đoạn hết thủy phiền não.

Tùy thuận dạy trao: Đây nhiếp thuộc thần biến ký thuyết dạy răn của Như Lai, Như Lai tùy muốn mà ký thuyết tâm của người. Do tự định ý, dùng ba hành tướng quán chiếu khắp tâm người: hoặc tâm chuyển diệt lâu dài, hoặc tâm diệt không gián đoạn, hoặc tâm ở sở duyên hiện tại chuyển. Từ định khởi rồi, sau tùy nhớ nghĩ phân biệt, tư duy tâm người đã thọ trong định. Như điều đã thọ tức như vậy ký: “Ông có tâm như vậy”, đó là tâm diệt lâu dài. “Ông có ý như vậy”, đó là tâm diệt không gián đoạn. “Ông có thức như vậy”, đó là tâm

hiện tại chuyển. Đây căn cứ chủng loại, không căn cứ sát-na. Tức dùng thần biến ký thuyết như vậy làm chỗ nương, nên ở nơi 3 xứ mà vì dạy răn: 1. Ở hành xứ, cảnh giới hiện tiền, khai mở cho phép như lý tác ý, ngăn chặn dừng dứt không như lý tác ý; 2. Ở trụ xứ, ngăn chặn dừng dứt tâm tư bất chánh, khai mở cho phép chánh tâm tư; 3. Ở hành xứ siêng tu Chỉ Quán, khai mở cho phép khiến đoạn các hành chưa đoạn, cũng khiến vĩnh viễn là hệ buộc của các phiền não mà chứng Niết-bàn. Như vậy tuyên thuyết ba xứ là hành xứ, trụ xứ và y xứ khiến từ các tùy phiền não, tâm được thanh tịnh.

Lại chánh quán sát các hành quá khứ, vị lai, hiện tại, gọi là chánh quán sát tất cả các hành.

Lại có ba lậu, do ba lậu đây làm tiền dẫn mà có dục hại. Vì dục hại làm tiền dẫn mà có tâm tư nhiệt não. Vì tâm tư nhiệt não làm tiền dẫn mà sanh truy cầu ưu não. Vì tất cả chủng đều vĩnh viễn đoạn trừ, gọi là tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn.

Như vậy lúc an trụ tâm thiện giải thoát lạc trú vô tướng không hãi sợ, ở trong hiện pháp gọi là nhập trong số viên mãn Bát-niết-bàn.

Lại nương 3 pháp, nếu nương nghĩa riêng mình được gọi là trụ quy y, nếu nương nghĩa của người được gọi là trụ cõn bãi. Sao gọi là ba? 1. Bên trong nương như lý tác ý làm tiền dẫn, tùy pháp hành pháp; 2. Nương lắng nghe chánh pháp chư Phật sở thuyết; 3. Nương thân cận bậc thiện sĩ nội chánh pháp, không nương thân cận các kẻ ngoại chánh pháp, các kẻ không phải thiện sĩ, tất cả ngoại đạo. Ba pháp như vậy nên biết hiển dạy có 4 chủng pháp cần thực hành nhiều, đó là: thân cận bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý và tùy pháp hành pháp.

Lại do 3 duyên và 5 chủng tướng nên biết chúng đăc một phần Niết-bàn kia.

Sao gọi là 3 duyên? 1. Vì biết khắp khổ; 2. Vì cảm nhận sâu việc thuận theo các hành khổ có các quá hoạn; 3. Vì vượt qua sâu thán... tất cả khổ.

Sao gọi là 5 tướng? 1. Nhận biết khi tiếp xúc với chủng loại tướng khổ phát sanh sâu thán... đây gọi là biết khắp tự tánh của kia; 2. Biết có chủng tử pháp kia được sanh, đây gọi là biết khắp tánh nhân của kia; 3. Biết sở hành cảnh giới sở tri của chính nó, đây gọi là ở nơi kia biết khắp tánh duyên;

4. Tùy quán: “Nếu chấp trước ngã và ngã sở đều là thuận theo các hành khổ”, đây gọi là biết khắp tánh hành của kia; 5. Tùy quán: “Các hành ba đời hệ buộc Dục giới có quá hoạn”, năng đoạn tất cả các khổ sâu..

Nên biết do 3 duyên và 5 tướng như vậy đạt được một phần Niết-bàn kia. Do sự khả ái chuyển biến vô thường, tâm buồn bi thương, nên gọi là sâu. Do kia phát lời than thở ghen ngào, nên gọi là thán. Nhân đây buồn giận, nên gọi là khổ. Do kia bên trong ôm lòng oán kết, nên gọi là ưu. Nhân đó càng thêm mê loạn, nên gọi là não.

Lại tùy một trong số các nỗi đau hiện tiền như tan mất tài bảo, bệnh tật không người thân thích... hết thấy sự việc khiến sanh ưu não, nên gọi là sâu. Do nương đây nên kể đến phát lời ai oán, buồn than khiến thân phiền nhiệt, gọi là vị thán khổ. Vượt qua sâu than phiền nhiệt của thân rồi, bên trong bị thiêu đốt mà ngoài dường tĩnh lặng, tâm vẫn chưa bình ổn, gọi là vị ưu. Do nhân duyên hoặc quá một ngày, hoặc hai ba năm, hoặc mười ngày đêm, nửa tháng ý vẫn chưa an ổn, nên gọi là não.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

Tránh, mê, kiến đại nhiễm

Một hương, học, bốn sợ

Trong thiện thuyết, ác thuyết

Túc trụ niệm sai biệt.

Do 4 nhân duyên Như Lai không cùng những kẻ thế gian mê chấp kia cùng oán đối tranh luận, nhưng thế gian kia khởi tà phân biệt cho là oán tranh. Những gì là bốn? 1. Vì tuyên thuyết nghĩa đạo lý; 2. Vì tuyên thuyết nghĩa chân thật; 3. Vì tuyên thuyết nghĩa lợi ích; 4. Vì có lúc thuận theo thế gian mà chuyển.

Trong đây, Như Lai nương bốn đạo lý để tuyên thuyết chánh pháp, đó là quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, nhân thành đạo lý và pháp nhĩ đạo lý, như trước đã nói. Do đây Như Lai gọi là *lời pháp*. Như Lai trọn không đến chỗ của người mà hưng khởi tranh luận. Vì có sao? Những người thế gian vì đề cao nghĩa mình, phản đối nghĩa người nên hưng khởi tranh luận. Như Lai vì lấy tất cả nghĩa người tức là nghĩa mình nên không tranh cãi, chỉ trừ vì ai mãi muốn khiến những kẻ thế gian kia thông

hiểu nghĩa mà đi đến chỗ người tuyên thuyết chánh pháp. Nhưng vì những kẻ thế gian tà chấp ngu si điên đảo hư vọng, cho là nghĩa mình nghĩa ta mà có sai biệt, nên hưng khởi ngã tránh. Do nhân duyên đây, nên biết Như Lai gọi là *lời đạo lý*.

Lại, Như Lai gọi là *lời chân thật*. Nếu những người thế gian thông minh nhạy bén cùng tin là *có*, Như Lai đối kia cũng thuyết là *có*, đó là tất cả hành đều là vô thường. Nếu những người thế gian thông minh nhạy bén cùng tin là *không*, Như Lai đối kia cũng thuyết là *không*, đó là tất cả hành đều thường trụ.

Lại, Như Lai gọi là *lời lợi ích*. Như những kẻ thế gian tối tăm mù lòa, ở nơi pháp thế gian tự mình không thể rõ biết, Như Lai đối kia tự hiện Đẳng giác vì họ khai tỏ.

Lại, Như Lai có lúc tùy thuận thế gian mà chuyển. Như A-tử-la-ma-đăng-chi... rất khó khăn trong việc mưu sinh, những người thế gian nương kia giả lập danh tướng phước lớn tài cao vật thực nhiều. Như giả lập danh tướng của thế gian kia, Như Lai tùy kia cũng thuyết như vậy. Lại, như cùng một sự việc nhưng ở quốc độ này giả lập danh

tướng như vậy, ở quốc độ khác lại lập danh tướng khác, Như Lai tùy kia cũng thuyết như vậy.

Nếu ôm lòng hiểm khích tranh cãi mà phát khởi oán tranh, thì không được gọi là *lời đạo lý, lời chân thật, lời lợi ích, lời tùy thế gian mà chuyển*. Do đủ 4 nhân duyên như vậy, cho nên nên biết Như Lai không tranh cãi.

Lại, Phật Thế Tôn tự nhiên quán sát nghĩa nên tuyên thuyết, tuy không người thỉnh hỏi mà tự tuyên dương hiện giác hết thấy pháp, năng dùng danh, cú, văn thân xưng khen thi thiết kiến lập các pháp sai biệt, nói rộng như phần *Nhiếp đi môn*, như vậy cho đến gọi là bình đẳng khai thị.

Lại nữa, một là nhân, hai là duyên, khiến mầm hậu hữu sẽ được sanh trưởng, đó là trong năm phẩm hành. Chủng tử phiền não đuổi theo thức gọi là nhân. Bốn chủng thức trụ cùng với nhân gọi là duyên. Lại do hỷ tham đượm nhuần thức ấy khiến ở xứ sẽ thọ sanh đến kết sanh tương tục cảm hữu thân, cũng gọi là duyên.

Trong đây có người do bốn thức trụ nhiếp thọ sở y và do hỷ tham, nên ở trong hiện pháp tạo tác những tập mới mới và tăng trưởng tập đây. Ở thời

sau, vị kia thành A-la-hán khiến chúng tử thức thấy đều thối rửa, tất cả mầm hữu vĩnh viễn chẳng được sanh.

Lại, giả sử có người đủ tất cả phước mà siêng tu chánh hạnh, hân lạc đối với Niết-bàn, khởi tưởng nhằm chán trái lìa với khắp tất cả các xứ thọ sanh. Vì người kia có đầy đủ phước nên chúng tử không hoại mất, thức trụ hòa hợp, nhưng đối với hữu khởi tưởng nhằm chán trái lìa nên không hỷ tham. Người kia tu chánh hạnh như vậy, nên ở trong hiện pháp kham nhiệm Bát-niết-bàn, mầm hậu hữu cũng không được sanh.

Lại có người trụ ở học địa mà đắc quả Bất hoàn, chỉ các hành Phi tướng phi phi tướng xứ là sót thừa, ở định Hữu đánh đây đây đủ an trụ, chúng tử thức kia vẫn còn chưa diệt tận tất cả, nhưng ở nơi thức trụ năng khắp rõ biết, năng khắp thông đạt. Vị kia lực vọng niệm tăng thượng, nên tham ái địa trên vẫn còn chút phần dư tàn. Chỉ có bậc Bất hoàn ở đương lai không sanh trở lại tất cả mầm hữu địa dưới. Trái với tướng đây, nên biết tất cả mầm hữu hậu hữu đều được sanh trưởng.

Lại nữa, tạp nhiễm có hai: 1. Kiến tạp nhiễm;

2. Sốt thừa phiền não tạp nhiễm.

Kiến tạp nhiễm: ở nơi các hành tà chấp ngã ngã sở, theo đó chuyển hữu thân kiến. Do kiến đây hoặc chấp các hành cho là thật ngã, hoặc chấp các hành cho là thật ngã sở.

Lại có các “sốt thừa” đây là căn bản các ngoại kiến thú, còn lại là sở hữu phiền não như tham... Đây gọi là tạp nhiễm thứ hai.

Lại khi kiến tạp nhiễm được giải thoát, cũng năng ở nơi sốt thừa tạp nhiễm sẽ rất ráo giải thoát. Chẳng phải khi sốt thừa tạp nhiễm được giải thoát mà có thể giải thoát các kiến tạp nhiễm. Vì cơ sao? Do sanh đây nương đạo thế gian cho đến năng lìa sở hữu tham dục của Vô sở hữu xứ. Ở nơi địa dưới, tâm được giải thoát khỏi các sốt thừa phiền não, mà chưa thể thoát hữu thân kiến. Do kiến đây, ở nơi sở hữu tự thể của các hành địa dưới địa trên lẫn tạp, không quán sai biệt, chung quy kế chấp là ngã hoặc ngã sở. Do nhân duyên đây, tuy tiến đến Hữu danh mà trở lại thối thất. Nếu ở nơi tất cả tự thể như vậy mà biết khắp là khổ, do đạo xuất thế trước đoạn tất cả hữu thân kiến, sau lại năng đoạn vĩnh viễn sốt thừa phiền não. Do nhân

duyên đây không thối chuyển trở lại. Cho nên nên biết chỉ có kiến tạp nhiễm là đại tạp nhiễm.

Lại nữa, nên biết do 3 chủng tướng đạo gọi là *một hướng*, đó là ở dị sanh địa, ở hành hưởng học địa và vô học địa. Một hướng tức là dụng 5 hành tướng quán sát 5 xứ sai khác của các hành. Ở dị sanh địa dụng 5 hành tướng quán sát các hành. Ở hai thời là học địa và vô học địa cũng dụng quán sát đây tu trị khiến thanh tịnh.

Sao gọi là 5 chủng hành tướng quán sát các hành? 1. Quán sát tự tánh các hành; 2. Quán sát nhân duyên các hành; 3. Quán sát nhân duyên tạp nhiễm; 4. Quán sát nhân duyên thanh tịnh; 5. Quán sát thanh tịnh.

Lại nữa, nên biết trước ở vị dị sanh đã được thiện xảo nơi 5 xứ sai khác của các hành rồi, về sau ở vị học tức dụng trở lại 5 xứ như vậy quán sát tỉ mỉ chân thật 5 hành tướng sai biệt, năng khiến nhanh chóng thành tựu thông tuệ. Những gì gọi là 5 chủng hành tướng? 1. Quán sát các hành, nhân duyên các hành, nhân duyên tạp nhiễm, nhân duyên thanh tịnh vì diệt tịch tĩnh; 2. Vì hướng đến đạo thanh tịnh xuất ly; 3. Vì chủng chủng các hành

có nhiều tánh; 4. Vì riêng tự chủng tử của mình sanh khởi; 5. Vì riêng chờ đợi duyên khác mà sanh khởi.

Lại nữa, nên biết do 4 nhân duyên khiến phát sanh hãi sợ năng làm chướng ngại đối với 2 xứ. Những gì là bốn?

1. Hoặc ở vị đây khiến sanh khởi: ở trong vị phi thánh khiến sanh khởi. Ở trong vị đây đối với các thánh để chưa được thiện xảo. Lại phi thánh đây ở nơi 5 xứ cũng chưa thiện xảo.

2. Hoặc nương pháp đây khiến sanh khởi: ở nơi các hành khởi tướng tà hạnh, kế chấp ngã, ngã sở, hữu thân kiến làm chỗ nương khiến sanh khởi.

3. Hoặc kia như vậy khiến sanh khởi: đó là do 2 chủng các hành biến hoại sai biệt khiến sanh khởi. 1. Do duyên khác biến hoại; 2. Do tự tâm khởi tà phân biệt mà biến hoại.

4. Hoặc hành tướng kia khiến sanh khởi: đối với điều yêu thích, lo sợ vị lai bị biến hoại nên sanh hành tướng lo sợ, đang lúc biến hoại thì sanh hành tướng tổn não. Đối với những điều yêu thích đã bị biến hoại mà mong muốn được trở lại, nên sanh khởi hành tướng đoái luyến. Lại đối với Niết-

bàn vì phân biệt cho là tự thể biến hoại hẳn, nên khởi hành tướng sợ hãi.

Như vậy, khi hành tướng sai biệt chuyển, năng làm chướng ngại trong việc vui thích thánh giáo và vui thích Niết-bàn.

Lại do 2 chủng môn nên ở nơi cảnh sở duyên, chỗ sở hành của chính nó, chấp ngã ngã sở sai biệt mà chuyển, đó là vì thôi thúc tìm cầu và vì lãnh thọ, cũng chính là kiến và thọ.

Lại nữa, do 3 chủng tướng nên biết người pháp thiện thuyết và người pháp ác thuyết ở trong sự túc trụ tùy niệm... có nhiễm, tịnh sai khác. Những gì là ba?

1. Người pháp ác thuyết túc trụ tùy niệm không như thật biết tự tướng, cộng tướng của các hành kia, nên ở nơi các hành hoặc kế chấp hoàn toàn thường, hoặc kế chấp một phần thường, hoặc kế chấp chẳng phải thường, hoặc kế chấp không nhân. Người pháp thiện thuyết túc trụ tùy niệm vì như thật biết tất cả kia, nên không tà phân biệt. Đây gọi là sai khác thứ nhất của hai niệm.

2. Người pháp ác thuyết tùy nương định mà phát khởi túc trụ tùy niệm, chẳng thể như thật

biết rõ là khổ nên sanh ái vị. Do ái vị nên ở nơi hành quá khứ sanh sâu luyến tiếc, ở nơi hành vị lai sanh sâu hân lạc, ở nơi hành hiện tại không thể tu hành, chẳng thể sanh sâu chán lìa, diệt dục. Nên biết tất cả tướng của người pháp thiện thuyết trái với trên. Đây gọi là sai khác thứ hai của hai niệm.

3. Người pháp ác thuyết như vậy vì bị tạp nhiễm bởi 4 chủng tạp nhiễm tà hạnh, nên năng chiêu cảm hậu hữu. Những gì gọi là 4 chủng tạp nhiễm? 1. Nghiệp tạp nhiễm; 2. Kiến, ngã mạn triền tạp nhiễm; 3. Ái triền tạp nhiễm; 4. Tùy miên kia tạp nhiễm.

Hoặc tạo tác tăng trưởng các nghiệp mới, hoặc lớp lớp tiếp xúc các nghiệp cũ rồi mà không tiêu dung, đây gọi là nghiệp tạp nhiễm.

Hoặc ở nơi các hành tà phân biệt khởi hữu thân kiến, đối với hữu tình khác như Sa-môn, Bà-la-môn... lấy họ so sánh với mình, tự cho mình hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc thua. Đây gọi là kiến, ngã mạn triền tạp nhiễm.

Ở bên trong, bên ngoài mà phát khởi tham dục, nên biết tướng kia ở trong hành ái. Đây gọi là

ái triền tạp nhiễm.

Ở trong tương tục, ba phẩm thô trọng: kiến, ngã mạn và ái thường triền chuyển đuổi theo. Đây gọi là tùy miên kia tạp nhiễm.

Bốn chủng như vậy tổng nhiếp làm 2 là: nghiệp và phiền não. Phiền não lại có 2 là: triền và tùy miên. Ở trong các hành, trước khởi tà chấp, sau sanh tham trước. Do lực hai chủng đây tăng thượng, tuy có sót thừa phiền não tạp nhiễm mà chỉ chọn đây là căn bản của phiền não. Ở trong các hành mà không khởi tà chấp so sánh mình người, gọi là kiến. Nếu đối với người khởi so sánh, gọi là ngã mạn. Tà chấp như vậy là phẩm vô minh, do đây làm tiền dẫn khiến phát khởi tham trước, gọi là phẩm ái. Do hai chủng phiền não căn bản đây, ở trong sanh tử lưu chuyển không dứt. Nếu người chánh tu hành trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, năng đoạn trừ 4 chủng tạp nhiễm như vậy, ở trong hiện pháp năng Bát-niết-bàn, lại do đây năng an trụ rất ráo toàn mãn Niết-bàn. Nếu không như vậy, còn chẳng thể trụ một phần Niết-bàn kia, hà huống rất ráo. Đây gọi là sai biệt thứ ba của hai niệm.

Lại ở trong đây kiến và ngã mạn gọi là cao thị, ái gọi là khói. Vì cơ sao? Ở trong các hành, người bị kiến và ngã mạn chướng ngại không thể như thật biết tánh đây nhỏ nhoi thấp kém. Thể tướng các hành ở thân người, thân trời và vật dụng của chúng kia thì thù thắng vượt hơn, cho nên hai kia gọi là cao thị. Ái giống như khói mù, vì khiến tâm nhiều loạn chẳng được an ổn, nên gọi là khói.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Không yếm hoạn, không muốn

Hỏi đáp không loạn, tướng

Chướng, hy kỳ, vô nhân

Chê, thuần, nhiễm đồng sau.

Có hai loại người tín mà không được xưng khen là sở tác của người tín. Những gì là hai? 1. Người tại gia tín, tức là tín có Niết-bàn và tất cả hành là tánh vô thường; nhưng ở nơi các hành không thấy quá hoạn, không trụ chán lìa, không biết ra khỏi xa lìa mà lại thọ dụng; 2. Người xả lý pháp gia đình hướng đến pháp không nhà, có tịnh tín. Người kia đối với Niết-bàn không thể an trụ

vui muốn mãnh lợi, không dụng muốn đây làm chỗ nương để thường siêng tu tập thiện pháp, ở trong hiện pháp không Bát-niết-bàn. Trái với tướng đây nên biết được xưng khen là người có sở tác tín.

Lại nữa, ở trong nội pháp lược có hai loại người đầy đủ thông minh. Nếu lúc có người tịnh tín hoặc các ngoại đạo đến thỉnh hỏi, năng trả lời không loạn, tức là nương trung đạo. Hoặc khi có người ở trong các hành hỏi sanh diệt, thì không thêm hữu tình, không giảm sự thật, chỉ không loạn mà đáp, tức ở nơi các hành an lập sanh diệt. Nếu lập hữu tình có sanh có diệt, đây gọi là biên thứ nhất, tức là biên tăng ích. Nếu lập sanh diệt đều không chỗ có, đây là biên thứ hai, tức là biên tổn giảm. Chỉ ở nơi các hành an lập sanh diệt, đây gọi là trung đạo, xa lìa hai biên. Cho nên nếu người năng trả lời như vậy là khéo trả lời, là chỗ Như Lai khen ngợi.

Hoặc lại có người hỏi: “Nhân duyên nào nên ở chỗ Sa-môn Kiều-Đáp-Ma mà tu tập phạm hạnh?”. Nếu được hỏi đây nên đáp như trước, tức xa lìa hai biên tăng ích và tổn giảm, nương trung đạo mà đáp, gọi là trả lời không loạn. Nếu cho là hữu tình

tu tập nhiễm tịnh, đây là biên thứ nhất, gọi là biên tăng ích. Nếu cho là tất cả đều không tu tập, đây là biên thứ hai, tức là biên tổn giảm. Nếu đáp: “Vì chán lìa các hành, diệt dục mà tu tập”, đây gọi là trung đạo xa lìa hai biên. Cho nên trả lời đây gọi là trả lời không loạn, gọi là khéo trả lời, là chỗ chư Phật khen ngợi.

Lại nữa, pháp có 2 chủng: hữu vi và vô vi. Trong đây, hữu vi là tánh vô thường. Ba tánh hữu vi thì thiết khá được: 1. Tánh sanh; 2. Tánh diệt; 3. Tánh trụ dị. Ba tướng như vậy nương hai hành lưu chuyển an lập: 1. Nương thân sanh triển chuyển lưu chuyển; 2. Nương sát-na triển chuyển lưu chuyển.

Nương lưu chuyển ban đầu: Ở trong chúng hữu tình đồng phận kia, trước sanh ra gọi là sanh, sau chết đi gọi là diệt. Ở trong khoảng giữa từ vị anh nhi, thiếu niên... cho đến thọ mạng còn tồn tại, gọi là trụ. Các vị về sau chuyển biến sai biệt gọi là tánh trụ dị.

Nương lưu chuyển thứ hai: Nương các hành kia sát-na sát-na mới mới sanh khởi gọi là sanh. Sát-na sanh rồi, sau không trụ gọi là diệt, vì chỉ có sát-na đang sanh được trụ mới gọi là trụ.

Tánh dị có hai: 1. Tánh dị của tánh dị là các hành tương tự tương tục mà chuyển; 2. Tánh dị chuyển biến là các hành không tương tự tương tục mà chuyển. Chẳng phải tánh dị đây là tướng trụ ngoài riêng có “thể” khả đắc, cho nên hai chủng nhiếp chung làm một, thi thiết một tướng.

Trái với tướng trên nên biết là 3 tướng vô vi thường trụ.

Lại nữa, nên biết tu tập tư lương Niết-bàn lược có 3 chương ngại: 1. Nương sự nghiệp tài bảo sung túc rộng lớn mà hành nhiều phóng dật; 2. Không được thiện tri thức phương tiện hiểu dụ; 3. Chưa được nghe chánh pháp, chưa đắc chánh pháp, bỗng gặp phải duyên chết nên phi thời mà chết.

Trái với tướng đây nên biết không chương ngại cũng có 3 chủng.

Lại, các bậc thánh lúc sắp lâm chung lược có 2 chủng tướng của thánh, đó là khi lâm chung các căn đứng tịnh, mong Phật sở ký. Do 3 chủng tướng Phật vì tất cả các bậc thánh đã qua đời mà ký biệt. “Chủng tánh thánh tánh đã qua đời”, đây chỉ ký dành cho Vật Loại. Lại “Ta đã rõ biết pháp và tùy pháp”, nói pháp tức chánh kiến làm hành dẫn đầu

thánh đạo; nói tùy pháp, tức đã lắng nghe pháp từ âm của người, nương pháp đây như lý tác ý. Lại “Ta chưa từng nào loạn chánh pháp, lấy đây làm chỗ nương”, đó là nghĩa Như Lai vì muốn thông báo cho biết và vì nghĩa đây mà có đối tượng tuyên thuyết cho đến vì khiến các lậu vĩnh viễn tận. Những vị kia do đây nên đã được tận lậu.

Lại nữa, chư Phật Như Lai có hai chủng pháp rất hy hữu kỳ lạ:

1. Người chưa tín khiến tín, người đã tín khiến tăng trưởng nhanh chóng, khiến được ngộ nhập thánh giáo.

2. Tướng đại sư, hoặc tướng giáo pháp, hoặc đã chứng đắc tướng đắc bậc nhất, khắp ở mười phương tiếng khen thiện lành mỹ diệu, tán thán ca ngợi rộng lớn không đâu không trái khắp.

Tướng đại sư đó là Bạc-Già-Phạm, là chân thật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cho đến Thế Tôn, rộng giải thích như phần *Nhiếp dị môn*.

Tướng giáo pháp là thuyết chánh pháp trước, giữa, sau đều thiện, cho đến nói rộng như phần *Nhiếp dị môn*.

Chứng đắc tướng đắc bậc nhất tức là ở tất cả

đời này đời khác tự nhiên thông đạt hiện Đẳng chánh giác, cho đến rộng thuyết. Trong đây, Dục giới gọi là đời này, Sắc giới và Vô sắc giới gọi là đời khác. Hai thời hiện tại, quá khứ riêng khác, cho nên gọi là sai biệt thứ hai. Vì không thấy nên gọi là tự nhiên. Vì hiện sở đắc sáu chủng thông tuệ nên gọi là tác chứng. Ở trong các hữu tình là tối bậc nhất, nên gọi là viên mãn. Vì tánh bậc nhất đây tự nhiên biết, chỉ dạy cho người gọi là khai tại.

Lại năng trừ khiến luận thuyết không nhân và luận ác nhân, nhiếp thọ tất cả luận thuyết chánh nhân. Vì có sao? Luận thuyết không nhân và luận thuyết ác nhân khiến chẳng đến đường thiện người trời và lạc giải thoát, chẳng phải là chỗ nương thặng giải của các bậc thông tuệ, hà huống thú nhập những điều khác. Luận thuyết chánh nhân nên biết trái với tướng kia.

Lại nữa, do 2 chủng tướng của luận không nhân ở trong các hành kế chấp không nhân chuyển, tức là ở nơi các hành vì không biết rõ nhân duyên sanh khởi, nhân duyên diệt tận. Ở trong 2 sự “do đây sanh nên các hành kia sanh, do đây diệt nên các hành kia diệt” không thể chứng đắc. Lại không

thể chứng đắc tánh tướng các hành, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có quyết chắc là có, không quyết chắc là không. Không chẳng thể sanh, có chẳng thể diệt”. Tức kẻ luận đây ở trong 3 vị như trên hiện khả chứng đắc: các hành sanh diệt, tất cả thế gian cùng biết được và chỗ hiểu biết hiện lượng thô thiển, phát sanh hủy báng trái nghịch. Vì cơ sao? Kẻ kia hiện thấy hoặc nhà Sát-đế-lợi, hoặc nhà Bà-la-môn, hoặc nhà Phệ-xá... chỗ có nhân duyên nam nữ hòa hợp. Trải qua thời gian hoặc quá tám tháng, hoặc chín tháng, sanh ra hoặc nam hoặc nữ. Đã sanh rồi, hoặc có một loại ngay lúc ấy thọ tận chết yểu, hoặc có một loại thọ trụ tồn tại mạng sống, lãnh thọ vị hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không phải khổ vui sai khác. Tâm, tâm pháp đều chuyển biến mới mới, chẳng phải cũ cũ.

Lại nữa, lược có 2 chủng khen mình chê người là: chỉ dùng lời nói và đề cao pháp đang hành. Nếu chỉ dùng lời nói mà xưng khen mình, hủy chê người, kia do ở nơi phi pháp thiện sĩ trối buộc quá nhiều nơi tâm. Đây gọi là tự mình hủy chê, chẳng phải thắng hiển thiện. Nếu do đề cao pháp đang hành, tuy không khen chê, mà thật sự là

khen mình chê người.

Lại chư Như Lai tuyên thuyết chánh pháp nhanh chóng năng hoại diệt 2 chủng vô trí. Đó là vô trí sanh khởi do nghe pháp bất chánh phát khởi tin sâu, tập quen chứa nhóm bền chắc lâu dài, hoặc vô trí do tập quen chứa nhóm chưa lâu. Lại do chẳng thể biết rõ đạo đi đến cõi thiện, cũng chẳng thể biết rõ đạo hiện pháp đi đến Bát-niết-bàn.

Lại nữa, nên biết 11 chủng tướng tổng nhiếp các hành lập là hành tụ. Nên biết nghĩa tụ ở đây là nghĩa uẩn.

Lại do một hướng nhân duyên tạp nhiễm lực tăng thượng, nên kiến lập thủ uẩn. Nên biết thủ uẩn chỉ là hữu lậu.

Lại do hai nhân duyên tạp nhiễm, thanh tịnh lực tăng thượng kiến lập uẩn chung. Nên biết uẩn đây thông cả lậu và vô lậu.

Lại do ba tướng ở trong các hành sanh khởi phiền não, đó là do sở y, do sở duyên và do trợ bạn.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Thiếu dục, tự tánh, thấy, ký ba
Tợ chánh pháp, ở xứ nghi si*

*Chẳng ký, biến hoại, đại sư ký
Ba mãn kiến, ngoại tướng ngu thầy.*

Do 3 chủng tướng tâm Như Lai nhập trong trụ thiếu dục: 1. Do bấy giờ việc giáo hóa đã rốt ráo, vì muốn an trụ hiện pháp lạc trú; 2. Do đệ tử sanh sâu nhàm chán, xem nhẹ đối với môn chánh hạnh; 3. Vì muốn giáo hóa hữu tình thường vui gây tạo nhiều sự nhiều nghiệp. Lại, tất cả nhân duyên Như Lai nhập ở trụ thiên tịch tĩnh như trước đã thuyết, nên biết trong đây cũng lại như vậy.

Lại nữa, các hữu tình được giáo hóa lược có 3 chủng tánh được điều phục: 1. Tánh phóng dật ngu si; 2. Tánh tâm rất hạ liệt; 3. Tánh năng tu chánh hạnh.

Lại nữa, đối với 4 xứ có 4 chủng tướng sanh trụ cung kính, sẽ nhanh chóng chứng Vô thượng: 1. Đối với pháp nên đắc, sanh vui muốn mãnh lợi; 2. Đối với phương tiện đắc là tùy pháp hành pháp, sanh vui thích mãnh lợi; 3. Đối với Đại sư sanh quý kính mãnh lợi; 4. Đối với pháp sở thuyết, sanh tịnh tín mãnh lợi.

Lại nữa, có 3 chủng Vô thượng: 1. Diệu trí vô

thượng: là tận trí, vô sanh trí và vô học chánh kiến trí; 2. Chánh hạnh vô thượng: là vui nhanh chóng thông hạnh; 3. Giải thoát vô thượng: bất động tâm giải thoát.

Trong đây nói chung đoạn trí, hiện pháp lạc trú, diệu trí, chánh hạnh, giải thoát của bậc hữu học không được gọi là vô thượng, vì vẫn còn có điều vượt hơn. Nên biết tất cả hạnh A-la-hán đều được gọi là vui nhanh chóng thông hạnh, vì tất cả thô trọng vĩnh viễn diệt, tất cả việc làm đã xong.

Lại nữa, nay nương Bồ-đề phần để tư trạch các hành. Ở trong 2 thời, do 4 chủng tướng như thật biết khắp hữu thân kiến, tức ở 2 thời đây không gián đoạn sẽ chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận.

Sao gọi là 2 thời? 1. Ở dị sanh địa; 2. Ở kiến địa.

Sao gọi là do 4 chủng tướng? 1. Do tự tánh; 2. Do nơi chốn; 3. Do đẳng khởi; 4. Do quả.

Do tự tánh: là tự tánh các hành hữu thân kiến và năm chủng hành. Kể kia kể chấp cho là ngã và ngã sở.

Do nơi chốn: là cảnh sở duyên.

Do đẳng khởi: kiến thủ nhiếp lấy vô minh xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái. Đây lại có 5 thứ lớp duyên khởi, tức là: chủng chủng tánh giới làm duyên sanh chủng chủng tánh xúc, chủng chủng tánh xúc làm duyên sanh chủng chủng tánh thọ, chủng chủng tánh thọ làm duyên sanh chủng chủng tánh ái, chủng chủng tánh ái làm duyên sanh chủng chủng tánh thủ. Phạm là duyên sanh, thể tất vô thường.

Do quả: tức là ở ba thời hữu thân kiến năng làm chướng ngại. 1. Thời nương vô ngã Đế sát pháp nhẫn; 2. Thời hiện quán; 3. Thời đắc A-la-hán.

Trong đây, thời thứ nhất do lực của tùy miên hữu thân kiến tăng thượng, nên có nghi có hoặc. Do nhiều tu tập quán Đế sát pháp nhẫn làm nhân duyên, tuy ở nơi nghi hoặc ít dụng công năng trừ khiển, nhưng trong việc tu tập hiện quán đế, do ý lạc nên hãi sợ đối với Niết-bàn, vì cho là “ngã sẽ không có”. Cũng tức do lực tùy miên hữu thân kiến đây tăng thượng, ở trong các hành khởi tà phân biệt cho là “ngã sẽ đoạn, sẽ hoại, sẽ không”, bèn đối với Niết-bàn phát sanh đoạn kiến và vô hữu

kiến. Do nhân duyên đây, đối với Bát-niết-bàn tâm trở lại thối thất, không thể vui thú nhập. Vào lúc khác, tuy người kia từ lỗi lầm đây tịnh tu nơi tâm, lại ở nơi thánh đế đã đắc hiện quán, nhưng cho là “ta năng chứng đế hiện quán đế”. Có việc đây cũng do tùy miên nên ở nơi mạn mà chưa thể xa lìa. Lại ở thời gian khác, do lạc niệm nên quán ngã khởi mạn, nhân đây bị chuyển theo mạn triền sai biệt, cho ta là hơn, hoặc bằng, hoặc kém. Ở trong hai vị trước do lực tùy miên năng làm chướng ngại, ở vị thứ ba do lực tập khí năng làm chướng ngại.

Lại do 3 duyên các hành sanh trưởng: 1. Do lực của nghiệp phiền não sẵn có đời trước; 2. Do lực nguyện; 3. Do lực của các nhân duyên hiện tại. Ở dị sanh địa năng biết khắp, nên ở trong kiến địa không gián đoạn năng đắc vĩnh viễn tận các lậu kiến đạo sở đoạn. Vì ở trong kiến địa năng biết khắp, nên kể đến đoạn kiết sót thừa đắc A-la-hán, không gián đoạn chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận.

Lại nữa, do 5 chủng tướng ở trong các hành như lý hỏi đáp. Những gì là năm?

1. Tự tánh: tức là tự tánh năm chủng sắc...

2. Căn bản lưu chuyển, hoàn diệt: tức là dục. Do dục thiện pháp cho đến năng đắc các lậu vĩnh viễn tận, cho nên dục đây gọi là căn bản hoàn diệt. Hoặc cũng do dục: “Nguyện ta sẽ được sanh trong loài người, cho đến sẽ sanh trong chúng đồng phạm với Phạm thiên...”. Do tâm dục đây nên thân cận tu tập, nhiều tu tập cho đến được sanh nơi kia, cho nên dục đây gọi là căn bản lưu chuyển.

3. Hoàn diệt: Vì trong các hành chỉ có tham “thủ” được đoạn diệt. Nếu các hành chính là tánh thủ, thì lẽ chẳng thể diệt, vì A-la-hán vẫn còn có các hành hiện khả đắc. Nếu có các hành khác với tánh thủ, tức là vô vi, vì vô vi nên thường, cũng không thể diệt. Cho nên tánh thủ chỉ là một phần nhiếp thuộc các hành. Tức một phần đây đã được đoạn diệt, sẽ rốt ráo không hành, nên có thể hoàn diệt.

4. Lưu chuyển có 3 chủng: 1. Vì nhân hậu hữu: như có người nguyện lạc ở đời đương lai nên tạo tác các nghiệp. Người kia khởi nghĩ này: “Tôi nguyện đời sau sẽ thành tựu hành đây”. Do nhân duyên này năng dẫn nhân sanh khởi các hành hậu hữu, không dẫn hiện tại. Vì ở hiện tại không năng dẫn,

nên thi thiết các hành chỉ có hai chủng; 2. Vì phẩm loại riêng: tức là 11 chủng phẩm loại các hành nên biết như trước; 3. Vì nhân hiện tại: tức là nhân bốn đại chủng sở tạo sắc, pháp sở hữu của tâm như thọ... lấy xúc làm duyên, như các thức lấy danh sắc làm duyên.

5. Phương tiện lưu chuyển, hoàn diệt: Phương tiện lưu chuyển, tức vì hữu thân kiến làm chỗ nương, ở trong các hành phát sanh ngã mạn cùng các vị ái, ngã ngã sở kiến. Phương tiện hoàn diệt: ở nơi các hành xa lìa lỗi lầm ngã mạn và kiến, kể cả xa lìa kia, không ngã ngã sở. Lại, phương tiện lưu chuyển là phẩm vô minh ái, tùy chỗ thích hợp nên biết tướng kia. Phương tiện hoàn diệt tức là đối trị kia.

Lại do hai duyên mà các đệ tử Thanh văn không thông tuệ, trái vượt lời dạy của Đại sư, đọa trong ác kiến, hoặc khởi nói bàn. Những gì là 2 duyên? 1. Ngu thế tục đế; 2. Ngu thắng nghĩa đế. Do ngu đây nên một hướng trái vượt lý thế tục đế, một hướng trái vượt lý thắng nghĩa đế, và ở nơi các hành lưu chuyển không chân chánh tư duy.

Lại nữa, ở 3 chủng xứ chỉ các thánh giả tùy

theo sở lạc mà năng như thật ký, chẳng phải các dị sanh; trừ khi từ người mà được nghe: “Ở trong các hành, ngã kiến, ngã sở kiến, ngã chẳng phải như thật”. Nếu lấy như vậy làm chỗ nương mà có ngã mạn chuyển, thì tuy đã đoạn kia mà ngã mạn đây tất cả chưa đoạn. Nếu không khởi kia làm chỗ nương, ngã mạn không được đoạn trừ, hiện hành như cũ.

Nên biết hai chủng ngã mạn: 1. Ở trong các hành chấp trước hiện hành; 2. Do lạc niệm, bất chợt hiện hành.

Trong chấp trước hiện hành ngã mạn đây, bậc thánh đã đoạn nên không hiện hành trở lại. Ngã mạn thứ hai là do tùy miên hữu thân kiến tuy đã điều phục vĩnh viễn đoạn trừ, mà ở nơi thánh đạo chưa khéo tu, nên vẫn còn khởi hiện hành hữu thân kiến. Nhưng chỉ có tập khí thường triển chuyển đuổi theo vào lúc lạc niệm, năng cùng ngã mạn làm chỗ nương khiến tạm hiện hành, cho nên mạn đây cũng gọi là chưa đoạn, cũng được hiện hành.

Lại, các bậc thánh nếu ở nơi các hành tư duy tự tướng, còn khiến ngã mạn không hiện hành trở lại, hà huống quán cộng tướng. Nếu người ở nơi giả

pháp tác ý tư duy trụ chánh niệm, cũng khiến ngã mạn không được hiện hành. Nếu người ở nơi giả pháp tác ý tư duy mà không trụ chánh niệm, bấy giờ ngã mạn chỉ tạm hiện hành. Nếu các đệ sanh tuy ở nơi các hành tư duy cộng tướng, hãy còn ngã mạn loạn tâm tương tục, hướng trụ ở vị khác.

Lại tương tục trong vị thánh, tùy miên và triền của hữu thân kiến đều đã đoạn tận. Ở trong vị học, tập khí của thân kiến đuổi theo chưa thể đoạn hẳn, hoặc các tùy miên và triền của ngã mạn đều chưa năng đoạn.

Nếu kế chấp “ngã dục”, nên biết tức là nhiếp thuộc triền ngã mạn. Vì có sao? Do lạc chánh niệm, nên ở nơi dục, ở nơi định có các ái vị nổi trôi xoay vần. Nương môn dục đây các triền ngã mạn lớp lớp hiện khởi. Nói chưa đoạn: do tùy miên. Nói chưa biết khắp: do triền kia, bởi lúc bấy giờ bị lạc mất niệm. Nói chưa diệt: tuy ở triền đây tạm được xa lìa mà thoát hiện hành trở lại. Nói chưa nhổ bỏ: do tùy miên kia chưa vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại nữa, đồng phạm hạnh đối với đồng phạm hạnh khác có 2 chủng vấn an thăm hỏi: 1. Hỏi bệnh khổ; 2. Hỏi an vui.

Hỏi về bệnh khổ: “Bệnh tật nhẫn chịu được chăng?”, tức là hỏi: “Hơi thở không trệ ư?”. Hoặc hỏi rằng: “Có nhẫn chịu được chăng?”, tức là hỏi: “Thọ khổ không tăng chứ? Có gián đoạn chứ? Không bị bức bách khó chịu chứ? Không vượt quá sự chịu đựng chứ? Thân không bị bức bách chứ? Nếu bị bức bách thì đã tiêu trừ chưa?”.

Hỏi về an vui: “Ít bệnh chăng?”, tức ở đây hỏi: “Chẳng bị bệnh quấy nhiễu chứ?”. Hoặc hỏi: “Ít quấy nhiễu chăng?”, tức ở đây hỏi: “Không bị các tai họa bên ngoài xâm bức chứ?”. Hoặc hỏi: “Thức dậy, nghỉ ngơi, đại tiểu tiện thuận lợi chăng?”, tức ở đây hỏi: “Đêm ngủ được tốt lành chứ? Ăn uống dễ tiêu hóa chứ?”. Hoặc hỏi: “Có được hoan hỷ an vui chăng?”, tức ở đây hỏi: “Đi đứng không gặp khó khăn chứ?”. Hết thấy loại ngôn từ sai biệt như vậy, như ở *Thanh văn địa* trong phần “ăn uống biết lượng” đã giải thích. Nên biết hỏi đây ở trong bốn vị: 1. Phần bức não bên trong; 2. Phần bức não bên ngoài; 3. Phần trụ ở ban đêm; 4. Phần trụ ở ban ngày.

Lại nữa, nếu có người nói: “Bậc A-la-hán ở hiện pháp đối với thức ăn, của cải, việc làm, uẩn,

giới, xứ... hoặc thuận, hoặc không thuận, chẳng như thật biết. Nói A-la-hán không thuận là không như lý, hư vọng phân biệt, chẳng phải A-la-hán, không thuận hiện pháp. Vì có sao? Vị kia đối với thức ăn, của cải, công việc, uẩn, giới, xứ... hiện có thể thấy được. Do nhân duyên đây các A-la-hán ở đây diệt rồi về sau không thuận các hành, không rõ biết chấp trước. Cho nên khi Thế Tôn nói bậc A-la-hán là không thuận, quyết định là mật ngữ”. Nên biết người nói đây là kiến tương tợ chánh pháp, do thế lực của hai chủng nghĩa làm duyên. Các đồng phạm hạnh, hoặc đại Thanh văn vì muốn đoạn diệt chỗ phát sanh kiến tương tợ chánh pháp như vậy, phải thật khéo léo không để người kia hoặc tự thuyết, hoặc chỉ dạy cho người, do nhân duyên đây đọa ở cõi cực thấp. Hoặc do lòng cung kính thánh giáo Như Lai, chớ để nguyên nhân kiến tợ chánh pháp như vậy khiến thánh giáo Phật nhanh chóng ẩn diệt.

Lại có hai nhân năng sanh kiến tương tợ chánh pháp như vậy: 1. Bên trong chưa thể vĩnh viễn đoạn hữu thân kiến; 2. Nương đây hư vọng kế chấp sĩ phu lưu chuyển, hoàn diệt.

Vì đoạn 2 chủng nhân như vậy, nên thuyết 2 chánh pháp lấy làm đối trị. Đó là ở trong các hành thứ lớp tuyên thuyết vô thường, vô ngã và ở trong bốn chuyển thúc đẩy mong cầu lưu chuyển, hoàn diệt sĩ phu đều bất khả đắc. Đó là nương hữu vi, hoặc nương vô vi, thì “ngã” Thanh văn, Độc giác, Phật Thế Tôn thuyết gọi là Như Lai. Nên biết “ngã” đây bởi hai chủng giả lập, trong Hữu dư y giả lập hữu vi, trong Vô dư y giả lập vô vi. Nếu nương thặng nghĩa thì chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, cũng chẳng phải vô vi chẳng phải hữu vi.

Do thuyết giáo pháp chân chánh như vậy, lúc phát sanh giác ngộ nơi 6 chủng tướng, nên biết như vậy vĩnh viễn đoạn kiến tương tự chánh pháp. Đó là A-la-hán ở nơi “y” nhiếp lấy pháp hoại diệt, giác ngộ vô thường; trong hiện pháp ở nơi các khổ khí như lão bệnh... giác ngộ là khổ; ở nơi nhậm vận diệt, đoạn giới, ly giới cùng với diệt giới, giác ngộ là diệt, tịch tĩnh, thanh lương cùng với vĩnh viễn chết. Nếu người đầy đủ chánh giác ngộ như A-la-hán mà tà tăng thượng mạn đồng hành với vọng tưởng còn chẳng thể có, hà huống ở đây hý luận chấp trước diệt rồi về sau hoặc thuận, hoặc không thuận!

Nên biết chưa đoạn hữu thân kiến có 2 quá hoạn: 1. Ở nơi năng hại các hành có khổ, chấp ngã ngã sở, do nhân duyên đây năng chiêu cảm khổ lớn lưu chuyển trong sanh tử; 2. Ở trong hiện pháp năng chướng ngại mạng căn Thánh tuệ vô thượng. Thí như có người tự biết không đủ sức năng hại kẻ oán mình, vì sợ kia làm hại nên trước đem thân gần gũi nương tựa, dùng các việc hiện có như ý mà phụng sự kẻ kia. Khi kẻ oán gia kia đã xem như thân thuộc rồi, mới liền hại mạng. Ngu phu dị sanh cũng lại như vậy, sợ hữu thân kiến giống như oan gia sẽ làm khổ hại nên liền khởi ái phược, dùng sự việc khả ý mà phụng sự. Hết thấy loại ngu phu dị sanh như vậy, đối với hữu thân kiến năng làm hại chỉ thấy là công đức mà không thấy lỗi lầm, lại ân cần thân cận nương tựa. Đã gần gũi rồi, vì không thể quay trở lại, cho nên gọi là tổn hại mạng căn thánh tuệ.

Lại nữa, các ngoại đạo đối với nội pháp luật sanh 2 điều nghi hoặc ngu si. Những gì là hai? Phật Thế Tôn chê bai hữu kiến và vô hữu kiến, mà đệ tử chết rồi sau lại ký một có sanh, ký một không sanh. Lại thuyết thặng nghĩa Ngã thường

trụ, hiện pháp đương lai đều bất khả đắc.

Thế gian có ba loại thầy hiện có được: 1. Thầy luận thường; 2. Thầy luận đoạn; 3. Như Lai.

Kẻ có nghi, si có 2 chủng nhân nên biết như kiến tương tợ chánh pháp. Hai chủng giáo pháp năng đoạn nhân đây như trước đã thuyết.

Do 2 nhân duyên đối với sở thuyết pháp tánh vô ngã, các ngoại đạo kia khó ngộ nhập khó rõ biết, tức là khó rõ biết tự tánh đây. Tuy tướng mạo đây dễ có thể rõ biết, nhưng vì không đúng như tướng mạo ấy. Nên biết trong đây nghĩa không hư dối, nghĩa tự mình chứng đắc là nghĩa bất cộng, nên tự tánh kia khó thể ngộ nhập. Tức tự tánh đây thể là thâm sâu, giống như hiện thâm sâu, cho nên gọi là nghĩa không hư dối. Lại tự tánh đây bên trong khó thấy, từ ngôn âm người cũng khó hiểu rõ, cho nên gọi là nghĩa tự mình chứng đắc. Lại tự tánh đây chẳng phải chỗ tâm tư của những kẻ tâm tư, chẳng phải cảnh giới sở hành của kẻ so sánh suy lường, cho nên gọi là nghĩa bất cộng. Lại pháp đây vi diệu sâu xa, bậc trí thông minh tự bên trong chứng đắc, nên gọi là khó rõ biết. Những điều khác đây nên biết đã thuyết như trước trong phần

Nhiếp dị môn.

Do 2 chủng tướng tất cả Như Lai sở thuyết nghĩa trí đều nên rõ biết. Những gì là hai? 1. Giáo trí; 2. Chứng trí.

Giáo trí là tuệ của các dị sanh do văn, tư, tu mà thành tựu.

Chứng trí là tuệ của bậc học, vô học và sau sở đắc các tuệ thế gian. Trong đây, những kẻ dị sanh chẳng phải ở nơi tất cả nghĩa Phật sở thuyết đều có thể rõ biết; cũng chẳng phải ở nơi mạn mà nhận biết là mạn, cũng chưa thể đoạn trừ. Nếu bậc hữu học, ở trong tất cả nghĩa ngã kiến đều không rõ biết, dù năng ở nơi mạn nhận rõ là mạn, mà chưa năng đoạn. Nếu bậc vô học năng làm được tất cả.

Lại nữa, chư Phật Như Lai ở nơi thế tục đế và thắng nghĩa đế đều như thật biết, đối với hai đạo lý kia chánh quán là “không ký biệt”. Nếu có người ký biệt tức năng dẫn vô nghĩa, cho nên không ký biệt cũng không chấp trước, đó là ở nơi diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Nếu Như Lai với trí kiến dẫn đầu như vậy mà không ký, thì nếu có kẻ ký, nên biết kẻ đây vô trí tự hiển kiến hư vọng

đồng hành với tánh vô trí.

Lại nữa, nên biết lược có 2 chủng biến hoại: 1. Các hành già suy biến hoại, như có người 120 tuổi hình hài suy yếu, do nhân duyên đây gọi là thân già bệnh; 2. Tâm ưu biến hoại, do nhân duyên đây gọi là tâm già bệnh. Biến hoại thứ nhất, hoặc ngu hoặc trí đều đọa trong ấy, không được tùy theo ý muốn. Biến hoại thứ hai thì các bậc trí ở trong ấy năng tùy chỗ muốn mà được tự tại, các kẻ ngu thì chẳng vậy. Lại các ngu phu nếu thân già bệnh, tất nơi tâm cũng chuyển theo già bệnh. Bậc có trí tuy thân già bệnh mà tâm tự tại chẳng chuyển theo già bệnh. Đây gọi là sự sai biệt giữa ngu và trí.

Lại nữa, khéo nắm giữ pháp là do văn và tư. Khéo tư duy là do tuệ tu. Khéo hiển rõ là tánh như sở hữu. Khéo thông đạt là tánh tận sở hữu. Do hai chủng tướng các Thánh đệ tử năng chân chánh thỉnh hỏi, Đại sư khéo đáp, tức là luận *biết khắp đoạn* đối với các thủ. Những gì là hai? 1. Luận biết khắp đoạn đối với các thủ như vậy; 2. Luận biết khắp đoạn vì các thủ như vậy. Nên biết trong đây chỉ có chư Như Lai thi thiết luận biết khắp đoạn ở tất cả hành.

Lại các thủ đây nếu chưa đoạn diệt, theo đó quán kia có 3 chủng quá hoạn; nếu đã đoạn diệt, theo đó quán kia có 3 chủng công đức.

1. Ở trong các hành mà phát sanh các thủ, nếu hành biến hoại liền sanh sầu.. Đây gọi là quá hoạn thứ nhất. Như vậy biết được họa hoạn của các hành biến hoại gây ra.

2. Ở trong các hành phát sanh các thủ vì được, chưa được các hành khả ý, vào lúc truy cầu rộng hành không phải một mà nhiều vô số chủng chủng bất thiện sai biệt. Do hành bất thiện để truy cầu, nên phát khởi bốn chủng khổ: 1. Phát khởi do sắp hiện tiền, gần đạt được; 2. Phát khởi do đang hiện tiền, hiện tại đạt được; 3. Phát khởi do người bức bách tăng thượng; 4. Phát khởi do tự bị tạp nhiễm tăng thượng. Nên biết đây gọi là quá hoạn thứ hai.

3. Do pháp ác bất thiện như vậy tập ái làm nhân, sau khi thân hoại đi vào các đường ác. Nên biết đây gọi là quá hoạn thứ ba.

Trái với tướng đây, ở nơi các thủ đoạn trừ, theo đó quán 3 chủng công đức thắng lợi nên biết như trước.

Lại nữa, nên biết lược có 3 bậc thánh viên

mãn 3 kiến, năng vượt 3 khổ.

Sao gọi là 3 bậc thánh? 1. Bậc đầy đủ chánh kiến, tức là ở nơi pháp nhãn vô ngã không điên đảo, trụ vị dị sanh; 2. Bậc đã kiến thánh đế, đã năng thú nhập Chánh tánh ly sanh, đã nhập hiện quán, đã đắc đến quả, trụ vị hữu học; 3. Bậc đã đắc tối hậu cứu cánh bậc nhất quả A-la-hán, trụ vị vô học.

Sao gọi là viên mãn 3 kiến? Thánh giả thứ nhất viên mãn kiến thuận theo hữu lậu, vô lậu. Thánh giả thứ hai viên mãn kiến chưa thiện tịnh vô lậu. Thánh giả thứ ba viên mãn kiến thiện thanh tịnh vô lậu. Ba viên mãn đây nương ba bậc thánh tùy theo thứ lớp như trước mà thuyết.

Sao gọi là vượt khỏi 3 chủng khổ? Viên mãn kiến ban đầu năng vượt ngã kiến trái tranh của ngoại đạo phát sanh các khổ. Viên mãn kiến thứ hai năng vượt tất cả các khổ đường ác. Viên mãn kiến thứ ba năng vượt tất cả các khổ hậu hữu.

Trong đây sao gọi là ngã kiến trái tranh của các ngoại đạo phát sanh các khổ? Ngoại trừ chánh pháp Tỳ-nại-da đây, sở hữu chủng chủng dị đạo của thế gian khác đều lấy hữu thân kiến làm căn

bản, phát sanh tất cả các kiến thú điên đảo. Như vậy tất cả chung quy đều tán thán ngã kiến. Đó là kẻ luận ngã, thì tất cả kiến thú tương ưng luận ngã. Hoặc kẻ luận tất cả thường, hoặc kẻ luận một phần thường, hoặc kẻ luận không nhân, hoặc kẻ luận có biên không biên, hoặc kẻ luận đoạn diệt, hoặc kẻ luận hiện pháp Niết-bàn, thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia. Hoặc kẻ luận hữu tình, thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia như các tà kiến bác bỏ cho là không tất cả hữu tình hóa sanh, phỉ báng đời khác. Hoặc kẻ luận mạng thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia như kế chấp mạng tức thân, hoặc khác thân... Hoặc kẻ luận kiết tường, thì tất cả kiến thú tương ưng luận kia như xem ngày tháng, toán số, bói quẻ... chủng chủng tà luận, kế chấp hư vọng thông chú thuật, cúng tế, thờ lửa... được cảnh tốt đẹp năng sanh kiết tường, năng diệt trừ vô nghĩa, lại xem tướng là kiết là hung. Việc ấy lại thế nào? Đó là 20 cú hữu thân kiến làm chỗ nương, phát khởi 62 chủng các kiến thú ác, kế chấp hư vọng tiền tế, hậu tế và phát khởi phỉ báng chung tất cả tà kiến.

Trái tranh phát sanh các khổ thế nào? Đó là

các kiến kia triển chuyển muốn chống đối lẫn nhau dẫn đến tranh cãi luận bàn, phát khởi chủng chủng tâm ưu não khổ, ái thâm sâu ẩn kín khổ, hơn thua xoay vần khổ, chấp trước kiên cố khổ.

Trong đây, nếu bị người thắng liền sanh sầu não, đây gọi là khổ ban đầu.

Nếu phương tiện lập luận hơn người, được toại ý liền khiến phẩm kiến của mình chuyển thêm tăng thịnh, khiến phẩm kiến của người ẩn mất, tự cho là “chỉ kiến của ta là tịnh, kiến của người khác thì chẳng phải”, chấp trước tà kiến khởi ái thêm thâm sâu ẩn kín. Do nhân duyên đây phát sanh chủng chủng tâm tư bất chánh, cùng khởi chủng chủng ý không tịch tĩnh tổn hại nơi tâm. Đây gọi là khổ thứ hai.

Do lực ái thâm sâu ẩn kín tà kiến tăng thượng, sau khi so lường với người, tự cho là thắng cuộc, hoặc bằng, hoặc thua, nhân đây tự đề cao, lăng miệt đối với người. Đây gọi là hơn thua xoay vần khổ thứ ba.

Kia nương đây nên truy cầu lợi dưỡng, tức bị sự xúc chạm của các khổ do việc truy cầu, phạm có lập luận đều là não loạn, hỏi vặn luận người, đề cao

luận mình, cũng vì tránh khỏi nạn vắn của người khác. Đây gọi là chấp trước kiên cố khổ thứ tư.

Bốn chủng như vậy gọi là kiến trái tranh phát sanh các khổ. Dị sanh của nội pháp an trụ thắng giải vô ngã phẩm thượng, nên biết đã đoạn các khổ như vậy. Vì cơ sao? Ở đương lai, người kia do ý lạc nên ở nơi các kiến thứ ác như vậy kham năng trừ bỏ, cho nên an trụ viên mãn kiến thứ nhất năng vượt khổ thứ nhất.

Lại tức nương viên mãn kiến thứ nhất đây, gần gũi tu tập, rất nhiều tu tập, nơi nội các hành phát sanh pháp trí, nơi không hiện kiến phát sanh loại trí, nhiếp chung làm một tụ; dùng “không duyên tha trí” mà nhập hiện quán, tức là dụng hành vô thường, hoặc tùy theo một hành khác... Bấy giờ vị kia năng chứng đắc viên mãn kiến thứ hai, cũng năng vượt khổ thứ hai.

Người kia trụ đây, dụng pháp bảy giác phần như trước đã đắc mà gần gũi tu tập, rất nhiều tu tập, năng đoạn trừ bốn chủng nghiệp tạp nhiễm như trước đã thuyết, năng chứng đắc viên mãn kiến thứ ba, vượt khổ hậu hữu.

Trong đây, bậc thứ nhất vẫn còn hai khổ sót

thừa và thân sở y khổ dư tàn hiện tại. Bạc thứ hai chỉ còn một khổ sót lại và thân sở y khổ. Bạc thứ ba đoạn tất cả khổ, chỉ tạm nương thân sở y khổ sót lại hiện tại, thí như huyễn hóa.

Lại nương phân biệt hữu thân kiến lập 20 cú, chẳng nương câu sanh. Bạc nội pháp thì không hành như vậy, nương Biến xứ định, tức là “địa là ngã, ngã tức là địa”... cho đến nói rộng, tất cả đều nên biết.

Lại nữa, các ngoại đạo lược có 5 chủng tướng của ngu phu, do tướng kia nên đọa trong số ngu phu. Đó là các ngoại đạo tánh thông huệ hầy còn không thoát khỏi việc ôm lòng mạn thông huệ, hướng chẳng phải thông huệ. Đây gọi là tướng ngu phu thứ nhất.

Lại các ngoại đạo nhiều tham cầu lợi dưỡng cung kính, nên khen mình chê người. Đây gọi là tướng ngu phu thứ hai.

Lại, các thánh giả vì ngoại đạo thuyết chánh pháp, chánh giáo, chánh giới, kẻ kia liền chống đối, mắng chửi, hủy chê. Đây gọi là tướng ngu phu thứ ba.

Lại các ngoại đạo tự vui thích thuyết trình

luận tương tợ chánh pháp, lấy đây mà khai thị cho người. Đây gọi là tướng ngu phu thứ tư.

Lại các ngoại đạo tuy bị Như Lai, đệ tử Như Lai hàng phục, cũng tự biết pháp luật mà Như Lai sở thuyết là chân thiện thuyết, biết pháp luật của mình là ác thuyết hư vọng, nhưng do lực ngã mạn tăng thượng nên đều không tín thọ, cho đến không tu tập quán sát nhân duyên. Đây gọi là tướng ngu phu thứ năm.

Lại nữa, Như Lai thành tựu 6 phần được gọi là bậc Luận Sư Tử Vương không gián đoạn. Những gì là sáu? Thứ nhất, Như Lai đến chỗ ngoại đạo địch luận cho đến hỏi tất cả nghĩa. Phàm Như Lai có hưng khởi luận chẳng phải vì tranh luận, chỉ vì ai mẫn các hữu tình, khiến người chưa tín khiến sanh tín, khiến người đã tín càng thêm tăng trưởng.

Lại khi Như Lai khởi luận, các căn tịch tĩnh, dung sắc không thay đổi, cũng không hãi sợ tập khí đuổi theo.

Lại trọn không bị chư thiên, thế gian thắng phục. Tất cả thế gian không người luận lại năng qua một phiên, tức chỉ cần luận một phiên đều năng bẻ gãy hàng phục.

Lại, các người thế gian thông tuệ nhất, bình tĩnh nhất, nếu lúc cùng Như Lai hưng khởi tranh luận, chỗ có biện tài thấy đều áp ứng, hãi sợ tăng mạnh bức bách thân tâm, tất cả ngôn luận kiểu thuật hư trá, thấy đều chẳng thể kiến lập trình bày.

Lại, tất cả đại chúng ngồi chung trong hội đều đối với Phật khởi tâm “thù thắng hơn người”, đối với ngoại đạo địch luận đều khởi tâm “bị người thắng”.

Lại, Phật Thế Tôn phát ngôn từ uy nghiêm đầy đủ. Các kẻ luận giả ngoại đạo phát ngôn từ không uy nghiêm đầy đủ.

Lại nữa, có 2 chủng luận. Những gì là hai? 1. Luận có ngã; 2. Luận vô ngã. Luận vô ngã có lực, luận có ngã không lực. Người luận có ngã thường bị người luận vô ngã điều phục, chỉ trừ người luận vô ngã lực suy yếu hạ liệt.

1. Luận có ngã thế nào? Như có người khởi nghĩ như vậy, lập luận như vậy: “Ở nơi các hành sắc... kiến lập là ngã”, cho là ngã có hành, hành là ngã sở. Ngã ở trong hành không trôi nổi không tán loạn, trải khắp các chi phần, không chỗ nào

chẳng đến. Cho nên tánh ngã của các hành sắc... nương các hành ruộng sanh phước, phi phước, nhân đó mà lãnh thọ quả ái, phi ái. Thí như nông phu nương ruộng tốt để gieo trồng cây cấy cùng với chủng chủng loại giống tốt. Đây gọi là luận ngã.

2. Luận vô ngã thế nào? Có 2 chủng: *a.* Phá luận ngã; *b.* Lập vô ngã.

a. Phá luận ngã: Nếu kế chấp thật ngã năng có tác dụng, thời phải được tự tại ở trong các nghiệp quả ái, phi ái. Như vậy ngã đây hằng thời hàn lạc, nhàm chán khổ. Cho nên ngã đây chỉ nên sanh phước, không sanh phi phước.

Lại tác dụng của ngã thường hiện tại tiền, nội ngoại các hành nếu khi đổi khác, lẽ chẳng phát sanh sâu ưu bi thán.

Lại cho ngã là thường, dùng nhận biết làm tiền dẫn, phạm chỗ sanh khởi thường nên tùy chuyển, không có biến đổi; nhưng điều này không thể có được. Tất cả như vậy gọi là phá luận có ngã.

b. Lập luận vô ngã: Lấy tất cả hành từ các duyên sanh, nếu gặp phước duyên, phước liền sanh khởi; trái với tướng đây năng sanh khởi phi phước. Do đây làm duyên năng chiêu cảm tất cả quả ái,

phi ái. Do nương các duyên nên đều là vô thường, duy ở nơi nhân quả nhiếp lấy các hành lưu chuyển như vậy mà giả lập ngã thấy. Nếu nương thắng nghĩa, tất cả các pháp đều vô ngã... Như vậy gọi là lập luận vô ngã.

Lại nữa, do 5 chủng tướng mà hai bậc hữu học và vô học có sự sai khác. Đó là chỗ thành tựu trí của bậc vô học gọi là vô thượng, chỗ thành tựu tất cả trí của bậc hữu học gọi là hữu thượng. Như trí vô thượng, nên biết chánh hạnh và giải thoát vô thượng cũng vậy.

Lại bậc vô học dùng các tuệ nhãn thiện thanh tịnh của bậc thánh mà quán Pháp thân Phật. Hữu học chẳng vậy.

Lại bậc vô học lấy hạnh thiện viên mãn không điên đảo mà phụng sự Như Lai. Hữu học chẳng vậy. Đây gọi là năm tướng.



Quyển 89

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH

Phần 1

Như vậy đã thuyết nhiếp trạch về Hành. Nay Ta sẽ thuyết nhiếp trạch về Xứ.

Ốt-Đà-Nam nói chung:

Đâu an lập thủy, trí, đồng thủy

Rốt sau nên biết ly dục thủy.

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

An lập cùng sai biệt

Ngu, không ngu, dạy trao

Giải thoát, phiền não, nghiệp

Nên biết đều rộng thuyết.

Do 5 chủng tướng nên biết an lập các thọ sai khác: 1. Do tự tánh có ba thọ: khổ, lạc, không khổ không lạc; 2. Do sở y có sáu chủng: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý; 3. Do sở duyên: sáu cảnh giới sở duyên như sắc...; 4. Do trợ bạn: tâm pháp tướng, tư... hoặc thiện, bất thiện, vô ký khác cùng tương ưng

đây; 5. Do tùy chuyển: tâm tương ưng đây, do nương kia nên ba thọ tùy chuyển. Kia là chỗ nương tựa của các thọ đồng sanh đồng diệt.

Lại nữa, năm tướng an lập các thọ như vậy lại có 8 chủng sai biệt: 1. Nội xứ sai biệt; 2. Ngoại xứ sai biệt; 3. Sáu thức thân sai biệt; 4. Sáu xúc thân sai biệt; 5. Sáu thọ thân sai biệt; 6. Sáu tướng thân sai biệt; 7. Sáu tư thân sai biệt; 8. Sáu ái thân sai biệt.

Nên biết trong đây do nghĩa ba hòa hợp mà lập ba chủng sai biệt đầu. Do nghĩa nhân duyên thọ mà lập chủng sai biệt thứ tư. Do nghĩa quả xúc ba hòa hợp, lập chủng sai biệt thứ năm. Do nghĩa phân biệt thọ, theo đó khởi ngôn thuyết lập chủng sai biệt thứ sáu. Vì cố sao? Lúc lãnh thọ các thọ, khởi tướng như vậy: “Nay ta lãnh thọ khổ đây, lạc đây, chẳng phải khổ lạc đây”, rồi lại vì người tùy khởi lời nói. Do nghĩa hai chủng nghiệp tạp nhiễm và phiền não tạp nhiễm, nên biết kiến lập hai chủng thứ bảy và thứ tám sai biệt. Vì cố sao? Do ở nơi thọ kia hoặc hòa hợp, hoặc chia lìa mà phát khởi suy nghĩ tạo tác. Như như phát khởi suy nghĩ tạo tác, như vậy như vậy

phát sanh mong cầu lãnh thọ.

Nên biết lược có 2 chủng nhất thiết: 1. Ít phần nhất thiết; 2. Tất cả nhất thiết. Như nói “Tất cả đều là vô thường”, đây nương ít phần nhất thiết, vì đây chỉ là tất cả hành, chẳng phải vô vi. Nói “Tất cả pháp đều vô ngã”, nên biết đây nương tất cả nhất thiết.

Lại nữa, do 3 tướng nên biết là ngu. Những gì là ba?

1. Ngu tự tánh: do triền, tức là quên mất pháp ở đời hiện tại; do tùy miên, tức là quên mất pháp ở đương lai.

2. Ngu nhân duyên: vì ở trong năm tướng an lập thọ không thể hiểu rõ là vô thường... và não loạn của tự thể trải khắp vị đầu, giữa, sau đều không hiểu rõ. Nên biết tức ở nơi pháp tánh sanh, lão, bệnh, tử và vị não loạn đầu là do sanh, vị não loạn giữa là do bệnh, vị não loạn sau là do hai chủng pháp lão và tử đều chẳng thể hiểu rõ.

3. Ngu quả: là các khổ như sâu... các tạp nhiễm như ái...

Lại nữa, do 3 chủng tướng nên biết không ngu. Những gì là ba?

1. Không ngu tự tánh: tức là ở trong 5 tướng an lập thọ khéo năng hiểu rõ tự tướng và cộng tướng. Do đây năng đoạn tất cả phiền não, năng giác ngộ thánh đế, năng chứng Niết-bàn.

2. Không ngu ngăn ngại: tức là do 4 chủng ma. Đó là do nghĩa uẩn ma khắp tất cả xứ đuổi theo; do nghĩa thiên ma kia ở mọi thời luôn nắm giữ chướng ngại; do nghĩa phiền não ma và tử ma năng cùng sanh tử phát sanh các nhóm khổ gây nên khí.

3. Không ngu chướng: do triền phiền não duyên cảnh không hiện thấy và duyên cảnh chẳng phải không hiện thấy và tùy miên kia.

Lại nữa, do 3 chủng tướng chư Phật Thế Tôn và Thánh đệ tử Phật năng chánh dạy trao các chúng đệ tử. Những gì là ba? 1. Dạy trao dẫn dắt; 2. Dạy trao tùy theo căn cơ mà an đặt ở nơi cảnh sở duyên thích hợp; 3. Dạy trao khiến người được giáo hóa chứng đắc nghĩa tự lợi. Theo thứ tự dạy trao như vậy nên biết tức là thứ tự 3 chủng thân biến.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên cầu, năng thành tựu diệu tuệ giải thoát: 1. Đã như lý văn, tư rồi, tuệ tương tục sâu chắc bền bỉ, năng thành tựu vị hữu học giải thoát; 2. Tuệ hữu học tương tục dài lâu

bên bỉ, năng thành tựu vị vô học giải thoát.

Lại lược có 2 chủng thành tựu giải thoát: 1. Vị hữu học; 2. Vị vô học. Vị hữu học: là đầy đủ Kim cương dụ tam-ma-địa. Vị vô học thì từ Kim cương dụ tam-ma-địa trở lên.

Lại Bí-sô hành tâm thanh tịnh có 5 chủng pháp có nhiều sở tác. Những gì là năm? 1. Chân chánh dạy trao; 2. Chi Xa-ma-tha; 3. Chi Tỳ-bát-xá-na; 4. Gia hạnh ân trọng, không gián đoạn; 5. Tuệ xuất thế gian.

1. Chân chánh dạy trao: Có 3 loại hiển bạn chân chánh: 1. Bậc Đại sư; 2. Bậc Quý phạm tôn trọng; 3. Người đồng phạm hạnh và người tại gia tinh thông an trụ nội pháp. Đây gọi là 3 chủng bạn chân chánh. Những người có trí phải theo các bậc kia mà thỉnh cầu sự dạy trao chân chánh, huân tu tích tập các môn thiện.

2. Chi Xa-ma-tha: Như có người an trụ đầy đủ giới, nói rộng như *Thanh văn địa* đã thuyết. Trụ đầy đủ giới như vậy rồi, tức không hối hận, không hối hận nên hoan hỷ, nói rộng cho đến an lạc nên tâm định.

3. Chi Tỳ-bát-xá-na: Tức là thành tựu 3 chủng

ngôn giáo tùy muốn: a. Ngôn giáo chân chánh của bậc thánh; b. Ngôn giáo khiến nhàm chán xa lìa; c. Ngôn giáo khiến tâm lìa cái hướng đến ái.

a. Sao gọi là ngôn giáo chân chánh của bậc thánh? Là sở hữu ngôn giáo nương năm uẩn vô học của các chúng thánh, tức là tuyên thuyết chư thánh thành tựu giới như vậy, định như vậy, tuệ như vậy, giải thoát như vậy, giải thoát tri kiến như vậy.

b. Sao gọi là ngôn giáo khiến nhàm chán xa lìa? Ngôn giáo nương ba chủng khiến tăng trưởng các hạnh như ít muốn biết đủ... và ngôn giáo nương vui đoạn trừ, vui tu tập khiến lìa huyền não.

c. Sao gọi là ngôn giáo khiến tâm lìa cái hướng đến ái? Nên biết giáo đây lại có ba môn: 1. Ngôn giáo lìa cái hướng đến ái là lìa tất cả phiền não cái; 2. Ngôn giáo lìa cái hướng đến ái là lìa năm cái; 3. Ngôn giáo lìa cái hướng đến ái là lìa vô minh cái.

Trong đây chỗ có lời nói: “Nương là chúng đắc đoạn giới, ly dục giới, diệt giới”, gọi là ngôn giáo thứ nhất. Chỗ có lời nói: “Nương tức ở kia thấy công đức thù thắng và ở nơi các hành sở trị các cái thấy sâu quá hoạn”, gọi là ngôn giáo thứ hai. Chỗ

có lời nói: “Thuận theo duyên khởi của tất cả duyên như vậy”, gọi là ngôn giáo thứ ba. Ba chủng ngôn giáo như vậy gọi chung là chi Tỳ-bát-xá-na.

Lại, tóm lược thì ngôn giáo đây có 3 chủng: 1. Ngôn giáo năng sanh vui “dục”; 2. Ngôn giáo năng chánh an đặt nơi tư lương; 3. Ngôn giáo năng chánh an đặt nơi tác ý.

Ngôn giáo chân chánh của bậc thánh gọi là ngôn giáo năng sanh vui “dục”. Ngôn giáo khiến nhàm chán xa lìa gọi là ngôn giáo chánh an đặt nơi tư lương. Ngôn giáo khiến tâm lìa cái hướng đến ái gọi là ngôn giáo chân chánh an đặt nơi tác ý. Tuệ do nương ngôn giáo thắng Xa-ma-tha đây nhiếp thọ gọi là Tỳ-bát-xá-na, cho nên rọi ngôn giáo đây gọi là chi Tỳ-bát-xá-na.

4. Gia hạnh ân trọng không gián đoạn: Thường thuận theo thực hành, thuận theo hết thấy thực hành, siêng an trụ tinh tấn, nên biết đây là gia hạnh nương Chỉ Quán.

Lại nên biết siêng tinh tấn có 5 chủng: 1. Mặc giáp tinh tấn; 2. Gia hạnh tinh tấn; 3. Không thấp hèn tinh tấn; 4. Không động chuyển tinh tấn; 5. Không vui đủ tinh tấn. Trong đây ban đầu

nên biết phát khởi vui muốn mãnh lợi. Kế lại tùy muốn mà phát khởi phương tiện dùng mãnh bên chắc. Kế lại vì chúng đắc các pháp được thọ, nên không tự khinh miệt, cũng không khiếp sợ. Kế lại năng kham nhẫn khổ nóng lạnh... Rốt sau không sanh vui đủ ở nơi những điều hạ liệt, vui cầu các công đức thù thắng khiến về sau triển chuyển càng vượt hơn, triển chuyển càng thêm vi diệu.

5. Tuệ xuất thế gian: Do vị kia siêng an trụ tinh tấn như vậy, nhập hiện quán đế, chứng đắc các thánh tuệ xuất thế gian. Ở trong tu đạo, hoặc lúc hành, hoặc lúc trụ, y chỉ tuệ đây năng chánh trừ bỏ các tùy phiền não trong thân sở y khiến tâm thanh tịnh. Đó là lúc cư trú ở thôn xóm, hoặc ở vùng ven thôn xóm, nếu thấy người nữ dung sắc đoan nghiêm mỹ diệu, tức liền tác ý tư duy bất tịnh, vì muốn tổn hại duyên tham dục kia; nếu gặp sự bức bách não loạn của người, tức liền tác ý tư duy tương từ, vì muốn tổn hại duyên sân khuể kia. Như vậy vào lúc hành năng chánh trừ bỏ các tùy phiền não khiến tâm thanh tịnh.

Lại lúc an trú ở chốn viễn ly, tu tập niệm hơi thở trừ bỏ các ác tâm tư như dục... tức vào lúc trụ

năng chánh trừ bỏ các tùy phiền não khiến tâm thanh tịnh. Vị kia nương như vậy đã chứng đắc tuệ xuất thế gian, lại ở nơi tất cả hành tu tướng vô thường, năng trừ ngã mạn sót thừa. Như vậy, bậc thiện sĩ làm chỗ nương, lại được dạy trao không điên đảo làm tiền hành, do đây lần hồi năng chứng đắc Kim cương dụ tam-ma-địa, tức giải thoát viên mãn của bậc hữu học; vì tất cả phiền não đều là hệ buộc, nên cũng chứng giải thoát viên mãn của bậc vô học.

Sao gọi là giải thoát? Vì phát khởi sẽ rất ráo đối trị đoạn, vì tất cả phiền não phẩm loại thô trọng vĩnh viễn diệt, nên chứng đắc chuyển y, khiến các phiền não quyết định rất ráo thành pháp “chẳng sanh”. Đây gọi là giải thoát. Nếu là bậc Thánh đệ tử đã đắc ly dục ở Vô sở hữu xứ, chỉ trừ sở hữu các hành ở Phi tướng phi phi tướng xứ, lại năng an trụ hơn nữa thắng định Hữu đẳng. Bấy giờ an trụ không gián đoạn như vậy, năng tùy đó chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận. Nếu ở các vị khác tuy năng dần dần đoạn các lậu kia, nhưng không phải không gián đoạn trong việc năng chứng đắc vĩnh viễn tận các lậu, cho đến cũng chưa đắc

ly dục Vô sở hữu xứ.

Lại nữa, các cõi hệ buộc Dục giới thì ngoại trừ vô minh, tất cả phiền não gọi là dục lậu. Hai cõi hệ buộc Sắc, Vô sắc thì ngoại trừ vô minh, tất cả phiền não gọi là hữu lậu. Nếu các hữu tình hoặc chưa ly dục, hoặc đã ly dục, trừ các ngoại đạo, chỗ có dấu vết hành tà phân biệt ngu si sanh khởi ác kiến che đậy nơi tâm. Nương ác kiến đây, nơi các dục kia một phần tìm cầu, một phần ly dục, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sở hữu vô trí của ba cõi giới trên nhiếp chung làm một lập là vô minh lậu.

Lại nữa, có 9 chủng sự “năng hòa hợp” nên biết kiến lập 9 kiết sai biệt. Sao gọi là chín sự? 1. Sự nương phẩm tại gia đáng yêu thích thuộc số hữu tình, phi hữu tình, tất cả cảnh giới có triền tham ái; 2. Sự nương phẩm tại gia đáng ghét thuộc số hữu tình, phi hữu tình, tất cả cảnh giới triền sân khuể; 3. Sự nương số hữu tình có triền kiêu mạn; 4. 5. 6. Sự nương các phẩm xuất gia, nương pháp ác thuyết có ba chủng triền dấu tích tà thắng giải. Đây do nương lắng nghe pháp bất chánh, do nương tà tư duy không như lý, do nương phương tiện bất

chánh mà nhiếp lấy tu tập. Như vậy là 3 chủng sai biệt; 7. Sự ở nơi pháp luật thiện thuyết có triền không thắng giải; 8. Sự nương phẩm xuất gia có trí kém thiếu; 9. Sự nương phẩm tại gia có tài vật bản cùng. Do chín sự đây, tùy chỗ thích hợp nên biết phối hợp với ái... tạo thành chín kiết. Trong đây, do tâm ganh ghét biến hoại nên đối với chánh pháp bên trong phát khởi xển tiếc pháp, do đây đương lai kém thiếu trí huệ. Tùy chỗ thích hợp nên biết các dạng phối hợp còn lại.

Lại nữa, do bị tham phược trói buộc, ở nơi cảnh giới năng thuận theo thọ lạc, tâm không thể xả. Như vậy do sân phược trói buộc, ở nơi cảnh giới năng thuận theo thọ khổ, tâm không thể xả; do ngu si phược trói buộc, ở nơi cảnh giới trung dung năng thuận theo không khổ không lạc, tâm không thể xả. Do nhân duyên đây nên kiến lập 3 phược.

Lại nữa, sở hữu thô trọng của phẩm phiền não tùy nương tựa thân, gọi là tùy miên. Đây năng là chủng tử khiến sanh khởi tất cả phiền não triền. Nên biết đây lại kiến lập 7 chủng: do phẩm chưa ly dục sai biệt nên kiến lập dục tham, sân khuể, tùy miên; do phẩm đã ly dục sai biệt nên kiến lập có

tham tùy miên; do cả hai phẩm sai biệt nên kiến lập mạn, vô minh, kiến, nghi tùy miên. Như vậy tổng nhiếp tất cả phiền não.

Lại nữa, tùy phiền não tức là tham bất thiện căn, sân bất thiện căn và si bất thiện căn, hoặc phần, hoặc hận, như vậy nói rộng các sự tạp uế. Nên biết trong đây năng khởi tất cả pháp tham bất thiện, gọi là tham bất thiện căn. Sân, si cũng vậy.

Nếu sân khuể triển năng khiến dung mạo buồn phiền, phát khởi ưu não thấp kém, gọi là phần. Bên trong ôm oán kết nên gọi là hận. Ẩn giấu các điều ác nên gọi là che đậy. Nhiễm ô sợ hãi nên gọi là nhiệt não. Tâm ôm nhiễm ô, không vui vẻ với vinh quang của người nên gọi là tật. Đối với các vật nuôi thân ôm lòng xẻn tiếc nên gọi là xan. Khi đối người, trong ôm mưu khác, ngoài hiện tướng khác, gọi là cưỡng. Tâm không chánh trực, không trong sạch, không rõ ràng, hành hiểu tà vạy, nên gọi là siểm. Đối với tội đã tạo, hư vọng cho mình chẳng sai, nên gọi không tâm. Đối với tội đã tạo, mê vọng người không biết, không thấy xấu hổ, nên gọi là không quý. Đối với người thấp kém, cho

mình là hơn; đối với người bằng, cho mình là bằng, khiến tâm cao cử nên gọi là mạn. Đối với người bằng, cho mình là hơn; đối với người hơn, cho mình là bằng, khiến tâm cao cử nên gọi là quá mạn. Đối với người hơn, cho mình là hơn, khiến tâm cao cử gọi là mạn quá mạn. Hư vọng quán sát các hành cho là ngã ngã sở, khiến tâm cao cử, nên gọi là ngã mạn. Đối với pháp thù thắng, chưa đắc cho đã đắc, khiến tâm cao cử gọi là tăng thượng mạn. Ở trong nhiều pháp thù thắng, tự cho là yếu kém, cũng là tâm cao cử gọi là hạ liệt mạn. Thật không đức mà tự cho có đức, khiến tâm cao cử gọi là tà mạn. Ôm tâm nhiễm ô, tự thị nơi sự vinh quang hưng thịnh mà hiện hình tướng thô tháo, nên gọi là kiêu. Ở nơi các thiện phẩm không vui siêng tu tập, ở nơi các pháp ác tâm không phòng hộ, nên gọi là phóng dật. Đối với các bậc đang tôn trọng cùng với phước điền, tâm không cung kính, nên gọi là ngạo.

Nếu phiền não triền năng khiến phát khởi cầm dao gậy đấu tranh kiện tụng, nên gọi là phần phát. Ôm tâm nhiễm ô, vì hiển đức mình mà giả hiện oai nghi, nên gọi là kiêu. Ôm tâm nhiễm ô, vì

hiển đức mình mà hiện sự thân thiện gần gũi, hoặc hành lời nhu nhuyễn, gọi là trá. Ôm tâm nhiệm ô, muốn có những thứ mưu cầu, đối trá hiện hạnh oai nghi, nên gọi là hiện tướng. Hiện hành bức ép đối với những nơi khát cầu, nên gọi là nài nỉ cầu. Ở nơi lợi dưỡng mình đã được không sanh vui đủ, đối với lợi dưỡng người thu được liền muốn mình thu lợi hơn, nên gọi là lấy lợi cầu lợi. Tự hiển đức mình, xa lìa khiêm cung, đối với người đáng tôn trọng mà không tôn trọng, nên gọi là bất kính. Phát lời không thuận, tánh không kham nhẫn, nên gọi là ác thuyết. Bị các bạn hữu dẫn đường khiến làm việc không lợi ích, gọi là bạn ác. Đắm trước tài lợi, hiển đức chẳng thật, muốn khiến người kính nên gọi là ác dục. Đối với người rộng rãi lại muốn cầu thêm nhiều lợi dưỡng cung kính, gọi là đại dục. Ôm tâm nhiệm ô, hiển đức chẳng thật, muốn khiến người kính, gọi là tự mong muốn. Ở nơi bị mắng, mắng trả lại, gọi là chẳng nhẫn. Ở nơi sân, trả sân; ở nơi đánh, trả đánh; ở nơi khinh thường, trả khinh thường, nên biết cũng vậy. Ở nơi các dục của mình sanh sâu tham ái, nên gọi là đắm say vui thích. Ở nơi các dục của người sanh

sâu tham trước, gọi là đấm thích khắp. Ở nơi thặng diệu, ở nơi thấp kém, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Ở nơi các cảnh giới khởi sâu chấp trước mong cầu, gọi là tham. Ở nơi các ác hạnh sanh sâu mê muội chấp đấm, gọi là tham phi pháp. Ở nơi tài bảo của cha mẹ mình, thọ dụng bất chánh gọi là chấp trước. Ở nơi sở hữu tài vật người giao gởi, không muốn trả lại gọi là tham ác. Hư vọng quán các hành cho là ngã ngã sở, hoặc phân biệt khởi, hoặc là đồng sanh, đây gọi là kiến. Hữu thể kiến làm chỗ nương, ở trong các hành phát khởi thường kiến gọi là hữu kiến, phát khởi đoạn kiến gọi là vô hữu kiến. Nên biết tướng năm cái đã thuyết như trước trong phần *Định địa*. Không được tự tại như ý, bị sự trói buộc của triền ngũ nghĩ phi thời, gọi là mê muội. Chẳng phải điều suy nghĩ mến mộ, gọi là chẳng vui. Thô tháo cứng ngắc, tâm không điều nhu, cử thân trì trệ, gọi là gay go. Đối với việc ăn uống, không khéo thông hiểu hoặc tăng hoặc giảm, gọi là ăn không biết lượng. Đối với việc nên làm thì không làm, việc không được làm mà lại làm, như trong việc tu tập pháp văn-tư-tu, phóng dật làm tiền dẫn mà phát khởi dụng công, gọi là

không tác ý. Ở nơi cảnh sở duyên sanh sâu trói buộc, giống như ngủ say ẩn sâu nơi tâm, nên gọi là không đúng lý hành chuyển. Tự khinh miệt gọi là tâm hạ liệt. Tánh làm não người nên gọi là đê tiện. Tánh thích giễu cợt nên gọi là hèn hạ. Khi đối Sư trưởng, những bậc phước điền đáng tôn trọng và bạn đồng pháp, nên gọi là không thuần trực. Hai nghiệp thân ngữ thảy đều thô tháo khinh suất, tâm ngang ngạnh, không trong sạch, nên gọi là chẳng nhu hòa. Ở nơi các giới, kiến, quỹ tắc, chánh mạng đều không đồng phạm, gọi là không tùy thuận đồng phạm mà chuyển, gọi là tầm tư dục. Tâm ôm ái nhiễm phan duyên các dục, phát ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư dục. Tâm ôm ghét ác với người, duyên theo tướng không nhiều ích, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư khuể. Tâm ôm tổn não với người, duyên theo tướng não loạn, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư hại. Tâm ôm nhiễm ô duyên theo thân bằng quyến thuộc, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư thân thích xóm làng. Tâm ôm nhiễm ô duyên theo đất nước, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tầm tư đất nước.

Tâm ôm nhiễm ô phan duyên nơi nghĩa nương dựa đời đời của mình, thời sau sanh khởi hư vọng có được, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, nên gọi là tâm tư bất tử. Tâm ôm nhiễm ô phan duyên với mình, với người, hoặc hơn, hoặc kém mà phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tâm tư tương ưng khinh miệt. Tâm ôm nhiễm ô duyên nơi thí chủ, tới lui nhà có thế lực, phát khởi ý lời thuận theo đó chuyển, gọi là tâm tư tương ưng nhà thế lực. Hết thấy sự sâu, thán... nên biết như trước cũng vậy.

Lại nữa, tất cả phiền não đều có triền. Do luôn luôn sanh khởi hiện hành nên gọi là triền. Nhưng có 8 chủng các tùy phiền não, ở trong 4 thời lớp lớp hiện hành, nên chỉ lập 8 chủng là triền. Đó là ở thời tu học tăng thượng giới, lớp lớp hiện hành không tâm, không quý năng làm chướng ngại. Nếu ở thời tu học tăng thượng tâm, lớp lớp hiện hành hôn trầm, thù miên năng làm chướng ngại. Nếu ở thời tu học tăng thượng tuệ, vì gián trạch pháp, lớp lớp hiện hành trạo cử, ác tác năng làm chướng ngại. Nếu người đồng pháp, lúc triển chuyển thọ dụng tài và pháp, lớp lớp hiện hành tật đố,

keo lặn năng làm chướng ngại.

Lại nữa, người hành phiền não hệ buộc Dục giới như dục, tham, sân... nếu chưa biết, chưa đoạn phiền não phẩm thượng hệ buộc Dục giới, gọi là dục thác lữ. Ba chủng thác lữ là hữu, kiến, vô minh tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Đó là người chưa đắc ly dục Dục giới, trừ các ngoại đạo, gọi là dục thác lữ. Người đã đắc ly dục gọi là hữu thác lữ. Nếu các ngoại đạo từ nhiều môn luận, nên biết có 2 chủng thác lữ khác: các kẻ ác kiến lược nhiếp làm một, gọi là kiến thác lữ thứ ba và nhân duyên ác kiến lược nhiếp làm một, gọi là vô minh thác lữ thứ tư.

Lại nữa, nếu các kẻ phiền não hành đẳng phần không tăng không giảm, tức ở nơi tất cả phiền não đã thuyết trên gọi là ách.

Lại nữa, nên biết nương ở hai phẩm mà kiến lập bốn thủ: 1. Phẩm tại gia; 2. Các phẩm xuất gia trong pháp ngoại đạo. Nên biết trong đây hoặc sở thủ, hoặc năng thủ, hoặc sở vi thủ, như vậy tất cả gọi chung là thủ.

Hỏi: Sao gọi là sở thủ?

Đáp: Dục, kiến, giới cấm, ngã ngữ là sở thủ.

Hỏi: Sao gọi là năng thủ?

Đáp: Bốn chủng dục tham là năng thủ.

Hỏi: Sao gọi là sở vi thủ?

Đáp: Vì được các dục và vì thọ dụng nên khởi thủ ban đầu. Do lực tham lợi dưỡng cùng với cung kính tăng thượng, hoặc vận hồi chỗ lập luận của người, hoặc vì tránh khỏi sự nạn vấn của người, nên khởi thủ thứ hai. Chi Xa-ma-tha làm chỗ nương tựa, làm chỗ kiến lập, vì muốn hướng đến ly dục thế gian cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ Tam-ma-bát-đề, khởi thủ thứ ba. Vì muốn tùy thuyết phân biệt chỗ kế chấp tác nghiệp, thọ quả sở hữu sĩ phu, cùng với tùy thuyết tướng lưu chuyển hoàn diệt sĩ phu, khởi ngã ngữ thủ.

Bốn thủ như vậy nương nơi hai phẩm là phẩm các tại gia thọ dụng dục và phẩm các xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da. Do Phật Thế Tôn mỗi tự xưng rằng: “Ta là bậc Đại sư chánh luận biết khắp vĩnh viễn đoạn các thủ”, nên người ở nơi pháp đây thế tu hành, tuy phiền não dẫn dắt khiến thân hoại mạng chung, mà không ở kia kiến lập các thủ. Vì cố sao? Vì người kia ở nơi các dục không lòng luyến tiếc mà xuất gia; vì ở nơi kiến, giới cấm

và ngã ngữ không chấp thọ. Kẻ pháp ác thuyết thì có 2 sai biệt: 1. Kẻ ở nơi ái kiến mà triển chuyển phát khởi luận oán tranh; 2. Kẻ năng chứng nhập định thế gian. Kẻ nương nơi ái kiến mà triển chuyển phát khởi luận oán tranh kiến lập kiến thủ. Kẻ nương năng chứng nhập định thế gian lập giới cấm thủ. Vì hai phẩm làm chỗ nương chấp trước ngã ngữ, nên nương cả hai phẩm lập ngã ngữ thủ. Trong đây kiến là 62 kiến, nên biết như trước. Chỗ thọ trì tà kiến phân biệt phòng hộ thân, phòng hộ ngữ gọi là giới. Tùy chỗ thọ hình phục, ăn uống, uy nghi, hình tướng... gọi là cấm. Luận cho là có ngã là thật, là trụ, gọi là ngã ngữ. Vì chấp có thật vật gọi là thật. Vì chấp có thể an lập gọi là trụ.

Lại ở trong đây, dục ái làm duyên kiến lập dục thủ. Nương luận trí, lợi dưỡng, cung kính... ái làm duyên kiến lập kiến thủ. Định ái làm duyên kiến lập giới cấm thủ. Hữu ái, vô hữu ái làm duyên kiến lập ngã ngữ thủ.

Lại nữa, có bốn “hệ” chỉ nương ngoại đạo sai biệt mà kiến lập, nên biết như trước.

Lại nữa, vì trái lại 5 xứ nên kiến lập 5 cái sai biệt: 1. Tại gia cuốn theo cảnh giới các dục trôi

nổi, trái với thánh giáo, nên kiến lập tham dục cái; 2. Không kham nhẫn vì các đồng pháp quở trách, khuyên ngăn, đui bỏ, dạy răn... trái với sở hữu pháp lạc khả ái, nên kiến lập sân khuể cái; 3. Do trái Xa-ma-tha, nên kiến lập hôn trầm thù miên cái; 4. Do trái với Tỳ-bát-xá-na, nên kiến lập trạo cử ác tác cái; 5. Do trái với pháp luận nghị không điên đảo, quyết trạch quán sát sâu các pháp Đại sư thánh giáo, thắng giải Niết-bàn, nên kiến lập nghi cái.

Lại nữa, hoặc vì tham sân si triền trói buộc, hoặc vì tham sân si tùy miên theo đuổi ngũ sắc, nên tâm không điều nhu, tâm rất ngu muội, năng làm suy tổn trong việc đắc nghĩa tự lợi, nên gọi là chu ngọt.

Lại nữa, đối với cảnh hèn hạ xấu xa phát khởi tham dục, gọi là tham cấu. Ở nơi cảnh sự sở duyên không đáng sân mà khởi sân khuể, gọi là sân cấu. Ở nơi chúng sanh hiển hiện cực ngu si, còn năng nhận biết chỗ khởi ngu si, gọi là si cấu.

Lại nữa, nếu tham sân si lớp lớp hiện hành, hằng thường lưu chuyển mạnh mẽ, thiêu não thân tâm cực làm suy tổn, gọi là thiêu hại. Nếu tham

sân si mà xa lìa tâm quý, vì không tâm quý nên một hướng không gián đoạn chẳng thể chế phục, quyết định sẽ bị thương tổn, gọi là tên. Nếu tham sân si có tâm quý xen lẫn gián đoạn, vì tiếp nối, vì không phải sát-na, nên có thể chế phục, gọi là nghĩa “sở hữu” chính là trói buộc cực dơ uế.

Lại nữa, tất cả thân nghiệp bất thiện gọi là ác hành. Như nói thân nghiệp, thì ngữ nghiệp, ý nghiệp nên biết cũng vậy. Do lớp lớp nghiệp ác đây hiện hành, ở các đường ác hoặc đã tùy nhập, hoặc sẽ tùy nhập, hoặc hiện tùy nhập, cho nên thuyết kia gọi là ác hành. Do đây hiển bày nghĩa nghiệp tạp nhiễm, còn triền phiền não tạp nhiễm trước đã hiển rõ.

Lại nữa, có 2 luận an lập nghiệp tạp nhiễm: 1. Tà luận; 2. Chánh luận.

Nói tà luận là như có người lập luận như vậy: “Nếu có người cố tư duy tạo tác các nghiệp bất thiện... tất cả quyết định sẽ thọ đường ác”. Luận đây tức hủy báng việc tu hành phạm hạnh năng chứng Niết-bàn. Vì cơ sao? Các loại hữu tình ở trong hiện pháp không dễ gì mà không cố ý suy nghĩ gây tạo nghiệp bất thiện khả đắc, hướng là

trong đời khác. Nếu kia quyết định cảm đường ác, bèn lẽ không có giải thoát khả đắc. Cho nên nên biết đây là tà luận.

Nói chánh luận là nếu có người lập luận như vậy: “Những người cố tư duy tạo nghiệp bất thiện, hoặc người cũng làm, cũng tăng trưởng nghiệp đây, quyết định đương lai thọ dị thực đường ác chẳng đáng ưa thích. Hoặc có người tuy tạo tác mà không tăng trưởng, vì lấy pháp thọ kia làm chỗ nương, nên tạo tác các việc hoặc vui, hoặc khổ, ở trong hiện pháp nghiệp đây quyết định hoặc thuận thọ lạc, hoặc thuận thọ khổ. Những kẻ tạo tác nghiệp như vậy rồi, nếu không hối hận, không tu đối trị, người kia ở nghiệp đây hoặc lại tăng trưởng, hoặc chẳng tăng trưởng, thì nghiệp đây tuy quyết định thuận thọ ở hiện pháp, cũng khiến chuyển thành thuận thọ đường ác, ở trong hiện pháp năng chướng giải thoát. Những kẻ tạo tác nghiệp như vậy rồi, nếu sanh khởi hối hận, tu tập đối trị, người kia ở nghiệp đây hoặc chẳng tăng trưởng, hoặc lại tăng trưởng, thì nghiệp đây tuy là thuận thọ đường ác, cũng khiến chuyển thành thuận thọ hiện pháp, không chướng giải thoát”. Cho nên luận đây chẳng

gọi là phỉ báng việc tu tập phạm hạnh năng chứng Niết-bàn. Nên biết luận đây là chánh luận.

Lại nữa, nếu khuyết 10 chủng nghiệp đối trị, tức bèn là chỗ nhiễm ô của nghiệp tập nhiễm. Nếu có người tích tập 10 chủng đối trị như vậy, liền được thanh tịnh: 1. Hoặc do đối trị như vậy, tuy có gây tạo nghiệp mà không tăng trưởng, hướng về đương lai thành bất định thọ; 2. Hoặc do đối trị như vậy, tuy chưa vĩnh viễn đoạn trừ, mà không lãnh thọ trở lại; 3. Hoặc do đối trị như vậy, lìa hệ buộc, vĩnh viễn đoạn trừ; 4. Phòng hộ giữ gìn các căn môn, khéo tu thân, muốn tu tập tăng thượng giới học; 5. Tu tập tăng thượng giới rồi, muốn tu tập tăng thượng tâm học; 6. Tu tập tăng thượng tâm rồi, muốn tu tập tăng thượng tuệ học; 7. Tu tập tăng thượng tuệ rồi, đoạn trừ các lậu; 8. Tu tập ý lạc mạnh mẽ; 9. Trường thời tu tập; 10. Tu tập vô lượng môn đối trị. Nếu có người không tích tập 10 chủng nghiệp đối trị như vậy, bèn là chỗ nhiễm ô của nghiệp tập nhiễm. Trái với tướng đây nên biết thanh tịnh.

Lại nữa, ở trong hiện pháp có người không khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp, do kể kia

trước tạo tác nghiệp ác bất thiện, cũng khiến tăng trưởng, nên ở đời đương lai có tạp nhiễm. Nếu người khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp, kia không bị tạp nhiễm.

Sao gọi là ở trong hiện pháp không khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp? Sao gọi là khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp?

Không khéo an trụ phòng hộ thân ngữ ý nghiệp: Như có người ở nơi sự phát khởi các thân ngữ ý nghiệp triền bất thiện, năng thệ xa lìa. Nhưng tác ý bất chánh năng khởi tương ưng vô minh vẫn còn nên phát khởi. Lại ở nơi các thân ngữ ý nghiệp thiện thọ học tùy chuyển. Do nhân duyên đây, ở trong hiện pháp tạo tác các khổ do các phiền não tà dục tìm cầu gây ra không thể khác được. Người kia chỉ ở nơi việc thệ thọ xa lìa đây mà sanh vui đủ như vậy, ở trong hiện pháp không sanh khởi thánh đạo, không chứng Niết-bàn. Tuy kia an trụ phòng hộ như vậy, ở trong hiện pháp tạm thời không tạo tác ý nghiệp ác bất thiện, nhưng vì tùy miên, triền, phược của phiền não nên thân hoại về sau hậu hữu tiếp nối sanh, theo chỗ thọ thân nương duyên nghiệp trước rộng khởi tạp nhiễm.

Người khéo an trụ phòng hộ thân ngũ ý nghiệp thì có sự sai khác. Đó là do người đây nương thế thọ xa lìa kia, không tạo nghiệp mới, nghiệp cũ tuy chín dần tạm đón nhận dị thực mà năng biến đổi tiêu dung. Người kia không chỉ đối với việc thế thọ xa lìa đây sanh vui đủ, lại ở trong hiện pháp năng khởi thánh đạo, cũng năng chứng đắc quả Niết-bàn. Người kia lúc bấy giờ cho đến thân có thức tương tục trụ, hằng lãnh thọ các thọ do nghiệp trước chiêu cảm. Ở trong hiện pháp, thân có thức kia cho đến giai đoạn thọ lượng chưa diệt tận, thường trụ tương tục; nếu thọ lượng đến lúc tận, liền xả thân có thức, mạng căn sau chẳng thành tựu. Do nhân duyên đây, thức và tất cả các thọ đều diệt, không tương tục về sau. Vì kia bóng thọ cùng cây thức ấy đều diệt tận, nên khắp ở tất cả chẳng thể thi thiết. Người kia lúc bấy giờ do hai nhân duyên tạo tác nghiệp trước, ở đời đương lai chẳng thể bị nhiễm: 1. Do phiền não làm trợ bạn khiến tạp nhiễm, đoạn trừ không sót thừa; 2. Do nương các hành tương tục đây khiến thành thực tạp nhiễm cũng đoạn diệt không sót thừa. Bấy giờ vì người kia đối với các hữu tình ý vui bạn lành tương tục

chuyển, nên gọi là tâm không oán. Vì duyên sân khuể ở nơi kia đoạn trừ, nên gọi là tâm không khuể. Vì đối với nghiệp dị thực thấy sâu quá hoạn, duyên thệ xa lìa lực tăng thượng, gọi là tâm không nhiễm. Đã đạt được đầy đủ đối trị kia, thành tựu thánh đạo, gọi là tâm thiện giải thoát không điên đảo. Do kia như vậy năng chứng đắc đầy đủ sáu chủng hằng trụ. Nếu đã nhiều an trụ như vậy, trong hiện pháp bị chủng chủng các duyên ác bất thiện xen tạp gián đoạn, thì do đây xa lìa, một hướng thành tựu thiện. Do nhân duyên đây nên biết người an trụ phòng hộ sau có sự sai khác so với người trước.

Lại nữa, nên biết thi thiết luận lãnh thọ nghiệp dị thực, do 5 chủng tướng thành tạp nhiễm và do 5 chủng tướng thành chẳng tạp nhiễm.

- Sao gọi là do 5 chủng tướng thành tạp nhiễm? Do thi thiết luận ác nhân, do thi thiết luận không nhân, và do thi thiết luận ác nhân, không nhân có ba chủng lỗi lầm.

Thi thiết luận ác nhân: Như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận các sự việc, tất cả đều là

nhân đời trước tạo ra. Như vậy Tự tại biến hóa... là nhân tạo ra”.

Thi thiết luận không nhân: Như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận các sự việc, nên biết tất cả đều không nhân không duyên”.

Thi thiết luận ác nhân, không nhân có 3 chủng lỗi lầm: Nếu nói: “Trong hiện pháp, bất thiện đồng hành với các thọ do nghiệp bất thiện đời trước làm nhân” cũng có lỗi lầm; “Nghiệp hiện pháp làm nhân” cũng có lỗi lầm. Nếu nói: “Thọ đây lấy nghiệp ác đời trước làm nhân”, vậy thì có người lúc nương ở bất thiện mà thọ các pháp vui, thì có phát sanh cảm thọ vui bất thiện. Nếu việc đây dụng các nghiệp bất thiện đời trước lấy làm nhân sanh khởi thì không đúng đạo lý. Vì cơ sao? Vì kia đời trước không tạo tác các nghiệp bất thiện, ở trong hiện pháp cảm vui dị thực thì đúng với đạo lý. Nếu nói: “Thọ đây dụng nghiệp ác trong hiện pháp làm nhân”, vậy thì hoại mất ý sở lập của chính các kẻ luận ác nhân và luận không nhân. Vì những kẻ kia cho là các sự thọ đều do nhân đời trước làm ra cho đến nói rộng. Đây gọi là lỗi lầm thứ nhất.

Lại nếu có kẻ nói rằng: “Các pháp bất thiện đều dụng nghiệp ác đời trước làm nhân, vậy thì quyết định chỗ có pháp thiện cũng dụng nghiệp thiện đời trước làm nhân”. Như vậy chỗ có các gia hạnh thiện đồng sanh khởi với tinh tấn đối trị bất thiện đều thành vô dụng. Như vậy gọi là lỗi lầm thứ hai.

Lại nếu hiện tại không có dụng của sĩ phu, vậy thì không thể nương thiện, bất thiện, chánh quán sát sâu “đây là điều phải làm, đây là điều chẳng nên làm”. Lại như thật trí “điều đây ta nên triển chuyển, điều đây ta nên thành tựu” lẽ thành vô dụng. Vì không có dụng sĩ phu kia nên trí đây cũng không có, dẫn đến đạo lý như thật trí cũng không thành tựu. Vì trí không thành, nên niệm không an trụ. Vì niệm không an trụ, nên không định. Vì không có định, nên tâm tư bất chánh khiến tâm mê loạn. Vì tâm mê loạn, liền lẽ các căn vui sướng quyến luyến đồng theo ý vui của ngu phu. Vì kẻ kia thu được pháp như thế, nên thối thất pháp Sa-môn và luận Sa-môn. Như vậy gọi là lỗi lầm thứ ba.

Dưới đây lược thuyết 3 chủng lỗi lầm: lỗi lầm

do các thọ đời hiện tại nhân bất thiện không thành tựu; lỗi lầm do phỉ báng tinh tấn và lỗi lầm do phỉ báng chánh trí.

- Sao gọi là thi thiết luận lãnh thọ tất cả nghiệp dị thực do 5 chủng tướng thành không tạp nhiễm? Đó là hoặc kẻ năng lãnh thọ, hoặc do đây lãnh thọ, hoặc như vậy lãnh thọ, hoặc khi lãnh thọ tạp nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy.

Nên biết trong đây nương 5 thủ uẩn thi thiết giả danh bố-đặc-già-la là kẻ lãnh thọ. Tức kẻ đây do sáu xúc xứ nên năng lãnh thọ, ở trong thai mẹ có bốn chủng sai biệt. Đó là nương tinh huyết do đại chủng sở tạo, kết sanh tương tục do chỗ nhiếp thọ của các nghiệp phiền não, thức của hữu, thủ và sở hữu lỗi huyết trong thai mẹ, do như vậy mà được nhập thai mẹ. Kế đến có danh sắc, kế có sáu xứ, kế là xúc, kế là thọ, thứ tự như vậy mà có lãnh thọ. Lại tức thọ đây cũng dụng xúc hiện tại làm nhân, cũng dụng hết thủy nghiệp đời trước làm nhân. Nếu kia lắng nghe các pháp bất chánh, tác ý phi lý lấy làm nhân duyên liền xúc vô minh, xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái, ái làm duyên sanh thủ, cho đến các khổ sanh lão tử... sai biệt ở đương

lai. Như vậy lúc lãnh thọ các vô minh xúc sanh thọ, liền có tạp nhiễm nhiếp lấy hai đế. Trái với tướng đây, tức vì lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, liền năng lãnh thọ minh xúc phát sanh các thọ sai biệt. Khi lãnh thọ cảm thọ đây liền có thanh tịnh nhiếp lấy hai đế.

Lại nữa, nên biết thi thiết luận tà nghiệp, thanh tịnh và trong tà hạnh có 2 lỗi lầm. Những gì là hai? 1. Lỗi lầm do bên trong ngưng trệ; 2. Lỗi lầm do sự hủy chê của người.

- Sao gọi là thi thiết tà nghiệp thanh tịnh? Như có người thật chẳng phải Đại sư vọng phân biệt tự xưng là Đại sư, thi thiết luận tà tuyên thuyết thế này: “Các sự thọ khổ trong hiện pháp tất cả đều do nhân đời trước tạo ra”. Bởi kẻ kia quán sát các nghiệp bất thiện đời trước là do hai chủng nhân: 1. Trong hiện pháp các nghiệp bất thiện đều do nghiệp xưa thường xuyên tập quen dẫn dắt; 2. Các sự thọ khổ cũng là chỗ tạo tác của nghiệp kia. Do nhân duyên đây tự tu khổ hạnh, khiến nghiệp ác cũ chiêu tập quả khổ thấy đều biến đổi tiêu dung. Lại không tạo tác nghiệp mới bất thiện, ở trong hiện pháp lại năng an trụ phòng

hộ thân ngữ ý. Về sau một hương siêng tu nghiệp thiện khiến pháp bất thiện chuyển đổi thành chẳng còn lậu. Do nhân duyên đây nghiệp bất thiện tận hết. Do nghiệp kia tận, các khổ cũng tận, chứng biên tế khổ.

- Sao gọi là tà hạnh? Như có người chẳng thể rõ biết nghiệp tạp nhiễm của mình, chẳng thể rõ biết đối trị nghiệp kia, lại nơi sở chứng trước sau sai biệt chẳng như thật biết. Như vậy kẻ kia thành tựu pháp ngu si, nên đối với điều chứng đắc của thầy không phát khởi tín căn, đối với điều không nên tín mà sanh hư vọng cho là chân thật. Đối với thấng giải thánh giáo, kia đọa trong mê muội cho là không chân thật, không như lý, do đây bị kẻ bằng hữu tà luận khác xoay chuyển khuynh động. Đối với điều đáng nghi hoặc mà không sanh nghi hoặc, không tìm đến thầy cung kính thỉnh cầu thưa hỏi điều gì năng chánh ký, điều gì không thể ký, làm sao năng thanh tịnh nghi hoặc, làm sao không thể thanh tịnh nghi hoặc, sao là nhất thiết trí, sao không phải nhất thiết trí. Đại sư qua đời, ở nơi những điều nghi hoặc rất ráo theo đó chuyển. Vì có sao? Đại sư còn trụ ở đời năng vì nghi hoặc

của kia mà khai tỏ đây là nhất thiết trí và kia chẳng phải nhất thiết trí. Đại sư diệt rồi nương ai thừa hỏi, làm sao quyết nghị. Đây gọi là tà hạnh.

Duyên nào nên biết thi thiết nghiệp thanh tịnh như sau thì không đúng đạo lý? Do hai duyên: kia nếu tự khổ hạnh là do nhân đời trước tạo ra thì không đúng đạo lý và do đây năng tận nghiệp bất thiện đời trước thì không đúng đạo lý. Vì có sao? Do duyên tự khổ hạnh bức thiết phẩm nhuộm trung thượng, thì lãnh thọ khổ phẩm nhuộm trung thượng sanh. Nếu xa lìa duyên bức thiết của ba phẩm đây, thì sự bức thiết thọ khổ của ba phẩm đây chẳng được sanh. Cho nên do nhân đời trước tạo tác thì không đúng đạo lý.

Lại khổ hạnh đây không có công năng khiến sở tác các nghiệp bất thiện gây tạo ở đời trước năng cảm thọ khổ trở thành thuận thọ lạc. Cho nên kia khởi định kiến như vậy: “Do tự khổ hạnh khiến việc làm ác nghiệp đời trước biến đổi tiêu dung”. Nếu có việc đây, thì các nghiệp bất thiện đời trước gây tạo năng thuận thọ khổ, ở trong hiện pháp quả thọ khổ đây là năng cảm được hay do tự khổ bức thiết? Nếu nói quả thọ khổ đây là do chiêu

cảm được, thọ quả kia rồi tự nhiên tiêu dung, thì tự tu khổ hạnh tức là vô ích. Nếu như vậy, sự gây tạo các nghiệp bất thiện đời trước không phải do tự khổ hạnh mà có thể tiêu dung. Lại tức nghiệp đây, hoặc một phần có thể biến đổi, tức là trong hiện pháp thọ quả kia, nhưng nếu một phần nghiệp còn lại năng thuận thọ về sau, thì kia ở đời sau sẽ thọ quả ấy, không phải tự khổ hạnh có thể khiến quả đây thấy đều tiêu dung. Nếu nói: “Quả thọ khổ là do hiện tại tự khổ bức thiết, chẳng phải do nhân đời trước tạo tác”, như vậy chỗ thuyết: “Tất cả các sự lãnh thọ đều là nhân đời trước tạo tác” không đúng đạo lý. Như nghiệp ác năng thuận thọ khổ, không thể khiến đây thành thuận thọ lạc, như vậy việc làm đời trước nghiệp thiện năng thuận thọ lạc, không thể khiến đây thành nghiệp thuận thọ không khổ không lạc. Hoặc hai chủng kia thuận thọ hiện pháp, không thể khiến đây thành thuận thọ về sau. Hoặc thuận thọ về sau không thể khiến đây thành không chỗ thọ. Hoặc chưa thành thực, chẳng thể khiến thành thực. Hoặc đã thành thực, chẳng thể dụng phương tiện nào khác khiến chuyển đổi.

Dưới đây tóm lược nghĩa chủ yếu: Chỗ gọi tất cả nghiệp thiện, bất thiện do tự tánh quyết định, thời phần quyết định và phẩm loại quyết định. Nếu như vậy, quyết định tùy theo nghiệp, tất năng nhiếp thọ loại quả như thế. Vậy thì ở trong ấy tự hành bức thiết thọ khổ có tác dụng gì? Lại nếu thọ đây do nhân của nghiệp đời trước mà năng chiêu cảm kia, tự tin theo như vậy khiến nghiệp một phần diệt tận thì còn được chút phần lợi ích thù thắng. Do nhân duyên đây mà kế chấp cho là chút phần thắng lợi cũng không có, như vậy sẽ chịu sự trói buộc rất ngưng trệ của nghiệp chính mình, trọn không giải thoát. Do đạo lý đây, gọi là lỗi lầm thứ nhất của tà luận tà hạnh đây, đó là do bên trong ngưng trệ trong việc chứng nghĩa tự lợi.

- Sao gọi là lỗi lầm do hủy chê của người? Người kia nương theo hai chủng tà luận, phát khởi ba chủng tự hành khổ não.

Hai chủng tà luận: Có kẻ nói lời như vậy: “Tất cả các sự lãnh thọ của bổ-đặc-già-la sĩ phu đều là nhân đời trước tạo tác”. Đây gọi là tà luận thứ nhất, tức là luận ác nhân. Lại có kẻ nói rằng: “Như kia ban đầu là do Tự tại biến hóa, từ đây về sau tất

cả các sự lãnh thọ đều do việc làm của nghiệp đời trước”. Đây gọi là tà luận thứ hai, tức là luận ác nhân.

Ba chủng tự khổ hạnh: đó là phòng hộ thân, phòng hộ ngữ, phòng hộ ý.

Phòng hộ thân: tức là không đem thân cùng cộng trú với hữu tình khác, chỉ đến núi rừng, chốn a-lan-nhã, một mình ở chốn nhàn tịnh, đều không sợ kiến mà tu khổ hạnh.

Phòng hộ ngữ: kẻ kia thọ trì cấm giới yên lặng không nói.

Phòng hộ ý: kẻ kia tâm nhẫn thọ tự khổ bức thiết, lại khởi vui muốn nói thuyết vì người mà hiển dạy như vậy.

Vậy như đã nói trên, người kia do 2 chủng sợ kiến viên mãn và do 3 chủng khổ hạnh viên mãn nên năng vượt các thứ khổ, nhưng không thể vượt qua khổ của bản thân, cho nên bị sự hủy chê của người. Nếu các sự lãnh thọ tất cả đều là nhân đời trước tạo tác, cũng là nhân Tự tại biến hóa tạo tác, cũng là ba chủng khổ hạnh năng vượt qua nhân đã gây tạo, vậy thì ba chủng tu khổ hạnh đều là chỗ thọ các khổ, quyết định là do cảm nghiệp hắc đời

trước, cũng là chỗ hóa hiện bạo ác của Tự tại. Vì ba chúng khổ hạnh đều chẳng năng vượt, cho nên ở nay thọ ấy là thọ khổ. Nếu kẻ kia tuy bên trong chúng ngưng trệ mà được người xưng khen vẫn còn không có việc ấy, hà hưởng được người xưng khen có lợi ích thù thắng. Cho nên gọi là lỗi làm thứ hai, do trong phạm đây chỉ đáng hủy chê.

Lại nữa, trái với tướng trên nên biết thi thiết luận chánh nghiệp nhiễm tịnh và trong chánh hạnh có 2 lợi ích thù thắng: 1. Thắng lợi do bên trong chúng đặc không ngưng trệ; 2. Thắng lợi do được người xưng khen.

- Sao gọi là thi thiết luận nghiệp tạp nhiễm? Có 2 nghiệp: 1. Nghiệp thiện; 2. Nghiệp bất thiện. Ở đời quá khứ đã từng tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, nay trong hiện pháp thọ quả dị thực ái, phi ái. Khi thọ quả ái, phi ái sai khác, liền lại tạo tác nghiệp thiện, bất thiện, do đây thọ quả dị thực ái, phi ái đương lai. Như vậy gọi là luận nghiệp tạp nhiễm.

- Sao gọi là thi thiết luận nghiệp thanh tịnh? Như có người không tạo nghiệp mới, nên tiếp xúc nghiệp cũ rồi liền khiến tiêu dung. Do lực đối trị

vĩnh viễn đoạn không sót, nên chứng đắc thanh tịnh. Đây gọi là luận khiến nghiệp tạp nhiễm được thanh tịnh. Như vậy thì thiết luận chánh nghiệp nhiễm tịnh gọi là luận vô thượng.

- Sao gọi là chánh hạnh? Như có người ở trong chánh pháp thành tựu đa văn, đối với nghiệp tạp nhiễm và thanh tịnh đã chánh biết tướng tạp nhiễm, thanh tịnh, nên xả bỏ nghiệp bất thiện, tu tập nghiệp thiện. Người kia ở nơi văn tự đã như lý tác ý siêng tu tập phương tiện rồi, vì chứng tu nên an trụ chốn a-lan-nhã tịnh tu sửa trị tâm, khiến lìa các cái và các pháp khổ. Vì muốn đoạn trừ tham dục, sân khuể, trạo cử, ác tác, nên dụng chín chủng hành an trụ nơi tâm, tức dụng Chỉ đối trị khiến tâm xả bỏ. Vì muốn đoạn trừ hôn trầm, thù miên cùng với nghi cái, nên phân tích sáu sự, tác ý như lý tu tập trang nghiêm nơi tâm, dụng Quán đối trị khiến tâm xả bỏ. Từ Chỉ Quán sở trị kia ra khỏi rồi, năng chánh tu học mỏng dần các khổ. Người kia đã tịnh tu tâm như vậy khiến lìa các cái, các pháp khổ rồi, lại ở nơi y phục, uống ăn, ngọa cụ, thọ dụng, oai nghi, phép tắc mà tịnh tu tâm đây. Tự rõ biết nếu tập quen thân cận với y phục cho

đến ngộ cụ như vậy, bất thiện pháp tã.g, thiện pháp thối giảm, tức liền xa lìa. Thà rằng thọ dụng y thô xấu... tạm vì nuôi sống thân này nhẫn thọ các khổ, tiến tu chánh hạnh.

Lại do 2 duyên nhân việc thọ dụng y phục tốt đẹp thượng diệu, năng khiến sanh trưởng pháp ác bất thiện là các vọng tưởng và tầm tư bất chánh. Những gì là hai duyên? 1. Vì ở nơi thiện chưa năng trường thời xuyên suốt tu tập, nên tâm chẳng điều phục nhu hòa; 2. Vì ở nơi các việc y phục, uống ăn... dục tham chấp đắm kiên cố. Do nhân duyên đây, người tu chánh hạnh nhu nhuyễn điều phục tâm khiến kham nhiệm thực hành. Đối với y phục... mà có dục tham chấp đắm kiên cố, tự rõ biết các pháp vô thường, chúng nhiều duyên sanh, thường hằng luôn buộc niệm thấy sâu quá hoạn. Bấy giờ, tuy lại thọ dụng các sự y phục tốt đẹp... mà trong tâm không bị tạp nhiễm. Người hành như vậy lãnh thọ sự an lạc, cũng không có tội. Đây nương lực tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na khiến tịnh tu nơi tâm. Đã lìa các cái, do lực tư trạch trong việc tà thọ dụng y phục... tuy bấy giờ tạm chút thành tựu tâm nhất cảnh tánh, nhưng chưa đoạn dục tham tùy miên, ở

đời đương lai lại bị tạp nhiễm. Người kia dùng diệu tuệ thông đạt đây rồi, liền tu gia hạnh sẽ rất ráo đoạn trừ, như pháp thọ dụng biết lượng đối với vật thực y phục, lìa các tham đắm. Trước hết khéo tu trị tư lương chánh định, lần hồi cho đến năng nhập Đệ tứ tĩnh lự thanh tịnh. Lấy đây làm chỗ nương, chứng hiện quán đế, tùy đắc lậu tận, tâm thiện giải thoát. Vì ở nơi tất cả khổ đã được lìa hệ buộc, vì nhiếp thọ tịch tĩnh rất ráo, vì tất cả thân tâm thanh tịnh vi diệu viên mãn không gián đoạn, vì tất cả phiền não vĩnh viễn lìa hệ buộc, vì khắp năng lãnh nạp các thọ vô lậu, đây gọi là chánh hạnh. Như vậy gọi là bên trong chứng đắc không ngưng trệ.

Trái với tướng trước kia, tức có 5 chủng sai biệt được người khen ngợi tán thán. Vị kia bấy giờ tâm thiện giải thoát khỏi các triền cái và tất cả khổ, ở trong hiện pháp các tùy miên kia đoạn hẳn không sót. Do chỗ có nghiệp tạp nhiễm tiền tế, hậu tế và dị thực đều khéo giải thoát, nên ở hiện pháp thành tựu thánh đạo và quả đạo.

Lại nữa, lược có 3 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Dị sanh chưa nhập thánh giáo; 2. Hữu học đã nhập

thánh giáo; 3. Dị sanh đã nhập thánh giáo. Do ba chủng tướng nên rõ biết bổ-đặc-già-la thứ nhất. Bổ-đặc-già-la thứ hai, thứ ba nên biết cũng vậy.

- Sao gọi là nên biết 3 tướng của bổ-đặc-già-la thứ nhất? Tướng bổ-đặc-già-la thứ nhất đã thành tựu chánh kiến thế gian, rõ biết có thí... cho đến nói rộng. Người kia ở thời khác vì nghe pháp bất chánh làm nhân duyên, nên phát khởi tác ý phi lý về chánh kiến thế gian. Lúc chánh kiến sắp muốn diệt, tuy tất cả thấy đều chưa diệt được mà kham năng diệt. Lại sở tri tà kiến phỉ báng lúc sắp muốn sanh, tuy chưa đã sanh mà kham năng sanh. Người kia ở trong khoảng ấy vì lắng nghe chánh pháp làm nhân duyên, bèn trở lại phát sanh như lý tác ý. Vì tà kiến phỉ báng kia sắp muốn sanh mà không hiện hành, nên gọi là đoạn. Nhưng chánh kiến đây do trước đã thành tựu, nên không gọi là sanh.

Tướng bổ-đặc-già-la thứ hai không thành tựu chánh kiến và dụng tà kiến. Vì lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, bấy giờ người kia liền phát sanh chánh kiến thế gian. Người kia ở nơi tà kiến không được gọi là đoạn, vì trước không thành tựu việc đây.

Tướng bổ-đặc-già-la thứ ba đã thành tựu tà kiến, được lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý làm nhân duyên, nên đoạn diệt tà kiến, sanh khởi chánh kiến.

- Sao gọi là nên biết 3 tướng của bổ-đặc-già-la thứ hai? Ở nơi Phật... đã đắc chứng tịnh. Trước ở nơi Phật kia hiện khởi tất cả đều vô trí, nên khi ở nơi các đế đắc hiện quán, vì trước đã đoạn tận nên nay không gọi là đoạn. Vì ở nơi Phật... chứng tịnh đồng hành minh hiện tiền, gọi là sanh. Tức dùng đạo học đoạn trừ phẩm vô minh tu sở đoạn sót thừa, mà đối với minh đây không được gọi là sanh khởi, vì đạo đây đồng với chủng loại trước. Đạo vô học của kia sắp hiện tại tiền, tu đoạn trừ vô minh... khiến chúng thấy đều diệt tận. Lại năng sanh khởi các minh vô học.

- Sao gọi là nên biết 3 tướng của bổ-đặc-già-la thứ ba? Đó là lắng nghe chánh pháp tương ưng vô ngã. Ban đầu chỉ do nghe nên phát sanh tin hiểu mà chưa ngộ nhập. Vì người kia ở nơi vô ngã sanh tin hiểu nên năng đoạn ngã kiến, nhưng vì chưa ngộ nhập nên không được gọi là sanh vô ngã kiến. Lúc như pháp đã được nghe, lại năng như lý chánh

tư duy, vì ở nơi lý vô ngã năng ngộ nhập, liền được gọi là sanh vô ngã kiến. Nhưng ở nơi tùy miên kia vẫn chưa năng đoạn. Từ đây về sau, do lực tu đạo chứng hiện quán đế, mới năng đoạn hẳn tùy miên, phát sanh vô lậu.



Quyển 90

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH

Phần 2

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Năm hai và mười ba
Sau cùng là bốn nghiệp.*

Có 2 chủng nghiệp: 1. Nghiệp nặng; 2. Nghiệp nhẹ.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp tăng trưởng; 2. Nghiệp không tăng trưởng.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp do cố tư duy mà tạo; 2. Nghiệp không cố tư duy mà tạo.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp quyết định thọ; 2. Nghiệp bất định thọ.

Lại có 2 nghiệp: 1. Nghiệp dị thực đã chín muối; 2. Nghiệp dị thực chưa chín muối.

Lại có 3 chủng nghiệp: 1. Nghiệp thiện; 2. Nghiệp bất thiện; 3. Nghiệp vô ký.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp thuận thọ lạc; 2.

Nghiệp thuận thọ khổ; 3. Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp thuận thọ hiện pháp; 2. Nghiệp thuận thọ sanh; 3. Nghiệp thuận thọ về sau.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp học; 2. Nghiệp vô học; 3. Nghiệp phi học phi vô học.

Lại có 3 nghiệp: 1. Nghiệp kiến sở đoạn; 2. Nghiệp tu sở đoạn; 3. Nghiệp không đoạn.

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp quanh co, đó là thân quanh co...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp ướ, đó là thân ướ...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp trước, đó là thân trước...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp thanh tịnh, đó là thân thanh tịnh...

Lại có 3 nghiệp: ba nghiệp tĩnh lặng, đó là thân tĩnh lặng...

Lại có 4 chủng nghiệp: 1. Nghiệp hắc dị thực hắc; 2. Nghiệp bạch dị thực bạch; 3. Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch; 4. Nghiệp không có dị thực, không phải hắc, không phải bạch, năng tận các nghiệp.

Nên biết trong đây do 3 chủng nhân duyên khiến nghiệp thành nặng:

1. Do ý vui: Do triền... mạnh mẽ gây ra, thấy người đồng pháp phát sanh hoan hỷ. Đối với người hành tùy pháp, nhiều tùy tâm tư, nhiều tùy tứ sát, lại không sanh hoan hỷ. Như vậy gọi là do ý vui khiến nghiệp thành nặng.

2. Do gia hạnh: Ở nơi nghiệp kia gây tạo không gián đoạn, gây tạo sâu dày, trường thời tích tập. Lại ở việc đây mà khuyến khích người khiến làm, lúc người làm theo thì khen ngợi tán thán. Như vậy gọi là do gia hạnh nên khiến nghiệp thành nặng.

3. Do ruộng: Các hữu tình đối với mình có ân, hoặc an trụ chánh hạnh và quả chánh hạnh, mà đối với những vị kia phát khởi tà cho là làm thiện làm ác. Nên biết nghiệp đây gọi là nặng.

Nghiệp nhẹ: nên biết trái với tướng trên.

Nghiệp không tăng trưởng: hoặc nghiệp có hành động gây tạo không hiển rõ ràng, hoặc do làm trong mộng, hoặc do ẩn che không ghi nhớ mà làm, hoặc do làm bất thiện nhưng sau lại hối hận nhiếp thọ đối trị. Lại ở nơi tất cả các nghiệp thanh

tình tương tục. Như vậy đều gọi là nghiệp không tăng trưởng.

Nghiệp tăng trưởng: là nghiệp trái với tướng trên.

Nghiệp do cố tư duy mà tạo: tức là trước đã suy lường, đã tùy xem soi suy nghĩ, đã tùy quán xét rồi mới có tạo tác, kia hoặc thác loạn, hoặc không thác loạn. Nếu kẻ kia thác loạn, tức là đối với người khác suy nghĩ muốn sát hại, hoặc muốn trộm cướp, hoặc muốn chia rẽ, hoặc muốn vọng ngữ và khi dối... Suy nghĩ như vậy rồi, tức dùng tướng đây thực hiện được từng việc riêng khác. Nên biết trong đây do ý vui nên thuyết là nặng, chẳng do sự mà thuyết là nặng. Nên biết tướng không thác loạn thì trái với tướng trên.

Nghiệp không cố tư duy mà tạo: là nghiệp trái với tướng trên.

Nghiệp quyết định thọ: là nghiệp do cố ý tư duy mà làm, thuộc loại nặng.

Nghiệp bất định thọ: cũng là nghiệp do cố tư duy mà làm, nhưng thuộc loại nhẹ.

Nghiệp dị thực đã chín muồi: là nghiệp đã cho quả.

Nghiệp dị thực chưa chín muồi: là nghiệp chưa cho quả.

Nếu lúc muốn chứng A-la-hán mà trước đã gây tạo nghiệp quyết định thọ, do quả dị thực hiện tại tiền nên năng làm chướng ngại, không phải do thân tương tục đui theo. Vì có sao? Bởi lẽ chỉ do nghiệp sanh không quân bình so với thân sở y mà năng làm chướng ngại, khiến không thể đắc quả A-la-hán. Nếu ở nơi không thọ sanh mà thọ hậu hữu, thì đối với sở chứng đắc quả A-la-hán không thể làm chướng ngại. Nhưng vị kia lại là nghiệp quyết định thọ. Vì có sao? Do tức nương phiền não trợ bạn kia và tức nương các hành tương tục kia mới thi thiết nghiệp đây là quyết định thọ.

Nghiệp thiện: do 2 nhân duyên mà được kiến lập: 1. Do nắm giữ quả ái; 2. Do ở nơi cảnh sở duyên như thật biết khắp và quả kia.

Nghiệp bất thiện: do 2 nhân duyên mà được kiến lập: 1. Do nắm giữ quả phi ái; 2. Do ở nơi cảnh sở duyên tà chấp trước.

Nghiệp vô ký: là nghiệp được kiến lập do ở nơi hai chủng hành tướng thiện và bất thiện, không thể ký nên kiến lập kia.

Nghiệp thuận thọ lạc: là sở hữu nghiệp thiện hệ buộc sơ, nhị, tam tĩnh lự địa và hệ buộc Dục giới. Hoặc nghiệp trước làm nhân chiêu cảm thọ lạc, nên biết nghiệp đây cũng được gọi là nghiệp thuận thọ lạc.

Nghiệp thuận thọ khổ: là các nghiệp năng chiêu cảm sanh trong đường ác, sanh trong bàng sanh và ngạ quỷ.

Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc: là các nghiệp từ Đệ tứ tĩnh lự và các địa trên.

Chỉ trừ địa ngục, ở các xứ còn lại nên biết đều được gọi là tạp thọ khổ lạc, tức do nghiệp kia lự tăng thượng, khiến thân nương tạp trụ khổ lạc đây mà chúng không trở ngại nhau.

Nghiệp thuận thọ hiện pháp: do tướng trạng ý vui như thế tạo tác các nghiệp, hoặc do tướng trạng gia hạnh như thế tạo tác các nghiệp, đó là gia hạnh sự, gia hạnh thân và gia hạnh ngữ; hoặc do tướng trạng ruộng lành như thế tạo tác các nghiệp, nên trong hiện pháp dị thực chín muối. Như vậy gọi là nghiệp thuận thọ hiện pháp.

Nghiệp thuận thọ sanh: nếu nghiệp gây tạo ở trong hiện pháp dị thực mà chưa chín muối, ở

trong sanh đời kế sē sanh dị thực, gọi là nghiệp thuận thọ sanh.

Nghiệp thuận thọ về sau: nếu nghiệp gây tạo hiện pháp, đời kế sanh dị thực mà chưa chín muồi, từ đây về sau dị thực mới chín muồi. Nên biết đây gọi là nghiệp thuận thọ về sau.

Nghiệp hữu học: các Thánh đệ tử tùy từng giai đoạn mà nương tăng thượng giới, nương tăng thượng tâm, nương tăng thượng tuệ tu học vô lậu và đây về sau đắc nghiệp thiện hữu lậu, gọi là nghiệp hữu học.

Nghiệp vô học: ở trong thân tương tục của tất cả A-la-hán... tùy ứng các nghiệp.

Nghiệp phi học phi vô học: ngoại trừ nghiệp hữu học, nghiệp vô học, các nghiệp còn lại.

Nghiệp kiến sở đoạn: là các nghiệp hoặc tương ưng phiền não kiến sở đoạn, hoặc do đây dẫn phát tư duy tất cả nghiệp năng đến các đường ác.

Nghiệp tu sở đoạn: là các nghiệp hoặc tương ưng phiền não tu sở đoạn, hoặc do đây dẫn phát tư duy.

Nghiệp không đoạn: tất cả nghiệp của hữu học, vô học xuất thế gian.

Nên biết trong đây ở hiện pháp do 3 chủng tướng tư duy rồi gây tạo các nghiệp bất thiện đã làm khiến tăng trưởng, nhưng trở lại đoạn trừ. Những gì là ba? 1. Vì đoạn hiện pháp; 2. Vì đoạn sanh; 3. Vì đoạn sau.

- Đoạn hiện pháp: Như có người ở trong hiện pháp cố suy nghĩ gây tạo nghiệp, đã làm cũng khiến tăng trưởng rồi, bèn lại chán lìa. Tức là ở nơi sự việc, làm rồi, thọ rồi, từ đó sanh chán lìa. Đây là dị sanh chưa đắc ly dục, trụ đây mà mạng chung, nên chưa có thể khiến ở đời sanh kế tiếp không gây tạo nghiệp kia, không thọ dị thực; cũng chưa thể khiến ở thân sau không có việc đây; ở trong hiện pháp cũng chưa một hướng năng khiến không gây tạo nghiệp đây.

- Đoạn sanh: Lại có người đã thọ chán lìa, tuy là dị sanh mà ở Dục giới đã đắc ly dục, an trụ như thế mà mạng chung. Kia ở hiện pháp bèn không tạo tác, ở đời sanh kế tiếp (vị sanh) còn không thọ dị thực, hướng lại sanh rồi sẽ tiếp tục gây tạo. Nhưng chưa giải thoát, nên ở các đời sau (vị sau) tạo tác nghiệp và thọ dị thực.

- Đoạn sau: Lại có người tuy là hữu học mà ở

Dục giới chưa đắc ly dục. Ban đầu đã thành tựu thọ chán lìa rồi, hoặc lại chứng quả thứ hai của Samôn, kia khởi nghĩ đây: “Vì ta sở hữu nhiều thô trọng, nhiều nhiệt não, chỉ nên vất bỏ, nhằm chán các nghiệp ác mà thân đã gây tạo, nguyện ở hiện pháp đều thọ tất cả”. Hoặc: “Chỗ có nghiệp hiện pháp thọ hoặc khổ hoặc lạc của ta đều nguyện đồng thời mà thọ, đừng khiến ta sẽ ở vị sanh sau hoặc ở vị sau nữa mà thọ dị thực kia”. Chánh tâm phát thệ nguyện như vậy rồi, vì đoạn kia lại thêm tu bốn vô lượng, dùng phẩm định Xa-ma-tha nhiếp lấy việc phát khởi chánh gia hạnh. Thực hành như vậy muốn khiến nhân duyên năng khởi nghiệp kia rất ráo tận và tiến đến ly dục ái. Nên biết trong đây hoặc do ý vui sân, hoặc do ý vui hại, hoặc do tánh tật đố, hoặc do sanh sâu đắm trước ở nơi việc khả ái, do đây làm nhân nên ở nơi các hữu tình mà phát khởi tà hạnh, tức dụng thân ngữ ý khởi vô số việc xấu ác thuộc nghiệp ác. Nếu muốn đối trị bốn chủng nhân duyên năng sanh khởi ác nghiệp như vậy, tu bốn vô lượng thắng tam-ma-địa. Vị kia cho đến đối với thiếu nam, thiếu nữ không chỗ dung chứa, không khiến tạm phát khởi các nghiệp tư

duy ác. Vì kia tu gia hạnh như vậy, năng tận sở hữu nhân duyên nghiệp ác. Nên biết chân chánh tu tập gia hạnh như vậy, nên 2 nhân duyên ở nơi tạo tác và tăng trưởng tất cả nghiệp ác đều năng hàng phục, đó là do tu tập định vô lượng. Vì cố sao? Chỗ gây tạo nghiệp ác đây chỉ đối với cảnh giới hữu tình có lượng mà phát khởi ý thích không làm nhiều ích. Sự tu tập vô lượng đây, bèn đối với cảnh giới hữu tình vô lượng mà phát khởi ý lạc làm việc nhiều ích.

Lại nếu tâm năng phát khởi nghiệp bất thiện nhiếp thuộc cảnh giới thấp kém là sở đối trị, thì việc tu tâm đồng hành vô lượng nhiếp thuộc cảnh giới thắng diệu là năng đối trị.

Lại tâm thù thắng hơn vì việc gây tạo nghiệp đều từ tâm lưu xuất, nên nói: “Gom hết thế gian thấy đều là tâm loạn, vì hệ thuộc tâm, vì nương tâm chuyển”. Người hành như vậy trước phát chánh nguyện làm chỗ nương, sau khéo tu tập vô lượng tâm định, lúc ở giai đoạn tiến đến ly dục ái, liền năng thành tựu trụ quả Bất hoàn. Nếu chỉ ở đây tạm sanh vui đủ, trong hiện pháp không cầu thắng tiến, thì vị kia ở trong hiện pháp còn không tạo

ngiệp, hưởng ở vị sanh, hoặc ở vị sau. Lại quyết định chẳng thể sē thọ vị sanh, vị sau dị thực.

Nghiệp quanh co: là chỗ có tất cả nghiệp thiện, bất thiện của những kẻ ngoại chánh pháp rơi trong tà kiến, những kẻ hành tà đạo, do tà kiến phát khởi, do lực tà kiến tăng thượng phát sanh.

Nghiệp ướ: các nghiệp phát khởi do tham sân mãnh lợi.

Nghiệp trước: là các nghiệp phát khởi do ngu si như kẻ si mãnh lợi, kẻ độn căn phẩm thượng, kẻ quên mất nhớ nghĩ, kẻ cực ám độn.

Nghiệp tịnh: là tất cả diệu hành năng đến đường thiện.

Nghiệp tĩnh lặng: là tất cả diệu hành năng đến Niết-bàn.

Nghiệp hắc dị thực hắc: là nghiệp ác năng cảm mỗi mỗi cõi địa ngục riêng khác.

Nghiệp bạch dị thực bạch: là nghiệp thiện năng cảm đường thiện, mỗi mỗi cõi trời riêng khác.

Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch: là các nghiệp năng cảm các xứ còn lại. Ở xứ đây có hai nghiệp quả hiện tiền khả đắc, nên thuyết chung là một nghiệp.

Nghiệp không dị thực, không hắc không bạch, năng tận các nghiệp: là các nghiệp vô lậu xuất thế gian. Hoặc nghiệp đã tận, vì khiến các nghiệp chưa sanh sẽ chẳng sanh; hoặc nghiệp sẽ tận, vì khiến các nghiệp đã sanh lìa hệ buộc, hai chủng gọi chung là năng tận các nghiệp. Nếu đem so trong phạm vi nhân quả dị thực khả ái, thì nói là không bạch. Nên biết mỗi xứ của cõi trời chỉ có một hướng bạch, đó là vượt qua cõi trời Tha hóa tự tại. Ở trong Dục giới có chỗ Ma vương đóng đô, cung điện chúng ma và Phạm thế, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, sở hữu nghiệp thiện thuyết chung là một. Do các xứ sở kia mắt thấy sắc cho đến ý biết pháp một hướng khả ái, vì nghĩa thù thắng tương tục tăng thượng, vì nghĩa môn ý dẫn phát ý mà thành tựu. Riêng xứ sở địa ngục có bốn: 1. Đại địa ngục; 2. Độc nhất địa ngục; 3. Hàn địa ngục; 4. Cận biên địa ngục.

Ở các xứ sở đây, hoặc có cõi chỉ riêng thuận thọ các quả dị thực của nghiệp thuận thọ lạc, hoặc có cõi chỉ riêng thuận thọ các quả dị thực của nghiệp thuận thọ khổ, cho nên thuyết là mỗi mỗi xứ sở riêng khác.

Lại ở cung ma, ở Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự chỉ thuần thọ duyệt lạc. Nếu ở Đệ tam tĩnh lự trở lên thuần thọ hỷ lạc. Nói hỷ lạc tức là khiến tâm điều nhu, khiến tâm an ổn thích duyệt. Cùng tương tợ hỷ nên gọi là hỷ, chẳng phải thọ hỷ. Cùng tương tợ lạc nên gọi là lạc, chẳng phải thọ lạc. Chỗ hằng lãnh thọ môn sáu xúc xứ, nên biết tức kia gọi là sáu xúc xứ, và nghĩa đạo lý nhân quả phụ thuộc lẫn nhau ở mỗi xứ sở đều riêng khác.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Vô trí, trí cùng định

Thù thắng, chướng, học thầy

Trước, vô ngã, thánh đạo

Hai biển không đồng phận.

Hoặc các tà kiến, hoặc các ngã kiến, hoặc tức vô minh nương trước đã thuyết, vì ba chúng hữu tình vô trí làm gốc mà được sanh khởi. Nếu năng đoạn căn bản vô nghĩa đây, một pháp trong tất cả chúng năng khởi tất cả tạp nhiễm, nên biết kẻ kia năng chân chánh ký chỗ hiểu biết. Trong đây chỗ khởi tạp nhiễm thứ nhất tổn giảm đối với sự thật có, tạp nhiễm thứ hai tăng ích đối với sự hư vọng

không thật, tạp nhiễm thứ ba ở sự việc như thật hiển rõ phương tiện năng tạo tác ngu si. Vì ở hai nhân kia có ngu si, nên hoặc khởi tăng ích, hoặc khởi tổn giảm.

Lại nữa, có 2 chủng như thật trí: 1. Nương tác ý như lý dẫn phát; 2. Nương tam-ma-địa dẫn phát.

1. Nương tác ý như lý dẫn phát: Vì lực lắng nghe chánh pháp tăng thượng, nên thành tựu tác ý do chân chánh văn, tư. Như thật rõ biết ở nơi năm chủng phần vị thọ chuyển biến phát khởi quá hoạn. Lại tức ở nơi phần vị chuyển biến đây như lý tư duy, gọi là bất định địa. Lấy như thật chánh trí đây làm chỗ nương mà năng theo đó nhập vào tu tập.

Sao gọi là phần vị chuyển biến phát khởi quá hoạn? Tức là các vị khổ lạc tánh vô thường. Trong phần vị khổ có tự tánh của tánh khổ. Trong phần vị lạc có tánh pháp biến hoại.

Sao gọi là phần vị chuyển biến? Phần vị lạc và phần vị khổ có tánh riêng khác. Nếu phần vị khổ và phần vị lạc có tánh riêng khác, như vậy nên biết tất cả phần vị triển chuyển riêng khác. Ở nơi riêng khác đây, như thật quán thấy ở nơi phần

vị đây trụ tướng vô thường. Như thật quán thấy quá hoạn riêng khác, rõ biết sở hữu thọ đều là khổ rồi, trụ tướng khổ. Có tướng như vậy, có kiến như vậy năng chứng thanh tịnh, nên cũng được gọi là như thật trí.

2. Do nương định dẫn phát như thật trí: Tức là lúc nương hành tướng kia chuyển, khinh an nhiếp lấy thanh tịnh không bị nhiễu loạn, tịch tĩnh mà chuyển. Nên biết hành đây cùng với trước có sự sai biệt.

Lại tánh vô thường chính là cộng tướng của tất cả hành. Tánh khổ là cộng tướng của tất cả pháp hữu lậu. Vì hai chủng như thật trí đây làm chỗ nương, nên biết năng chánh hiển rõ như thật hai tướng của pháp kia.

Lại nữa, người trụ nội pháp chưa đắc tâm định so với tâm định của ngoại đạo còn có sự sai biệt, do trí thắng vượt hơn, huống là người đắc tâm định. Vì cơ sao? Các ngoại đạo kia tuy đắc tâm định cho đến cực xa chứng đắc Phi tướng phi phi tướng định, nhưng do chưa thể như thật rõ biết ở nơi sáu xúc xứ dụng năm chuyển khiến tâm chân chánh ly dục chứng đắc giải thoát. Cho nên ngoại đạo kia so với

người ở nơi chánh pháp luật đây có sự sai biệt lớn như tướng đất so với hư không. Người trụ nội pháp tuy chưa đắc định, chỉ do tịnh tín lắng nghe thắng giải vô ngã, liền năng chứng đắc tam-ma-địa, nơi sáu xúc xứ năng đoạn năng biết, tâm đắc ly dục và chứng giải thoát. Cho nên, nên biết đối với chánh pháp luật, ngoại đạo kia bị hoại mất, người trụ nội pháp đây không bị hoại mất, chỉ có lúc thắng giải chân chánh tương tục chuyển, nơi sáu cảnh giới nương sáu căn lược có năm chủng diệu hành tịch tĩnh. Tức là vì đối với kia thấy sâu lỗi lầm tai họa, gọi là khéo điều phục. Vì ở trong các cảnh giới không nên phục tùng thì không phục tùng, gọi là khéo giàu sang. Vì ở trong các cảnh giới nên phục tùng thì phục tùng, hoặc ở trong các cảnh thượng giới bỗng nhiên hiện tiền thì khéo an trụ niệm, gọi là khéo thủ. Vì ở nơi tất cả phiền não đều năng đoạn trừ, gọi là khéo hộ. Vì đã khéo tu tập đạo viên mãn, gọi là khéo tu.

Lại nữa, ở nơi hai xứ Như Lai chứng đắc an lập trí, năng chánh hiển thuyết “vượt các khổ lạc”, chẳng thể không chứng đắc mà năng an lập thắng trí. Ở trong ấy nếu có người khởi hiểu như vậy:

“Đại Sa-môn Kiều-Đáp-Ma đây không biết không hiểu. Nơi các thế gian chỉ một hướng an vui, lại tuyên thuyết pháp yếu cho đệ tử rằng an vui đây xen tạp các khổ, xen tạp nương dựa các thế gian, khiến họ sanh sâu sợ hãi, muốn vượt thoát khổ vui”. Nên biết hiểu đây là tà tưởng, là tà phân biệt, là đại tà kiến. Vì Như Lai khéo biết thế gian hoặc một hướng lạc, hoặc một hướng khổ, hoặc xen tạp khổ lạc, nhưng tất cả kia đều là vô thường. Cho nên vì khiến các chúng đệ tử vượt qua tất cả thế gian vô thường, vượt qua khổ vui, nên thuyết chánh pháp yếu. Do 3 chủng tương ưng mà chánh rõ biết các sự khả ý, tức là các sự khả ái đời vị lai gọi là sở truy cầu, hoặc các sự khả ái đời quá khứ gọi là sở tâm tư, hoặc bên ngoài cảnh khả ái đời hiện tại gọi là sở thọ dụng, hoặc bên trong lãnh thọ khả ái đời hiện tại gọi là sở đắm trước. Nên biết trong đây rơi vào ba đời vị lai, quá khứ, hiện tại có 4 hành tướng. Ở nơi hành tướng đây năng theo đó nhập vào là tướng duyệt ý, tướng ý sở lạc, tướng sắc khả ái, tướng sắc bình an. Như chỗ thích hợp nên biết tức là 4 chủng hành tướng khả hân, khả lạc, khả ái, khả ý.

Lại nữa, người siêng tu định lược có 2 môn, 2 thời, 2 địa, chỗ có các dục năng làm chướng ngại đối với sự dẫn phát 3 chủng đẳng trì. Vì muốn đoạn trừ chướng ngại như vậy, chánh siêng tu tập 5 chủng đối trị. Trong đây nên biết người ở chốn viễn ly, đối với các dục đã từng thọ dụng ở quá khứ, do môn tầm tư khiến tâm trôi nổi tản mạn. Lại người hiện tại sống ở cư gia, chỗ có lợi dưỡng cung kính đồng hành các dục, do môn tầm tư khiến tâm tán loạn. Trong đây vào lúc hành, chỗ có các dục đồng hành lợi dưỡng cung kính khiến tâm trôi nổi tản mạn. Vào lúc trụ, chỗ có các dục đã từng thọ dụng ở tại cư gia khiến tâm tán loạn. Như vậy, các dục đây năng làm chướng ngại ở dị sanh địa, cũng làm chướng ngại ở hữu học địa.

Lại ở vị dị sanh năng làm chướng ngại trong việc tu tập vô lượng đồng hành đẳng trì. Ở vị hữu học năng làm chướng ngại trong việc năng khéo thông đạt sự nhất thiết trí đẳng trì rộng lớn. Ở vị vô học năng làm chướng ngại trong việc cực khéo tu tập rốt ráo đẳng trì. Nên biết chỗ sanh khởi của tất cả đẳng trì như vậy đều cùng hỷ đồng hành. Trong đây môn thứ nhất, vì ý vui làm lợi ích an lạc

cho các hữu tình cùng hỷ đồng hành. Môn thứ hai, vì lãnh thọ hỷ của hữu học giải thoát cùng hỷ đồng hành. Môn thứ ba, vì lãnh thọ hỷ của vô học giải thoát cùng hỷ đồng hành. Kia do nhãn nhận biết sắc... sở duyên riêng biệt, nên lại có sáu chủng. Lại vì đẳng trì đầy đủ các tướng, gọi là viên mãn. Lại đẳng trì đầy rớt ráo ngần mé, đó là hoặc năng hướng đến ly dục thế gian, hoặc năng hướng đến ly dục xuất thế gian. Quá đây lại không đẳng trì nào khác năng hướng đến thanh tịnh khả đắc, cho nên nói đây không có khuyết giảm. Nếu có người muốn nhanh chóng chứng quả Sa-môn, đối với thân mạng.. không lòng luyến tiếc, hằng thường gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, tinh tấn mãnh liệt; ở trong các dục rõ biết tự tướng, nên giữ gìn chánh niệm bền chắc; rõ biết quá hoạn, nên không các sự mong cầu, chánh biết hiện tiền. Vì lấy chánh niệm, chánh trí làm chỗ nương, nên phương tiện siêng tu bốn chủng không phóng dật, đó là phần ban ngày hoặc đi hoặc ngồi, nơi các pháp chương tịnh tu trong lòng, cho đến nói rộng. Như vậy phát khởi đồng mãnh tinh tiến, nơi sở chứng đây không chỗ khiếp sợ yếu hèn.

Do 9 chủng tướng khiến trong tâm an trụ, nhất hướng tu tập Xa-ma-tha định nên thân được khinh an. Vì không hết thấy ái vị nên không hết thấy nhiễm ô, không bị sự nhiễu loạn của hai tùy phiền não hôn trầm và thù miên. Vì nhất hướng lấy niệm trụ làm chỗ nương, tinh tấn tu tập Tỳ-bát-xá-na, kiên cố giữ gìn chánh niệm, xa lìa tạp cử và tùy phiền não, nên không có ngu si. Đã nhập đạo Chỉ Quán song vận chuyển, nơi tâm chánh định, tức ở nơi hai phần đây hành theo một cảnh. Vì đoạn chướng kia nên tu tập năm chủng đối trị như vậy làm chỗ nương, nên năng ở nơi chướng kia biết khắp vĩnh viễn đoạn trừ. Ở nơi ba đẳng trì nương sáu sự cảnh, chỗ có năng dẫn hỷ sai biệt đồng hành định viên mãn.

Do 2 nhân duyên chư Phật Thế Tôn vì các đệ tử tuyên thuyết tự mình năng dẫn đạo pháp: 1. Ở nơi quá thất của phẩm hắc, khiến sanh hiểu biết; 2. Ở nơi công đức của phẩm bạch, khiến sanh hiểu biết.

Lại nữa, ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da đây lược có 2 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Đã đắc ý; 2. Chưa đắc ý.

Người đã đắc ý lại có 2 chủng: 1. Đã kiến đế, đã đắc ý tâm giải thoát hữu học; 2. A-la-hán, đã đắc ý tâm giải thoát vô học.

Người chưa đắc ý tức là hàng hữu học dị sanh mới bắt đầu sự nghiệp tu tập ở nơi ba học. Kia hoàn toàn chưa đắc tất cả hai chủng ý tâm giải thoát, cho nên mong cầu thể dị sanh về sau hữu dư y diệt và tự thể về sau vô dư y diệt, lúc Niết-bàn giới, nên ở trong ba học an trụ nhiều tu học.

Nếu hàng vô học tuy đã chứng đắc ý tâm giải thoát, nhưng lúc mất chánh niệm, hành buông lung liền bị thối lui hiện pháp lạc trú. Tuy vị kia ở nơi hiện pháp lạc trú đây hoặc thối lui hoặc không thối lui, nhưng không kham năng thối mất giải thoát.

Nếu có người tu hành không phóng dật, tất cả đều vì chứng đắc giải thoát. Nhưng đã chứng đắc giải thoát thì không thối mất, vậy tu không phóng dật có tác dụng gì? Nếu vì chứng đắc hiện pháp lạc trú, siêng thực hành dụng công như tạo làm nghề nghiệp công xảo, không phóng dật là lẽ cần thiết tất nhiên. Nếu các bậc hữu học trước đã chứng đắc ý tâm giải thoát, vị kia cũng quyết định tiến đến

ba Bồ-đề; nơi sự tu đạo, không do duyên khác mà tự nhiên năng tu hành không phóng dật, vì trong hiện pháp còn chưa dừng nghỉ phóng dật một cách rốt ráo. Nếu có người chưa đắc tất cả ý, kia lẽ quyết định tu không phóng dật.

Lại do 3 tướng biện biệt việc nên làm: 1. Vì huân tập thành tựu các căn, nên tư lương viên mãn; 2. Do tập quen gần gũi tùy thuận như pháp các ngoại cụ, nên tâm được an trụ; 3. Do các nhân duyên thân cận y chỉ bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý, cho đến thành tựu 2 tâm giải thoát.

Lại tức ở đây, lúc sự thực hành không phóng dật chuyển, do 2 chủng tướng nên biết ở nơi sáu xứ tịch diệt kia có tăng thượng mạn, không tăng thượng mạn. Đó là ở nơi chưa diệt, khởi tà phân biệt vọng chấp là diệt. Do sở duyên và ở nơi chưa đắc, khởi tà phân biệt hư vọng kế chấp là đắc. Kia tuy khởi tà phân biệt “diệt giải thoát” như vậy, mà chưa năng khiến thân hoại về sau, thọ mạng vĩnh viễn tận, sáu xứ vĩnh viễn diệt, cũng không thể lia các cảnh giới tướng.

Lại kể kia ở nơi sáu xứ tịch diệt, hoặc duyên

hoặc chúng, vì lãnh thọ tà nên có sự việc như vậy. Hai chủng tướng đây nên biết gọi là có tăng thượng mạn. Trái với tướng đây nên biết gọi là không tăng thượng mạn.

Lại nữa, người trụ nội pháp đối với 2 chủng “đắm trước” phải nên rõ biết là 2 chủng quá hoạn, đó là vì các dị sanh ở hai duyên thức và thọ năng y không thể rõ biết là tánh vô ngã. Người chưa ly dục duyên nơi nghiệp lợi dưỡng cung kính tăng thượng mà khởi các thọ, nên có đắm trước thứ nhất. Người đã ly dục duyên nơi lìa các dục sanh khởi các thọ, có đắm trước thứ hai. Đắm trước đây làm nhân khiến đương lai sanh khởi, gọi là sanh. Lại, các ngoại đạo do chấp thủ đắm trước nên sanh các hệ phược, vì hệ phược sanh nên năng sanh tất cả pháp ác bất thiện. Đây gọi là quá hoạn thứ nhất. Lại do lực đắm trước đây tăng thượng, nên ở nơi chánh pháp Tỳ-nại-da bị chìm mất và đời đương lai sanh khởi các khổ như sanh... sai khác. Ở trong hiện pháp, vì lực tăng thượng đây làm nhân duyên, nên không thể Bát-niết-bàn. Đây gọi là quá hoạn thứ hai. Trái với tướng đây, nên biết tức là phẩm bạch sai biệt.

Lại nữa, do 4 nhân duyên ở nơi pháp vô ngã năng đến rốt ráo. Đó là tất cả pháp đều vô ngã. Vì ngoại trừ tự tánh thức, các nhân duyên thức, các trợ bạn thức, sở hữu còn lại đều chẳng thể đắc. Lại vì tự tánh thức là vô thường. Lại vì nhân duyên đây là vô thường. Lại vì trợ bạn đây là vô thường.

Lại nữa, do pháp tám Thánh đạo chi cùng quả đây hiển phát chánh pháp cùng Tỳ-nại-da, do 5 chủng tướng mà biết pháp tám Thánh đạo chi là tối thắng, không tội: 1. Vì ở hiện pháp khéo phân biệt hoặc có hoặc không có phiền não, gọi là hiện kiến; 2. Vì năng khiến đắc lìa hệ buộc phiền não, gọi là không chày mạnh; 3. Vì trong tất cả mọi lúc, hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, đều có thể tu tập, dễ dàng tu tập, gọi là đúng thời; 4. Vì dẫn dắt đến Niết-bàn, gọi là dẫn đạo; 5. Vì chẳng cùng chung với tất cả ngoại đạo, gọi là chỉ kiến đây. Vì xa lìa do người mà tín, hành tướng hân lạc, tâm tư khắp cả; từ văn phát khởi kiến-thẩm-sát-nhãn, duy chỉ tự chứng, gọi là bên trong sở chứng. Đạo và quả của pháp đây cũng có 5 tướng, nên biết đã phân biệt như trong phần *Nhiếp dị môn*.

Lại nữa, biển có 2 chủng: biển nước và biển

sanh tử. Do 3 chủng tướng nên biết biển nước và biển sanh tử chẳng đồng phạm. Những gì là ba?

1. Tự tánh không đồng phạm: Biển nước lớn dụng một phần sắc làm tự tánh, nên có biên bờ, có lượng. Biển lớn sanh tử dụng tất cả hành làm tự tánh, nên không biên bờ, không hạn lượng.

2. Chìm nổi không đồng phạm: Hoặc sở hữu chìm nổi, hoặc do đây chìm nổi, hoặc như vậy chìm nổi đều không đồng phạm.

Trong biển nước lớn, hoặc thú bàng sanh, hoặc cõ người chìm nổi trong ấy. Trong biển lớn sanh tử, cả trời và thế gian cũng thường chìm nổi.

Lại biển nước lớn chỉ có thân bị chìm nổi trong ấy, chẳng do ngũ, chẳng do ý, chẳng do tham, chẳng do sân, chẳng do si, chẳng do pháp sanh khổ... mà khiến chìm nổi trong ấy. Trong đây tuyên thuyết các nghiệp phiền não và quả kia ba phần, như thứ lớp đây mà biết tướng kia. Biển lớn sanh tử cũng do thân, cho đến cũng do sanh khổ... mà chìm nổi trong ấy. Những người xuất gia do hư vọng tầm tư, do hư vọng quán sát, do tự mình khởi các tà phân biệt, phát khởi chủng chủng tầm tư bất chánh, khiến tâm bị nhiễu loạn, hằng thường

chìm nổi nơi biển sanh tử. Lại vì các ngoại đạo khác bị sự ràng buộc trói cột của các phiền não hệ buộc, nên hằng thường chìm nổi nơi biển sanh tử. Những người tại gia bị các khổ phiền não hằng thường bức bách thiêu đốt không gián đoạn mà không biết nhàm chán, nên gọi là chìm nổi. Lại nương theo các nghiệp phiền não, mà qua lại sanh trong các cõi không ngừng, gọi là chìm nổi.

Biển nước lớn đây, tuy rơi vào trong ấy chỉ tạm thời bị suy tổn. Nếu là các thú bàng sanh, chỉ do một phần thế lực nghiệp phiền não mà sanh trong ấy, tạm thời bị chìm nổi mà chẳng phải rốt ráo hoàn toàn. Nên biết đây gọi là chìm nổi không đồng phận.

3. Vượt qua không đồng phận: Tức là trong biển nước lớn, nếu các loại dị sanh chưa ly dục tham vẫn có thể vượt qua, hưởng các loại khác. Biển lớn sanh tử kiến lập ba phần: người chưa ly dục, do năm cảnh khả ái sai biệt; người đã ly dục, do ý nhận biết pháp cảnh khả ái sai khác; các hữu học do nội sáu xứ có sai khác. Các loại dị sanh đối với cảnh giới khả ái của biển lớn chưa thể vượt qua. Các loại dị sanh đã ly dục ở trong sáu xứ mỗi

mỗi riêng khác của biển lớn chưa thể vượt qua. Do kia ở nơi đây chưa thể vượt qua, nên ở hai chủng cảnh giới biển lớn trước cũng chưa vượt qua.

Các bậc hữu học đây ở nơi sáu xứ biết khắp là khổ, tức ở nơi sở duyên mà tu tập chánh đạo. Do vị kia an trụ như vậy, ở hai chủng cảnh giới là chưa ly dục địa và đã ly dục địa, chỗ có tâm ý sở duyên cảnh tướng minh bạch rõ ràng hiện tiền. Lại do tác ý quán sát mãnh lợi, nên ở nơi sở kiến trước thấy đều tùy nhớ nghĩ. Do nhân duyên đây, ở nơi sáu xứ kia nhanh chóng dùng tuệ thông đạt, cũng năng trừ khiển. Lại, vị kia đối với sáu xứ biển lớn nhanh chóng năng vượt qua. Do năng vượt qua nên đối với hai chủng cảnh giới biển lớn trước sẽ rất ráo vượt qua. Và đối với những sự phiền não năng dẫn phát xả bỏ sở học, phiền não năng dẫn phát tầm tư loạn tâm, phiền não năng dẫn phát đấm trước thế gian lợi dưỡng cung kính, phiền não năng dẫn phát tất cả ác hành, thấy đều kham năng vượt qua.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Đạo, thầy, không đồng phận
Vương quốc, hai thế gian*

*Hữu vi, ngăn thân hành
Kiên chấp, ba tánh không.*

Lược có 2 chủng đạo không đồng phạm: 1. Tự tánh không đồng phạm; 2. Hành tướng không đồng phạm.

Hoặc hướng đến khổ tập hành, hoặc hướng đến khổ diệt hành. Đây gọi là tự tánh không đồng phạm.

Nên biết tự tánh ban đầu năng hướng đến tạp nhiễm, tự tánh thứ hai năng hướng đến thanh tịnh. Đây gọi là nghĩa không đồng phạm.

Tức hướng đến diệt hành đây, hoặc có hành chuyển do cộng tướng hữu vi, hoặc có hành chuyển do cộng tướng hữu vi vô vi. Đây gọi là hành tướng không đồng phạm. Nên biết trong đây, nếu hành tướng do cộng tướng các hữu vi, kia so với đạo quả gọi là không đồng phạm. Nếu hành tướng do cộng tướng hữu vi vô vi, kia so với đạo quả cũng gọi là đồng phạm. Vì cố sao? Vì đạo quả Niết-bàn thường vô ngã vậy.

Lại nữa, ở nơi nội chánh pháp, lược có 5 chủng “Thầy giả lập cú”, các thầy ngoại đạo đều chẳng

thể chế luận như vậy. Đó là hướng đến các thủ hành; hướng đến các thủ tận hành; hoặc tất cả pháp vĩnh viễn đoạn biến tri, tác biên tế khổ; hoặc ở trong năm tướng thọ kiến lập từng tướng xứ một; không nương bốn tướng hữu thân kiến, lấy đây làm chỗ nương năng hại bốn chủng hành tướng kiêu mạn.

Nếu mạn làm nhân có ba quá hoạn. Nếu lìa mạn làm nhân có ba thắng lợi. Nên biết trong đây kẻ ôm lòng kiêu mạn tức là tâm thối lui đối với Niết-bàn giới, đây do hãi sợ, gọi là quá hoạn thứ nhất. Ở trong các ác hạnh thường hiện hành cùng các sự tạp nhiễm khả ái, tâm lại hướng đến nhập vào, đây gọi là quá hoạn thứ hai. Vì đối với Niết-bàn giới sanh sâu sợ hãi lực tăng thượng, liền năng phát khởi sanh... sanh tử trọng bệnh ở đương lai. Như do lực hãi sợ tăng thượng, cũng vậy do ở nơi các ác hạnh cùng sự tạp nhiễm khả ái, tâm đây lực thú nhập tăng thượng, nên năng sanh khởi sanh... sanh tử trọng bệnh ở đương lai. Như sanh... bệnh, thì nhân xứ... ung nhọt, tham... tên độc nên biết cũng vậy. Đây gọi là quá hoạn thứ ba. Trái với tướng đây nên biết tức là lìa mạn làm nhân có ba

chúng thắng lợi.

Nếu thuận theo duyên khởi lực tăng thượng, thì ở trong hiện pháp chúng tử hậu hữu hoặc tăng, hoặc giảm. Do đây làm nhân hậu hữu đương lai hoặc sanh, hoặc chẳng sanh. Vì dụng năng nhiếp thọ chúng tử phiền não, hoặc có tập khởi, hoặc diệt chìm, nên như thật kiến lập sở hữu giáo pháp tất cả thế gian và xuất thế gian. Duy chỉ ở trong nội pháp mới có bậc Đại sư vì các đệ tử chân chánh tuyên thuyết “Thầy giả lập cú” chân thật khả đắc, chẳng thể trong các ngoại đạo mà có việc đây.

Lại nữa, ở trong Dục giới, các khí thế gian ví như vương quốc của vua, hữu tình thế gian ví như thần dân, thiên ma ác kia ví như quốc vương.

Lại nữa, có 2 thế gian: 1. Hữu tình thế gian; 2. Khí thế gian. Hữu tình thế gian sát-na sát-na mỗi mỗi nội thân nhậm vận hoại diệt. Khí thế gian đây bị sự hoại diệt của hỏa tai..

Lại nữa, Không có 2 chủng: hữu vi và vô vi. Trong đây, hữu vi là pháp không, vô thường, hằng an trụ lâu dài không biến đổi và ngã, ngã sở. Các vô vi chỉ có không, không có ngã và ngã sở. Lại, tánh Không đây lia các nhân duyên, nhiếp vào

pháp tánh, đạo lý pháp nhĩ làm chỗ nương về. Đây hoặc như vậy, hoặc khác, hoặc chẳng phải, khắp tất cả xứ không gì chẳng đều quy về đạo lý pháp nhĩ.

Lại nữa, Như Lai không bị ngăn ngại, năng đắc tất cả ngần mé thế gian, chỉ ngăn chặn thân hành đi đến đắc ngần mé thế gian. Phải biết đây nương đạo lý thắng nghĩa. Vì có sao? Đắc thế gian đây gồm đắc phương tiện ngần mé thế gian và ngần mé đời. Đó là ở nơi phương hướng, nơi chốn có tướng “thế gian” giả danh thi thiết lực tăng thượng, tức thế gian đây do hoặc tướng, hoặc trí lực tăng thượng mà gọi là có thế gian. Do hoặc tướng, hoặc trí lực tăng thượng đây, ở các thế gian rộng khởi ngôn thuyết; do hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc hiểu, hoặc biết lực tăng thượng đây, ở nơi sáu xúc xứ do năm chuyển nên khởi như thật trí, gọi là đắc phương tiện ngần mé thế gian. Vì nhân các hành vị lai vĩnh viễn tận mà gọi là năng đến ngần mé thế gian. Vì ở nơi nhân quả đời như thật biết, gọi là thế gian giải. Vì năng chánh nhậm trì tối hậu thân, gọi là khéo vận chuyển ngần mé thế gian. Vì ở trong hiện pháp tất cả cảnh giới ái vĩnh

viễn tận, vì hằng trụ đầy đủ, gọi là bậc năng vượt qua ái thế gian. Do các hành tướng đã thuyết như vậy, nên gọi là đắc gần mé thế gian.

Lại nữa, những người xuất gia không ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, lúc có một tâm tư ác bất thiện chưa sanh mà sanh, tức một hướng năng làm chướng ngại phạm hạnh; lúc kia đã sanh, lại chấp kiên cố chẳng xả. Trong đây không hành là thù thắng hơn cả. Giả sử có hành, thì không nên chấp kiên cố. Đã ở trong tương tục thì không được lấy đó làm chỗ nương tựa cư trú. Vì có sao? Vì sát-na tạp nhiễm thì không thể làm khuynh động việc tu phạm hạnh, chính yếu là do sự tương tục mới năng khiến khuynh động.

Lại nữa, nên biết có 2 chủng trụ Không: 1. Trụ Không tôn thắng; 2. Dẫn trụ Không kia.

Trụ Không tôn thắng: Các A-la-hán trụ quán vô ngã, như vậy gọi là trụ Không tôn thắng. Do pháp nhĩ tôn thắng của A-la-hán là trụ quán vô ngã, nên trong các trụ, đây thật là tôn quý hơn cả. Như vậy, hoặc sở trụ tôn thắng, hoặc tức trụ tôn thắng, do nhân duyên đây thuyết gọi là trụ Không tôn thắng.

Dẫn trụ Không kia: Như có người hoặc đi, hoặc đứng như thật rõ biết hoặc có, hoặc không có phiền não. Biết có phiền não liền tu đoạn hành, biết không phiền não liền sanh hoan hỷ. Vì đã sanh hoan hỷ, cho đến khiến tâm chứng tam-ma-địa. Do tâm chứng đắc tam-ma-địa, như thật quán sát các pháp vô ngã, đêm ngày tùy học không từng giải đãi phế bỏ. Như vậy gọi là dẫn trụ Không kia. Nên biết đây đối với phiền não bên trong như thật rõ biết, có biết là có, không biết là không. Đây gọi là tánh Không.

Lại nữa, các bậc Thánh đệ tử viên mãn chánh kiến đã thấy dấu tích đế, đều năng như thật vượt qua tà không kia, cũng năng như thật chánh nhập “chẳng không”, dụng đạo thế gian và đạo xuất thế gian mà tu tập tánh Không. Nghĩa đây thế nào? Vì ở xứ đây, kia “chẳng phải có” nên chánh quán là “không”; vì ở xứ đây “có” sót thừa thì như thật biết có. Thí như nhà trọ, một thời gian không có người, vật, thì gọi là không. Thời gian khác lại có các người, vật, thì gọi là chẳng không. Hoặc nhà trọ đây do không một loại nào cả nên gọi là không, tức là không cây gỗ dựng thành, hoặc không mái cỏ

che, hoặc không cửa nẻo, hoặc không chốt khóa, hoặc có một phần nào đó không có. Nhưng chẳng phải nhà trọ đây tức “thể” không. Như vậy tự thể nương tựa thân, cũng gọi là thọ thú, cũng gọi là tướng thú, cũng gọi là tư thú. Nhưng thân chỗ nương của tự thể đây, một thời gian do không một loại hoặc thọ, hoặc tướng, hoặc tư... tất cả phiền não, tùy phiền não... nên được gọi là không. Nhưng thời gian khác do có một loại nên được gọi là chẳng không. Hoặc tức thân nương tựa tự thể, một thời gian do không một loại hoặc nhãn, hoặc nhĩ, hoặc tỷ, hoặc thiệt, hoặc một phần thân, hoặc một phần ý, nên gọi là không. Nhưng chẳng phải tự thể nương tựa thân, tức thân và tự thể tất cả đều không.

Nên biết trong đây lược nghĩa chung: Nếu quán các pháp sở hữu tự tánh sẽ rất ráo đều không, đây gọi là điên đảo thú nhập “không”, cũng gọi là trái vượt pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà Phật sở thuyết. Nếu quán các pháp do tự tướng nên một loại là có, một loại là chẳng phải có; có và chẳng phải có đây rất ráo xa lìa. Lại quán tánh “có” ở một thời gian một phần xa lìa, ở một thời gian một phần không xa lìa. Như vậy gọi là như thật thú

nhập tánh Không không điên đảo.

Người dụng đạo thế gian để tu tánh Không, đó là bậc Thánh đệ tử trụ chốn viễn ly, trước ở nơi thôn xóm tụ lạc tác ý tư duy tưởng người, kế lại tư duy tưởng a-lan-nhã. Người kia tức quán sát ở trong tự thân, nơi tưởng đây quán là không, tức ở nơi tưởng người, xóm... ở nơi tưởng đây quán chẳng không, tức là tưởng a-lan-nhã. Lại quán “chẳng không” khác, đó là tưởng a-lan-nhã làm duyên, ở nơi tưởng các thọ tư.. tương ứng a-lan-nhã. Hoặc tức ở nơi tưởng đây có một loại nên quán là không, tức ở nơi tưởng thô trọng, không trụ tịch tĩnh và thiêu đốt, quán là không. Hoặc ở nơi tưởng đây có một loại nên quán là chẳng không, tức là ở nơi vi tế, trụ rất tịch tĩnh, xa lìa thiêu đốt... quán là chẳng không.

Lại tức ở nơi kia năng nắm giữ tướng a-lan-nhã sai biệt như núi rừng, cỏ cây, cầm thú... thì không tư duy, lại tưởng tướng sai khác; chỉ tư duy địa, không tưởng tướng khác. Lại tức ở nơi kia năng nắm giữ tướng đất sai biệt như hiểm trở, cao thấp, không bằng phẳng, nhiều thứ ngói, đá vụn, đất... thì không tư duy, lại tưởng tướng sai khác; chỉ

tư duy đất bình, bằng phẳng, trơn mịn giống như lòng bàn tay, không tưởng tượng khác. Từ đây kể đến trừ tưởng sắc... lần hồi tư duy tưởng tượng sai biệt của Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, về sau tác ý tư duy tưởng tượng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ở nơi tất cả xứ như trước đã thuyết, trải qua quán tánh Không, quán các địa dưới có tướng thô, quán các địa trên có tướng tinh... Như vậy gọi là các Thánh đệ tử dụng đạo thế gian mà tu tập tánh Không. Nên biết đi đến cao nhất là Vô sở hữu xứ, thứ lớp ly dục. Từ nơi ấy rồi về sau tu thánh đạo, hành thứ lớp trừ bỏ, hành vô thường... năng hướng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ sẽ rốt ráo ly dục. Kia lúc bấy giờ tự quán trong thân không, không các tướng, đó là tất cả lậu một hướng tịch tĩnh, vĩnh viễn lìa thiêu đốt. Lại quán trong thân có pháp chẳng không, đó là nương đây làm duyên, sáu xứ triển chuyển xoay vần nhậm trì cho đến trụ thọ làm duyên, các pháp thanh tịnh không có hoại diệt. Nên biết khi xưa Thế Tôn tu tập hạnh vị Bồ-tát tu nhiều trụ không, năng nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, chẳng phải như trụ tư duy vô thường khổ. Cho nên nay chúng đắc thượng

diệu Bồ-đề, do lực đã chứa nhóm an trụ, xuyên suốt tu tập tùy chuyển, nên nhiều nương trụ không.

Lại nữa, có 2 chủng không: 1. Sở chứng không; 2. Sở tu không. Nếu các Bí-sô vui sống chung hỗn tạp, đối với 2 chủng đây chẳng năng thành tựu, vì chẳng năng chứng sở chứng không, vì chẳng năng tu sở tu không. Nhân chẳng thành tựu 2 chủng đây, nên biết thối thất 4 chủng diệu lạc. Đó là diệu lạc xuất ly, do ở nơi tất cả các khổ của việc nhiếp thọ các ác, gây dựng sự nghiệp... thấy đều giải thoát; diệu lạc xa lìa, do giải thoát sự tham dục, sân khuể... trong Sơ tĩnh lự; diệu lạc tịch tĩnh, do tâm tứ dừng dứt; diệu lạc đẳng giác, do nhiếp thuộc hai giải thoát nhiếp lấy không tạo tác, không kinh hãi. Hai giải thoát: 1. Thời ái tâm giải thoát; 2. Bất động tâm giải thoát.

Thời ái tâm giải thoát: Nếu A-la-hán căn tánh độn, ở định thế gian chính là thối pháp, chưa thể giải thoát chỗ có chương định, nên gọi là thời ái tâm giải thoát. Vì bị thối pháp, nên có lúc thối thất, có lúc hiện tiền, gọi là thời. Ở hiện pháp vui thích mong muốn trụ chứng đắc, nên gọi là ái.

Bất động tâm giải thoát: Vì A-la-hán căn tánh

lợi nên không thối pháp. Tất cả đều dùng lực vô lậu đạo mà đắc giải thoát, ở nơi tất cả chúng đều không thối thất. Nên biết trong đây nghĩa quyết định là nghĩa Tam-muội-da, còn lại như trước thuyết. Không chỗ tạo tác, không kinh hãi, tức là không có điều gì khá có thể khiến tâm A-lê-hán ở trong nhiễm kia mà bị biến đổi, phát sanh sầu thán...

Sở chúng không lược có 2 chủng: 1. Ngoại không: là vượt quá tất cả 5 chủng tướng sắc, tức là chỗ dẫn phát của năm diệu dục, chánh năng tác chúng ly dục tham; 2. Nội không: là chánh năng tác chúng ở nơi nội các hành, đoạn trừ tăng thượng mạn.

Sở tu không cũng có 2 chủng: 1. Ở trong nội ngoại các cảnh giới, tu vô ngã kiến; 2. Tức ở nơi kia tu vô thường kiến.

Bốn chủng không đây, nên biết lấy bốn hành làm chỗ nương: 1. Ngoại không lấy lực nội trụ tâm làm tăng thượng duyên, khiến xa lìa, phát sanh lạc tươi nhuần nơi thân làm chỗ nương và biết khắp ngã mạn; 2. Nội không lấy nội ngoại không đối với nội ngoại pháp, tu vô ngã kiến làm chỗ nương; 3.

Vô ngã kiến tức dụng ở kia tu vô thường kiến làm chỗ nương; 4. Vô thường kiến lấy nghe chánh pháp, như lý tác ý làm chỗ nương.

Lại, ở trong đây nếu các Bí-sô vì lìa dục tham, tinh siêng tu học tác ý quán sát lực tăng thượng, thì đối với các tướng bất tịnh hệ buộc Dục giới cần nỗ lực siêng năng tư duy. Người kia vì chưa tác chứng ngoại không, vì ở nơi chánh đạo đây chưa khéo tu, vì thú hưởng tập nhiễm, vì ở nơi tánh ngoại không tâm không chứng nhập, không vui thích, nên bèn ở trong đây do môn ngã mạn, tùy quán sát “tâm không trôi nổi tán loạn...”, dụng tướng tịch tĩnh tư duy nội không. Vì kia ngã mạn chưa vĩnh viễn đoạn, vì chưa khéo tu chánh đạo, nên cũng ở trong đây tâm chưa chứng nhập, bèn ở trong nội ngoại tất cả hành, tu vô ngã kiến. Vì chưa khéo tu vô ngã kiến, cũng ở trong đây tâm chẳng chứng nhập, bèn ở trong nội ngoại tất cả hành, tu vô thường kiến khiến tâm bất động. Vì ở trong các hành kiến vô thường, nên tất cả chủng động đều không chỗ có. Cho nên vô thường kiến gọi là bất động giới. Vì ở nơi thị xứ đây tâm không gì không thắng giải, nên dùng chánh tuệ như thật

thông đạt hoặc duyên bất tịnh, hoặc duyên từ bi, hoặc duyên niệm hơi thở sở hữu cảnh giới, hoặc duyên cảnh giới các hành vô thường. Vì rất nhiều tu tập tam-ma-địa làm nhân duyên khiến tâm điều nhu, do đây dần dần đều năng chứng nhập tất cả xứ. Do nhân duyên đây năng chứng viên mãn sở chứng không. Vì nhân ở nơi sở chứng được viên mãn, nên tâm giải thoát tất cả năng thuận thượng, hạ phần kiết. Do nhân duyên đây, năng tu viên mãn sở tu không. Vì nhân ở nơi sở tu đã được viên mãn, nên thành tựu pháp chánh kiến... vô học. Nếu ở lúc này cho đến đối với không mà chưa năng chứng nhập, nên biết thời đây là vị dị sanh. Nếu vào lúc chứng nhập là vị hữu học. Nếu thời tu tập đã được viên mãn là vị vô học. Vì khiến tu đây được viên mãn, siêng tu chánh hạnh khiến tâm chứng nhập, dụng tâm tư thiện mà chánh tâm tư, tức ở trong đây năng khéo biết lượng, lìa các tạp nhiễm mà khởi ngôn thuyết. Đối với chỗ nên kinh hành năng chánh kinh hành, đối với chỗ nên ngồi năng chánh an tọa. Nơi tất cả xứ như vậy đều khéo biết lượng. Như vậy vào thời hành, thanh tịnh làm tiền dẫn; vào thời trụ cũng được thanh tịnh. Ở

khoảng trung gian năng dùng tác ý quán sát, quán sát lớp lớp phiền não hiện hành, rồi tịnh tu sửa trị tâm. Như vậy năng một hướng thành tựu các pháp bạch tịnh. Tất cả ma oán cùng tất cả pháp ác bất thiện, bốn chủng tạp nhiễm chẳng thể dẫn đoạt. Đó là vì tánh nhân hậu hữu, vì hiện pháp thân tâm biến hoại thiêu não khắp, vì tánh nhân ác thú, vì tánh nhân của các thứ khổ như sanh...

Ngôn thuyết có hai: 1. Ngôn thuyết tùy chuyển theo thắng giải âm thanh; 2. Ngôn thuyết tùy chuyển theo tùy pháp hành pháp. Ngôn thuyết thứ nhất là chỗ chánh phát khởi do thọ trì, đọc tụng, thưa hỏi tỉ mỉ chánh pháp. Ngôn thuyết thứ hai là chỗ chánh phát khởi do ở nơi sở duyên khiến tâm an trụ, rốt ráo giải thoát, thi thiết dạy trao. Nếu đây là nghĩa Như Lai xuất thế, các chúng đệ tử nhập vào thánh giáo phải siêng tu tập thiện pháp như vậy. Nếu ở trong pháp Tỳ-nại-da không tất cả chúng tu phạm hạnh, nên biết cũng không người tu phạm hạnh. Nếu ở trong đây đã không phạm hạnh mà có kẻ xưng phạm hạnh, tức đều tu tà hạnh. Thầy trò xoay vần triển chuyển xúc não, mỗi mỗi tự cho là có thể thức tôn ti. Ở trong chánh

pháp đây, hai chủng đều khả đắc đó là sở chứng không và sở tu không. Nếu có người từ bỏ quả rộng lớn, lợi ích rộng lớn của sự tu tập sở chứng không và sở tu không, là cực hạ liệt, có tội lỗi lớn, nổi trôi trong sự ái vị lợi dưỡng cung kính, nhiều tập quen tà hạnh. Nên biết kẻ kia là tai nạn lớn của phạm hạnh khiến bị xúc não. Do kẻ kia mê đắm ái trước lợi dưỡng cung kính tự bức não, nên đối với ngôn giáo năng thuận theo giải thoát không muốn lắng nghe, dù vì kia tuyên thuyết mà chẳng thể lắng tai nghe. Hoặc vì tham trước lợi dưỡng cung kính lực tăng thượng mà gượng ép lắng nghe, nhưng không tâm cầu hiểu, không muốn tu hành, không vì khéo tự điều phục mình rất ráo, cho đến không vì chứng Bát-niết-bàn. Do việc như vậy thêm ghét Đại sư, hành bất bình đẳng, chẳng thể hiện tiên báo đáp ân đức rộng lớn.

Nên biết trong đây lược nghĩa chung: Đó là đã xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da rồi, do bốn nhân duyên, lẽ ra đối với điều mình chân chánh nên hành, mà không năng hành; lẽ ra đối với thánh giáo xuất gia của bậc Đại sư chân chánh nên hành, cũng chẳng thể hành, tức vì vui tướng

tạp trụ, vì ngôn thuyết tùy thuận theo thắng giải âm thanh, vì chìm đắm lợi dưỡng cung kính, vì lực đắm trước tăng thượng duyên đây mà lắng nghe chánh pháp nên không tu hành tự lợi, lợi tha.

Lại, Phật Thế Tôn không muốn tự hiển việc năng khéo điều ngự chúng mà nhiếp độ chúng, chỉ vì sanh sâu ai mẫn đối với các hữu tình. Do nhân duyên đây, đối với các chúng đệ tử hành tà hạnh, năng không hộ, tiếc dùng lời phân tích cặn kẽ răn dạy. Thà rằng khiến đệ tử do lời lợi ích phân minh thô đây, hiện tiền xả bỏ chánh pháp và Tỳ-nại-da mà còn có lợi ích, không để kia trụ trong chánh pháp rộng hưng khởi tà hạnh.



Quyển 91

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH Phần 3

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*Ly dục, chưa ly dục
Hỏi, nhân duyên, đường nhiễm
Giữ mạng, trước xử, thầy
Nên biết đều rộng thuyết.*

Nếu có Bí-sô ở Dục giới đây hoặc đã ly dục, hoặc chưa ly dục, đối với năm diệu dục ý nhận biết pháp định địa ba đời, lúc đang tạp nhiễm do ba chủng triền và căn bản sở hữu tùy miên của kia, khiến trong hiện pháp chẳng kham nhiệm hưởng đến chứng cứu cánh Niết-bàn. Nên biết trong đây do đời quá khứ nương kia thủ thức, do đời vị lai thuộc kia thủ thức, do đời hiện tại đấm trước kia thủ thức. Do căn bản sở hữu tùy miên của kia rơi trong sự tương tục thường đuổi theo, nên chấp kia thủ thức. Trái tướng đây, lúc không tạp nhiễm, ở

trong hiện pháp kham năng hướng đến chứng cứu cánh Niết-bàn.

Lại nữa, ở trong thánh giáo nên biết có 4 dạng người như lý hỏi? 1. Người có tịnh tín, hoặc các trưởng giả, hoặc con trưởng giả; 2. Bí-sô đa văn đầy đủ thông tuệ; 3. Người thân cận thừa sự bậc Đại sư; 4. Bậc Đại sư.

Có 2 nhân duyên đối với đệ tử, Phật biết mà cố hỏi. Đó là quán xét biết đệ tử tuy muốn thỉnh hỏi mà do sợ hãi, hoặc ở nơi nghĩa ấy đệ tử kia không thể rõ biết, cho nên vì muốn ngăn ngừa lỗi ở hiện tại, vị lai, vì khiến chánh pháp được cử trụ mà Phật hỏi.

Lại nữa, do 2 nhân duyên nên nói: “Sáu thức thân lấy nội sáu xứ làm nhân, lấy ngoại sáu xứ làm duyên”. Tức là vì nội sáu xứ làm chỗ nương gá của chủng tử sáu thức thân kia; lại vì nội sáu xứ chỉ một loại tương tục, như chỗ đã được trước mà rất ráo chuyển. Nếu không phải cái lẽ của cảnh giới như vậy, tức kia chẳng phải làm chỗ nương gá của chủng tử, lại kia chẳng phải một loại tương tục chuyển.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên rõ biết chung

tất cả tạp nhiễm: 1. Tự tánh tất cả tạp nhiễm; 2. Đường đi tất cả tạp nhiễm. Nói tự tánh: là dục tham và các tạp nhiễm làm căn bản. Nói đường đi: là nội ngoại xứ năng thủ, sở thủ có sự sai biệt.

Lại nữa, nếu các Bí-sô tùy quán sát ở hai xứ, như lý tác ý làm chỗ nương, thì ở nơi hai chủng tạp nhiễm hoặc ở thời hành, hoặc ở thời trụ, tâm lẽ được giải thoát.

Sao gọi là ở hai xứ? Đó là tự chăm sóc giữ gìn thân mạng, bỗng nhiên chết yếu và tâm bất thiện chết đi vào các đường ác.

Sao gọi là như lý tác ý làm chỗ nương? Lại ở nơi chủng tạp nhiễm nào tâm lẽ được giải thoát? Đó là như lý tác ý: “Thà thân ta phải chịu vô số sự đánh đập tổn hại, chớ khiến tâm ta bất thiện mà chết, sẽ sanh vào các đường ác”. Lại “Ta phải như thật quán sát đồng hành với hỷ lạc”. Vì muốn đối trị bất thiện hiện hành, chân thành siêng năng tu tập các hành vô thường.

Nếu ở thời hành, tạp nhiễm phát khởi do ở nơi các cảnh giới chấp giữ các tướng, chấp giữ tùy hảo, tức liền khiến tâm giải thoát. Nếu ở thời trụ viễn ly, tạp nhiễm phát khởi do chủng chủng tâm

tư các ác bất thiện, tức liền khiến tâm giải thoát. Nên biết trong đây tạp nhiễm thứ nhất giống như nhân, tạp nhiễm thứ hai giống như quả.

Lại khi hai tạp nhiễm hiện tiền triển chuyển, tức phát sanh hai xứ. Đó là mạng sống mà mình chăm sóc giữ gìn, lúc bấy giờ nhanh bị chết yếu và tâm bất thiện chết sẽ đi vào các đường ác. Cho nên ở nơi hai chủng tạp nhiễm kia, trong một sát-na thấy sâu quá hoạn, phát sanh tâm hổ thẹn còn là diệu thiện, hướng năng tương tục.

Lại có xứ quay về hướng đến của nhiều chúng ma, đó là nơi yên ở của tạp nhiễm đấm trước, người trí rõ biết cần phải tránh xa. Đó là các loại dị sanh đã ly dục, hệ thuộc các xứ định sanh hỷ lạc, là nơi cư trú của nhiễm trước ái vị. Người chưa ly dục, ở nơi năm diệu dục lấy sự thọ dụng làm chỗ nương, là nơi yên ở của nhiễm trước tham ái, vui thích đấu tranh cãi vã. Đối với hữu tình có ân, có oán, là nơi cư trú của nhiễm trước ái khuể. Rộng lớn phẩm thượng, năng dẫn cảnh giới thuận lạc thuận khổ, là nơi cư trú của nhiễm trước mong cầu tìm kiếm tham ái ba đời.

Nên biết trong đây các cú sai biệt là khả hân,

khả lạc, khả ái, khả ý như trước đã biện. Không khả hân: vì ở đời vị lai không đáng vui. Không khả lạc: vì ở đời quá khứ do tùy nhớ nghĩ những điều không đáng vui. Không khả ái: vì ở nơi các cảnh giới không đáng vui. Không khả ý: vì ở nơi các thọ không đáng vui. Lại, nói khổ: vì ở nơi cảnh giới không đáng vui. Nói tổn não: vì ở nơi các thọ không đáng vui. Nói trái nghịch: vì ở đời quá khứ không đáng vui. Nói nghịch ý: vì ở đời vị lai không đáng vui.

Lại nữa, có 2 chủng tạp nhiễm: 1. Ngoại cảnh tạp nhiễm; 2. Nội thọ tạp nhiễm. Mắt... làm chỗ nương, đối với các cảnh như sắc... sanh khởi các sự tham trước, gọi là ngoại cảnh tạp nhiễm. Các xúc làm chỗ nương, bên trong tham đắm lãnh thọ, gọi là nội thọ tạp nhiễm. Ở trong Bát-niết-bàn, hai tạp nhiễm đây vĩnh viễn tịch diệt, đều không thể có được, chẳng phải là nơi dạo chơi của các ma oán.

Lại nữa, do 15 tướng nên rõ biết tất cả chủng loại ái tạp nhiễm, kiến tạp nhiễm. Tức là ở các xứ, do các triền nên gọi là chứa nhóm, do tùy miên nên gọi là giữ gìn, do ngã kiến nên gọi là che đậy. Sai khác còn lại nói rộng ở trước như phần *Nhiếp dị môn*.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói chung:

*Nhân đồng phận thấy
Chỉ tác duyên thấy
Tham phẩm thượng thấy
Sau nhiều trụ thấy.*

Ớt-Đà-Nam nói riêng:

*Nhân đồng phận, tu, phước
Giải thoát, tướng, khắp xúc
Thắng giải, hộ căn môn
Tướng giáo thọ là sau.*

Các Thánh đệ tử ở nơi nhân đồng phận thức mà tùy nhập vô ngã. Do 3 chủng tướng ở trong các thức mà trụ chánh quán.

Sao gọi là nhân đồng phận thức tùy nhập vô ngã? Do hiện thấy năm hữu sắc xứ, bốn đại chủng thân hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc thủ, hoặc xả tánh vô thường, nên ở nơi thức duyên kia tùy nhập vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Do nhân duyên đây tùy nhập vô ngã.

Sao gọi là đã tùy nhập tánh vô ngã, dụng 3 chủng tướng ở trong các thức mà an trụ chánh quán? Đó là các tà kiến, tất cả đều lấy ngã kiến

làm gốc, cho nên gốc đây tất phải đoạn trước. Lại dụng chánh tuệ, tức quán sở y, sở duyên của thức triển chuyển sai biệt, nên có vô lượng chủng. Lại quán thức đây lúc chuyển sai biệt như lượng sát-na, an trụ chắc thật còn không thể có được, hà huống rốt ráo.

Lại nữa, ở trong sáu xứ diệt rốt ráo tịch tĩnh không hý luận, mà phát khởi hý luận đồng hành với bốn chủng hành tướng, đó là hoặc có, hoặc không, hoặc khác, hoặc không khác, thì không nên tư duy, không nên phân biệt, không nên cất vấn; chỉ nên nương điều khác để tăng trưởng giác tuệ, quán sát sâu xa ý thú chân thật. Đó là nếu lấy sáu xứ kia có sanh có diệt, thì tướng khác nhau triển chuyển thì thiết có thể nhận biết. Do sanh diệt, nên có và không khá có thể được. Vì có tướng khác nhau, nên chờ đợi chủng loại khác, tức tánh khác khá có thể được; nếu chờ đợi chủng loại của chính nó trước sau không riêng khác, thì tánh không khác khá có thể được. Ở đây sáu xứ vĩnh viễn diệt, tướng thường tịch tĩnh, cho nên phát khởi hý luận đồng hành bốn chủng hành tướng, tư duy quán sát, thì không đúng đạo lý. Nên biết

trong đây chỗ tư duy phân biệt phát khởi nói năng, năng dẫn vô nghĩa, gọi là hý luận. Vì cơ sao? Nếu lúc siêng gia hạnh, ở nơi sự lý như vậy không thể tăng thêm chút phần pháp thiện, không thể tổn giảm pháp bất thiện, cho nên thuyết kia gọi là hý luận.

Lại nữa, ở nơi nội ngoại xứ nếu có dục tham, lúc cảnh giới hiện tiền hoặc không hiện tiền, mà các căn không thể xả bỏ đối với cảnh kia, nên gọi là phược. Nếu không dục tham, giả sử có cảnh giới đang hiện tiền, các căn đối với kia còn năng xả bỏ, hướng chi không hiện tiền, nên gọi là giải thoát.

Lại nữa, người khéo tu phạm hạnh, ở nơi các uẩn xứ, ngã và ngã sở kiến đã vĩnh viễn đoạn trừ. Nếu tiếp xúc với thọ khổ do bị tổn thân cho đến đoạt mạng, trọn cũng không có sự biến đổi sắc, biến đổi tâm. Như vậy gọi là tướng thô khéo giữ gìn căn. Do kia khéo giữ gìn các căn như vậy, lực giải thoát bốn khổ tăng thượng, có được 4 chủng hỷ: 1. Do đương lai ngoại duyên khiến sanh khổ được giải thoát; 2. Do đương lai nội duyên khiến sanh khổ được giải thoát; 3. Ở hiện pháp khi Bát-niết-bàn, do hai chủng y tạo tác các khổ được giải

thoát; 4. Thông đạt “lúc đã mạng chung rồi đồng như cây cỏ ở đời”, nên tất cả khổ không tương tục. Do 2 chủng tướng đồng như cây cỏ: 1. Thông đạt sáu xứ lia tướng hữu tình đồng như cây cỏ ở đời; 2. Thông đạt do sáu xứ làm chỗ nương khiến lửa tham sân si mới cháy mạnh mẽ đồng như cây cỏ ở đời. Các Thánh đệ tử khéo tu phạm hạnh, đương lai khổ hậu hữu chẳng sanh, thành tựu ít phần minh, lực giống như chư Như Lai. Chẳng phải hiện pháp duyên khổ chẳng sanh, giả sử sanh rồi nhanh chóng đoạn trừ. Chư Như Lai thấy đều thành tựu hai chủng minh, lực, cho nên gọi là Vô Thượng Minh Trì.

Lại nữa, Sa-môn, Bà-la-môn vượt qua hiện lượng còn không thể mê hoặc ngu phu thế gian, hướng các bậc trí. Tất cả đều là chỗ yên trú của ngu si, lấy hư vọng kế chấp làm chỗ nương, hoặc nương tiền tế, hoặc nương hiện pháp chấp trước kiên cố, kiến lập 4 chủng tà luận khổ vui.

Đó là nương tiền tế, hư vọng kế chấp cho là nhân đời trước làm, nên lập các khổ vui. Vì một hướng mình làm, hư vọng kế chấp lấy Tự tại biến hóa làm nhân, nên lập các khổ vui. Vì một hướng

người làm, hư vọng kế chấp trước do Tự tại làm, nhưng về sau do nhân đời trước làm, nên lập các khổ vui. Vì mình làm, người làm, hư vọng kế chấp không nhân sanh, nên lập các khổ vui. Vì không phải mình, không phải người, hư vọng kế chấp nhân sanh, nên lập các khổ vui.

Nếu nương hiện pháp hư vọng kế chấp hoặc chỗ sanh khởi tùy muốn của bản thân mà tự tác dụng công, thì lập mình làm. Hoặc không theo ý muốn, không tự mình hiểu biết mà bị người dẫn, thì lập là người làm. Hoặc tùy theo ý muốn, tự mình hiểu biết, lại được người dẫn dắt, thì lập là mình người làm. Không phải do dụng công của mình của người làm tiền dẫn cho sự sanh khởi, chỉ do cảnh giới hiện tại tiền nên không thể thông đạt tiếp xúc nhân vi tế, liền khởi tà chấp đó là chẳng phải mình người tạo tác nhân sanh, nên lập không nhân sanh. Trong đây chỉ có các căn, cảnh, thức hòa hợp sanh ra khổ vui khá được, đều không có tiền tế, hoặc trong hiện pháp, hoặc là mình, hoặc là người thật có được. Chỉ tức ở ba sự hòa hợp đây mà giả lập là mình, là người. Cho nên phải biết chỉ có xúc ấy đi vào khắp tất cả làm nhân khổ vui.

Lại nữa, do 4 chủng tướng chánh phát khởi tinh tấn, nhanh chóng khiến các lậu vĩnh viễn tận không sót thừa. Những gì là bốn? Phát khởi tinh tấn bình đẳng, đó là không phát siêng tinh tấn thái quá khiến thân tâm mỗi một tổn não, cũng không phát khởi tinh tấn quá trì trệ, xả bỏ thân mạng một cách vô ích. Đây là tướng ban đầu.

Lại không do đây mà sanh kiêu mạn, như khởi nghĩ: “Riêng ta năng phát siêng tinh tấn, người khác chẳng vậy”. Đây là tướng thứ hai.

Lại ở nơi quả của sự chân chánh phát siêng tinh tấn, chạm đến sở chứng sai biệt thế gian mà không ái vị, tu không phóng dật đồng hành với đây. Đây là tướng thứ ba.

Lại ở tướng tinh tấn bình đẳng như vậy năng khéo nhiếp thọ, khiến đương lai không thối thất. Đây là tướng thứ tư. Chân chánh phát siêng tinh tấn như vậy vĩnh viễn tận các lậu, thành A-la-hán.

Nếu muốn ở chỗ Đại sư, các bậc có trí đồng phạm hạnh, ký biệt chỗ chứng sai khác của mình, thì trong năm loại bổ-đặc-già-la, chỉ có bậc A-la-hán ở nơi 6 xứ thắng giải năng chân chánh ký biệt. Sáu xứ thắng giải đây lấy ba học làm chỗ nương.

Sao gọi là 6 xứ thắng giải? 1. Thắng giải xuất ly; 2. Thắng giải không nào hại; 3. Thắng giải viễn ly; 4. Thắng giải ái tận; 5. Thắng giải thủ tận; 6. Thắng giải tâm không quên mất.

Sao gọi là ba học? 1. Tăng thượng giới học; 2. Tăng thượng tâm học; 3. Tăng thượng tuệ học.

Sao gọi là năm loại bổ-đặc-già-la? 1. Loại dị sanh ở tại cư gia, chỉ nương tín mà phát sanh vui thích, xác quyết rõ ràng việc xuất ly, nên từ cảnh giới trói buộc kia mà tâm cầu xuất ly. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ nhất có thắng giải xuất ly.

2. Loại dị sanh đã tự mình xuất ly, chỉ nương giới, thân ngữ ý hành hạnh không nào hại đối với các hữu tình. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ hai có thắng giải không nào hại.

3. Loại dị sanh năng đoạn trừ yêu thích lợi dưỡng và cung kính, ở trong hiện pháp ly dục Dục giới. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ ba có thắng giải viễn ly.

4. Hàng hữu học đã thấy dấu vết đế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ tư có cả sáu chủng thắng giải.

5. Hàng vô học đắc A-la-hán. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ năm có đầy đủ sáu chủng thắng giải.

Trong đây nên biết phát khởi xứ thắng giải thứ nhất và thứ hai lấy học thứ nhất làm chỗ nương. Phát khởi xứ thắng giải thứ ba lấy học thứ hai làm chỗ nương. Phát khởi ba xứ thắng giải sau cùng lấy học thứ ba làm chỗ nương. Nếu do trí đây mà năng đoạn trừ phiền não và phiền não được đoạn trừ, nên biết đây gọi là tâm không quên mất. Lại ở đương lai đoạn nhân hậu hữu, gọi là ái tận. Cảnh giới thiện pháp, các tạp nhiễm đoạn diệt, gọi là thủ tận.

Lại, bổ-đặc-già-la thứ nhất kia có chánh tín thắng giải xuất ly, vẫn chưa quyết định ở đương lai có sự xả bỏ cùng với thối lui.

Bổ-đặc-già-la thứ hai có thắng giải không nào hại và bổ-đặc-già-la thứ ba có thắng giải viễn ly nên biết cũng vậy.

Các bậc hữu học ở nơi 6 xứ thắng giải tuy đương lai không kham năng xả bỏ và thối lui, nhưng giống như đứa bé, chẳng trì niệm tuệ thấy còn yếu kém. Tuy sanh nơi thánh xứ mà chưa khéo tu, nên không thể xa lìa, vĩnh viễn đoạn trừ tham, sân, si không sót thừa. Do tuệ còn yếu và do tham... chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nếu gặp cảnh giới thắng diệu

hiện tiền, luôn lạc mất chánh niệm. Do nhân duyên đây, cần phải siêng năng phát khởi học tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tận trừ các phiền não. Cho nên bổ-đặc-già-la hữu học vẫn còn việc phải làm. Do còn phần đây nên gọi là yếu kém.

Bậc A-la-hán ở nơi 6 xứ thắng giải, đương lai còn không kham năng thoái lui hướng có xả bỏ. Vì khéo tu đạo, nên tham sân si thấy đều được vĩnh viễn đoạn không sót thừa. Thắng giải ái tận, thủ tận thấy đều viên mãn, vì đã đắc tận trí, vô sanh trí, vì nhiếp thọ sáu chủng hằng trụ. Chỗ có trí tuệ không phải như bậc hữu học luôn bị lạc mất chánh niệm. Vậy nên bậc A-la-hán ở nơi 6 xứ thắng giải, do nghĩa tối cực viên mãn bậc nhất nên cũng gọi là thành tựu tối cực thanh tịnh. Chẳng phải bổ-đặc-già-la ở địa vị kém hơn mà năng thành tựu việc đây. Tuy nhân duyên như vậy, cũng không tự đề cao kỳ biệt chỗ hiểu. Vì ở nơi sở hành sở duyên tam-ma-địa không bị tán loạn, gọi là bên trong tâm an trụ. Vì khéo thành tựu viên mãn tam-ma-địa, gọi là không hẹp nhỏ. Vì lìa trói buộc của tất cả phiền não, gọi là khéo giải thoát. Vì khéo tích tập trí tuệ, gọi là khéo tu. Vì kiến diệt tận nên

không có ái vị, tâm đây một hướng chỉ thiện vô tội.

Lại nữa, có 2 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Không thể mật hộ căn môn; 2. Khéo hay mật hộ căn môn.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la không năng mật hộ căn môn? Như có người ở nơi các cảnh giới không như lý tác ý tư duy. Ở nơi sắc khả ái, bị sự trói buộc của tham dục triền. Ở nơi sắc không khả ái, bị sự trói buộc của sân khuể triền. Lại ở nơi cảnh kia không thể nhớ nghĩ tai hoạn của chúng, giả sử có nhớ nghĩ cũng không khéo tu tập. Do nhân duyên đây tâm bị che đây vi tế bởi các triền, khiến các triền kia sanh khởi mà không sao chế phục.

Lại dị sanh chưa đắc tâm, tuệ hữu học giải thoát, thì đối với tâm, tuệ vô học giải thoát cao hơn không thể như thật biết. Do không biết, nên đối với các tâm, tuệ hữu học giải thoát cũng không năng thành tựu viên mãn. Người kia lúc bấy giờ chưa dụng lực tu tập làm chỗ nương, chưa năng vĩnh viễn hại diệt chỗ có thô trọng của phẩm phiền não. Lại không nương lực khéo léo tư trạch trước kia, cũng không thành tựu niệm làm nhân duyên, nên biết không thể mật hộ căn môn.

Do ba tướng đây mà biết bổ-đặc-già-la không năng mật hộ căn môn: 1. Do triền; 2. Do khuyết giảm đối trị nhiếp thuộc lực tư trạch; 3. Do khuyết giảm đối trị nhiếp thuộc lực tu tập. Trái với tướng đây nên biết là phẩm bạch, là bổ-đặc-già-la khéo hay mật hộ các căn môn.

Lại nữa, do 2 chủng tướng mà các Thánh đệ tử đối với giáo pháp mà Đại sư sở thuyết năng chánh ký biệt, năng khéo tuyên thuyết, đó là năng biện trạch giải thích nghĩa chân thật. Sao gọi là hai? 1. Do ý thú tuyên thuyết như vậy, năng khéo ngộ nhập ý thú như vậy mà chân chánh ký biệt; 2. Như Lai dùng vô lượng môn rộng tuyên thánh giáo, vì vô lượng phẩm bổ-đặc-già-la mà biện thuyết chủng chủng, ở nơi giáo pháp đây không trái pháp tánh năng chân chánh ký biệt.

Lại nữa, do 2 chủng tướng nên chánh rõ biết tân học Bí-sô thâm tâm vui thích đối với pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết: 1. Do tướng thân không biến đổi; 2. Do tướng tâm không biến đổi. Tức là do hình sắc rất sáng tịnh, diện mạo hoan hỷ sáng tịnh, thể da thật tươi nhuận không bị suy tổn, các căn điều hòa vui vẻ tịch tĩnh, đây là thân không

biến đổi. Tùy tài vật có được liền sanh vui đủ, xa lìa tham vui tích chứa tài của vật thực để thọ dụng, đối với gia thất không lòng luyến tiếc, đây là tâm không biến đổi.

Lại có 3 chủng đối trị tham dâm, năng khiến tham dâm chưa sanh chẳng sanh, đã sanh tìm đến đoạn: 1. Tư duy tưởng “không được hành”; 2. Tư duy tưởng “rất bất tịnh”; 3. Mật hộ tất cả căn môn. Trong đây lược rộng mật hộ tất cả căn môn như *Thanh văn địa* đã thuyết. Đó là người năng mật hộ các căn môn không khiến thân xúc chạm người nữ, gọi là khéo hộ thân. Đối với các người nữ, không thấy, không nghe, không nhớ nghĩ, gọi là khéo gìn giữ căn. Giả sử thấy, giả sử nghe, giả sử tùy nhớ nghĩ, tức năng trường thời nhiếp thọ chánh niệm, dùng tuệ mãnh lợi thấy sâu lỗi lầm của chúng, gọi là khéo trụ niệm. Người kia do khéo hộ thân, khéo gìn giữ các căn, khéo trụ chánh niệm như vậy, lại năng tư duy tưởng “không được hành”, do cây phiền não chẳng thể che tâm khiến tạm rơi trong vị vui đắm. Lại năng tư duy tưởng “rất bất tịnh”, do đây phiền não chẳng năng che tâm khiến nhanh chóng thối chuyển.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Duy duyên, tâm tư, nguyện
Tất cả chủng luật nghi
Nhập thánh giáo chẳng hộ
Khéo sẵn thẳng tư lương
Xả sở học, đấm xú
Nghĩa bất thiện, tùy chảy
Thẳng Bồ-tát thừa khác
Thi thiết luận rớt sau.*

Do trước tạo tác các nghiệp phiền não và chủng tử của chính nó tương tục là chỗ dẫn phát các thọ sanh khởi, sáu xúc xú ấy chỉ là duyên tạo tác. Như tâm phát khởi công dụng dẫn dắt các thủ thọ nghiệp, đây chỉ năng làm duyên trợ bạn cho thủ, thọ. Nên biết trong đây đạo lý cũng vậy.

Lại nữa, có các Bí-sô an trụ chốn không nhân, như pháp thọ dụng giới hạn ngoại cụ. Nếu có tâm tư quấy nhiễu năng khiến tháo động, có các cảnh tướng thẳng diệu hiện đến nơi tâm, nên biết là phẩm loại tạo tác của ma. Trong đây Bí-sô nên dùng chín tướng an trụ tâm, từ tâm tư tương ưng các cảnh giới phải nhiếp tâm khiến trụ, không để

một trong số tâm tư thuận tiện phát khởi. Nếu do nương đây, do cảnh giới đây mà có sự hưởng nếm mùi vị, thì đối với cảnh giới ấy tùy chỗ đã được, tùy chỗ đã trụ mà năng tự xa lìa. Bấy giờ vị kia đối với sự khả ái trọn chẳng nương các tâm tư dục mà phát khởi gây tạo, cũng năng xa lìa tâm tư khuể và tâm tư hại mà tịnh tu nơi tâm, ở trong hiện pháp năng đắc Niết-bàn. Đã đắc Niết-bàn trọn chẳng cùng người cạnh tranh cãi vã, bởi các sự cạnh tranh kia gây suy tổn lớn trong thánh giáo Tỳ-nại-da của Phật. Nếu phát khởi tâm tư ngu si như vậy, cũng không khác gì tâm tư như ngoại đạo.

Lại nữa, nếu do nhân khổ hậu hữu đời trước nên ở trong hiện pháp có quả pháp sáu xúc xú, do lúc sáu cảnh giới làm tổn não mà chuyển. Nếu có Bí-sô vì cầu hậu hữu mà tự phát thệ nguyện tu hành phạm hạnh, bấy giờ khiến nhân khổ hậu hữu thứ bảy lại chuyển tăng trưởng gặp bội làm tổn não, ở trong hiện pháp năng chướng Niết-bàn. Do nhân duyên đây chẳng quyết định đương lai năng đắc an ổn viên mãn. Cho nên kẻ có nguyện hậu hữu, nên biết ở trong trói buộc vi tế, tối cực vi tế. Vì có sao? Như trong 33 cung trời kia có một

nhà ngục, trong đây giam giữ trói buộc chư thiên hoặc phi thiên. Nhưng do pháp nhĩ, kia tạm được giải thoát, dùng diệu dụng cõi trời mà vui thích du hý, cho đến chưa khởi tâm trốn thoát. Nếu tâm đây khởi liền mất các diệu dụng, trở lại thấy tự thân bị sự trói buộc bằng các vật trói. Kia vừa mới khởi tâm liền bị trói buộc của vật trói vi tế. Vì lấy thời phần nên nói là vi tế, không phải vì khó nhận biết mà nói là vi tế, bởi lẽ lúc kia bị trói buộc, năng tự hiểu rõ “Ta nay có trói buộc”. Hoặc các Bí-sô tâm mong muốn hậu hữu, nếu khởi tâm đây tức liền bị trói buộc; đã bị trói buộc rồi, không thể rõ biết tự thân mình đang bị trói buộc, cho nên sự trói buộc đây tối cực vi tế. Nên biết vì thời phần và khó nhận biết đồng là vi tế, nên gọi là cực vi tế.

Lại nữa, nếu các Bí-sô tinh cần gia hạnh phòng hộ giữ gìn các căn môn, ở nơi luật nghi và phi luật nghi phải nên rõ biết, ở nơi luật nghi thế gian, hữu học, vô học, phẩm hạ, trung, thượng phải nên rõ biết.

Sao gọi là luật nghi? Như có người tâm bị các sự tạp nhiễm nơi cảnh khả ái, nhưng không nhận,

không thọ, không chấp, không thủ. Giả sử tạm phát khởi, nhưng trở lại xả bỏ. Đây gọi là luật nghi.

Sao gọi là phi luật nghi? Như lấy thứ lớp của nghề nông để làm dụ. Đó là có Bí-sô gần gũi bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, chánh tu sở duyên cảnh giới ruộng lành, khiến đây sanh khởi mầm thiện căn đã cấy. Nhưng chúng tánh đây vốn nhiều tham mãnh lợi, chưa từng thường xuyên tu tập đối trị tham dục, cũng chưa từng có tâm quý mãnh lợi. Nếu kia gặp cảnh giới thắng diệu hiện tiền, vì bản tánh tham mãnh lợi, vì chưa từng thường xuyên tu tập đối trị tham và vì tâm quý đều kém mỏng, nên phát khởi tham triền bám chấp kiên cố không xả bỏ. Tâm ở nơi tham triền không thể tự phòng hộ mà lại phóng túng, tác ý phi lý, giống như thả trâu tâm vào cảnh giới ruộng, tổn hoại mầm thiện căn đã cấy. Bởi nhân duyên đây gọi là phi luật nghi.

Lại có người năng nhanh chóng tác ý, ở nơi các cảnh giới tự thâm nhiếp thúc liễm, nhưng chưa năng quán sát chỗ có quá hoạn khiến chúng không khởi trở lại. Đây gọi là luật nghi thế gian phẩm hạ.

Lại như có người năng nhanh chóng tác ý, ở nơi các cảnh giới tự thân nhiếp thúc liễm, cũng năng quán sát chỗ có quá hoạn của kia khiến chúng không khởi trở lại. Đây gọi là luật nghi thế gian phẩm trung.

Do đây làm chỗ nương, nên thu được bốn chủng tác ý nhiếp lấy chín tướng tâm trụ, nên biết như trước trong *Thanh văn địa* đã thuyết. Do đạt được như vậy gọi là các loại dị sanh lìa dục tham. Người kia lúc trước tu tập gia hạnh quán như người nông phu, nay được tăng thượng giống như Đại vương, đối với các thọ thắng diệu do chúng đắc đẳng chí trước kia phát sanh, năng chân chánh rõ biết là chỗ cư trú nương ở của đại phóng dật rồi, liền xử lý như đối với quần thân, tăng thượng lắng nghe chánh pháp, phát sanh chi Tỳ-bát-xá-na dưới sự nhiếp hộ của thắng Xa-ma-tha, khiến quán sát: “Thọ do kia sanh khởi tánh là duyên sanh, vì tánh duyên sanh nên thể là vô thường”. Người kia do quán như vậy, liền dùng tác ý đồng hành các tướng quá hoạn của ý địa mà được ly dục. Đã ly dục rồi, lại vì quán sở y đẳng chí riêng khác nên thành mười chủng sai biệt, vì thời phần riêng khác nên thành nhiều

trăm sai biệt. Trong đây sở y đẳng chí riêng khác nên thành mười chủng sai biệt, tức là có tâm có tứ, hoặc không tâm duy chỉ tứ, hoặc không tâm không tứ, hoặc hỷ đồng hành, hoặc lạc đồng hành, hoặc xả đồng hành, hoặc phần thối lui, hoặc phần trụ, hoặc phần thắng tiến, hoặc phần thuận quyết trạch. Vì thời phần riêng khác nên thành nhiều trăm sai biệt, tức là quán sát hành tướng như vậy do nương thời phần sanh, trụ, diệt nên thành đạo lý sai biệt. Nên biết đây lại có nhiều trăm sai biệt. Như vậy rõ biết thọ do kia sanh khởi chính là tánh vô thường. Có chủng chủng tánh lưu chuyển sai biệt rồi, lược do 3 tướng lại quán sát kia là tánh vô thường, tức là do sở y, do hiện hành và do nhân. Do sở y: tức là cao nhất cho đến Đệ tứ tĩnh lự, chỗ có sắc thân là chỗ nương của thọ. Do hiện hành: tức là cao nhất cho đến Diệt thọ tướng định, trong khoảng đây, tướng thọ nhiều phần hiện hành. Do nhân: tức là sở hữu nhân thọ ở đời đương lai, tức suy nghĩ mong cầu. Quán sát như vậy cho đến Hữu đẳng, sở hữu các pháp duyên sanh tánh đều là vô thường. Như vậy như lý chánh quán sát sâu các lý dục địa. Đây gọi là luật nghi thế gian phẩm thượng.

Nên biết trong đây hai luật nghi trước là do lực tư trạch nhiếp. Một luật nghi sau là do lực tu tập nhiếp. Vị kia đã thành tựu lực không phóng dật thảng diệu như vậy, vì như thật thông đạt lý thánh đế, liền năng vĩnh viễn đoạn trừ chấp ngã, ngã sở. Lấy đây làm hành dẫn đầu đoạn trừ tất cả phiền não kiến đạo sở đoạn, lại năng thành tựu luật nghi hữu học. Vị kia tức tu tập luật nghi hữu học, liền năng vĩnh viễn đoạn vọng chấp ngã mạn. Lấy đây làm hành dẫn đầu, đoạn trừ tất cả phiền não tu đạo sở đoạn, chứng đắc rốt ráo luật nghi vô học. Ngoài luật nghi trên đây, không còn luật nghi nào khác hoặc thêm hoặc hơn.

Lại, nếu các Bí-sô đã lãnh thọ thánh giáo mà không phòng hộ các căn, người kia liền một hướng tạo tác các khổ, đó là hậu pháp khổ hoặc hiện pháp khổ. Nên biết người không phòng hộ căn như vậy cũng như người bệnh hủi vào bụi cỏ lau um tùm, bị cảnh giới lá khả ái cắt phá thân, nhiếp thọ các khổ hậu hữu đương lai đồng hành vi tế mà không thể nhận biết. Như vậy gọi là do hậu pháp khổ nên nói tạo tác các khổ.

Người kia lại ở nơi đây phát khởi nhiễm trước,

rộng sanh hủy phạm. Do nhân duyên đây, tuy sống ở chốn không tịch a-lan-nhã mà hiện tại lãnh thọ sự hồi tưởng hối tiếc hiện hành, phát khởi khổ do tâm tư gây ra, như cỏ lau châm chích thương hại đến chân, chẳng thể vô úy đi đến sáng sạch thanh tịnh. Giả sử mạnh mẽ nhập trong số thanh tịnh Tăng, liền nhân người có trí đồng phạm hạnh nêu chỗ phạm, người kia bên trong ôm lòng che giấu, tâm như chim độc, đối với người cử tội phát sanh giận dữ muốn làm tổn hại. Lại, các bậc có trí đồng phạm hạnh biết kia tránh né, ý vui thấp hèn thích xả hạnh Sa-môn, tức liền tránh xa không cùng cộng trú. Hoặc mọi người trong thôn xóm, hoặc chốn a-lan-nhã đều cùng chế giễu chê trách nói rằng: “Người đây hủy phạm như thế, nói lời ác như thế, làm việc ác như thế, không như pháp như thế, tạp nhiễm như thế...”. Người đã tịnh tín thấy vậy liền thay đổi thói thất, người chưa tịnh tín khiến không sanh khởi tịnh tín. Cho nên người kia ở trong hiện pháp lãnh thọ chủng chủng các thứ khổ do hồi tưởng hối tiếc, do giận dữ, do bị xa lánh, do bị chê trách chế giễu gây ra. Người kia ở hậu pháp cũng lãnh thọ các khổ như trước đã nói. Tất cả hợp

chung làm một gọi là thọ các khổ.

Trong đây, sao gọi là phi luật nghi? Ở hiện pháp đã như vậy, nên ở hậu pháp có đầy đủ các quá hoạn. Đó là vào thời hành xứ, đối với cảnh giới hiện tiền, phát khởi không như lý, tà tưởng vọng chấp các tướng tùy hảo. Do tà tưởng làm tiền dẫn, nên vào thời trụ xứ phát khởi tâm tư tương ưng thuận theo kia. Do đây ở nơi tất cả lỗi lầm như đã nói ở trước không thể như thật quán thấy. Dù có quán thấy lỗi lầm kia mà chưa thể lớp lớp nhiều tu tập, nên ở nơi thân sở y sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não chưa năng trừ khiển, thân chưa khinh an, đó là sắc thân tâm. Do hành tướng đây, triền và tùy miên vẫn còn hòa hợp, năng khiến trái với hai lực đối trị là tư trạch và tu tập, gọi là phi luật nghi. Trái với tướng đây nên biết là hành tướng luật nghi.

Lại luật nghi đây do 3 nhân duyên năng khiến sự tu tập nhanh chóng được viên mãn. Những gì là ba? Trước hết, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tịnh tín xuất gia. Đã xuất gia rồi, liền dùng thần lực do tuệ tương ưng nghe mà thâm nhiếp các loài trùng thú, tương tự như nhiếp giữ sáu căn. Đã

nhiếp lấy rồi, lại dùng tuệ do tác ý như lý tư duy, phương tiện chân chánh quán sát sâu lỗi lầm họa hoạn của chúng. Bởi tuệ do nghe cao hơn, mà tuệ do tu lại thấp, nên ở khoảng trung gian liền bị trói buộc. Ở trung gian bị trói buộc rồi, lại muốn thủ ở nơi thần lực kia đã được tự tại chưa, bèn nắm giữ tướng tịnh diệu và lại buông thả ở nơi các cảnh giới. Vì thần lực của kia chưa được tự tại, nên mỗi mỗi rong ruổi khắp các cảnh giới khác biệt, không thể rút ráo thoát khỏi kia. Vì chưa khéo quán thấy họa hoạn của kia, cho nên các độc thú kia cũng chưa khéo điều phục. Đã biết thần lực chưa được tự tại rồi, lại nhiều tu tập tuệ tư như lý khiến đến rút ráo. Vượt qua tác ý, lại triển chuyển càng siêng tu tập tuần thân chánh niệm. Người kia khéo tu tập chánh niệm, nên mỗi mỗi không năng rong ruổi khắp cảnh giới khác biệt. Nên biết lúc bấy giờ kia đã khéo điều phục, nên thần lực của kia đã được tự tại.

Lại nữa, có các Bí-sô trước đã tu tập tư lương diệu tuệ, lại được gặp bạn lành viên mãn, lắng nghe các hành có 3 chủng quá hoạn, đó là: quá hoạn hiện pháp, quá hoạn hậu pháp và quá hoạn hiện pháp hậu pháp.

Nên biết trong đây đại chúng chống trái nhau làm chỗ nương cho tất cả bệnh tật, gọi là quá hoạn hiện pháp. Các hành thường hằng triển chuyển đuổi theo, năng tạo tác, năng đi đến đường ác, gọi là quá hoạn hậu pháp. Trước ở hiện pháp kết thành hỷ tham luyến làm chỗ nương, năng dẫn lão tử hiện pháp và hậu pháp, gọi là quá hoạn hiện pháp hậu pháp. Như vậy lược chung có 3 chủng khổ: 1. Tật bệnh khổ; 2. Đường ác khổ; 3. Lão tử khổ.

Đó là đã lắng nghe các quá hoạn của đường thiện và đường ác rồi, tinh tấn tu hành tùy pháp hành pháp, nhân đây năng nhập hiện quán thánh đế. Kế do chân trí vô ngã khéo thanh tịnh như vào nhà trống, hiện quán nội ngoại sáu xứ đều không. Lúc bấy giờ vị kia dùng tuệ thông đạt, năng tổn hại các phiền não triền do nương các cảnh giới vọng niệm mà phát khởi, cũng năng tổn hại phiền não tùy miên, tham ái tùy miên sót thừa. Lại tự thông đạt ở trong tương tục có các phiền não, có các tham ái, có các khổ não, có các tổn hại và vượt qua tất cả phiền não tham ái, một hương tịch tịnh, chứng Hữu dư y Niết-bàn giới. Kế sau lại chứng Vô dư y Niết-bàn giới. Vị kia trước tu tập tuệ đo lắng

nghe chánh pháp ví như thân cành nhánh lá của cây, tích tập thánh đạo, tùy pháp hành pháp làm bè nương tựa. Ở trong tu đạo chánh siêng tu tập, thứ lớp chứng tâm thiện giải thoát, an trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, tất cả tai hoạn nhiệt não thấy đều giải thoát. Đã trụ ở đây, nên biết rốt ráo vượt qua các thứ khổ, đến bờ kia.

Lại nữa, do 7 nhân duyên tuy đã xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da lại hoàn thối thất, xả bỏ sự tu học chân chánh. Sao gọi là bảy?

1. Các dị sanh chưa thể vượt qua các dị sanh địa, ở nơi các pháp khổ não của năm thủ uẩn, không thể như thật rõ biết 5 hành chuyển. Hoặc các dị sanh đối với các diệu dục, không thể quán các lỗi lầm họa hoạn phẩm thượng của chúng.

2. Ở thời hành và ở thời trụ hằng thường phóng dật, đối với cảnh khả ái, chỗ có các hình dáng tướng mạo mà nắm giữ không như lý. Vì không buộc niệm, nên thường xuyên tâm tư phẩm ác không như lý.

3. Không được sự vô úy, tức là hoặc bị vua, hoặc bị người bức bách, vì hãi sợ nên liền chuyển theo.

4. Có sự ái thân tộc, tức là đối với quyền thuộc có lòng đái luyến. Nếu họ bị yếu mạng, vì thương xót nên bị chuyển theo.

5. Ở nơi cảnh giới hoặc thuận theo tham, hoặc thuận theo sân, hoặc thuận theo si, phát khởi mãnh lợi các phiền não triền.

6. Ở trong sự tương tục của tâm, thường tùy chuyển theo phược.

7. Do có thắng giải yếu kém, không có tất cả thắng giải rộng lớn, đó là xuất ly, viễn ly và Niết-bàn. Việc ấy thế nào? Do thắng giải yếu kém, nên ở nơi các cảnh giới tâm vui thú nhập. Do đối với tất cả cha mẹ... các việc có sự đái luyến, nên đối với xuất ly đây tâm không thú nhập. Do không thắng giải ở nơi tám Thánh đạo chi, nên đối với viễn ly đây tâm không thú nhập. Do không thắng giải đối với quả phiền não đoạn trừ, nên đối với Niết-bàn đây tâm không thú nhập.

Lược do 2 xứ thâm nhiếp tất cả lậu: 1. Kiến sở đoạn; 2. Tu sở đoạn. Trong đây tác ý phi lý và cảnh sở duyên gọi là pháp thuận lậu. Nếu các bậc hữu học năng phát khởi lậu tu sở đoạn, tuy chưa vĩnh viễn đoạn tác ý phi lý đối với cảnh giới sở duyên,

mà do diệu tuệ chánh thông đạt, nên gọi là ở trong pháp thuận lậu đây nơi tâm tịch tĩnh. Vì đây giống như có lạc mất chánh niệm tăng thượng phát sanh triền mỏng yếu, nên chưa được gọi là thanh lương, chưa gọi là tĩnh lặng. Nhưng chỗ khởi tất cả các lậu kiến đạo sở đoạn đều vĩnh viễn đoạn diệt, nên cũng gọi là thanh lương. Vì ở đương lai chẳng sanh pháp, nên cũng gọi là tĩnh lặng. Nhưng dị sanh kia thành tựu các thắng giải yếu kém, ở khắp tất cả pháp thuận lậu, tâm không tịch tĩnh, nên không được gọi là thanh lương, không được gọi là tĩnh lặng.

Nên biết do 7 nhân duyên như vậy mà trở lại thối xả sự tu học chân chánh. Trái với tướng đây tức là bảy nhân duyên phẩm bạch, xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da rồi, trọn không thối thất xả bỏ sự tu học chân chánh.

Lại nữa, nếu có Bí-sô nương 4 chủng đấm trước xứ, nên biết kia hành 4 chủng tà hạnh. Những gì gọi là 4 chủng đấm trước xứ? Như có Bí-sô ở nội ngoại xứ có tham ái nên năng cảm hậu hữu, ở trong hiện pháp không vui Niết-bàn, là chủng đấm trước xứ thứ nhất.

Lại có Bí-sô trước đã xả các việc bên ngoài như cha mẹ... mà lại có sự luyến tiếc trói buộc nơi tâm, là chủng đấm trước xứ thứ hai.

Lại như có người ở trong hiện pháp mong cầu tất cả lợi dưỡng cung kính, đối với các lợi dưỡng cung kính đã được, đấm trước không xả, là chủng đấm trước xứ thứ ba.

Lại như có người là hữu học đã thấy dấu vết đế, có ngã mạn sót thừa, ít phần bị sự đuổi theo của tham ái, ở trong sự tu tập “xả bỏ” mà lại trụ phóng dật, là chủng đấm trước xứ thứ tư.

Những gì gọi là 4 chủng tà hạnh? Bồ-đặc-già-la đầu tiên vui thích hậu hữu, ở trong hiện pháp không vui Niết-bàn. Nếu các hữu học hành phóng dật, do xứ đấm trước lực tăng thượng, vui thích chung sống hỗn tạp cùng chúng tại gia và xuất gia. Như vậy gọi là tà hạnh thứ nhất.

Lại bồ-đặc-già-la trước vui thích hậu hữu, do lực vui thích hậu hữu tăng thượng, nên phát khởi tà nguyện hành phạm hạnh. Như vậy gọi là tà hạnh thứ hai.

Lại bồ-đặc-già-la trước đã xả các việc bên ngoài mà có sự luyến tiếc, kia do xứ đấm trước lực tăng

thượng, năng khiến thối thất xả bỏ sự tu học chân chánh. Như vậy gọi tà hạnh thứ ba.

Lại bỏ-đặc-già-la hiện tại mong cầu lợi dưỡng cung kính, ở nơi lợi dưỡng cung kính đã có được, đấm trước không xả. Do xứ đấm trước đây lực tăng thượng nên hủy phạm giới luật, nói rộng cho đến âm như loa ốc, hành cầu hạnh. Do kẻ kia luyện tiếc lợi dưỡng cung kính nên không xả sở học, không thấy là tội, công nhiên phạm giới. Như vậy gọi là tà hạnh thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi nghĩa bất thiện, từ người được nghe chủng chủng văn tự nhất nghĩa nhất ngôn, liền ôm lòng do dự không sanh hoan hỷ, tác nghĩ: “Nay trong đây gì là thật?”.

Lại có 4 chủng quán môn năng sanh trí kiến thanh tịnh vi diệu không điên đảo. Những gì là bốn? 1. Người rất tinh cần siêng năng quán sát khổ, diệu trí như thật đối với nhân thọ sanh; 2. Diệu trí như thật đối với nhân nương giá giữ gìn và nhân sở y; 3. Diệu trí như thật đối với nhân trụ; 4. Diệu trí như thật đối với sở y, sở duyên, tự tánh, trợ bạn, thuận theo hành khổ, vui, chẳng phải khổ vui.

Lại có 2 duyên nên Như Lai đoạn trừ do dự của bồ-đặc-già-la ở nơi nghĩa bất thiện: 1. Hiểu dạy chủng chủng văn từ biểu thị nhất nghĩa, văn có sai biệt, nghĩa không sai biệt, do đây năng khiến đoạn trừ do dự; 2. Năng hiển nghĩa rộng của thánh giáo, do đây năng khiến thông đạt nghĩa.

Sao gọi là nghĩa rộng của thánh giáo? Từ tư lương địa cho đến lậu tận đều gọi là nghĩa rộng của thánh giáo. Trong đây, ở gần mé là căn thành thực trụ, theo sự giáo hóa của chư Như Lai tương ưng vô ngã, khéo lãnh thọ kiên cố, tu tập thành tựu văn-tư, thành tựu chánh kiến. Đây làm chỗ nương, đây làm kiến lập, một mình ở chốn a-lan-nhã duyên nội ngoại xứ bốn chủng thức trụ, vì muốn đoạn diệt các thức hữu thủ mà tu tuần thân niệm, là chỗ nhiếp thọ của thắng Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Do thân cận tu tập thế lực như vậy, phát sanh như thật duyên thức trụ thứ nhất, tiến đến hiện quán, Chỉ Quán song hành. Từ đây không gián đoạn, ở trong thánh đế năng nhập hiện quán. Lại trải qua tu tập như đạo đã thành tựu, dùng tiệm tiến mà hướng đến, năng đắc tất cả các lậu vĩnh viễn tận. Như năng “như thật duyên thức trụ

thứ nhất”, cho đến “như thật duyên thức trụ thứ tư” nên biết cũng vậy.

Lại nữa, như trước đã thuyết bồ-đặc-già-la không phòng hộ căn môn, lúc các phiền não triển hiện tiền không thể xả bỏ. Hai lực đối trị là tư trạch và tu tập thế gian, xuất thế gian còn quá yếu kém. Phiền não sanh rồi, tánh nhiều bám chấp kiên cố. Ma biết rõ kia tánh chấp kiên cố rồi, liền đến chỗ của kia dùng các cảnh giới mà mị hoặc. Như vậy, đối với bồ-đặc-già-la tánh chấp đắm các phiền não triển, ma kia được thuận tiện. Ma vì muốn mị hoặc nên an lập sở duyên khiến kẻ kia tương tục trong ấy.

Lại tức bồ-đặc-già-la không phòng hộ căn môn như vậy, đối với Bát-niết-bàn vì vui muốn thấp kém, vì gần gũi yêu thích thấp kém, ví như nhà được lợp bằng cỏ lau mục nát, ma liền ở nơi kia gom nhóm cảnh giới đước lửa khả ái khiến kia cháy rụi.

Do 2 nhân duyên kẻ kia thường bị sự khuất phục của cảnh giới: 1. Vì triền chưa sanh khiến phát sanh; 2. Vì triền đã sanh khiến tương tục. Do bị cảnh giới ái khuất phục, khi rộng tìm kiếm các

cảnh giới, hành nhiều chủng chủng hạnh ác bất thiện. Khi hành tà ác hạnh như vậy, lại bị sự khuấy phục của chủng chủng pháp ác bất thiện. Hành tà hạnh rồi, đi trong sự lạc đường, thuận dòng chảy mà trôi nổi, gọi là kẻ thuận lưu. Trái với tướng đây là chỗ có phẩm bạch, nên biết đây gọi là người không thuận lưu.

Lại nữa, do 8 chủng tướng nên biết nhiếp chung đạo chánh hạnh của hậu hữu Bồ-tát cùng với quả đạo Thanh văn thừa thù thắng là không gì vượt hơn. Những gì là tám? Đó là vì ai mãn; vì bên trong dũng mãnh; vì tánh *đế sát pháp nhẫn* hiện tiền; vì năng xuất ly; vì bên trong tự phát khởi quán hành đế; vì khéo tu chánh kiến thế gian rộng lớn hiện tiền; vì thành tựu pháp Bồ-đề phần vô lậu thu được thanh tịnh; vì khéo thanh tịnh tu giác phần cùng tiến tu vô thượng, thuần tịnh tu đạo, nương 6 chủng tu tập viên mãn nên thành tựu 6 chủng viên mãn đức tối thắng vô thượng.

Trong đây nên biết các đại Bồ-tát trụ tối hậu hữu đối với các hữu tình nơi tâm trường thời huân tu ai mãn, quán thấy các ngu phu đọa nơi dòng sông tham ái thuận dòng chìm nổi, bị bức bách bởi

5 tướng khổ. Quán thấy như vậy rồi, khởi sâu đại bi. Những gì là năm?

1. Thấy hữu tình kia rơi trong sông tham ái, không chân chánh tâm tư “nước kia chẳng đáng ưa thích, thường bức bách xúc tổn”.

2. Quán thấy nội ngoại sáu xứ của hữu tình kia có lửa ba độc ở hai bờ bức bách.

3. Thấy hữu tình kia bị chìm xuống dưới như ở cõi hạ Dục giới có nhiều ưu khổ, chủng chủng tai hoạ, các ác độc châm chích bày bố khắp nơi.

4. Thấy hữu tình kia chìm ở lưng chừng như tại cõi trung Sắc giới thiếu đi huệ nhãn thế gian, giống như bị mù.

5. Quán thấy kia nổi ở trên như tại cõi thượng Vô sắc giới, tuy huệ nhãn thế gian đã viên mãn mà vẫn còn thiếu thánh huệ nhãn, giống như hôn muội.

Như vậy đã thấy các loại hữu tình rơi trong sông tham ái, ở khắp tất cả đều không tịch tĩnh, hoặc rơi xuống nước, hoặc ở trên bờ, hoặc chìm xuống dưới, hoặc ở lưng chừng, hoặc nổi ở trên, thượng sai biệt. Do thấy khổ bức bách nên phát khởi đại bi, gọi là ai mãn.

Lại, vị kia thành tựu ai mãn đây, hoặc sanh nơi vương gia, hoặc sanh nhà quân sư, tuy chưa xuất gia mà bên trong dũng mãnh hưng thịnh: “Nay ta quyết định thông đạt dấu tích vi diệu, tu hành phạm hạnh trọn không thối chuyển”. Như vậy gọi là bên trong dũng mãnh hưng thịnh.

Lại, vị kia chưa xuất gia mà ngồi một mình tư duy, liền năng chứng nhập tĩnh lục đầu tiên. Về sau, ở nơi pháp lão bệnh tử của mình của người, chánh quán sát sâu, năng chứng định. Như vậy gọi là tự bên trong tánh *đế sát pháp nhãn* hiện tiền.

Lại, đời trước vị kia đã sẵn tu tập thiện căn, nên thấu biết phát khởi tất cả thiện hạnh. Lại do lực dũng mãnh tánh *đế sát pháp nhãn* tăng thượng, liền năng xả bỏ diệu dục rộng lớn, tịnh tín xuất gia. Tuy không được người thi thiết chánh phạm hạnh, mà năng tự nhiên thọ trì cấm giới. Do cấm giới đây làm chỗ nương, nên dần dần năng chứng cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy gọi là năng chánh xuất ly.

Lại, vị kia vì muốn xả bỏ đạo thế gian mà chân chánh cầu xuất ly, do ở đời trước theo chư Như Lai Chánh Đẳng Giác chân chánh lắng nghe,

đạt được xác tín rằng: “Xuất ly rốt ráo không gì vượt hơn”. Vì tích tập huân tu thân tương tục, nên đối với đạo thế gian đều không vui tin. Do nhân duyên đây, đến dưới cây Bồ-đề, tức nương thời trước quán đạo giả tưởng lão bệnh tử. Ở nơi tướng các đế quán sát thứ lớp, khởi tư duy đây: “Các loại hữu tình thế gian đọa ở chủng chủng hiểm nạn các khổ có sanh, có lão, có bệnh, có tử, nhưng không thể như thật rõ biết sanh lão bệnh tử đây mà rốt ráo xuất ly”. Như vậy thứ lớp quán lão tử, quán lão tử tập, quán lão tử diệt, quán năng hưởng đến chứng lão tử diệt hành. Vì như lý tác ý làm chỗ nương, vì đã tích tập tư lương từ lâu xa, nên dùng tuệ câu sanh liền năng giác ngộ “Tất cả các pháp an trụ pháp tánh, pháp trụ, pháp giới”. Như vậy gọi là bên trong tự phát khởi quán sát đế hành.

Lại vị kia muốn cầu lậu tận nên phương tiện phát khởi túc trụ niệm trí, nhớ nghĩ đời trước theo chư Như Lai Chánh Đẳng Giác đã từng tích tập văn-tư đối với đạo lậu tận, do đây trường thời phát khởi tích tập chánh kiến thế gian khiến hiện tại tiền. Dụng chánh kiến như điều dạy trao đây làm chỗ nương, năng khiến Bồ-tát an tọa một chỗ, cho

đến chứng đắc rốt ráo lậu tận. Như vậy gọi là khéo tu chánh kiến rộng lớn hiện tiền.

Lại, vị kia sở hữu chánh kiến như điều dạy trao mà thứ lớp thăng tiến. Trước xa lìa các dục địa dưới, cho đến cao nhất là Vô sở hữu xứ, lúc đắc hiện quán thánh đế, liền chứng vô lậu bốn niệm trụ... cho đến sau cùng là tám Thánh đạo chi, sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần và vị sau cùng đây nên biết cũng thấu nhiếp tất cả vị trước. Do đắc kia nên thành tựu quả Bất hoàn. Dụng pháp Bồ-đề phần vô lậu đã chứng đắc đây, nên gọi là thu được thanh lương. Vị kia thành tựu rốt ráo an lạc thế gian và an lạc xuất thế vô lậu như vậy, thu được thanh lương, gọi là lìa thiêu đốt. Do đạo thế gian cho đến đã lìa phiền não hệ buộc của Vô sở hữu xứ, cũng đã xa lìa các phiền não kiến đạo sở đoạn, gọi là lìa nhiệt não. Vì muốn vĩnh viễn đoạn không sót thừa phiền não hệ buộc của Hữu đẳng, lại siêng tu thuần đạo vô lậu, chỗ gọi là tu tập giác chi vô thượng. Đây gọi là tiến tu, tu đạo Vô thượng. Do tu đây, trong vô học địa rốt ráo viên mãn sáu chủng pháp tu: 1. Tu thánh thần thông rốt ráo viên mãn; 2. Tịnh tu năm căn rốt ráo viên mãn; 3. Chứng đắc

lìa hệ buộc của phiền não, bao gồm các tập khí không sót thừa rốt ráo viên mãn; 4. Chứng đắc bốn chủng lạc trú hiện pháp rốt ráo viên mãn; 5. Chứng đắc thế gian tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí rốt ráo viên mãn; 6. Chứng đắc danh thân, văn thân, cú thân, được tùy chỗ muốn, được không khó khăn tuyên thuyết chánh pháp rốt ráo viên mãn.

Nên biết trong đây tu tịnh tín căn rốt ráo viên mãn, đó là đối với Niết-bàn ý lạc thanh tịnh. Tu tinh tấn căn rốt ráo viên mãn, tức là năng dũng mãnh khéo thanh tịnh tạo tác nghĩa lợi ích đối với tất cả hữu tình. Tu tập niệm căn rốt ráo viên mãn, tức là khéo thanh tịnh ba niệm trụ, pháp vô vong thất. Tu tập định căn rốt ráo viên mãn, tức là khéo thanh tịnh ở nơi thánh trụ, thiên trụ và phạm trụ. Tu tập tuệ căn rốt ráo viên mãn, tức là khéo thanh tịnh mười trí lực. Do vị kia năng trụ sáu xứ như vậy, nhân tu tập viên mãn được làm Đại vương, chỗ gọi là Pháp vương.

Vị kia chứng đắc sáu chủng viên mãn đây, do lực thánh thân thông tăng thượng nên được tài bảo giàu sang lớn, tự tại viên mãn. Do lực các căn

thanh tịnh tăng thượng, nên được nhà cửa to lớn tự tại viên mãn. Do lực đoạn các phiền não tăng thượng, nên được an vui thọ dụng các tọa cụ, ngọa cụ tự tại viên mãn. Do lực hiện pháp lạc trú tăng thượng, nên ở nơi nhà cửa, ngọa cụ, tọa cụ đầy đủ, chúng đắc không bị các tổn não bậc nhất, trụ an lạc lớn tự tại viên mãn. Do lực tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí tăng thượng, nên chúng đắc năng biện việc du hý hỷ lạc chánh lợi ích cho tất cả hữu tình tự tại viên mãn. Do lực ở nơi các danh thân, cú thân, văn thân được tùy chỗ muốn, được không khó khăn tuyên thuyết chánh pháp tăng thượng, nên được làm Pháp vương, năng đối với người phân bố bình đẳng, thành tựu tác dụng tự tại viên mãn. Như vậy gọi là tu sáu xứ viên mãn làm chỗ nương, chúng đắc sáu chủng tự tại viên mãn.

Lại nữa, lược có 4 chủng luận tầm cầu ngã. Do luận đây nên người có thân kiến chưa vĩnh viễn đoạn trừ, thì tâm tư cầu ngã lớp lớp hiện hành.

Sao gọi là bốn? 1. Tầm cầu “Ngã lấy gì làm tự tánh?”; 2. Tầm cầu “Ngã là thường, hay là vô thường?”; 3. Tầm cầu “Sao gọi là ngã? Ngã là thường, hay vô thường?”; 4. Tầm cầu “Sở hữu ngã trụ tại

chốn nào?”.

Nên biết trong đây lược có 4 chủng tầm cầu đối với ngã: 1. Tầm cầu tự tánh; 2. Tầm cầu chuyển; 3. Tầm cầu nhân; 4. Tầm cầu chỗ trú.

Trong đây 3 chủng khả đắc thi thiết các hành sai biệt, lại thi thiết đây chẳng phải diên đảo. Một chủng thứ tư do tất cả chủng trọn không khả đắc thi thiết sai biệt.

Nên biết thi thiết tự tánh ngã tức là thi thiết lấy mười hai chủng xứ sanh khởi sáu thức, kể cả thọ, tưởng, tư đây làm ngã, quá đây không có ngã khác khác có thể được. Lại tức ngã đây thể là vô thường, do có sanh, lão, tử. Lại các hành đây, vì ở trong các cõi lấy chủng chủng tự thể sanh khởi sai biệt không thành thật, nên gọi là như việc huyễn; vì tưởng, tâm, kiến diên đảo tánh mê loạn, nên gọi là như bóng nắng; vì pháp khởi rồi tận, nên gọi là có tăng giảm; vì tánh sát-na, gọi là tạm thời; vì lớp lớp hoại rồi, những gì sót thừa gấp gấp tiếp nối, gọi là nhanh chóng; vì hiện tiền tương tục, đến không từ đâu, đi không chỗ đến, nên thuyết là xưa không nay có, có rồi tan diệt. Do tướng như vậy lược thuyết sanh thân triển chuyển vô thường, cùng

nhân sát-na triển chuyển vô thường. Ba chủng như vậy như lý thi thiết tự tánh của ngã. Thi thiết hoặc *chuyển*, hoặc *nhân*, hoặc *chỗ trú* của ngã thì trọn không thể được. Bởi lẽ trong các hành, là tánh các hành riêng có thật. ngã trụ trong các hành không thể có được. Do nhân duyên đây trong phạm vi thế tục đế, các hành còn không thể thi thiết, hà hướng thẳng nghĩa. Cho nên một hướng nơi không lập không. Như vậy do tâm như lý tác ý, vì văn tức liễu rõ, vì tư tức liễu hết thấy, vì tu tức liễu chân thật, như thứ lớp sai biệt ấy nói lời: “Phải nên hoan hỷ, phải nên tùy hỷ hết thấy, phải nên tùy hỷ khắp cả”.



Quyển 92

Thứ 2. NHIẾP TRẠCH SỰ XỬ KHẾ KINH

Phần 4

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Thượng tham, dạy bảo và trụ khổ
Quán sát, dẫn phát, không nên cúng
Minh, giải thoát, tu, luận vô ngã
Định, pháp kiến, khổ là rốt sau.*

Có 3 nhân duyên ở nơi cảnh sở duyên, bổ-đặc-già-la hành tham phẩm thượng. Những gì là ba? 1. Cảnh sở duyên an khang, cường thịnh, không yếu kém; 2. Cảnh sở duyên đoan nghiêm, không xấu xí khuyết điểm; 3. Tập quen tham, không phải xả tham.

Lại do nhiếp thọ 3 chủng đối trị, khiến bổ-đặc-già-la ôm lòng tham phẩm thượng như vậy hãy còn siêng tu phạm hạnh trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, điều phục tâm khiến tịch tĩnh, hướng là bổ-đặc-già-la mỏng trần chỉ ôm lòng tham nhẹ

và trung bình. Những gì là ba? 1. Vì mật hộ căn môn làm chỗ nương, xa lìa tất cả biên thọ dụng dục lạc; 2. Vì ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm giảm ngủ nghỉ làm chỗ nương, xa lìa tất cả biên tự khổ hạnh; 3. Vì chánh niệm chánh biết thắng vượt làm chỗ nương, hành nơi trung đạo, hành hạnh xuất ly.

Nên biết trong đây người khéo trụ tâm nơi bốn niệm trụ, vào lúc hành, cảnh giới hiện tiền, nếu không nắm giữ các tướng cùng với tùy hảo, như thật rõ biết *thọ* sanh trụ diệt; nếu nắm giữ các tướng cùng với tùy hảo, như thật rõ biết *tướng* sanh trụ diệt. Vào lúc trụ, như thật rõ biết *nhân tâm tư* sanh trụ diệt. Kia do tướng chánh niệm chánh biết như vậy, nên ở tất cả thời, ở tất cả chủng cảnh giới sở duyên, năng chánh phòng hộ giữ gìn tâm đúng theo quỹ tắc. Đây gọi là chánh niệm chánh biết thắng vượt.

Lại có chánh niệm chánh biết thắng vượt khác. Đó là hành giả đã đắc Diệt tận định, hoặc hành giả đã đắc Vô tướng định, hoặc hành giả đã đắc Không tâm không tứ định, nên biết nương thánh trụ, thiên trụ. Trụ trụ chánh niệm chánh

biết thắng vượt này, lại không có trụ khác có thể vượt hơn. Hoặc từ Diệt định khởi rồi mới trụ, hoặc sắp nhập định phương tiện mà trụ, như thật rõ biết *thọ* sanh trụ diệt. Đây gọi là chánh niệm chánh biết thắng vượt. Như nương Diệt định như thật biết *thọ*, thì nương Vô tướng định như thật biết *tướng* và nương Không tâm không tứ định như thật biết sở hữu *tâm tứ* nên biết cũng vậy. Do chánh niệm chánh biết thắng vượt đây chỉ nắm giữ pháp, nên không ở nơi *thọ*, *tướng*, *tâm tứ* ấy phát khởi hư vọng phân biệt ngã, ngã sở. Nếu các ngu phu vào lúc *thọ*, *tướng*, *tâm tứ* sai biệt sanh khởi, ở nơi pháp *thọ*... không năng phát khởi “chỉ có pháp *tướng*”, mà chỉ tác nghĩ rằng “ta năng lãnh *thọ*” cho đến nói rộng. Do nhân duyên đây, những kẻ kia còn không có chánh niệm chánh biết, hà huống có được chánh niệm chánh biết thắng vượt. Trong đây, chánh niệm chánh biết được nói đến ở sau, dành cho quả hoặc Bất hoàn, hoặc A-la-hán. Còn chánh niệm chánh biết được nói đến ở trước, nếu thuận theo đó tùy đạt được tác ý không phóng dật, dành cho các vị từ dị sanh cho đến quả Nhất lai.

Lại do 2 nhân duyên Như Lai tự nói “Năm nay thân lực của Ta suy yếu mệt mỏi”, nên khuyến khích các Thanh văn thỉnh người thuyết pháp: 1. Vì khiến những người còn trẻ ý cậy vào sức trẻ chuyên hành phóng dật, tự sanh sợ hãi nhàm chán; 2. Vì khiến ở đời đương lai, các Bí-sô già suy không đủ sức lực xa lìa nghi ngại, khuyến thỉnh các Bí-sô trẻ tuyên thuyết chánh pháp. Các Bí-sô trẻ khỏe đầy đủ sức lực, xa lìa nghi ngại, không tâm sợ hãi nên vì người thuyết pháp.

Nên biết trong đây lược có 2 chủng xứ tập hội lớn tuyên thuyết chánh pháp: 1. Thuyết quyết trách: hưng khởi đưa ra những sự cật vấn, phương tiện khảo nghiệm, thuyết chánh đạo lý, diệt trừ nghi hoặc; 2. Thuyết trực ngôn: các thánh chúng an trú yên lặng lắng nghe vị thầy thuyết pháp tuyên thuyết chánh pháp.

Lại nữa, do 4 tướng gọi là năng thuận theo dạy bảo dạy răn: 1. Vì năng phân tích các xứ sai biệt, ở trong các hành đặc trí kiến vô ngã thanh tịnh; 2. Do ở nơi các thọ cùng sở y đều diệt, lìa tăng thượng mạn, tối cực tịch tĩnh, nên được kiến thanh tịnh; 3. Do năng vượt qua các khổ vị lai, nên

được kiến thanh tịnh; 4. Do năng vượt qua các khổ hiện tại, nên được kiến thanh tịnh.

Trong đây phân tích các sự riêng biệt của nội ngoại các xứ là thức, xúc, thọ, tưởng, tư và ái để hiển thị những điều sau. Hiển thị “vô ngã”, do nương phương tiện đạo lý duyên khởi, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh đầu tiên. Như ánh sáng nương đèn, như bóng nương cây; đèn, cây chẳng phải có, thì sáng, bóng cũng chẳng phải có. Hiển thị “nội ngoại các xứ sai biệt làm nhân các thọ”. Do các xứ kia diệt không sót thừa, nên các thọ cũng theo đó diệt, là tăng thượng mạn; đối với Niết-bàn như thật rõ biết tịch tĩnh tối thắng, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh thứ hai. Ở trong hiện pháp, dùng lực trí huệ năng vĩnh viễn đoạn diệt tất cả phiền não. Hiển thị “không sót thừa”, tức vượt qua sở hữu các khổ đương lai, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh thứ ba. Hiển thị “trong khắp tất cả pháp thuận khổ, thuận lạc, thuận không khổ không lạc mà không khởi tham dục, không khởi sân khúe, không khởi ngu si”. Hiển thị “kiến đạo”, tức là khéo an trụ tâm nơi các niệm trụ. Hiển thị “tu đạo, tu các giác phần”, tức là khiến các lậu vĩnh

viễn tận diệt, nên vượt qua trụ khổ tạp nhiễm hiện pháp, năng dẫn chánh kiến thanh tịnh thứ tư.

Lại nữa, có các Bí-sô không an trụ giữ gìn các căn, ở nơi các cảnh giới tâm nhiều ái nhiễm, tâm nhiều tán loạn. Do nhân duyên đây thọ hai chủng khổ: 1. Khổ do thô trọng; 2. Khổ do nghi hoặc đối với các pháp. Vì cố sao? Do phương tiện an trụ giữ gìn căn, nên siêng tu thân. Đã siêng tu thân, nên siêng tu giới chi Xa-ma-tha. Nếu không tu thân, cũng không tu giới chi Xa-ma-tha làm nhân duyên, tức thân không khinh an, tâm không khinh an, cho nên kẻ kia lãnh thọ các khổ do thô trọng gây ra. Vì thiếu khinh an, nên không thể xúc chứng thắng tam-ma-địa. Do nhân duyên đây, sanh nhiều nghi hoặc đối với *như thật biết* và *không như thật biết*, cho nên kia lãnh thọ các khổ do sanh nghi hoặc đối với các pháp gây ra. Do trụ hai chủng khổ não đây, nên gọi là không giữ gìn căn và lực tăng thượng duyên khiến chịu các thứ khổ, trụ không an ổn. Như vậy gọi là ở trong hiện pháp người không giữ gìn các căn có các quá hoạn. Trái với tướng đây nên biết tức là người giữ gìn các căn thu

được công đức.

Lại nữa, có các Bí-sô vì muốn lìa dục tham nên siêng tu phương tiện. Do tu tập đạo gia hạnh chân chánh, nên chế phục được các phiền não, khởi tư duy đây: “Ta ở nơi các dục là có dục tham mà không nhận biết, hay là không có?”, bèn dùng tướng tịnh diệu tác ý tư duy để xác định. Vì tác ý quán sát làm chỗ nương, tìm hiểu nơi chốn do tham dục kia sanh khởi, như thật rõ biết nhớ nghĩ phân biệt: “Tham dục đây là nơi yên trú thù thắng của các phiền não”. Do vị kia phiền não chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nếu lúc tâm bị trôi nổi theo phiền não, tự rõ biết tâm hướng đến thấp hèn, tức liền chế phục. Nếu không chế phục được, dù trước đã đắc ít phần tam-ma-địa mà còn trở lại thối thất, huống là năng tiến đến phẩm công đức thù thắng. Nếu tâm bị nổi trôi mà năng chánh rõ biết, trở lại thâm nhiếp tu đối trị sẽ không thối chuyển, lại năng thú hướng tiến đến phẩm công đức thù thắng. Nếu không khéo quán sát, trở lại phát khởi tăng thượng mạn, cũng sẽ thối thất. Nếu khéo quán sát, sẽ năng chứng quyết định không bị thối chuyển. Như tu phương tiện để lìa dục tham, thì đối với các

vị phẩm thượng còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Nếu khi nhìn thấy rõ ràng, quán sát cặn kẽ mà dục tham không sanh khởi, vị kia liền đạt được sự xác quyết: “Ta đã năng thắng phục các xứ, đối với sở duyên đây lẽ bị phát sanh phiền não, mà ta đối với xứ ấy đã thắng phục khiến phiền não không sanh khởi, vượt qua học địa, giống như Đại vương năng tùy dụng tâm tự tại mà chuyển, hàng phục tất cả tụ lạc lưới ma, chúng đắc rớt ráo tận vô sanh trí, phạm hạnh viên mãn”.

Lại nữa, như trước đã thuyết ở nơi sáu căn đây có 5 tướng không tịch tịnh, nên biết nhiếp thọ 3 chủng quả khổ. Đó là trong hiện pháp nương căn, trụ nơi tạp nhiễm tăng thượng, do hiện hành các bất thiện làm nhân, hoặc người kia trở nên thấp hèn trước mắt mọi người, hoặc bị chế giễu quở trách, hoặc bị giết hại, nên hiện pháp thọ hết thấy các thứ khổ như vậy. Lại đương lai thọ chủng chủng các khổ sanh lão bệnh tử. Lại do trước lớp lớp tập quen không giữ gìn các căn, là nhân dẫn dắt đương lai lãnh thọ các tạp nhiễm đẳng lưu, cũng gọi là khổ. Trái với tướng đây tức ở nơi sáu

căn có năm tướng tịch tĩnh, nên biết nhiếp thọ ba chủng quả khổ diệt.

Lại nữa, lược có 2 chủng Phạm chí thể tục thật không phải phước điền, ôm lòng tăng thượng mạn tự cho là phước điền, tự xưng ta là chân thật phước điền. Nên biết kết thành tánh và tướng không phải chân thật phước điền, nên không đáng nhận cúng dường.

1. Ở nơi lợi dưỡng cung kính từ người thu được, hiện tiền đấm trước mạnh mẽ, các căn tham lam làm tánh, nóng nảy nhiễu loạn, giả dối biểu hiện hành tướng ly dục.

2. Nhiếp thọ gia sản, thân thuộc, chung sống hỗn tạp xấu xa dơ uế, chỉ chuyên cầu vật dụng nuôi thân. Phàm những việc đã làm không phải vì tự lợi, cũng không phải vì lợi tha; xa lìa giới luật chánh pháp chánh hạnh, xa lìa an trụ thiện hạnh đi đến các đường thiện, xa lìa an trụ diệu hạnh Niết-bàn. Nên biết kia cùng các loại ngu phu dị sanh không sai khác. Người an trụ chánh pháp trái với tướng đây, nên biết gọi là Phạm chí thắng nghĩa.

Lại nữa, ở ngoại chánh pháp đây có các Sa-

môn, Bà-la-môn... vì các đệ tử tuyên thuyết pháp, phần nhiều vì cầu thắng lợi trong việc hỏi đáp cùng là thắng lợi trong việc thoát khỏi nạn vẩn của người. Nên biết kẻ tuyên thuyết pháp như vậy chỉ thu được điều vô nghĩa vô lợi bậc nhất, không lợi ích mình không lợi ích người.

Chư Phật Như Lai vì các đệ tử tuyên thuyết chánh pháp chỉ vì chứng đắc 2 quả thù thắng lợi ích là minh và giải thoát. Nên biết bậc thuyết chánh pháp như vậy thành tựu quả rộng lớn, lợi ích rộng lớn, lợi mình lợi người, không gì không viên mãn. Vì ở nơi hành ba đời, vì an trụ nghĩa tối thắng không quên mất, vì ba chủng cảnh sở duyên sai biệt, nên gọi là tam minh. Hoặc tâm giải thoát, hoặc tuệ giải thoát, đều gọi là giải thoát. Vì đối trị hơn nữa căn bản tạp nhiễm vô minh ái, nên đắc minh và giải thoát chưa từng đắc.

Nên biết lược có 4 chủng tu đạo. Đó là vì tu căn, nên năng chân chánh tu thân. Vì tu thân dẫn phát tu thiện hạnh, nên năng chánh tu giới. Vì tu giới dẫn phát niệm trụ giác chi, tu không điên đảo, nên năng tu tâm và tuệ.

Trong đây tu căn lại có 3 chủng: 1. Người thế

gian tu; 2. Bậc hữu học tu; 3. Bậc vô học tu.

Nếu lực tư trạch làm chỗ nương, tuy nắm giữ cảnh khả ái, không khả ái, nắm giữ tướng không như lý, mà không phát khởi các phiền não triền. Giả sử chúng tạm hiện khởi, liền trở lại trừ khiển. Đây là người thế gian tu.

Nếu ở nơi thánh đế đã đắc hiện quán, do thất niệm, hoặc sanh khởi thích ý, hoặc sanh khởi không thích ý, hoặc sanh khởi đủ hai ý, mà tâm không bị triền phược, an trụ kiên cố, ở nơi tạp nhiễm nhanh chóng được giải thoát. Đây là bậc hữu học tu.

Nếu tâm an trụ kiên cố như vậy, như trước bên trong không hẹp nhỏ, khéo tu tập, khéo vượt thoát, đều không bị tất cả chướng ngại thấp cho đến thất niệm. Đối với những điều khả ý, không khả ý... phát tâm thân cận, hướng đến huân tập tất cả đức. Đây gọi là bậc vô học khéo tu căn thanh tịnh. Nên biết ba chủng tu giới, tu tâm, tu tuệ cũng vậy. Trong đây chủng thứ nhất là bậc tu căn thứ nhất dẫn. Chủng thứ hai là bậc tu căn thứ hai dẫn. Chủng thứ ba là bậc tu căn thứ ba dẫn.

Tu giới, tu tâm, tu tuệ đây tương quan với 3 loại của mỗi dạng hữu tình sai khác dẫn nên biết

cũng vậy.

Như vì cảnh giới khả ý, không khả ý sai khác có 3 loại: hoặc có cảnh giới một hướng vừa ý, hoặc có cảnh giới một hướng không vừa ý, hoặc có cảnh giới thuộc loại xen lẫn, tức là ít phần vừa ý, ít phần không vừa ý. Như chỗ thích hợp tu giới, tu tâm, tu tuệ tương ưng.

Như vì hữu tình có ân, có oán sai khác: hoặc một hướng có ân, hoặc một hướng có oán, hoặc ân oán lẫn tạp.

Như vì hữu tình tương ưng công đức, lỗi lầm sai khác: hoặc một hướng có công đức, hoặc một hướng có lỗi lầm, hoặc đều có cả hai.

Như vì hữu tình đáng yêu, đáng ghét sai khác: hoặc đối với hữu tình kia yêu lại sanh yêu, nên biết đây là một hướng đáng yêu; hoặc đối hữu tình ghét lại sanh ghét, đây là một hướng đáng ghét; hoặc đối hữu tình yêu rồi sanh ghét, hoặc đối hữu tình ghét rồi sanh yêu, đây gọi là vừa đáng yêu vừa đáng ghét.

Tuy có rất nhiều nhân duyên sai biệt như vậy, nhưng ý chính chỉ gom vào 3 loại sai biệt.

Lại tùy quán ác hạnh kia ở hiện pháp có quá

hoạn, ở đương lai có quá hoan, cho nên xa lìa, tu tập diệu hạnh. Nếu ở nơi sáu xứ, do tất cả môn đều bị chê trách, đây gọi là ở hiện pháp có quá hoan. Do nhân duyên đây đọa nơi đường ác, đây gọi là ở đương lai có quá hoan. Trong đây, kẻ bị người chê trách đó là ngoại đạo. Những người thế gian thông lẫn khác, nghe đến sự xấu ác kia đều cùng chê trách, nên biết còn lại tức như đã thuyết.

Lại, trong đây nói tu niệm trụ: là niệm giác phần, vết thương mới phát khởi, ở tại dị sanh địa. Lớp lớp tu tập: ở tại hữu học địa. Tu viên mãn: ở tại vô học địa. Tu tập giác phần: chưa chứng đắc đoạn giới, nên nơi lúc đang hy cầu đoạn giới đây gọi là nương viễn ly. Chưa chứng đắc Vô dục giới, lúc đang hy cầu Vô dục giới đây gọi là nương ly dục. Chưa chứng đắc Diệt giới, lúc đang hy cầu Diệt giới đây gọi là nương nơi diệt. Tu giác phần buông xả sự hạ liệt và tu giác phần hồi hướng thắng diệu, cho nên gọi là buông xả hồi hướng.

Lại, Bí-sô giữ gìn các căn, có tâm có quý, do nhân duyên đây hổ thẹn đối với hạnh ác, tu tập diệu hạnh. Do tu tập diệu hạnh nên không biến đổi hối hận. Do không biến đổi hối hận, nên phát

sanh hoan hỷ, lấy đây làm tiền dẫn, tâm đắc chánh định. Vì tâm chánh định, nên năng kiến như thật. Vì kiến như thật, nên minh và giải thoát thấy đều viên mãn. Nên biết đây gọi là thứ lớp tu hành.

Lại nữa, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn tự mình không thể khéo tu các căn, mà lại không như lý vì người thi thiết pháp khéo tu căn, chỉ chấp thủ kiến “buông xả chỗ có các cảnh giới” gọi là phòng hộ các căn. Nhưng tự thân mình đối với các chúng đệ tử sanh nhiễm đấm sâu, một phần khởi yêu, một phần sanh ghét, tức là đối với giáo thuận nghịch nhân duyên thường hiện hành ý thích, không thích, nên ở nơi điều nhỏ nhặt đây tự mình đã bị tạp nhiễm, không thể dùng tuệ như thật ngộ nhập. Nhưng kẻ kia tự cho là năng khéo tu các căn, nên phát khởi tăng thượng mạn. Các kẻ thuận theo kiến như vậy, tuy khiến căn lìa các cảnh giới, một mình ở chốn a-lan-nhã mà lại duyên cảnh kia phát khởi chủng chủng tâm tư tạp nhiễm, không đủ trí huệ để tự mình ngộ nhập. Đây cũng không được gọi là khéo tu các căn.

Lại cũng không vì khéo tu các căn mà siêng tu chánh hạnh, chỉ tin theo lời nói của người phát

khởi tà tin hiểu cùng với tà mạn. Chư Phật Như Lai vì các đệ tử như lý thi thiết luận đoạn trừ phiền não nên gọi là khéo tu căn, không phải chỉ một hướng là trái nghịch buông xả chỗ có các cảnh giới.

Lại chư Như Lai với 3 chủng bất cộng niệm trụ khéo trụ nơi tâm, nên không nhiễm trước các chúng đệ tử, đó là đối với các chúng đệ tử hành chánh hạnh, nhiều ý hoan duyệt hiện hành. và đối với chúng hành tà hạnh, ý không hoan duyệt. Do đây các phát sanh tham dục tạp nhiễm và sân khúế tạp nhiễm đều không chỗ có. Do nhân duyên đây, tuy cùng đệ tử.. đoạn trừ phiền não mà được gọi là khéo tu các căn không gì vượt hơn.

Lại tu căn đây nương 5 phẩm chúng có sự sai biệt, nên cũng có 5 chuyển sai biệt. Đó là Phật Thế Tôn hoặc có đệ tử một hướng chánh hạnh, cũng rất ráo chánh hạnh, gọi là chúng thứ nhất.

Hoặc có đệ tử một hướng phóng dật, cũng rất ráo phóng dật, gọi là chúng thứ hai.

Hoặc có đệ tử tu hành chánh hạnh, mà không rất ráo chánh hạnh, gọi là chúng thứ ba.

Hoặc có đệ tử hành tà hạnh, mà không rất

ráo tà hạnh, gọi là chúng thứ tư.

Hoặc có đệ tử có nhiều chủng phẩm loại, một phần hành chánh hạnh, một phần hành phóng dật, một phần hành hoặc có lúc phóng dật, hoặc có lúc không phóng dật, gọi là chúng thứ năm.

Trong đây, Như Lai đẹp lòng vừa ý, tán thán đối với các chúng đệ tử ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, vì tu các căn thành tựu viên mãn mà tu chánh hạnh. Lại có một chúng, Như Lai chẳng đẹp lòng vừa ý, đó là đối với các đệ tử hành tà hạnh, hoặc không tu hành. Cho nên Như Lai quán chúng thứ nhất sanh khởi duyệt ý; quán chúng thứ hai sanh khởi không duyệt ý; quán chúng thứ ba vừa sanh khởi duyệt ý cũng vừa không duyệt ý; quán chúng thứ tư sanh khởi không duyệt ý, sanh khởi duyệt ý; quán chúng thứ năm sanh khởi duyệt ý, sanh khởi không duyệt ý, cũng lại sanh khởi duyệt không duyệt ý.

Tuy Như Lai đối với 5 chúng đây phát khởi năm chuyển duyệt ý và không duyệt ý sai biệt như vậy, nhưng chư Như Lai trọn không bị sự nhiễm ô của hành tướng ái khuể kia, bởi chư Như Lai đã vĩnh viễn lìa trói buộc của các phiền não, kể cả tập

khí. Đã khéo tu căn, nên Như Lai lấy sự vĩnh viễn đoạn diệt tất cả phiền não kể cả tạp khí làm chỗ nương, năng khéo an trụ niệm, đối với chúng đệ tử không các tạp nhiễm, nên gọi là năm chuyển tu căn không gì vượt hơn.

Lại ở tất cả 5 chuyển như vậy, tùy chỗ thích hợp phải chánh tư duy 3 chủng đối trị: 1. Tướng vô thường; 2. Từ tâm; 3. Vô tướng định. Ba chủng như vậy tùy chỗ thích hợp mà biết tướng đây.

Lại, chư Phật Thế Tôn và đệ tử vô học việc làm đã xong, gọi là đã tu căn. Các vị kia trong đêm dài vui Niết-bàn, tuy gặp một trong số cảnh tướng các hữu tình hiện tại tiền như trước đã nói, hoặc thuần đáng yêu, hoặc thuần đáng ghét, hoặc tạp lẫn nhiều loại thông cả đáng yêu và đáng ghét. Nhưng các vị kia do đã vĩnh viễn lìa tham sân si và do đạt đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát lực tăng thượng; cũng tức do vô tướng khiến tâm đối với hữu tình kia nhanh chóng xả bỏ và do ý lạc, nên ở nơi các cảnh giới khởi tướng nhằm chán trái lìa; lại đối với Niết-bàn thấy thắng công đức tịch tĩnh, như vậy chóng năng an trụ nơi xả. Do nhân duyên đây, trong khoảnh sát-na thất niệm cũng không

khiến tâm tạp nhiễm ô sanh khởi được. Nên biết khéo tu tập ngang đây gọi là khéo tu căn.

Nếu là các bậc hữu học, vì chưa thể nhanh chóng an trụ nơi xả, phiền não sót thừa lại được tiếp nối huân tập khiến thành tạp uế, lại vì ở trong tất cả ba cảnh chuyển tăng thêm ghét khiến phát khởi phiền não. Nếu lúc phiền não hiện hành bức bách, phải năng phương tiện trụ tướng nhằm chán xa lìa và tướng quá hoạn. Tu hành như vậy năng khiến tu căn nhanh chóng được viên mãn, cho nên thuyết kia gọi là bậc chánh hạnh. Như vậy nên biết ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có bậc Đại sư diệu khéo, các chúng đệ tử năng tu chánh hạnh đạt được nghĩa nên đắc.

Lại nữa, luận sư vô ngã lược có 3 việc làm chân chánh. Những gì là ba? Ở nơi khổ đế, tập đế nhiếp lấy tự tướng, cộng tướng của các hành, nên chân chánh hiển rõ an lập vô ngã. Nên biết trong đây vì tánh các hành nhiều nhóm, mỗi mỗi riêng khác, là hiển rõ tự tướng; vì khai thị tánh các hành sanh diệt giống nhau, là hiển rõ cộng tướng. Đây gọi là việc làm chân chánh thứ nhất.

Lại ở nơi vô ngã chỉ có nhân hành, như thật

hiển rõ chỗ có tạp nhiễm thanh tịnh. Nên biết tức đây hiển rõ: ở nơi 3 chủng thọ duyên sanh 3 chủng phiền não tùy miên chưa thể vĩnh viễn đoạn trừ. Đó là ở nơi kiến đạo, ngã kiến tùy miên chưa thể khiến trừ; ở nơi tu đạo, ngã mạn tùy miên cũng chưa thể vĩnh viễn khiến trừ; ở nơi phẩm kiến mạn năng phát khởi vô minh cũng chưa vĩnh viễn đoạn trừ, chưa năng sanh khởi minh đối trị kia, cho nên chẳng năng đạt đến gần mé khổ. Như vậy gọi là hiển thị tạp nhiễm. Trái với tướng đây nên biết tức là hiển thị thanh tịnh. Đây gọi là việc làm chân chánh thứ hai.

Lại ở nơi các hành, đoạn trừ tăng ích ngã, thân kiến, năng chân chánh nắm giữ chánh kiến vô ngã, như thật hiển rõ tương ưng thanh tịnh. Kiến vô ngã đây ở tại vị dị sanh năng chánh nhiếp thọ thánh đế hiện quán, lại năng chứng đắc các thánh huệ nhãn. Ở vị hữu học năng đắc địa vị cao hơn là tận trí và vô sanh trí. Ở vị vô học năng khiến tất cả sở hữu phiền não kiến tu sở đoạn của học và vô học vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa. Cho nên phải biết kiến vô ngã đây năng khiến thanh tịnh, nên phải hiển rõ. Đây gọi là việc làm

chân chánh thứ ba.

Lại nữa, người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà được định, nên biết lược có 5 chủng quả chánh gia hạnh thù thắng được khen ngợi là có lợi ích, so với người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà không định. Những gì là năm?

1. Người trụ chánh pháp do tâm chưa được định, nên chi Xa-ma-tha giới chưa thanh tịnh, cũng chưa sáng sạch. Người trụ chánh pháp ở nơi sự tu đây tâm đã được định, nên thanh tịnh sáng sạch. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ nhất được khen ngợi là có lợi ích.

2. Người tâm chưa được định ở nơi tất cả thọ bao gồm sở y, sở duyên, trợ bạn, lưu chuyển mà không như thật biết. Do không thật biết nên chạm đến 3 chủng vô trí là nhân quá hoạn. Những gì là ba? 1. Quá hoạn do thọ tạp nhiễm gây ra; 2. Quá hoạn do đời tạp nhiễm gây ra; 3. Quá hoạn do hiện pháp, hậu pháp tạp nhiễm gây ra.

Nên biết trong đây quá hoạn do thọ tạp nhiễm gây ra đó là kẻ ngu si ở nơi thọ lạc đây bị lôi kéo chuyển theo, tùy nhiễm theo đó có phược tham ái;

ở nơi thọ khổ có phước sân khuyển, ở nơi thọ không khổ không lạc có phước ngu ái và phước tùy miên, vì có ngu si ngủ ngầm vậy.

Quá hoạn do đời tạp nhiễm gây ra đó là kẻ ngu si ở đời hiện tại có phước tham nhiễm, ở đời quá khứ có phước luyện tiếc, ở đời vị lai có phước hệ buộc tâm.

Quá hoạn do hiện pháp, hậu pháp tạp nhiễm gây ra đó là kẻ kia tâm bị tạp nhiễm như vậy, vì ở nơi đời, ở nơi thọ có tạp nhiễm năng sanh trưởng chiêu cảm nghiệp hậu hữu. Do đây càng giúp cho các uẩn hậu hữu khiến chúng được sanh. Lại năng tăng trưởng sở hữu tham ái, đó là ái hậu hữu và ái tiền của. Vì ái hậu hữu, nên năng sanh sở hữu tự thể đương lai. Vì ái tiền của, nên lúc truy cầu sanh quá mỗi nhọc; nếu được cảnh giới liền sanh nhiễm não; nếu không thu được, không như điều mong muốn liền bị tự thiêu đốt; nếu được rồi mất liền bị sự tổn hại của sáu não ta thán. Như vậy gọi là quá hoạn hiện pháp. Hoặc vì kẻ kia gây tạo và tăng trưởng các việc như trên, năng chiêu cảm các nghiệp phiền não hậu hữu lực tăng thượng, nên phát khởi các khổ sai biệt sanh lão bệnh tử ở đương lai... Như

vậy gọi là quá hoạn hậu pháp. Người có tâm định trái với tất cả tướng trên. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ hai, còn lại như trước đã thuyết.

3. Người tâm chưa định nên có các quá hoạn do vô trí gây ra, hoặc cho mình, hoặc cho người mà không như thật biết. Người tâm định đối với các việc kia đều năng như thật rõ biết. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ ba, còn lại như trước thuyết.

4. Người tâm đã được định, ở nơi các quá hoạn đã như thật rõ biết, liền nhập tu địa, tức tu tập chánh kiến tương ưng vô ngã trước đã đắc. Do tu tập như vậy, ở trong hai thời nương đoạn giới và vô dục giới, tất cả pháp Bồ-đề phần trên đều chưa viên mãn. Nên biết đây gọi là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ tư, còn lại như trước thuyết.

5. Người tâm đã được định sở hữu đa văn do phần chi Tỳ-bát-xá-na làm trợ bạn. Vị kia năng nhiếp thọ thắng tam-ma-địa, năng tịnh tu trị Tỳ-bát-xá-na. Do nhân duyên đây, hai chủng Chỉ Quán chuyển vận song song. Người tâm chưa định nên biết đa văn và chi Tỳ-bát-xá-na đều thiếu sót. Nên

biết đây là quả chánh gia hạnh thù thắng thứ năm được khen ngợi là có lợi ích.

Như vậy, so với người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà không định, thì người trụ chánh pháp thành tựu chánh kiến đa văn thế gian mà được định có được 5 quả gia hạnh thù thắng vượt hơn.

Nói tóm lại, vị kia đã thu được thắng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Nương đoạn giới, đối với điều nên biết khắp năng chân chánh biết khắp, điều nên vĩnh viễn đoạn năng chân chánh vĩnh viễn đoạn, điều nên tác chứng năng chân chánh tác chứng, điều nên tu tập năng chân chánh tu tập. Vị kia nương vô dục giới, ở nơi tất cả điều trên đều đã biết, đã đoạn, đã chứng, đã tu; ở nơi sắc sở y và danh năng y chánh biết đã biết; ở nơi vô minh sở y và hữu ái năng y chánh đoạn đã đoạn; ở nơi trí minh tịnh sở y và giải thoát đoạn phiền não năng y chánh chứng đã chứng; ở nơi Xa-ma-tha sở y và Tỳ-bát-xá-na năng y chánh tu đã tu.

Lại nữa, có 2 pháp kiến: 1. Pháp kiến hữu vi; 2. Pháp kiến vô vi.

1. Pháp kiến hữu vi: là ở nơi sở y xứ đế và tự

tánh đế đều như thật biết.

Sao gọi là nơi sở y xứ đế? Là danh sắc và trời, người... hữu tình số vật.

Sao gọi là tự tánh đế? Là thế tục đế và thắng nghĩa đế.

- Thế tục đế: là ở nơi sở y xứ của đế kia mà giả tưởng an lập ngã, hoặc hữu tình cho đến mạng giả, sanh giả... Lại tự xưng rằng: “Mắt ta thấy sắc cho đến ý ta biết pháp”. Lại phát khởi ngôn thuyết: “Có danh như vậy... cho đến thọ lượng giới hạn như vậy”, như trước đã nói rộng. Nên biết trong đây chỉ có giả tưởng, chỉ có giả tự xưng, chỉ có giả ngôn thuyết chỗ có tánh tướng tác dụng sai biệt, gọi là thế tục đế.

- Thắng nghĩa đế: tức ở nơi sở y xứ của đế kia có tánh vô thường, nói rộng cho đến có tánh duyên sanh, như trước đã nói. Như có tánh vô thường thì có tánh khổ... nên biết cũng vậy. Nếu ở nơi sở y xứ đế là thắng nghĩa đế và thế tục đế như vậy, như thật rõ biết thế tục đế là thế tục đế, như thật rõ biết thắng nghĩa đế là thắng nghĩa đế, như vậy gọi là pháp kiến hữu vi. Nếu Bí-sô thành tựu pháp kiến hữu vi, ngang đây được gọi là đầy đủ viên

mãn.

2. Pháp kiến vô vi: tức là ở nơi sở y xứ của đế kia đã được hai chủng đế thiện xảo. Do thiện xảo đây lực tăng thượng, nên ở nơi tất cả y tận diệt Niết-bàn thấy sâu tịch tĩnh, nơi tâm hướng đến chứng nhập cho đến giải thoát, như trước đã nói rộng. Như vậy gọi là pháp kiến vô vi. Nếu Bí-sô thành tựu pháp kiến vô vi, thì ngang đây được gọi là đầy đủ viên mãn.

Lại pháp kiến đây, nên biết 3 chủng bổ-đặc-già-la đều thành tựu được: 1. Kế dị sanh, tùy pháp hành pháp, tâm đã đắc định, thức thông tuệ nhạy bén rộng lớn, năng như chánh lý quán sát các pháp; 2. Bạc hữu học đã kiến đế tích; 3. Bạc vô học, các lậu vĩnh viễn tận.

Lại nữa, nếu có người hy cầu sự hưng thịnh tốt đẹp của người trời, tự phát thệ nguyện hành phạm hạnh, nên biết người trời kia có 2 chủng lỗi lầm họa hoạn. Những gì là hai? 1. Các thứ khổ do phiền não phát sanh; 2. Các thứ khổ do vô thường phát sanh.

1. Các thứ khổ do phiền não phát sanh: Ở cõi người, cõi trời trú trong cảnh giới ái, vì nương đời

hiện tại; trú trong cảnh giới lạc, vì nương đời quá khứ; trú trong cảnh giới hân, vì đời hiện tại nương cảnh quá khứ sanh vui thích; trú trong cảnh giới hỷ, vì ở đời vị lai nương cảnh hiện tại sanh vui thích. Nếu ở trong cảnh ba đời như vậy mà trụ nhiệm ô, nên biết kia có các khổ do mong muốn bị thiếu thốn và các khổ sanh lão... Đây gọi là quá hoạn của các thứ khổ do sanh khởi phiền não gây ra.

2. Các thứ khổ do vô thường phát sanh: Vì thuận theo xứ lạc, nên biết lúc đây hoại mất phát khởi khổ biến hoại. Vì thuận theo xứ khổ hiện tại tiền, nên phát khởi khổ chán lìa. Vì tất cả tự thể đến lúc chết đều hoại diệt, nên có khổ hoại diệt. Nên biết đây gọi là các thứ khổ do ba chủng vô thường gây ra.

Trong đây, Như Lai siêu vượt hai chủng quá hoạn như vậy, trụ một hướng an lạc, tức ở nơi sự an lạc đây phải như thật biết. Đã biết an lạc rồi, lại nên như thật biết phương tiện lạc.

Sao gọi là an lạc? Là tất cả cảnh tương ưng vĩnh viễn tận, vô thượng an ổn, tức Hữu dư y Bát-niết-bàn giới.

Sao gọi là phương tiện? Tức là như trước đã thuyết ở nơi năm chủng thọ mà phát khởi năm chuyển diệu trí như thật. Nếu các Thanh văn xả bỏ bậc Đại sư đã chứng đắc siêu vượt diệu lạc trời người, mà hy cầu lạc trời người hạ liệt, nên biết người kia ở chỗ các bậc trí bị nhiều sự hủy chê, cũng chính là tự khi dối mình.

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*Nhất trụ, xa Niết-bàn
Lược thuyết, nội sở chứng
Biện tất cả, tướng trí
Xả điều học, nghiệp thấy
Không, tùy hành, hằng trụ
Thầy trò hai viên mãn.*

Do hai nhân duyên nên biết gọi là hữu và trụ thứ hai. Đó là vì hữu ái và vì muốn sanh khởi tự thể thứ hai, nên lãnh thọ tập nhân; tự thể đây diệt, tự thể thứ hai kế tiếp sanh khởi.

Sao gọi là hữu ái? Là các cảnh giới sở duyên khả ái sắp được hiện tiền, ban đầu sanh khởi nhiễm ô vui thích, gọi là có hỷ lạc. Từ đây về sau cho đến chưa được cảnh giới, trụ nhiều tác ý tư duy đối với

kia. Giả sử đã được mà chưa thọ dụng, ở khoảng giữa đây tức do hỷ lạc lực tăng thượng, nên trụ nhiệm ô vui thích, gọi là có hoan hỷ. Vào lúc thọ dụng sanh nhiều tham ái, gọi là có nhiệm trước, nên gọi là hữu ái. Lại vì ở vị lai khởi hy cầu cùng với cảnh giới đã được sanh lãnh nạp, nên gọi là có hỷ lạc. Vì đời quá khứ theo đó nhớ nghĩ, nên gọi là có hoan hỷ. Vì đối với cảnh giới đã thu được, vào lúc đang thọ dụng phát sanh tham ái, nên gọi là có nhiệm trước. Như vậy gọi là sai biệt thứ hai.

Sao gọi là muốn sanh khởi tự thể thứ hai? Tức là hỷ lạc... làm tập nhân, nên đời đương lai sanh lão làm gốc khiến các thứ khổ sanh khởi. Trái với tướng đây nên biết gọi là không trụ thứ hai.

Lại nữa, có 2 chủng pháp lại xoay vần trái nhau là phiền não và Niết-bàn. Cho nên lúc rơi vào pháp tạp nhiễm rồi, tức liền thuận theo hậu hữu mà chuyển, lúc thuận theo hậu hữu mà chuyển, nên biết gọi là bỏ xa Niết-bàn.

Lại nữa, có 6 chủng hành tướng hiển hiện thấp hèn của bổ-đặc-già-la sĩ phu: 1. Tánh nhiều giận ghét; 2. Làm việc thiếu suy nghĩ; 3. Thích bực não người; 4. Nếu gặp phải khổ liền phát lời nói

không chân thật lại thô ác; 5. Hoặc phát lời nói chân thật, mà năng dẫn thô ác vô nghĩa; 6. Nhân đây triển chuyển phát khởi vô lượng lời ác sai khác, không chỉ dụng ít từ ngữ mà năng thỏa mãn.

Do 2 nhân duyên nếu người xuất gia tinh chuyên thọ hành, nhanh chóng năng chứng được nghĩa lợi Sa-môn, khiến người chưa tín sanh tịnh tín, khiến người đã tín càng thêm tăng trưởng. Sao gọi là hai? 1. Nhẫn nhục: tức là đối với người oán hại, trọn không phản trả; 2. Nhu hòa: tức là tâm không giận hờn, tánh không xúc não người.

Lại nữa, Như Lai lược nương 2 xứ mà thuyết giáo *Vô giới*: 1. Thuyết giáo Hữu dư y Niết-bàn giới; 2. Thuyết giáo Vô dư y Niết-bàn giới. Nếu do phiền não được đoạn trừ như thế, gọi là bổ-đặc-già-la thành tựu đoạn, không cấu thành phiền não, cho nên không trụ quả phiền não các khổ hậu hữu. Nên biết đây gọi là thuyết giáo Hữu dư y Niết-bàn giới. Nếu do không trụ quả phiền não các khổ hậu hữu như vậy, tiếp tục cho đến thọ tận, lúc mạng chung tất cả sự y còn lại đều không sót thừa. Không trụ thân đây, không trụ thân khác, không trụ trung hữu, chứng đắc tất cả các ngăn mé khổ. Nên biết

đây gọi là thuyết giáo Vô dư y Niết-bàn giới.

Lược có 3 chủng nhân nên có được lực nhớ nghĩ mạnh mẽ: 1. Do tuổi trẻ cường tráng mạnh mẽ; 2. Do đời trước đã từng xuyên suốt huân tập; 3. Do hiện pháp lớp lớp tập.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên biết Niết-bàn là pháp nội chứng. Đó là vì lìa tín cho đến vì lìa kiến thẩm sát nhãn, nên biết như trước đã thuyết. Đó là ở hiện pháp, bên trong mỗi mỗi riêng khác, trong ngoài tăng thượng phát sanh tạp nhiễm như thật rõ biết là “có” và “chẳng phải có”.

Lại nữa, do 3 nhân duyên hiển thị chư Phật Vô thượng Bồ-đề: 1. Vì giác liễu tất cả cảnh; 2. Vì giác liễu “có” và “chẳng phải có” đúng như sự thật; 3. Vì giác liễu hai phẩm nhiễm-tịnh của tất cả pháp. Cho nên người ở nơi 3 xứ sai khác như vậy mà thỉnh hỏi Đức Thế Tôn.

Lại nữa, các pháp hữu vi lúc câu hữu triển chuyển khiến tâm mê loạn, năng khiến ở nơi tướng tà chấp thủ phân biệt. Cho nên Như Lai vì các đệ tử khai thị phân biệt, khiến ở nơi tướng kia quyết định ngộ nhập không điên đảo, tức vì muốn họ rõ biết tướng chân thật, cũng vì muốn họ không tự

khinh dối mình, cũng vì muốn họ đối với người bình thân, vô úy mà chân chánh ký biệt.

Lại nữa, những người xuất gia xả bỏ các học xứ lực tăng thượng, nên biết được an lập trong cảnh giới luyến tiếc. Lại người xuất gia vì hủy phạm giới luật lực tăng thượng, nên biết được an lập trong số những kẻ chưa xuất gia, tâm buông xả trái nghịch, tâm chai cứng che đậy các việc làm, xa lìa tâm quý, nên là một hướng ái vị. Nếu kiên cố chấp thủ cảnh giới sở duyên, nên biết gọi kia là ái vị cùng cực. Do nhân duyên đây với việc tu tập các nghiệp thiện phẩm thượng, tâm chai cứng không điều nhu, không thể kham năng nghĩa. Lại tức do đây lực tăng thượng, nên hành các ác hạnh, bên trong ôm lòng che giấu; vì gây tạo nhiều việc xấu ác, nên phát sanh sự che giấu. Tất cả như vậy lược nhiếp làm một, gọi là ở nơi cảnh ái vị cùng cực, tâm chai cứng che đậy các việc làm.

Lại nữa, nếu hành giả không phòng hộ giữ gìn các căn, vui nghe pháp bất chánh liền sanh vô minh xúc, do đây sanh khởi tác ý nhiễm ô. Vì tác ý đây lực tăng thượng, nên ở đời vị lai sở hữu quá hoạn do các xứ sanh khởi không như thật biết. Do

không như thật biết quá hoạn kia, nên khởi mong cầu. Do mong cầu kia, nên tạo tác tăng trưởng nghiệp tương ưng. Do tạo tác tăng trưởng nghiệp tương ưng, nên ở đời đương lai sanh khởi sáu xứ. Như vậy gọi là đạo lý thuận thứ lớp.

Đạo lý nghịch thứ lớp tức là sáu xứ kia lấy nghiệp làm nhân, nghiệp ái làm nhân. Ái lại dùng vô minh kia làm nhân. Vô minh lại dùng không như chánh lý tác ý làm nhân. Tác ý bất chánh lại dùng vô minh xúc làm nhân. Lại ở trong đây, chỗ tạo nghiệp đời trước chính là nhân của hiện pháp thọ sáu xứ. Hiện pháp tạo nghiệp chính là duyên của sanh thọ sáu xứ kế tiếp, hoặc chính thọ sáu xứ sau do nương nhờ nghiệp ái... tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, do 2 nhân duyên khiến hậu hữu sanh khởi: nghiệp hậu hữu và ái hậu hữu. Nhưng chỉ nói “các loại hữu tùy theo nghiệp mà hành”, chẳng nói tùy theo ái. Vì cố sao? Lược có 3 ái: 1. Dục ái; 2. Sắc ái; 3. Vô sắc ái. Trong đây Dục ái là bất thiện, tuy có dị thực nhưng nếu chẳng khởi làm nghiệp ác bất thiện, trọn chẳng thể cho dị thực đi vào đường ác. Nếu Dục giới ái ở nơi vô minh xúc

phát sanh các thọ, khi khởi mong cầu, nơi cảnh đáng yêu phát sanh tham dục, nơi cảnh đáng ghét phát sanh sân khúể, nơi cảnh đáng mê phát sanh ngu si. Do 3 chủng dây lực tăng thượng, nên hành nghiệp bất thiện. Do nghiệp đây nên sanh vào các đường ác, chẳng phải do tham sân si trên kia quyết định khiến đọa đường ác. Nhưng tức ái đây đối với sự tạo nghiệp, vào lúc dị thực sanh năng làm trợ bạn.

Lại do mong cầu cảnh giới khả ái lực tăng thượng, nên tu hành thân ngữ ý nghiệp thiện hạnh. Do đây làm nhân đợc sanh các cõi thiện. Trong đây, các quả khả ái dị thực chỉ lẽ dụng nghiệp làm nhân dẫn sanh, không phải do tánh ái nhiễm ô.

Lại hệ buộc Sắc ái, hệ buộc Vô sắc ái đây tuy chẳng phải bất thiện nhưng là nhiễm ô, tất cả đều không có quả dị thực. Lại tức do Sắc ái, Vô sắc ái đây nên gọi là kẻ ái hữu. Kẻ kia do nhân lắng nghe chánh pháp, nên đối với Dục giới quán là tướng thô, chứng đắc minh xúc, phát sanh như lý tác ý thế gian tương ưng các thọ, điều phục tham sân si Dục giới... tạo tác tu tập thành nghiệp thiện hữu lậu. Do ở khoảng đây tạo tác nghiệp kia nên đợc

sanh kia, không phải vì đối với kia có tánh ái nhiễm ô. Nhưng tức ái đây đối với sự tạo nghiệp, vào lúc dị thực sanh năng làm trợ bạn, cho nên chỉ nói “các loài hữu tình tùy theo nghiệp mà hành”, không nói “tùy theo ái”.

Lại nữa, đối với các sự thế gian bên ngoài giả danh lực tăng thượng, nên cũng nói là có quả và có thọ giả, kia hoặc có lúc “không” thế gian hiện có được, hoặc có lúc “chẳng không”. Như quả và thọ giả, thì nhân và tác giả nên biết cũng vậy. Như vậy gọi là thế tục đế không, chẳng phải thắng nghĩa không. Nếu thuyết: “Hằng thời tất cả các hành chỉ có nhân quả, đều không thọ giả cùng với tác giả”, nên biết đây gọi là thắng nghĩa đế không. Nên biết *không* đây lại có 7 chủng: 1. Hậu tế không; 2. Tiền tế không; 3. Trung tế không; 4. Thường không; 5. Ngã không; 6. Thọ giả không; 7. Tác giả không.

Nên biết trong đây không có “các hành ở đời vị lai thật có hành tự tự tánh an lập, các hành khi sanh từ kia mà đến”. Nếu có việc kia, các hành kia ở đời vị lai chẳng nên sanh, bởi lẽ tự tánh các hành đã thật có, lại chẳng nên có vô thường khả được. Đã có vô thường khả được, cho nên nên biết

các hành khi sanh không từ đâu lại, xưa không nay có. Đây gọi hậu tế không.

Lại không có “các hành ở đời quá khứ có thật hành tụ tụ tán an lập, các hành sanh rồi diệt rồi, qua đến kia tích tập trụ vững”. Nếu có việc kia, không nên thi thiết các hành có diệt, bởi lẽ quá khứ hành tụ tụ tán nghiêm nhiên thường an trụ vậy. Nếu các hành đã không có diệt, thì tánh vô thường của kia lẽ chẳng thể biết. Nhưng đã có thể biết, cho nên các hành với khi đang diệt đều không chỗ đến, tích tập trụ vững, có rồi tan diệt, không đợi nhân khác tự nhiên hoại diệt. Đây gọi là tiền tế không.

Lại ở trong hành sát-na sanh diệt, chỉ có các hành tạm thời có được, trong đây đều không hành khác khác được, cũng không có vật riêng. Đây gọi là trung tế không. Nên biết cũng là thường không và ngã không.

Vì dụng vô ngã, nên tánh quả các hành không, không có thọ giả và tánh nhân nghiệp hành không, không có tác giả. Như vậy gọi là thọ giả và tác giả, hai chủng đều không.

Vì tác giả thọ giả không chỗ có, chỉ có các

hành về trước sanh diệt, chỉ có các hành về sau sanh sanh, ở trung gian đều không xả “trước sanh”, không thủ “sau sanh”. Cho nên thuyết rằng: “Chỉ có các pháp từ các duyên sanh năng sanh các pháp”.

Lại tất cả pháp đều không có tác dụng, không có chút pháp năng sanh chút pháp, cho nên thuyết rằng: “Đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh”. Duy chỉ ở trong pháp nhân quả kia nương thế tục để mà giả lập tác dụng, nên tuyên thuyết pháp đây năng sanh pháp kia.

Lại nữa, có 5 chủng tướng ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận theo hỷ. Đó là thuận theo đó mà hành thâm tâm vui thích, không như chánh lý mà lại chấp thủ tướng, phát sanh tham dục, khởi nhiều tầm tư, phương tiện tìm cầu, nhân đây rộng hành phước, hành phi phước. Như ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận theo hỷ, thì ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận theo ưu, năng thuận theo xả bỏ, như chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Nhưng đây có sự khác biệt ở chỗ, tức ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận ưu, thuận theo đó mà hành thâm tâm chán ghét, phát sanh sân khuể. Ở nơi cảnh giới sở duyên năng thuận xả bỏ, thuận theo đó mà hành

thâm tâm ngu muội, phát sanh ngu si, còn lại như trước thuyết.

Lại nữa, các Bí-sô chúng A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận, ở tất cả các cảnh sở duyên tùy thuận mà hành, hằng thời không kham cho đến lạc mất chánh niệm khiến sanh phiền não. Cho nên hằng trụ an trụ không tạp nhiễm, do nhân duyên đây gọi là hằng trụ. Đối với hành thuận theo các phẩm hoặc hỷ, hoặc ưu, hoặc vui, hoặc buồn, các bậc A-la-hán đều không có, cho đến trong thiện cũng không chỗ có. Lại vì hằng trụ kia rất khó hành và vì vô tội, nên gọi là tối thắng. Người có khả năng thành tựu cũng rất khó có, nên thuyết danh là chân thật phước điền bậc nhất phải nên phụng thờ, cho đến nói rộng như phần *Nhiếp Di Môn* trước đã thuyết.

Lại nữa, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, bậc Đại sư và các chúng đệ tử mỗi mỗi do 2 tướng mà biết được viên mãn đức.

- Sao gọi là do 2 tướng nên biết bậc Đại sư viên mãn đức? Vì nương hành lợi người, muốn khiến người ngộ nhập “sở hữu các thọ đều là khổ”, cho nên thuyết sở y thọ, thuyết nhân duyên thọ, thuyết

chỗ tùy hành theo các thọ kia năng khiến tạp nhiễm, thuyết sở đối trị và năng đối trị, thuyết tất cả chủng rốt ráo xuất ly. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ nhất.

Lại nương hành lợi mình, tuyên thuyết 3 chủng bất cộng niệm trụ, không trụ tạp nhiễm. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ hai.

- Sao gọi là do 2 tướng nên biết đệ tử viên mãn đức? Đối với vô lượng giáo pháp của Như Lai đã năng rõ biết, mà chưa được nghe môn “đến bờ kia”. Vì “đến bờ kia” cần phải tu hành tùy pháp hành pháp, chúng đặc xuất ly, không phải chỉ thọ trì mà cho là vui đủ. Đã rõ biết rồi, như lý tu hành tùy pháp hành pháp, không chỉ theo âm thanh ngôn ngữ đã thuyết cho là rốt ráo. Đây gọi là chúng đệ tử viên mãn đức thứ nhất.

Tu hành tùy pháp hành pháp như vậy, chẳng lấy chút phần thấp hèn mà sanh vui đủ, cần phải hướng đến địa của sự hiền từ, mãn tiệp, trượng phu, quyết định sẽ hoạch đắc những điều cần đắc. Đây gọi là các chúng đệ tử viên mãn đức thứ hai.

Lại nữa, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, lại do 3 tướng nên biết Đại sư viên mãn đức, lại do

2 tướng nên biết chúng đệ tử viên mãn đức.

- Sao gọi là 3 tướng nên biết bậc Đại sư viên mãn đức? Chư Phật Thế Tôn vì các đệ tử trước tiên chánh hành trung đạo, xa lìa hai biên. Đây là bậc Đại sư viên mãn đức thứ nhất.

Lại kẻ chưa sanh tịnh tín, kẻ có hủy phạm đối với thánh giáo... thì dùng chánh phương tiện khiến nhập thánh giáo, khiến xa lìa các hủy phạm. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ hai.

Lại người kia đã được nhập thánh giáo, dùng bốn pháp nhiếp để chân chánh nhiếp thọ. Đây gọi là bậc Đại sư viên mãn đức thứ ba.

Bốn chủng pháp nhiếp: 1. Đối với người ẩn kín, dụng “nhàn tĩnh” như pháp mà dạy trao, không dụng phi pháp; 2. Đối với người trái phạm, dụng “khổ” như pháp, dụng lời thân thiết hiện tiền quở trách, trị phạt, đuổi bỏ, không phải không như pháp; 3. Đối với người tầm tư nương tựa vui thích nơi giáo pháp, nên khiến bên trong siêng tu tịch tĩnh; 4. Khiến thời thời lắng nghe chánh pháp thường không bỏ phế; lại khiến xa lìa tương tự chánh pháp và khiến đối trị việc xả bỏ chánh hạnh.

Nên biết đối với người ẩn kín, năng dùng dạy trao “nhàn tĩnh” như pháp mà dẫn dắt. Đối với người thật hủy phạm, nếu chánh rõ biết phải quả trách mới năng điều phục, thời dùng lời như pháp hiện tiền quả trách, tâm không tạp nhiễm. Đối với người tầm tư, phương tiện khiến đây được quyết liễu. Đối với kẻ nổi trôi theo năm điệu dục, cho kia biết được lỗi lầm họa hoạn khiến sanh nhàm chán xa lìa, thứ lớp tu học cho đến chứng nhập Đệ tứ tĩnh lự. Đối với người tầm tư nương tựa vui thích giáo pháp, năng khiến kia bên trong rốt ráo tịch tĩnh, đã tự mình không bị nhiệt nã, cũng khiến nhiếp thủ người. Nên biết đây gọi là thời thời lắng nghe chánh pháp thường không phế bỏ.

- Sao gọi là 2 tướng khiến chúng đệ tử viên mãn đức? Các đệ tử ban đầu nhận thọ sở kiến của Đại sư, tức là kiến “ở trong các pháp không, vô ngã”. Do nhân duyên đây, ở trong các pháp chẳng tăng ích ngã khởi tà chấp đắm, cũng chẳng hủy hoại đạo lý thế tục. Vì ý lạc thù thắng nên không đuổi theo kia. Vì tùy thuận ngôn thuyết nên cũng không xa lìa kia. Đây gọi là chúng đệ tử viên mãn đức thứ nhất.

Lại, kia ở nơi kiến đã nhận thọ rồi, năng chánh tu hành tùy pháp hành pháp. Lúc được sự nhiếp thọ của bốn pháp nhiếp, nếu các pháp kia có khổ có hại, như thật rõ biết năng chóng đoạn diệt. Nếu các pháp kia không khổ không hại, như thật rõ biết năng chóng tác chứng. Đây gọi là chúng đệ tử viên mãn đức thứ hai.

Như vậy, trong thánh giáo chư Phật, chỗ nhiếp thọ của bậc Đại sư và chúng đệ tử nên biết một hướng vô nhiễm thanh tịnh, là chỗ hướng đến quay về của các bậc thông tuệ.



Quyển 93

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH Phần 1

Như vậy đã thuyết nhiếp trạch Sự Xứ, nay Ta sẽ thuyết nhiếp trạch **Sự Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới.**

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Lập thấy, hai đế thấy
Lấy xúc làm duyên thấy
Hữu diệt thấy, thực thấy
Như lý thấy rốt sau.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Lập, tụ khô, quán đế
Thánh giáo nhiếp, trí tế
Tư lượng tế, quán sát
Thượng mạn, sau thẩm sâu.*

Lược do 3 tướng nên biết kiến lập duyên khởi sai biệt: 1. Từ tiền tế, trung tế được sanh; 2. Từ

trung tế, hậu tế được sanh; 3. Ở trung tế sanh rồi, hoặc thú hưởng lưu chuyển, hoặc thú hưởng thanh tịnh.

Trong đây sao gọi là từ tiền tế, trung tế được sanh và ở trung tế sanh rồi lưu chuyển? Như có người đời trước không phải thông huệ, vì vô minh làm duyên nên thân, ngữ, ý gây tạo và tăng trưởng nghiệp tội, phước, bất động. Do đây làm duyên, thức tùy theo nghiệp đã hành cho đến mạng chung lưu chuyển không đoạn dứt, năng làm hậu hữu, tức nhân sanh thức tương tục tiếp nối sanh. Triển chuyển như vậy có ái bên trong, bên ngoài. Khi thức đây sắp sanh quả, lấy ái bên trong, bên ngoài đang hiện tiền làm trợ bạn mà phát khởi. Đã mạng chung rồi, do nhân tiền tế, ở đời hiện tại tự thể được sanh. Đã sanh rồi, dần dần trong thai mẹ, nhân thức làm duyên tiếp nối sanh quả thức, theo đây triển chuyển không dứt, nhậm vận giữ gìn chỗ có phần vị danh sắc yết-la-lam... phần vị về sau càng thù thắng hơn, bắt đầu từ trong thai tạng cho đến già suy.

Lại tức thức đây đương lúc tương tục sanh, năng cảm sự sanh, thọ nghiệp cùng quả dị thực.

Thức dị thực sanh lại nương danh sắc tương tục mà chuyển, đó là nương giá sáu y xứ là nhân... mà chuyển, do đây nói là danh sắc duyên thức. Năm căn y đồng sanh gọi là sắc, căn y diệt không gián đoạn gọi là danh. Tùy chỗ thích hợp danh sắc năng làm chỗ nương cho sáu thức. Vì nương tựa danh sắc kia cho đến lúc mạng chung, thức lớp lớp tùy chuyển.

Lại năm sắc căn, hoặc đại chủng sở y của căn, hoặc xứ sở của căn, hoặc đại chủng năng sanh của kia được gọi là sắc; còn lại gọi là danh. Do thức chấp giữ chỗ có các căn, rơi trong sự tương tục mới lưu chuyển không dứt. Cho nên hai tên gọi hợp chung đây nương vào thức, tương tục lưu chuyển. Do đây nên nói thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Ở đời hiện tại giống như bó cỏ lau nương nhau mà chuyển cho đến lúc mạng chung. Như vậy gọi là từ tiền tế, trung tế các hành duyên khởi được sanh, ở trung tế sanh rồi lưu chuyển không dứt. Nên biết trong đây nương loài thai sanh mà thuyết thứ lớp lưu chuyển; nếu loài noãn sanh và thấp sanh, trừ ở thai mẹ, còn lại như trước thuyết. Hữu tình thuộc tụ hữu sắc ở Dục giới và Sắc giới có sự sai khác so với loài trước, tức là hữu tình

thọ hóa sanh ở hai cõi đây, lúc sơ sanh các căn viên mãn. Hữu tình ở Vô sắc giới có sự sai khác, đó là thức nương nơi danh và chủng tử sắc. Lấy thức làm chỗ nương, danh và chủng tử sắc chuyển. Bởi thức kia bên trong chứa chủng tử sắc, tuy sắc gián đoạn nhưng về sau lại được sanh. Như vậy gọi là chỗ sai khác trong đây. Do nghiệp phước, nên sanh ở hai cõi trời và người Dục giới. Do nghiệp tội, nên sanh trong đường ác. Do nghiệp bất động, nên sanh trong Sắc giới và Vô sắc giới.

Sao gọi là từ trung tế hậu tế các hành duyên khởi được sanh? Sao gọi là bất sanh, do bất sanh nên chứng đắc thanh tịnh? Đó là kia như vậy, ở trung tế bố-đặc-già-la đã sanh, lãnh thọ hai quả do nghiệp trước thu được: 1. Lãnh thọ quả dị thực bên trong; 2. Lãnh thọ quả tăng thượng do cảnh giới phát sanh. Bố-đặc-già-la kia hoặc do lắng nghe pháp bất chánh, hoặc do đời trước lực thường xuyên tập quen, nên phát khởi ngu si đối với hai chủng quả. Do ngu si đối với quả dị thực bên trong, nên không thể như thật rõ biết đương lai khổ hậu hữu sanh... Do tiền tế hậu tế vô minh đây lực tăng thượng, ở nơi các hành gây tạo và tăng trưởng nên

biết như trước. Do nghiệp mới đây huân ướp chuyển biến thức, nên ở trong hiện pháp thức theo nghiệp hành. Như vậy lấy vô minh làm duyên, nên các hành được sanh, hành làm duyên khiến thức chuyển biến. Nên biết thức đây ở trong hiện pháp chỉ là tánh nhân, vì về sau nhiếp thọ sanh các quả thức. Tóm lại, tổng nương tất cả thức gọi là sáu thức thân. Lại tức thức đây là chỗ đuổi theo của chủng tử danh sắc hậu hữu đương lai. Chủng tử danh sắc lại là chỗ đuổi theo của chủng tử sáu xứ hậu hữu đương lai. Chủng tử sáu xứ đây lại là chỗ đuổi theo của các chủng tử xúc hậu hữu đương lai. Chủng tử xúc lại là chỗ đuổi theo của các chủng tử thọ hậu hữu đương lai. Nên biết đây gọi là trung tế dẫn dắt nhân hậu hữu, do thức làm tiền dẫn, thọ đi sau cùng khắp năng dẫn dắt các tự thể. Như vậy, do ngu đối với quả dị thực thứ nhất khiến dẫn hậu hữu rồi, lại do ngu đối với quả tăng thượng do cảnh giới phát sanh thọ, duyên cảnh giới thọ phát sanh tham ái. Do ái đây nên hoặc cầu các dục, hoặc cầu các hữu, lại chấp dục thủ, hoặc chấp kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Chấp các thủ rồi, ái và thủ đây hòa hợp thấm nhuần khiến nhân dẫn dắt trước

chuyển gọi là hữu, chính đây nhiếp thuộc nhân sanh khởi hậu hữu. Hữu đây không gián đoạn, đã mạng chung rồi, như nhân dẫn dắt đây dẫn dắt các hành sanh khởi, thức là đầu tiên, thọ là rốt sau, hoặc từ từ sanh, hoặc lại sanh ngay. Như vậy nên biết ở trong hiện pháp ban đầu dụng vô minh xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái, ái làm duyên nên kế sanh thủ, thủ làm duyên nên chuyển thành hữu, hữu làm duyên nên sanh được sanh khởi, sanh làm duyên nên thứ lớp các thứ khổ lão, bệnh, tử... sai biệt hiện tiền. Nên biết trong đây hoặc có nơi sanh đến hiện tiền, hoặc có nơi chủng tử đuổi theo. Như vậy, trung tế vô minh duyên hành, thọ duyên ái... năng khiến hậu tế các hành duyên khởi sanh.

Nếu trong hiện pháp từ người được nghe pháp, hoặc ở đời trước đã tích tập tư lương, do kia làm nhân năng ở nơi hai chủng tánh quả các hành như lý tư duy. Hoặc ở nơi nhân kia, hoặc ở nơi diệt kia, hoặc hướng đến hành diệt mà như lý tác ý tư duy, nên phát sanh chánh kiến. Lại ở nơi các đế dần dần thành tựu trí kiến hữu học, vô học thanh tịnh. Kia do lực trí kiến như vậy, năng vĩnh viễn đoạn

vô minh và ái không sót thừa. Do đoạn diệt kia, nên ở nơi sở duyên không như thật biết kia, tức các thọ do vô minh xúc sanh khởi, cũng lại theo đó đoạn trừ. Do đoạn đây nên trong hiện pháp lìa vô minh, chứng tuệ giải thoát. Lại ở nơi vô minh xúc sanh khởi các thọ, trong tâm sanh khởi phiền não tương ưng tham ái, tức ở nơi tâm kia cũng năng lìa trói buộc. Do lìa tham nên chứng tâm giải thoát.

Lại, các hữu vô minh lúc chưa đoạn diệt, nương thức... cuối cùng là thọ, hậu tế các hành lẽ được sanh khởi. Do vô minh kia diệt, nên kia đều chẳng được sanh, thành pháp bất sanh. Cho nên thuyết rằng: “Vô minh diệt nên các hành theo đó diệt, thứ lớp cho đến dị thực sanh khởi các xúc cũng diệt, dị thực sanh khởi các thọ cũng theo đó diệt”.

Lại trong hiện pháp vô minh diệt, nên vô minh xúc diệt. Do vô minh xúc vĩnh viễn diệt, nên thọ do vô minh xúc phát sanh cũng theo đó diệt. Do các thọ vĩnh viễn diệt, nên ái cũng theo đó diệt. Do ái diệt nên như trước nói: “Sở hữu thủ... cho đến tổn não lấy làm biên cuối của các hành đều diệt, thành pháp bất sanh”. Như vậy, ở trong hiện pháp các hành đều không lưu chuyển. Do

không lưu chuyển, nên ở trong hiện pháp trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, gọi là chúng được hiện pháp Niết-bàn. Vị kia bấy giờ thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức sót thừa vĩnh viễn diệt, nên được gọi là thanh tịnh sáng sạch. Cho đến vị kia trụ thân có thức chưa diệt, thường lãnh thọ “liạ sự trói buộc của các thọ”, không lãnh thọ “có sự trói buộc của thọ”. Thân có thức hằng trụ tương tục cho đến tận thọ lượng do nghiệp trước dẫn dắt, xả bỏ thân mà thức giữ gìn, cũng xả mạng căn. Từ đây trở về sau chỗ có mạng căn diệt hẳn không sót, đều không còn lại gì.

Lại các thức cùng tất cả thọ ở trong vị đây nhậm vận mà diệt. Vì nhân đã diệt trước, nên phần sót lại chẳng tương tục, cũng diệt hẳn không sót. Do đạo lý đây gọi là Vô dư y Bát-niết-bàn giới, rốt ráo tịch tĩnh, thường trụ tịch tĩnh. Vì nghĩa đây nên thường thuận theo Niết-bàn, thường lấy Niết-bàn làm rốt ráo, ở nơi Thế Tôn tu tập phạm hạnh thành thực. Đây gọi là nói rộng do 3 chủng tướng kiến lập duyên khởi, đó là từ tiền tế, trung tế lưu chuyển; từ trung tế, hậu tế lưu chuyển; lại ở trung tế lưu chuyển thanh tịnh.

Lại an lập 9 tướng cây khổ hậu hữu năng sanh hữu đương lai. Đó là có người thế gian không thông tuệ, ở trong hiện pháp gây tạo nghiệp mới như cây khổ còn nhỏ. Hoặc có người thế gian không thông tuệ, năng thuận theo các xứ lậu, nương đời hiện tại tùy quán ái vị, nương đời quá khứ sanh sâu luyến tiếc, nương đời vị lai chuyên tâm buộc đấm. Đã trụ như vậy, vì trước chưa đoạn trừ tất cả tham ái, lại thêm lớp lớp tập, nên càng triển chuyển tăng trưởng. Đây chẳng phải bổ-đặc-già-la thông tuệ. Người kia lại muốn khiến cây nhỏ hậu hữu thêm tươi tốt, nên lấy nước tham ái thường tưới rót, khiến năng chiêu cảm quả thủ đương lai dần dần to lớn cho đến chín muồi. Nếu các Thánh đệ tử đã văn tuy tạo hữu lậu năng cảm các cây nghiệp nhỏ đương lai, nhưng lúc thuận theo các hành phiền não như vậy, mà tùy quán pháp tánh sanh diệt không diên đảo. Lúc ở đoạn giới, vô dục giới và diệt giới, tùy quán là tánh tịch tĩnh không diên đảo, khiến nghiệp kia tổn giảm không thể tăng trưởng, khiến cho nước ái tiêu tan. Cho nên bậc thông tuệ không muốn tưới cây nhỏ hậu hữu khiến tươi tốt, bèn đoạn diệt ái đây. Ái duyên thủ... đã bị

tổn hoại như vậy, khiến tất cả đều chẳng thể sống sót, huống lại khiến thêm tăng trưởng.

Lại có bổ-đặc-già-la đã sanh khởi tự thể, chỗ tạo tác tăng trưởng xưa kia là nghiệp thuận lãnh thọ về sau, nên trong hiện pháp chịu sự trói buộc. Tức tự thể và chỗ gây tạo nghiệp xưa kia thuận thọ về sau nhiếp chung làm một gọi là hậu hữu, như cây khổ đã lớn. Người kia đã năng thuận các pháp phiền não như trước, cho đến chuyên tâm buộc đấm; trụ như vậy rồi, chỗ gây tạo nghiệp xưa kia thuận lãnh thọ về sau như tưới nước thẳng; xuống rễ khiến cây càng thêm sum suê. Kể kia trong hiện pháp, ái phiền não như đạo nương tựa khiến cây nảy nở tươi tốt. Lấy đây làm nhân, khiến tất cả chủng tử thức đi theo hoặc nghiệp hành ở đời đương lai được tiếp nối sanh, trụ nơi danh sắc. Như vậy cây khổ trường thời được sống sót. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy muốn khiến cây khổ phát triển nảy nở tươi tốt. Ở đây phẩm bạch nên biết như trước.

Lại nữa, Thế Tôn khi xưa làm Bồ-tát, xả bỏ các đạo thế tục trước đã được cùng các thầy thế gian mà ngồi tòa diệu Bồ-đề. Vì dục-bi-mẫn, lấy lợi

tha hữu tình làm thượng thủ, tự khởi chánh quán sát các đế. Bây giờ, vì muốn trải qua quán khổ đế, nương chi lão tử nhiếp thuộc khổ đế, trải qua quán sát nghịch duyên khởi. Nên biết trong đây do 3 chủng tướng, nên ở nơi lão tử đây như lý quán sát: 1. Quán sát nhân duyên tế; 2. Quán sát nhân duyên thô; 3. Quán sát chẳng phải không quyết định.

Nhân duyên cảm sanh cũng gọi là sanh. Tự thể sanh cũng gọi là sanh. Sanh trước là tế, sanh sau là thô. Trong đây vì quán sanh tế trước có nên có lão tử, vì quán sanh thô sau “duyên” nên được có lão tử. Đương lai lão tử của sanh tế làm nhân, hiện pháp lão tử của sanh thô làm nhân. Cớ sao gọi là chẳng phải không quyết định? Tức là trừ sanh xứ kia nhiếp lấy hai chủng sanh khởi tự thể, các xứ còn lại nhất định không thể cho quả lão tử. Như quán lão tử, thì mỗi một sanh, hữu, thủ, ái do 2 chủng đều như lý quán sát, nên biết cũng vậy. Như vậy gọi là đạo lý nghịch thứ lớp bắt đầu từ lão tử quán khổ, tập đế của duyên khởi. Trong đây nên biết pháp thuận tập đế giống như tim đèn, tập đế đây như dầu, mỡ... khổ đế giống như châm dầu liên tục. Các bổ-đặc-già-la không thông tuệ, ví như rút

dầu đều đặn vào tim đèn tập. Như vậy đèn khổ cháy trường thời. Nên biết phẩm bạch trái với tướng trên, tức là khéo phương tiện quán diệt đế và đạo đế.

Lại có 2 chủng bổ-đặc-già-la. Những gì là hai?
 1. Chỉ riêng mình hành, chẳng phải hành lợi ích, đó là châm dầu liên tục vào tim đèn, khiến cây đèn khổ tương tục cháy mãi; 2. Có bổ-đặc-già-la khác tuy mình, người, vô lượng đại chúng hành, nhưng không phải hành lợi ích, tức mình người bị đốt trong tụ lửa khổ lớn. Sự nhiếp thọ lắng nghe tà pháp làm tiền dẫn, tuệ văn tư tu do tà hạnh dẫn phát ví như thân gom thêm cỏ khô, củi khô và phân bò khô. Do nhân duyên đây khiến tụ lửa khổ trường thời được đốt cháy không tắt dứt.

Lại nữa, Thế Tôn khi xưa làm Bồ-tát, ngồi tòa diệu Bồ-đề, nương môn duyên khởi nghịch thứ lớp mà được nhập vào. Trước duyên hậu tế, như lý tư duy lão tử khổ đế cho đến ái khổ đế. Như vậy quán sát hậu tế khổ đế và hậu tế khổ sở hữu tập đế mà chưa vui đủ, bèn lại quán sát hậu tế tập đế, nhân duyên nhiếp lấy các khổ hiện tại. Đó là nghịch quán thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc và thức. Nên biết

trong đây quán khổ vị lai chính là khổ đế. Quán tập nhân kia chính là tập đế. Quán tập đế của khổ đời vị lai do cái gì mà có. Biết nguyên do từ tập trước sanh khởi, thức làm ngăn mé, hiện pháp khổ hữu. Tức đã biết từ tập trước sanh khởi, chẳng nên quán trở lại “đây làm sao có”. Cho nên khi xưa Thế Tôn làm Bồ-tát, vì quán sở hữu khổ, tập đương lai, quán khổ hiện tại cho đến tác ý tương ưng tâm thức mà chuyển trở lại. Lại thứ lớp quán y xứ hậu tế tập đế kia, nơi nương tựa của hậu tế khổ đế tức là hậu tế tập đế, cho đến thức, lại trở lại quán thuận như trên. Như vậy thuận nghịch như lý quán sát khổ, tập của duyên khởi. Từ đây không gián đoạn quán diệt đế, nghịch thứ lớp bắt đầu từ lão tử nhập vào cho đến vô minh. Vì có sao? Vì quán sát khổ đế hiện tại như vậy, sao gọi là tất cả thấy đều tận diệt? Vì không tạo tác nghiệp hành mới do vô minh làm duyên. Như vậy trải qua quán ba thánh đế rồi, kể lại tầm cầu diệt thánh đế đây: “Đạo gì, hành gì năng chứng đắc?”. Do túc trụ tùy niệm như trước thuyết, nhớ xưa vì cầu vĩnh viễn tận các lậu, nương chánh kiến thế gian, khiến hiện tiền điều đã được dạy trao, khởi tư duy đây: “Ta nay chứng

đắc chánh đạo xa xưa, vết tích xưa có các tiên đồng đạo chơi”. Như vậy chỉ dùng tác ý thế gian trải qua quán tứ đế. Lại dụng chánh kiến ở trong các đế được nhập hiện quán, phương tiện thứ lớp chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; phương tiện hiện kiến, thu được trí kiến thiện tịnh vô lậu hữu học, vô học. Vì nghĩa đây mà ở ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu hành tất cả hạnh khó hành. Nay ở nơi nghĩa đây đều đã chứng đắc. Vì lợi người, vì ai muốn các trời người thế gian, tùy người kham năng nhập thánh pháp thì khai thị bốn Thánh đế khiến sanh khởi giác ngộ.

Lại nữa, giáo của chư Phật Thế Tôn nhiếp thuộc 3 xứ. Những gì là ba? 1. Vì khéo kiến lập các pháp duyên sanh, không tác dụng; 2. Vì kia làm chỗ nương hành lợi tha; 3. Vì kia làm chỗ nương hành tự lợi.

Trong đây khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Đó là từ hậu tế khổ, quán nghịch hiện pháp tiền tế khổ tập, danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc triển chuyển nương nhau, như bó cỏ lau nương nhau mà được đứng vững. Ở trong khoảng các pháp duyên sanh đây đều không

phải mình làm, cũng không phải người làm, không phải mình người làm, không phải không nhân sanh. Thi thiết như vậy gọi là khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Vì cơ sao? Các hành vô thường, vì tiền tế không, vì hậu tế không, vì trung tế chỉ có sát-na tác dụng động chuyển, trong đệ nhất nghĩa đều không chỗ có, chỉ nương thế tục tạm giả thi thiết. Thi thiết như vậy là như thật không điên đảo, cho nên thuyết đây gọi là khéo kiến lập. Tức nương như vậy khéo kiến lập tánh, nương các duyên khởi vì người tuyên thuyết giáo pháp thánh đế, gọi là kia làm chỗ nương hành lợi tha. Tức đây làm chỗ nương, tự năng thú nhập thánh đế hiện quán, tùy pháp hành pháp, lại năng chứng đắc hiện pháp Niết-bàn. Nên biết đây gọi là dụng kia làm chỗ nương hành tự lợi.

Lại các chúng đệ tử trước tích tập tư lương trí tuệ, thành tựu tuệ câu sanh mãnh lợi, gọi là thông tuệ. Vì đầy đủ giáo trí, gọi là minh liễu. Vì đầy đủ chứng trí, gọi là khéo điều phục. Vì không do tha duyên mà tự thông hiểu các pháp, gọi là vô sở úy. Vì duyên nơi Niết-bàn như thật giác, gọi là kiến cam lồ. Vì tận vô sanh trí làm chỗ nương, chứng

Hữu dư y Niết-bàn giới, gọi là thân chứng đắc, đầy đủ an trụ cam lồ giới vi diệu.

Lại nữa, có các chủng loại ngu phu ngoại đạo tuy năng quán thấy bốn đại chủng thô của thân tánh vô thường, do quán thân đây tuy mạng sống kéo dài mà lúc tăng, lúc giảm, lúc sống, lúc chết, có xả, có thủ, bèn ở nơi thân đây năng nhàm chán, năng xa lìa, năng khởi xác quyết, dụng đạo thế gian ly dục Dục giới, ly dục Sắc giới cao nhất cho đến Hữu đẳng, nhưng nên biết kia ở nơi thân đây gọi là chưa được giải thoát. Vì cố sao? Do ở trong định đã đắc kia, thức đây chỉ được mài giữa sáng sạch, chấp thủ đây làm ngã, trụ nơi tạp nhiễm. Lại vào thời sau thọ tận nghiệp tận, thối lui sanh trở lại cõi dưới, vì ở nơi duyên khởi không được thiện xảo vậy.

Các Thánh đệ tử tuy ở nơi duyên khởi đã được thiện xảo, mà chỉ tùy quán bốn đại chủng tế của thân tánh vô thường, chưa quán sát ngay thức tánh vô thường. Vì cố sao? Bốn đại chủng thân trải qua thời gian tồn tại lâu, tương thường khá có được, vì sát-na của thân kia tương tự tiếp nối lưu chuyển, tánh vô thường của chúng khó thể nhận biết. Còn

tướng thức vô thường thô hiển dễ có được, vì sát-na sát-na sở duyên dễ thoát, tướng của chúng chuyển biến vô lượng phẩm loại có sự sai biệt. Tuy tướng thức đây tánh vô thường, vô lượng phẩm loại thô hiển dễ có được, nhưng lại thuyết danh tối cực vi tế, phải biết tánh đây vì khó thể biết, vì khó thể nhập. Vì có sao? Vì chỉ là cảnh thấy của huệ nhãn vậy. Bốn đại chủng thân có tăng, có giảm, có xả, có thủ, tánh vô thường đây mà còn chẳng phải lý của cảnh giới nhục nhãn, hướng dùng nhục nhãn thấy duyên khởi thiện xảo. Các Thánh đệ tử vì muốn ngộ nhập thức tánh vô thường tối cực vi tế, ở nơi duyên khởi như lý tư duy. Do năng phân biệt ở trong sự tương tục xúc sanh khởi các thọ, phần vị các thọ tánh sai biệt, liền năng ngộ nhập thức tánh vô thường. Vị kia đã thành tựu trí kiến như vậy, thứ lớp ở nơi thọ nương tựa thân, các xúc làm nhân và tất cả danh khác nhiếp lấy hành, đều năng chán lìa, sanh thắng giải. Ở nơi tất cả kia cũng được giải thoát. Vì đắc giải thoát nên rất ráo an trụ hai Niết-bàn giới, hoặc Hữu dư y, hoặc Vô dư y.

Lại nữa, Bí-sô ở nơi pháp duyên khởi được

thiện xảo, do 3 chủng tướng ở nơi 3 tế dây mà năng chân chánh tư duy suy lường, sẽ năng tận khổ.

Sao gọi là 3 tướng? 1. Nương xứ khổ; 2. Nhân duyên khổ; 3. Nhân duyên nương xứ khổ. Đây gọi là 3 tướng.

Sao gọi là 3 tế? 1. Trung tế; 2. Quá khứ tế; 3. Vị lai tế. Đây gọi là 3 tế.

Trong đây nên biết nương khổ trong thân là lạnh, nóng... và các thứ khổ sai biệt như bệnh, chết... là chỗ nương tựa của khổ hiện pháp sanh khởi. Vì có sao? Vì có đây, nên nương tựa nơi thân sở y mà kia được sanh.

Nương khổ nhiếp thọ bên ngoài là cha mẹ, thân thuộc, bạn bè... là chăm sóc, hầu hạ... là cầm nắm dao gậy lấy làm biên sau, là ưu sầu, bị thán... chỗ nương tựa của các thứ khổ sai biệt. Vì có sao? Như trước đã thuyết, hai chủng “nương” dây dụng ái nhiếp thọ làm nhân. Do nương tập ái dây sanh khởi, gọi là nhân duyên khổ. Lại tức ái dây nương theo cảnh giới diệu sắc khả lạc lấy làm chỗ nương mới bèn sanh khởi, cho nên thuyết kia danh là chỗ nương của nhân duyên khổ.

Lại các sở hữu cảnh giới hiện tại có lửa tham

sân si nhiệt não làm nhân khiến phát khởi cháy khát, do đây ham muốn uống vào. Cảnh giới sở duyên diệu sắc khả lạc ví như tạp độc, uống vị ngon ngọt ấy không thể xả bỏ mà chuyển tăng thêm khát ái. Do khát ái nên có “nương” đương lai. Do “nương” đương lai, liền có các thứ khổ. Như vậy nên biết nhiếp vào đệ nhất nghĩa gọi là hưởng đến chết. Do đạo lý hiện tại như vậy, nên rõ biết đạo lý quá khứ, vị lai. Đây gọi là năng chân chánh tư duy suy lường trung tế, quá khứ tế và vị lai tế.

Lại tức nương theo 4 chủng ngôn thuyết *thấy, nghe, hiểu, biết* nên biết tất cả nương ba lượng. Hai chủng ngôn thuyết hoặc *thấy*, hoặc *biết* là nương hiện lượng. Một chủng ngôn thuyết *hiểu* là nương tỷ lượng. Một chủng ngôn thuyết *nghe* là nương chí giáo lượng.

Lại nữa, do 5 chủng tướng chánh siêng phương tiện quán sát duyên khởi, năng tận các thứ khổ, năng tác biên khổ. Những gì là năm? 1. Quán sát nhân duyên sanh khởi của các pháp duyên sanh; 2. Quán sát nhân duyên kia diệt; 3. Như thật rõ biết năng hưởng đến kia diệt, tu tập chánh hạnh; 4. Tu hành tùy pháp hành pháp; 5. Ở nơi sự chứng đắc

lìa tăng thượng mạn. Như vậy gọi là khéo khởi quán sát và quả thành tựu viên mãn.

Ban đầu từ vị lai nương nhân duyên khổ, nghịch thứ lớp cho đến thức duyên danh sắc. Do bốn chủng tướng quán sát thông đạt tu tập chánh hạnh. Đó là do quán sát hai tướng “đương lai vì có nhân nên có quả; vì không nhân nên không quả”. Đã quán sát rồi, tu tập chánh hạnh thông đạt “nhân” không. Đã thông đạt rồi, lại chánh tu hành tùy pháp hành pháp. Lại chánh quán sát: “Ở trong hiện pháp vô minh làm duyên cho nghiệp mới; phước, phi phước, bất động là có nhân pháp, nên tùy nghiệp phước, phi phước, bất động đã hành ấy mà có quả thức. Vì kia không có, nên đây cũng không có”. Đã quán sát rồi, như trước thông đạt và chân chánh tu hành. Khi chánh tu hành không tạo vô minh làm duyên gây tạo nghiệp mới, nên tiếp xúc nghiệp cũ rồi chóng năng tiêu dung, ở trong hiện pháp chứng đắc hiện kiến thánh đạo, đạo quả Niết-bàn. Người kia lúc bấy giờ ví như thợ làm đồ gốm, nỏ lửa phiền não nung chín tùy miên, theo đó thân có thức cũng được nung chín như nung chín cái lu, đặt ở bờ Niết-bàn cực thanh lương, khiến lìa tất cả

phiên não thiêu đốt. Lại khiến thân có thức nhiếp lấy y được thanh lương. Nên biết như trước lãnh thọ thọ lượng của thân, cho đến nói rộng chưa xả mạng căn thường ở xứ *hàng trụ*, trọn không thối thất quả A-la-hán, cũng không năng tạo vô minh duyên hành.

Sao gọi là ở nơi sự chứng đắc là tăng thượng mạn? Vị kia lúc bấy giờ thành tựu trí kiến năng duyên duyên khởi diệt thiện thanh tịnh, khởi tư duy đây: “Nương thắng nghĩa để không kể lưu chuyển, không người Niết-bàn; chỉ có pháp này sanh khiến pháp kia sanh, chỉ có pháp này diệt khiến pháp kia diệt”.

Lại nữa, lược có 2 chủng tăng thượng mạn: 1. Ở hàng hữu học tăng thượng mạn; 2. Ở hàng vô học tăng thượng mạn.

Nếu hàng hữu học tăng thượng mạn, kia bảo người rằng: “Ta đã vượt qua nghi, vĩnh viễn đoạn ba kiết. Ta đối với sở chứng hữu học giải thoát đã lìa do dự, đã nhổ tên độc, đã năng vĩnh viễn đoạn thân kiến là căn bản của tất cả kiến thứ”.

Nếu hàng vô học tăng thượng mạn, kia bảo người rằng: “Không còn việc nào vượt hơn để ta

đáng nên làm, chỗ nên quyết trách ta đều đã làm”. Hai chủng như vậy hoặc nương duyên khởi, hoặc nương Niết-bàn.

Lại khi nương điều Thánh thuyết như là xuất ly, thế gian, tánh không, tương ưng, thuận nghịch duyên khởi của tánh duyên thắm sâu... cũng không thể hiểu rõ, không tùy ngộ nhập. Do hai chủng nhân và duyên đây, ở nơi hiểu biết như thật mà phát khởi hoài nghi, đối với vĩnh viễn đoạn phiền não tương tục của tự thân, tác chứng Niết-bàn cũng sanh do dự. Vì cơ sao? Do hàng hữu học tăng thượng mạn kế chấp ngã ngã sở, thường đuổi theo nhập vào tác ý ngã mạn vi tế triển chuyển gián đoạn, không gián đoạn mà không thông đạt rõ biết. Lại nhậm vận giữ gìn Xa-ma-tha tương tục, ngăn phòng phiền não thô khiến không tạp loạn. Do nhân duyên đây, kia đối với chỗ chưa đắc sanh tướng đã đắc, đối với chỗ chưa phòng hộ sanh tướng đã phòng hộ, liền khoe khoang với người.

Lại hàng vô học tăng thượng mạn kia tự cho rằng “ta đã tịch tĩnh, ta đã Niết-bàn, ta đã lìa ái, ta đã lìa thủ” là đối với các tăng thượng mạn vi tế hiện hành chưa đoạn mà không thể rõ biết, đối

với chỗ chưa đắc sanh tướng đã đắc, đối với chỗ chưa phòng hộ sanh tướng đã phòng hộ, liền khoe khoang với người.

Lại nên biết người vô học tăng thượng mạn quyết định trước sanh khởi tăng thượng mạn đối với kẻ hữu học, thì không đúng nghĩa. Các hữu học đối với vô học trên khởi tăng thượng mạn. Vì có sao? Chẳng phải người vô học kia phiền não tương tục hiện hành, buộc tâm trụ bền chắc nơi ấy. Chỉ có lạc niệm mỏng yếu, tạm thời phiền não hiện hành, tầm lại thông đạt chóng năng xa lìa. Lại kia như vậy, hoặc do thời trước đối với chỗ chưa đắc khởi tăng thượng mạn đã đắc, hoặc ở thời nay đối với chỗ đã đắc sanh nghi hoặc do dự hoại nơi tâm, liền sanh ưu sầu khởi tư duy: “Nếu sở chứng của ta không chỗ có, thì sở chứng của người lẽ cũng không có”. Như vậy liền sanh tà kiến phỉ báng các bậc thánh, thọ nhân đi vào đường ác, chịu sự suy tổn lớn.

Sao gọi là những điều thẳm sâu mà bậc Thánh thuyết, như trước đã nói? Đó là năng khai thị duyên khởi thẳm sâu, cứu cánh Niết-bàn, ba tướng tương ưng thể tánh hữu vi, vô vi sai biệt: hữu vi vô thường,

vô vi thường trụ, các hành đều khổ, Niết-bàn tịch tĩnh; tất cả hữu vi nói chung chỉ là khổ và chỉ là nhân khổ, tất cả vô vi nói chung chỉ là các khổ và nhân vĩnh viễn diệt. Nếu các Bí-sô ở trong hiện pháp đắc Niết-bàn, vĩnh viễn đoạn các đường nhân khổ hậu hữu, khiến đời đương lai chỗ có quả khổ rốt ráo không chuyển, thời sau không tiếp nối khổ, nhân trước dẫn dắt khổ y hiện tại nhận vận mà diệt tận cho đến ngần mé khổ, nhập Vô dư y Bát-niết-bàn giới. Trong đây đều không người trước từng lưu chuyển, cũng không người nay Bát-niết-bàn. Nếu năng khai thị nghĩa như vậy, nên biết gọi là những điều thâm sâu mà bậc Thánh thuyết như trước đã nói.

Lại nữa, bản tánh duyên khởi tối cực thâm sâu, nếu có người năng khai thị khiến người khác dễ hiểu, nên biết do 2 nhân duyên: 1. Do Đại sư khéo khai thị; 2. Do bổ-đặc-già-la đây thành tựu trí thông mẫn sâu xa rộng lớn. Các cú nghĩa nói về người thuyết hoặc người nghe, nên biết như đã nói ở trước trong phần *Nhiếp dị môn*. Nên biết trong đây các pháp duyên khởi lược do 4 tướng tối cực thâm sâu. Những gì là bốn? 1. Do nhân quả vi tế

khó rõ biết; 2. Do vô ngã khó rõ biết; 3. Do hữu tình là hệ mà có hệ phược khó rõ biết; 4. Do hữu tình có hệ mà là hệ phược khó rõ biết.

1. Sao gọi là nhân quả vi tế khó rõ biết? Nương quán sát đạo lý thánh đế, bắt đầu từ lão tử cho đến thức duyên danh sắc, chỗ có chi hữu có *thể tánh* duyên.

Sao gọi là có *thể tánh* duyên? Ở trong đây hữu là nhân duyên của sanh, nếu đây chưa vĩnh viễn đoạn thì có sanh sanh khởi. Sanh đã sanh rồi chỉ đợi thời sau lão tử. Nên biết trong đây nhân duyên của sanh cũng gọi là sanh, nhân duyên phát khởi cũng gọi là sanh. Có sanh trước nên có sanh sau, có sanh sau nên có lão tử. Trong đây, sanh trước là nhân của sanh sau cũng là duyên với lão tử, sanh sau chỉ là duyên của lão tử. Như vậy tất cả nhiếp chung làm một lược thuyết là sanh duyên lão tử. Nên biết đây gọi là chi lão tử có *thể tánh* duyên thứ nhất. Như đã thuyết về chi sanh, thì chi hữu và chi thủ nên biết cũng an lập như vậy. Trong đây, thủ có sự sai khác ở chỗ là dục tham không sai biệt gọi là thủ. Chi thủ sai biệt an lập có bốn. Như vậy chi ái, hoặc vì môn cầu dục mà phát khởi các

nghiệp, hoặc vì môn cầu hữu mà phát khởi các nghiệp. Do môn nghiệp chỗ có các ái đây, nên biết quay về thọ ái, phi ái. Lại tức ái đây do môn sáu xứ phát khởi vô minh xúc sanh thọ làm duyên khiến chuyển. Lại có thọ khác không phải ái đây duyên, đó là thọ do minh xúc khiến sanh khởi và thọ do chẳng phải minh chẳng phải vô minh xúc sanh khởi. Lại tức thọ đây nên biết tất cả đều dụng tương tự xúc làm duyên. Sự việc đây thế nào? Đó là minh và vô minh tương ứng với tăng ngữ xúc. Trái tướng đây là hữu đối xúc. Lại minh xúc và vô minh xúc đây thuận theo tăng ngữ xúc, như chỗ thích hợp nên biết kia dụng lắng nghe chánh pháp hoặc chẳng phải chánh pháp; ở nơi cảnh sở duyên hoặc chánh hoặc tà, trí văn tư tu tương ứng các danh lấy làm duyên của kia. Chẳng phải minh chẳng phải vô minh xúc nhiếp lấy hữu đối xúc. Nên biết kia dụng hoặc nội, hoặc ngoại các sắc làm duyên. Như vậy gọi chung là danh sắc duyên xúc.

Lại tức sáu xứ có hai phần là danh và sắc cùng xúc làm duyên. Nên biết trong đây ý xứ phi sắc cùng tương ứng các pháp phi sắc khác, một phần như vậy thuyết gọi là danh. Các sắc xứ khác gom

chung làm một phần thuyết gọi là sắc. Lại danh sắc đây ở trong hiện pháp do thức tiếp nối sanh làm duyên dẫn dắt và năng giữ gìn khiến không tan hoại. Lại tức thức đây tiếp nối sanh rồi, về sau nương danh sắc trụ, hoặc đồng thời sanh, hoặc không gián đoạn sanh, nương kia mà chuyển. Nên ở hiện pháp đây cũng dụng danh sắc kia làm duyên. Nên biết danh sắc do nghiệp trước dẫn dắt và thức nương nhau triển chuyển, triển chuyển làm duyên. Như vậy nên biết thức duyên danh sắc lấy làm biên sau. Chỗ có chi hữu tùy theo tướng lão tử như trước đã thuyết, tùy chỗ thích hợp có thể tánh duyên. Như vậy gọi là nhân quả vi tế khó thể rõ biết. Vì khó rõ biết nên biết duyên khởi gọi là thâm sâu, tối cực thâm sâu.

2. Sao gọi là khó có thể rõ biết vô ngã? Đó là đã an lập các nhân quả duyên khởi, ngang việc như vậy ở trong khắp tất cả chúng hữu tình khởi tăng ngữ hữu tình không sai biệt, tức tăng ngữ đây nên biết là đường. Nương xứ đây có ngôn từ chuyển, thi thiết mỗi hữu tình đều riêng khác, đó là loài chim, cá, rắn, bọ cạp, người, trời... Lại mỗi một loài sai khác thì lập danh tự sai khác, như anh vũ, xá lợi,

khổng tước, hồng nhạn; Đa văn, Trì quốc, Tăng trưởng, Xú mục; Xá Lợi Tử, Cự Hiền Thiện, Cấp Cô Độc... Danh tự sai khác của tất cả nghĩa hình thành. Ngang việc như vậy ở nơi các ngôn thuyết thế tục gọi là “sĩ phu” có nói năng bàn luận chuyển, đó là các sở hữu thọ hoặc minh xúc sanh, hoặc vô minh xúc sanh, hoặc chẳng phải minh chẳng phải vô minh xúc sanh. Như vậy tất cả đều cùng cả hai danh và sắc. Nếu các danh sắc vĩnh viễn diệt không còn, thì sở hữu các thọ không thể được sanh. Nên biết đây gọi là duyên khởi vô ngã khó thể rõ biết.

3. Sao gọi là khó có thể rõ biết tánh hữu tình là hệ mà có hệ phược? Như ngoại đạo lãnh nạp cái thọ do xúc đối vô minh xúc mà sanh khởi do ba môn nên ở nơi vô ngã duyên sanh các hành đây mà khởi kiến thi thiết phân biệt “có ngã”.

Sao gọi là ba môn? 1. Ở Dục giới chưa đắc ly dục. Ở trong ba chủng thọ hệ buộc Dục giới, kế chấp hư vọng một phần là minh ngã sở, kế chấp hư vọng một phần là tánh thọ giả, khởi kiến thi thiết phân biệt “có ngã”; 2. Ở Dục giới đã đắc ly dục, ở Đệ tam tinh lự chưa đắc ly dục, chỉ ở nơi thọ lạc mà kế chấp cho là “có chỗ đắc”, tức kế chấp hư vọng

đây là minh ngã sở. Kế chấp khởi kiến thi thiết bên ngoài thọ đây riêng có thật ngã là kẻ năng thọ, ngã đây là có pháp thọ, tức dụng thọ kia lãnh nạp thọ đây; 3. Ở Đệ tam tĩnh lự trở lên, các thọ không khổ không lạc vi tế không thể thông đạt phân biệt có ngã, khởi kiến thi thiết “ở nơi các thọ đều chẳng có người thọ”.

Như vậy tất cả do ba chủng môn sanh khởi ngã kiến đều không đúng lý. Vì cơ sao? Bởi lẽ ba chủng thọ đều vô thường, nên chỗ kế chấp ngã lẽ cũng vô thường, cho nên kiến ba thọ kia là ngã thì không đúng đạo lý. Lại ở Đệ tứ tĩnh lự trở lên đều không thọ lạc, trong đây cũng không kẻ năng thọ lạc để kế chấp “Ngã ở kia thọ lạc nên gọi là có pháp thọ” thì không đúng đạo lý.

Lại ở Đệ tứ tĩnh lự trở lên cho đến Vô sắc định... kia kế chấp “ngã lẽ không cảm thọ”. Kia do định tịch tĩnh phát sanh thọ, phát khởi ngã mạn cho là “ngã tịch tĩnh”. Mạn đây lẽ không, nhưng lại có mạn đây, cho nên kế chấp đây cũng không đúng lý. Nên biết trong ấy nếu các duyên khởi không thăm sâu, thì kẻ kia lẽ không có như vậy mà vô trí kế chấp hư vọng hoại mất như vậy. Các

Thánh đệ tử nội pháp đa văn ở nơi các thọ do xúc đối minh xúc sanh khởi, rõ biết tất cả chỗ khởi ngã kiến đều không đúng lý, cho nên quán kiến các pháp vô ngã. Kia ở nơi thế tục và thắng nghĩa để đều được thiện xảo, cho nên như trước đã thuyết, ở nơi Như Lai diệt về sau hoặc có hoặc không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, đều không chấp trước. Đối với việc như vậy mà tâm được giải thoát. Giả sử có người đến hỏi “Như vậy là có chẳng?”, như chỗ thích hợp mà không ký biệt. Như vậy là không, hoặc vừa có vừa không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không, như chỗ thích hợp đều không ký biệt. Như vậy các vị kia do diệu trí làm tiền dẫn mà không ký biệt. Nếu có kẻ cho rằng đây là người vô trí, nên biết kẻ ấy là cực đại vô trí, cực đại tà kiến.

Lại kẻ kia như vậy hành theo kiến ngoại đạo, ở trong hiện pháp nương ba chủng vọng kiến như trước thuyết, hoặc thi thiết ngã đây là hữu sắc, hoặc thi thiết ngã đây là vô sắc, hoặc thi thiết ngã là hẹp nhỏ, hoặc thi thiết ngã là vô lượng. Như hiện pháp khởi kiến thi thiết phân biệt “ngã là chân thật có được”, như vậy đương lai khởi kiến

phân biệt vì người thi thiết nên biết cũng vậy. Tuy có nhiều chủng hư vọng phân biệt ngã, nhưng vì chỉ có một loại hữu thân kiến tùy miên hệ buộc. Vì chưa đoạn kia, nên tuy các kẻ đạo thế tục dần dần lìa hệ phược cho đến Hữu danh, nhưng do thấp kém nên biết kia vẫn gọi là hệ phược. Như vậy gọi là diệu trí thiện xảo dùng các duyên khởi, năng tùy ngộ nhập “hữu tình lìa hệ mà có hệ phược, tánh khó rõ biết”.

4. Sao gọi là hữu tình có hệ mà lìa hệ phược, tánh khó rõ biết? Đó là các Thánh đệ tử đa văn vì xúc đối minh xúc phát sanh thọ, nên ở trong hiện pháp không đắc “thật ngã”, cũng không thi thiết. Thân hoại rồi về sau cũng không ở trong bảy thức trụ kia thi thiết tất cả chúng hữu tình, hoàn trở lại ở cõi dưới tiếp nối sanh thức xứ.

Lại ở cõi sanh khởi thức xứ, vị kia ở nơi thức trụ và ở nơi hai xứ, lúc dụng các duyên khởi, đạo lý thánh đế như thật quán, thành A-la-hán, hoặc A-la-hán tuệ giải thoát, hoặc A-la-hán câu giải thoát, đầy đủ tám giải thoát tịnh lự đẳng chí. Vị kia ở hiện pháp tuy năng hiện thấy có sanh lão tử, nhưng gọi là từ kia mà được lìa hệ. Tuy lại hiện kiến lãnh

nạp các thọ, nhưng gọi là ở nơi thọ mà được lìa hệ. Tuy lại hiện kiến có thức, danh, sắc, nhưng gọi là ở nơi kia mà được lìa hệ. Như vậy gọi là diệu trí thiện xảo dụng các duyên khởi, như thật rõ biết “hữu tình có hệ mà lìa hệ phục, tánh khó rõ biết”.

Như vậy do bốn tướng đã nói trên, nên biết duyên khởi gọi là thâm sâu, tối cực thâm sâu.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Khác, thế tục, thắng nghĩa
Pháp nhĩ, đây làm thấy
Đại không và phân biệt
Mình làm là rốt sau.*

Ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da đây, kẻ ngu, người trí, cả hai từ tiền tế đến trung tế, khắp do hai chủng phiền não căn bản tập thành “thân có thức”. Thân đây làm duyên, ở bên ngoài thuộc sở hữu tình, chẳng phải hữu tình, danh sắc nhiếp lấy cảnh giới sở duyên, lãnh nạp ba thọ. Nhưng ở nơi tất cả tiền, trung, hậu tế kia người trí và kẻ ngu có sự sai biệt lớn. Nên biết trong đây ở trung tế có sai biệt, tức là do hai chủng phiền não căn bản tập thành “thân có thức” như vậy, ở trong hiện pháp

hai chủng dây đều đoạn. Vì hai dây đoạn, nên ở đời đương lai lại không có thức kia đi theo thân. Dây tức gọi là ở hậu tế sai biệt.

Hỏi: Duyên nào người trí thành tựu tánh của người trí?

Đáp: Ở trong hiện pháp sở hữu tập đế và hậu tế sở hữu khổ đế đều là hệ buộc.

Hỏi: Duyên nào kẻ ngu thành tánh kẻ ngu?

Đáp: Vì không có lực năng đoạn hai kia.

Đã từng huân tập thuận thánh giáo gọi là người trí, vì trước đã tầm cầu tư lương trí nhiếp các phạm hạnh. Ở nơi thánh giáo chưa từng tu tập gọi là kẻ ngu, vì trước không tầm cầu tư lương trí nhiếp các phạm hạnh. Nên biết đây gọi là kẻ ngu, người trí ở tiền tế sai biệt.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đa văn ở nơi các duyên khởi thiện xảo, như thật rõ biết đạo lý hai đế là thế tục đế và thắng nghĩa đế. Vì như thật biết, ở trong hiện pháp thân có thức... chỗ có các pháp rõ biết vô ngã, trọn không chấp kia cho là ngã, ngã sở.

Do ở nơi thắng nghĩa được thiện xảo, nên không sanh tà chấp. Ở nơi hữu tình đọa trong các hành

tương tục của nghiệp chính mình tạo tác, như thật rõ biết không có triển chuyển người làm mình làm, cũng không tạo tác nghĩa kết tường. Rõ biết đây rồi bèn chánh siêng tu là hệ buộc phiền não.

Do ở nơi thế tục được thiện xảo, nên xa là chỗ có tăng thêm những điều không thật có, tổn giảm những điều thật có. Ở trong hiện pháp người kia đối với “thân có thức” trước đã tạo tác, tư duy chỗ mong muốn của kia, tư duy chỗ kiến lập của kia. Do thế nguyện nên văn-tư thành tựu diệu tuệ, lấy duyên khởi thiện xảo làm chỗ nương, dụng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na tu tập thành tựu hạnh năng tùy ngộ nhập. Lại ở nơi thức, xúc, thọ, tưởng, tư, thân trải qua quán là khổ. Lại khi quán ái thân sai biệt nên biết tức là quán sát tập đế. Vị kia ở nơi hai đế có *sanh diệt trí*, như thật rõ biết do có nhân tập nên như chỗ ấy tập, do nhân diệt nên như chỗ ấy diệt. Đó là do tác ý tu tập định địa thế gian, nhân duyên tác ý như vậy nhập đế hiện quán. Vị kia vào thời trước ở nơi thế gian tập và thế gian diệt, do tuệ văn tư mà gọi là khéo thấy, cũng gọi là khéo biết; do tuệ tu, nên gọi là khéo tư duy. Nay ở nơi thánh đế, lúc nhập hiện quán gọi là khéo liễu,

cũng gọi là khéo thông đạt. Do tận sở hữu, như sở hữu, nên tùy theo thứ lớp ấy, bấy giờ nếu do tuệ văn tư gọi là hướng đến chánh pháp, do tuệ tu gọi là thân cận chánh pháp, do thông đạt để gọi là chứng chánh pháp. Lại do hướng đến, do thân cận chánh pháp, nên gọi là đến nguồn đáy; do chứng chánh pháp gọi là đến khắp nguồn đáy. Lại tuệ hữu học gọi là nhập thế gian. Diệu tuệ *ra khỏi, tận diệt* đây vì vô lậu, vì tương tục trong thánh mới có được, nên gọi là Thánh tuệ. Vì năng tận diệt, năng ra khỏi tất cả phiền não và các khổ, nên gọi là tuệ xuất ly. Vì năng thông đạt tối cực rốt ráo, nên gọi là tuệ quyết trạch. Vị kia đã thành tựu diệu tuệ như vậy, lại khởi suy nghĩ: “Ta sẽ tinh tấn đoạn tất cả sở hữu phiền não về sau”, tức đổi việc đây nhiều tu tập, nên ở nơi tu đạo vượt khỏi phiền não sót thừa, tận diệt tất cả khổ. Như vậy hiển thị sở hữu chánh đạo từ sơ nghiệp địa cho đến thành tựu quả A-la-hán.

Lại nữa, do hai nhân duyên ở nơi các duyên khởi và pháp duyên sanh kiến lập hai phần đạo lý sai biệt, đó là như chỗ lưu chuyển và các chỗ lưu chuyển.

Nên biết trong đây có mười hai chi lưu chuyển sai biệt, lại như chỗ thích hợp thứ lớp lưu chuyển đúng lý nhân quả. Lại thứ lớp đúng lý nhân quả đây, từ thời vô thủy đến nay triển chuyển an lạc, gọi là pháp tánh. Do đời hiện tại gọi là pháp trụ. Do đời quá khứ gọi là pháp định. Do đời vị lai gọi là pháp như tánh. Chẳng phải không tánh nhân nên gọi là như tánh. Chẳng phải không như tánh, như thật tánh nhân, nên gọi là thật tánh. Như thật quả tánh nên gọi là đế tánh. Sở tri thật tánh nên gọi là chân tánh. Do tánh y xứ như thật trí, nên gọi là không điên đảo tánh, chẳng phải điên đảo tánh. Do tánh y xứ vẫn tự kiến lập tương ưng tất cả duyên khởi kia, nên gọi là duyên khởi đây thuận thứ lớp tánh.

Lại hai chủng thiện xảo đây, các Thánh đệ tử đa văn ở trong ba đời như thật rõ biết, xa lìa tất cả tác ý phi lý. Ở nơi thánh đế năng nhập hiện quán, ở nơi các kiến thú ngoại đạo năng được lìa hệ buộc. Nên biết như phần “Hướng đến...” đã rộng thuyết ở trước.

Lại duyên khởi kia từ thời vô thủy đến nay nhân quả triển chuyển lưu chuyển tương tục. Như

Lại ở nơi thật tánh lưu chuyển đây hiện Đẳng Giác rồi, dùng trí vi diệu khởi chánh ngôn từ phương tiện khai thị “Không phải sanh, không phải làm tạo”. Nên biết trong đây từ thời vô thủy đến nay nhân quả triển chuyển pháp trụ pháp tánh. Do kia tương ưng danh, cú, văn thân, vì khiến hiểu rõ nên tùy thuận kiến lập pháp trụ, pháp giới, chủng tánh, y xứ.

Lại nữa, do hai nhân duyên mà ở nơi tác đây thọ đây, tác khác thọ khác không nên ký biệt. Sao gọi là hai? 1. Vì chỉ mỗi một nhân quả phụ thuộc lẫn nhau, vì các hành tương tục trước sau khác nhau; 2. Khác đây, tác giả, thọ giả chẳng thể có được. Nếu ở luận đây không lãnh thọ, không chấp thủ, dùng hành trung đạo, như chỉ dùng nhân quả mà chánh ký biệt, thì cũng không có lỗi.

Lại nữa, tất cả vô ngã không có sai biệt, gọi chung là không, đó là bổ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã.

Bổ-đặc-già-la vô ngã: đó là lìa ngoài tất cả duyên sanh hành riêng có thật ngã thì chẳng thể được.

Pháp vô ngã: tức tất cả duyên sanh các hành

tánh không phải thật ngã, vì vô thường vậy.

Hai chủng như vậy lược nhiếp làm một, ở xứ kia thuyết đây gọi là đại không. Đó là nếu có người lìa ngôn thuyết thế tục, kiến hư vọng làm chỗ nương, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có vật riêng khác pháp duyên sanh”; hoặc “Pháp duyên sanh khác kia thuộc kia”. Đây nương vọng kiến, chẳng phải trụ phạm hạnh. Vì cố sao? Do kiến như vậy nương “không” thứ nhất mà kiến sở tri chuyển, vì người phát khởi kiến đây không xứng với giải thoát. Hoặc lại tức trong danh sắc nhiếp lấy pháp duyên sanh, nương ba chủng kiến hư vọng như trước thuyết, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Mạng tức là thân”, cho đến nói rộng. Như vậy cũng chẳng phải an trụ phạm hạnh. Vì cố sao? Do kiến như vậy nương “không” thứ hai mà kiến sở tri chuyển, vì người phát khởi kiến đây không xứng với giải thoát. Xa lìa hai biên tà kiến như vậy, chỉ kiến nhân quả, gọi là hành trung đạo. Sở tri chân như gọi là như thật tánh. Năng tri chân như gọi là không điên đảo tánh. Ở nơi các hành, giả thi thiết có, tức là “Chính là các hành, các hành thuộc kia”. Nếu nương thắng nghĩa có như vậy, thì tất cả hành

kia hoặc diệt, hoặc đoạn, sao lại khá thuyết “Chính là các hành, các hành thuộc kia”? Bởi lúc bấy giờ hai chủng như vậy đều chẳng thể có được.

Lại nữa, do 2 nhân duyên nên biết thi thiết sở hữu duyên khởi tất cả chủng tướng, đó là nêu cử chung hoặc phân biệt riêng. Sao gọi là hai? 1. Vì tánh như sở hữu; 2. Vì tánh tận sở hữu.

Sao gọi là tánh như sở hữu? Đó là các pháp duyên sanh như vô minh... thứ lớp tương ưng thể tánh nhân quả. Vì nhân đây chưa đoạn, nên có quả kia chưa đoạn. Vì đây chưa đoạn nhân sanh, nên kia chưa đoạn quả sanh. Như vậy gọi là tánh như sở hữu.

Sao gọi là tánh tận sở hữu? Là tất cả chủng tướng của các duyên sanh hành như vô minh... Như vô minh kia là do ở nơi tiền tế không hiểu biết, cho đến nói rộng thể tướng sai biệt. Danh rộng phân biệt nên biết như phần *Nhiếp dị môn* ở trước. Kiến lập phân biệt nên biết như trước. Như vậy gọi là tánh tận sở hữu. Tức nương tánh tận sở hữu, tánh như sở hữu như vậy, hoặc nêu cử chung, hoặc phân biệt riêng. Trước nêu ra chung gọi là ban đầu, về sau tức ở đây lại rộng khai thị gọi là phân biệt.

Lại nữa, do 2 nhân duyên tự tạo ra khổ vui mà không thể thi thiết, không thể ký biệt. Như vậy người tạo ra, mình người tạo ra, không phải mình không phải người tạo ra, không nhân mà sanh nên biết cũng vậy.

Sao gọi là hai? 1. Các hành như trước đã thuyết không có tác dụng; 2. Vì khác đây, tác giả, hữu tình không thể có được. Trong đây vì các hành không có tác dụng, nên đây thọ, đây lãnh tự tạo tác khổ vui thì không đúng đạo lý. Lại vì khác đây, tác giả, hữu tình không thể có được, nên thọ khác, lãnh khác không đúng đạo lý; nên thọ sự khát ái, nhiếp thọ người thọ cũng không đúng lý. Vì có các duyên, nên các thọ được sanh, nên không nhân sanh cũng không đúng lý. Cho nên trước xa lìa ba chủng luận biên ác nhân, về sau xa lìa một chủng luận biên không nhân, hiểu rõ như trước; dạy hành trung đạo, siêng tu chánh hạnh, năng tận các thứ khổ.

Quyển 94

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ

DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH

Phần 2

Ốt-Đà-Nam nói:

*Xúc duyên, kiến viên mãn
Thật, giải, không yêu thích
Pháp trụ trí, tinh tấn
Sanh xứ thấy đi sau.*

Ở trong tất cả xúc duyên thọ cho đến hữu, lược có ba chủng ký biệt không điên đảo: 1. Ký khai hiển tông mình; 2. Ký điều phục tông người; 3. Ký có chấp, không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh.

Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn tuyên nói luận không nhân, ác nhân như trước, thỉnh hỏi đây làm, đây thọ, cho đến nói rộng Đại sư, đệ tử an trụ chánh pháp hoặc thù thắng, hoặc thấp kém. Nên biết trong đây đối với điều kia hỏi không ký sai biệt, tức ký “Các khổ vui đều từ duyên sanh” là

tông của ta truyền đạt. Đây gọi là ký khai hiển tông mình.

Nếu đối với điều kia hỏi, tác ký như vậy: “Các kế chấp khổ vui do mình làm, người làm, mình người làm, không phải mình người làm, không nhân mà sanh... ở tất cả xứ do xúc sanh thọ, dụng cái gì mà kế chấp hư vọng cho là mình người làm? Nếu xúc nhân thọ hiện không có được, lại cầu nhân khác tức là diệu khéo. Nhưng xúc nhân thọ đã hiện có được, thì cầu nhân khác chẳng phải diệu khéo”. Người ký như vậy chính là ký điều phục tông người. Vì cơ sao? Do 2 nhân duyên kia bị chiết phục: 1. Vì loại trừ căn, cảnh và thức hòa hợp, không thể chỉ ra kẻ tạo làm khác; 2. Không thể bác bỏ tất cả hiện lượng thế gian như lý về nhân duyên có được xúc. Lại kia chẳng thể thiết lập tông mình, nên cũng không thể phá tông người, gọi là bị chiết phục.

Nếu đối với điều kia hỏi tác ký như vậy: “Ta cũng chỉ nương căn, cảnh giới, thức giả lập mình làm, người làm, mình người làm, hoặc khổ hoặc vui, mà nơi thật ngã đều không chỗ chấp. Ông ở trong đây vì tà chấp trước nên chẳng tin theo. Vì

có sao? Nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm, nếu không chấp trước tức là thanh tịnh”.

Sao gọi là nếu có chấp trước tức là tạp nhiễm? Bởi những kẻ thế gian kia không thông tuệ, nếu ở tiền tế có chỗ chấp trước vô minh duyên hành, nói rộng như trước, bèn ở nơi trung tế khổ vui tạp nhiễm. Nếu ở trung tế có sự chấp trước, kẻ kia cũng như trước ở nơi hậu tế khổ vui tạp nhiễm.

Sao gọi là nếu không chấp trước tức là thanh tịnh? Bởi những bậc thông tuệ hoặc ở tiền tế, hoặc ở trung tế, không ở nơi các hành chấp ngã ngã sở. Kia ở tiền tế nhân các thọ diệt rồi Bát-niết-bàn, hoặc ở hậu tế nhân các thọ diệt sẽ Bát-niết-bàn.

Như vậy gọi là ký có chấp, không chấp, tạp nhiễm, thanh tịnh thứ ba.

Lại nữa, nếu có người xả bỏ không nhân, ác nhân, đối trong nhân sanh pháp có năm chủng nhân mà có được chánh kiến, gọi là kiến viên mãn. Do ở nơi chánh pháp đây và Tỳ-nại-da không bị động chuyển, cũng được gọi là thành tựu kiến chánh trực. Do đối với Niết-bàn ý lạc thanh tịnh, nên cũng gọi là ở nơi Phật thành tựu chứng tịnh. Do ở nơi cảnh sở tri, trí thanh tịnh. Do thứ lớp ba

duyên như vậy, gọi là hướng đến gần gũi chánh pháp và chúng đắc chân chánh.

Sao gọi là từ nhân sanh pháp có 5 chủng nhân?

1. Nhân đường ác, đó là các bất thiện và bất thiện căn; 2. Nhân đường thiện, đó là tất cả thiện và các thiện căn; 3. Nhân ở nơi thức trụ khiến thức trụ, đó là bốn chủng thực; 4. Nhân hiện pháp hậu pháp tạp nhiễm, đó là tất cả lậu; 5. Nhân thanh tịnh, đó là duyên khởi đế. Nếu có người ở nơi tự tánh các nhân đây như thật rõ biết là tự tánh ấy, ở nhân duyên đây như thật liễu tri là nhân duyên ấy, ở nhân duyên diệt như thật rõ biết chân thật là diệt, ở nơi hướng đến diệt đạo như thật rõ biết chân thật là đạo, gọi là kiến viên mãn. Vì quán duyên sanh sự cho đến vô minh làm ngăn mé, nên vượt quá đây lại không quán duyên sanh “nhân”, chỉ do quán đây tự nghĩa rất ráo.

Lại nữa, lược có 3 chủng ở trong hiện pháp chân thật tịch diệt, cho đến thọ lượng chưa dừng hẳn, hằng tương tục chuyển cảnh sự sở tri. Ở nơi kia, hàng hữu học lúc đang tu hành, thi thiết tánh học. Ở nơi kia, hàng vô học khởi tư duy đây: “Ta tận tất cả, chẳng lại sẽ tận, chỗ tư trạch của tận

trí, vô sanh trí”, nên gọi là tư trạch pháp.

Sao gọi là ba? 1. Sáu xứ; 2. Sáu xứ duyên xúc; 3. Xúc duyên thọ. Nên biết trong đây các Thánh đệ tử đa văn theo chỗ lãnh thọ liền ở nơi thọ kia như thật biết khắp; lại tức đối với kia chán lìa, dục diệt, siêng tu chánh hạnh. Lại năng như thật rõ biết xúc dẫn sanh thọ kia xúc trở lại do sáu xứ kia dẫn sanh, tức ở nơi xúc kia dẫn nhân sáu xứ, chán lìa, dục diệt, siêng tu chánh hạnh.

Lại ở nơi sự thật của tất cả thọ, xúc và sáu xứ kia lược nhiếp làm một, rõ biết tất cả đều do vô thường diệt, gọi là diệt pháp. Ở trong hiện pháp, đối với sự thật của tất cả ba chủng vô thường diệt pháp đây, như trước tu hành chán lìa, dục diệt. Do chánh hạnh đây gọi là học thường thuận theo. Lại do tu hành chánh hạnh đây, nên không chỗ gây tạo, rốt ráo giải thoát, cho nên gọi là trạch pháp thường thuận theo. Vì muốn chứng đắc điều chưa từng chứng, chưa từng đắc, nên tu gia hạnh không gián đoạn, ân trọng, phương tiện, gọi là học thường thuận theo. Vì ở nơi sở hữu hiện pháp lạc trú không thối thất, thực hành không gián đoạn, thực hành ân trọng, do đây gọi là trạch pháp thường

thuận theo. Thuyết tất cả sự pháp với cảnh, cú, văn thân tăng thượng, gọi là pháp giới. Vì những bậc đã thành tựu vô ngại giải, nên danh, cú, văn thân được tùy muốn tự tại, cho nên gọi là khéo thông đạt pháp giới. Do ở nơi pháp giới đã khéo thông đạt, tức ở nghĩa tướng chân thật như vậy lại dùng tên gọi khác tùy theo ý muốn mà tuyên thuyết sai biệt, cho đến có đủ năng lực ở trong bảy ngày, bảy đêm, hoặc hơn lượng kia biện thuyết văn từ không cùng tận. Lại dùng chủng loại sai biệt, như thật tuyên thuyết kia là hữu vi, tư duy chỗ tạo tác, động chuyển, yếu kém, nhất thời... như bệnh, như ung... cho đến nói rộng.

Lại nữa, nên biết các A-la-hán đầy đủ sở giải, lược có 6 chủng ký biệt tri giải: 1. Ký biệt có dị môn; 2. Ký biệt không dị môn; 3. Ký biệt trí; 4. Ký biệt đoạn; 5. Ký biệt chung; 6. Ký biệt riêng.

Ký biệt có dị môn: Như có người do có người thỉnh hỏi, hoặc tự nhiên, vì muốn khiến người đối với lời Phật thánh dạy khởi nhiều cung kính, nên ký như vậy: “Nay ta không một chút nghĩ hoặc”.

Ký biệt không dị môn: Như tác ký: “Ta sanh đã tận”, cho đến nói rộng.

Ký biệt trí: Như có người hỏi rằng: “Cớ sao biết, cớ sao thấy sanh kia đã tận?”. Liền ký biệt rằng: “Vì duyên sanh tận, nên sanh kia tận”. Dùng tướng ký biệt như vậy tự mình khéo giải thoát trí nhiếp lấy tận trí, gọi là ký biệt trí.

Ký biệt riêng: Tức ở đây ký biệt: “Nhân duyên hữu kia”. Lại ký biệt: “Nhân duyên sanh kia, nhân duyên các thủ”. Lại ký biệt: “Tướng các thủ đây vì như thật biết, vì như thật thấy, khiến thủ không có”.

Ký biệt chung: Ở nơi tất cả điều đã ký đây, rõ biết sở hữu các thọ đều khổ, đã rõ biết rồi khiến sanh kia tận. Người ký như vậy gọi là ký biệt chung.

Ký biệt đoạn: Do bên trong giải thoát khỏi kia, nên tất cả nhân duyên tham ái đều tận. Người ký như vậy gọi là ký biệt đoạn. Ký biệt đoạn đây nếu như trước thuyết gọi là ký biệt riêng. Nếu lược do 3 chủng hành tướng thì gọi là ký biệt chung. Như đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Ta đều không còn các kiết”, đây gọi là ký biệt đoạn chung thứ nhất, đó là các hữu kiết đều vĩnh viễn đoạn. Lại: “Ta an trụ chánh niệm như vậy. Do ta an trụ chánh niệm đây, tất cả tham ưu, pháp ác bất thiện năng khiến

rốt ráo không rỉ lậu nơi tâm”, đây gọi là ký biệt đoạn chung thứ hai, đó là hằng trụ. Lại: “Ở trong đây tự không kiêu mạn”, đây gọi là ký biệt đoạn chung thứ ba, đó là không có tăng thượng mạn sót thừa. Như vậy tổng thuyết có sáu ký biệt.

Lại nữa, có 3 chủng pháp là chỗ yêu thích của thế gian, nương bên trong mà thuyết: 1. Thế lực; 2. Diệu sắc; 3. Thọ mạng. Lại có 3 chủng pháp riêng không đáng yêu thích, năng trái ngược tổn hại 3 pháp trên: 1. Tật bệnh; 2. Già suy; 3. Chết yếu. Nếu ở nơi ba học mà khởi tà hạnh, liền không kham nhiệm năng vượt qua tật bệnh, già suy và chết yếu. Nếu ở nơi ba học khởi chánh hạnh, liền năng vượt qua ba sự như vậy. Sao gọi là ba học? 1. Tăng thượng giới học; 2. Tăng thượng tâm học; 3. Tăng thượng tuệ học.

1. Sao gọi là nương sở hữu tăng thượng giới học phát khởi các tà hạnh? Như có người ở trong học đầu tiên mà có chỗ phạm, hoặc quán nơi mình, hoặc quán nơi người, không biết hổ thẹn. Đã tự mình trụ không hổ thẹn, liền ở nơi tất cả pháp ác bất thiện không tự phòng hộ. Đã ở nơi pháp kia không tự phòng hộ, thì đối với Phật Pháp Tăng

cũng không khởi cung kính và đối với các sở học dạy trao dạy răn đều không kính quý, lại thêm tránh xa. Do nhân duyên đây, nếu ở nơi sự việc đây có người chân chánh cử tội, can ngăn, liền đối với lời khuyên can của người không thể nhẫn thọ, tự mình cũng im lặng không cùng giao tiếp. Nếu bổ-đặc-già-la năng chân chánh phân tích điều phải điều quấy, cùng cử tội và khuyên can, thì kẻ kia càng tăng thêm chống trái xa lìa. Đối với kẻ hành tà hạnh đồng pháp thì gần gũi giao du, thích cùng cộng trú. Do cùng bạn ác chung sống, nên đối với các bậc Thánh hiền còn sanh ganh ghét chống trái, hướng sẽ đến kia cung kính thân cận. Giả sử có đến, các bậc Thánh vì kia tuyên thuyết chánh pháp, nhưng vì tăng thêm chống trái nên chẳng muốn nghe, giả sử có chú tâm lắng tai nghe cũng không kính thuận, chỉ ôm lòng tranh cãi trái nghịch, không vì cầu học mà lắng nghe. Ở trong phân biệt chánh hạnh thị xứ, phi xứ mà các bậc trí luận nói, thì không vui an trụ. Do tâm kẻ kia ôm lòng chống trái, nên tuy lắng nghe mà không tín thọ, cũng không nương theo đó hành trì. Lại, các bậc Hiền thánh im lặng không nói, kẻ kia liền

khởi suy nghĩ: “Hành giả như vậy chẳng kham dạy răn dạy trao”. Kẻ kia không pháp chế ngự bản thân, lại bị sự xả bỏ của các bậc Hiền thánh, nên trong tâm hằng không tịch tĩnh, ngoài thân ngũ ý tạp loạn xấu xa, ác tham lam mạnh mẽ, miệng phát lời cao ngạo. Ở nơi các việc như vậy không thấy tội lỗi, nhiều lỗi hủy phạm, chẳng như pháp hối. Do nhiều tập quen nên dần dần hủy phạm tất cả giới luật. Nên biết đây gọi là nương sở hữu tăng thượng giới học phát khởi các tà hạnh. Trái tướng đây nên biết tức là nương sở hữu tăng thượng giới học phát khởi các chánh hạnh.

2. Sao gọi là nương sở hữu tăng thượng tâm học phát khởi các tà hạnh? Vào thời hành, ở nơi cảnh giới không như chánh lý chấp thủ các tướng tùy hảo. Do nhân duyên đây phát khởi vọng niệm, tức ở trong đây không quán lỗi lầm tai họa, phiền não sanh rồi kiên cố chấp đắm chẳng xả. Do nhân duyên đây không trụ chánh biết. Vào thời trụ, ở chốn viễn ly không an trú gì khác, tức lấy vọng niệm trụ không chánh biết làm chỗ nương, tâm lưu tán buông thả bên ngoài. Như vậy gọi là nương sở hữu tăng thượng tâm học phát khởi các tà hạnh.

Trái với tướng đây nên biết tức là nương sở hữu tăng thượng tâm học phát khởi các chánh hạnh.

3. Sao gọi là nương sở hữu tăng thượng tuệ học phát khởi các tà hạnh? Như có người xa lìa thân cận các bậc Hiền thánh, nương gần bạn ác, nghe pháp bất chánh làm nhân tin hiểu, không như lý tư trạch các pháp. Đối với các ác dục và các ác kiến vui muốn thọ hành. Đối với sở học rộng lớn, chỗ đắc pháp vi diệu lại tự mình khinh miệt. Như vậy gọi là nương sở hữu tăng thượng tuệ học phát khởi các tà hạnh. Trái với tướng đây nên biết tức là nương sở hữu tăng thượng tuệ học phát khởi các chánh hạnh.

Trong đây, bổ-đặc-già-la dị sanh nương ba chủng học như vậy mà khởi tà hạnh, không thể kham năng vượt qua dị sanh địa, điên đảo không thể thú nhập chánh tánh ly sanh, không thể vĩnh viễn đoạn ba kiết. Do không vĩnh viễn đoạn ba chủng kiết, nên không kham năng nương tu đạo, đắc A-la-hán. Trong hiện pháp không kham năng vĩnh viễn đoạn tham sân si không sót thừa, không thể vượt qua tất cả phiền não tật bệnh, suy lão, cho đến chết yếu... ở đương lai. Trái tướng đây, nên

biết tức là ở trong ba học như thật chánh hành tất cả phẩm bạch, nói rộng cho đến vượt qua bệnh tật, già suy cùng với chết yếu ở đương lai.

Lại nữa, nếu có Bí-sô đầy đủ tịnh giới, an trụ luật nghi Biệt giải thoát thanh tịnh, tăng thượng tâm học. Do lực tăng thượng nên đắc Sơ tĩnh lự, phần cận nhiếp lấy thắng tam-ma-địa làm chỗ nương, tăng thượng tuệ học. Do lực tăng thượng nên đạt được pháp trụ trí và Niết-bàn trí, dung hai trí đây làm chỗ nương. Lại do bốn chủng viên mãn viễn ly đã thọ học từ trước, nay triển chuyển khiến tâm giải thoát tất cả phiền não, đắc A-la-hán, thành tựu tuệ giải thoát.

Sao gọi là pháp trụ trí? Như có người đã lắng nghe rồi, đã thuận theo lời dạy duyên khởi của tánh duyên không điên đảo rồi, đối với phần vị nhân quả của duyên sanh hành, trụ dị sanh địa, liền năng như thật dùng văn-tư-tu thành tựu tác ý như lý tư duy, năng dùng diệu tuệ ngộ nhập tin hiểu khổ chân thật là khổ, tập chân thật là tập, diệt chân thật là diệt, đạo chân thật là đạo. Chỗ có các diệu trí như vậy xứng với pháp nhân quả đã an lập, gọi là pháp trụ trí.

Sao gọi là Niết-bàn trí? Nương pháp nhĩ, ở nơi khổ, tập, diệt, đạo lúc dùng diệu tuệ đây tin hiểu ngộ nhập chính là chân khổ, tập, diệt, đạo đế, liền ở nơi khổ tập trụ tướng chán nghịch, đối với diệt Niết-bàn khởi tướng tịch tĩnh, chỗ gọi là rốt ráo tịch tĩnh vi diệu, xả bỏ tất cả chỗ nương tựa sanh tử, cho đến nói rộng. Như vậy chỉ nương pháp trụ trí kia và nhân nơi khổ hoặc nhân duyên khổ mà trụ tướng chán nghịch, bèn đối với Niết-bàn năng dùng diệu tuệ tin hiểu ngộ nhập là tịch tĩnh thấy. Diệu trí như vậy gọi là Niết-bàn trí.

Lại nữa, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, các bậc thông tuệ chánh quán 6 chủng viên mãn hoàn toàn hiện tiền, đủ năng phát khởi an trụ siêng tinh tấn.

Sao gọi là 6 chủng viên mãn hoàn toàn? 1. Đại sư viên mãn hoàn toàn; 2. Thánh giáo viên mãn hoàn toàn; 3. Thánh giáo dễ nhập viên mãn hoàn toàn; 4. Chứng được tự nghĩa vô thượng viên mãn hoàn toàn; 5. Tuyên thuyết tất cả như lý không gián đoạn viên mãn hoàn toàn; 6. Có thánh ngôn sắp đầy đủ viên mãn hoàn toàn.

1. Đại sư viên mãn hoàn toàn: Là chư Như Lai

thành tựu mười lức, bốn vô sở úy... Hết thấy như vậy gọi là Đại sư viên mãn hoàn toàn.

2. Thánh giáo viên mãn hoàn toàn: Đó là tự xưng lời: “Nay Ta ở ngôi vị Đại Tiên Tôn năng chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng chánh Sư tử hống, khai thị tất cả thuận nghịch duyên khởi, Niết-bàn tịch diệt”. Hết thấy như vậy gọi là thánh giáo viên mãn hoàn toàn.

3. Thánh giáo dễ nhập viên mãn hoàn toàn: Chỗ có văn cú của thánh giáo đây, tánh ấy minh hiển, nghĩa ấy thẳm sâu. Do thánh giáo đây năng chánh khai phát các nghĩa thẳm sâu, nên nói văn cú đây tánh minh hiển, nghĩa thẳm sâu. Như vậy gọi là thánh giáo dễ nhập viên mãn hoàn toàn.

4. Chứng đắc tự nghĩa vô thượng viên mãn hoàn toàn: Không có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào vượt hơn Như Lai trong việc năng chánh khai giác thông tuệ, cho nên so với chứng đắc tự nghĩa của người đúng với nghĩa nên đắc, đúng với nghĩa nên giác, chỉ có Như Lai sở thuyết giáo pháp là vi diệu, là không gì vượt hơn. Nếu vượt quá đây, tuyệt dứt đường ngôn ngữ. Như vậy gọi là chứng đắc tự nghĩa vô thượng viên mãn hoàn toàn.

5. Tuyên thuyết tất cả như lý không gián đoạn viên mãn hoàn toàn: Chư Như Lai sở thuyết giáo pháp khắp vì tất cả trời người khai thị không điên đảo, khai thị tất cả pháp mà không ý cậy quyền làm thầy, khai thị không thiếu sót. Như vậy gọi là tuyên thuyết tất cả như lý không gián đoạn viên mãn hoàn toàn.

6. Có thánh ngôn sắp viên mãn hoàn toàn: Có người lấy tín rộng lớn làm chỗ nương, năng đoạn trừ tất cả nghi hoặc và năng sanh khởi tất cả thiện căn, tất cả thiện pháp. Hiện tiền ở chỗ Đại sư mới năng an đặt hiện lượng. Như vậy gọi là có thánh ngôn sắp đầy đủ viên mãn hoàn toàn.

Các bậc thông tuệ chánh quán 6 viên mãn hoàn toàn hiện tiền đây, đủ năng phát khởi siêng an trụ tinh tấn. Ở trong ba học, nương tăng thượng giới tu tập Du-già, nương tăng thượng tâm tu không phóng dật, nương tăng thượng tuệ đối với điều Đại sư dạy, tu hành Du-già.

Nếu có kẻ tâm trụ giải đãi, nên biết là gọi mời hai chủng quá hoạn: 1. Gọi mời năng sanh các thứ khổ, tất cả phiền não tạp nhiễm ưu khổ hiện pháp, đương lai chẳng trụ an ổn; 2. Gọi mời thối

thất tất cả thiện pháp chưa chứng, đã chứng; thối thất nghĩa rộng lớn năng dẫn phát, năng an trụ đường thiện hướng đến Niết-bàn. Trái với tướng đây tức là người siêng tinh tấn gọi mời hai chủng thắng lợi. Người tinh tấn đây ở nơi các thiện pháp chưa chứng năng chứng, không thối thất, năng biện trọn nghĩa lợi mình, nghĩa lợi người, nghĩa lợi mình người.

Năng biện trọn nghĩa lợi mình: tức đã xuất gia rồi, do hai tướng đây gọi là có quả: 1. Chứng đắc là hệ buộc của phiền não, cứu cánh Niết-bàn, đó là quả là hệ buộc; 2. Năng phát khởi lạc thù thắng thế gian, đó là quả vui dị thực đi vào đường thiện.

Năng biện trọn nghĩa lợi người: tức là rộng vì người tuyên thuyết pháp yếu, khiến họ cấn cõi thiện thế gian, cứu cánh Niết-bàn.

Năng biện trọn nghĩa lợi mình người: tánh tự tu sửa trị, thanh tịnh ruộng phước, kham nhiệm thọ dùng, từ biên tịnh tín như pháp thu được các sự y phục... do đây thọ dụng nuôi dưỡng thân, khiến thân đây thuận làm tất cả phẩm thiện. Lại năng khiến người ở nơi việc đã làm được quả báo lớn, đó

là ở đương lai đến cõi thiện, nên được lợi ích thù thắng rộng lớn; sẽ thu được tài bảo, kẻ hầu người hạ đều viên mãn, nên được hưng thịnh sung mãn rộng lớn; tự mình thu được sắc lực, thọ mạng, vui biện tài... viên mãn, nên được sự tu học rộng lớn. Đối với ba điều đã đạt được trên, trường thời tùy chuyển theo không gián đoạn.

Lại do 4 chủng tướng nên biết thánh giáo Thế Tôn sở thuyết gọi là thiện thuyết pháp: 1. Năng hướng đến tịch tĩnh, vì năng khiến chứng đắc Hữu dư y Niết-bàn giới; 2. Năng Bát-niết-bàn, vì năng khiến chứng đắc Vô dư y Niết-bàn giới; 3. Năng hướng đến Bồ-đề, vì năng khiến chứng đắc ba Bồ-đề là Thanh văn, Độc giác và Vô thượng Chánh đẳng; 4. Khéo phân biệt không gì vượt hơn, vì chỗ khai thị của bậc Đại sư Vô thượng hiển bày tối cực rốt ráo hiện lượng.

Lại nữa, đầy đủ 4 viên mãn năng sanh thánh xứ. Nếu có người thành tựu viên mãn đây, lúc chánh tu hành trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, gọi là người thiện lai, thiện xuất gia. Sao gọi là 4 chủng viên mãn? 1. Tăng thượng ý lạc viên mãn; 2. Căn viên mãn; 3. Trí viên mãn; 4. Túc ở thánh xứ có

Phật xuất thế, được gặp gỡ viên mãn.

Tăng thượng ý lạc viên mãn: như có người đối với Bát-niết-bàn, tu sửa trị, ý lạc cực tịh tăng thượng rồi mới xuất gia, không do các nguyên nhân khác bức bách sợ hãi mà cầu xuất gia, cho đến nói rộng. Nên biết người như vậy xuất gia gọi là thiện xuất gia sanh nơi thánh xứ.

Căn viên mãn: như có người mắt tai không khuyết, không phải bán nữ, không khiếm khuyết chi phần. Do được căn không khuyết như vậy, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da kham nhiệm xuất gia, đủ khả năng kham nhiệm lắng nghe thọ trì khi người thuyết chánh pháp.

Trí viên mãn: như có người tánh không ngu si, nóng vội, tức không bị chướng ngu si phẩm hạ; cũng không cảm ngọng, tức không bị chướng ngu si phẩm trung; chẳng phải dùng tay thay lời, tức không bị chướng ngu si phẩm thượng. Do xa lìa ba chủng ngu si chướng ngại trí, nên có lực năng hiểu pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết.

Ở nơi thánh xứ có Phật xuất thế được gặp gỡ viên mãn: như thời nay có Bạc-Già-Phạm Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện nơi đời, đây là Như Lai

Ứng Chánh Đẳng Giác, cho đến nói rộng. Nếu giải thích rộng nên biết như trước trong phần *Nhiếp Di Môn*. Tuyên thuyết chánh pháp hướng đến tịch tĩnh... nói rộng như trước. Nên biết trong đây vì sanh thánh xứ, gọi là người thiện lai khéo được xuất gia. Vì căn không khuyết, vì không ngu si nóng vội, vì không căm ngọng, vì không dùng tay thay lời, gọi là khéo có được thân người đầy đủ.

Lại nữa, ở nơi duyên sanh các hành lưu chuyển, người tu quán hành lược ở nơi 2 chủng phát khởi nghi hoặc đối với pháp. Sao gọi là hai? 1. Tập theo tiếp nối luận thuyết không nhân; 2. Tập theo tiếp nối luận thuyết ác nhân.

Trong đây người tập theo tiếp nối luận không nhân quán tất cả chủng đều không nhân, liền sanh nghi hoặc: “Làm sao các pháp không nhân mà năng chuyển?”. Người tập theo tiếp nối luận ác nhân cũng sanh nghi hoặc: “Làm sao do kia nhân không giống nhau, nhân không đúng lý mà có các pháp chuyển?”.

Nếu là bậc Thánh đệ tử đa văn, thì xa lìa hai chủng luận không chân thật đây mà chánh quán lưu chuyển. Do nhân duyên đây được khéo quyết

định không còn nghi hoặc, nội chứng chân thật. Nếu ở nơi xứ đây mà thuyết “Có các Thánh đệ tử đa văn”, nên biết trong đây nói các đệ sanh. Nếu ở xứ đây mà thuyết “Có các Thánh đệ tử”, nên biết trong đây nói người đã kiến đế.

Lại nữa, ở trong chánh pháp lược có 3 chủng bổ-đặc-già-la vẫn còn khổ não, trụ không an ổn.

Sao gọi là ba? Như có người vì cầu Niết-bàn, hướng đến Niết-bàn, nên xả bỏ đời sống gia đình, hướng đến đời sống xuất gia ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Đã xuất gia rồi, chỉ năng thọ trì an trụ cấm giới mà cho là vui đủ, không tùy từng giai đoạn mà triển chuyển thắng tiến tu tập tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Khi kia xả cuộc sống cư gia, đối với cảnh giới đã thọ dụng trước kia chưa thể tùy được an lạc vô thượng, chứng đạo Niết-bàn, cho nên ở trong khoảng giữa đây vẫn còn khổ não, trụ không an ổn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ nhất.

Như có người tuy không chỉ an trụ cấm giới đã thọ cho là vui đủ, nhưng chưa thể vượt qua đệ sanh địa. Vì chưa thể vượt qua đệ sanh địa, vì ở nơi tất cả pháp bị duyên khác dẫn dắt, nên thường xem mặt

người, thường quán miệng người, thì làm sao như thật rõ biết ở nơi chỗ thấy biết được! Phải hằng thường đến bậc Đại sư để thỉnh cầu lắng nghe chánh pháp, dạy răn dạy trao. Cho nên vẫn còn khổ não do tự tâm có nghi có hoặc, trụ không an ổn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ hai.

Như có người là hữu học đã thấy dấu vết mà trụ phóng dật, năng nhiếp thọ nhân sanh khởi hữu thể thứ hai, ở trong hiện pháp không kham năng chứng đắc cứu cánh Niết-bàn. Cho nên vẫn còn khổ não do trụ hữu thứ hai, trụ không an ổn. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ ba.

Ba loại bổ-đặc-già-la như vậy, lại có ba bổ-đặc-già-la khác chứng được an lạc, khéo trụ an ổn, đó là A-la-hán nhất hướng lạc trú.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Hữu diệt, hoặc Sa-môn,
Bà-la-môn, thọ trí
Lưu chuyển cùng đến đi
Phật thuận nghịch theo sau.*

Các bậc hữu học đã thấy dấu vết, tuy ở nơi hữu diệt tịch tĩnh Niết-bàn chẳng phải do người mà

tin theo, bên trong thánh tuệ nhãn tự năng soi thấu, nhưng vẫn còn chưa thể tự thân chạm đến chứng đắc. Ví như có người bị nóng khát bức bách chạy đến giếng sâu, tuy dùng mắt thị hiện thấy giếng nước trong sạch thanh tịnh lìa các cấu bẩn, mà đối với nước đây tự chưa thể uống. Như vậy, bậc hữu học tuy thánh tuệ nhãn hiện thấy sở cầu, về sau sẽ đoạn trừ phiền não, tối cực tịch tĩnh, mà ở nơi đoạn đây tự chưa chạm đến chứng đắc.

Lại nữa, có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn đoạn diệt tham sân si không sót thừa, nhưng ở nơi chân nghĩa Sa-môn, chân nghĩa Bà-la-môn hoàn toàn chưa chứng được. Những người thế gian khởi tưởng đó là Sa-môn, đó là Bà-la-môn. Kia cũng tự xưng là chân Sa-môn, chân Bà-la-môn. Những người thế gian đối với kia tuy khởi tưởng đây, nhưng kia chỉ là Sa-môn, Bà-la-môn thế tục, không phải đệ nhất nghĩa. Các Sa-môn, Bà-la-môn đệ nhất nghĩa đều không chấp nhận cho kia là Sa-môn, Bà-la-môn. Vì cơ sao? Do kia không thể như thật rõ biết các pháp tạp nhiễm, nhân pháp tạp nhiễm, cũng không như thật rõ biết *đường* kia diệt, *hành* kia diệt.

Pháp tạp nhiễm: là chi lão tử nhiếp lấy các

thứ khổ và dụng chi sanh.

Nhân pháp tạp nhiễm lại có 2 chủng: 1. Sở tác ái; 2. Sở tác nghiệp.

Sở tác ái: do đạo lý nghịch thứ lớp duyên khởi từ hữu, thủ đến ái, hoặc vô minh xúc sanh ra các thọ, hoặc vô minh xúc và vô minh giới đi theo sáu xứ.

Sở tác nghiệp: do đạo lý nghịch thứ lớp duyên khởi từ danh sắc, thức, hành... tức ở nơi như vậy, kia không như thật rõ biết. Như ở nơi pháp trụ trí còn chưa thể hiểu rõ, hướng lúc như kia hiện quán để mà năng rõ biết khắp. Hoặc như tu đạo chưa rõ biết khắp, thì như vô học địa chưa năng siêu vượt.

Lại nữa, lược do 2 chủng minh xúc sanh khởi pháp, ở trong duyên sanh tất cả hành, nương lý tứ đế nhập vào hiện quán. Sao gọi là hai chủng? 1. Minh xúc sanh thọ do lãnh nạp sở duyên làm tánh; 2. Minh xúc sanh tuệ do chọn lựa sở duyên làm tánh. Nên biết trong đây ở nơi 11 chi an lập bốn đế, nương mỗi một chi đế đây kiến lập 44 sự, tức là nương minh xúc sanh các thọ, như vậy tuyên thuyết 44 chủng sự thọ sai biệt; tức là nương minh xúc sanh các tuệ, như vậy tuyên thuyết 44 chủng sự trí

sai biệt. Trong đây ở nơi hậu tế chỗ tạo tác lão tử chỉ là quả, chẳng phải nhân. Ở nơi tiền tế chỗ phát khởi vô minh chỉ là nhân, chẳng phải quả. Chi hữu còn lại cũng là nhân, cũng là quả. Vì ở nơi ba thời biến trí có sai biệt, vì quyết định biến trí có sai biệt như trước đã thuyết, vì pháp trụ trí nhiếp lấy năng thủ trí, tánh vô thường có sai biệt, nên biết kiến lập 77 chủng sự trí sai biệt. Như vậy hiển thị trải qua quán tất cả hành tướng các đế, từ đây không gián đoạn nhập đế hiện quán, dần dần tu tập cho đến thành tựu quả A-la-hán.

Lại nữa, do 3 chủng tướng ở nơi duyên sanh hành nên chánh rõ biết thứ lớp lưu chuyển. Những gì là ba? 1. Vì nhân tăng ích; 2. Vì quả sanh khởi; 3. Vì quả tích tập tăng trưởng. Tất cả như vậy lược nhiếp làm một gọi chung là các pháp hoặc tăng, hoặc sanh, hoặc tích tập; nương nhân quả diệt, như chỗ thích hợp gọi là hoặc giảm, hoặc diệt, hoặc chết. Như vậy đạo lý ý thú sai biệt không trái pháp tánh.

Lại có nghĩa riêng, đó là vì thời sơ, trung, hậu tế khác biệt; vì Dục, Sắc, Vô sắc giới sai biệt, như thứ lớp đây hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc sanh, hoặc

diệt, hoặc tập, hoặc chết phải chánh rõ biết.

Lại nữa, nên biết lược có 2 chủng tạp nhiễm:

1. Nghiệp ái tạp nhiễm; 2. Vọng kiến tạp nhiễm.

Hai tạp nhiễm đây nương 2 phẩm: 1. Phẩm tại gia;

2. Phẩm xuất gia. Nên biết trong đây chỗ tạo tác

ng nghiệp ái tạp nhiễm gọi là *tư* gây tạo. Vọng kiến

tạp nhiễm là do tà kế chấp sanh khởi, gọi là kế sở

chấp. Trong đây dị sanh hoặc phẩm tại gia, hoặc

phẩm xuất gia có đầy đủ cả hai tạp nhiễm. Do các

triền và tùy miên, cho nên nhân sở duyên kia ở

nơi bốn thức trụ khiến tâm sanh khởi các tạp nhiễm

rồi, chiêu tập hậu hữu tuần hoàn đến đi chẳng

được giải thoát.

Hàng hữu học thấy dấu vết đã vĩnh viễn đoạn

trừ vọng kiến tạp nhiễm, duy có ngã mạn nương xứ

tập khí vẫn còn sót thừa, mà không tạo nghiệp

mới, không vui hậu hữu nghiệp ái tạp nhiễm, không

có các triền năng khiến tạp nhiễm, chỉ có tùy

miên tương tục nương tựa năng khiến tạp nhiễm.

Nhân sở duyên kia ở nơi các thức trụ khiến tâm

tạp nhiễm, chiêu tập hậu hữu.

Hàng vô học thì hai chủng triền và tùy miên

đều vĩnh viễn đoạn, tức trong hiện pháp ở nơi các

thức trụ khiến tâm tạp nhiễm, cùng với đương lai chỗ chiêu tập hậu hữu, tất cả đều không.

Lại nữa, quá khứ chư Phật lúc làm Bồ-đát như lý tư duy pháp duyên khởi rồi, chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nay Bạc-Già-Phạm cũng ở nơi duyên khởi chánh tư duy rồi, chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Như quá khứ chư Phật đắc Bồ-đề, tức ở nơi duyên khởi tác ý duyên theo đạo lý thuận nghịch, phương tiện tùy tu hiện pháp lạc trú, đã trụ an lạc. Nay Bạc-Già-Phạm cũng lại như vậy. Kia tuy vô lượng, nhưng tương tự bảy kiếp của thế gian, nên chỉ thuyết bảy. Như vậy, Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề còn do như thật biết duyên khởi, nên chưa chứng năng chứng, chứng rồi thu được hiện pháp lạc trú, hướng chi những pháp thấp hơn thuộc sở hữu Bồ-đề mà không năng chứng sao? Lại như thật giác hết thấy duyên khởi nhiếp thọ năm chi, phương tiện đoạn nên biết như trước.

Nay lược chung nghĩa duyên khởi: Đó là nương phẩm chuyển có nhân các khổ. Lại nương phẩm hoàn có nhân sở hữu các pháp vô lậu. Lại có nhân khổ, nhân duyên các lậu. Lại chỗ nương tựa tánh các lậu kia từ vô minh xúc sanh các thọ. Lại pháp

có nhân, nhân duyên trụ lập, tức trong hiện pháp phiền não đoạn trừ, chỉ có nương duyên.

Lại nữa, vì chúng đặc *không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn*, nên tu tập thứ lớp 7 chủng thanh tịnh. Nên biết tuyên thuyết như vậy thuận theo ngôn giáo duyên khởi của tánh duyên thẳm sâu.

Sao gọi là 7 chủng thanh tịnh? 1. Giới thanh tịnh; 2. Tâm thanh tịnh; 3. Kiến thanh tịnh; 4. Vượt qua nghi thanh tịnh; 5. Trí kiến đạo, phi đạo thanh tịnh; 6. Trí kiến hành thanh tịnh; 7. Trí kiến hành đoạn thanh tịnh.

Sao gọi là tu tập thứ lớp thanh tịnh như vậy? Có Bí-sô an trụ đầy đủ giới, thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát, nói rộng nên biết như *Thanh văn địa*. Do vị kia đầy đủ giới như vậy, nên được không hối hận, nói rộng cho đến tâm được chánh định, dần dần cho đến đầy đủ an trụ Đệ tứ tĩnh lự. Vị kia đã thu được tâm định như vậy, dần dần cho đến chất trực điều nhu, an trụ không động chuyển. Vì chúng đặc lậu tận trí thông, tâm hướng đến định, ở nơi bốn Thánh đế chứng nhập hiện quán, đoạn trừ tất cả phiền não kiến sở đoạn, thu được chánh kiến hữu học vô lậu. Vì đã được chánh kiến, nên năng

ở nơi tất cả Khổ Tập Diệt Đạo và Phật Pháp Tăng vĩnh viễn đoạn trừ nghi hoặc. Do sẽ rất ráo đoạn trừ, vượt khỏi do dự, nên gọi là vượt qua nghi.

Lại ở nơi “đạo” lấy chánh kiến làm tiên hành, như thật rõ biết đó là chánh đạo, do đây năng đoạn kiến sở đoạn, sau đoạn hoặc tu sở đoạn. Lại ở nơi “phi đạo” lấy tà kiến làm tiên hành, như thật rõ biết đó là tà đạo. Ở nơi đạo, phi đạo đây đã được khéo léo, nên xa lìa phi đạo, đạo nơi chánh đạo.

Lại ở nơi 4 chủng dấu vết hành đạo như thật rõ biết. Những gì là bốn? 1. Khổ chậm chạp thông; 2. Khổ nhanh chóng thông; 3. Lạc chậm chạp thông; 4. Lạc nhanh chóng thông. Dấu vết hành như vậy đã biện rộng như phần *Thanh văn địa*.

Ở nơi dấu vết hành đây, như thật rõ biết dấu vết hành thứ nhất nên đoạn tất cả, vì nghĩa vượt qua, chẳng phải do nghĩa lìa hệ buộc phiền não. Như thật rõ biết dấu vết hành khổ nhanh chóng thứ hai và dấu vết hành lạc chậm chạp thứ ba, hai chủng dấu vết hành nên đoạn một phần. Như vậy, như thật rõ biết chủng thứ nhất nên đoạn hoàn toàn và hai, ba nên đoạn một phần rồi, nương “lạc nhanh chóng thông” chánh siêng tu tập. Từ đây

không gián đoạn vĩnh viễn tận các lậu, ở trong hiện pháp thu được không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn. Thân hoại rồi về sau chúng Vô dư y Bát-niết-bàn giới.

Như vậy lấy 7 chủng thanh tịnh làm chỗ nương, tu tập thứ lớp cho đến thu được các lậu vĩnh viễn tận, không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn. Trong đây nên biết, bảy chủng thanh tịnh như vậy phải thứ lớp tu tập đầy đủ tất cả mới chúng đắc không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn, chẳng thể tùy khuyết một chủng. Cho nên phải siêng cầu tất cả như vậy, ở nơi Thế Tôn tu thành thực tất cả phạm hạnh, chẳng phải chỉ cầu một.

Lại, Phật Thế Tôn do nhân duyên đây cũng thi thiết đầy đủ tất cả như vậy, vì khiến chúng đắc không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn, chẳng thể xả bỏ dẫu chỉ một chủng.

Lại, ở trong đây nương mỗi một mà thuyết, không phải chỉ do đây, cũng không phải lìa đây mà năng hoạch đắc không tạo tác, cứu cánh Niết-bàn. Nên biết duyên khởi của tánh duyên thâm sâu như vậy.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*An lập cùng nhân duyên
Quán sát nơi nghĩa thực
Rất nhiều các quá hoạn
Tập nhiệm thấy đi sau.*

Ở trong hiện pháp có 4 chủng pháp cần yếu năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Sao gọi là bốn? 1. Khí lực; 2. Hỷ lạc; 3. Ở nơi cảnh khả ái, chuyên chú hy vọng; 4. Khí lực, hỷ lạc, chuyên chú hy vọng làm chỗ nương cho căn đại chủng, bao gồm thọ mạng, hơi ấm, khiến các căn an trụ không bị hư hoại.

Bốn pháp như vậy tùy theo thứ tự nên biết riêng lấy bốn pháp làm thức ăn (thực): 1. Đoạn; 2. Xúc thuận thọ lạc; 3. Hữu lậu ý hội tư; 4. Thức năng chấp thọ các căn đại chủng.

Nên biết trong đây đoạn năng làm thức ăn cho khí lực hiện pháp. Do khí lực nên năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Các xúc hữu lậu 'thuận thọ lạc năng làm thức ăn cho hỷ lạc. Do hỷ lạc nên trưởng dưỡng các căn đại chủng. Nếu tại ý địa năng gặp cảnh tư duy, gọi là ý hội tư. Ý hội tư năng làm thức ăn của chuyên chú hy vọng nơi tất cả

cảnh khả ái. Do chuyên chú hy vọng nên năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Do thức năng chấp thọ giữ gìn các căn đại chủng, khiến các căn đại chủng kia, bao gồm thọ mạng, hơi ấm và thức không lìa thân làm nhân mà được trụ, cho nên nói thức là nhân khiến kia trụ. Do kia trụ nên khí lực, hỷ lạc, chuyên chú hy vọng nương kia mà chuyển. Như vậy bốn thực năng khiến hữu tình đã sanh được tồn tại.

Lại do đoạn mà có khí lực, vì có khí lực nên các căn đại chủng đều được tăng trưởng. Do nhân duyên đây, ngu phu có sự luyến tiếc thân mạng, cũng do nghĩa đây nên có sự truy cầu. Vào lúc truy cầu, tạo tác chủng chủng nghiệp thiện ác mới, cũng lại khiến nghiệp kia tăng trưởng, cũng lại năng tăng trưởng chủng chủng phiền não. Như đã thuyết ở nơi đoạn, thì ở nơi xúc và ý hội tư tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Do ba môn đây năng huân tập thức, nghiệp, phiền não hậu hữu. Vì ở hiện pháp đây có nghiệp phiền não đuổi theo nên thành hữu thủ đây, liền năng nhiếp thọ hậu hữu đương lai. Bốn chủng thực như vậy khiến cầu hậu hữu, vui thích hậu hữu. Ở nơi hậu hữu đây mà chưa

năng đoạn, tức là năng nhiếp hậu hữu, khắp nhiếp hậu hữu, tùy nhiếp hậu hữu.

Lại, các đoạn thực ở trời Dục giới gọi là tế, hoặc ở xứ trung hữu, thai mẹ, nắp trong vô trứng nên biết cũng vậy. Ở xứ Dục giới khác, đoạn thực gọi thô. Xúc, ý hội tư và thức thực ở Vô sắc giới nên biết gọi là tế, xứ khác gọi là thô. Vì cố sao? Vì có sắc làm chỗ nương nên dễ phân biệt, vì không sắc làm chỗ nương thì khó phân biệt.

Lại các thực đây có nghĩa môn thô tế khác nhau. Đó là nếu năng khiến hữu tình đã sanh được tồn tại, thì gọi là thô. Nhiếp ích đối với các hữu tình cầu hữu, nên biết là tế. Như vậy nên biết an lập bốn thực.

Lại nữa, như trên đã thuyết các căn đại chủng do tập đế nhiếp, trước tiên do ái mà sanh. Vì muốn khiến kia được tăng trưởng nên truy cầu bốn thực. Do đạo lý đây, hữu tình đã sanh tuy do bốn thực mà được tồn tại, nhưng gốc nương nhờ ái làm duyên nên có.

Lại có ái đây nên ở trong hiện pháp thân nương các thực. Do ba chủng môn nuôi dưỡng tăng trưởng nghiệp hoặc, năng biện nghiệp hoặc, thường

đuổi theo thức hữu thủ, ở trong hiện pháp nhiếp thọ hậu hữu. Cho nên tất cả hữu tình cầu hữu tuy được sự nhiếp ích của bốn chủng thực, nhưng lại nương nhờ ái làm duyên nên có.

Lại tức ái đây ở trong hiện pháp do vô minh xúc sanh các thọ làm duyên nên được khởi. Vô minh xúc sanh các thọ đây do vô minh xúc làm duyên nên được khởi. Vô minh xúc đây do trước thường xuyên tập các vô minh giới đuổi theo sáu xứ làm duyên, nên được khởi. Sáu xứ đây về sau lại không có nhân khác, ở trong hiện pháp chỉ có sáu xứ đây nương nhau triển chuyển. Các căn hữu sắc nương nơi thức, thức cũng nương thức chấp thọ giữ gìn các căn hữu sắc. Do nhân duyên đây sáu xứ về sau không nói trở lại.

Nếu lại có người lắng nghe chánh pháp làm ngoại lực, như lý tác ý chánh siêng tu tập làm nội lực, do nhân duyên đây sanh khởi chánh kiến. Chánh kiến sanh khởi nên năng đoạn diệt vô minh, năng sanh minh. Người kia ở trong hiện pháp các vô minh giới đuổi theo sáu xứ đều được trừ diệt. Minh giới đuổi theo sáu xứ được sanh, gọi là chuyển y. Phẩm thô trọng kia đều dừng dứt, sáu xứ đã

diệt, dần dần cho đến ái cũng diệt theo. Do ái diệt, nên các thực cũng diệt. Các pháp năng thủ hậu hữu diệt, nên biết hậu hữu cũng lại tùy diệt. Cho nên biết người ở xứ minh đây không cầu hậu hữu.

Lại nữa, không có chút pháp sanh rồi tồn tại, cũng không có ngã năng thực sở thực. Do nhân duyên đây, kia nào gọi là thực? Nhưng chỉ trong phạm vi cùng các pháp chưa sanh lập nên lý duyên sanh, chỉ là pháp dẫn pháp, nói là nghĩa thực. Chỉ do giả pháp, ở nơi thức trên giả tưởng thì triết bổ-đặc-già-la so với bốn thực đây thuyết là người thực. Vì muốn tùy thuận ngôn thuyết thế gian, trong phạm vi thế tục để nói có bổ-đặc-già-la như vậy năng thực bốn thực; không phải trong phạm vi thắng nghĩa. Vì có sao? Nếu nói có thức sanh rồi an trụ, thế là chân thật bổ-đặc-già-la gọi là kẻ năng thực, thì không nên lập thức là tánh thực ấy, chưa từng thấy có bổ-đặc-già-la hoàn tự năng thực bổ-đặc-già-la. Trong một tương tục, quyết định không có hai thức đồng thời an trụ. Cho nên lập thức, thế là chân thật bổ-đặc-già-la là kẻ năng thực, thì không đúng đạo lý. Do không đúng lý như vậy, nếu có người hỏi: “Ai thực thức thực?”, nên

biết hỏi đây là hỏi phi lý. Nếu hỏi: “Gì là nhân duyên năng thực thức thực?”, nên biết hỏi đây là hỏi như lý, vì năng khiến nhập vào lý duyên khởi.

Lại nữa, có 2 hữu: sanh hữu và nghiệp hữu. Nếu là đương lai hậu hữu sanh khởi, thì nay trong hiện pháp các nghiệp phiền não đuổi theo thức làm nhân năng dẫn sanh hữu đương lai, tức kia từng có tánh nghiệp làm hành dẫn đầu, gọi là nghiệp hữu. Vì ở trong hiện pháp lại có hữu đây, nên khiến đương lai sanh hữu nhiếp lấy hậu hữu sanh khởi. Vào lúc mạng chung, sáu xứ tiền tế vừa mới vô thường diệt, sáu xứ hậu tế liền tiếp nối sanh. Tức sáu xứ đây, ở thời trước thức là duyên năng dẫn, lại ở thời nay là duyên kết sanh. Như vậy do thức nhập thai mẹ, nên được có danh sắc. Danh sắc làm duyên liền có sáu xứ. Do vô minh giới đuổi theo sáu xứ lấy làm duyên, nên có tương tự xúc, thứ lớp cho đến vì thủ làm duyên khiến hậu tế nghiệp chuyển thành hữu ấy. Như vậy, các pháp trước chưa từng có, tất cả mới từ duyên riêng biệt mà sanh khởi. Nên biết trong đây đều không xúc giả cho đến hữu giả năng có sở xúc cho đến có hữu. Chỉ có các pháp riêng gọi là sở thực, riêng gọi là

năng thực. Cho nên nhân quả rơi trong các hành tương tục lưu chuyển không diệt dứt. Do tiền tế nghiệp hữu đi đến các cõi, hậu tế sanh hữu. Lại do hậu tế nghiệp hữu trở lại các cõi, tiền tế sanh hữu. Như vậy duyên khởi luân hồi chẳng dứt, từ thế gian này đến thế gian kia, từ thế gian kia trở lại thế gian này. Cho nên chỉ có nghĩa “pháp năng dẫn pháp”, nên biết trong đây gọi là nghĩa “thực”.

Lại nữa, 3 thực làm nhân năng khiến 3 chủng khổ bên trong sanh khởi: 1. Bệnh khổ phát khởi do giới trong thân không điều hòa; 2. Khổ do mong muốn hy cầu; 3. Khổ do cầu mà không được đầy đủ. Khổ thứ nhất, đoạn thực làm nhân. Khổ thứ hai, xúc thực làm nhân. Khổ thứ ba, ý hội tư thực làm nhân.

Đoạn thực làm nhân duyên năng sanh bệnh khổ bên trong, cho nên Bí-sô phải quán đoạn thực tưởng như ăn thịt con, không nên tham trước.

Xúc tùy thuận thọ lạc thực làm nhân duyên năng sanh khổ bên trong do mong muốn hy cầu, cho nên Bí-sô phải quán sáu chủng xúc xứ thuận kia như trâu không da. Nên khởi quán đây: “Nếu ta nương nơi sáu chủng xúc xứ, phát khởi chủng chủng

tham mong muốn hy cầu, tức là trụ nương các sắc. Vì nương sắc khiến ta phát khởi chủng chủng tâm tư các ác bất thiện. Như trâu không da mà bị các trùng cắn rứt, sanh nhiều thứ khổ, trụ không an ổn”. Quán như vậy rồi, ở nơi xúc xứ ban đầu thấy sâu quá hoạn mà an trụ vô nhiễm. Như nương nơi sắc, thì nương thanh, hương, vị, xúc, pháp nên biết cũng vậy. Như với xúc xứ ban đầu thấy sâu quá hoạn mà trụ vô nhiễm, cho đến ở nơi xúc xứ thứ sáu nên biết cũng vậy.

Hữu lậu ý hội tư thực làm nhân duyên năng sanh khổ bên trong do cầu mà không được đầy đủ, cho nên Bí-sô phải quán hữu lậu ý hội tư thực như lửa cháy. Quán sát như vậy: “Sự mong cầu không được đầy đủ năng dẫn thân tâm nhiệt nã lớn”. Người kia chánh quán sát như vậy rồi, trọn không mong muốn vì nương sự thực... mà đi đến nhà người, cho nên không chạm phải khổ phát sanh do sự mong cầu không được đầy đủ, tâm đây thản nhiên trụ nơi an lạc. Do nhân duyên đây nên chánh quán sát như thế đối với ba thực, chỗ gọi là đoạn thực, xúc thực, ý hội tư thực.

Tức ba thực như vậy làm nhân duyên khiến

phát sanh khổ bên trong là do nường thức, cho nên Bí-sô phải quán thức thực như ba trăm mũi nhọn đâm. Vì có sao? Đoạn thực làm nhân duyên năng khiến chẳng phải một chủng, mà nhiều phẩm loại bệnh khổ nường thức sanh khởi. Xúc thuận theo thọ lạc thực làm nhân duyên năng khiến tăng bội khổ, do mong muốn hy cầu nường thức sanh khởi. Hữu lậu ý hội tư thực làm nhân duyên năng khiến khổ do chủng chủng cầu mà chẳng được đầy đủ, nường thức sanh khởi. Người hành như vậy ở trong thức thực chân chánh quán thấy “các thực lầy thức làm chỗ nường phát sanh nhiều quá hoạn”, do nhân duyên đây không luyến tiếc thân mạng. Như vậy đối với bốn chủng thực như lý chánh quán sát sâu. Do quán sát sâu làm chỗ nường, năng ở hiện pháp vĩnh viễn đoạn các thực. Vì thực vĩnh viễn đoạn, nên thấy đến gần mé khổ hậu hữu đương lai.

Lại nữa, nếu chẳng như thật quán bốn thực đây, liền bị nhiễm ô của hỷ và tham. Nếu bị hai sự nhiễm ô đây, nên biết gọi mời hai chủng quá hoạn đương lai và hiện pháp.

Ở trong bốn thực, thì hữu lậu ý hội tư thực là nhân duyên khiến chuyên chú hy vọng đồng hành

hỷ nhiễm, gọi là hỷ. Xúc tùy thuận thọ lạc thực là nhân duyên, ở nơi năng thuận theo vui thích các thực sanh nhiều nhiễm trước, gọi là tham. Hai phiền não đây ở trong hiện pháp năng nhiễm nơi thức, khiến an dừng bốn chủng thức trụ, tăng trưởng chủng tử hậu hữu đương lai. Đã tăng trưởng rồi, sanh khởi các khổ hậu hữu như sanh... Nên biết đây gọi là hai chủng phiền não hỷ và tham gây ra quá hoạn đương lai.

Do người kia ở trong bốn thực như vậy an trụ hai chủng phiền não hỷ và tham, liền ở hiện pháp có sự nhiễm trần. Do nhiễm trần, nên lúc thực biến hoại, ở trong hiện pháp liền sanh bi thán, sầu ưu, phiền muộn. Nên biết đây gọi là hai chủng phiền não hỷ tham gây ra quá hoạn hiện pháp.

Lại nữa, những người ở trong bốn chủng thức đây chưa đoạn hỷ tham, sáu xứ kia nhiếp lấy thân hữu thức, giống như trên đài cao nhìn qua sáu khung cửa mở, ánh sáng năng cùng duyên cảnh phiền não chiếu vào. Ánh sáng ở đây hoặc trụ địa trên, hoặc trụ địa dưới. Đã được trụ rồi, như trước đã thuyết ở nơi bốn chủng thức trụ năng nhiễm nơi thức sanh khởi các khổ hậu hữu đương lai. Nếu

có người năng đoạn hai chủng phiền não hỷ tham như vậy, trái với kia, duyên cảnh phiền não còn chẳng được khởi, huống nương đây nhập được mà trụ vững.

Lại nữa, nếu có bồ-đặc-già-la chưa đoạn hỷ tham, liền bị ma tìm đến dụng chủng chủng cảnh giới mỹ diệu giống như hình sắc mà tô vẽ bồ-đặc-già-la như vậy, khiến đây biến đổi hiển hiện chủng chủng tướng mạo phiền não. Nên biết bồ-đặc-già-la chưa đoạn hỷ tham như vậy giống như đất, năng bị chủng chủng màu sắc phiền não đã tô vẽ làm chỗ nương tựa. Bồ-đặc-già-la đã đoạn hỷ tham, ma đến chỗ này như trước nói rộng. Nên biết bồ-đặc-già-la đã đoạn hỷ tham như vậy giống như hư không, chẳng bị chủng chủng màu sắc phiền não đã tô vẽ làm chỗ nương tựa. Nên biết gọi là ở trong các thực hỷ tham chưa đoạn, như thứ lớp ấy có các quá hoạn. Nên biết bồ-đặc-già-la ở trong các thực hỷ tham đã đoạn, như thứ lớp ấy có các lợi ích thù thắng.

Quyển 95

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ

DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH

Phần 3

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

Như lý, tập đế nhiếp

Đắc, tướng, chỗ nương, nghiệp

Chướng, lỗi, dị thực hắc...

Nghĩa lớn, khó được theo sau.

Nếu ở nơi đế trí hoặc như lý tăng thượng, hoặc không như lý tăng thượng, mà không như thật biết, thì không thể tận các lậu. Trái với tướng đây tức như thật biết, nên năng tận các lậu. Trong đây nên biết các trí phát khởi do nghe pháp bất chánh, không vì tịch tĩnh, không vì tự điều phục, không vì cầu Niết-bàn, gọi là không như lý. Lắng nghe chánh pháp và trái tướng trên nên biết gọi là như lý.

Lại, ở trong đây bổ-đặc-già-la trụ pháp ác

thuyết, ở nơi chánh pháp Phật, đệ tử Phật chân thiện tượng phu mà không vui chiêm ngưỡng. Ở nơi luật nghi giới Biệt giải thoát, mật hộ căn môn, an trụ chánh biết... trong pháp Thánh hiền mà không tự điều phục, không triển chuyển lãnh thọ tu học. Ở nơi các Thánh đế không văn tư tu, không tự chiếu soi thông đạt.

Lại kia ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, nghe pháp bất chánh khởi tà tin hiểu, ở nơi chẳng như lý mà sanh khởi điên đảo vọng tưởng như lý, ở nơi chẳng như lý mà không như thật biết là chẳng như lý. Lại ở nơi việc lắng nghe chánh pháp như lý mà không như thật biết là như lý. Do không biết nên ở trong pháp ác thuyết, ác hiểu, trói buộc, không giải thoát, điên đảo... không nên tư duy, vì không thể hiểu rõ nên cố tư duy. Ở trong pháp thiện thuyết, thiện hiểu, giải thoát, không trói buộc, không điên đảo, chỗ gọi là Khế kinh, Ứng tụng... cho đến nói rộng phải nên tư duy, vì không thể hiểu rõ nên lại không tư duy. Như vậy cũng gọi là không như lý tác ý. Do tác ý đây không vì tự điều phục, không vì tịch tịnh, không vì Niết-bàn, nên gọi là phi lý.

Lại kể kia vì lắng nghe pháp bất chánh, nên lực nương duyên ba sự ngôn tăng thượng, hiển thị phẩm loại kế chấp ngã quá khứ, vị lai, hiện tại. Do lực tăng thượng như vậy, nên ở nơi cảnh ba đời khởi không như lý tác ý tư duy, đó là ở quá khứ phân biệt kế chấp ngã hoặc có, hoặc không; ở vị lai, hiện tại nên biết cũng vậy. Kia đã không như chánh lý tác ý tư duy, hoặc duyên sở thủ sự, hoặc duyên năng thủ sự. Không như lý tác ý tư duy đây, hoặc ở nơi các hành phân biệt có ngã, hoặc là các hành phân biệt có ngã.

- Ở nơi các hành phân biệt có ngã: Khi người kia ở nơi sự kế chấp đã xác quyết, nếu duyên sở thủ sự phân biệt làm ngã thì phân làm hai kiến. Hoặc thành thường kiến, do kiến đây nên khởi tư duy: “Ta có ngã, ở trong hiện pháp là thật, là thường”. Hoặc thành đoạn kiến, do kiến đây nên khởi tư duy: “Ta không có ngã, ở trong hiện pháp là thật, là thường”.

Nếu duyên năng thủ sự kế chấp có ngã kiến, phân biệt làm ngã, khởi tư duy: “Ta nay lấy ngã quán sát nơi ngã”; hoặc cho là ngã, ngã ấy trước có nay không, nên khởi tư duy: “Ta nay lấy ngã quán sát vô ngã”.

Nếu lại duyên năng thủ sự kế chấp vô ngã kiến, ở trong hiện pháp lấy vô ngã đây phân biệt làm ngã, khởi tư duy: “Ta nay lấy vô ngã đây tùy quán xưa từng có ngã”.

Như vậy vừa thuyết năm tướng sở thủ, năng thủ sai biệt, không như chánh lý tác ý tư duy năm chủng kiến xứ, tức là chỗ có các hành ba đời phân biệt có ngã.

- Lìa các hành phân biệt có ngã: Kẻ kia ở nơi không như chánh lý, so lường tác ý “lìa các hành phân biệt có ngã”. Chỗ kế chấp thật ngã của kẻ kia như vậy, đó là: hoặc tự mình năng tạo làm cảm nghiệp hậu hữu, gọi là năng tác giả; hoặc người khác khiến tạo làm, gọi là đẳng tác giả; hoặc tự mình năng khởi sĩ dụng hiện pháp, gọi là năng khởi giả; hoặc người khác khiến khởi, gọi là đẳng khởi giả; hoặc vì tự mình tạo tác nghiệp hậu hữu, hoặc vì người khác khiến tạo tác nghiệp hậu hữu, nên cảm quả dị thực, gọi là năng sanh giả; hoặc tự mình năng khởi sĩ dụng hiện pháp, hoặc người khởi hết thấy sĩ dụng hiện pháp, nên có được quả sĩ dụng, gọi là đẳng sanh giả; hoặc do tự kiến, hoặc do tha kiến mà tùy khởi ngôn thuyết như vậy, hoặc

do tự mình nghe hiểu biết, hoặc do người khác mà nghe hiểu biết, nên tùy khởi ngôn thuyết, gọi là năng thuyết giả; hoặc đối với thân bằng quyến thuộc tùy nghi dẫn dạy khiến trụ xứ đây, như vậy cũng gọi là năng thuyết giả; hoặc lại đương lai quả nghiệp đã sanh, gọi là năng thọ giả; hoặc ở hiện pháp các quả sĩ phu đã hiện sanh, gọi là đẳng thọ giả; hoặc ở trong quá khứ, trong những kiếp về trước, kia tạo tác chủng chủng nghiệp thiện hoặc bất thiện, nay ở hiện pháp lãnh thọ chủng chủng quả dị thực, gọi là lãnh thọ giả. Hoặc cho đến thọ lượng giảm tận mà bị chết yếu, năng xả uẩn đây, năng tiếp nối uẩn khác. Nếu khác đây tức đã không có ngã, có sao được thành các việc tạo tác như trên đã thuyết? Đây gọi là không như chánh lý tác ý tư duy nhiếp lấy kiến xứ thứ sáu.

Như vậy các kiến vừa thuyết trên đều lấy thân kiến làm tự tánh mà năng sanh khởi. Hơn nữa, chỗ có các kiến thú lấy thân kiến làm căn bản, nên gọi là kiến xứ. Do năng chướng ngại tuệ năng thủ chân thật vi diệu, nên gọi là kiến rừng rậm. Tổn thiện pháp nên gọi là kiến đồng trống. Lao nhọc vất vả nên gọi là kiến nhàm chán trái lìa. Sở

hành trái qua cầu đục, cầu hữu, nên gọi là kiến trái qua hành. Hỏi vạn luận người, tránh khỏi những điều đã luận, bị dao động, nên gọi là kiến dao động. Năng khéo xâu kết hậu hữu khổ nên gọi là kiến kết. Tập hành các tà hạnh như vậy, ở trong hiện pháp các lậu chưa hiện tiền khiến khởi hiện tiền; đã hiện tiền rồi, khiến nương phẩm hạ mà khởi lậu phẩm trung, khiến nương phẩm trung mà khởi lậu phẩm thượng. Do đây làm nhân sanh khởi pháp khổ lão bệnh tử... đương lai.

Như vậy nên biết do ở nơi như lý và không như lý mà không như thật biết, nên tạo tác khổ đế, tập đế tạp nhiễm. Trái với tướng đây tức là lắng nghe chánh pháp khởi chánh thắng giải. Ở nơi như lý đây, không vọng tưởng điên đảo là không như lý. Ở nơi như lý đây, như thật rõ biết là như lý; nói rộng cho đến ở nơi pháp nên tư duy không điên đảo, thì năng chánh tư duy. Do nhân duyên đây, ở nơi hành ba đời bao gồm sở thủ cùng với năng thủ như thật tùy quán không ngã, ngã sở, nên ở nơi Thánh đế lúc nhập hiện quán, ở nơi các lậu kiến sở đoạn đều được giải thoát. Thành tựu việc đây rồi, ở nơi các lậu tu đạo sở đoạn cao hơn,

vì khiến vĩnh viễn đoạn diệt không sót thừa, nên tinh cần tu tập 4 chủng nhân duyên. Những gì là bốn? 1. Vì khéo hộ thân; 2. Vì khéo giữ gìn căn; 3. Vì khéo trụ niệm; 4. Vì đã thấu đạt thế gian, nhiều tu tập *diệu tuệ vượt khỏi, tận diệt*, khéo tu tập đạo xuất thế gian như trước đã đạt được.

Khéo hộ thân: là chánh an trú tránh xa voi ác... cho đến nói rộng như trong *Thanh văn địa*. Do tránh xa nên đối với việc tu tập tận các lậu không bị chướng ngại.

Khéo giữ gìn căn: ở nơi các cảnh giới khả ái hiện tiền chánh an trụ. Nếu có cảnh giới tương tịnh diệu phi lý hiện tiền, năng chân chánh xa lìa, như lý tư duy tương bất tịnh kia.

Khéo trụ niệm: tức là trụ 4 điều: 1. An trụ tư duy chọn lựa trong việc thọ dụng y phục...; 2. Ở chốn tịch tĩnh, an trụ năng chánh trừ khiến các ác tâm tư hiện hành; 3. An trụ năng chánh nhẫn thọ, phát siêng tinh tấn vượt qua hết thấy khổ phát sanh do mỗi nhọc, do ác bất chánh rỉ lậu, khổ do lời thô ác của người, khổ do các giới trong thân không điều hòa; 4. An trụ ở nơi tu đạo, nương không phóng dật, không chung sống hỗn tạp. Do

chánh an trụ 4 điều như vậy, gọi là khéo trụ niệm.

Như vậy vị kia vì khéo hộ thân, vì khéo giữ gìn căn, vì khéo trụ niệm, vì khéo tu tập đạo xuất thế gian như trước đã đăc, nên các lậu tu sở đoạn đều năng giải thoát và tùy chúng đăc tối cực cứu cánh.

Lại nữa, nếu có người nói rằng: “Bốn Thánh đế đây chỉ là cảnh giới hoặc có ngã, hoặc có hữu tình duyên thánh đế đây tu các thiện pháp”. Nên bảo kia rằng: “Chớ tác thuyết như vậy. Vì có sao? Có vô lượng thiện pháp thế, xuất thế sanh khởi, tất cả đều quy về nhiếp vào bốn Thánh đế”. Nên biết các pháp lược có hai chủng: 1. Trí năng tri; 2. Cảnh sở tri.

Trí năng tri đây cũng là cảnh sở tri, cho nên các trí đồng hành thiện pháp không gì chẵn; nhiếp trong bốn Thánh đế. Vị kia tiếp tục tu tập tuần thân niệm, tu tập phẩm Quán, phẩm Chỉ và sở hữu thiện pháp của hai phẩm đây; ban đầu *Tu trị nghiệp địa*, sau *Đã tác biện địa* được sanh khởi.

- Sao gọi là tu tuần thân niệm? Hoặc có người ban đầu an trụ *Tu trị nghiệp địa*, như lý duyên theo hoặc nội hoặc ngoại các đại chủng sắc làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại do hành động yêu thích và

không yêu thích của người, nên lúc tăng ngữ xúc và hữu đối xúc hiện hành, như lý duyên theo xúc, thọ, tưởng, hành cùng với các thức làm cảnh chánh niệm.

Hoặc nếu có người trụ *Đã tác biện địa*, như lý duyên theo các sắc sở tạo làm cảnh chánh niệm. Hoặc lại tác ý như lý duyên theo cùng chỗ sanh khởi thọ, tưởng, hành, thức làm cảnh chánh niệm.

Như vậy tất cả lược nhiếp gọi là tu tuần thân niệm. Nên biết niệm đây hoặc duyên sắc thân, hoặc duyên danh thân.

- Sao gọi là Quán? Sao gọi là sanh khởi thiện pháp phẩm Quán? Ở nơi nội ngoại các đại chủng sắc và uẩn khác, tuệ chánh quyết định chọn lựa, gọi là Quán. Nếu có người từ đầu tu tập không diên đảo phân tách tụ tưởng, nơi ngoại đại chủng do quán kiếp tận, tu tưởng vô thường; nơi nội đại chủng hợp thành thân, do quán “chỉ có thực dần dần chuyển hóa thành các bất tịnh”, tu tưởng bất tịnh. Do quán bắt đầu từ ái sanh trưởng tánh, cùng với pháp tánh hậu tế lão tử, tu tưởng vô thường cùng với tướng khổ. Hoặc ở nơi thân đây, tất cả ngu phu vì không như thật rõ biết thể đây là vô thường khổ, cho nên hoặc chấp là ngã, hoặc chấp là ngã sở.

Ở nơi thân đây, các Thánh đệ tử đầy đủ đa văn vì như thật rõ biết nên không có sở chấp, tức là năng tu tướng khổ vô ngã. Tướng vô ngã đây, tức đối với thân này chỉ có tướng giới. Vì có tướng đây, nếu chạm phải hành động yêu thích và không yêu thích của người, liền có tăng ngũ xúc và hữu đối xúc hiện hành. Nói không yêu thích tức là dùng tay, chân, dao gậy... xúc chạm, kia tức ở nơi đây và đây làm duyên phát sanh thọ. Các hành vô sắc thì chánh quán vô thường tức là ái, là khuể. Vì chỉ quán có giới, nên tâm duyên thân đây mà được trụ yên ổn, như thế cũng gọi là xa lìa ngu si. Như vậy chỗ có phân tách các tướng, ở nơi ngoại đại chủng tu tướng vô thường; ở nơi nội đại chủng tu tướng bất tịnh, hoặc tướng vô thường, tướng vô thường khổ, tướng khổ vô ngã; ở nơi sự sanh khởi các pháp như thọ... nương đại chủng thân tu tướng vô thường, là tham sân si. Như vậy vô lượng thiện pháp phẩm Quán, ban đầu *Tu trì nghiệp địa* do chánh tu tập tuần thân niệm, nên đều được sanh khởi.

- Sao gọi là Chỉ? Sao gọi là sanh khởi. thiện pháp phẩm Chỉ? Do tu tập tuần thân niệm, nên lấy Quán làm nương, như lý tu Chỉ. Lại, nói Chỉ tức

là ở bên trong chánh an trụ tâm.

Thiền pháp phẩm Chỉ: là được lực chánh tư duy chọn lựa duyên theo như vậy, dụ như cửa, dạy trao Sa-môn đối với kẻ oan gia phải chánh tu nhẫn nhục, lại ngay duyên kia tu từ không điên đảo. Do sự nhiếp thọ của nhẫn từ, nên giới được thanh tịnh. Quán giới tịnh nên khởi tư duy đây: “Nay ta đã thực hành thánh giáo vi diệu của bậc Đại sư”, do nhân duyên đây không ưu buồn hối hận. Do không ưu buồn hối hận nên sanh hoan hỷ rộng lớn, nói rộng cho đến đắc tam-ma-địa. Vị kia lúc bấy giờ do tâm định tĩnh cho đến thành tựu Đệ tứ tĩnh lực. Vì ở nơi tam-ma-địa đây còn hành câu chấp, nên chưa thể chuyển vận Chỉ Quán song song mà không cần dụng công, chưa khéo thanh tịnh. Vì khiến khéo thanh tịnh, nên tu bốn chi nhiếp lấy hành không phóng dật như trước đã thuyết, phát siêng tinh tấn không khiếm nhược, cho đến nói rộng. Về sau, lúc người kia ở nơi Đệ tứ tĩnh lực được thanh tịnh sáng sủa, nếu lại bị ái vị tĩnh định trôi nổi chuyển nơi tâm, không thể ở nơi định kia mà trụ chánh xả, cũng không thể ở nơi diệt Niết-bàn mà trụ quán tịch tĩnh. Vị kia liền

nương hoặc Phật, hoặc Pháp, hoặc Tăng mà sanh sâu hổ thẹn, khởi nghĩ như vậy: “Ta phải nương Phật bảo là Như Lai đại sư, nương Pháp bảo là pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, nương Tăng bảo là tu tập thiện hạnh không điên đảo. Thực hành như thế không sợ đắc, chẳng được có sợ đắc. Nếu ở nơi thân mà trụ yêu thích nhiếp dưỡng, ở nơi diệt Niết-bàn không quán tịch tĩnh, tức là chạm đến ác, chẳng phải thành tựu thiện”. Do vị kia nội tâm khéo điều nhu, nên vừa chớm sanh nhằm chán liền năng an trụ dẫn nghĩa Sa-môn bình đẳng diệu xả, ở nơi diệt Niết-bàn năng quán tịch tĩnh. Như vậy gọi là sanh khởi thiện pháp phẩm Chỉ, bắt đầu từ nhẫn từ, giới thanh tịnh, hoan hỷ không hối hận, nói rộng cho đến đắc tam-ma-địa, bốn chi nhiếp lấy hành không phóng dật, dẫn nghĩa Sa-môn bình đẳng khéo xả, quán công đức tịch tĩnh của diệt Niết-bàn. Người kia lúc bấy giờ do 2 nhân duyên có nhiều sự thực hành: 1. Do diệu tuệ, ở nơi điều Đại sư dạy khiến tận các lậu, năng tịnh tu trị Đệ tứ tĩnh lự; 2. Do ở nơi thân tâm tăng thượng xả. Ngang đây gọi là ban đầu *Tu trì nghiệp địa* thành tựu viên mãn rốt ráo. Từ đây về sau, đối với điều

đã tu tập không sanh vui đủ, vì muốn kể đây thú nhập *Đã tác biện địa* nên tu tuần thân niệm, quán sắc thân tạo ra như cỏ cây trong bùn, cùng phát khởi pháp vô sắc khác, dùng tuệ như thật thông đạt duyên khởi, năng tùy thú nhập đế trí như thật. Đã được nhập rồi, nương tu đạo cao hơn, ở nơi cảnh giới các căn quá khứ, vị lai, hiện tại năng khởi nhằm chán họa hoạn cho đến giải thoát, năng như thật biết ta đã giải thoát. Như vậy gọi là “*Đã tác biện địa*”. Tu tuần thân niệm sanh khởi thiện pháp, đó là quán tưởng sắc thân như cỏ cây trong bùn; như thế quán sát các pháp vô sắc, diệu tuệ chân thật thông đạt duyên khởi, năng tùy thú nhập bốn Thánh đế trí. Ở trong tu đạo năng khởi nhằm chán họa hoạn, ly dục giải thoát, giải thoát tri kiến. Ngang đây gọi là đối với lời dạy của Đại sư dùng diệu tuệ làm các việc nên làm, các việc cần làm đều đã làm xong. Vì cơ sao? Vì tất cả tự nghĩa đều đã đến rốt ráo, từ đây về sau không lại làm nữa, chẳng phải ở nơi việc đã làm mà trở lại tu phân biệt. Nếu việc cần làm đã làm xong mà lúc khác thối thất phải làm trở lại, thì việc làm đây tuy làm mà chẳng phải rốt ráo làm, như các di

sanh dụng đạo thế gian mà được giải thoát. Trong đây hoặc ban đầu sở hữu thiện pháp hữu lậu của *Tu tri nghiệp địa*, hoặc về sau sở hữu thiện pháp vô lậu *Đã tác biện địa*, như vậy tất cả tùy chỗ thích hợp đều nhập trong bốn Thánh đế.

Lại nữa, do 4 nhân duyên nên chánh rõ biết tập đế nhiếp lấy 108 hành ái: 1. Do nội ngoại sai biệt; 2. Do sở y sai biệt; 3. Do tự tánh sai biệt; 4. Do thời phần sai biệt.

1. Do nội ngoại sai biệt: Do nội ngoại sáu xứ làm chỗ nương mà khởi các hành ái.

2. Do sở y sai biệt: Do ái nương 5 chủng ngã mạn. Những gì gọi là 5 chủng ngã mạn? Những kẻ ngã kiến chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên biết có ngã mạn hiện hành, tức nơi sáu xứ mà kế chấp ngã khởi mạn, cho đến chưa bị sự tổn hoại của già suy, sắc xấu, sức yếu, khổ đau, không có biện tài.. thì các hành tương tự tương tục triển chuyển. Kia hoặc có lúc không chịu sự tổn hoại của già suy, hoặc có lúc thành tựu sắc đẹp, hoặc có lúc thành tựu sức khỏe, an vui, biện tài, hoặc có lúc không như vậy. Nếu chưa già suy, khởi suy nghĩ đây: “Ta nay vẫn như xưa”. Nếu trái với đây, khởi suy nghĩ: “Ta nay biến

đổi”. Nếu kia thành tựu sắc đẹp, sức khỏe, an vui, biện tài, khởi suy nghĩ đây: “Ta nay mỹ diệu”. Nếu trái với đây, khởi suy nghĩ: “Ta không mỹ diệu”.

3. Do tự tánh sai biệt: Nương 5 chủng ngã mạn đây phát khởi hữu ái và vô hữu ái.

Lại hữu ái kia chuyển theo phẩm hạ, trung, thượng sai khác. Vô hữu ái do tư duy chọn lựa sâu mới năng khởi ái, chẳng phải do ý lạc nhậm vận chuyển mà được trụ, cho nên trong đây không kiến lập 3 phẩm sai biệt.

Hữu ái phẩm hạ: Đó là mong muốn ở đương lai “ta sẽ có”, tức ở nơi sáu xứ mong muốn “ta sẽ có”. Ở nơi cùng loài mà mong muốn “ta sẽ có”, tức mong cầu sanh hữu đồng loại. Ở nơi khác loài mà mong muốn “ta sẽ có”, tức mong cầu sanh hữu dị loại. Hoặc người có tự thể trước là khả ái, vì mong muốn tương ưng trở lại nên tạo thiện nghiệp, khởi suy nghĩ như vậy: “Ta mong sẽ có được hữu chủng loại như vậy, như những gì hiện nay đang có”. Hoặc người có tự thể trước chẳng khả ái, vì mong muốn xa lìa nên tạo thiện nghiệp, khởi tư duy đây: “Nguyện ta có được hữu chủng loại như thế, khác với những gì hiện nay đang có”.

Hữu ái phẩm trung: Đó là không sanh mong muốn đối với không có hữu, vì đối trị kia nên mong muốn “ta có được hữu”, tức là ở nơi sáu xứ mong muốn “ta có được hữu”. Như trước đã thuyết, ở nơi cùng loài mà mong muốn “ta có được hữu”, ở nơi khác loài mà mong muốn “ta có được hữu”. Tất cả như vậy nên biết đều gọi là hữu ái phẩm trung.

Hữu ái phẩm thượng: Đó là hành tướng sai biệt như vậy, khởi suy nghĩ như vậy: “Ta mong muốn quyết định có được hữu tốt đẹp để truy cầu bốn chủng tướng ái”. Nên biết đây gọi là hữu ái phẩm thượng.

Tự tánh của 5 chủng ái sai biệt đây do có sở y nội xứ riêng biệt, nên thuyết 18 chủng hành ái sai biệt. Còn ở nơi ngoại xứ nên biết cũng vậy, nhưng có sự sai biệt ở chỗ: như ở trong nội sáu xứ kia kế chấp ngã khởi mạn, cũng vậy ở nơi sắc kế chấp là ngã sở mà khởi mạn: “Ở nơi sắc đây ngã tự tại chuyển”. Như vậy cho đến đối với các pháp, kế chấp là ngã sở mà khởi mạn: “Ở nơi pháp đây ngã tự tại chuyển”. Còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết như trước.

Như vậy 18 hành ái ở trước hợp chung với đây

thành 36 chủng hành ái sai khác.

4. Do thời phần sai biệt: Tức là 36 hành như vậy mỗi mỗi có quá khứ, vị lai, hiện tại ba đời sai khác.

Như vậy gọi là do 4 nhân duyên có sai biệt, nên hành ái hợp lại có 108 chủng.

Lại ở trong đó tướng không sai biệt, phạm các sở hữu nhiệm ô mong cầu đều gọi là ái.

Lại tức ái đây do tập đế nhiếp, gọi là nhân. Vì tánh thām nhuần, thuận dòng sanh tử mà trôi nổi lưu chuyển, gọi là lưu nhuần. Vì tánh chấp trước ở nơi các cảnh giới, gọi là trước cảnh. Vì năng cùng sanh rồi nương năm thủ uẩn, chỗ có các khổ như ung, bệnh... làm nhân duyên, gọi là ung căn. Vì khó chế phục, gọi là chảy tràn. Vì ma phược trói buộc vi tế hiện hành, gọi là dây đeo bám; vì trên cho đến Hữu đảnh, gọi là cành nhánh. Vì khiến không đầy đủ, gọi là khô kiệt.

Lại tức chỗ nói chúng sanh ái triển lẫn nhau như vậy, gọi là ngại. Do tùy miên gọi là che giấu. Tức do triển cùng tùy miên như vậy tập thành phẩm thượng, gọi là cao vút; tập thành phẩm trung và phẩm nhuyễn, gọi là phát khởi. Nếu ái ở Dục giới,

ở nơi cảnh sở tri khiến tâm mê hoặc, gọi là tối tăm. Nếu ái ở Sắc giới, ở nơi cảnh sở tri khiến mê hoặc, gọi là hôn muội. Nếu ái ở Vô sắc giới, ở nơi cảnh sở tri khiến mê hoặc, gọi là màn tối. Như có ba người, người thứ nhất mù lòa, người thứ hai bị mất, người thứ ba mắt có màn tối che phủ trước mắt. Trong đây người thứ nhất hoàn toàn không thấy. Người thứ hai thấy chút phần giống như có sự thấy. Người thứ ba mắt thấy nhưng không tịnh, không thấy sắc chân thật. Ba ái như vậy, tùy theo thứ lớp tối tăm, hôn muội và màn tối nên biết cũng vậy.

Lại nữa, do 5 chủng tướng chuyển pháp luân nên biết gọi là khéo chuyển pháp luân: 1. Thế Tôn khi làm Bồ-tát, sở duyên cảnh giới vì đặc điều phải đặc; 2. Phương tiện vì đặc điều phải đặc; 3. Tự mình chứng đặc điều phải đặc; 4. Chứng đặc rồi truyền người nối tiếp, khiến ở nơi điều mình chứng sanh tin hiểu sâu; 5. Khiến người đối với sở chứng của người khác sanh tin hiểu sâu.

- Sở duyên cảnh giới: là bốn Thánh đế, an lập thể tướng của bốn Thánh đế đây nên kiết như trước, hoặc lược hoặc rộng như trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

- Phương tiện: tức ở trong bốn Thánh đế đây chánh chuyển ba vòng, mười hai tướng trí.

Chuyển thứ nhất: Khi xưa Bồ-tát nhập hiện quán, như thật rõ biết là Khổ thánh đế, nói rộng cho đến là Đạo thánh đế. Ở trong sở hữu thánh trí hiện lượng, năng đoạn phiền não kiến đạo sở đoạn. Bảy giờ gọi là phát sanh Thánh tuệ nhãn. Tức đây do nương đời quá khứ, vị lai, hiện tại mà có sai biệt. Như thứ lớp đây gọi là trí minh giác.

Chuyển thứ hai: Ở bậc hữu học, dùng diệu tuệ đây như thật thông đạt: “Về sau ta vẫn còn việc phải làm, phải nên biết khắp khổ đế chưa biết, phải nên đoạn hẳn tập đế chưa đoạn, phải nên tác chúng diệt đế chưa chúng, phải nên tu tập đạo đế chưa tu”. Như vậy cũng có bốn chủng hành tướng nên biết như trước.

Chuyển thứ ba: Ở bậc vô học đã đắc tận trí, vô sanh trí, nên nói: “Việc cần làm ta đã làm xong”. Như vậy cũng có bốn chủng hành tướng nên biết như trước. Đây có sự sai biệt: tức là bốn chủng hành tướng ở hai chuyển trước là chân Thánh tuệ nhãn hữu học, một chuyển rốt sau là chân Thánh tuệ nhãn vô học.

- Đắc điều phải đắc: là đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

- Trồng người nối tiếp khiến ở nơi điều mình chứng sanh tin hiểu sâu: Đó là trưởng lão A Nhã Kiều Trần Như nghe chánh pháp từ Thế Tôn rồi, ban đầu giải ngộ pháp bốn Thánh đế, nói rằng: “Pháp ta đã hiểu”. Từ đây về sau rốt ráo năm hành tướng như trước đã thuyết, chứng đắc quả A-la-hán, sanh nơi giải thoát.

- Sau cùng khiến người đối với sở chứng của người khác sanh tin hiểu: Như trưởng lão A Nhã Kiều Trần Như khởi tâm thế gian “Pháp ta đã hiểu”. Như Lai khởi tâm thế gian “A Nhã Kiều Trần Như đã hiểu pháp Ta”. Địa thần biết rồi truyền âm thanh thông báo, trải qua sát-na, hơi thở, nháy mắt, âm thanh triển chuyển cho đến Phạm thế. Nên biết Thế Tôn truyền lại pháp đã giác ngộ cho A Nhã Kiều Trần Như. A Nhã Kiều Trần Như lại tùy chuyển truyền lại thân khác. Thân khác đây lại tùy chuyển truyền lại thân khác... Lấy nghĩa triển chuyển tùy chuyển đây gọi là luân. Do huân tập các pháp như chánh kiến... mà thành tánh, gọi là pháp luân. Như Lai Ứng Cúng là tăng

ngữ Phạm. Vì kia triển chuyển nên cũng gọi là Phạm luân.

Lại, ở nơi bốn Thánh đế chưa nhập hiện quán mà năng nhập hiện quán, nên biết lược có 4 chủng Du-già. Đó là: chúng được pháp tịnh tín tăng thượng chưa đạt được; vì đây nên phát sanh “dục” mãnh liệt; vì dục mãnh liệt tăng thượng, nên tinh tấn mạnh mẽ; vì tinh tấn mạnh mẽ, nên có phương tiện khéo.

Tịnh tín: là chân chánh tin hiểu. Dục: là muốn đạt được. Tinh tấn, như trước lược có 5 chủng: có thế lực, có siêng năng, có dũng mãnh, có kiên cố và không xả ách. Phương tiện khéo: là tu tập không phóng dật. Tướng không quên mất gọi là niệm. Ở nơi quá hoạn của các sự phóng dật, trí phân biệt rõ ràng gọi là chánh biết. Nên biết nhiếp vào hai điều đây gọi là không phóng dật: 1. Ở nơi các pháp nhiệm, phòng hộ giữ gìn tâm; 2. Thường năng tu tập các thiện pháp.

Lại, Khổ đế như bệnh tật, Tập đế như nguyên nhân khởi bệnh, Diệt đế như bệnh sanh rồi được lành, Đạo đế như bệnh đã được lành, khiến sau chẳng sanh. Các kẻ có bệnh đến chỗ lương y, chỉ

nên tìm hiểu cầu lễ chánh pháp như vậy. Các vị lương y cũng chỉ nên trao lễ chánh pháp như vậy. Cho nên lại không có thêm thánh đế thứ năm. Chư Phật Như Lai là bậc lương y không gì sánh được, nhổ mũi tên ái sâu độc, cũng chỉ tuyên thuyết lễ chánh pháp như vậy.

Lại nữa, các Sa-môn, Bà-la-môn trái trí thánh đế, không thành tựu hiện quán, nên biết lược có 10 tướng quá hoạn. Đó là các Sa-môn thắng nghĩa ý không chấp nhận những kẻ kia là Sa-môn, những kẻ kia cũng không thuộc trong số Sa-môn. Bởi những kẻ kia ở nơi các khổ hậu hữu như sanh... đều chưa giải thoát, nơi các đường ác cũng chưa giải thoát. Đối với các học xứ chân chánh, năng xả bỏ. Đối với các thắng pháp xuất thế gian vượt quá pháp người, đó là hướng đến cõi thiện, hướng đến Thánh đạo, đạo quả Niết-bàn, chẳng thể kham năng chứng đắc. Đối với các phước điền bên ngoài khác, trừ bậc học, vô học, thì kham năng tìm tòi nghiên cứu. Đối với việc siêu vượt khổ khổ, chứng quả Bất hoàn, càng không thể kham năng. Cũng không thể kham ở trong hiện pháp rốt ráo giác ngộ, giải thoát tất cả khổ y còn sót thừa. Trái tướng đây

nên biết tức là có các Sa-môn, Bà-la-môn không trái đế trí, thành tựu hiện quán, nên có được 10 tướng công đức.

Lại nữa, người hướng đến đế trí, vui chánh giác, phải nên rõ biết nương bốn Thánh đế lấy làm lực tăng thượng duyên, có được chỗ nương tựa, chứng đắc, đạt được phương tiện.

Nên biết trong đây tịnh tín xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, gọi là có được chỗ nương tựa.

Nếu bốn quả Sa-môn nhiếp thọ Thanh văn Bồ-đề, hoặc các Độc giác sở hữu Bồ-đề, hoặc chư Như Lai Vô thượng Bồ-đề, ba chủng như vậy, nên biết gọi là chứng đắc.

Như trước đã thuyết chánh chuyển ba luân, tùy theo thứ lớp trí kiến hiện quán, gọi là đạt được phương tiện. Nên biết vào lúc nhập hiện quán đế, như thật rõ biết là Khổ thánh đế, nói rộng cho đến là Đạo thánh đế, gọi là vị *trí*. Từ đây về sau, ở trong các đế lại còn việc phải nên biết khắp, cho đến phải nên tu tập. Do quán đây gọi là vị *kiến*. Ở vô học địa, như thật hiểu rõ “Ta đã biết khắp, ta đã đoạn hẳn, ta đã tác chứng, ta đã tu tập”, gọi là

vị *hiện quán*.

Lại có cách nói khác: Các vô học tận vô sanh trí nhiếp lấy tất cả cực giải thoát trí, gọi là vị *trí*. Tức vô học cực giải thoát trí đây dẫn dắt chánh kiến, gọi là vị *kiến*. Từ quả Dự lưu cho đến rốt ráo, nên biết chỗ có tất cả tuệ học, gọi là vị *hiện quán*.

Lại nữa, nên biết đế trí đây lược có 6 chủng tác nghiệp và tướng. Đó là đế trí đây năng vĩnh viễn diệt các nhóm khổ là hành dẫn đầu, như mặt trời sắp mọc có tướng ánh sáng xuất hiện trước tiên. Chánh tận khổ, tức là kiến đế đầu tiên đoạn các thứ khổ. Tác biên khổ, tức là A-la-hán đoạn các thứ khổ.

Lại đế trí đây năng đối trị vô minh tối tăm rộng lớn, như ánh sáng mặt trời năng phá tối tăm lớn của thế gian.

Lại như có người đã chứng đế trí, vĩnh viễn đoạn ba kiết. Từ đây không gián đoạn, do lạc mất chánh niệm nên tạm bị nhiễm ô bởi dục tham, sân khuể. Vị kia lúc bấy giờ nương không phóng dật nhập Sơ tĩnh lự, chạm đến đế trí đặc quả Bất hoàn, dần dần thứ lớp nhập cho đến Phi tướng phi phi tướng định. Nhưng so với các ngoại đạo phạm

phu khác, vị đây có sự khác biệt, vì đã chứng đắc pháp bất thối vậy. Như vậy để trí thật có dụng rộng lớn, thật có quả rộng lớn.

Trong đây, chỗ có các hành quá khứ gọi là đã sanh, các hành hiện tại gọi là đang sanh, các hành vị lai gọi là sẽ sanh, tất cả gọi chung là tập pháp. Tức tất cả đây do vô thường diệt, hoặc có đã diệt, hoặc có đang hướng đến diệt, hoặc có sẽ diệt, gọi chung là diệt pháp.

Lại người đã chứng đắc để trí, như nhà lớn làm bằng đá đã khéo trang hoàng, gió tám phương chẳng thể khuynh động, tất cả dị luận chẳng khiến lay chuyển. Sở hữu giải ngộ không mượn duyên người, không nhìn mặt người: “Ta thử lắng nghe kia sắp thuyết gì”; không quán miệng người, người vừa mới mở lời đã khởi ý: “Chỉ có ta lắng nghe tư duy thọ lượng quán sát thâm sâu. Các Sa-môn, Bà-la-môn khác nên biết tức là các bọn ngoại đạo”.

Lại dần dần thứ lớp tập thành tất cả trí bốn Thánh đế, gọi là hiện quán đế, chẳng được tùy khuyết một. Hiện quán đế đây giống như bữa ăn thịnh soạn, các Thánh đệ tử tuệ mạng vô thượng đều nương đây sanh tồn, như kẻ thọ dục được ăn

thức ăn thịnh soạn. Khổ đế trí khuyết, còn lại ba trí, nên biết giống như cây ta-la có cành lá sum suê chỉ còn lại trơ cành. Thứ lớp tu tập thành tựu bốn Thánh đế trí khiến tất cả dây đều viên mãn.

Lại các đế trí vì cùng hỷ lạc đồng hành giác ngộ chân nghĩa, vì năng khiến thân tâm cực khinh an, gọi là hiện quán đế. Sanh trong địa ngục lược có 2 khổ: khổ thiêu đốt và khổ trị phạt. Do khuyết đế trí nên ở nơi ấy phải thu nhận hai khổ, phát sanh vô lượng đại khổ mãnh liệt, chỉ nương Thánh đế trí mới năng vượt qua. Đế trí như vậy, giả sử nhân đây bị khổ lớn mạnh mẽ thiêu đốt trị phạt, cho đến ở trong hiện pháp một thân hoại diệt mà năng đạt được, hãy còn sanh nhậy nhót vui mừng nhẫn thọ; nhẫn đến cả trăm thân hoại diệt còn sanh hoan hỷ, hưởng chi có một.

Lại nữa, nếu có người tu hiện quán thánh đế, nên biết lược có 4 chủng chướng ngại. Những gì là bốn? 1. Bất tín; 2. Thượng mạn; 3. Đợi thời; 4. Phóng dật.

1. Bất tín có 3 chủng: 1. Ở nơi hiện quán đế, không sanh tin hiểu chắc; 2. Đối với bậc Tăng

thiện hạnh, không sanh tin hiểu sâu chắc; 3. Đối với Phật Bồ-đề, không sanh tin hiểu sâu chắc.

Vì muốn đoạn trừ bất tín ban đầu, nên Thế Tôn tự dẫn hiện lượng, chỗ chứng đắc hiện quán thánh đế, bảo các đệ tử: “Ta ở nơi lý bốn Thánh đế đã đắc hiện quán, chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề”.

Vì muốn đoạn trừ bất tín thứ hai, nên lại thuyết rằng: “Ta xưa cùng các ông lâu đời lưu chuyển là do chưa chánh tư duy giác ngộ ở nơi chân đế. Ta nay cùng các ông do thông đạt chánh kiến, lấy thông đạt làm nhân, tận dứt sanh tử lưu chuyển. Vì nhân duyên kia đã tận, nên nay tự mình không có hậu hữu, chỉ còn lại thân cuối cùng trụ giữ khiến không diệt”.

Bất tín thứ ba đối với Phật Bồ-đề có tương chuyển như vậy: “Nếu Sa-môn Kiều-Đáp-Ma là bậc Nhất Thiết Trí, cơ sao có người hỏi thì một loại lại năng ký, một loại lại chẳng ký?”. Vì muốn đoạn trừ bất tín như vậy nên thuyết rằng: “Pháp mà Ta đã giác vô lượng vô biên, ví như các thứ cỏ cây lá nơi đại địa, chỉ vì người thuyết ít phần, không nói đầy đủ. Ví như nắm lá trong tay, phần nhiều lá năng

dẫn nghĩa không lợi, phần ít lá năng đến nghĩa lợi. Nên biết trong đây chẳng phải vì không biết mà không ký biệt, chỉ vì dẫn nghĩa không lợi nên Ta không ký biệt”.

2. Thượng mạn: Tức là ở trong hiện quán để kia khởi tăng thượng mạn. Vì muốn đoạn trừ thượng mạn như vậy, nên lại thuyết rằng: “Như người ở xa dùng tên bắn, tên bay cực nhanh không thấy dấu vết, điều này đã rất hy hữu. Hoặc lại lấy sợi lông chia làm trăm phần, dựng đứng sợi lông không cho rớt xuống. Phân chia sợi lông thành cực nhỏ, việc đây rất khó, hà huống thông đạt Thánh đế rồi triển chuyển, việc đây càng khó hơn. Vì có sao? Do lấy tác ý ấy trở lại thông đạt năng thủ tác ý, như vậy mới có năng duyên, sở duyên bình đẳng, vô lậu trí sanh thông đạt lý đế. Cho nên việc đây rất vi tế, rất khó. Quy luật bắn tên, chẻ lông thẳng thì không như vậy”.

3. Đợi thời: Tức là đối với những điều cần thực hành, lại trì hoãn chờ thời sau. Vì muốn đoạn trừ đợi thời như vậy, nên Thế Tôn thuyết: “Thân

người rất khó được”; lại dẫn rùa mù làm dụ cho sự việc đây.

4. Phóng dật: Nếu nói lược, hoặc là tà tư duy, hoặc là tà tâm tư, hoặc là tà hý luận, gọi là phóng dật.

- Tà tư duy: Nếu những điều không nên tư duy mà tư duy mãi lợi, gọi là tà tư duy. Như tư duy “Ta ở đời quá khứ là từng có chăng?”, nói rộng cho đến ở đời vị lai. Bên trong do dự: “Ta là ai? Cái gì là ta? Hữu tình nay có từ đâu mà đến, ở đây chết rồi sẽ đi về đâu?”. Hoặc tư duy “Thế gian là thường”, cho đến nói rộng; như vậy hoặc nói “Thế gian có biên”, cho đến nói rộng. Hoặc tư duy “Hữu tình cho rằng mạng tức thân”, cho đến nói rộng. Hoặc tư duy “Hữu tình nghiệp quả dị thực”, tức là hư vọng tư duy tác đây, thọ đây, cho đến nói rộng. Hoặc lại tư duy người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự. Hoặc tư duy chư Phật, cảnh giới chư Phật, Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cho đến nói rộng.

Những kẻ kia do thắng nghĩa và thế tục thiện xảo, ở nơi tất cả đây có hai nhân duyên không nên tư duy: 1. Cảnh sở duyên không thể tư duy; 2. Do sự

việc đây không chỗ có. Hoặc có người suy nghĩ tìm cầu sự cảnh chẳng thể tư duy, hoặc có người suy nghĩ tìm cầu các sự không chỗ có, tất cả như vậy đều không chỗ được, chỉ khiến tâm chuyển thêm mê loạn. Nếu trong số những kẻ không như chánh lý tư duy mãnh lợi, có một loại do lực nhân đời trước hoặc khởi chán lìa, hoặc duyên cảnh giới thật khởi tác ý tương ưng chán lìa, tuy tạm thời hiện hành mà đối với việc kia lại thấy là quá hoạn, sanh tưởng chẳng thật, tư duy như vậy: “Pháp thế gian... năng dẫn vô nghĩa”.

- Tà tâm tư: tức là tâm tư dục...

- Tà hý luận: có 6 chủng. Đó là hý luận điên đảo, hý luận hư huyền, hý luận cạnh tranh, hý luận đối với người phân biệt hơn kém, hý luận phân biệt công xảo dưỡng mạng, hý luận đắm nhiễm tài sản vật thực thế gian. Như vậy tất cả gọi chung là phóng dật.

Vì muốn đoạn trừ phóng dật đây, nên Như Lai tự mình thân cận dạy răn. Bồ-đặc-già-la lắng nghe, kham thọ sự giáo hóa dạy răn rồi, nhanh chóng năng đoạn trừ các phóng dật. Thế Tôn, đệ tử vì đoạn trừ 4 chủng chướng ngại hiện quán tánh đế

như vậy, nên có ba hành tướng nhậm vận giữ gìn thánh đế. Những gì là ba? 1. Do tuệ văn nên nhậm vận giữ gìn văn câu đây; 2. Do tuệ tư nên nhậm vận giữ gìn nghĩa đây; 3. Do tuệ tu nên nhậm vận giữ gìn chứng đây.

Trong đây, tuệ văn nên nhậm vận giữ gìn văn câu đây, tức như điều đã nghe đây năng chánh nhậm trì là Khổ thánh đế... cho đến nói rộng.

Lại do tuệ tư nên nhậm vận giữ gìn nghĩa đây, tức là các bậc Thánh biết đây chính là đế, nên gọi là Thánh đế. Nên biết trong đây do 2 duyên được gọi là đế: 1. Pháp tánh, do nghĩa chân thật nên gọi là đế; 2. Thắng giải, do ở trong nghĩa chân thật khởi tin chắc không nghi hoặc nên gọi là đế. Tất cả ngu phu chỉ do pháp tánh mà được gọi là đế, chẳng phải do thắng giải. Nếu các thánh giả thì đủ hai chủng nên được gọi là đế, khéo thuyết tất cả đây nên gọi là thánh đế.

Lại do tuệ tu, ở trong các đế thu được nội chứng hiện lượng đế trí, cũng đắc chứng tịnh. Do nhân duyên đây ở nơi các thật đế xa lìa nghi hoặc; đế trí và chứng tịnh xoay vần nương nhau, nếu xử đây có một loại thì tất có loại thứ hai.

Lại nữa, có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn ở nơi thánh đế trí chưa tương ưng, ở nơi các thánh đế chưa thành tựu hiện quán, nên biết lược có 4 chủng quá hoạn. Những gì là bốn? Hoặc trong gốc hành sanh năng đi vào đường ác thấp kém mà khởi sâu vui thích tạo tác, tăng trưởng nghiệp tương ưng kia. Do đây diên đảo đọa sanh trong hầm ác thú.

Lại trong gốc hành sanh hai cõi trời người Dục triển nhiều các phiền não thường thiêu đốt mà khởi sâu vui thích, tạo tác tăng trưởng nghiệp tiếp nối. Do nhân duyên đây đã sanh kia rồi, thường bị nhiệt não lớn thiêu đốt.

Lại trong gốc hành sanh hai cõi thượng Sắc, Vô sắc triển đây, những sự việc tương ưng như trước đã nói, chỗ có vô minh hôn muội và các màn che, nói rộng cho đến đọa sanh nơi tối tăm. Lại do thối thất thọ dụng cảnh giới đạo Niết-bàn, nên trong khoảng trung gian như sanh trong ba thế giới trung gian, đọa ở ba chủng vọng kiến hắc ám: 1. Thường kiến; 2. Đoạn kiến; 3. Hiện pháp Niết-bàn kiến. Do nhân duyên đây đọa trong ba cõi giới sanh xứ tối tăm. Vì nhiếp thọ tự vọng kiến, vì tà vô minh tối tăm chướng ngại như thế, khiến chẳng

như thật quán 5 chi nhiếp thọ đoạn như trước. Do nhân duyên đây nên biết như thật hiển thị các đế.

Lại nữa, có một loại người ở nơi các thánh đế không được thiện xảo, tạo tác tăng trưởng nghiệp hắc dị thực hắc rồi, năng cảm địa ngục, bàng sanh, quỷ thú. Do nghiệp đây nên giống như ném gậy, gốc rơi vào địa ngục, giữa rơi vào thú bàng sanh, đầu ngọn rơi vào cõi ngạ quỷ.

Như vậy có một loại tạo tác tăng trưởng nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch rồi, do tạp nghiệp đây thí như ném gậy hoặc rơi vào đường ác chốn không thanh tịnh, hoặc rơi vào đường thiện chốn ít thanh tịnh.

Như vậy có một loại tạo tác tăng trưởng nghiệp bạch dị thực bạch rồi, sanh trong năm đường sanh tử, các nghiệp đuổi theo, thọ tận nghiệp tận, tức từ Sắc giới, Vô sắc giới chết rồi, thối đọa trở lại. Năm đường sanh tử như năm bánh xe xoay chuyển không dừng. Nếu có kẻ vì người thuyết đạo thế gian, cho dù có thể tiến đến Hữu đảnh, nên biết thuyết đây chẳng phải giáo đệ nhất nghĩa khiến thắng tiến. Vì cố sao? Vì thắng tiến như vậy không phải rất ráo thắng tiến. Nếu chư Như Lai thuyết

ngôn giáo tương ứng thánh đế, nên biết giáo đây là đệ nhất nghĩa khiến thăng tiến. Vì cơ sao? Vì thăng tiến như vậy là rốt ráo. Lại, nếu do đắc các thế tục trí cho đến Hữu danh, mà gọi là người thông tuệ, thì chẳng phải đệ nhất nghĩa danh thông tuệ, lý do như trước đã thuyết. Nếu do đắc đế trí gọi là người thông tuệ, thì danh thông tuệ đây là đệ nhất nghĩa, lý do như trước đã thuyết.

Lại nữa, ở trong bốn chủng thánh đế trí đây, thánh đế trí đầu năng nhập thánh đế, kế đến hiện quán, ví như đủ nền móng, đế trí thứ hai như vách tường, đế trí thứ ba giống như bậc thêm dưới, đế trí thứ tư giống như thượng bảo đài. Lại tức bốn Thánh đế trí như vậy như bốn bậc thêm, năng khiến tiến lên điện Đại Trí Tuệ. Lại tức bốn Thánh đế trí như vậy như bốn bậc thang, năng làm thêm bậc khiến bước lên giải thoát tịch diệt.

Nên biết trong đây có ba chủng ái, ví như ba cây thương, các ác ma cầm nắm khuấy phá trong biển lớn sanh tử, khiến các loại hữu tình thọ sanh theo đó luân chuyển xoay vần. Tuy có ba cây thương ái của ma như vậy, nhưng chẳng thể khiến ba loại hữu tình sau bị luân chuyển xoay vần: 1. Hữu tình

dũng mãnh tinh nhuệ, tức là bậc Dự lưu; 2. Hữu tình trung xứ, tức bậc hữu học khác; 3. Hữu tình hành đạo ngược dòng viên mãn.

Bổ-đặc-già-la đã kiến thánh đế, tùy theo chỗ muốn đều năng tạo tác, vĩnh viễn đoạn trừ mạn tạo tác khổ và mạn kết thành khổ. Do nhân duyên đây các khổ nhiều phần đã đoạn, còn lại ít phần, đó là các bậc hữu học và A-la-hán. Như mạn tạo tác, kết thành các khổ, thì các ái thân ngũ ý nghiệp, tham sân si... phát sanh các khổ, nên biết tất cả đều nhiều phần đã đoạn, còn lại ít phần. Ví như đá vụn và núi lớn Tuyết sơn, như vậy các mạn tạo tác, kết thành các khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng thế. Như ao lớn đầy tràn nước, bên trong rỉ lậu hai ba giọt nước, nước trong ao lớn còn rất nhiều, thì Vô sắc ái phát sanh các khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như hồ lớn, còn lại như trước thuyết, thì Sắc giới ái phát sanh khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như biển lớn, còn lại như trước thuyết, thì Dục giới ái phát sanh khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như núi lớn Tuyết sơn, hoặc các núi vàng, hoặc núi Tô-mê-lô và đại địa có sáu chủng đá vụn, còn lại như

trước thuyết, thì thân ngũ ý nghiệp, tham sân si... phát sanh các khổ, hoặc đoạn hoặc còn, nên biết cũng vậy. Như vậy các khổ nhiều phần đã xa lìa, còn lại ít phần. Nên biết như thật hiện quán thánh đế có nghĩa lợi lớn, đó là các bậc hữu học chỉ còn khổ do nhiều nhất bảy lần sanh trong người trời; khổ sanh trong các đường ác đều đã vượt qua. Nếu các bậc vô học ở hiện pháp chỉ có khổ do thân sở y còn lại, tất cả khổ khác đều đã vượt qua.

Lại nữa, nếu trụ thân người nhập hiện quán đế, nên biết thân đây thật rất khó được.

Lại thánh minh nhãn của bậc hữu học kiến đế chuyển rất khó được.

Lại văn tư tu thành tựu diệu tuệ cũng rất khó được. Do tuệ đây ở trong pháp thiện Tỳ-nại-da như thứ lớp tức giải liễu, thắng liễu và quyết liễu. Ở thời giải liễu, năng phân biệt sâu. Ở thời thắng liễu, năng sanh thắng giải. Ở thời quyết liễu, năng chứng nhập pháp.

Lại sở hữu tư lương thiện pháp hữu lậu do hiện quán đế cũng rất khó được, các thiện nghiệp đạo như biết ân dưỡng cha mẹ... có an ổn viên mãn cũng rất khó được.

Lại có người thế gian sở hữu mười chủng chánh pháp, đầu tiên là “chánh kiến” cho đến “giải thoát trí” là biên sau, cũng rất khó được.

Các pháp như trên đã thuyết tức là hữu học, tức là vô học. Nên biết trong đây bồ-đặc-già-la sĩ phu khéo biết ân dưỡng, tức tự mình như thật biết rõ: “Tất cả cha mẹ đều phải hiếu dưỡng”. Biết như vậy rồi siêng tu gia hạnh. Đây gọi là khéo biết ân dưỡng cha mẹ.

Lại bồ-đặc-già-la sĩ phu vui làm lợi ích, đối với tất cả Sa-môn, Bà-la-môn có đức, như thật biết rõ là phước điền, nên tùy theo khả năng mà siêng tu cúng dường. Như vậy là khéo biết Sa-môn, Bà-la-môn.

Lại, bồ-đặc-già-la sĩ phu không tham lam lười biếng, đối với vợ con tôi tớ... tất cả thân thuộc như thật biết rõ: “Kia lấy ta làm nhà, làm chỗ nương về. Nếu ta vui họ cũng vui theo, nếu ta khổ họ cũng khổ theo”. Biết như vậy rồi, mọi thời dùng uống ăn, y phục cấp dưỡng, lại lấy thuốc trị bệnh nhiếp thọ. Đối với việc làm có nghĩa lợi, thì tự khích lệ khiến họ làm, không ở nơi tất cả việc kia mong cầu họ nhớ nghĩ. Tánh vui phân chia bình đẳng, cũng

chẳng dâm dật, tổn phí tài bảo. Không ở nơi phi xứ mà khởi nghĩ cho là Tỳ-nại-da, cũng không ở những việc phi lý mà nổi giận. Đối với các bậc tôn trưởng và những bậc đáng tôn trọng khác, chân chánh tùy thuận chuyển theo. Như vậy gọi là khéo ngư gia trưởng.

Lại khéo năng tạo tác nghĩa lợi mình người, thí làm các việc đều thuận chánh pháp, không dùng phi pháp. Ở trong hiện pháp, thấy sâu lỗi lầm với các ác hạnh người làm, như hoặc giết hại, hoặc trói buộc, hoặc trị phạt, hoặc đuổi bỏ. Nếu bị chê trách, đã chân chánh suy nghĩ cân nhắc rồi, trọn không hiện hành. Như vậy gọi là ở nơi các tội hiện đời thấy sâu hãi sợ.

Lại chánh quán thấy gây tạo ác hạnh rồi, đời sau cảm khổ đi vào đường ác và khổ khác như thiếu thốn... Đã chánh tư duy rồi, trọn không hiện hành. Như vậy gọi là ở nơi các tội đời khác thấy sâu hãi sợ.

Lại mọi lúc năng chánh thọ học sự nghiệp phước thí, tạo làm chủng chủng phước hạnh sai biệt, như khán bệnh, hộ trì Phật Pháp Tăng. Hết thủy loại như vậy gọi là tạo làm phước hạnh. Trong một ngày đêm cho đến thọ mạng tận, năng chánh

thọ học giới luật. Như vậy ngang đây gọi chung là huệ thí, hành phước, thọ học giới. Trong mười nghiệp đạo, chỉ tuyên nói hai, ba chủng sai biệt, cho đến chân chánh nhiều tu tập sở hữu tác ý do tuệ văn-tư dẫn dắt tương ưng với những điều kia.

Lại, các hữu tình nếu sanh các đường ác khó thể giải thoát, nếu sanh các đường thiện nhanh chóng xa lìa. Nên biết đây gọi là có an ổn viên mãn rất khó được.

Lại người kiến đế thì chánh kiến sanh khởi không có khác biệt, ở đời quá khứ gọi là đã sanh khởi, ở đời hiện tại gọi là nay sanh khởi, ở đời vị lai gọi là sẽ sanh khởi.

Như vậy đã thuyết hoặc tập, hoặc tu, hoặc nhiều tu tập, phải nên biết rõ nghĩa trên. Nếu là chánh kiến thế gian, phải nên tùy phòng hộ. Nếu là chánh kiến hữu học, bao gồm quả đoạn, phải nên tùy xúc chứng. Nếu là chánh kiến vô học, bao gồm quả tự lìa hệ buộc, phải nên tùy tác chứng. Như thuyết *chánh kiến*, thì cho đến *giải thoát trí* nên biết cũng vậy.

Quyển 96

Thứ 3. NHIẾP TRẠCH SỰ DUYÊN KHỞI - THỰC - ĐẾ - GIỚI KHẾ KINH Phần 4

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Nghĩa chung thấy, quang thấy
Thọ thấy là rốt sau.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Nghĩa chung tự loại riêng
Tự chuyển, sau ba câu.*

Nên biết các cõi lược có 2 chủng: 1. Trụ tự tánh cõi; 2. Tập tăng trưởng cõi.

Trụ tự tánh cõi: là mười tám giới, rơi trong sự tương tục của chính nó, mỗi mỗi quyết định có chủng tử sai biệt.

Tập tăng trưởng cõi: là các pháp hoặc thiện, hoặc bất thiện, vì sanh trong các đời khác, trước đã lớp lớp huân tập khiến kia hiện hành, nên ở

thời nay chúng tử nương gá tương tục mạnh mẽ. Do đây làm nhân, vừa gặp chút duyên liền có thể hiện khởi, quyết định không thể khác được.

Lại nữa, tóm lại mà nói tuy cõi có 18 chủng loại khả đắc, nhưng mỗi một cõi thì nghiệp đi đến từng phẩm loại hữu tình sai biệt, nên có chủng chủng phẩm loại sai biệt, cho nên biết được chúng có vô lượng. Ví như Ác-xoa tụ ở thế gian, trong tụ đây có nhiều phẩm loại, vì cùng một chủng loại nên chỉ nói là một, mà thật ra có vô lượng. Cũng vậy, ở trong mỗi một cõi đây có vô lượng phẩm loại sai khác, vì cùng một chủng loại nên tuy thuyết một, mà thật có vô lượng.

Lại nữa, các cõi như vậy do chỗ tích tập thành của lực thắng giải, nếu trước là thắng giải ác thì tập thành cõi ác, nếu trước là thắng giải thiện thì tập thành cõi thiện. Tùy theo chỗ tập thành, trở lại cùng hữu tình đồng pháp giống nhau như vậy mà chuyển, tức là tất cả giống nhau từ tương, đến đi, đồng tụ, đồng kiến, đồng ý thắng giải. Như vậy nên nói hữu tình các cõi giống nhau cộng tương sung mãn mà chuyển.

Lại nữa, do câu phạm hạnh lực tăng thượng,

nên trước sanh khởi tín, thứ đến ở nơi giới luật triển chuyển thọ học. Ở nơi tội lỗi hiện hành, quán mình quán người mà sanh tâm quý. Lại đối với thiện pháp, phát siêng tinh tấn tu tập không gián đoạn; đối với việc làm và sở thuyết đã lâu đều không quên mất. Nương hai điều đây khiến tâm được định, do tâm định nên có được như thật trí. Như vậy gọi là lực tín tăng thượng, dần dần tiến đến tu tập 3 chủng học: 1. Tăng thượng giới; 2. Tăng thượng tâm; 3. Tăng thượng tuệ. Như đây là tư lương đạo thù thắng của ba học, tức là chánh kiến thế gian, diệu hành huệ xả, dễ cấp dưỡng, dễ vừa lòng, ít muốn vui đủ cùng bốn nhiếp sự. Các tướng “dễ cấp dưỡng” với câu nghĩa sai khác như trong *Thanh văn địa* đã thuyết. Như vậy nên biết gọi là *cầu phạm hạnh* đã được viên mãn.

Người cầu phạm hạnh thành tựu như vậy, trở lại cùng các loại hữu tình giới giống nhau cộng tướng sung mãn triển chuyển. Kế xa lìa giới đây, trở lại cùng các loại hữu tình xa lìa giới giống nhau cộng tướng sung mãn triển chuyển. Trong đây nên biết vì quả nương nơi nhân, chẳng phải nhân nương nơi quả. Vô minh giới đuổi theo các giới của sáu xứ

làm duyên, vì sở y riêng khác nên phát khởi chủng chủng phẩm loại vô minh xúc. Chủng chủng phẩm loại vô minh xúc đây lấy làm duyên, nên phát khởi vô minh xúc phát sanh chủng chủng phẩm loại các thọ. Vô minh xúc phát sanh chủng chủng phẩm loại các thọ lấy làm duyên, nên phát khởi vô minh xúc phát sanh các thọ làm duyên tham ái. Vì ái làm duyên nên có thủ, nói rộng cho đến khổ uẩn lớn tích tập. Nên biết đây gọi là nương *câu hữu* nên kiến lập các cõi.

Lại, vô minh giới theo đuổi các giới của sáu xứ làm duyên khởi vô minh xúc. Vô minh xúc đây lấy làm duyên nên ở nơi các cảnh giới phát khởi không như lý, chấp giữ tướng hảo, chỗ có các tướng. Tướng đây làm duyên nên ở nơi các cảnh giới phát khởi mong muốn. Mong muốn làm duyên nên phát khởi chạy theo pháp kia, sanh nhiều tùy tầm tư. Do chạy theo pháp kia, nhiều tùy tầm tư lấy làm duyên, nên phát khởi tướng nhớ nghĩ sâu ưu khiến thân tâm nhiệt nảo. Thân tâm nhiệt nảo lấy làm duyên, nên ở nơi chủng chủng phẩm loại các cảnh giới suy nghĩ tìm cầu sai biệt, đều có thể rõ biết. Như vậy nên biết nương *câu dục* nên an lập các cõi.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Ba bảy giới nhiếp nhau
Kiến, tướng và hy kỳ
Tánh sai biệt, kiến lập
Tịch tĩnh, sau ngu phu.*

Cõi có 3 chủng: 1. Sắc giới; 2. Vô sắc giới; 3. Diệt giới.

Lại có 7 cõi: 1. Quang minh giới; 2. Thanh tịnh giới; 3. Không xứ giới; 4. Thức xứ giới; 5. Vô sở hữu xứ giới; 6. Phi tướng phi phi tướng xứ giới; 7. Diệt giới.

Nên biết trong đây Sắc giới nhiếp Quang minh giới và Thanh tịnh giới. Vô sắc giới nhiếp bốn vô sắc là Không xứ giới, Thức xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tướng phi phi tướng xứ giới. Diệt giới trở lại nhiếp Diệt giới.

Lại các tham cõi Sắc do kiến, do thọ hiển phát, nên khắp ở trong tất cả Sắc giới địa an lập quang minh giới và thanh tịnh giới.

Lại biết khắp 7 cõi như vậy, phải nên rõ biết; phương tiện đạt được, phải nên rõ biết, tức sự đạt được các cõi đây phải nên rõ biết; sở vi đạt được,

phải nên rõ biết.

- Biết khắp các cõi như vậy, phải nên rõ biết do 4 nhân duyên: vì có sự trái nhau, tức sở trị, năng trị đối đãi nhau; vì hẹp nhỏ, vô lượng đối đãi nhau; vì có và chẳng phải có đối đãi nhau; vì hữu thượng, vô thượng đối đãi nhau. Tối tăm làm duyên nên thi thiết ánh sáng; bất tịnh làm duyên nên thi thiết thanh tịnh; cõi sắc làm duyên nên thi thiết hư không. Đây gọi là vì có sự trái nhau, tức đối đãi sở trị kia nên thi thiết năng trị. Do sự đối đãi kia, nên ở trong ấy chánh giác tuệ chuyển. Do duyên cảnh thức có lượng hẹp nhỏ lấy làm duyên, nên thi thiết Thức vô biên xứ. Do sở hữu nhỏ bé làm duyên, nên thi thiết Vô sở hữu xứ. Do tất cả *hữu* thù thắng hơn cả hiện tiền lấy làm duyên, nên thi thiết Phi tướng phi phi tướng xứ là *hữu vô thượng*. Do hữu thân, chỗ có tương ưng các phiền não đoạn trừ lấy làm duyên, nên thi thiết Diệt giới là *diệt vô thượng*. Nên biết Hữu đánh còn có pháp vượt hơn, Diệt giới thì ở nơi các pháp đều không gì vượt hơn.

- Hữu tướng định gọi là hành hữu. Ở trong thứ tự bảy cõi, từ Quang minh giới cho đến Vô sở hữu

xứ giới, tất cả đều là hữu tướng định, nên đều do thuận theo hành định mà đạt được. Đó là nắm giữ tướng sáng suốt đồng với tướng quang minh tu tập tam-ma-địa, theo đó thu được tướng quang minh định. Như vậy do nắm giữ tướng hư không thanh tịnh đồng với tướng thức vô biên, tướng vô sở hữu nên biết cũng vậy. Phi tướng phi phi tướng xứ do tác ý vô tướng mà phương tiện nhập vào, vì nắm giữ tướng cực tế là bậc nhất, lúc khởi thắng giải, các hữu tịch tĩnh, tùy thuận thu được đệ nhất hữu định. Vì không tư duy tất cả tướng, vì chánh tư duy vô tướng giới, vì do vô tướng nên thân diệt, theo đó thu được Diệt định, Diệt giới. Hai chủng như vậy chẳng do hành, định tùy theo đó mà đạt được.

- Vì vĩnh viễn hại diệt sở hữu tham Sắc giới, Vô sắc giới, vì không chìm đắm hạ liệt, vì không quá cao cử, vì an trụ giải thoát, như vậy các định được tùy chỗ muốn có lực điều nhu tự tại mà chuyển. Đây gọi là đạt được các cõi.

Lại các cõi đây năng tùy thành tựu tám định giải thoát. Nên biết cõi đầu năng theo đó thành tựu hai định giải thoát thứ nhất và thứ hai. Cõi thứ hai đây năng theo đó thành tựu định giải thoát

thắng tĩnh lực thứ ba. Còn lại năm cõi đây, thứ lớp năng theo đó thành tựu năm định giải thoát.

Lại các thầy ngoại đạo muốn khiến đệ tử ở trong ba xứ được thắng tiến, nên lược thuyết pháp:

1. Có một loại ở cõi thấp Dục giới, vì khiến có được khoái lạc trong người cho đến sanh trời Tha hóa tự tại, nên tuyên thuyết các hành năng cảm quả kia.

2. Có một loại ở cõi trung Sắc giới, vì khiến có được sự sanh đến trong chúng đồng phạm Phạm thế gian thấy, nên tuyên thuyết các hành năng thu được quả kia.

3. Có một loại ở cõi diệu Vô sắc giới, vì khiến có được cho đến sanh trong chúng đồng phạm Phi tướng phi phi tướng xứ, nên tuyên thuyết các hành năng cảm quả kia.

Như vậy thuyết cõi thấp kém kia làm duyên gọi là lời thấp kém. Cõi trung làm duyên gọi là lời trung. Cõi diệu làm duyên gọi là lời diệu. Các đệ tử kia nghe pháp đây rồi trở lại khởi tưởng hiểu sai biệt như thế. Tưởng hiểu như vậy cũng gọi là tưởng thấp, tưởng trung và tưởng diệu. Như như tưởng ấy, như vậy như vậy phát sanh nhãn lạc. Nhãn lạc

như vậy phát sanh kiến thấp, kiến trung và kiến diệu. Kể kia do nhãn lạc kiến như vậy, liền ở nơi sanh xứ sai biệt kia tin hiểu nhãn cho đến chấp là thù thắng hơn cả, nên tạo tác tăng trưởng nghiệp tương ưng kia. Tin hiểu như vậy gọi là nguyện thấp, nguyện trung và nguyện diệu. Nên biết hai loại người thuyết và hành đây cũng gọi là bổ-đặc-già-la phẩm thấp, trung, diệu.

Lại, người thuyết và người hành kia cũng vì người mà tuyên thuyết pháp thấp, trung, diệu như vậy. Những kẻ kia cũng thu được kết quả sanh như vậy. Lại tức kết quả sanh đây, vì trước sau so lẫn nhau có sai khác, nên an lập các cõi thấp kém, trung, diệu riêng khác. Ba chủng như vậy nếu đem so với Niết-bàn, nên biết tất cả đều nhiếp thuộc cõi thấp kém.

Nếu chư Như Lai thì do thắng nghĩa nên cõi diệu làm duyên, chỉ thuyết lời diệu. Pháp sai biệt còn lại tùy chỗ thích hợp mà biết. Nếu sở hữu hành đi đến các cõi của các bậc thánh, nên biết đều là hiện pháp Niết-bàn.

Có ngoại đạo mạng chung rồi đến sanh trong thế gian đây, vì nhân tăng trưởng nên các duyên

hòa hợp, tạm được xuất gia ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Do kẻ kia đời trước là ngoại đạo có kiến hư vọng làm mê loạn, nên thời nay tích tập thành vô minh giới rộng lớn. Do đây làm nhân nên đối với Niết-bàn và Đại sư sanh khởi nghi hoặc, thối mất chánh pháp và Tỳ-nại-da, trở lại quy y ngoại đạo và các pháp ác thuyết. Kẻ kia do lực nhân đời trước huân tập thường xuyên... cho nên gọi là lời thấp... cho đến nói rộng. Còn lại tất cả nên biết như trước đã thuyết.

Lại nữa, ở chỗ ngoại đạo, đệ tử ngoại đạo mỗi mỗi rộng tuyên thuyết kiến thú riêng. Do “nhãn kiến y” sai biệt nên tóm lược có ba loại. Nếu ba loại đây nương chánh pháp, năng khiến vĩnh viễn xả triền và tùy miên. Do xả triền nên cũng theo đó xả tùy miên, sót thừa cũng không chấp giữ. Như thật rõ biết ở trong hiện pháp do triền kia nên cùng người đấu tranh hơn thua ganh ghét lẫn nhau, năng dẫn tất cả điều vô nghĩa cho mình, cho người. Tức biết đây rồi, xả bỏ tùy miên kia. Do xả đây nên tùy miên sót thừa và nhân các triền sót thừa rất ráo không chấp giữ.

Ở chỗ ngoại đạo rộng thi thiết kiến thú riêng

biệt, đó là chấp thế gian hoặc thường vô thường, nói rộng cho đến Như Lai diệt rồi về sau chẳng phải có chẳng phải không. Nếu trong đệ tử ngoại đạo có loại là tánh trì độn, nương theo thầy mình hoặc được người khác dạy dẫn, cứ như vậy không suy lường sâu, chấp thủ đả trước kiên cố, chỉ cho đây là chân thật, khác đây đều là ngu si hư vọng. Kẻ kia ở nơi tất cả kiến thú riêng khác thấy đều nhẫn thọ. Đây gọi là do nhẫn kiến y thứ nhất.

Lại có một loại đệ tử ngoại đạo là tánh trung căn, không phải trì độn, đối với pháp không thể tự nhiên mạnh mẽ tìm hiểu quán sát, cũng không theo lời liền sanh tin hiểu. Nhưng đối với các kiến thú triển chuyển trái nhau lại tùy vui thích hành theo một kiến. Kẻ kia đối với một loại kiến thú thì nhẫn thọ, với loại kiến thú khác thì không nhẫn thọ. Đây gọi là do nhẫn kiến y thứ hai.

Lại có một loại đệ tử ngoại đạo là tánh lợi căn. Kẻ kia đối với pháp có khả năng tự nhiên mạnh mẽ tìm hiểu quán sát. Do thấy các kiến thú ác dã thi thiết đều không đúng lý, nên đối với tất cả đều không vui thích. Do nhân duyên đây đều không nhẫn thọ các kiến thú. Đây lại chia làm hai

loại bổ-đặc-già-la: 1. Hành tà kiến, tánh không kham năng, ý không cầu hiểu; 2. Hành chánh kiến, tánh kham năng, có ý cầu hiểu.

1. Bổ-đặc-già-la tất cả đều không nhẫn thọ đầu tiên, đối với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, do tỷ lượng không như lý như vậy, không tư duy suy lường sâu, mà chấp cho là không đúng lý, phỉ báng Hiền thánh, nên khởi kiến “vô hữu”. Lại ở nơi tất cả các kiến thú khác đều không nhẫn thọ, phương tiện khiến “không chỗ ý dựa”, cũng khiến hoại diệt “không chỗ tông thừa”, hư vọng phân biệt kế chấp hiển thị “không chỗ ý dựa”. Chỗ dẫn kiến thú thường cùng với tất cả người có kiến riêng khác tranh luận xoay vần não hại lẫn nhau. Đây gọi là do nhẫn kiến y thứ ba.

2. Bổ-đặc-già-la tất cả đều không nhẫn thứ hai, đối với kiến của tất cả kẻ đều không nhẫn thọ trước, cũng không trụ vui thích, trụ tâm cầu hiểu mà đi đến chỗ người này. Sau khi nghe Phật và đệ tử Phật như thật hiển pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da rồi, tự nói: “Ta tất cả đều chẳng nhẫn thọ”. Phật, đệ tử Phật rõ biết người kia có ý cầu hiểu, tuệ hiểu biết mãnh lợi, tánh đủ kham nhiệm. Tức

dùng tâm nghĩ biết tâm người kia rồi, đối trước bổ-đặc-già-la mà hỏi rằng: “Ông đối với kiến của tất cả kẻ đều không nhận, vậy kiến đây cũng không nhận ư?”. Kia liền như thật đáp: “Đúng thế!” Như Lai bèn nêu ra trong chánh pháp đây cũng có các chúng đệ tử như vậy, tán thán khích lệ đối với kia, bảo rằng: “Ông cũng giống như nhiều người trong đây, chúng ta đối với tất cả các kiến thú, kể cả kiến “chẳng nhận” đều không nhận thọ. Ông nếu vậy cũng như người trong chúng đây, tức tất cả kiến y của các triền và tùy miên đều vĩnh viễn đoạn trừ, ở đời đương lai đều không kham năng lãnh thọ các kiến tạp nhiễm. Ông nay cùng chúng đây trọn không sai khác. Những người đồng kiến như vậy đã cực hiếm hoi, ông đối với việc đây mà triển chuyển chút ít lại là hiếm hoi hơn. Nếu ở nơi tất cả triền cùng tùy miên đều kiến “chẳng nhận”, thì năng vĩnh viễn đoạn trừ kia, đối với tất cả kia rất ráo không chấp giữ”. Như vậy Như Lai, đệ tử Như Lai phương tiện khiến đệ tử ngoại đạo kia đối với chánh trí kiến phát sanh mong muốn, thâm khởi niệm đây: “Ta quả không biết đệ tử Như Lai năng đoạn triền cùng tùy miên như vậy”. Như Lai

biết người kia đối với chánh trí kiến sanh mong muốn rồi, trở lại càng sách tấn khuyến phát tâm mong muốn của kia, khiến kia kính vâng lãnh thọ. Như Lai vì muốn khiến kia y chỉ hai lực đối trị là tư trạch và tu tập, vĩnh viễn đoạn tất cả triền và tùy miên, nên tuyên thuyết pháp yếu, khiến đây đạt được trí kiến không điên đảo, tư duy suy xét: “Những kẻ an trụ khác với chánh pháp “năng trái bỏ tất cả triền và tùy miên” đây có các kiến y, năng khiến triền chuyển xoay vẫn chia rẽ lẫn nhau. Do nhân duyên đây đấu tranh não hại nhau, năng dẫn tất cả những điều vô nghĩa cho mình cho người. Các thánh đệ tử Phật đối tất cả kia đều không chấp thủ. Giả sử có người đến hỏi cũng không ký biệt”. Quán sát thấy các lỗi lầm họa hoạn như vậy rồi, nương lực tư trạch mà xả ly các triền. Do nhân duyên đây, đối với kiến y kia năng vĩnh viễn hại diệt; đối với kiến y còn sót thừa, bởi nương chánh kiến cũng khiến kia không còn tồn tại. Kế đến, người kia vì muốn vĩnh viễn đoạn trừ các triền, nhổ bật tùy miên, nên tu niệm tuần thân, ở nơi thân hữu sắc, quán tánh vô thường; ở nơi thân nhiễm trước, tịnh tu nơi tâm; ở nơi phần vị các thọ

của tự thân, do môn vô thường quán tánh vô thường. Vì như thật rõ biết các danh sắc, nên ở nơi các lậu tâm được giải thoát. Quán thân hoại rồi, đương lai các thọ thấy đều đoạn diệt. Lại ở nơi thân đây trụ tướng sẽ hoại, cho đến mạng đang tồn tại đây thường năng lãnh thọ lìa hệ buộc của các thọ. Như vậy gọi là nương lực tu tập xả ly tùy miên. Nên biết trong đây do tham khuể si... khiến đời đương lai các khổ sanh... hòa hợp trói buộc, cũng khiến hiện pháp khởi nghiệp tạp nhiễm, cũng khiến hân cầu sự nhiễm vị lai; lại buông bỏ chấp thủ sự việc quá khứ rồi, chấp trước sự việc hiện tại đang hiện tiền. Lắm ý gọi là chống đối. Lắm lời gọi là cãi vã. Do ba tổn não gọi là tổn hại. Quán vô thường.. tướng đây như đã thuyết ở trước trong phần *Thanh văn địa*.

Lại nữa, tu bất tịnh, từ và bi đối trị tham, khuể và hại. Vì chưa đoạn hẳn kia, vì trong sở y, phẩm thô trọng của kia vẫn còn chủng tử nên năng sanh kia, tùy chỗ thích hợp gọi là dục tham giới, khuể giới và hại giới. Do có đây nên lúc thuận theo cảnh dục, khuể, hại hiện tiền, nương không như lý tác ý tư duy, ở nơi ba chủng cảnh không như

lý nắm giữ tướng hảo, tướng phát sanh. Nếu tướng đây sanh rồi, do chấp kiên cố nên biết phát khởi hai chủng quá hoạn hiện pháp và hậu pháp.

Trong đây sao gọi là chấp kiên cố? Sao gọi là quá hoạn hiện pháp? Sao gọi là quá hoạn hậu pháp? Nếu do lực tướng đã sanh tăng thượng, tương tự như trước hân cầu vui muốn phân biệt phát sanh nhiệt não tâm cầu sanh khởi, do nhân duyên đây gọi là tướng chấp kiên cố. Lại khi tâm cầu ở nơi ba xứ đây, do đây làm nhân, đối với các hữu tình phát khởi tà hạnh; hoặc kham chịu sở hữu ưu khổ năng sanh ở hiện pháp, do nhân duyên đây gọi là có khổ; hoặc không kham chịu, nhưng do kia đang hiện tiền, nên gọi là có thiếu thốn.

Lại có khổ và có thiếu thốn đây dụng 2 thứ làm duyên: 1. Dụng tay, đá, dao, gậy cùng lời thô của người khác... làm tăng thượng duyên, do duyên đây gọi là có tai hại; 2. Lấy việc an trú tạp nhiễm bên trong làm tăng thượng duyên, do duyên đây gọi là có thiêu não. Như vậy gọi là quá hoạn hiện pháp. Tức do nhân đây, ở đời đương lai sanh đến các đường ác, như vậy gọi là quá hoạn hậu pháp.

Lại đối với phẩm hắc đã lãnh thọ đây mà lại

thêm chấp kiên cố, nên biết cũng như nhà bằng cỏ lau khô là chỗ nương tựa thêm sức cho lửa kia; như trùng trong thiện pháp, đem lửa tà tưởng quăng vào trong ấy, thêm sức cho lửa kia năng thiêu rụi. Nên biết bổ-đặc-già-la đây như trùng, tất cả thiện pháp đều bị thiêu hại. Nếu không chấp kiên cố, nên biết thối lui hoại mất công đức thiện pháp. Trái với tất cả tướng trên, tùy chỗ thích hợp nên biết ra khỏi xa lìa, tưởng không khuể, không hại... an trụ hết thấy thiện sai khác.

Lại đối trong đây, tuệ văn-tư-tu năng khiến không chấp kiên cố phẩm hắc, năng khiến gìn giữ kiên cố phẩm bạch. Nếu khuyết ba chủng diệu tuệ đây, năng khiến chấp đắm kiên cố phẩm hắc, năng khiến không gìn giữ kiên cố phẩm bạch.

Lại nữa, Như Lai có 2 pháp rất hy hữu kỳ lạ: 1. Hiện thị tất cả pháp đều không có ngã; 2. Hiện thị tất cả hữu tình mình làm, người làm đều không hoại mất. Trong đây lược có 2 chủng hữu tình: 1. Phẩm tại gia; 2. Phẩm xuất gia.

Hữu tình tại gia vì cầu tài bảo, ban đầu mạnh mẽ phát gia hạnh, gọi là phát khởi cõi. Đối với việc đây nếu chưa đạt được, thuận theo tinh tấn,

các tâm dũng mãnh vượt qua nhân duyên chướng ngại, tức so với trước kia gọi là thế lực cõi. Nếu đã đạt được, lúc bị hết thấy sự tổn hại của muỗi ruồi, do thuận tinh tấn nên ở nơi chướng ngại kia mà không động chuyển, gọi là nhậm trì cõi. Tức các cõi đây từ nơi chốn này đến nơi chốn khác, từ chưa xả bỏ đến đã xả bỏ, gọi là xuất ly cõi. Tức hữu tình kia vì tài bảo nên có đầy đủ hai điều, đó là phát khởi gia hạnh không gián đoạn, ân trọng và gia hạnh không trì hoãn chậm chạp, gọi là dũng mãnh cõi.

Hữu tình xuất gia trước vui xuất gia, vì cầu xuất gia nên sanh “dục” quyết định, gọi là phát khởi cõi. Nương phẩm xuất gia, đối với thiện pháp rộng lớn phải đạt được không khiếm nhược, gọi là thế lực cõi. Ở nơi các khổ do chủng chủng rỉ lậu phát sanh, ở nơi các khổ do phát siêng tinh tấn phát sanh và ở nơi các khổ do các giới của thân không điều hòa phát sanh, không bị lui mất hư hoại, gọi là nhậm trì cõi. Ở nơi sự chứng đắc hạ liệt không sanh vui đủ, gọi là xuất ly cõi. Cho đến mạng còn tồn tại, thường tu gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, gọi là dũng mãnh cõi.

Như vậy tất cả các giới và tận sở hữu các phẩm loại cõi kia đều phải nên rõ biết.

Lại nữa, ở trong các cõi lược có 2 chủng tánh cõi sai biệt. Những gì là hai?

1. Tánh loại khác của các cõi sai biệt: đó là nhân giới khác, sắc giới khác, nhân thức giới khác... như vậy cho đến ý thức giới khác.

2. Tánh tự loại của các cõi sai biệt: tức ở cõi kia hoặc thuận thọ khổ, hoặc thuận thọ lạc, hoặc thuận thọ không khổ không lạc. Do đây làm duyên năng sanh ba thọ.

Lại nữa, do 4 nhân duyên nên biết kiến lập 3 chủng ba cõi, 2 xuất ly cõi.

Sao là bốn? 1. Vì không xuất ly, xuất ly ngoại xứ; 2. Vì không xuất ly, xuất ly nội xứ; 3. Vì không rốt ráo xuất ly, rốt ráo xuất ly; 4. Vì không tăng thượng mạn.

1. Không xuất ly, xuất ly ngoại xứ: nên biết trong đây dụng tham năm diệu dục bên ngoài làm duyên, kiến lập Dục giới. Tức do nghĩa xuất ly cõi đây, kiến lập Sơ tinh lự Sắc giới đầu tiên. Do nghĩa xuất ly tâm hỷ lạc, nên kiến lập ba chủng tinh lự cao hơn. Do nghĩa xuất ly chủng chủng tánh tương

sắc có đối ngại, kiến lập Không vô biên xứ nhiếp lấy Vô sắc giới. Do nghĩa xuất ly tướng không, thức, vô sở hữu kiến lập cõi cao hơn nhiếp lấy Vô sắc giới. Như vậy vì nghĩa không xuất ly, xuất ly ngoại xứ, nên biết kiến lập ba cõi sai biệt.

2. Không xuất ly, xuất ly nội xứ: trong Sắc giới đầy đủ sáu nội xứ viên mãn. Trong Vô sắc giới đều đã siêu vượt năm hữu sắc xứ, duy còn lại ý xứ. Ở trong Diệt giới đều đã siêu vượt tất cả sáu xứ. Như vậy vì nghĩa không xuất ly, xuất ly nội xứ, nên biết kiến lập ba cõi sai biệt.

3. Không rốt ráo xuất ly, rốt ráo xuất ly: trong Sắc giới, chẳng phải ở đây rốt ráo xuất ly Dục giới. Trong Vô sắc giới, chẳng phải ở đây rốt ráo xuất ly Sắc giới nên biết cũng vậy. Nếu các hữu vi thấy đều tịch diệt, nên biết đây là rốt ráo xuất ly. Như vậy vì nghĩa không rốt ráo xuất ly, rốt ráo xuất ly, nên biết kiến lập ba cõi sai biệt.

4. Không tăng thượng mạn: do biết khắp nên biết kiến lập năm chủng, sáu chủng các xuất ly cõi, như *Tam-ma-hi-đa-địa* đã biện tướng đây.

Lại nữa, nếu các Bí-sô chuyên chí vui tịch tĩnh siêng tu Chỉ Quán, lược do 5 tướng nên biết

tâm đây gọi là đắc giải thoát: 1. Huân tu Chỉ nơi tâm, nương Quán giải thoát các tùy phiền não phẩm Chỉ; 2. Huân tu Quán nơi tâm, nương Chỉ giải thoát các tùy phiền não phẩm Quán; 3. Hai chủng chuyển vận song song, lìa tâm tùy hoặc, giải thoát tất cả sở hữu các hành kiến đạo sở đoạn; 4. Tức do đây nên giải thoát tất cả sở hữu các hành tu đạo sở đoạn, trụ Hữu dư y Bát-niết-bàn giới; 5. Giải thoát tất cả khổ, các hành y, trụ Vô dư y Bát-niết-bàn giới.

Lại ở trong thiện pháp Tỳ-nại-da lược có 2 pháp rất hy hữu kỳ lạ của Thầy và đệ tử: 1. Kiến bình đẳng tùy khởi ngôn thuyết; 2. Kiến tối thắng tùy khởi ngôn thuyết. Hai chủng như vậy trong pháp ngoại đạo đều chẳng thể có được, vì sở tác sai biệt, vì xa lìa Niết-bàn.

Lại nữa, ngu phu thế gian lược có 2 chủng tướng ngu si: 1. Vui tích tập hành, năng dẫn mình người hành nghĩa không lợi; 2. Ở nơi bốn xứ không được thiện xảo.

1. Năng dẫn hành nghĩa không lợi có 4 chủng tướng. Những gì là bốn? Vì năng sanh khởi 4 chủng khổ: 1. Khổ do người khác gây ra; 2. Khổ do bên

trong gây ra; 3. Khổ do thời gây ra; 4. Khổ do thân gây ra.

Khổ do người khác gây ra: Hoặc có dịch bệnh do phi nhân làm; hoặc có tai hoạn do người làm; hoặc đã bị bức bách, hoặc sợ sẽ bị bức bách, hoặc đối với sự việc chưa bức bách mà sanh hãi sợ. Như vậy gọi là do người khác tăng thượng phát sanh các thứ khổ.

Khổ do bên trong gây ra: Các giới trái nhau là nhân duyên sanh ra tật bệnh, gọi là tai hoạn. Điều yêu thích bị biến hoại, điều mong cầu bị thiếu thốn phát sanh tâm nhiễm não, gọi là ưu não. Như vậy gọi là do bên trong tăng thượng phát sanh các thứ khổ. Đây lại nên biết như trước, hoặc đã bị bức bách, hoặc sợ sẽ bị bức bách, hoặc đối với việc chưa bức bách mà sanh hãi sợ.

Khổ do thời gây ra: Các phẩm loại khổ như vậy quá khứ đã gặp, vị lai sẽ gặp, hiện tại nay gặp. Như vậy gọi chung là do thời sai khác phát sanh các khổ.

Khổ do thân gây ra: Tự mình tập hành tà hạnh làm nhân năng khiến phát sanh khổ. Do nhân duyên đây cũng khiến người hành như vậy,

năng khiến phát sanh khổ. Như vậy gọi là do thân phát sanh các thứ khổ.

Nên biết trong đây 3 chủng khổ trước gọi là năng dẫn bản thân hành nghĩa không lợi, 1 chủng khổ sau gọi là năng dẫn người hành nghĩa không lợi.

2. Bốn xứ không được thiện xảo: Tức là ở trong các cõi, các xứ, duyên khởi và xứ phi xứ đều không thể thông đạt rõ biết.

Trái với tướng trên nên biết tức là hai tướng thông tuệ.

Lại do *vô sắc ý xứ*, tự loại sở y, sở duyên lưu chuyển sai biệt, nên biết kiến lập có 18 cõi. Do *năm sắc xứ*, thể tánh sở y an lập, vận chuyển, rong ruổi sai biệt, nên biết kiến lập sáu giới hữu dư. Thể tánh sở y an lập sai biệt tức là bốn cõi... Thể tánh sở y vận chuyển sai biệt tức là không giới. Thể tánh sở y rong ruổi sai biệt tức là thức giới. Do nghĩa nương tựa tâm tư và tướng phẩm nhiễm phẩm tịnh, nên biết kiến lập sáu cõi hữu dư, đó là dục, khuể, hại, gồm cả đối trị kia. Do nghĩa nương tựa tham sân si phược, nên biết kiến lập sáu cõi hữu dư, đó là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả và vô minh. Nếu phi

lý tác ý tư duy, tức liền sanh khởi tâm tư tà tưởng. Nếu như lý tác ý tư duy, tức liền sanh khởi tâm tư chánh tưởng.

Lại do nghĩa ba cõi nhiễm tịnh, hai phẩm vào khắp hành, nên biết kiến lập bốn cõi hữu dư, đó là bốn uẩn được nhiếp bởi danh.

Lại do sự nhiễm, sự tịnh, tức bất tịnh, thanh tịnh đây tăng thượng, như trước đã thuyết nghĩa “không xuất ly, xuất ly ngoại xứ”, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới; như trước đã thuyết nghĩa “không xuất ly, xuất ly nội xứ”, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là Sắc giới, Vô sắc giới và Diệt giới.

Lại do nghĩa “hai sự xuất ly, không xuất ly nội ngoại xứ” tăng thượng, tức lắng nghe chánh pháp hoặc bất chánh pháp, như lý tư duy hoặc chẳng như lý tư duy, nương ba chủng ngôn sự sai biệt, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi quá khứ, cõi vị lai và cõi hiện tại.

Lại do nghĩa sở tri các khổ phiền não phẩm thượng trung hạ, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi thấp kém, cõi trung và cõi diệu. Hoặc có khổ và phiền não phẩm thượng, gọi là cõi thấp

kém. Hoặc có khổ và phiền não phẩm trung, gọi là cõi trung. Hoặc có khổ và phiền não phẩm hạ, gọi là cõi diệu. Như vậy biết khắp cõi thấp kém, trung, diệu.

Lại do nghĩa xa lìa nhân duyên và do nghĩa tu tập đối trị đây, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi thiện, cõi bất thiện và cõi vô ký.

Lại do tu thiện thanh tịnh sai biệt, nên có nghĩa khuyết phược, nghĩa không phược, nghĩa đủ phược, nên biết kiến lập ba cõi hữu dư, đó là cõi học, cõi vô học và cõi phi học phi vô học.

Lại do nghĩa hàng hữu học, vô học và các ngu phu kia hoặc cùng chung, không cùng chung, thành tựu pháp thế xuất thế, nên biết kiến lập hai cõi hữu dư, đó là cõi hữu lậu và cõi vô lậu.

Lại do nghĩa thế gian, xuất thế gian kia hoặc thường, vô thường, hoặc hữu thượng, vô thượng sai biệt, nên biết kiến lập hai cõi hữu dư, đó là cõi hữu vi và cõi vô vi. Tất cả đều vì hướng đến Niết-bàn, đều lấy Niết-bàn đây làm biên cuối cùng cho sự tu tập thành thực phạm hạnh, cho nên vượt quá đây thì không kiến lập cõi.

Lại sở hữu thiện xảo về tướng của các xứ duyên

khởi và xứ, phi xứ nên biết như đã biện ở trước trong *Thanh văn địa*.

Lại nếu lược thuyết tướng thiện xảo của xứ và phi xứ, đó là hoặc nương hành hương đến năm đường, hoặc nương hành hương đến Niết-bàn. Tất cả hành đây lược có ba chủng là thấp kém, trung bình, thù thắng. Hành hương đến đường ác gọi là thấp kém. Hành hương đến đường thiện gọi là trung bình. Hành hương đến Niết-bàn gọi là thù thắng. Vì có sao? Vì tận cùng của hành hương đến đường thiện đây, tức hành tất cả thiện không sót thừa, mới năng chiêu cảm sự viên mãn cùng tột của thế gian, đó là năng cảm được thân Chuyển luân vương, hoặc thân Đế Thích, hoặc thân Ma-la, hoặc thân Đại phạm. Lại không có bổ-đặc-già-la thứ hai khác, hoặc nam hoặc nữ sánh được với thân trên. Hành hương đến Niết-bàn nên biết năng chứng pháp tánh thắng vượt hơn so với tất cả hữu tình, đó là Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề và Vô thượng Bồ-đề. Nhưng chư Phật Như Lai so với tất cả kia lại càng tối thắng, tất cả bổ-đặc-già-la trong tam thiên đại thiên thế giới không người sánh xứng.

Lại, người sở hữu an trụ Bồ-đề có ít công đức, nếu so với người thế gian thành tựu vị tăng thượng, còn là thù thắng, hà huống Như Lai. Việc kia lại thế nào? Đó là ở nơi xứ đây, bồ-đặc-già-la có đầy đủ chánh kiến, không năng hiện hành thành tựu vị thế gian tăng thượng mà các loại dị sanh kham nhiệm hiện hành, nên biết tất cả như kinh đã rộng thuyết.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Tự tánh, cùng nhân duyên

Kiến, nhiễm, số thủ thú

Chuyển sai khác, đạo lý

Tịch tĩnh, sau quán sát.

1. Tự tánh các thọ, phải nên rõ biết; 2. Nhân duyên các thọ, phải nên rõ biết; 3. Ở nơi thọ sanh khởi chánh kiến, phải nên rõ biết; 4. Ở nơi thọ sanh khởi tạp nhiễm, phải nên rõ biết; 5. Ở nơi thọ, bồ-đặc-già-la năng lãnh thọ, có hai lực là tư trạch, không tư trạch sai biệt, phải nên rõ biết; 6. Ở nơi thọ, bồ-đặc-già-la giải thoát, không giải thoát, phẩm lưu chuyển sai khác, phải nên rõ biết; 7. Đạo lý các thọ đều là khổ, phải nên rõ biết; 8. Các thọ

tịch tĩnh, đừng nghĩ sai biệt, phải nên rõ biết; 9. Ở nơi thọ quán sát các tướng thọ, phải nên rõ biết.

1. *Tự tánh*: Nói tóm lược ba thọ là tự tánh thọ.

2. *Nhân duyên*: Ba phẩm loại xúc là nhân duyên thọ.

3. *Ở nơi thọ sanh khởi chánh kiến*: Các thọ lạc vì pháp biến hoại, vì nương tựa tham, vì tham là nhân các khổ đương lai, do đây nên quán thọ lạc là khổ. Nếu các thọ khổ lúc hiện tại tiền tánh nào hại, như trúng tên độc mà chưa nhổ được, do đây nên quán thọ khổ như tên. Thọ không phải khổ lạc, vì đã diệt hoại tức vô thường, vì đang lúc hiện tiền tức pháp diệt, vì cả hai lúc lại năng thuận theo tiếp nối, do đây nên quán thọ không phải khổ lạc tánh là vô thường, tánh là pháp diệt. Như vậy ở nơi thọ mà sanh khởi chánh kiến, năng tùy nhập vào chỗ có các thọ thấy đều là khổ.

4. *Ở nơi thọ sanh khởi tạp nhiễm*: Ở trong thọ lạc có tham tùy miên. Ở trong thọ khổ có sân tùy miên. Ở thọ không phải khổ lạc có vô minh tùy miên. Đây gọi là ở nơi thọ phát khởi tạp nhiễm. Ở nơi phần vị của sở hữu các thọ hiện tiền như lạc...

tất cả đều chưa đoạn trừ sự đuổi theo ngũ ngẫm của phiền não tùy miên, do duyên kia sở hành mỗi mỗi riêng khác, nên các triền sanh khởi. Đây về sau có phiền não tùy miên đuổi theo trói buộc, tức gọi là ở nơi kia tương tục tùy miên. Vì muốn vĩnh viễn hại các tùy miên, nên tu phạm hạnh thuần thực, chẳng phải chỉ vì trừ khiển nhân duyên các triền.

5. *Ở nơi thọ, bổ-đặc-già-la năng lãnh thọ, có hai lực là tư trạch, không tư trạch sai biệt:* Bổ-đặc-già-la không có lực tư trạch, lúc lãnh nạp thọ khổ tâm rất ưu buồn, tức là lúc hoặc thân, hoặc tâm hiện tiền lãnh nạp thọ khổ đây. Còn lại thọ lạc, thọ không phải khổ lạc vì chưa đoạn trừ, nên tùy theo đó mà tương ưng. Do đây gọi là hiện thấy đầy đủ hãm thọ tối tăm mà khó đến được tận đáy. Bổ-đặc-già-la có lực tư trạch, nên biết tất cả trái với tướng trên.

6. *Ở nơi thọ, bổ-đặc-già-la giải thoát, không giải thoát, phẩm lưu chuyển sai khác:* Bổ-đặc-già-la nơi các thọ tâm chưa giải thoát, hoặc chỉ ở nơi thọ khổ lãnh nạp trọn vẹn, giống như một người trúng hai mũi tên độc, hai mũi tên tức dụ cho ba thọ. Hoặc tâm nhiễm ô lãnh nạp, tức là do tham

sân si. Hoặc tương ưng lãnh nạp, tức là do khổ sanh... Như vậy kẻ kia vì ở hiện pháp có khổ phẩm thượng, vì ở hiện pháp có các tạp nhiễm, vì ở hậu pháp có các khổ, do vậy ở nơi các xứ mà lãnh thọ nhiễm não của chúng.

Lại bổ-đặc-già-la ở nơi các thọ tâm giải thoát, nên biết tất cả trái với tướng trên. Nhưng đây có sự sai biệt ở chỗ tức lãnh nạp đầy đủ ba thọ.

Lại nếu có thọ lưu chuyển, ở trong chỗ nương sanh rồi hư hoại tiêu tán, nhanh chóng biến đổi suy tàn, không trải qua nhiều thời tương tự tương tục mà chuyển, nên quán thọ đây giống như gió xoáy. Nếu có các thọ lưu chuyển trải qua ít thời, dừng lại tương tục tương tự, không nhanh chóng biến hoại, nên quán thọ đây như sắc loại khách trọ trong nhà trọ.

Lại tự tánh các thọ kia nương tựa phẩm nhiễm tịnh riêng khác, nên biết gọi là phẩm loại thọ sai biệt. Thọ có mùi vị là các thọ thế gian. Thọ không mùi vị là các thọ xuất thế gian. Thọ nương đắm say vui thích là các thọ nhiễm ô ở năm diệu dục. Thọ nương ra khỏi xa lìa là các thọ đồng hành các thiện định địa, thiện bất định địa do tất cả xuất ly,

viễn ly sanh khởi.

7. *Đạo lý các thọ đều là khổ*: Đó là các thọ khổ, tất cả chúng sanh hiện tiền đều biết là khổ, nên không giả mượn thành lập. Hai thọ còn lại do hai nhân duyên nên biết là khổ. Đó là thọ chẳng phải khổ lạc và các hành năng thuận theo thọ đây, do vô thường nên biết là khổ. Thọ lạc và các hành năng thuận theo thọ đây, do pháp tánh biến hoại nên biết là khổ. Do đạo lý đây nên biết các thọ thấy đều là khổ.

8. *Các thọ tịch tĩnh, dừng nghỉ sai biệt*: Các thọ kia nên biết lược có 3 chủng tịch tĩnh: 1. Do nương thượng định địa, nên các thọ ở hạ địa đều được tịch tĩnh; 2. Do tạm thời không hiện hành mà được tịch tĩnh; 3. Do đương lai rất ráo chẳng chuyển mà được tịch tĩnh. Nên biết trong đây tạm thời không hành chuyển, gọi là tịch tĩnh. Khiến đây rất ráo thành pháp không hành chuyển, gọi là dừng nghỉ.

Vui luận nói, tức là rộng sanh khởi nói năng luận bàn. Nhiễm ô vui muốn triển chuyển phát khởi chủng chủng luận bàn, gọi là ngôn ngữ. Ngôn ngữ như vậy nếu chánh chứng nhập định Sơ tĩnh

lự, tức liền tịch tĩnh.

Lại tâm tứ thô năng phát ngôn ngữ, hoặc người chưa đắc định, hoặc người đã đắc rồi từ định khởi, năng phát ngôn ngữ thì chẳng phải đang tại định. Người ở tại định tuy có tâm tứ vi tế tùy chuyển, mà không năng phát ngôn ngữ, cho nên ở vị đây gọi là tất cả ngôn ngữ tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ nhất.

Lại thầy Du-già ở nơi tham sân si thấy sâu quá hoạn, lãnh nạp các thọ an trụ lia hệ buộc của tham sân si, luôn luôn biết khắp, luôn luôn đoạn diệt tham sân si kia. Cho nên ở nơi tham sân si tâm đây được lia nhiễm, giải thoát.

9. Ở nơi thọ quán sát các tướng thọ: Do 7 hành, ở trong các thọ quán 7 tướng thọ: 1. Quán tự tánh các thọ; 2. Nhân duyên lưu chuyển, hoàn diệt hiện tại; 3. Nhân duyên lưu chuyển đương lai; 4. Nhân duyên hoàn diệt đương lai; 5. Nhân duyên tạp nhiễm; 6. Nhân duyên thanh tịnh; 7. Thanh tịnh.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

Thọ sanh khởi, liệt thấy

*Tướng sai khác của thọ
Kiến thấy là tối thắng
Biết sai biệt, hỏi, đáp.*

Tất cả hữu tình nên đoạn các thọ. Tóm lược có 3 nhân duyên khiến các thọ được sanh khởi: 1. Duyên dục, đó là ở đời vị lai; 2. Duyên tâm, đó là ở đời quá khứ; 3. Duyên xúc, đó là ở đời hiện tại cảnh giới hiện tiền.

Sao gọi là tất cả hữu tình? Chúng hữu tình lược có 8 chủng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng chưa lìa tham đối với các dục; 4. Chúng đã lìa tham đối với các dục; 5. Chúng chưa lìa tham Sơ tinh lự; 6. Chúng đã lìa tham Sơ tinh lự; 7. Chúng các ngoại đạo chưa lìa tham từ Sơ tinh lự trở lên cho đến Phi phi tướng xứ, năng nhập định thế gian, đầy đủ tà kiến cho đến tà giải thoát trí; 8. Chúng ở trong nội pháp năng nhập định thế gian, đầy đủ chánh kiến cho đến chánh trí giải thoát, và chúng an trụ nội pháp năng nhập định xuất thế gian. Do biết khắp các thọ mà tám chúng đây nương năng lãnh nạp các thọ, nên biết thấu nhiếp khắp các chúng hữu tình.

Lại, chúng tại gia hoặc chúng xuất gia ở trong các dục mà chưa lìa tham, do ba nhân duyên khiến các thọ nhiễm ô được sanh khởi: 1. Do lực nhiễm trước; 2. Do lực tác ý; 3. Do lực cảnh giới.

Nên biết trong đây các kẻ tại gia truy cầu các dục để thọ dụng, phát sanh vui muốn là do lực nhiễm trước; tức không như lý tư duy việc đã từng lãnh thọ trước kia, là do lực tác ý; đối với cảnh giới đang hiện tiền, lại hiện tại thọ dụng, là do lực cảnh giới. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy vì duyên dục, duyên tầm, duyên xúc hiện hành nên chẳng được tịch tĩnh, lấy đây làm duyên phát sanh ba thọ.

Lại do ban đầu dục, tầm, xúc nhiễm ô hiện hành, nên lãnh nạp duyên kia sanh khởi các thọ. Nếu kia sanh rồi, nhiễm trước không xả, cũng không trừ khiển, như vậy thọ kia trường thời tương tục lưu chuyển chẳng dứt, chẳng được tịch tĩnh. Vì duyên không tịch tĩnh, trường thời tương tục lãnh nạp các thọ.

Lại dục tầm xúc kia vì ban đầu trường thời tương tục hằng hiện hành; vì duyên kia, phẩm kia, chỗ có phiền não rơi trong sự tương tục chưa vĩnh

viễn đoạn trừ, nên gọi là duyên không tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ hai.

Những người xuất gia chưa lìa tham, ở nơi các dục năng xả bỏ, nên lực nhiếp trước nhiếp thọ dục tuy được tịch tĩnh, mà lực tác ý và lực cảnh giới nhiếp thọ hoặc tầm hoặc xúc chưa tịch tĩnh. Do nhân duyên đây, tuy kia sống một mình mà chưa khéo tu đối trị tầm, chưa hành ly dục tất cả; đối với cảnh từng lãnh thọ, có tác ý tầm tư không như lý hiện hành; đối với các cảnh giới thắng diệu hiện tiền, có xúc hiện hành. Như thế dục đã được tịch tĩnh, còn lại tầm và xúc chưa tịch tĩnh. Nếu ở nơi tầm tư thấy sâu quá thất, đã khéo tu đối trị kia rồi mà chưa hành rốt ráo ly dục tất cả, do nhân duyên đây tầm đã tịch tĩnh, chỉ còn xúc chưa được tịch tĩnh, nên lúc gặp cảnh thắng diệu hiện tại tiền, các xúc nhiễm ô liền lại sanh khởi. Nếu người ở nơi các dục đã lìa tham, nên biết tất cả đều được tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ nhất.

Lại có một loại ở trong các dục chưa lìa tham, ở nơi các dục sở hữu tham dục chưa vĩnh viễn đoạn trừ, ở nơi các tầm nhiễm xúc chưa vĩnh viễn đoạn trừ, do đây tất cả đều chưa tịch tĩnh. Nếu ở nơi các

dục tham cõi Dục đã đoạn, chứng Sơ tĩnh lự, bấy giờ dục đã tịch tĩnh mà tâm chưa tịch tĩnh. Nếu ở Sơ tĩnh lự đã lìa tham, cho đến ở Phi tướng phi phi tướng xứ chưa lìa tham, thì hai thứ dục và tâm đã tịch tĩnh, nhưng xúc chưa tịch tĩnh. Vượt qua Hữu đánh, tất cả đều được tịch tĩnh. Đây gọi là môn nghĩa sai biệt thứ hai.

Lại, chúng ngoại đạo năng nhập định thế gian, đầy đủ tà kiến cho đến tà giải thoát trí, do kia làm duyên sanh khởi các thọ, nên ở nơi kia có sự nhiễm trước. Lại do phẩm phiền não tùy phược kia, nên duyên không tịch tĩnh như vậy mà các thọ sanh khởi.

Lại, chúng trụ nội pháp năng nhập định thế gian, đầy đủ chánh kiến cho đến chánh giải thoát trí, do kia làm duyên sanh khởi các thọ, nên ở nơi kia có sự nhiễm trước. Lại do phẩm phiền não tùy phược kia, nên duyên không tịch tĩnh như vậy mà các thọ sanh khởi.

Lại chúng an trụ nội pháp năng nhập định xuất thế gian, nếu nương hướng đạo triển chuyển, việc mình chưa rốt ráo nên phát khởi các dục, đó là vì đặc điều chưa đặc, vì chứng điều chưa chứng,

vì xúc điều chưa xúc; mong cầu như vậy: “Ta ở xứ đây lúc nào sẽ đắc”, nói rộng như trước dục tâm xúc chưa tịch tĩnh. Do đây làm duyên nên lúc bấy giờ các thọ sanh khởi. Nếu ở nơi việc mình đã được rốt ráo, dục được tịch tĩnh, do duyên tịch tĩnh liền có các thọ tịch tĩnh bậc nhất không gì vượt hơn sanh khởi. Người kia ở nơi tất cả sở hữu các thọ, như thật rõ biết phương tiện ra khỏi xa lìa. Cho nên ở trong các Sa-môn đệ nhất nghĩa được chấp nhận là Sa-môn, ở trong các Phạm chí được chấp nhận là Phạm chí. Nếu không rõ biết phương tiện ra khỏi xa lìa các thọ kia, nên biết ở trong các Sa-môn đệ nhất nghĩa đều không chấp nhận cho kia là Sa-môn, Phạm chí. Nên biết trong đây tất cả các thọ không có khác biệt, đều từ xúc làm duyên. Lại tức duyên dục đây, cũng là duyên tâm, cũng là duyên cảnh giới ngu si nhiếp lấy vô minh, cũng là duyên ấy. Như vậy tất cả đều không chánh tư duy và rơi trong sự tương tục của phẩm phiền não, lấy đó làm tập kia. Do đây diệt nên kia cũng tùy diệt. Đạo chánh kiến... nên biết gọi là năng hướng đến diệt hành.

Lại nữa, các Thánh đệ tử trụ thân tác chứng

xa lìa hỷ, năng đoạn năm pháp, năng tu năm pháp khiến được viên mãn. Nên biết tướng đây như *Tam-ma-hý-đa-địa* trước đã rộng biện. Lại hỷ, lạc, xả phẩm liệt, trung, thắng, đó là ở Dục giới và ở bốn tinh lự, như chỗ thích hợp nên biết tướng đây. Lại vì xả ở Đệ tứ tinh lự địa đều xa lìa tất cả quá hoạn, nên gọi là thiện thanh tịnh. Nếu xả của các địa cao hơn, lại có thể lập là thù thắng không ái vị.

Lại nữa, do 10 chủng tướng nên biết sự sai khác của các thọ: 1. Thắng nghĩa sai khác; 2. Sở y lưu chuyển sai khác; 3. Tự tướng sai khác; 4. Tánh tận sở hữu sai khác; 5. Tự tướng phẩm loại sai khác; 6. Môn lưu chuyển sai khác; 7. Môn tạp nhiễm sai khác; 8. Sở trị, năng trị sai khác; 9. Thời sai khác; 10. Sát-na triển chuyển sanh khởi sai khác.

Trong đây, nếu có người không hiểu biết nói lời như vậy: “Thọ chỉ có hai chủng, chỗ gọi là khổ và lạc”. Tuy lại nói có không khổ không lạc, nhưng chỗ hiển là khổ lạc vô tánh. Cho nên Thế Tôn nương khổ lạc tịch tĩnh như vậy mà giả thuyết là có.

Thế Tôn vì muốn khai thị khiến kia hiểu nên nói lời như vậy: “Lạc có hai chủng, chỗ gọi là dục

lạc và xa lìa lạc”. Xa lìa lạc đây lại có 3 chủng: 1. Liệt lạc; 2. Trung lạc; 3. Thắng lạc. Liệt lạc: từ Vô sở hữu xứ trở xuống. Trung lạc: đệ nhất hữu. Thắng lạc: tưởng thọ diệt.

Đã “có” là lý thọ lạc, cũng gọi là tịch tĩnh, đó là ở trong sơ, nhị, tam tĩnh lự. Thọ không phải khổ lạc cũng gọi là tịch tĩnh, đó là ở Đệ tứ tĩnh lự trở lên cho đến Hữu đẳng. Tất cả thọ “không” cũng gọi là tịch tĩnh, đó là tại Diệt định. Nhưng trong phạm vi đệ nhất nghĩa, Phật Thế Tôn thuyết có ba chủng lạc tịch tĩnh hơn cả. Đó là các Bí-sô tâm ở nơi tham đây lìa nhiễm, giải thoát; như ở rơi tham, thì ở nơi sân, ở nơi si nên biết cũng vậy. Như vậy tất cả tổng có ba lạc: 1. Lạc phải xa lìa; 2. Lạc cần tu tập, trụ hữu thượng; 3. Lạc tối cực rốt ráo giải thoát, trụ vô thượng.

Lạc phải xa lìa là lạc của các dục. Lạc cần tu tập là các lạc từ Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng. Lạc trụ hữu thượng là Diệt tận định, đây cũng gọi là lạc nên tu tập. Lạc tối cực rốt ráo giải thoát, trụ vô thượng là như trước thuyết ba lạc thù thắng hơn cả. Chẳng phải dựa theo thọ lạc mà nói ở Diệt tận định có lạc, nhưng vì đoạn trừ thọ lạc nên gọi là

lạc. Lại, trụ lạc đây thật thù thắng.

Lại tức nương định đây mà “hữu lạc” khả đắc, nên gọi là lạc. Như có người từ định khởi rồi có chỗ lãnh thọ, tác lời như vậy: “Ta đã trụ nhiều sắc loại tịch tĩnh lạc trú tối thắng như thế như thế”. Do nương đây nên gọi là “hữu lạc”.

Lại nữa, nếu có Bí-sô nương tựa sắc loại kiến văn cùng hữu tướng lạc được không gián đoạn, theo đó thu được các lậu vĩnh viễn tận, nên biết kiến đây gọi là kiến tối thắng, cho đến hữu đây gọi là hữu tối thắng. Từ vô ngã kiến lại chẳng tìm cầu kiến thù thắng khác ngoài vô thường kiến, tức đây không gián đoạn tùy thu được lậu tận, cho nên kiến đây gọi là kiến tối thắng. Đã nương tựa kiến đây, lại do 4 môn mới năng theo đó thu được các lậu vĩnh viễn tận: 1. Hoặc theo người lắng nghe chánh pháp; 2. Hoặc nương bốn lạc trú hiện pháp; 3. Hoặc nương ba chủng tướng định, đó là từ Không vô biên xứ cho đến Vô sở hữu xứ; 4. Hoặc hữu cõi trời, hoặc hữu cõi người, từ đây mà biết lắng nghe đây so với lắng nghe khác, lạc đây so với lạc khác, tưởng đây so với tưởng khác, hữu đây so với hữu khác, nói là tối thắng.

Lại nữa, do khắp rõ biết nên biết khắp các sự. Ở nơi Khổ đế đây được giải thoát khắp, ở nơi Tập đế đây được giải thoát thù thắng, ở Diệt đế đây năng chánh tác chứng, ở Đạo đế đây năng chánh tu tập. Đối với biên khổ, chân chánh năng tùy đắc, tức là ở Khổ đế được giải thoát khắp. Ở nơi các lậu tận năng tùy chứng đắc, tức là ở nơi Tập đế được giải thoát thù thắng. Nên chán nên lìa nên giải thoát, tức là ở Diệt đế năng chánh tác chứng. Ở nơi vô thường... tùy quán trụ, tức là ở Đạo đế năng chánh tu tập.

Lại do 10 tướng nên rõ biết cảnh sự sai biệt:

1. Các hành đã sanh hệ thuộc mạng căn trụ vững, nhân sai biệt; 2. Các hành hữu sắc, vô sắc triển chuyển nương nhau trụ vững, lưu chuyển sai biệt; 3. Các hành vô sắc nhập môn pháp tánh vô thường sai biệt; 4. Tâm, các tạp nhiễm y xứ sai biệt; 5. Tất cả các hành, tất cả phẩm loại đều chung là khổ sai biệt; 6. Nghiệp tịnh bất tịnh, quả, môn, thọ dụng sai biệt; 7. Ngăn mé của sở hành hữu thức hỷ lạc sai biệt; 8. Ngăn mé chỗ nương ái, khuể sai biệt; 9. Ngăn mé nơi sanh đến, vui thích, chấp đắm, ẩn giấu, an trụ của hữu tình sai biệt; 10. Ngăn mé chỗ

nương đọa vào cõi ác sai biệt.

Lại sự phẩm thanh tịnh nên đạt được, nên tu tập tăng thượng có 10 chủng sai biệt khác nhau: 1. Tu tập thiện pháp không gián đoạn tăng thượng có vô biên sai biệt; 2. Y chỉ tâm giải thoát, tuệ giải thoát sai biệt; 3. Ngăn mé thắng tam-ma-địa sai biệt; 4. Ngăn mé ở nơi tất cả cảnh sở tri tâm bị trói buộc sai biệt; 5. Giải thoát phương tiện sai biệt; 6. Giải thoát sai biệt; 7. Hiểu biết hết thấy nghĩa chân thật sai biệt; 8. Hiện tiền hiểu biết hết thấy, sau thọ học ba học sai biệt; 9. Hiện pháp lạc trú lúc đang học, lúc đã học sai biệt; 10. Chánh chứng thần thông rộng hành sai biệt.

Lại nữa, tức nương *sai biệt* đã thuyết như trên, nên sanh khởi luận hỏi. Người nêu vấn đề, tức vì chưa rõ nghĩa lý. Người trả lời, tức là đã rõ nghĩa lý. Nên biết trong đây do 4 nhân duyên chẳng nên cùng luận bàn với người năng thỉnh hỏi; do 4 nhân duyên chẳng nên cùng luận bàn với người năng trả lời.

Bốn chủng trước: 1. Ở nơi hiện lượng: tức là khi người trả lời chỉ bày hiện lượng thấy, mà người thỉnh hỏi không lãnh thọ thông hiểu; 2. Ở nơi

đúng lý: khi người trả lời chân chánh thì thiết phân biệt so sánh, mà người thỉnh hỏi không lãnh thọ thông hiểu; 3. Ở nơi nhân: cần yếu phải tự tu hành tự nhiên sẽ hiểu rõ, mà người thỉnh hỏi không lãnh thọ thông hiểu; 4. Ở nơi chẳng phải nhân: bậc luận chánh trí thân cận tự diễn thuyết, mà đối với chí giáo đây người thỉnh hỏi cũng không lãnh thọ thông hiểu. Cho nên đối với người năng thỉnh hỏi như vậy, thì không nên cùng luận bàn.

Bốn chủng sau: 1. “Tất cả hành đều là vô thường; tất cả các pháp đều không có ngã; tất cả nơi sanh đến đều chẳng đáng vui; nghiệp tịnh, bất tịnh trọn không hoại mất”, đây là một hướng trả lời; 2. Hoặc “Nghiệp do cố tư duy gây tạo sẽ lãnh thọ khổ”, đây chẳng phải một hướng trả lời; hoặc “Thành tựu xả, ở trong hiện pháp quyết định Bát-niết-bàn”, đây cũng chẳng phải một hướng trả lời; 3. Hoặc có người hỏi rằng: “Tạo tác nghiệp rồi đến cõi thiện chẳng?”. Nên hỏi lại rằng: “Ông hỏi nghiệp nào?”. Nếu có người hỏi rằng: “Tu tập đạo rồi đắc Niết-bàn chẳng?”. Nên hỏi lại rằng: “Ông hỏi đạo nào, là thế gian, hay là xuất thế gian?”; 4. Người luận trả lời trực tiếp, tức là nương theo tất

cả sở hữu kiến thú. Như vậy gọi là bốn chủng chân chánh trả lời người hỏi, gọi là khéo năng trả lời, nên có thể cùng luận bàn. Trái với tướng đây không nên cùng luận bàn.

Lại nữa, chư Phật Như Lai có 2 ký biệt: 1. Cùng ngoại đạo; 2. Không cùng.

Cùng ngoại đạo: ký các đệ tử sẽ sanh đến nơi đó.

Không cùng ngoại đạo: trọn chẳng ký biệt có người sanh...

Có hai chỗ nương khiến “lửa thức” cháy mạnh: 1. Ái vi tế; 2. Danh sắc thô. Nếu thức do ái Dục giới và ái Sắc giới sanh khởi, thì danh sắc làm chỗ nương. Ái nếu dùng dứt, thì thức đây trụ tương tục tùy chuyển cho đến giới hạn thọ lượng. Nếu thức do ái Vô sắc giới sanh khởi, chỉ duyên “danh” đây mà được trụ vững. Ái nếu đoạn diệt, thì thức trụ tương tục tùy chuyển cho đến giới hạn thọ lượng.

Lại ở Sắc giới, ái đây làm chỗ nương sanh thức trung hữu, tức ái làm chỗ nương khiến ở trung hữu Bát-niết-bàn, tạm an trụ như vậy. Ái đây nếu đoạn trừ, tức bấy giờ thức ấy tàn diệt.

Lại có 2 chủng ý sanh thân: 1. Ý sanh thân

Sắc giới; 2. Ý sanh thân Vô sắc giới. Đây do định địa, môn ý phương tiện mà năng tập thành hai sanh thân.

Lại chữ Như Lai lược có 2 chủng khéo tránh luận người: 1. Năng tránh *không nên ký*, nên tác luận bất định; 2. Năng tránh *nên ký*, nên tác luận bất định.

Như thuyết nghĩa riêng của hỷ lạc sắc... thì nghĩa riêng của hỷ lạc thú... nên biết cũng vậy.



Quyển 97

Thứ 4. NHIẾP TRẠCH SỰ PHÁP BỒ ĐỀ PHẦN KHẾ KINH Phần 1

Như vậy đã thuyết nhiếp trạch Duyên Khởi, Thực, Đế, Giới, nay Ta sẽ thuyết nhiếp trạch **Pháp Bồ-đề phần**.

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Niệm trụ và chánh đoạn
Thần thông cùng căn, lực
Giác, đạo chi, dứt niệm
Học, chứng tịnh theo sau.*

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Sa-môn, nghĩa Sa-môn
Hỷ lạc, tất cả pháp
Phạm hạnh, số thủ thú
Vượt, hai nhiệm đi sau.*

Nay thuyết “Nương bốn niệm trụ tu tập tăng

thượng”. Do 4 nhân duyên nên biết nội pháp có Sa-môn, đạo và có rốt ráo; ngoại pháp quyết định không Sa-môn, đạo, cũng không rốt ráo. Nên biết các luận còn lại thì Sa-môn, đạo, cùng với rốt ráo tất cả đều không.

Sao gọi là *Sa-môn nội pháp*? Các Sa-môn lược có 4 chủng: 1. Sa-môn thắng đạo; 2. Sa-môn luận đạo; 3. Sa-môn mạng đạo; 4. Sa-môn nhiễm ô đạo. Bốn tướng Sa-môn đây hoặc lược, hoặc rộng như *Thanh văn địa* đã biện.

Sao gọi là *đạo nội pháp*? Là tám chi Thánh đạo. Nếu chỗ nào thi thiết tám chi Thánh đạo, thì sẽ thi thiết nhiễm ô đạo theo sau. Nếu bốn chủng Sa-môn ở nơi đạo đây tự hành tà hạnh, thì chẳng phải khí cụ sanh đạo. Do nhân duyên đây, nên thi thiết kiến lập có nhiễm ô đạo. Ngoại pháp còn chẳng thể thi thiết nhiễm ô đạo, hà huống thi thiết các đạo khác.

Sao gọi là *rốt ráo nội pháp*? Đó là đoạn trừ các thủ. Các thủ đoạn rồi đương lai sẽ rốt ráo không tương tục trở lại.

Sao gọi là *bốn nhân duyên*? 1. Vì nương bốn xứ, đắc bốn chứng trí; 2. Vì giải thoát bốn chủng

ngoại tùy phiền não; 3. Vì đệ tử nội pháp và đệ tử ngoại đạo không đồng phẩm loại; 4. Vì Đại sư nội pháp và thầy ngoại đạo không đồng phẩm loại.

1. *Sao gọi là nương bốn xứ? Sao gọi là đắc bốn chứng trí?* Bốn xứ: 1. Ba kiết vĩnh viễn đoạn trừ, xứ dừng nghỉ; 2. Không thối đọa pháp, xứ thế lực; 3. Quyết định hướng đến Bồ-đề, xứ chủng loại; 4. Nhiều nhất bảy lần trở lại hữu, xứ tùy hành. Nương bốn xứ đây, ở nơi Phật Pháp Tăng và tịnh giới đắc bốn chủng chứng trí thanh tịnh.

2. *Sao gọi là giải thoát bốn chủng ngoại tùy phiền não?* 1. Giải thoát ngoại tùy phiền não hiện pháp; 2. Giải thoát ngoại tùy phiền não hậu pháp; 3. Giải thoát ngoại tùy phiền não do triển chuyển xoay vần chống trái nhau; 4. Giải thoát ngoại tùy phiền não do ở nơi các thánh đế không thể tuyên thuyết, không thể giác ngộ.

Nên biết trong đây các ngoại đạo vì khuyết niệm trụ, nên không chánh niệm, không trụ chánh biết, lãnh nạp các thọ hoặc vui, hoặc khổ, hoặc chẳng phải khổ vui sai khác. Ở nơi vui phát khởi nhiễm, ở nơi khổ phát khởi khuể, ở nơi chẳng phải khổ vui lại phát khởi ngu si. Đây gọi là ngoại tùy

phiền não hiện pháp thứ nhất.

Lại do kia nhiễm khuể si như vậy, nên lấy thọ làm duyên sanh ái hậu hữu, lấy ái làm duyên phát sanh các thủ. Vì có ái thủ, lấy thủ làm duyên thành tựu trọn vẹn ở nơi hữu, nói rộng cho đến tụ thuận khổ lớn tích tập tăng trưởng. Đây gọi là ngoại tùy phiền não hậu pháp thứ hai.

Lại các ngoại đạo vì lấy thân kiến làm căn bản của chủng chủng kiến thú với ý hiểu mỗi mỗi riêng khác, nên đây kia triển chuyển xoay vần chống đối lẫn nhau. Đây gọi là ngoại tùy phiền não thứ ba.

Lại, các ngoại đạo đối khắp tất cả bốn Thánh đế còn không có đủ năng lực thi thiết giáo đây, hướng chi giác ngộ. Cho nên kia ở nơi thấy mình, tông mình, trí tuy được tăng thượng mà thật không biết đạo trong cõi vô minh. Đây gọi là ngoại tùy phiền não thứ tư.

Người trụ nội pháp ở nơi tất cả việc trên đều năng giải thoát.

3. *Sao gọi là đệ tử nội pháp và đệ tử ngoại đạo không đồng phẩm loại?* Đệ tử ngoại đạo hoặc rơi trong thường kiến, biên có; hoặc rơi trong đoạn

kiến, biên *không*; đêm dài tích tập, phát khởi nhiều che giấu giữ gìn, do gần gũi lắng nghe, tư duy nhiệm trước, do tu tập nhiệm trước. Đệ tử nội pháp hành trung đạo, hành xa lìa hai biên.

4. *Sao gọi là Đại sư nội pháp và Thầy ngoại đạo không đồng phạm loại?* Thầy ngoại đạo ở nơi tất cả thủ tuy cũng tuyên thuyết luận “Biết khắp đoạn trừ”, mà ở nơi các thủ không thể thi thiết biết khắp đoạn trừ chân chánh. Do kẻ kia gốc căn bản chọn xuất gia xả dục, nên ở nơi dục thủ lập biết khắp đoạn trừ, chẳng phải ở nơi tự kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ mà lập biết khắp đoạn trừ.

Nếu cùng với các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn kiến không đồng phạm mà giới cấm đồng phạm, kẻ kia ở nơi kiến thủ cũng năng tùy phần đó lập biết khắp đoạn trừ, chẳng lập ở nơi giới cấm thủ và ngã ngữ thủ.

Nếu cùng với các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn kiến không đồng phạm, giới cấm cũng không đồng phạm, thì kẻ kia ở nơi kiến thủ và giới cấm thủ cũng năng tùy phần đó lập biết khắp đoạn trừ, chẳng lập ngã ngữ thủ. Vì có sao? Bởi ngã ngữ thủ đây, tất cả

ngoại đạo ở mọi thời thấy đều cùng có. Cho nên ngoại đạo ở trong ngã ngữ thủ của mình, của người đều không thể thi thiết luận biết khắp đoạn trừ.

Lại kia tuy năng phân xả các thủ, mà ở đương lai trở lại năng thủ, vì chưa thể vĩnh viễn đoạn. Như vậy, ngoại đạo ở trong các thủ vì chưa hoàn toàn đoạn trừ, vì chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên chưa chạm đến rốt ráo. Nên biết Đại sư nội pháp tất cả trái với tướng trên.

Như vậy nên biết Đại sư nội pháp và thầy ngoại đạo không đồng phẩm loại.

Lại nữa, nương bốn niệm trụ tu tập tăng thượng lược do ba xứ, ba địa, ba chủng bổ-đặc-già-la, nên biết thâm nhiếp khắp các nghĩa Sa-môn.

1. Ba xứ: a. Cảnh; b. Trí; c. Chứng.

Cảnh: là sáu giới như địa... cùng sáu xúc xứ làm thể sở y. Sáu xúc xứ đây cùng mười tám ý hành làm thể sở y. Mười tám ý hành năng khiến tâm tạp nhiễm.

Trí: là tâm thanh tịnh tăng thượng, nương xứ tuệ.

Chứng: là nương xứ tuệ tăng thượng, hoặc

nương xứ đế, hoặc nương xứ xả, hoặc nương xứ tịch.

- Thế nào là nương xứ tuệ? Hoặc tuệ làm chỗ nương, ở trong gia hạnh chân chánh nhiếp thuộc dị sanh địa, chân chánh tu thiện pháp làm nhân duyên, không phóng dật, nhập hữu học địa. Hoặc tuệ làm chỗ nương, chứng A-la-hán trong vô học địa, đắc tận trí nên như thật rõ biết “Ta sanh đã tận”. Hoặc học, vô học xuất thế trí, sau là tuệ các thế gian.

- Thế nào là nương xứ đế? Đã đoạn trừ các phiền não, đạt được tám Thánh đạo chi. Do nương xứ đây, đương lai các thứ khổ rốt ráo chẳng sanh. Do đây rốt ráo không bị mất chánh niệm, gọi là nương xứ đế.

- Thế nào là nương xứ xả? Tức đã đoạn trừ sự kia. Do nương xứ xả đây, nên đối với sự đã đoạn không hành tạp nhiễm, hiện pháp lạc trú.

- Thế nào là nương xứ tịch? Vì đoạn diệt kiết sót thừa và sự sót thừa, phương tiện siêng tu, như đạo đã đắc làm chỗ nương, đối với kiết và sự sót thừa năng xả không sót.

Tóm lại mà nói: Tất cả như vậy vì muốn chạm đến chứng đắc mà huân tu trí đây; đã chạm đến

chứng đắc rồi, bèn thu được thánh đạo và quả thánh đạo. Quả lại có hai chủng, đó là: phiền não đoạn trừ cùng với sự đoạn trừ.

Trong đây, nương xứ thứ nhất chứng chỗ chưa chứng. Nương xứ thứ hai xả khổ vị lai. Nương xứ thứ ba, năng tùy huân tập thân cận hiện pháp lạc trú. Nương xứ thứ tư, đoạn chưa viên mãn năng khiến viên mãn. Vì nương các xứ như vậy, các thầy Du-già đối với việc cần làm đều được rất rác. Đó là đối với chỗ chưa chứng, nương xứ thứ nhất năng chứng; đối với khổ vị lai, nương xứ thứ hai năng xả; đối với hiện pháp lạc trú, nương xứ thứ ba năng trụ; đối với đoạn diệt bậc thượng chưa viên mãn, nương xứ thứ tư năng viên mãn. Như vậy tất cả phải nên rõ biết đều do bốn nương xứ.

Trong đây, chỗ thu được thánh đạo trước gọi là đạo tịch tĩnh. Vì đoạn vị thượng của sự và phiền não, lúc đang tu tập, đối với sự đoạn trừ phải càng thêm tăng trưởng, đối với phiền não nên đoạn trừ lại phải phòng hộ khiến không thối lui.

2. Ba địa: 1. Gia hạnh chân chánh nhiếp thuộc dị sanh địa; 2. Hữu học địa; 3. Vô học địa.

3. Ba chủng bổ-đặc-già-la: 1. Bổ-đặc-già-la dị sanh chánh gia hạnh; 2. Bổ-đặc-già-la hữu học; 3. Bổ-đặc-già-la vô học.

Trong đây sao gọi là do trí quán sát cảnh giới sở tri, chúng chỗ nên chúng? Đó là ở trong gia hạnh chân chánh dị sanh địa, bổ-đặc-già-la dị sanh chánh hành, do quán sát riêng nội ngoại năm giới, ở nơi thân trụ quán tuần thân, tức là tâm giải thoát và tuệ giải thoát làm tăng thượng, nên kia khởi gia hạnh như lý như vậy: “Ở trong các giới, chỉ trụ quán là tướng giới, chỉ có giới, đều không có ngã”. Nương lực tư trạch, đối với các sắc giới đã xa lìa tham, mà ở nơi sở duyên kia vẫn chưa thể đoạn trừ. Ở đời vị lai vì không mong cầu, ở đời hiện tại vì không đấm trước, nên được gọi là đã lìa tham. Nhưng chưa thể vĩnh viễn hại diệt tùy miên của tham kia, nên gọi là ở nơi sở duyên chưa thể đoạn trừ. Vị kia dụng tâm giải thoát làm lực tăng thượng, nên xa lìa tham đây, tâm được thanh tịnh. Nhưng ở nơi sở duyên vẫn chưa thể đoạn trừ, nên có vị thượng của tham kia sót thừa, phải càng tu sửa trị. Từ đây về sau ở nơi cảnh giới nhiếp thuộc sáu xúc xứ, quán sát không điên đảo, ở trong các

thọ trụ quán tuần thọ. Trải qua quán duyên sanh tánh vô thường, nương lực tư trạch, nên ở nơi các thọ giới cũng xa lìa tham, mà ở nơi cảnh sở duyên kia vẫn chưa thể đoạn trừ. Vị kia do tuệ giải thoát lấy làm lực tăng thượng, xa lìa vô minh; nương các minh xúc phát sanh các thọ, như lý tác ý tương ưng với sở hữu thiện pháp; ở nơi tất cả thọ phát sanh tạp nhiễm, trụ nhằm chán xả bỏ. Vì đã xa lìa đối với vô minh xúc phát sanh thọ làm duyên khởi tham, nên gọi là được thanh tịnh, nhưng ở nơi tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên có vị thượng của tham kia sót thừa cần phải tu sửa trị. Từ đây về sau, ở nơi 18 ý hành quán sát không điên đảo, ở nơi tâm và pháp đồng thời an trụ quán tuần tâm pháp. Vị kia khởi nghĩ: “Mười tám ý hành như vậy là bậc nhất hơn cả”, tức là sở hữu các tịch tĩnh giải thoát, vượt qua các sắc, ở tại vô sắc; ở nơi năng thuận xả khởi các ý hành. Lại khởi nghĩ đây: “Nếu ta nương ý hành thắng diệu đây, ở nơi thanh tịnh xả hoặc định, hoặc sanh đấm trước trời buộc ghi nhớ, nhân đây tâm ta liền thành tạp nhiễm”. Biết như vậy nên xả bỏ mà không nhớ nghĩ, đây gọi là ở nơi tâm trụ quán tuần tâm. Lại ở nơi các xứ quán

tánh vô thường, đây gọi là ở nơi pháp trụ quán tuần pháp. Vị kia bấy giờ ở nơi ba tướng định cùng các hành Phi tướng phi phi tướng xứ, đệ nhất hữu còn lại đã xa lìa tham, nên gọi là ở nơi cõi tướng và cõi hành đã xa lìa tham, còn lại như trước đã thuyết.

Như vậy, vị kia ở trong gia hạnh chân chánh nhiếp dị sanh địa đã tịnh tu tâm rồi, vì muốn chứng hội tâm học giải thoát, lại ở nơi tất cả thân thọ tâm pháp quán “chỉ có pháp, đều không có ngã”; ở nơi tất cả hữu, thâm tâm nhằm chán xả bỏ, không khởi gia hạnh cho là “ngã sẽ có” hoặc “ngã sẽ không”, như thật biết rõ trong đây không có “ngã có”, “ngã không”. Do kia như thật biết như vậy, nên dần dần nơi ba lậu kiến tu sở đoạn, tâm được giải thoát. Để đạt được tận trí, kia quán sát đương lai tất cả các thọ không lại lưu chuyển, các thọ đây không lưu chuyển do thân diệt, nên lúc bấy giờ nương các lậu tận thu được tận trí là tối bậc nhất. Hữu học, dị sanh nương xứ các tuệ vẫn còn cấu, nay đạt được đây quyết định không cấu. Lại tức tuệ đây đối với việc đoạn trừ các phiền não, diệt đế, dụng hành tịch tĩnh duyên theo đó mà trụ, tạm thời thất niệm cũng không bị khuynh

động. Như vậy sở hữu tâm, tuệ giải thoát không bị sự xen tạp xâm phạm của quên mất chánh niệm. Như trước thì vị dị sanh và vị hữu học dụng kia vẫn còn có quên mất pháp, nên để không viên mãn. Vị vô học ở tất cả thời vì tánh như thật, vì để viên mãn, nên nương xứ để thành tựu bậc nhất; do năng xả bỏ tất cả nương, nên nương xứ xả thành tựu bậc nhất; quả của tất cả đạo tích tập thành tựu gọi là khéo tu đạo, không phải như các dị sanh và hữu học, nên nương xứ tịch thành tựu bậc nhất.

Hỏi: Vì nhân duyên gì chỉ ở vị vô học thì bốn chủng nương xứ được gọi là bậc nhất, chẳng phải ở vị dị sanh và vị hữu học?

Đáp: Vì ở trong hai vị dị sanh và hữu học đây, rĩ lậu nhỏ thấp nhất cũng không thể biết, huống là biết rĩ lậu trung, thượng. Ở dị sanh địa rĩ lậu thêm nhiều, vị hữu học có rĩ lậu bậc trung, ít có thể biết. Trong đây những gì gọi là rĩ lậu? Nên biết như trước các động cử... thuyết gọi là rĩ lậu. Ở vị vô học kia, vì tất cả đều vĩnh viễn đoạn, vì hướng đến viên mãn tánh tịch mặc, gọi là Mâu-ni tối cực tịch tĩnh; vì đã vĩnh viễn hại diệt nhân

đương lai; vì khổ sanh lão tử, trước, giữa, sau dùng dứt hẳn; vì ở hiện pháp, vào thời hành, đối với pháp thế gian, bốn chủng tham ái vĩnh viễn lặng dứt, bốn chủng sân khuể vĩnh viễn lặng dứt; vì vào thời trụ, chẳng vui ồn tạp, vĩnh viễn ngừng dứt.

Lại nữa, nay thuyết “Nương sở hữu pháp Bồ-đề phần” tu tập tăng thượng viên mãn. Do 7 nhân duyên nên biết kiến lập 7 chủng chánh pháp. Những gì là bảy? 1. Vì sở duyên tác ý do văn mà thành tựu; 2. Vì sở duyên tác ý do tư và tu mà thành tựu; 3. Tức ba chủng tác ý đây vào lúc gia hạnh có sự sai khác; 4. Vì đối với việc thọ dụng tài bảo, khắp thọ dụng tài bảo khéo thông đạt; 5. Vì đối với việc thọ dụng tài, pháp, tùy theo từng giai đoạn từ người mà được; 6. Vì khi đến rốt ráo, bên trong lìa tăng thượng mạn, không bị hoại mất; 7. Vì đối với người cũng lìa tăng thượng mạn, không bị hoại mất. Trong đây nương các tướng chỉ, cử, xả, tu tập biết thời, như *Thanh văn địa* và *Tam-mahý-đa địa* đã biện. Nghĩa ăn uống... sai biệt, nên biết như *Thanh văn địa* đã biện.

Lại ở trong đây người thọ dụng tài bảo là chúng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả... Người

thọ dụng pháp là chúng Sa-môn. Ta nên hành như vậy: là khéo hộ thân, khéo hộ các căn, khéo trụ chánh niệm. Nên như vậy đứng: khi đi đến trước cửa các bậc trưởng lão, nếu không cho phép thì chẳng được vào, nếu được vào rồi mà không cho phép thì chẳng nên tự tiện đi đến chỗ ngồi mà ngồi. Nên ngồi như vậy: không nên đem đưa tất cả thân phần, cho đến nói rộng. Nên nói như vậy: tức dụng 5 chủng lời nói: 1. Nói đúng lúc; 2. Nói đúng lý; 3. Nói đúng lượng; 4. Nói tịch tĩnh; 5. Nói chánh trực. Nên im lặng như vậy: vào năm lúc sau cần phải im lặng: hoặc quá động loạn, hoặc bài bác lẫn nhau, hoặc trụ chống đối lẫn nhau, hoặc mời thỉnh, hoặc cùng tranh luận. Trong lúc chờ đợi nói xong, thì nên yên lặng.

Sao gọi là nói đúng thời? Là không lộn xộn, hoặc tâm tư vội gáp, hoặc không vui nghe, hoặc lúc không an trụ oai nghi chân chánh mà có sở thuyết. Lại đúng như thứ lớp việc nên làm trước lúc thuyết, tán thán khích lệ mới khởi ngôn thuyết. Lại phải đợi người luận nói xong mới phát khởi lời nói. Hết thấy loại như vậy gọi là lời nói đúng lúc.

Sao gọi là nói đúng lý? Nương bốn đặc lý năng

dẫn nghĩa lợi, đúng như thật mà nói, gọi là nói đúng lý.

Sao gọi là nói đúng lượng? Văn câu đầy đủ, nghiêm túc, viên mãn; điều nói ra có sự xác quyết, chỉ thuyết đúng như thật không tăng không giảm, không dùng văn từ tạp loạn vô nghĩa. Hết thấy loại như vậy gọi là lời nói đúng lượng.

Sao gọi là nói tịch tĩnh? Lúc mở lời nói không quá lớn, cũng không ồn náo, thân không hưng phấn thái quá, miệng không lớn tiếng gào thét mà thuyết, gọi là nói tịch tĩnh.

Sao gọi là nói chánh trực? Không hư ngụy dối trá, không nhân hư cấu mà thuyết, lià siểm khúc nên phát lời thuần chất. Như vậy gọi là nói chánh trực. Ở nơi các thiện pháp như tín... chưa thành tựu, không khởi thượng mạn cho là đã thành tựu. Đối với sự thấp kém đây cũng không tăng thêm cho là rộng lớn. Chỉ ở nơi thật có cho đến đúng sở hữu, như thật rõ biết, nên tự nói có, nên tự nói biết.

Lại lấy tín làm dẫn đầu, thọ trì tịnh giới. Trì giới làm dẫn đầu, cầu pháp đa văn. Do đây làm dẫn đầu, xả bỏ các lỗi lầm, khắp tất cả tiền của, thân

mạng không lòng luyến tiếc. Do đây làm dẫn đầu, tâm được định tĩnh chứng như thật trí. Năm pháp như vậy, do bốn nhân duyên mà được hiển phát: 1. Do người dạy; 2. Vì lực tăng thượng của giáo, bên trong tự chứng được; 3. Vì tầm tư đồng sanh biện tài thù thắng; 4. Vì trước xuyên suốt huân tập đạt được công đức đồng sanh tương ưng bậc thiện nam tử. Lược có 2 loại bồ-đặc-già-la: tức là nêu song song cả hai chủng. Hai loại bồ-đặc-già-la như vậy: tức là phân biệt cả hai chủng. Vì hai loại bồ-đặc-già-la đây thù thắng hơn cả: nên biết tức là chọn lựa hai chủng sai biệt đây.

Lại nữa, tu tập 7 pháp thiện đạt được hai điều lợi ích thù thắng. Đó là trong hiện pháp được vui khinh an, thông hiểu tánh cảnh chân thật, phát sanh hỷ thù thắng, do nhân duyên đây an trụ nhiều hỷ lạc. An trụ đây rồi, năng như lý tư duy, nhanh chóng chứng đắc các lậu vĩnh viễn tận.

Lại nữa, nương pháp Bồ-đề phân tu tập tăng thượng, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, lược do các học và quả các học thâm nhiếp tất cả pháp.

Sao gọi là các học? Là 3 chủng học: 1. Tăng

thượng giới; 2. Tăng thượng tâm; 3. Tăng thượng tuệ.

Sao gọi là quả các học? Là 2 quả Niết-bàn: Hữu dư y và Vô dư y.

Sao gọi là tất cả pháp? Tức là “dục” thiện pháp, thanh tịnh xuất gia. Vì chứng Niết-bàn nên trước thọ trì giới, dần dần thứ lớp cho đến thành tựu cứu cánh Niết-bàn. Cho nên tuyên thuyết “dục” làm căn bản tất cả các pháp.

Lại nương tịnh giới dẫn phát thỉnh cầu chánh pháp, nhiếp thọ đa văn. Do lực nghe chánh pháp tăng thượng, nên năng nhanh chóng huân tập chứng tăng ngữ minh xúc, cho nên nói kia lấy làm tập xúc.

Lại kia đều lưu chuyển hướng đến minh xúc phát sanh các thọ, cho đến Hữu dư y Bát-niết-bàn giới làm ngăn mé sau. Lại kia vì cầu an lạc mà phát khởi, nên biết lạc đây tánh một hướng không tội, cho nên nói kia học nhiếp lấy pháp làm lưu chuyển hướng đến thọ.

Lại kia vì cầu có được minh xúc và nương minh xúc phát sanh các thọ, khởi văn-tư-tu thành tựu tác ý, cho nên nói kia làm tác ý sanh.

Lúc bấy giờ ở nơi bốn niệm trụ, do phẩm Quán, niệm dụng Quán làm nương và nội tâm Chỉ làm tăng thượng, cho nên nói kia niệm làm tăng thượng.

Lại niệm tăng thượng khởi Chỉ, về sau hiện quán thánh đế, diệu trí làm thượng thủ triển chuyển, cho nên nói kia định làm thượng thủ.

Lại ở trong các hiện quán thánh đế, tuệ làm tối thắng, tức năng vĩnh viễn tận các lậu không sót thừa, cho nên nói kia tuệ làm tối thắng.

Lại do tất cả lậu vĩnh viễn tận, nên thành tựu rốt ráo minh xúc sanh thọ đồng hành giải thoát. Tức giải thoát đây, không phải do lớp lớp tùy đắc tất cả học nhiếp lấy pháp, mà chỉ do đắc ngay. Trong giải thoát đây, tất cả lạc là tối đệ nhất, vì tánh không tội, cho nên nói kia tức dụng giải thoát làm kiên cố.

Lại tâm thiện giải thoát như vậy, hoặc các minh xúc phát sanh thọ... hoặc học nhiếp lấy sở hữu các pháp, kể cả thân sở y, ở nơi Vô dư y Bát-niết-bàn giới nhậm vận tự nhiên rốt ráo tịch diệt. Cho nên nói kia đều lấy Niết-bàn làm ngăn mé sau. Nên biết trong đây vì dụng làm tăng thượng, thọ trì tịnh giới, gọi là tăng thượng giới học. Nương

theo xúc thọ tăng thượng tâm tuệ, giữ gìn phương tiện chỗ có tác ý hoặc niệm, hoặc định, kể cả gia hạnh kia, gọi là tăng thượng tâm học. Tuệ làm tối thắng gọi là tăng thượng tuệ học. Như vậy nên biết gọi là ba học. Nương tựa giữ gìn kia, giải thoát kiên cố, là Hữu dư y Bát-niết-bàn giới, quả học thứ nhất. Niết-bàn làm ngăn mé sau là Vô dư y Bát-niết-bàn giới, quả học thứ hai. Như vậy lược thuyết học và quả học nhiếp lấy tất cả pháp.

Lại năng chứng tư lương các học và các quả học đây, nên biết đối trị 8 chủng quá hoạn, tu tập 9 tướng.

Sao gọi là 8 chủng quá hoạn? 1. Đắm trước lợi dưỡng cung kính; 2. Ái ẩn tàng, yêu thích sâu các hành hậu hữu; 3. Giải đãi lười biếng; 4. Thân kiến; 5. Tham trước mỹ vị; 6. Ở nơi chủng chủng sự mỹ diệu của các thế gian, vui thích mong muốn tham ái; 7. Nương theo phóng dật phương tiện hành ác; 8. Nương theo tà nguyền tu tập phạm hạnh.

Sao gọi là tu tập 9 tướng? 1. Tu tập tướng xuất gia; 2. Tu tập tướng vô thường; 3. Tu tập tướng vô thường khổ; 4. Tu tập tướng khổ vô ngã; 5. Tu tập tướng nhằm chán trái lia thực; 6. Tu tập tướng tất

cả thế gian chẳng đáng vui; 7. Tu tập tưởng chết; 8. Tu tập tưởng thế gian bình đẳng, không bình đẳng; 9. Tu tập tưởng có, không, ra khỏi, chìm đắm, quá hoạn, xuất ly. Nên biết trong đây chỗ có thân nhiếp lấy hành bình đẳng, hành như pháp, thì năng đến các đường thiện. Thân, ngữ, ý nghiệp đều thiện, gọi là bình đẳng. Chỗ có thân thâu nhiếp hành không bình đẳng, hành phi pháp, thì năng đến đường ác. Thân, ngữ, ý nghiệp đều bất thiện, gọi là không bình đẳng.

Lại trụ ở đây hoặc sanh, hoặc trưởng như vậy, năng sanh sở hữu các thứ khổ hậu hữu, gọi là có. Từ tiền tế ấy, ở trong hiện pháp có khổ chết diệt, gọi là không. Còn lại ra khỏi, chìm đắm... nên biết như trước đã rộng phân biệt.

Lại nữa, các chúng ngoại đạo nghe pháp bất chánh tăng thượng phát sanh tưởng không như lý. Lấy tưởng đây làm chỗ nương, nên phát khởi vô minh sanh khởi các thọ. Do đây làm chỗ nương nên phát sanh các lậu. Nhưng các ngoại đạo ở nơi các lậu đây không như thật biết, ở nơi vô minh xúc phát sanh thọ cũng không như thật biết, ở nơi việc lắng nghe các pháp bất chánh tăng thượng phát

sanh tà tướng cũng không như thật biết. Ở nơi ba điều trên không như thật biết, nên phát khởi cầu dục, phát khởi cầu hữu, cũng lại phát khởi cầu tà phạm hạnh, cùng cầu có, không. Ngoại đạo kia lại ở nơi các dục không như thật biết, ở nơi nghiệp hậu hữu không như thật biết, ở nơi các thứ khổ đây không như thật biết. Trong đây năm chủng trước là tập đế xứ, một chủng rốt sau là khổ đế xứ. Như vậy ngoại đạo ở nơi tập đế và khổ đế đây mà không như thật biết.

Lại tức ở nơi tập đế và khổ đế đây, lược do 2 tướng không như thật biết: 1. Tập nhiễm; 2. Thanh tịnh.

Tập nhiễm lại có 4 tướng: 1. Tự tánh; 2. Nhân; 3. Quả; 4. Nhân quả sai biệt.

Thanh tịnh lại có 2 chủng: 1. Tập khổ diệt; 2. Hương đến diệt hành. Ngoại đạo kia ở trong bốn Thánh đế như vậy, vì khuyết chánh trí nên không năng tu tập pháp Bồ-đề phần. Do nhân duyên đây, chỗ tu hành phạm hạnh của ngoại đạo kia không được gọi là tận cùng rốt ráo. Tức do duyên đây không được gọi là thấu đạt rốt ráo, vì không tận lậu. Người trụ nội pháp trái với tướng trên, chỗ tu

phạm hạnh tối cực rốt ráo, gọi là thấu đạt rốt ráo, vì tận các lậu.

Lại nữa, ở nơi 6 chủng bổ-đặc-già-la sau, nương pháp nhiễm tịnh, nương Như Lai sở hữu căn trí đại sĩ và nương đương lai pháp sanh khởi mà trí chuyển.

Sao gọi là 6 chủng bổ-đặc-già-la? Có một loại bổ-đặc-già-la trong sanh đời trước, ở nơi pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da Phật sở thuyết, phát sanh tịnh tín, nói rộng cho đến sanh khởi cái thấy chánh trực. Người kia ở sanh đời nay, trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, thân cận người không đúng chánh pháp, lắng nghe pháp bất chánh, tác ý phi lý. Ở trong hiện pháp, ban đầu sanh khởi các tà kiến, vui thích các nghiệp tạp nhiễm. Người kia lúc bấy giờ thành tựu thiện pháp của sanh đời trước, cùng sở hữu các pháp bất thiện ở hiện pháp. Lại vào thời sau, người kia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, thân cận bậc thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tác ý như lý, cũng do nhân xa xưa nên xả bỏ pháp ác thuyết Tỳ-nại-da. Ở nơi tướng ác thuyết, các pháp bất thiện, không sanh nhiễm trước, nhanh chóng năng khiến trừ tận diệt. Ở đương lai người kia thành tựu pháp thanh tịnh. Đây gọi là bổ-đặc-già-

la thứ nhất.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la ở trong sanh đời trước, đồng hành hai pháp là thiện thuyết và ác thuyết Tỳ-nại-da. Do kia làm nhân, ở trong hiện pháp thành tựu thiện pháp và bất thiện pháp. Người kia sanh ở đời nay, ban đầu như trước ở trong pháp thiện thuyết cho đến đạt được tác ý như lý. Ở trong hiện pháp, các pháp bất thiện xưa diệt mất, pháp bất thiện mới không sanh trở lại; còn các thiện pháp xưa được tăng trưởng, thiện pháp mới liền sanh. Các sở hữu bất thiện xưa kia vì chưa đoạn tùy miên, nên chúng vẫn còn tùy triển chuyển đuổi theo. Nhưng nay an trụ không phóng dật, nên tất cả đều năng đoạn trừ. Ở đương lai, người kia triển chuyển thành pháp thanh tịnh. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ hai.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la ở trong sanh đời trước chỉ hành hạnh ngoại đạo. Sanh ở đời nay, do trước kia thường xuyên tập xuất gia, thường xuyên tập tà kiến làm nhân, nên ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, gặp duyên hòa hợp được xuất gia. Đã xuất gia rồi lại sanh tà kiến, trụ kiến thủ của mình mà tạo nghiệp vô gián,

cũng đoạn thiện căn, một hướng kết thành các pháp bất thiện, quyết định sanh vào các đường ác. Đây gọi là bổ-đặc-già-la thứ ba.

Ba bổ-đặc-già-la như vậy, nên biết bổ-đặc-già-la thứ nhất trước thuần ở nội pháp huân tập nhân hành, ở trong thiện pháp trước hành phóng dật, sau không phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ hai, trước ở cả hai nội, ngoại pháp đồng huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp nên biết một hướng hành không phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ ba trước thuần ở ngoại pháp huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp một hướng hành nhiều phóng dật.

Ba bổ-đặc-già-la như vậy, lại có ba bổ-đặc-già-la khác trái với tướng trên. Trong đây bổ-đặc-già-la thứ nhất trước thuần ở ngoại pháp huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp trước không phóng dật, sau hành phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ hai trước ở cả hai nội ngoại pháp đồng huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp chuyên hành phóng dật. Bổ-đặc-già-la thứ ba trước thuần ở nội pháp huân tập nhân hành, ở trong hiện pháp một hướng tu không phóng dật.

Lại trong đây, đời trước chỗ huân tập nhân

thiện, bất thiện giống như hạt giống, ở đời nay pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da giống như ruộng tốt cho các hạt giống thiện, như ruộng khô cần đối với các hạt giống bất thiện đời trước. Trái tướng đây, tức ở đời nay pháp ác thuyết Tỳ-nại-da giống như ruộng tốt lành cho hạt giống bất thiện, như ruộng khô cần đối với các hạt giống thiện đời trước.

Lại, kia đời trước lực nhân tăng thượng, nay thiện pháp phát khởi giống như ánh sáng, các pháp bất thiện cùng với tất cả kia như vô minh tối tăm là năng đối trị. Bất thiện pháp kia cùng tất cả sở hữu thiện pháp và tất cả kia như ánh sáng, là sở đối trị. Như vậy, các pháp bất thiện đời trước như than nóng, vì có nghĩa năng thiêu đốt thân tâm. Ở đời nay, pháp ác thuyết Tỳ-nại-da như bỏ thêm cỏ khô vào lửa kia. Lại ở đời trước sở hữu thiện pháp như than nóng, vì có nghĩa năng thiêu đốt phiền não; ở đời nay, pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da như bỏ thêm cỏ khô vào lửa kia.

Lại, kia ở đời trước chỗ có các xứ thiện pháp, nay pháp ác thuyết Tỳ-nại-da vì bị tổn giảm, giống như đặt hòn đá nơi đất lạnh, không có khí ấm nóng. Lại kia đời trước chỗ có các xứ bất thiện

pháp, nay pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da vì bị đoạn diệt, nên giống như đặt hòn đá nơi đất lạnh, không có khí ấm nóng.

Trong đây, chư Như Lai bậc Đại sĩ vô thượng sở hữu trí lực căn thẳng liệt, đối với căn do nhân thiện, bất thiện đời trước huân tập mà thành, tùy chỗ thích hợp như thật rõ biết. Lại ở hiện pháp môn nhiệm tịnh chuyển, sanh khởi các pháp nhiệm tịnh đương lai, cũng tùy chỗ thích hợp như thật rõ biết, nên nói thành tựu rất kỳ lạ hy hữu.

Lại nữa, vượt qua hành đến đường thiện và vượt qua hành đến đường ác có sự sai biệt, nên biết đây lược có 5 môn không đồng. Do 5 môn đây, ở nơi vượt qua của chính mình như thật rõ biết; ở nơi vượt qua của người khác, đó là chư Phật và đệ tử Phật, cũng chân chánh biết khắp.

Sao gọi là hành đến đường ác? Các ngoại đạo sở hữu tất cả thân kiến làm căn bản. Các ác kiến thú, kể cả sở duyên kia, kể cả sở y kia lấy làm chỗ nương, phát sanh chủng chủng ác dục và hại, hoặc sở hữu vô lượng pháp ác bất thiện như sát sanh... như kinh rộng thuyết, cho đến sở hữu các hành phi pháp, hành không bình đẳng lấy làm rốt sau, năng

đến xứ hiểm ác, năng đến địa ngục, năng đến các đường ác sai khác. Nếu đến các xứ kia, gọi là sanh vào cõi ác, lãnh thọ nhân kia, năng cảm các quả dị thực phi ái. Như vậy gọi là hành đến đường ác.

Các Thánh đệ tử đa văn, đối với sở duyên sanh các kiến thú, hoặc ở nơi tự sở y khiến khởi chấp trước, hoặc các sở hữu năng đến tất cả đường hiểm ác, các ác dục... nói rộng cho đến các hành phi pháp, hành không bình đẳng lấy làm rốt sau, hoặc trú ở xứ kia lãnh thọ quả phi ái hiểm ác... tất cả như vậy, như thật tùy quán chẳng phải ngã ngã sở, tức ở trong đây quyết định không ngã, cũng không ngã sở. Quán như vậy rồi, lúc ở nơi các thánh đế đặc hiện quán, vì các kiến thú tùy miên căn bản kia đều vĩnh viễn nhỏ sạch, nên gọi là đoạn. Ngoài ra tất cả đều rốt ráo không tương tục. Trong đây, Thánh đệ tử đối với việc lấy kiến thú kia làm căn bản, là nguyên nhân năng đi vào xứ hiểm ác... quyết định không tạo làm, quyết định không đến xứ hiểm ác kia. Đây gọi là môn vĩnh viễn tổn hại hành đến đường ác thứ nhất.

Các Thánh đệ tử do nhân duyên đây, tự bên trong năng như thật rõ biết là ngã thánh. Ngoài

ra, dị sanh tuy năng dụng đạo thế gian vượt qua bất thiện năng đến đường ác và vượt qua đường ác, thu được bốn chủng hiện pháp lạc trú, hoặc vượt qua các sắc, vô sắc, tịch tĩnh giải thoát, thì cũng không thể rốt ráo tổn hại các đường ác, về sau vẫn có thể tương ưng. Cho nên người kia chuyển lưu, tuy cực năng lìa ái Dục giới, Sắc giới, tạm thời thu được lạc trú tăng thượng thù thắng, mà đương lai năng trở lại tạo tác sự sát sanh... lại đi vào các đường ác. Các Thánh đệ tử đa văn tư duy: “Ta quyết định không tạo tác sự sát sanh... cho đến nói rộng. Đối với các hành phi pháp, hành không bình đẳng, ta quyết định không tạo làm”. Đây gọi là môn vĩnh viễn tổn hại trong thánh pháp Tỳ-nại-da, tức là năng tổn hại hành đến đường ác. Như vậy, chư Phật và đệ tử Phật năng như thật biết khắp môn vĩnh viễn tổn hại khác.

Lại, các Thánh đệ tử hành như vậy, vì muốn vượt qua “hành đến đường ác” sót lại chưa đoạn. Thánh đệ tử đây ở nơi sự thực hành trước không sanh vui đủ; ở nơi lậu tận phẩm thượng, khởi “dục” hân lạc phát tâm chánh nguyện; ở nơi các đạo thế tục đã đắc, thấy sâu quá hoạn, rõ biết các

đạo kia không thể rốt ráo là khổ. Đây gọi là môn phát tâm nguyện muốn vượt qua “hành đến đường thiện” bậc nhất.

Phát tâm nguyện rồi, ở khắp tất cả đường thiện hậu hữu phát sanh ái vị, thấy sâu quá hoạn, tâm sanh chán lìa như đường hiểm ác. Vui thích ngưỡng mộ tịch tĩnh hiện pháp Niết-bàn, nên chánh tu phương tiện. Do đây, như điều trước đã đắc thắng tiến hành hướng đến Niết-bàn. Đây gọi là môn năng tiến đến.

Các vị kia tu đạo, dần dần ly dục cho đến năng nhập Đệ nhất hữu định. Nếu ở nơi thượng xả sanh nhiều ái vị nhân duyên phóng dật, ở trong hiện pháp không Bát-niết-bàn, chỉ gọi là người hành quả Bát hoàn phẩm thượng. Đây gọi là môn hành phẩm thượng đi sau.

Nếu lại ở nơi kia thấy sâu quá hoạn, ở nơi thượng xả không sanh ái vị, vị kia ở hiện pháp năng chứng Niết-bàn. Đây nương Hữu dư y Bát-niết-bàn mà thuyết. Như vậy gọi là môn Bát-niết-bàn. Do môn đây nên như thật rõ biết tự mình Bát-niết-bàn, vượt qua tất cả hành đến đường thiện. Đối với sự vượt qua của người, đó là chư Phật và đệ

tử Phật, cũng chánh biết khắp.

Trong đây môn vĩnh viễn tổn hại thứ nhất nên biết vượt qua hành đến đường ác. Bốn môn đi sau là phát tâm nguyện, tiến đến, hành phẩm thượng, Bát-niết-bàn, nên biết vượt qua hành đến đường thiện.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đã thấy dấu vết để mà chưa ly dục, nên biết lược có hai chủng tạp nhiễm, đó là: dục tạp nhiễm và hậu hữu tạp nhiễm. Nơi hai chủng này, các Thánh đệ tử phải siêng gia hạnh tịnh tu nơi tâm. Các Thánh đệ tử vì muốn đoạn trừ dục tạp nhiễm, nên lúc siêng năng phương tiện thứ lớp nương ba hành, đó là: hành hương đến vô động, hành hương đến vô sở hữu xứ, hành chứng nhập vô động, vô sở hữu, phi tướng phi phi tướng xứ định. Đây do đối trị đoạn và đối trị phần xa nên vượt qua dục tạp nhiễm.

Vị kia nếu vì đoạn trừ hậu hữu tạp nhiễm, lúc siêng năng phương tiện, đã lìa ái Dục giới mà chưa lìa ái Sắc giới, tư duy “Ngã sở nào sẽ chẳng có? Ngã nào sẽ chẳng có? Ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có, hoặc nay sở hữu, hoặc xưa sở hữu”, tất cả ngã như vậy đều xả bỏ. Đã chân chánh tu tập đạo đối trị

năng đoạn chỗ có hậu hữu sai biệt rồi, lìa ái Sắc giới cho đến năng nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định. Nếu trong hiện pháp, ở nơi thượng xả đây sanh nhiều ái vị, không Bát-niết-bàn, thì vị kia không hoàn toàn giải thoát tất cả sở hữu hậu hữu tạp nhiễm. Nếu ở nơi thượng xả không sanh ái vị, ở trong hiện pháp năng Bát-niết-bàn, thì năng hoàn toàn giải thoát tất cả sở hữu hậu hữu tạp nhiễm.

Nên biết trong đây, hoặc vì đối trị dục tạp nhiễm mà tu đạo đối trị, thứ lớp cho đến năng nhập Đệ nhất hữu định; hoặc vì đối trị hậu hữu tạp nhiễm mà tu đạo đối trị, thứ lớp cho đến năng nhập Đệ nhất hữu định, hai chủng như vậy gọi là đồng giải thoát. Đối với việc đây, các bậc thánh, chẳng phải thánh, dị sanh đều có thể đạt đến, cho nên giải thoát đây không gọi là giải thoát của bậc thánh. Nếu ở nơi hữu thân khổ của tất cả cho đến Hữu đảnh như thật biết rồi, vượt qua Hữu đảnh, ở trong hiện pháp vĩnh viễn đoạn tất cả sở hữu tạp nhiễm. Giải thoát như vậy chỉ có các bậc Thánh mới năng thành tựu, nên giải thoát đây gọi là giải thoát của bậc Thánh.

Tất cả như vậy tổng có năm xứ: 1. Hành hướng

đến vô động; 2. Hành hương đến Vô sở hữu xứ; 3. Hành hương đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 4. Hiện pháp Niết-bàn; 5. Giải thoát của bậc Thánh.

Lại có 3 chủng lỗi lầm họa hoạn của các dục:

1. Các dục năng là nhân duyên khiến phát sanh tham dục khi tiếp xúc cảnh giới thuận thọ lạc; 2. Các dục năng là nhân duyên khiến phát sanh sân khúe khi tiếp xúc cảnh giới thuận thọ khổ; 3. Các dục năng là nhân duyên sanh vô minh phát khởi giận dữ khi tiếp xúc cảnh giới thuận thọ không khổ không lạc.

Lại các dục đây nên quán chúng có 3 lỗi lầm họa hoạn: 1. Do tự tánh: là do hư vọng phân biệt phát sanh tham ái; 2. Do sở duyên: hoặc trong, hoặc ngoài của năm chủng cảnh sắc; 3. Do trợ bạn: tướng điên đảo tương ưng tác ý không như lý.

Lại, càng lìa dục của các địa trên, phương tiện tâm càng thù thắng, gọi là rộng lớn. Vì có sao? Do phương tiện kia càng lên các địa trên càng chuyển tăng thượng, chuyển thù thắng, nên tu tâm kia gọi là rộng lớn. Nếu người năng chán lìa địa dưới thế gian, nên biết quyết định dụng hành vô thường... chán hoại chế phục. Đối với địa trên, cõi cần đạt

được, cũng tạm thời dụng phương tiện khởi tưởng tịch tĩnh nhập trì nơi tâm.

Lại phát sanh tin hiểu “Ta đã đắc”, ở nơi xứ ấy đầy đủ an trụ, nên biết tức là vị kia ở trong đạo gia hạnh tu tập tịnh tín, ở nơi xứ ấy sanh tâm tịnh tín. Do tịnh tín đây lực tăng thượng, nên tu tập tinh tấn, niệm, định, tuệ. Từ Sơ tĩnh lự thứ lớp cho đến Thúc vô biên xứ, các định vô động đều năng chứng nhập.

Lại do tuệ đây nên khởi thắng giải: “Ta đã năng nhập định như vậy”. Đây tức năng cảm quả sanh ở Thúc vô động xứ. Nếu trong hiện pháp không Bát-niết-bàn, hoặc không cầu tiến lên địa cao hơn, thì ở đương lai vị kia quyết định đến vô động xứ đây.

Lại do 3 duyên ở nơi các địa, nên biết kiến lập là vô động xứ. Đó là do đoạn trừ tán động của dục bên ngoài, nên lập Sơ tĩnh lự là vô động xứ. Do các động tâm tứ hỷ lạc trong Sắc giới địa đoạn trừ, nên lập Đệ tứ tĩnh lự là vô động xứ. Tưởng động của chủng chủng hữu sắc, hữu đối, mỗi mỗi sai biệt đoạn trừ, nên lập Không vô biên xứ, Thúc vô biên xứ là vô động xứ. Trong Đệ nhị và Đệ tam tĩnh lự,

chỗ có các động về sau đoạn trừ, nên biết cũng được gọi là vô động xứ. Thức vô biên xứ do đặc xa lìa duyên động của môn bên ngoài Không vô biên xứ, nên biết kiến lập là vô động xứ. Tóm lại mà nói: Duyên sở hữu định không điều động, nên đều gọi là vô động. Ngăn mé định đây cao nhất là Thức vô biên xứ, cho nên nên biết đến xứ đây kiến lập là vô động. Tức tất cả duyên sở hữu định đây đều gọi là tướng định hữu thượng. Từ đây trở lên duyên vô sở hữu định, nên biết gọi là tướng định vô thượng. Từ đây trở lên lại gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ định. Nên do ba phần như vậy mà tuyên thuyết ba hành.

Do ba chủng môn, các Thánh đệ tử chán hoại các dục; đã chán hoại rồi, dần dần năng nhập cho đến Thức vô biên xứ định, cho nên kiến lập năng hướng đến ba chủng hành vô động xứ.

1. Hoặc sắc tướng, hoặc vô động tướng, ở nơi các địa dưới thấy sâu chán hoại rồi, năng nhập Vô sở hữu xứ định. Đây gọi là hành năng hướng đến Vô sở hữu xứ thứ nhất.

2. Tức ở nơi xứ đây ngăn mé tu tập là đạo vô lậu. Đạo vô lậu đây lại có hai chủng: 1. Hữu thượng;

2. Vô thượng. Như hữu tướng định, thì đạo vô lậu hữu thượng cùng đồng với hành vô thường; đạo vô lậu vô thượng cùng đồng với hành vô ngã. Do hành hữu thượng nên đối địa dưới đã sâu chán hoại rồi, nhập xứ định đây. Do hành vô thượng nên ở nơi tất cả pháp địa dưới địa trên tư duy vô ngã, năng nhập vô lậu Vô sở hữu xứ định. Hành vô thượng đây nên biết gọi là hành hướng đến thứ hai.

3. Hành hướng đến thứ hai đây lại do hai hành có sai biệt, nên kiến lập hai chủng. Thế nào là hai hành? Đó là năng y trí và sở y trí sai biệt.

Trong đây, *năng y vô ngã trí* là các sở hữu hoặc hữu tình giới, hoặc thân ta; ở trong đều không có ngã sở thuộc xứ, đó là địa phương, khu vực; ngã sở thuộc người, đó là các hữu tình; ngã sở thuộc sự, đó là hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc bạn, hoặc chủ... hết thấy loại như vậy. Như kia đối với ngã chẳng phải thuộc xứ, chẳng phải thuộc người, chẳng phải thuộc sự, như vậy ngã cũng đối với kia chẳng phải thuộc xứ, chẳng phải thuộc người, chẳng phải thuộc sự.

Trong đây, *sở y vô ngã trí* tức là các thế gian không, không có thường và ngã, ngã sở. Trong đây đều không thường, ngã, ngã sở chân thật khả đắc,

chỉ có các pháp. Như vậy thế gian đã hẳn là không, nên lại có ai thuộc xứ, thuộc người, thuộc sự? Cho nên, nên biết vô ngã trí trước là năng y, vô ngã trí sau là sở y. Phi tướng phi phi tướng xứ không do đạo vô lậu, chỉ do tướng chán hoại Vô sở hữu xứ, nên năng nhập xứ định đây, ở trong ấy duy chỉ có hành nhất hướng.

Lại ở trong đây ngã sở nào sẽ chẳng có? Đó là do khổ của sanh... nên nói ngã có khổ. Ngã nào sẽ chẳng có? Tức lấy khổ của sanh... làm ngã. Phát sanh tâm vui muốn như vậy rồi, chân chánh siêng gia hạnh; chân chánh gia hạnh rồi thu được “sở hữu” trước sau sai biệt. Do nhân duyên đây lại thu được quyết định “Ngã sẽ chẳng có, ngã sở sẽ chẳng có”. Hoặc nay sở hữu, đó là nay hiện pháp tạo tác tăng trưởng sở hữu nghiệp mới; hoặc xưa sở hữu, đó là các nghiệp cũ; ở nơi tất cả quả dị thực “sở hữu” như vậy đều không mong cầu, đều xả bỏ tất cả, không chút doái luyến.

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*An lập, ngàn mé, thuận
Và như lý, duyên khởi*

Tu, thời, chúng, tự tánh
Thuyết, đoạn, sau khởi tu.

Trong đây, an lập bốn niệm trụ làm đạo chi đầu tiên, ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần là rốt sau. Tướng đây hoặc lược, hoặc rộng, nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, do bốn niệm trụ, nên biết tất cả ngăn mé sự sở tri. Do ngăn mé sự sở tri, lại nên rõ biết ngăn mé sự trí.

Lại nữa, bốn niệm trụ đây do tu tập gia hạnh dục, tinh tấn... mới thành tựu trọn vẹn viên mãn. Nên biết ngoại trừ bốn chủng niệm trụ đây không có cái nào khác đồng phạm đạo đây hoặc cảnh sở duyên đây. Do đạo đây, cảnh đây năng tận các lậu, thành tựu Niết-bàn. Do không có đạo thanh tịnh thứ hai, nên nói thuần chỉ có “một chánh đạo năng đi đến”.

Lại thuần có “một chánh đạo năng đi đến” đây, do 2 nhân duyên năng khiến hữu tình rốt ráo thanh tịnh: 1. Do lực tư trạch; 2. Do lực tu tập. Trong đây, sâu là ưu nhiễm ô, dật là trạo đồng hành nhiễm hỷ Dục giới. Sâu lấy bốn chủng pháp thế gian làm chỗ nương. Dật lấy bốn chủng thế

pháp khác làm chỗ nương. Ở nơi bốn niệm trụ mà siêng tu gia hạnh, nương lực tư trạch vượt qua sáu dật. Do nương lực tu tập thế gian, đắc lìa dục ái, xả bỏ ưu khổ. Do nương lực tu tập xuất thế gian, nên vượt qua tất cả hữu thân khổ, cũng năng chứng đắc diệu pháp chân thật tám Thánh đạo chi và quả thánh đạo. Tất cả hữu tình nên biết đều do hai chủng lực tu tập và tư trạch đây, nên thành tựu tất cả chủng rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, nếu ở nơi bốn chủng sở duyên là thân... mà phát khởi chủng chủng tác ý không như lý, tức liền trái lìa với bốn chủng niệm trụ. Vì trái lìa đây, tức bèn trái lìa tác ý như lý. Vì trái lìa tác ý như lý, tức trái lìa sở hữu thánh đạo do như lý của bậc thánh không gián đoạn năng phát khởi, như chi chánh kiến... Vì trái lìa đây, tức bèn trái lìa tất cả thánh đạo. Vì trái lìa thánh đạo đây, bèn là trái lìa đạo quả cam lồ cứu cánh Niết-bàn.

Lại, thầy Du-già đã rõ biết nhân duyên sanh thân... rồi, lại ở nơi các pháp như thân... ba đời, trụ quán vô thường. Do trụ quán vô thường như vậy, nên ở nơi các hậu hữu trọn không nương tựa trụ ái hậu hữu. Lại trong hiện pháp, ở nơi tất cả hành

hoặc nội hoặc ngoại, đều chẳng chấp thủ ngã cùng ngã sở. Lại ở vị lai nên biết an trụ tùy quán tập pháp. Ở đời quá khứ nên biết an trụ tùy quán diệt pháp. Ở đời hiện tại, vì sanh rồi không gián đoạn tận diệt pháp, nên biết an trụ tùy quán tập diệt pháp. Do vị kia ban đầu ở nơi pháp như thân... quán tánh duyên sanh ngộ nhập vô thường. Đã ngộ nhập tánh vô thường như vậy, đối với các xứ ái kiến tạp nhiễm... trụ nhiều tu tập sửa trị tịnh tâm. Tác ý như vậy mới được viên mãn. Do đây làm chỗ nương, năng tùy đạt được rốt ráo lậu tận.

Lại tóm yếu mà nói, tất cả pháp là thiện, bất thiện, hoặc phẩm tạp nhiễm, hoặc phẩm thanh tịnh. Trong đây nên biết các phẩm tạp nhiễm đều dụng tác ý không như lý làm huân tập. Các phẩm thanh tịnh đều dụng tác ý như lý làm huân tập. Tất cả như vậy lược chung gọi là tác ý làm huân tập.

Lại nữa, tu các niệm trụ hoặc lược hoặc rộng, tương đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, đạo lý tu tập niệm trụ đây, chẳng phải nay khi Thế Tôn xuất hiện nơi đời mới bắt đầu tuyên thuyết; chẳng phải nay Thánh đệ tử mới

bắt đầu chuyên chú tu tập. Nhưng ở quá khứ vô thủy đến nay, ở nơi các niệm trụ đã từng tu tập lưu chuyển, ở đời vị lai nên biết tu tập cũng không cùng tận.

Lại nữa, đời quá khứ, vị lai, hiện tại đây, vì vô lượng thiện pháp xuất thế gian sanh khởi nương tựa, nên thuyết bốn chủng niệm trụ như vậy gọi là “tụ thiện”.

Lại nữa, năng chướng ngại “tụ thiện” như vậy nên thuyết năm cái, gọi là “tụ bất thiện”.

Lại nữa, do bốn pháp sở tri thân... có vô biên sự khác biệt, trí tuệ Như Lai ở nơi kia không ngăn ngại, cũng không giới hạn. Vì trí vô biên nên Như Lai sở thuyết giáo pháp vô thượng cũng không có giới hạn. Như vậy giáo pháp do hai duyên mà được hiển: 1. Do văn; 2. Do nghĩa. Môn nghĩa sai biệt không có số lượng, giáo pháp văn câu khai hiển môn nghĩa cũng không có số lượng. Ở nơi văn câu đây tuyên thuyết không trùng lặp, triển chuyển vô biên, biện tài vô tận. Cho nên Như Lai thành tựu pháp hy kỳ chưa từng có, khéo năng tuyên thuyết sở hữu giáo pháp, ở trong một nghĩa năng dùng vô lượng văn câu thiện xảo vi diệu phương tiện khai

thị, mà tuyên thuyết không trùng lặp.

Lại, ở nơi thánh giáo vì khéo thành tựu trí tông nghĩa thú, nên gọi là có hướng đến. Vì khéo thành tựu diệu tuệ câu sanh do văn-tư mà thành, nên gọi là có ý. Vì thành tựu định, nên gọi là có niệm. Vì thông đạt đế, nên gọi là có tuệ. Nên biết trong đây chủng thứ nhất là nêu chung, ba chủng sau giải thích riêng.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi pháp như thân... trước do văn-tư tác ý như lý, chỉ an trụ quán pháp như thân... Biết tất cả pháp tánh vô ngã rồi, không chỉ ở nơi văn-tư tác ý đây mà sanh vui đủ, chỉ mong cầu định cao hơn, tâm giải thoát. Vì cầu định nên trụ chốn viễn ly, chỉ duyên thân... dụng chín hành tướng an trụ nơi tâm, khiến tâm bên trong tịch tĩnh. Do hai nhân duyên khởi bốn niệm trụ, gọi là khéo phát khởi: 1. Như thật trí do như lý tác ý; 2. Như thật trí do tam-ma-địa. Tuệ đây không do hỏi, chỉ do như thật trí mà sẽ đắc rất ráo.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi ba đối trị sẽ được tùy chỗ muốn, được không khó khăn, được không trở ngại, đó là tướng vô thường, hoặc quán nhân từ, hoặc vô tướng định. Vị kia do ba chủng đối trị

như vậy, tùy chỗ thích hợp như trước đã thuyết, tức ở nơi thân... cảnh giới khả ý... trụ tướng chán nghịch, tướng không chán nghịch, buông bỏ hai chủng kia, xả niệm chánh biết. Do nhân duyên đây gọi là khéo tu tập niệm trụ.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Trước các căn, ái vị
Trước sau có sai khác
Năm tướng và các triền
Quả lợi lớn đi sau.*

Có 3 chủng căn năng làm chướng ngại đối với các niệm trụ và tất cả tụ thiện, nên biết gọi là tụ pháp bất thiện. Những gì là ba? 1. Căn ác hạnh, năng khiến đương lai trụ khổ đường ác; 2. Căn tâm tư, năng khiến hiện pháp trụ khổ không an ổn; 3. Căn căn, vì cùng căn ác hạnh và căn tâm tư làm căn bản, nên gọi là căn căn. Nên biết trong đây ba bất thiện căn tham sân si năng cùng thân... ác hành làm căn. Ba tướng dục... năng cùng tâm tư dục... làm căn. Ba cõi Dục... nên biết năng cùng ba căn tham... và ba căn dục tướng... làm căn.

Lại nữa, có các Bí-sô siêng tu gia hạnh nơi

bốn niệm trụ, dụng đạo thế gian lìa Dục giới ái, nói rộng cho đến đầy đủ an trụ Đệ nhất hữu định. Nhưng ở định đây sanh nhiều ái vị, tức ở định đây sanh tướng vui đủ, không siêng cầu đắc thượng định chưa đắc. Ở trong thánh pháp Tỳ-nại-da đây chẳng gọi là bậc đại sĩ. Vì có sao? Bởi tâm đây chưa được thiện giải thoát. Trái với tướng đây được danh là bậc đại sĩ.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi cảnh thân... tinh cần an trụ quán tuần thân... dùng chín tướng hành an trụ nơi tâm, khiến nhiếp “tâm gom bên trong”. Nên biết tâm đây ở nơi Xa-ma-tha sở trị khiến tâm hôn trầm trì trệ không được giải thoát. Vì không giải thoát nên nương “tâm gom” đây, trong thân liền sanh khởi các tánh hôn trầm, trong tâm sanh khởi các tánh trì trệ. Bấy giờ ở nơi niệm trụ khéo an trụ tâm. Như thật rõ biết đây sanh khởi tùy phiền não rồi, liền từ gom bên trong đây trở lại thâm nhiếp tâm, an đặt tâm ở cảnh tướng tịnh diệu bên ngoài, đó là duyên vào công đức hạnh của chư Phật... và giữ gìn tâm khiến an trụ ở đó. Do duyên đây nên phát sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến do môn diệu cử, ở nơi cảnh sở duyên khiến tâm được

định, từ Xa-ma-tha sở đối trị các tùy phiền não mà được giải thoát. Từ đây về sau, như thật rõ biết ở nơi tùy phiền não tâm được giải thoát. Trong nghĩa hành đây tức là nương tựa cầu nhờ bên ngoài. Đã đạt được nghĩa đây, trở lại như trước thâm nhiếp tâm gom vào bên trong, mà không bị sự nhiễu loạn của các tùy phiền não kia. Tâm gom bên trong rồi, không cần phải nương tựa cầu nhờ nữa, mà tự nhiên như thật rõ biết đối với bên ngoài tâm được giải thoát. Người kia trước ở duyên bên ngoài, ở hành tướng tâm tư có sự chế phục, có gia hạnh để chế phục mà khó thể chuyển vận, thì nay đều được tự tại giải thoát, buông xả, trụ an lạc, đã đắc thành tựu trọn vẹn thắng Xa-ma-tha. Như vậy, vị kia ở nơi bốn chủng niệm trụ khéo an trụ tâm, năng chánh rõ biết sự thực hành trước sau sai khác.

Lại nên biết bồ-đặc-già-la đây trước đã tu hành Tỳ-bát-xá-na, lấy Tỳ-bát-xá-na làm chỗ nương, ở nơi Xa-ma-tha, tu hành Du-già.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi các niệm trụ siêng tu gia hạnh Tỳ-bát-xá-na lấy làm chỗ nương, ở nơi Xa-ma-tha vui tu quán hạnh. Vị kia phải nên bên trong nhiếp lấy tâm mình ở nơi Xa-ma-tha, nắm

giữ tướng như vậy: “Ta nay tư duy chỗ nào, tư duy làm sao, mà tâm nhiếp thọ Xa-ma-tha lại bị não loạn của thân tâm hôn trầm trì trệ, Xa-ma-tha sở trị”. Lại “Ta nay tư duy chỗ nào, tư duy làm sao khiến tâm được Xa-ma-tha nhiếp thọ mà không bị pháp kia làm não loạn”. Nếu Bí-sô kia không nắm lấy tướng trạng tâm mình như thế, chỉ tự rõ biết do tùy phiền não khiến nhiễm ô tâm và ở nơi ngoại duyên nắm giữ tướng tịnh diệu. Do đây làm nhân, tuy năng tạm thời trừ khiến tùy hoặc hiện tại hiện tiền, nhưng ở thời sau nếu lại như trước nhiếp tâm gom bên trong, trở lại bị tùy hoặc nhiều não, chẳng được tĩnh định. Nếu cũng như trước không nắm giữ tướng tâm mình, do nhân duyên đây bị tùy phiền não lớp lớp nhiều loạn, lại chẳng năng đắc nghĩa nên vui cầu, lại bị sự tổn não của sâu ưu. Trải qua thời gian lâu dài chẳng thể thu được nội tâm lặng dứt, không thể nương Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na làm tiền dẫn thu được chánh niệm chánh biết thanh tịnh tăng thượng bậc nhất. Do không đạt được nội tâm lặng dứt, nên không thể thu được bốn tăng thượng tâm hiện pháp lạc trú. Do không thu được chánh niệm chánh trí tăng

thượng bậc nhất, nên không năng đắc chỗ trước chưa đắc là vô thượng an ổn cứu cánh Niết-bàn. Trái với tướng trên, nên biết tức là tất cả phẩm bạch, cho đến thu được chỗ trước chưa được, vô thượng an ổn cứu cánh Niết-bàn. Trong đây, người lo việc ăn uống của chư Tăng ví như thầy Du-già. Chủ, tức ví như ở nơi nội Xa-ma-tha nhiếp thọ tâm. Mùi vị thức ăn dụ cho nắm giữ tướng. Y phục vật thực thượng diệu dụ ở nơi nội tâm Xa-ma-tha... Nên biết sở hữu các phẩm hắc dụ cho các ngu phu. Sở hữu các phẩm bạch dụ cho các bậc trí.

Lại nữa, có các Bí-sô ở nơi các niệm trụ chánh siêng tu tập mà là dị sanh, hoặc có cảnh giới thắng diệu khả ái đang hiện tại tiền, hoặc lại riêng ở một mình mà đắc các tướng trạng. Do quên mất chánh niệm, nên lấy tướng không như lý làm chỗ nương, bỗng nhiên phát khởi tham triền mãnh lợi. Người kia ở nơi triền đây, thân tâm nhàm chán hồ thẹn như thân mình bị đọa ở chốn ách nạn cực đơ ứ, phát khởi tư duy, tâm xa lìa mạnh mẽ. Do hành như vậy, nên ở nơi triền kia tâm được giải thoát. Đã giải thoát rồi, tâm sanh hoan hỷ, từ đây về sau khởi nhàm chán mạnh mẽ. Đã nhàm chán mạnh

mẽ, sau đấc tướng vô thường, như cày lớn vạch đất thành những đường dài, ở nơi thánh đế như thật hiện quán, lấy đây làm chỗ nương, nương tựa Niết-bàn.

Lại ở nơi hàng hữu học tác ý quán sát, ở nơi cảnh thắng diệu tư duy tướng tịnh diệu. Tuy chưa vĩnh viễn đoạn tham tùy miên, nếu lúc tham triền bỗng nhiên sanh khởi hiện tiền, tầm phải đối với kia thấy sâu quá hoạn. Vì muốn đoạn triền đây và tùy miên, nhập vô tướng định, như vậy năng đoạn pháp chưa đoạn còn lại. Từ định khởi rồi như thật rõ biết tất cả đã đoạn, lãnh thọ giải thoát hỷ lạc vi diệu, như thật quán thấy tự mình thành tựu đại trí lực, nên gọi là mạnh mẽ hưng thịnh, các lực ma đều trở nên yếu kém.

Lại nữa, công đức do tu bốn niệm trụ dẫn dắt nên biết năng cảm quả tối thắng tăng thượng rốt ráo, gọi là có quả lớn. Nên biết vì năng cảm lợi ích thù thắng của lạc tối thắng tăng thượng, nên gọi là có lợi lớn.

Quyển 98

Thứ 4. NHIẾP TRẠCH SỰ PHÁP BỒ ĐỀ PHẦN KHẾ KINH Phần 2

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

*Thầy tà, trụ núi Tuyết
Khuyến, thoát, hệ thuộc, tịnh
Thứ tự, giới viên mãn
Tuệ, kết thành đi sau.*

Có các ngoại đạo gặp duyên hòa hợp ở nơi chúng đệ tử tự lập làm thầy, chuyên cầu lợi dưỡng, chuyên cầu cung kính, chuyên cầu tự lợi. Có quyến thuộc trong dòng tộc muốn cầu xuất gia ở chúng kia, ngoại đạo kia nhân đó bảo rằng: “Người với ta trước đây không có tất cả vật dụng nuôi thân để thọ dụng. Nay người nên vì ta đi đến xứ người, giấu lỗi lầm của ta, khen ngợi đức ta. Ta cũng sẽ vì người làm việc như vậy. Hai người chúng ta thay phiên nương hộ lẫn nhau, phải ở nơi quốc vương,

các bậc đồng đẳng với vua, cho đến tất cả thương chủ lớn... thu được nhiều lợi dưỡng cung kính”. Nếu lúc các thầy ngoại đạo nói lời như thế, gọi là chuyên tự lợi.

Nhưng đệ tử đây không chấp nhận, nói lại rằng: “Đừng có cái nhìn như vậy! Kẻ nào hộ như thế chưa gọi là tự hộ, lỗi lầm này khiến đi vào đường ác. Nếu tự ngăn phòng lỗi lầm đây mới gọi là tự hộ mình. Do vậy ông nên tự hộ cho mình trước. Tôi cũng sẽ tự hộ mình bằng cách khác. Tôi đã chẳng thể hộ cho ông, ông cũng chẳng nên hộ tôi”.

Trong nghĩa đây, nên biết đệ tử là người nói như lý, là người thông huệ, vì xem trọng đương lai. Nên biết thầy kia là người nói không như lý, là người ngu si, vì xem trọng hiện tại. Lại còn tạp nhiễm xúc não với người, do tạp nhiễm nên không thể tự hộ; nhân đây não người, không được gọi là hộ người.

Trong đây, như trước đã thuyết thân cận... đoạn các phiền não, gọi là đang tự hộ. Từ đây về sau, do đoạn làm nhân nên không não người... gọi là đang hộ người. Nên biết trong đây không sân, không hại là nghĩa không não. Không duyên mà khởi hai

tâm lợi và lạc, không duyên mà khởi hai tâm từ và bi, nên biết như đây là nghĩa ai mẫn. Do ai mẫn nên không nào đối với người. Tất cả ai mẫn như vậy trái với tướng kia.

Lại nữa, núi Tuyết dụ cho pháp Phật thiện thuyết Tỳ-nại-da. Trong đây nói tóm lược có 3 phần khá được: 1. Vô học địa; 2. Hữu học địa; 3. Dị sanh địa. Trong đây lấy khổ vượn dụ cho tâm tương ưng các tác ý không như lý. Thợ săn dụ cho ma. Ở vô học địa đều không có hai chủng kia năng hành. Ở hữu học địa cho đến Bất hoàn độc nhất có “khổ vượn” dụ cho tâm tương ưng tác ý không như lý năng hành, chẳng phải chỗ năng hành của “thợ săn” dụ ma. Ở dị sanh địa đều có cả hai chủng năng hành.

Lại các ngu phu kia hư vọng quán cảnh khác, năng ra khỏi cảnh khác, truy cầu cảnh khác, bị cảnh khác trói buộc, cho nên ở nơi cảnh chẳng được giải thoát.

Lại nữa, do ở nơi chánh pháp lắng nghe thọ trì, quán sát nghĩa lý, tùy pháp hành pháp, như thứ tự ấy nên biết khuyến khích giáo hóa an lập nơi bốn nghĩa.

Lại nữa, có 3 pháp năng đoạn trừ tất cả tham triền của dâm dục phẩm thượng, hà hướng tham triền của các dục thấp kém. Những gì là ba? 1. Lực tinh tấn; 2. Lực không phóng dật; 3. Lực đối trị. Do lực tinh tấn, nên tham dâm dục kia đã sanh khiến không tồn tại vững chắc. Do hai lực còn lại, nên kia chưa sanh khiến chẳng được sanh. Người siêng tu chánh hạnh như vậy, vì muốn đoạn trừ ác đã sanh và muốn ác chưa sanh khiến chẳng sanh.

Lại nữa, ở nơi bốn Niệm trụ tu tập ân trọng, tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết. Nói hệ thuộc ma: là ở Dục giới. Đối với đây, quả Bất hoàn đã năng siêu vượt. Hệ thuộc chết: là từ Dục giới cho đến Hữu đẳng. Đối với đây, đến A-la-hán mới năng siêu vượt. Nói các hữu tình không thanh tịnh: là các dị sanh. Nói thanh tịnh: là các bậc hữu học. Nói sáng sạch: là các bậc vô học.

Lại nữa, có 3 chủng chứng tịnh, khiến người chưa thanh tịnh năng thanh tịnh, người đã thanh tịnh năng khiến sáng sạch. Nên biết trong đây các hữu học phẩm thượng gọi là thanh tịnh. Các hữu học phẩm hạ gọi là không thanh tịnh, do các vị kia tu đạo chưa đắc thanh tịnh. Còn lại như trước thuyết.

Lại nữa, nên biết tu bốn Niệm trụ lược có 5 chủng thứ tự: 1. Lược tín tăng thượng thanh tịnh xuất gia; 2. Luật nghi giới; 3. Luật nghi căn; 4. Vui viễn ly; 5. Các “cái” thanh tịnh. Những người tại gia tuy lớp lớp tu các Niệm trụ, phòng hộ, được tịnh tín, các cái thanh tịnh, nhưng khuyết các học xứ, cho nên sự tu học không được viên mãn.

Lại nữa, do 3 nhân duyên nên biết Bí-sô đầy đủ giới, thành tựu cấm giới, tịnh mạng viên mãn. Những gì là ba? 1. Sở hành viên mãn: từ các việc như mua bán cho đến hại, trói, cắt, đoạn, đánh, đập, chà xát... thấy đều xa lìa; 2. Nhiếp giữ viên mãn: từ các việc chăn nuôi voi, ngựa... cho đến các việc chăn nuôi các loài sanh từ vỏ... thấy đều xa lìa; 3. Thọ dụng viên mãn: y phục đủ che thân, thức ăn đủ no bụng, liền sanh vui đủ. Đối với vật nuôi thân khác, phi thời mà ăn... thấy đều xa lìa.

Lại nữa, bốn pháp là Thân, Thọ, Tâm, Pháp như bốn đường lớn. Nơi thân kia mà sanh tác ý không như lý, như mong muốn lúa thóc hoa màu xấu. Nơi thân kia mà sanh như lý tác ý, như mong muốn lúa thóc hoa màu tốt đẹp. Nên biết Dục giới là bất định địa, giống như da. Sắc giới, Vô sắc giới

đều là định địa, giống như thịt. Vô minh như máu. Ở trong ba cõi, do ba chủng lậu đây nên thành nghĩa rĩ lậu.

Lại nữa, chỗ có chủng chủng vô lượng pháp ác bất thiện như tham... như trước đã thuyết, do hai nhân duyên, nếu kết thành thì chẳng thể tu tập bốn chủng niệm trụ, chẳng phải không nhân duyên. Những gì gọi là hai? 1. Vì có triền tham... hiện tiền; 2. Vì ở nơi triền đây không thấy lỗi lầm. Nếu triền hiện tại tiền, khiến tâm bị tạp nhiễm chẳng thể tu tập. Tuy tánh tạm xa lìa, nhưng vì nhiễm trước, vì có luyến tiếc, nên ở nơi các pháp năng thuận theo tham... tâm bị tán động, thường theo dòng chìm nổi, chủng chủng tâm tư hằng theo đó nhiều loạn, cho nên chẳng thể tu tập niệm trụ. Nếu chẳng vậy, các hữu tình nơi tánh không nhiễm trước sâu đều lẽ chẳng cần tu bốn niệm trụ. Nếu có việc đây, thì không tồn tại pháp “năng tu bốn Niệm trụ”.

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

Dũng, lực, tu đẳng trì

Môn khác, sau thần túc.

Nên biết kiến lập 4 chủng chánh đoạn, như *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt, trong đó tuyên thuyết “Dũng” là cú thứ năm.

Sao gọi là Dũng? Như trước đã thuyết, tức là kham năng nhẫn thọ các khổ do phát siêng tinh tấn, khổ do các rĩ lậu, khổ do giới của thân không điều hòa, khổ do những việc tổn não của người như phát lời thô ác. Nếu không bị nhân duyên khổ đây khiến thối xả tu tập gia hạnh chánh đoạn, nên biết gọi là dũng.

Lại nữa, nên biết kiến lập 4 chủng Thần túc, như *Thanh văn địa* đã rộng phân biệt. Nếu nói tóm lược thì do 4 chủng lực gìn giữ tâm khiến định, cho nên kiến lập 4 chủng Thần túc. Sao gọi là bốn? 1. Lực ý lạc thanh tịnh; 2. Lực chuyên cần; 3. Lực tâm hỷ lạc; 4. Lực chánh trí.

Nên biết trong đây, do lực thứ nhất nên ở nơi tam-ma-địa phát sanh vui muốn, từ đây vì muốn chứng đắc nên chuyên cần tu tập. Do lực thứ hai nên ban đầu trụ tâm khiến an định. Do lực thứ ba nên tâm đã trụ định, không bị tán động trở lại, không bị tốc chuyển theo bên ngoài. Do lực thứ tư nên quán sát phiền não sở trị của đẳng trì; đối với

những điều đã đoạn, chưa đoạn như thật rõ biết. Lại ở nơi tướng nhập, trụ và xuất đẳng trì, năng khéo phân biệt rõ ràng. Như thế lại ở nơi chỗ có các tướng Xa-ma-tha, hoặc các tùy phiền não Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na và năng đối trị các tùy phiền não kia, đều như thật rõ biết. Lạc đẳng trì, tức là ở trong đẳng trì chỉ có sở tác đẳng trì như vậy. Ngoài đây ra lại không có, hoặc thêm hoặc hơn.

Lại nữa, do 5 nhân duyên tóm lược tướng tu tập Thần túc: 1. Do xa lìa tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha; 2. Do xa lìa tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na; 3. Do ở nơi cảnh giới sở duyên phẩm Tỳ-bát-xá-na tâm bị hệ phược; 4. Do ở nơi cảnh giới sở duyên phẩm Xa-ma-tha tâm bị hệ phược; 5. Do ở nơi cảnh giới sở duyên của cả hai phẩm tâm bị hệ phược.

- Tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha là dục... đồng hành giải đãi và dục... đồng hành hôn trầm thụy miên. Nên biết chính dục... đồng hành hôn trầm thụy miên làm tánh nương tựa cho dục... đồng hành giải đãi.

- Tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na là dục... đồng hành trạo cử và dục... đồng hành tán động bởi

diệu dục. Nên biết dục... đồng hành tán động bởi diệu dục làm tánh nương tựa cho dục... đồng hành trao cử.

Lại ở trong đây, do dục... đồng hành giải đãi nơi phẩm Xa-ma-tha khiến trụ tạp nhiễm, nhưng không năng khiến các Xa-ma-tha thấy đều diệt mất. Do dục... đồng hành hôn trầm thụy miên nơi phẩm Xa-ma-tha khiến trụ tạp nhiễm, cũng lại năng khiến các Xa-ma-tha thấy đều diệt mất. Do dục... đồng hành trao cử nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến trụ tạp nhiễm, mà không năng khiến Tỳ-bát-xá-na thấy đều diệt mất. Dục... đồng hành tán động bởi diệu dục nơi phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến trụ tạp nhiễm, cũng khiến tất cả Tỳ-bát-xá-na thấy đều diệt mất.

- Cảnh giới sở duyên phẩm Tỳ-bát-xá-na là tướng trước, sau. Phân biệt tướng tướng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

- Cảnh giới sở duyên phẩm Xa-ma-tha là tướng trên, dưới. Tướng đây nên biết cũng như trước đã thuyết.

- Cảnh sở duyên của cả hai phẩm là tướng quang minh, ở nơi hai phẩm kia vì có dao động nên

có các quang ảnh đồng hành tâm tu. Lại chẳng phải chỉ có dục... tương ứng cùng với giải đãi mà còn có chủng khác, gọi là đồng hành giải đãi. Cũng vậy, tinh tấn có nghĩa tương ứng với giải đãi, tức có tinh tấn mà bị rơi vào trì trệ, không chân chánh phát siêng tinh tấn tương tục, nên gọi là đồng hành giải đãi.

Lại 5 tướng đây nên biết tổng nhiếp tất cả tướng tu. Lạc đẳng trì tức là do đây đẳng trì nhanh chóng được thành tựu viên mãn.

Lại nữa, ở 5 xứ giải thoát, như chỗ thích hợp nên biết 4 chủng tăng thượng tam-ma-địa là: dục, tinh tấn, tâm, quán.

Nếu có Bí-sô nương ý lạc thanh tịnh và dục mãnh lợi, vì muốn chứng đắc thông tuệ thù thắng bậc nhất, theo chư Như Lai và đệ tử Phật mà ân trọng cung kính lắng nghe chánh pháp. Từ nghe, không gián đoạn thứ lớp chứng đắc thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Dục tăng thượng tam-ma-địa.

Lại, Bí-sô như pháp đã nghe, như pháp đã có được, khởi nhiều dụng công, phát tinh tấn mạnh mẽ, hoặc chân chánh vì người tuyên thuyết khai

thị, hoặc dùng âm từ thắng diệu đọc tụng. Từ thứ lớp nhân duyên đây không gián đoạn, năng theo đó thành tựu thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Tinh tấn tăng thượng tam-ma-địa.

Lại có Bí-sô ở nơi các tướng hiền thiện tam-ma-địa khéo nắm giữ tư duy, quán xanh bầm cho đến xương, máu xương, lấy làm ngăn mé. Do sở duyên đây, thứ lớp sanh khởi thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Tâm tăng thượng tam-ma-địa.

Lại có Bí-sô như pháp đã nghe, như pháp đã có được, một mình ở chốn không nhân, tư duy thọ lượng quán sát sâu chắc. Do nhân duyên đây, dần dần sanh khởi thắng tam-ma-địa. Nên biết đây gọi là Quán tăng thượng tam-ma-địa.

Lại có cách nói khác, đó là do 4 môn khởi tam-ma-địa: 1. Do môn từ người sanh khởi vui muốn mãnh lợi lắng nghe chánh pháp; 2. Do môn từ người nên có được sự dạy răn dạy trao không diên đảo, phát khởi gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng, nhưng chưa nhập căn bản thắng tam-ma-địa, muốn thú nhập những điều chánh dạy trao; 3. Do môn đã nhập căn bản thắng tam-ma-địa, vì muốn triển chuyển chứng đắc vị thắng tam-ma-địa

cao hơn, tâm hỷ lạc; 4. Do môn đa văn trì văn, tự mình năng ở nơi pháp như lý quán sát, bình đẳng quán. Nên biết trong đây do môn thứ nhất khởi Dục tăng thượng tam-ma-địa. Do môn thứ hai khởi Tinh tấn tăng thượng tam-ma-địa. Do môn thứ ba khởi Tâm tăng thượng tam-ma-địa. Do môn thứ tư khởi Quán tăng thượng tam-ma-địa. Còn lại phân biệt nghĩa và phân biệt hành đoạn, tương đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, lấy tu các Thần túc làm chỗ nương, sẽ năng chánh dẫn phát các thánh thần thông. Ngoại đạo không có việc tu các thần túc mà năng chánh dẫn phát các thánh thần thông.

Lại, các bậc thánh dẫn phát sở hữu thần thông tối thắng, tùy vui muốn mà kéo dài các hành thọ, hoặc trụ một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Đó là chủng tánh bổ-đặc-già-la bất định, quá một kiếp gọi là Vật Loại. Nên biết loại đây chỉ trụ nội pháp.

Lại các bậc thánh biến hóa thần thông, ở nơi 4 sự việc đây không thể biến hóa: 1. Căn; 2. Tâm; 3. Pháp sở hữu của tâm; 4. Nghiệp và nghiệp dị thực.

Lại, các bậc thánh tánh biến hiện thần thông,

không thể chuyển biến nghiệp thuận thọ lạc khiến tự tánh thay đổi thành thuận thọ khổ. Như thuận thọ lạc so với thuận thọ khổ, thì nghiệp thuận thọ khổ so với thuận thọ lạc nên biết cũng vậy. Nếu nghiệp nặng thuận thọ không phải khổ lạc nên biết vẫn rất ráo là thuận không phải khổ lạc.

Lại, các bậc thánh trụ giữ thân thông, không thể trụ giữ nghiệp thuận thọ không phải khổ lạc khiến thành không thọ. Còn lại nên biết cũng vậy.

Lại khi các bậc thánh lúc biến hiện thân thông, không thể chuyển biến nghiệp thuận thọ hiện pháp khiến thành nghiệp thuận thọ hậu pháp, và không thể chuyển biến nghiệp thuận thọ hậu pháp khiến thành nghiệp thuận thọ hiện pháp.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Kiến lập, cảnh sở hành

Tuệ căn là tối thắng

Nên biết sau an trụ

Ngoại phẩm dị sanh thủy.

Nói tóm lược do nghĩa 6 xứ tăng thượng, nên biết kiến lập 22 căn. Những gì là sáu? 1. Nghĩa năng thủ cảnh giới tăng thượng; 2. Nghĩa kế thừa

gia tộc tăng thượng; 3. Nghĩa nhân duyên nuôi mạng, sự nghiệp gia hạnh sĩ dụng mỗi mỗi riêng khác tăng thượng; 4. Nghĩa thọ dụng các nghiệp cũ đã tạo làm đời trước, quả ái, phi ái và tạo nghiệp mới tăng thượng; 5. Nghĩa hướng đến ly dục thế gian tăng thượng; 6. Nghĩa hướng đến ly dục xuất thế gian tăng thượng.

Trong đây nên biết từ nhân căn là đầu tiên, cho đến ý căn là rốt sau, sáu căn như vậy đối với năng thủ cảnh giới có nghĩa tăng thượng.

Hai căn nam và nữ đối với con cháu kế tự gia tộc có nghĩa tăng thượng.

Một chủng mạng căn đối với ái mạng, tức nhân duyên mạng sống, sự nghiệp gia hạnh sĩ dụng mỗi mỗi riêng khác, có nghĩa tăng thượng.

Từ căn lạc là đầu tiên cho đến căn xả là rốt sau, năm căn như vậy đối với sự thọ dụng nghiệp đã tạo làm trước kia cảm quả ái, phi ái và tạo nghiệp mới, có nghĩa tăng thượng.

Từ tín căn là đầu tiên cho đến tuệ căn là rốt sau, năm căn như vậy đối với năng hướng đến ly dục thế gian có nghĩa tăng thượng.

Căn chưa biết sẽ biết, căn đã biết, căn biết

đầy đủ, ba căn vô lậu như vậy đối với năng hướng đến ly dục xuất thế gian tối cực rốt ráo, có nghĩa tăng thượng. Tất cả nghĩa mà thế gian có thể hiện thấy được chỉ là tỷ lượng, nên biết nghĩa rốt ráo không ra khỏi 22 căn, nên tất cả căn nhiếp vào 22 căn đây.

Lại nữa, hoặc có một loại khởi suy nghĩ như vậy: “Nếu bên trong không có ngã nương gá sáu căn môn hành sáu cảnh giới, thì sáu căn sở hành riêng biệt, cảnh giới riêng biệt. Như vậy sáu căn đây chỉ năng lãnh thọ tự sở hành cảnh của chính nó, ai năng lãnh thọ tánh cảnh sở hành của sáu căn đó?”. Nên biết do loại đây chẳng thể thông đạt đạo lý duyên khởi, nên ở nơi các hành khởi tà phân biệt. Lý duyên khởi thế nào? Nếu thầy tu Du-già, ở nơi nội sáu căn như lý duyên theo, tinh cần gia hạnh tu bốn niệm trụ, tức lúc bấy giờ bốn niệm trụ đây lãnh thọ tánh cảnh sở hành của sáu căn, tức đây đối với kia do thanh tịnh nên gọi là xuất ly.

Lại vì siêng tu bốn Niệm trụ, nên ban đầu thông đạt lý đế, thu được bảy Giác chi, tức lúc bấy giờ các Giác chi đây vì là chân thật, nên lãnh thọ

tánh cảnh sở hành của Niệm trụ.

Lại do tu tập Giác chi là nhân duyên khởi minh giải thoát, tức lúc bấy giờ minh giải thoát như vậy lãnh thọ giác chi rồi khéo tu tập, từ đây về sau chẳng lại tu tánh cảnh sở hành, như thật đã đoạn tất cả phiền não. Tức lúc bấy giờ ở nơi các phiền não đoạn, Niết-bàn tịch diệt, lìa tăng thượng mạn. Do xa lìa tăng thượng mạn nên hiện tại đây thật có rốt ráo minh giải thoát, như thật lãnh thọ rồi, đắc tánh cảnh sở hành của minh giải thoát. Do đây lìa khỏi tất cả sở hữu pháp hữu vi, nên biết cũng lìa khỏi minh giải thoát. Ở trong Niết-bàn, thi thiết hai chủng năng thủ, sở thủ đều không chỗ có, vì tất cả hý luận vĩnh viễn xa lìa trừ diệt; cho đến các pháp hữu vi khá có thể được, triển chuyển hỏi đáp, thi thiết kiến lập năng thủ, sở thủ, ngôn luận sai khác đều vĩnh viễn diệt trừ. Trong pháp vô vi cứu cánh Niết-bàn, tất cả sự hỏi đáp ngôn luận sai khác đều không như lý. Cho nên, nên biết ở trong vô ngã nên chánh hiển thị chỉ có tạp nhiễm, chỉ có thanh tịnh.

Lại nữa, nếu có các bổ-đặc-già-la sĩ phu chủng loại thông tuệ, các căn nhạy bén, do lực tư trạch

tác ý như lý tư duy các pháp, nên đối với Niết-bàn được chánh tin hiểu sâu chắc. Vì tin chắc nên phát siêng tinh tấn tăng thượng. Vì tăng thượng nên năng ở nơi cảnh giới sở duyên thân, thọ an trụ chánh niệm; cũng vì tăng thượng nên năng ở nơi sở duyên khiến tâm nhất thú hướng; cũng vì tăng thượng nên ở nơi tất cả pháp như thật rõ biết, như thật quán thấy. Do nhân duyên đây năng đến rốt ráo. Cho nên tuệ kia hoặc ban đầu, hoặc về sau đều có nhiều tăng ích. Do đây nên nói Tuệ căn rất là thù thắng.

Lại nữa, nương Vô thượng Bồ-đề của chư Phật mà đắc chánh tín cho đến chánh tuệ. Nếu pháp đây người thế gian cũng không có, nên biết đây trụ ngoại phẩm dị sanh. Nếu pháp đây chỉ có thế gian, không có xuất thế, nên biết đây trụ nội phẩm dị sanh, chẳng phải ngoại dị sanh. Nếu pháp đây có xuất thế, nên biết tất cả riêng trụ phẩm khác, chẳng thuộc các phẩm loại dị sanh kia.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Tư trạch, giác tuệ thủy
Các nước cùng các vua*

*A-la-hán, hữu học
Chất trực đi sau cùng.*

Nói tóm lược tức là trong tất cả ác hành hiện pháp và hậu pháp đã thấy sâu quá hoạn, nên chánh tư trạch dứt trừ các ác hạnh, tu các thiện hạnh, gọi là lực tư trạch. Nên biết lực đây năng thành hai sự: 1. Năng đến đường thiện trời người; 2. Năng đến hiện pháp Niết-bàn.

Lại đây năng cùng lực tu tập nhiếp lấy tu các Niệm trụ làm chỗ nương. Do đây làm chỗ nương, năng chánh tu tập pháp Bồ-đề phần như bốn Niệm trụ... Nên biết tu đây gọi là lực tu tập.

Lại, lực tư trạch năng cùng 3 xứ hổ thẹn làm bạn. Những gì gọi là ba xứ tầm quý?

1. Hổ thẹn với người. Tức khởi nghĩ đây: “Nếu ta làm ác, sẽ bị thế gian có tha tâm trí, chư Phật Thế Tôn, hoặc Thánh đệ tử, hoặc chúng chư thiên tin lời Phật dạy sẽ cùng chê trách”. Đây gọi là lực tư trạch xứ thứ nhất.

2. Hổ thẹn với mình. Tức khởi nghĩ đây: “Nếu ta làm ác, nhất định sẽ bị nhiều chê trách. Đâu có bậc thiện nhân nào lại làm ác hạnh”. Đây gọi là lực tư trạch xứ thứ hai.

3. Hổ thẹn nơi pháp. Tức khởi nghi đây: “Nếu ta làm ác ắt sẽ bị chướng ngại. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tu phạm hạnh, nếu có hủy phạm ắt là hoại phạm hạnh”. Đây gọi là lực tư trạch xứ thứ ba.

Hổ thẹn như vậy nên biết lấy 3 chỗ làm tăng thượng: 1. Thế gian tăng thượng; 2. Tự mình tăng thượng; 3. Pháp tăng thượng.

Lại nữa, do lấy hành tự lợi và hành lợi tha làm tăng thượng, nên biết kiến lập có 4 chủng lực: 1. Lực giác tuệ; 2. Lực tinh tấn; 3. Lực không tội; 4. Lực nhiếp thọ.

Vui lợi mình: Năng đến hiện pháp Niết-bàn gọi là nghĩa tự lợi. Năng đến đường thiện người trời, cũng gọi là nghĩa tự lợi. Nên biết trong đây nương nghĩa tự lợi thứ nhất kiến lập hai lực là giác tuệ và tinh tấn. Do hai lực này nên có phương tiện phát khởi Chánh cần. Nương nghĩa tự lợi thứ hai kiến lập lực không tội. Do ba lực đây, tất cả nghĩa tự lợi đều được rốt ráo.

Vui lợi tha: Còn lại là nghĩa lợi tha. Do tăng thượng đây nên kiến lập lực nhiếp thọ. Nên biết các tướng “Nhiếp sự” đây như *Bồ-tát địa* đã biện rõ.

Lại nữa, nương nơi đất nước và vua, hoặc nam hoặc nữ, hoặc chồng hoặc vợ, hoặc người ngu hoặc người trí, hoặc chúng tại gia hoặc chúng xuất gia, nên biết kiến lập có mười chủng lực, như đối với các quốc vương thì có lực tự tại... Hết thấy lực như vậy kinh đã rộng thuyết.

Lại nữa, các A-la-hán thành tựu tám lực, như thật lãnh thọ tham sân si thấy vĩnh viễn tận không sót thừa, không tạo các ác, tu tập các thiện, cũng có nghĩa là tâm hướng đến viễn ly, xuất ly, Bát-niết-bàn. Cho nên nhằm chán trái lìa hậu hữu, nhằm chán trái lìa nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Lại quán các dục giống như than nóng, nên nhằm chán trái lìa các dục, nhằm chán trái lìa nhân duyên, không tạo nghiệp ác. Do hai lực đây nên không tạo các ác. Vì không tạo ác, lại do 6 môn nên tu tập các thiện, đó là: Niệm trụ, Chánh đoạn, Thần túc, Căn lực, Giác chi và Đạo chi.

Lại nữa, chư Phật Như Lai nương hành tự lợi và hành lợi tha có sự sai biệt lớn so với các đệ tử. Như có lời rằng: “Các bậc hữu học thành tựu năm lực, còn Như Lai thành tựu mười lực”. Nếu thành tựu năm lực hành hạnh tự lợi hữu học, thì các

Thánh đệ tử thu được quả tối thượng A-la-hán. Nếu từ đây không gián đoạn, thì tất cả nghĩa tự lợi đều được rốt ráo. Như Lai đã thành tựu A-la-hán rồi, hành hạnh lợi tha thành tựu mười lực, tức lấy lợi tha làm nghĩa tự lợi. Nếu khi tất cả việc giáo hóa đã rốt ráo, nhập Vô dư y Bát-niết-bàn giới, nên biết bấy giờ ở nơi sở tác mới được viên mãn. Hoặc tu hành hạnh A-la-hán, hoặc vì lợi tha tức hành nghĩa tự lợi, hai nhân duyên đây so với các đệ tử đều rất thù thắng hơn cả. Mười lực Như Lai như *Bồ-tát địa* đã rộng phân biệt.

Lại nữa, có bồ-đặc-già-la tánh chất trực, tự mình quý thích không siểm không cưỡng. Vì chúng nghĩa tự lợi có bốn chủng tướng, nếu nương pháp ác thuyết Tỳ-nại-da tức liền bị gián đoạn trì trệ, cần yếu nương pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tức không gián đoạn, không bị trì trệ.

Những gì là 4 tướng? 1. Thuyết dạy chánh pháp; 2. Dạy răn dạy trao; 3. Như lý thông đạt; 4. Đối với chánh pháp đã nghe, được chân thật chứng.

Đó là các thắng giải làm chỗ nương, năng xa lìa không nhân, ác nhân, khai thị đúng lý nghĩa chánh nhân. Được các bậc dạy răn dạy trao không

điên đảo, văn nghĩa dạy khéo năng thuận theo gia hạnh đoạn nhiếp lấy pháp không điên đảo, năng khiến chứng đắc pháp do thắng giải làm chỗ nương. Nếu các thiện nam tử đã tự mình tôn trọng quý thích, đã tương tục điều phục, có sự kham năng, đến nhập trong nội pháp Tỳ-nại-da, được chánh tuyên thuyết, được chánh khai ngộ, thì năng nhanh chóng hưởng đến thắng tiến, như lý thông đạt pháp nên thông đạt, cũng năng chân thật chứng pháp nên chứng. Lấy bốn Niệm trụ làm chỗ nương, ở nơi pháp hữu vi mà các bậc thông tuệ cùng chấp nhận là có, hoặc chấp nhận là không, đều chân chánh rõ biết; ở nơi pháp vô vi cho đến Hữu đánh đều là hữu thượng, năng chánh rõ biết là hữu thượng; đối với Niết-bàn vô thượng, như thật rõ biết là vô thượng. Như vậy gọi là như lý thông đạt. Lại lấy bốn Niệm trụ làm chỗ nương, do tâm tinh định nên chánh tu tập bảy Giác chi rồi, tác chứng rõ ràng minh giải thoát. Như vậy gọi là được chân thật chứng.

Các thiện nam tử kia nếu tự mình thích nhập vào pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, thì đối với bốn xứ đây đều không thể có được, nên gọi là dừng lại.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

Lập, sai biệt, thực, thứ lớp

An lạc trụ, tu ở sau.

Do hai phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na sai biệt, nên kiến lập Giác chi, tướng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, vì tự tánh sai biệt, vì tướng sở duyên, nhân duyên sai biệt, nên biết 14 chủng tướng sở duyên, nhân duyên sai biệt của bảy Giác chi. Nghĩa rộng phân biệt nên biết như *Tam-ma-hí-đa địa* và *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nữa, ở trong pháp năng thuận theo Giác chi, lược có 2 chủng tác ý không điên đảo, nên biết cộng chung với Giác chi làm thức ăn. Những gì là hai? 1. Chánh tác ý; 2. Luân tác ý. Trái với tướng đây nên biết là không phải thức ăn.

Lại nữa, ở đầu, giữa và sau nếu tùy khuyết một chi, như thật rõ biết khiến không được viên mãn. Như sắc loại đây, sở y, năng y, lưu chuyển, an lập, tùy theo sự sanh khởi ấy thứ tự mà thuyết. Trong đây niệm là sở y, trạch pháp là năng y, còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, nếu có Bí-sô phương tiện tu tập các Giác chi, do bốn nhân duyên khiến Bí-sô không trụ an ổn. Những gì gọi là 4 chủng nhân duyên? 1. Vì tất cả phiền não phẩm loại thô trọng đều chưa lìa; 2. Vì có các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha hiện tại tiền; 3. Vì có các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na hiện tại tiền; 4. Đạo chưa điều thiện mà lại xao lãng. Trái với 4 tướng đây là 4 chủng nhân duyên khiến trụ an ổn.

Đối với 2 chủng sau, Bí-sô thiện xảo phải như thật hiểu rõ thông đạt, an trụ chánh biết đó là do các tác ý có gia hạnh nên tinh tấn thái quá và do trước sau có tăng giảm nên chuyển vận không quân bình. Do hai duyên đây nên gọi là đạo không điều thiện. Trái với hai nhân duyên đây nên gọi là đạo điều thiện. Như Chuyển luân vương ở bốn châu được đại tự tại thành tựu bảy báu, như vậy Tâm vương ở bốn Thánh đế được đại tự tại thành tựu bảy báu Giác chi chân tịnh, nên biết cũng vậy. Trong đây, ở nơi hai phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na chuyển vận song song, hàng phục vượt qua tất cả phiền não oán đối, do nghĩa đây nên Niệm giác chi ban đầu giống như xe báu. Cảnh tướng sở

tri lượng vô biên, trí thể năng tri cũng tùy theo đó rộng lớn, do nghĩa đây nên Trạch Pháp giác chi giống như voi báu. Nương đây nhanh chóng năng đi đến đạt được thắng xứ sai khác, do nghĩa đây nên Tinh Tấn giác chi giống như ngựa báu. Duyệt ý không tội thật thù thắng hơn cả, do nghĩa đây nên Hỷ giác chi giống như nữ báu. Thân tâm sáng sạch, có sự kham năng, do nghĩa đây nên Khinh An giác chi như thần châu báu. Năng biện biệt tất cả sự vui thích mong cầu, do nghĩa đây nên Định giác chi như thần kho báu. Năng hàng phục tất cả quân pháp nhiễm ô, năng xuất tất cả quân pháp thanh tịnh, năng hướng đến vô tướng an ổn, do nghĩa đây nên Xả giác chi như tướng quân báu.

Lại nữa, các bậc tu hành đắc bảy báu Giác chi, ví như đại vương có kho y phục thượng diệu thọ dụng ở ba thời khác nhau, ba phần an trụ bảy Giác chi kia nên biết cũng vậy. Các bậc tu hành chưa từng an trụ chỉ một Giác chi.

Nói ba thời là phần đầu ngày, phần giữa ngày và phần cuối ngày.

Nói ba phần là phẩm Xa-ma-tha, phẩm Tỳ-bát-xá-na và phẩm cả hai đây. Ở trong phần đầu

trụ bốn Giác chi, ở trong phần thứ hai trụ bốn Giác chi, ở trong phần thứ ba an trụ đầy đủ bảy Giác chi.

Lại ở nơi bảy Giác chi, đối với các ngoại đạo không oán ghét, không chống đối, hằng đem ý vui làm lợi ích chuyển đến, là hệ buộc tất cả phiền não, nên gọi là không oán, không địch, không hại, không có tai họa. Bậc tu hành ở nơi bảy Giác phần đây đều như thật rõ biết, nếu tùy lúc hiện tiền, tùy lượng hiện tiền, gọi là trụ; nếu lúc thối bỏ ra khỏi, gọi là diệt. Vị kia do trụ chánh biết như vậy, gọi là trụ không tội, không có ái vị, tâm là nhiệm vị.

Lại nữa, nên biết lược do 2 nhân duyên tu tập các Giác chi đồng hành với 21 chủng tướng: 1. Đồng hành y cứ vào nghĩa tương ưng; 2. Đồng hành y cứ vào nghĩa không gián đoạn.

Tu đồng hành với tướng vô thường... cho đến tu đồng hành với tướng chết, thì y cứ vào nghĩa tương ưng. Tu đồng hành với tướng bất tịnh... cho đến tu đồng hành với tướng quán không, thì y cứ vào nghĩa không gián đoạn. Tu đồng hành với từ... nên biết cũng vậy.

Lại ở trong tất cả hành quá khứ, vị lai, hiện

tại, có các hành ái nhiễm, hoặc lười biếng giải đãi, hoặc thân kiến, tuy đã đoạn diệt mà tập khí tùy trói buộc, ngã mạn hiện hành, hoặc do tham ái vui muốn chửi chửi việc mỹ diệu ở thế gian, hoặc do phiền não tùy miên sót thừa, hoặc do mong cầu lợi dưỡng, hoặc do mong cầu kế sanh nhai, hoặc do các dục ái, hoặc do các hữu ái, hoặc theo hư vọng phân biệt phát khởi 4 chủng dục tham: 1. Tham sắc đẹp; 2. Tham hình dáng; 3. Tham xúc mịn màng; 4. Tham hầu hạ... Cho nên năng khiến sanh khởi quá hoạn không như lý, cũng khiến tâm đây vượt khỏi quỹ phạm mà chuyển.

Để đối trị kia, tùy chỗ thích hợp tu Giác chi đồng hành với 21 tướng sai biệt. Vì đối trị bốn chủng chướng, nên tu tướng hành vô nguyện, từ tướng vô thường cho đến tướng tất cả thế gian không đáng vui. Vì muốn đối trị một chủng chướng, nên tu tướng hành không, hoặc tướng khổ vô ngã. Vì muốn đoạn diệt chướng phiền não tùy miên sót thừa, nên tu tướng hành vô tướng đối với ba cõi. Vì muốn đối trị mong cầu lợi dưỡng và dục ái, tu tướng lỗi lầm tai họa của các dục. Vì muốn đối trị mong cầu kế sanh nhai và hữu ái, tu tập tướng chết. Vì

muốn đối trị đuổi theo hư vọng phân biệt phát sanh bốn dục tham, nên tu tưởng bất tịnh đi đầu, cho đến tưởng quán không rốt sau. Lại tất cả đây từ tưởng xanh bầm, cho đến tưởng quán không, nên biết đều nhiếp thuộc tưởng bất tịnh. Lại ở trong đây tưởng xanh bầm đi đầu, tưởng tương sinh rốt sau, đối trị tham sắc đẹp. Tưởng ăn thức ăn, tưởng phân rã đổ lòm, tưởng phân tán, đối trị tham hình dáng. Tưởng hài cốt, tưởng móc xương, đối trị tham xúc mịn màng. Tưởng quán tâm thức không, thấy chết không, đối trị tham hầu hạ. Lại ở trong đây tu từ, rốt ráo cho đến biến tịnh... tưởng đây nên biết đã thuyết trong *Tam-ma-hí-đa-địa*.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Đầu nội ngoại lực
Thanh tịnh sai biệt
Dị môn, Sa-môn
Sau Bà-la-môn.*

Vì muốn sanh khởi tám Thánh đạo chi, trong tất cả lực hoặc nội hoặc ngoại, có hai chủng lực so với lực khác thù thắng hơn cả. Những gì là hai? 1. Ở ngoại lực khéo biết lực thức là thù thắng hơn cả;

2. Ở nội lực, lực chánh tư duy là thù thắng hơn cả. Nên biết trong đây, trước hết xa lìa các chướng ngại tu nghiệp phước, nên không bị thiếu thốn y phục, thức ăn uống... gọi là ngoại lực khác. Trừ tướng tương ưng chánh tư duy, riêng có chi phần đoạn khác, gọi là nội lực khác. Bậc thiện tri thức bên ngoài, tức từ vị kia được nghe chánh pháp vô thượng, do đây gọi là từ người nghe âm. Chánh tư duy bên trong, tức là lắng nghe không gián đoạn, năng phát khởi chánh kiến làm đạo dẫn đầu.

Lại nữa, chánh kiến kia... nếu tại hữu học, vì vô lậu nên gọi là thanh tịnh; nếu tại vô học, vì thanh tịnh tương tục nên gọi là sáng sạch; nếu tại thế gian, vì xa lìa vô lượng kiến theo ngoại đạo, xa lìa các ác tà hành, nên gọi là không có một mảy trần. Xa lìa mảy trần, chỗ phát khởi các nghiệp hậu hữu tạp nhiễm, cho nên gọi là lìa tùy phiền não. Nói tóm lược, tất cả tám Thánh đạo chi nhiếp vào hai xứ: 1. Thế gian; 2. Xuất thế gian. Thế gian đây, ba lậu, bốn thủ đuổi theo trời buộc nên không thể tận khổ; nếu là tánh thiện thì năng đến đường thiện. Xuất thế gian trái với tướng kia, năng tận các khổ.

Lại, tám Thánh đạo chi là chánh kiến... nghĩa phân biệt rộng như *Thanh văn địa* và phần *Nhiếp dị môn* đã thuyết; đầy đủ bảy chủng định như *Tam-ma-hí-đa địa* đã thuyết.

Lại nữa, vì chánh kiến làm tiền dẫn tám Thánh đạo chi, tập hợp chánh lý gọi là Pháp. Vì năng diệt tất cả các phiền não, gọi là Tỳ-nại-da. Vì lià bỏ xa các pháp ác, cùng noi theo tất cả Thánh hiền, gọi là thánh. Vì năng tùy thuận đi đến các đường thiện, gọi là thiện. Vì hướng đến Niết-bàn, gọi là phải tu. Vì các bậc trí giả xưng khen, tán thán, gọi là thiện tai. Trái với tướng đây nên biết là tà kiến làm dẫn đầu sở hữu tám chi tà đạo sai khác. Vì đọa ở phẩm vô minh tối tăm, gọi là hắc. Vì đến các nẻo ác, gọi là vô nghĩa. Vì tánh bất thiện, gọi là hạ liệt. Vì trong sanh hiện pháp phải chịu sợ hãi cùng oán ghét, gọi là có tội. Vì các bậc có trí chê trách xa lià, gọi là phải xa lià.

Lại nữa, nay nương “sở hữu nghĩa Sa-môn bậc nhất” an lập tám Thánh đạo chi như vậy là nghĩa Sa-môn. Vì nghĩa đây nên trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da giả gọi là xuất gia thọ tánh Sa-môn. Lại đây quyết định sẽ rất ráo không bị hoại mất, gọi là

nghĩa bậc nhất. Nếu đây là giả danh, tức không như vậy. Những người thành tựu nghĩa tánh Sa-môn bậc nhất đây, nên biết cũng gọi là thắng nghĩa Sa-môn. Lại kia theo đuổi cầu quả Sa-môn đây, tức là nghĩa sẽ rốt ráo đoạn trừ tham sân si... nên gọi kia là nghĩa Sa-môn.

Nghĩa Sa-môn đây lại có 2 chủng: 1. Kiến lập tướng chung không có sự riêng khác; 2. Kiến lập hoặc có sở tác, hoặc không có sở tác, hành hương, trụ quả sai biệt. Tất cả như vậy tổng có 4 chủng: 1. Tánh Sa-môn; 2. Đây là Sa-môn; 3. Nghĩa Sa-môn; 4. Quả Sa-môn. Đạo lý Bà-la-môn sai biệt nên biết cũng vậy.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

Chướng tùy hoặc, tâm thấy

Quả, dục, tế, thân nhọc

Trụ học cùng tác ý

Trí không chấp đi sau.

Nay nương “niệm hơi thở ra vào sai biệt” mà tu tập. Nghĩa phân biệt rộng có 16 hạnh, tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại các thầy Du-già siêng tu hành niệm hơi

thở ra vào như vậy, bấy giờ có 5 pháp chướng ngại: 1. Đối với ngoại duyên, nơi tâm tán loạn; 2. Hơi thở ra vào chuyển có khó khăn; 3. Trạo cử ác tác triển hiện tại tiền; 4. Hôn trầm thuy miên triển hiện tại tiền; 5. Vui cùng đạo tục thế gian chung sống hỗn tạp. Năm pháp như vậy đối với người chưa đắc định muốn cầu tâm định và người đã đắc định càng tăng trưởng hơn, nên biết tất cả năng làm chướng ngại. Lúc bị sự nhiễm ô của các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha khiến thân phát khởi hôn trầm, tâm sanh yếu nhược, nếu bấy giờ chánh tu tập niệm hơi thở ra vào, năng khiến thân tâm khinh an và thân tâm thô trọng đồng hành hôn trầm yếu nhược thấy đều xa lìa. Lúc bị sự nhiễm ô của các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na khiến phát sanh chủng chủng tầm tứ vọng tưởng, đó là tầm tứ dục... tầm tứ bất chánh và tầm tứ phần vô minh khiến phát khởi chủng chủng vọng tưởng, như các tưởng dục... Nếu bấy giờ chánh tu tập niệm hơi thở ra vào, năng khiến tầm tứ... thấy đều lặng dứt. Vì muốn đối trị các vọng tưởng phần vô minh kia, nên thuần tu tưởng phần minh sẽ khiến nhanh chóng được viên mãn.

Lại nữa, các thầy Du-già chánh siêng tu tập niệm hơi thở ra vào, ở nơi tầm tứ duyên các hành quá khứ, năng khiến không gián đoạn phát sanh đẳng trì, nếu có gián đoạn khuyết hở cũng nhanh chóng được tổn giảm. Ở nơi duyên tầm tứ các hành vị lai, năng khiến không gián đoạn phát sanh đẳng trì, nếu có gián đoạn khuyết hở cũng nhanh chóng được dừng dứt. Ở nơi duyên tầm tứ các hành hiện tại, năng khiến không bị gián đoạn phát sanh đẳng trì, nếu có gián đoạn khuyết hở cũng nhanh chóng được tịch tĩnh.

Lại nếu nói lược thì do năng vĩnh viễn đoạn trừ 6 chủng kiết, nên biết kiến lập 2 chủng, 4 chủng và 7 chủng các quả lợi ích thù thắng như kinh đã rộng thuyết.

Những gì là 6 kiết? Là hai kiết thuận hạ phần và thuận thượng phần; hai kiết kiến đạo sở đoạn và tu đạo sở đoạn; hai phần vị kiết hoặc khởi hoặc sanh. Mỗi mỗi riêng biệt như vậy nói chung có sáu chủng kiết. Như thứ lớp đây kiến lập 2 chủng, 4 chủng, 7 chủng các quả lợi ích thù thắng.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở ra vào sai biệt lược có 2 chủng: 1. Hữu thượng; 2. Vô thượng.

Hữu thượng: Như có người một mình ở chốn a-lan-nhã, dụng tâm tĩnh định, như lý quán sát “Mạng căn hệ thuộc hơi thở vào, hơi thở ra”; hoặc “Ta ở hơi thở vào, về sau không có hơi thở ra; hoặc ta ở hơi thở ra, về sau không có hơi thở vào, như vậy mạng căn tức phải đoạn diệt. Nhưng ở trong hành vô thường có việc thật hy hữu kỳ lạ, tức hơi thở vào diệt rồi, mạng căn của ta trụ, lại đến khi hơi thở ra sanh; hơi thở ra diệt rồi, mạng căn của ta trụ, lại đến khi hơi thở vào sanh”. Người kia do duyên theo như vậy, nên thâm tâm chán lìa. Ở nơi cảnh ba đời, chỗ phát sanh ái khuể mà tịnh tu tâm đây, gọi là hữu thượng.

Vô thượng: là tu 16 hạnh.

Lại nữa, trụ niệm hơi thở ra hơi thở vào như vậy, vì duyên sắc gió vi tế làm cảnh giới, gọi là vi tế trụ. Vì khiến dứt tuyệt tất cả tầm tứ loạn, gọi là không lưu tán. Vì phát sanh thân tâm rộng lớn, thu được diệu khinh an, gọi là không bị chế phục.

Lại nữa, tu tập niệm hơi thở vào ra như vậy, khiến thân không mỗi mệ. Khéo năng trừ khiến tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha, khiến mắt không mỗi mệ. Khéo năng trừ khiến tùy phiền não phẩm

Tỳ-bát-xá-na, theo đó quán sát lạc Niết-bàn, gọi là tùy quán lạc; theo đó lãnh thọ lạc ở Đệ tam tinh lự địa, gọi là lãnh thọ lạc. Trụ vô nhiễm, không hãi sợ, gọi là an lạc trụ.

Lại nữa, nơi xứ đây nếu có người khởi nghĩ như vậy: “Như Lai và bậc thấp nhất đắc tuệ giải thoát, quả A-la-hán là không có sự sai khác”. Đây tức nương vào sự giải thoát mà phát khởi tư duy: “Giải thoát của Như Lai và tuệ giải thoát quả A-la-hán, chỗ có giải thoát không sai khác”.

Lại có người khởi nghĩ lầm lạc như vậy: “Như Lai sở hữu trụ lìa các cái và bậc ở trong nội pháp thấp nhất, hoặc các hữu học, hoặc các dị sanh do lực tinh tấn nên an trụ hàng phục đoạn dứt đối với năm cái đây, gọi là trụ lìa cái. Trụ lìa cái của đây, trụ lìa cái của kia, vì như giải thoát là không có sự sai biệt, hay là có sai biệt?”. Nên biết hai trụ lìa cái như vậy có sự sai biệt rất lớn. Các bậc hữu học tuy hiện hành tâm trụ lìa cái, nhưng tùy miên của cái kia chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên lớp lớp các cái tương tục làm gián đoạn tâm, phải lớp lớp lực tác ý khích lệ sách tấn mới năng khiến trừ. Như Lai vì đã rốt ráo đoạn trừ các cái nên trụ lìa các cái, cho nên so

với trụ lìa các cái của kia có sự sai biệt rất lớn, chẳng phải như giải thoát tức không có sự sai biệt.

Lại nữa, vị thầy tu Du-già lấy niệm hơi thở ra vào làm chỗ nương mà tu tập bốn Niệm trụ. Vì như lý tác ý lấy làm chỗ nương, nên ở nơi nội tâm, các sở hữu phi lý tác ý chưa đoạn, như thật rõ biết đây là phi lý; ở nơi nội tâm, sở hữu như lý tác ý, như thật rõ biết đây là như lý. Đã rõ biết rồi, ở nơi nội tâm chỗ có phi lý tác ý, một hướng xa lìa; ở nơi nội tâm chỗ có như lý tác ý, một hướng tu tập. Vì muốn khiến kia vĩnh viễn đoạn diệt, nên tiếp tục tùy quán bốn pháp là thân, thọ, tâm, pháp như bốn đường lớn; phi lý tác ý như bụi đất, vì không bền chắc, vì không chân thật, vì khiến tâm mê loạn; như lý tác ý như cỡi xe bốn phương đi đến. Xe duyên bốn môn cảnh giới là thân... mà vận chuyển, năng tổn hại kia như tổn hại đồng bụi đất phi lý tác ý, cũng khiến tất cả tương tục thanh tịnh.

Lại nữa, người tinh cần tu tập niệm các hơi thở ra vào, do chánh tu tập bốn chủng niệm trụ vô ngã... nên tất cả thấy đều bình đẳng; ở nơi thân như lý tác ý: “Chủng loại năng thủ là thân”. Như tác ý ở nơi thân, thì tác ý vô ngã cũng vậy. Cho

nên nói: “Kia là một phần thân năng tu niệm trụ thân” như vậy đều chẳng thể có được. Như tu niệm trụ thân, thì nói rộng cho đến tu niệm trụ pháp nên biết cũng vậy. Giáo “Tu niệm trụ” của chư Phật như vậy, trong pháp ngoại đạo đều không chỗ có, cho nên nói giáo “Tu niệm trụ” đây gọi là chẳng phải sở chấp của tất cả ngoại đạo.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Đầu tiên tôn trọng giới
Thanh tịnh giới viên mãn
Hiện hành, học thắng lợi
Học sai khác đi sau.*

Học có 3 chủng: tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Kiến lập 3 học sai khác như vậy, nên biết tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại nói tóm lược, trong các sở học đây phải nên rõ biết sở hữu tà hạnh, phải nên rõ biết sở hữu chánh hạnh.

Tà hạnh: Như có người không tôn trọng giới, trôi nổi mà xuất gia, tuy xuất gia mà không lấy giới làm tăng thượng. Như ở nơi tịnh giới, thì ở nơi

định, ở nơi tuệ nên biết cũng vậy. Nếu kia có phạm tội không sót (tội vô dư), đối với người như vậy Thế Tôn nói: “Người kia chứng các quả Sa-môn là điều không thể”. Cho nên nên biết người kia ở nơi ba học một hướng hủy phạm.

Chánh hạnh: Đây có 3 chánh hạnh là phẩm hạ, phẩm trung và phẩm thượng.

- Chánh hạnh phẩm hạ: Như có người tôn trọng tịnh giới, cũng lấy tịnh giới làm tăng thượng. Trái với tướng trước, nhưng ở nơi định, nơi tuệ không sanh tôn trọng, không lấy làm tăng thượng. Người đây không phạm tội không sót, mà có phạm ít, tùy ít tội. Đối với người đây, Như Lai không nói: “Người kia chứng quả Sa-môn là điều không thể”.

- Chánh hạnh phẩm trung: Như có người ở nơi giới, ở nơi định đều tôn trọng, cũng lấy làm tăng thượng.

- Chánh hạnh phẩm thượng: Như có người đã kiến đế, ở nơi ba chủng học thấy đều tôn trọng, không đợi tư trạch, chứng quả Sa-môn.

Như tôn trọng giới, thì trong đây thứ lớp hủy phạm cũng vậy, nên biết cho đến chỗ có các vị dị sanh.

Hai hạnh là tà và chánh như vậy triển khai làm 4 chủng, tức 4 chủng đây hợp làm 2 hành. Hai và bốn đây đều ngang nhau. Nên biết trong đây nếu người có định học, tất có giới học; nếu người có tuệ học, tất có định học. Nhưng người có giới học chưa hẳn quyết định có định học, tuệ học. Nếu thầy Du-già tôn trọng các học, nên biết gọi là sở tác đầy đủ, ngoài ra chỉ gọi là sở tác một phần.

Lại nữa, ở nơi điều luật của tánh tội năng xa lìa, nên biết đây gọi là môn tịnh giới viên mãn thứ nhất. Ở nơi sở hữu thiện pháp nhiếp thọ tịnh giới như năng mật hộ các căn môn... thọ trì tương tục, triển chuyển không gián đoạn, gọi là thiện pháp viên mãn. Ở nơi điều luật của giá tội năng xa lìa, gọi là biệt giải thoát viên mãn. Lại nương Giới mà bậc thánh yêu thích, hoặc nương năm chủng thiện xảo như uẩn thiện xảo... và nương luật nghi Biệt giải thoát, thọ trì sở hữu cấm giới thế tục, theo thứ lớp đó nên biết gọi là môn tịnh giới viên mãn sai biệt thứ hai.

Lại nữa, nay nương “Thanh tịnh giới”, lược có 2 chủng sở học sai biệt: 1. Thọ trì chẳng phải Chỉ nhiếp thọ giới, chỗ có thân ngữ như pháp hiện

hành nhiếp lấy học xứ; 2. Thọ trì Chỉ nhiếp thọ giới, nhiếp lấy học xứ. Đây lại có 2 chủng: 1. Hoặc sở thuyết Tỳ-nại-da, chẳng phải sở thuyết Biệt giải thoát; 2. Hoặc sở thuyết Tỳ-nại-da, cũng là sở thuyết Biệt giải thoát. Vậy nên tất cả lược chung mà nói có 3 học xứ: 1. Tăng thượng hiện hành; 2. Tăng thượng Tỳ-nại-da; 3. Tăng thượng Biệt giải thoát.

Lại nữa, ở trong trụ học thắng lợi thì tuệ làm thượng thủ, giải thoát làm kiên cố và niệm làm tăng thượng, tu tập ba học nhanh chóng được viên mãn. Tướng đây như phần *Nhiếp thích* đã biện rộng.

Lại nữa, an trụ đầy đủ giới... nên biết tướng đây như *Thanh văn địa* đã biện. Lại tức tịnh giới đây vì đối trị tất cả ác phạm giới, vì mật hộ căn môn làm chỗ nương, nên gọi là luật nghi. Vì trước tiên khéo lãnh thọ, nên gọi là viên mãn. Vì sau khéo giữ gìn, nên gọi là thanh tịnh. Vì cảm quả đáng yêu thích, nên gọi là thiện. Vì không nhiễm ô, nên gọi là vô tội. Vì đối với các hữu tình năng khéo thuận theo Từ tâm định, nên gọi là không hại. Vì khéo thuận theo tánh Sa-môn, nên gọi là

tùy thuận. Vì hướng đến chứng tánh *Thanh* mà bậc thánh yêu thích, gọi là thuận chứng thanh. Vì trọn không thuận theo giới cấm thủ, gọi là không tùy thuận. Vì cùng người đồng pháp đồng phạm, gọi là đồng sắc loại. Vì ở nơi chánh tu tập tăng thượng tâm, tuệ làm chỗ nương, thuận theo đó mà chuyển, nên gọi là thuận chuyển. Vì đối với người không nã hại, chuyển làm nhiều ích; vì chánh xa lìa tự khổ hạnh, nên gọi là không nhiệt nã. Vì ở nơi điều thọ trì không chuyển đổi hối hận, gọi là không thiêu nã. Vì đối với các hủy phạm, trọn không hiện hành; đối với điều mình đã phạm, như pháp hối trừ, gọi là không hối nã. Như vậy gọi là chỗ có sai biệt của tăng thượng giới học.

Ba trụ làm chỗ nương, chỗ có sai biệt của tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học là do vì thiên trụ và phạm trụ sai khác, nên biết tăng thượng tâm học sai khác; do các pháp sở hữu như Giác phần... thánh trụ sai khác, nên biết tăng thượng tuệ học sai khác. Trong đây bốn tĩnh lự, bốn vô sắc... gọi là Thiên trụ. Bốn vô lượng định gọi là Phạm trụ. Bốn thánh đế trí, bốn chủng niệm trụ, cho đến bốn chủng dấu tích hành đạo chi, bốn dấu

tích pháp thắng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na... nên biết tất cả đều gọi là Thánh trụ.

Lại có bốn chủng pháp, hoặc hành, hoặc trụ không tạp nhiễm, khiến người tu quán hoặc ở nơi cảnh giới du hành ra vào, hoặc ở nơi sở duyên an tâm tĩnh định, lìa các tạp nhiễm, an ổn mà trụ. Sao gọi là bốn? 1. Ở nơi cảnh giới thuận theo thọ hỷ, có các tạp nhiễm hỷ, thâm tâm buông bỏ; 2. Ở nơi cảnh giới thuận theo thọ ưu, có các nhiễm ô ưu, thâm tâm buông bỏ; 3. Ở nơi các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na, tịnh tu nơi tâm; 4. Ở nơi các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha, tịnh tu nơi tâm. Ở nơi bốn chủng đây, hoặc hành hoặc trụ, lìa các tạp nhiễm, an ổn trụ pháp. Nên biết bốn chủng kia là chỗ đặt để nương tựa của dấu vết pháp, như chỗ thích hợp tức là không tham, không sân, chánh niệm, chánh định.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Trước an lập chúng tịnh
Có biến đổi làm đâu
Đường trời, dụ gương sáng
Ký biệt đi sau cùng.*

Đệ tử Như Lai đầy đủ chánh kiến, lược do 2 pháp năng chánh nhiếp thọ chứng tánh Thanh, nên biết kiến lập 4 chủng chứng tịnh.

Đó là nghĩa Sa-môn nhiếp lấy tín giới. Vì có sao? Vì đối với người năng thuyết, đối với nghĩa Sa-môn, đối với người đồng pháp, đối với năng chứng đắc trợ bạn Sa-môn chỗ có tịnh tín căn bản thâm sâu vững chắc, tuy sanh trong các đời khác cũng không bị dẫn đoạt, không hư cuống, gọi là chứng tánh Thanh và tịnh giới. Vì ở nơi tất cả điều năng đi đến đường ác, pháp ác bất thiện, thành tựu luật nghi “rốt ráo không làm”, cho nên cũng được gọi là chứng tánh Thanh.

Việc đây như thế nào? Nên biết trong đây nương tựa tịnh tín, ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da sanh sâu tín hiểu. Do tịnh tín chứng tánh Thanh đây, giả sử sanh trong đời khác, đối với pháp Phật thiện thuyết Tỳ-nại-da cũng được rốt ráo không động chuyển. Lại do chán sợ các khổ ác đạo, nên thọ trì tịnh giới, đối trị ác hạnh. Do nhiếp thọ giới chứng tánh Thanh đây, nên sanh trong đời khác cũng không tạo ác khiến đọa trong các đường ác, sẽ rốt ráo không thối chuyển cho

đến Niết-bàn.

Như vậy, vì ở nơi pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, rốt ráo không khuynh động làm nơi nương tựa, vì rốt ráo không đi vào tất cả đường ác làm nơi nương tựa, nên thù thắng hơn cả chỉ nói dụng Tín giới là chứng tánh Thanh, chẳng phải pháp tinh tấn, niệm, định... khác không là pháp chứng tánh Thanh. Đây gọi là nghĩa môn sai biệt thứ nhất.

Lại tín giới đây làm chỗ nương của tăng thượng giới, định, tuệ học. Do thuyết Tín giới chính là thanh tịnh, nên hiển nghĩa ba học đều được thanh tịnh. Do nhân duyên đây chỉ lấy hai đây làm chứng tịnh. Đây gọi là nghĩa môn sai biệt thứ hai. Chứng tịnh như vậy vì khéo năng tươi nhuận pháp bạch tịnh ở tất cả đạo giới, gọi là phước tươi nhuận; vì năng dẫn các Thánh đạo thù thắng, gọi là thiện tươi nhuận; vì năng dẫn đoạn trừ phiền não sót thừa, gọi là năng dẫn lạc.

Lại nữa, các Thánh đệ tử thành tựu chứng tịnh một hướng quyết định năng đến các cõi thiện, vẫn còn lãnh thọ ba chủng khổ nặng phát sanh do nơi cõi thiện kia có các đại xoay vần biến đổi không quân bình, nhưng không hãi sợ các đường

ác. Sao gọi là lãnh thọ ba chủng khổ nặng? 1. Bệnh khổ; 2. Già khổ; 3. Đoạn diệt quân ma tử khổ. Cho nên có nói rằng: “Bốn đại chủng khá có sự biến đổi, chẳng phải các Thánh đệ tử thành tựu bốn chủng chứng tịnh khá có sự biến đổi”.

Lại nữa, nếu chư thiên nghĩa thanh tịnh bậc nhất gọi là tối thắng không có não hại, bởi lẽ thân ngữ ý rất ráo không có sự não hại. Tức nương tánh cõi trời thanh tịnh như vậy, thuyết bốn chứng tịnh đây gọi là đường trời.

Lại bốn chứng tịnh làm chỗ nương, các Thánh đệ tử nương 3 chủng môn tu sáu tùy niệm: 1. Vì đoạn trừ sự sanh khởi nhiễm não do các tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha; 2. Vì đoạn trừ sự sanh khởi nhiễm não do các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na; 3. Tuy không bị nhiễm não, mà ở vị lai vì đoạn hai tùy phiền não có thể sanh khởi.

Nên biết trong đây hôn trầm thù miên gọi là tùy phiền não phẩm Xa-ma-tha. Lỗi lầm vui thích các dục đồng hành trạo cử tham... khiến sanh tâm tứ dục bất thiện, các pháp tạp nhiễm khiến tâm lưu tán, gọi là các tùy phiền não phẩm Tỳ-bát-xá-na. Lại do chỗ đắc tùy niệm lý thắng nghĩa đế, gọi

là nghĩa uy dũng. Do chỗ đắc tùy niệm lý thể tục đế, gọi là pháp uy dũng.

Lại nữa, ví như có người cầm gương sáng để xem mặt mình là sạch hay không sạch. Như vậy các Thánh đệ tử của Như Lai cầm giữ gương sáng chứng tịnh vi diệu, vì thật xem soi chỗ có các tướng nhiễm tịnh của thân mình.

Lại nữa, nếu có người thành tựu bốn chủng chứng tịnh, duy chỉ tự nương nơi bốn chủng chứng tịnh vì người ký biệt, không nương nơi vị thượng, nơi năng thuận hoan hỷ, nơi tu tập tùy niệm. Do nhân duyên đây nên biết ký biệt chứng quả Dự lưu, vì sự tu đạo chưa hướng đến vị thượng.

Hoặc ở nơi vị thượng, nơi năm chủng tùy niệm, nơi năng thuận hoan hỷ mà vì người ký biệt. Do nhân duyên đây, nên biết ký biệt chứng quả Nhất Lai.

Vì tam-ma-địa chưa thành tựu viên mãn, vì ở nơi đạo ly dục chưa viên mãn, vì đối với chư thiên kia chưa hiện thấy, nên cầu ly dục mà tu tập các pháp năng thuận hoan hỷ. Do hoan hỷ đây làm chỗ nương nên phát sanh khinh an. Do khinh an nên thân lãnh thọ lạc. Do thọ lạc nên tâm được chánh

định, nhưng ở nơi tĩnh định chưa được thành tựu viên mãn. Nếu ở nơi vị thượng, nơi sáu chủng tùy niệm mà vì người ký biệt. Do nhân duyên đây, nên biết ký biệt chứng quả Bất hoàn.

Quả A-la-hán chỉ có đạo xuất thế mới năng hướng đến chứng đắc, mà sở hữu tùy niệm chỉ là thế gian. Cho nên chứng quả Bất hoàn trở lên, lại không ký biệt tùy niệm như vậy.

Lại bốn chứng tịnh trong quả Dự lưu chỉ gọi là tịnh. Ở nơi các quả học khác gọi là tịnh viên mãn. Ở nơi quả tối thượng gọi là thanh tịnh viên mãn bậc nhất.

Như vậy đã lược dẫn cảnh trí của luận đây tùy thuận tương ưng tông yếu Ma-đát-lý-ca của các kinh. Ngoài ra tất cả những chi tiết liên quan đến cảnh trí luận đây đều phải nên rõ biết.



Quyển 99

Thứ 5. NHIẾP TRẠCH CHUNG SỰ ĐIỀU PHỤC Phần 1

Như vậy đã thuyết Ma-đát-lý-ca của sự Kinh. Sao gọi là **Ma-đát-lý-ca của sự Tỳ-nại-da**? Đó là từ bốn chữ Kinh như trước đã nói, thì *Kinh Biệt Giải Thoát* chỗ có rộng thuyết Ma-đát-lý-ca triển chuyển truyền lại điều Như Lai tuyên thuyết, điều Như Lai hiển bày, điều Như Lai tán thán, gọi là Ma-đát-lý-ca của Tỳ-nại-da. Nay Ta sẽ thuyết ít phần tướng chung của Ma-đát-lý-ca Tỳ-nại-da.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Lợi, tỵ, nhiếp, tùy hành
Nghịch, thuận, khéo tịch tĩnh
Biết khắp, tín, chẳng tín
Lực thầy đi theo sau.*

Như Lai quán thấy 10 chủng lợi ích thù thắng nên vì các đệ tử chế lập học xứ trong Tỳ-nại-da, đó là nhiếp thọ Tăng-già khiến Tăng tinh cần ân

trọng... cho đến nói rộng tương đây như phần *Nhiếp thích* đã thuyết. Nếu năng nhiếp thọ bốn đại tánh thủy, chánh tín xuất gia, nhập vào cộng trú cùng với chúng xuất gia, nên biết gọi là nhiếp thọ Tăng-già. Đã xuất gia, hướng đến cuộc sống không gia đình rồi, vì người kia mà tuyên thuyết lý giáo pháp thâm sâu có nhân duyên, có xuất ly, có sở y, có dũng mãnh, có thần biến... nên biết gọi là khiến Tăng tinh cần ân trọng. Các cú “có nhân duyên”... sai biệt, như trong *Bồ-tát địa* đã biện rõ. Như vậy gọi là sai biệt thứ nhất.

Do 5 chủng tướng gọi là khiến Tăng an lạc: 1. Khiến thuận theo đầy đủ chánh đạo không khuyết giảm; 2. Khiến loại trừ bổ-đặc-già-la dị pháp; 3. Khiến khéo trừ khiến chỗ phát sanh ác tác; 4. Khiến khéo hàng phục các phiền não triền; 5. Khéo vĩnh viễn hại diệt phiền não tùy miên.

Nên biết trong đây lực an lạc thứ nhất tăng thượng, khiến người chưa tịnh tín sanh khởi tịnh tín, người đã tịnh tín càng thêm tăng trưởng. Lực an lạc thứ hai tăng thượng nên điều phục đầu nhiếp bổ-đặc-già-la tà ác. Lực an lạc thứ ba tăng thượng khiến người tầm quý trụ an lạc. Lực an lạc

thứ tư tăng thượng khiến khéo phòng hộ các lậu ở hiện pháp. Lực an lạc thứ năm tăng thượng năng khiến vĩnh viễn hại diệt các lậu đương lai. Như vậy tự mình đã thu được an lạc cho đến an trụ rồi, khiến người chưa nhập dễ nhập, lại muốn khiến nhiều người an trụ phạm hạnh lâu dài vững chắc, cho đến nói rộng đều nên rõ biết.

Tóm lại, chánh hiển thị việc đầu tiên là nhiếp thọ, kế đến là nhiếp thọ chân chánh; đã nhiếp thọ rồi, lại khiến trụ an lạc và hiển thị ở vị lai người chưa nhiếp thọ khiến phương tiện dễ nhập. Như vậy gọi là sai biệt thứ hai.

Lại nữa, lược có 5 chủng tụ tội nhiếp lấy tất cả tội. Những gì là năm? 1. Tụ tội vượt hơn người (tội tha thắng); 2. Tụ tội chúng dư; 3. Tụ tội dọa tử; 4. Tụ tội biệt hối; 5. Tụ tội ác tác. Nếu tập thô, không xác định, như chỗ thích hợp tức thuộc trong số các tụ tội như thế.

Lại có 4 chủng tụ tội hoàn tịnh. Những gì là bốn? Trừ tụ tội vượt hơn người, các tụ tội còn lại đều có thể hoàn tịnh, cho nên có 4 chủng tụ tội hoàn tịnh. Tụ tội ban đầu tuy có thể hoàn tịnh, nhưng chỉ nương hai bổ-đặc-già-la, chẳng phải tất

cả tụ tội không có sự sai khác, chẳng phải đều có thể hoàn tịnh, cho nên không một hướng lập tụ tội vượt hơn người ở trong tụ tội hoàn tịnh.

Lại nếu lược thuyết thì có 15 chủng lỗi phạm, nhiếp khắp tất cả việc phạm trong tụ tội, nên biết kiến lập các chỗ phạm. Những gì là mười lăm? 1. Lỗi lầm do sự việc trầm trọng; 2. Lỗi lầm do triền mãnh lợi; 3. Lỗi lầm do tâm thiếu thốn không biết đủ; 4. Lỗi lầm bị người chê trách nghi ngờ; 5. Lỗi lầm khiến người không tịnh tín càng tăng bất tín, người có tịnh tín khiến thay đổi; 6. Lỗi lầm nhiều các tài bảo, nhiều các sự nghiệp; 7. Lỗi lầm nhiễm trước; 8. Lỗi lầm não người; 9. Lỗi lầm phát khởi tật bệnh; 10. Lỗi lầm chướng ngại đến các đường thiện, chướng ngại Sa-môn; 11. Lỗi lầm do đối với điều nên bỏ xa giữ gì thì không chân chánh bỏ xa giữ gìn, đối với điều không nên bỏ xa giữ gìn mà trở lại bỏ xa giữ gìn; 12. Lỗi lầm do đối với người không nên nương tựa mà lại nương tựa, đối với người nên nương tựa mà lại không nương tựa; 13. Lỗi lầm do đối với người phải cung kính mà không cung kính, đối với người không nên cung kính mà trở lại sanh cung kính; 14. Lỗi lầm do đối với điều

phải che giấu mà không che giấu, đối với điều không nên che giấu mà lại che giấu; 15. Lỗi lầm do đối với điều phải nên huân tập thân cận mà không huân tập thân cận, đối với điều không nên huân tập thân cận mà trở lại huân tập thân cận.

Nên biết trong đây người mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, đối với bốn tội vượt hơn người, tuy có lỗi lầm do sự việc trầm trọng mà không có lỗi lầm do triền mãnh lợi, vì người kia ý vui thích xấu ác không mãnh lợi. Mãnh lợi ác đây tức là đối với hạnh Sa-môn không tâm đoái hoài nghĩ đến.

Hoặc người bắt đầu sự nghiệp tu tập, rõ biết pháp đây năng chướng Sa-môn, lực ý lạc mạnh mẽ cho dù nhân duyên mạng sống cũng không trái phạm, nên biết người kia không chỗ phạm. Chế lập chỗ phạm không phải chỉ riêng xét *sự việc trầm trọng*, mà cần yếu nương vào *lực ý lạc tăng trưởng mạnh mẽ*.

Hoặc có người tuy phạm mà không một niệm khởi tâm che giấu, người kia cũng có thể ra khỏi, đối với quả Sa-môn liền có thể kham năng. Ngoài ra, tất cả người phạm vượt hơn người cũng có lỗi lầm do sự việc trầm trọng, cũng có lỗi lầm do các

phiền não triển mãn lợi, không tầm không quý. Nên biết trong tội vượt hơn người kia, do cả hai lỗi lầm đều nặng nên thành pháp không thể ra khỏi và thành pháp không Bát-niết-bàn.

Hoặc đối với y bát... Thế Tôn khai mở cho phép nên tác tịnh, giữ gìn thọ dụng. Nhưng người kia đều xả bỏ tất cả, hoặc không tác tịnh mà vẫn lấy thọ dụng. Hết thấy tội như vậy bởi nương lỗi lầm do tâm thiếu thốn không biết vui đủ, nên chế lập chỗ phạm.

Hoặc không phải quyền thuộc của Bí-sô-ni mà thọ y và cho y, hoặc cùng Bí-sô-ni kia một mình ở chỗ vắng, hoặc lại phi thời đến giáo thọ mà không được sự đồng ý chấp thuận của các Bí-sô Tăng, hoặc vào lúc khác cùng các thiếu nữ đi chung đường. Hết thấy loại như vậy, nên biết đây gọi là lỗi lầm bị người chê trách nghi ngờ.

Hoặc phi oai nghi mà vào tụ lạc khát thực, thọ dụng; chẳng như pháp tắm giặt, rửa tay, rửa đồ dùng... Hoặc không được người mời thỉnh, trước bữa ăn đi vào nhà người. Hoặc không đúng lúc mà sau khi ăn dạo chơi xóm làng. Hết thấy loại như vậy gọi là lỗi lầm khiến người không tịnh tín càng

thêm bất tín, người có tịnh tín khiến thay đổi.

Hoặc tích trữ vàng bạc, vô số phẩm loại báu vật, mua bán các loại cây rừng, chăn nuôi gia súc, tích trữ xa xỉ phẩm, ngọa cụ tinh diệu... nên biết gọi là lỗi lầm nhiều các tài bảo, nhiều các sự nghiệp.

Hoặc cố xuất tinh, hoặc lại dùng tay xúc chạm người nữ, hoặc nhân làm mai mối nên tâm bị biến chất nhiễm ô, hoặc vì làm đẹp nên đến thân thuộc truy cầu y phục thượng diệu... nên biết đây gọi là lỗi lầm nhiễm trước.

Hoặc không căn cứ, chỉ mượn việc khác để hủy báng Bí-sô, hoặc dùng lời nói... tất cả mọi việc để ly gián người, nên biết đây gọi là lỗi lầm nào người.

Hoặc tự đem lông dê đi quá hơn ba do-tuần, hoặc mang vác nặng, hoặc leo cây quá đầu người... nên biết đây gọi là lỗi lầm phát khởi tật bệnh.

Hoặc vì phá hoại hòa hợp Tăng, nên phương tiện rất mạnh mẽ sắp đặt các việc... nên biết đây gọi là lỗi lầm chướng ngại đến các đường thiện.

Hoặc không làm như điều đã nói, nên biết đây gọi là lỗi lầm chướng ngại Sa-môn.

Hoặc vất bỏ ngọa cụ, y Tăng-già-lê ở nơi vắng

vẻ, phơi trần dưới mặt trời mà đi, hoặc tà thọ dụng... nên biết đây gọi là lỗi lầm đối với điều nên bỏ xa, giữ gìn mà không bỏ xa, giữ gìn và ngược lại.

Hoặc cùng với Bí-sô tà kiến khích lệ cùng chung sống... làm nơi nương tựa... nên biết đây gọi là lỗi lầm đối với việc chẳng nên làm nơi nương tựa lại cùng làm chỗ nương và ngược lại.

Hoặc đối với bậc thầy chỉ dạy đáng quý trọng mà lại xem thường, oán đối, trách cứ, cẩu giận, trừng mắt ác nhìn, không cung kính lắng nghe lãnh thọ Kinh Biệt Giải Thoát... nên biết đây gọi là lỗi lầm đối với người phải cung kính mà không cung kính và ngược lại.

Hoặc bỏ-đặc-già-la chưa thọ Cụ túc giới mà tuyên bố đã đắc chân pháp quá vượt hơn người; hoặc lại che giấu chỗ phạm tội thô ác của Bí-sô, nên biết đây gọi là lỗi lầm nên che giấu mà không che giấu, không nên che giấu mà lại che giấu.

Hoặc có thọ dụng các sự y phục... bất tịnh phi pháp, nên biết đây gọi là lỗi lầm không nên tập gần mà lại tập gần và ngược lại.

Như vậy đã thuyết 15 lỗi lầm, nên biết ở trong mỗi một chỗ phạm tội kia hoặc có một chủng, hoặc

có hai chủng, hoặc có nhiều chủng.

Lại nữa, lược có 5 pháp thâm nhiếp Tỳ-nại-da. Những gì là năm? 1. Tánh tội; 2. Giá tội; 3. Chế; 4. Khai; 5. Hành.

1. Tánh tội: Vì tánh đây bất thiện, năng làm tạp nhiễm tổn não đối với bản thân, năng làm tạp nhiễm tổn não đối với người. Đối với những việc như vậy mà không có sự ngăn chặn dừng dứt, chỉ hiện hành tức đi vào các đường ác. Nếu không có sự ngăn chặn dừng dứt, chỉ hiện hành tạo tác tức năng chướng ngại chánh hạnh Sa-môn. Nếu có hiện hành sự việc như vậy thấy gọi là tánh tội.

2. Giá tội: Chư Phật Thế Tôn hoặc vì quán hình trạng tướng mạo của kia không như pháp, hoặc vì muốn khiến chúng sanh tôn trọng chánh pháp, hoặc vì thấy việc làm hiện hành của kia thuận theo pháp tánh tội, hoặc vì tùy thuận hộ tâm người, hoặc vì quán xét sự hiện hành của kia năng chướng ngại đi đến đường thiện, chướng ngại thọ mạng tánh Sa-môn, cho nên chân chánh ngăn dứt. Nếu có hiện hành sự việc như vậy thấy gọi là giá tội.

3. Chế: Có việc làm hoặc năng đi vào các đường

ác, hoặc năng chướng ngại đi đến đường thiện, hoặc năng chướng ngại chỗ được lợi dưỡng như pháp, hoặc năng chướng ngại thọ mạng, hoặc năng chướng ngại hạnh Sa-môn. Hết thấy loại như vậy, Như Lai ngăn chặn khiến không hiện hành, nên gọi là chế.

4. Khai: Nên biết tướng đây trái với tướng chế đã thuyết ở trước.

5. Hành: Lược có 3 hành: 1. Có phạm; 2. Không phạm; 3. Hoàn tịnh. Ba chủng như vậy lược nhiếp làm hai: 1. Tà hạnh; 2. Chánh hạnh.

Nên biết có phạm gọi là tà hạnh. Nên biết không phạm, hoàn tịnh, gọi là chánh hạnh. Trong đây sao gọi là phạm các tội? Đó là đối với điều nên làm mà không làm, điều nên gia hạnh mà không gia hạnh, điều không nên làm mà lại làm, điều không nên gia hạnh mà lại gia hạnh, nên phạm các tội.

Lại nói lược do 4 nhân duyên nên phạm các tội: 1. Do không hiểu biết; 2. Do phóng dật; 3. Do phiền não mạnh mẽ; 4. Do khinh mạn.

1. Do không hiểu biết nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm tội không lắng nghe suy

xét kỹ, không khéo lãnh thọ hiểu biết. Kia không hiểu rõ, không nhận thức, không có huệ hiểu biết, nên đối với chỗ phạm đây khởi tưởng không phạm mà phạm các tội. Như vậy gọi là do không hiểu biết nên phạm các tội.

2. Do phóng dật nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm tội tuy có huệ hiểu biết, cũng có nhận thức, cũng có hiểu rõ, mà thường quên mất chánh niệm, trụ không chánh biết. Do người kia không trụ chánh niệm như vậy, cũng không hiểu biết mà phạm các tội. Như vậy gọi là do phóng dật nên phạm các tội.

3. Do phiền não mạnh mẽ nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm đây tuy có hiểu rõ, cũng có huệ hiểu biết, cũng có nhận thức, mà bản tánh kia tham sân si... rất mạnh mẽ. Do người kia tham sân si quá mạnh mẽ, tuy biết việc đó không được làm mà bị phiền não triển bức bách, không được tự tại nên phạm các tội. Như vậy gọi là do phiền não mạnh mẽ nên phạm các tội.

4. Do khinh mạn nên phạm các tội: Như có người đối với chỗ phạm tội tuy có hiểu rõ, có huệ hiểu biết, có nhận thức, mà tín hiểu rất thấp kém,

nhân hành thiện đời trước không mạnh mẽ. Do tín hiểu rất thấp kém, nên đối với tánh Sa-môn, đối với Bát-niết-bàn không lòng nhớ nghĩ. Đối với Phật, Pháp, Tăng không cung kính, không kiêng sợ, cũng không biết tầm quý. Đối với sở học không lấy việc thực hành cho là vui. Do khinh mạn nên theo ý muốn mà rộng phạm các tội. Như vậy gọi là do khinh mạn nên phạm các tội.

Nên biết trong bốn nhân duyên trên, do không hiểu biết, do phóng dật mà phạm các tội, là không nhiễm ô. Do phiền não mạnh mẽ, do khinh mạn mà phạm các tội, gọi là nhiễm ô.

Lại do 5 nhân duyên nên chỗ phạm thành ba phẩm nặng, trung và nhẹ sai khác. Những gì là năm? 1. Do tự tánh; 2. Do hủy phạm; 3. Do ý lạc; 4. Do sự; 5. Do tích tập.

1. Do tự tánh: Tự tội vượt hơn người là tội thuộc phẩm nặng. Tự tội chúng dư là tội thuộc phẩm trung. Tự tội còn lại là tội thuộc phẩm nhẹ.

Lại có cách nói khác: Tự tội vượt hơn người và tự tội chúng dư là tội thuộc phẩm nặng. Tự tội đọa tử và biệt hối là tội thuộc phẩm trung. Tự tội ác tác là tội thuộc phẩm nhẹ.

Như vậy nên biết do tự tánh nên các chỗ phạm thành ba phẩm nặng, trung và nhẹ sai khác.

2. Do hủy phạm: Do không hiểu biết và do phóng dật mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nhẹ. Do phiền não mạnh mẽ mà phạm các tội là tội thuộc phẩm trung. Do khinh mạn mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nặng. Như vậy nên biết do hủy phạm nên các chỗ phạm tội thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác.

3. Do ý lạc: Do tham, sân, si triền phẩm hạ mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nhẹ. Do tham sân si triền phẩm trung mà phạm các tội là tội ở thuộc phẩm trung. Do tham sân si triền phẩm thượng mà phạm các tội là tội thuộc phẩm nặng. Như vậy nên biết do ý lạc nên các chỗ phạm tội thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác.

4. Do sự: Tuy hiện hành tương tự như chỗ phạm ý lạc, mà do sự việc chẳng phải cùng một dạng loại, nên chỗ phạm thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác. Như do sân triền, nên đối với các chúng sanh như thú bàng sanh... nghĩ đến việc sát hại sanh mạng, phát sanh tội đọa tử. Tương tự như vậy, tức do sân triền, hoặc đối với người, hoặc

đối với hình dáng người, chẳng phải cha, chẳng phải mẹ, cố ý nghĩ đến việc sát hại, phát sanh tội vượt hơn người, nhưng đây chưa phải tội vô gián. Tương tự như vậy, tức do sân triền, nên đối với người như cha mẹ, cố nghĩ đến việc sát hại, phát sanh tội vượt hơn người, cũng là tội vô gián. Như vậy nên biết do sự khác nhau nên các chỗ phạm tội thành ba phẩm nhẹ, trung và nặng sai khác.

5. Do tích tập: Như có người phạm một tội mà không thể như pháp nhanh chóng hối trừ. Như vậy cho đến hoặc hai, hoặc ba, cho đến hoặc năm. Đây nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm nhẹ. Từ đây về sau hoặc phạm cho đến mười tội, hoặc phạm hai mươi, hoặc phạm ba mươi, cho đến hoặc phạm các tội có thể đếm được mà không như pháp nhanh chóng hối trừ. Như vậy nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm trung. Nếu chỗ phạm tội đây số vô lượng không thể biết rõ “Ta nay đã hủy phạm bao nhiêu tội trọng như vậy”, nên biết do tích tập nên thành tội thuộc phẩm nặng.

- Sao gọi là *nên làm*? Nếu đối với điều *nên làm* kia mà không làm và không gia hạnh, tức liền

thành hủy phạm.

Chỗ nên làm đây lược có 5 chủng: 1. Đối với việc thôn xóm đáng nên làm; 2. Đối với việc đạo tràng đáng nên làm; 3. Đối với các việc phẩm thiện đáng nên làm.

Đối với việc thôn xóm đáng nên làm: hoặc vì việc y phục của mình mà vào thôn xóm, hoặc vì việc Phật Pháp Tăng, hoặc vì việc đồng phạm hạnh, hoặc vì người chưa tín khiến sanh tín, người đã tín khiến càng thêm tăng trưởng... nên vào thôn xóm.

Các việc phẩm thiện đáng nên làm lại có 2 chủng: 1. Tư lương đáng nên làm: như 13 chủng tư lương trong *Thanh văn địa* đã thuyết; 2. Thanh tịnh đáng nên làm: như tu tác ý trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

Trái với tướng đây như chỗ thích hợp tức là 5 việc không nên làm, năng chướng ngại 5 việc nên làm.

- Sao gọi là *không phạm*? Là 5 nhân duyên khiến không chỗ phạm. Những gì là năm? Do an trụ mật hộ căn môn, ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm thường không ngủ nghỉ, siêng tu chánh hạnh thù thắng, an trụ chánh biết, gọi là nhân

duyên thứ nhất.

Ở nơi hạnh Sa-môn, phát khởi tinh cần nhớ nghĩ phẩm thượng; đối với Đại sư, các bậc trí giả đồng phạm hạnh, sanh khởi quý trọng cung kính phẩm thượng; ở nơi tội hiện hành, phát khởi tầm quý mãnh lợi tăng thượng, gọi là nhân duyên thứ hai.

Giữ gìn ít tài vật, ít sự, ít nghiệp, không nhiều việc vội bạo, gọi là nhân duyên thứ ba.

An trụ vui đủ, năng khéo rõ biết việc kia là phạm, không phạm; không cùng người thế gian giao du phóng túng; chuyên tâm tu phẩm thiện từng không khuyết hở gián đoạn, gọi là nhân duyên thứ tư.

Người mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, tâm ngu si cuồng loạn, bị ưu não bức bách, gọi là nhân duyên thứ năm.

Nên biết do 5 nhân duyên đây, ngay từ lúc ban đầu không phạm các tội.

- Sao gọi là *hoàn tịnh*? Như có người tùy theo chỗ phạm tội mà sanh khởi 5 chủng ác tác. Người kia liền nhiếp vào 5 chi *hành không phóng dật*, lấy đây làm chỗ nương. Do nương 5 chủng tướng

như vậy, nên dứt trừ được 5 chủng ác tác đã sanh khởi kia.

- Sao gọi là *năm chủng sanh khởi ác tác*? 1. Sanh khởi ác tác: “Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, về sau nhất định tự mình trách lấy mình”; 2. Sanh khởi ác tác: “Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, nhất định sẽ bị chư thiên quở trách”; 3. Sanh khởi ác tác: “Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, nhất định sẽ bị Đại sư, các bậc có trí đồng phạm hạnh cùng quở trách”; 4. Sanh khởi ác tác: “Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, nhất định khắp các phương chỉ hiển hiện lưu bố danh ác, xưng ác, tiếng ác, tụng ác”; 5. Sanh khởi ác tác: “Do nhân duyên ta hủy phạm tịnh giới, thân hoại rồi sau nhất định sẽ đọa trong các đường ác”.

Tướng của 5 chi nhiếp lấy *hành không phóng dật* nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết, đó là tiền tế đồng hành, hậu tế đồng hành, trung tế đồng hành, sở tác lúc đầu và tùy hành.

- Sao gọi là *do 5 chủng tướng trừ khiến 5 chủng sanh khởi ác tác* kia? 1. Khởi nghĩ: “Thế Tôn sở thuyết chánh pháp đều có nhân duyên, cũng có ra khỏi xa lìa, tuy đã phạm tội nhưng đều

có thể hoàn tịnh”, do đây trừ khiến sự sanh khởi ác tác kia; 2. Do không hiểu biết, phóng dật, phiền não thiêu đốt mạnh mẽ và khinh mạn, nên phạm các tội, tức liền khởi nghĩ: “Ta đã đoạn trừ sự không hiểu biết cho đến khinh mạn. Ta đã sanh khởi chánh trí cho đến tôn kính”, do đây trừ khiến sự sanh khởi ác tác; 3. Khởi nghĩ: “Ta đã sanh khởi, quyết định đương lai không phạm ý lạc”, do đây trừ khiến sự sanh khởi ác tác; 4. Khởi nghĩ: “Ta đối trước các đồng phạm hạnh có trí đã phát lồ sám hối diệt trừ”, do đây trừ khiến sự sanh khởi ác tác; 5. Khởi nghĩ: “Ta ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da của Phật đã xuất gia rồi, tuy trái vượt học xứ mà năng sám hối diệt trừ đã là lành thiện. Nhưng Bạc-Già-Phạm dùng vô lượng môn chê trách sự tương tục phát khởi ác tác là cái, là chướng. Nay ta ở nơi kia nếu trụ nhiều chấp đắm kiên cố không thể trừ khiến, thì chẳng phải là cực lành thiện”, do rõ biết như vậy nên trừ khiến sự sanh khởi ác tác. Như vậy gọi là chỗ phạm được hoàn tịnh.

Lại nữa, lược có 5 tùy hành pháp Tỳ-nại-da, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da phải thuận hành ở nơi pháp kia. Những gì gọi là năm? 1. An trụ; 2.

Nơi ở; 3. Chỗ nương; 4. Thọ dụng; 5. Yết-ma.

1. An trụ: Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da, phải nên an trụ 5 chủng tướng trụ. Những gì là năm? 1. Nếu vào thôn xóm phải an trụ tướng “vào lao ngục”; 2. Nếu ở đạo tràng, thường an trụ tướng “mình là Sa-môn”. Nên biết trong đây tướng Sa-môn như vậy: “Hiện nay ta đã xả bỏ hình tướng thế tục, thọ sắc hình riêng khác. Ta đã thọ trì sự hoại sắc...” như kinh đã nói rộng. Quán sát sâu kỹ rõ ràng đạo lý 22 xứ; 3. Nếu khi ăn uống, thường phải an trụ tướng “vì trị bệnh”; 4. Nếu ở chốn viễn ly, ở nơi mất nhận biết sắc và tai nhận biết thanh... nên an trụ tướng “như đui điếc câm ngọng...”; 5. Nếu khi ngủ nghỉ, phải nên khởi tướng “như hươu chạy trong rừng hoang, đồng trống đáng kinh sợ, khó bảo toàn mạng sống”.

Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da thường phải an trụ năm tướng trụ đây. Ở nơi tướng trụ đây đã an trụ thành tựu rồi, giả sử có làm quốc vương, hiện tiền thọ dụng y phục, thức ăn uống, ngựa cưỡi mà không đọa ở biên hành thọ dụng dục lạc.

2. Nơi ở: Đó là 5 nơi ở: 1. Nơi ở của Bí-sô; 2. Nơi ở của Bí-sô-ni; 3. Nơi ở của ngoại đạo; 4. Nơi ở của Bí-sô tạp nhiễm; 5. Nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm.

Nơi ở của Bí-sô: ở chốn đây có các Bí-sô hạ, trung, thượng tọa cùng cư trú.

Nơi ở của Bí-sô ni: ở chốn đây có Bí-sô-ni hạ, trung, thượng tọa cùng cư trú.

Nơi ở của ngoại đạo: ở chốn đây có nhiều ngoại đạo cùng cư trú, như ngoại đạo là hệ buộc, tịnh mạng, bốn ba thân nhận nhiều y nhiều bát... hết thấy loại như vậy.

Nơi ở của Bí-sô tạp nhiễm: ở chốn đây đều không thực hiện tất cả Yết-ma, hoặc chỉ thực hiện một phần Yết-ma.

Nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm: ở chốn đây thực hiện đầy đủ tất cả Yết-ma.

Lại nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm, nên biết chúng hội an lập đầy đủ trang nghiêm. Nếu nơi ở của Bí-sô tạp nhiễm, nên biết chúng hội an lập hỗn tạp.

Nếu có người vui thích quý trọng sở học Bí-sô, đối với nơi ở Bí-sô tạp nhiễm, phải cố tư duy xả bỏ

lợi dưỡng, xả bỏ cung kính, không nên dừng nghỉ; trừ khi có nguy nạn tạm thời nương ở, hoặc nếu lỡ đường tạm thời dừng nghỉ, hoặc vì muốn cất nhắc chúng Bí-sô kia ra khỏi bất thiện, an đặt nơi thiện mà phải dừng nghỉ.

Đối với nơi ở của chúng Bí-sô-ni, không nên dừng nghỉ, trừ ba nhân duyên như trước đã nói. Nơi ở của ngoại đạo nên biết cũng vậy.

Đối với nơi ở của Bí-sô không tạp nhiễm, tuy chân chánh tư duy quyết dừng nghỉ cư trú cho đến tận hết thọ mạng, mà thường nhớ nghĩ như khách tạm trọ. Nếu có Bí-sô tuy sống nơi các trú xứ như vậy, phải ghi nhớ chủng chủng tướng lo ngại. Tuy sống ở chốn không cơ hiểm như vậy, mà phải luôn nhớ sự răn nhắc của các bậc có trí đồng phạm hạnh.

3. Chỗ nương: Là 5 chỗ nương. Những gì là năm? 1. Chỗ nương là thôn điền; 2. Chỗ nương là nơi cư trú; 3. Chỗ nương là bổ-đặc-già-la; 4. Chỗ nương là các vật dụng y phục...; 5. Chỗ nương là oai nghỉ.

Hoặc nương thôn xóm, thành đô, địa phương,

phân sở mà được cư trú an ổn, nên biết gọi là chỗ nương là thôn điền.

Hoặc nương vườn rừng, hoặc các tự viện đã đi qua ở thời hành xứ... mà được cư trú an ổn, nên biết đây gọi là chỗ nương là nơi cư trú.

Hoặc nương những người là thí chủ, Quý phạm, Thân giáo, huấn dạy, khiến nhớ nghĩ, dạy răn dạy trao, thuyết chánh pháp, mà được cư trú an ổn, nên biết gọi là chỗ nương là bổ-đặc-già-la.

Hoặc nương thuận theo đạo, tùy theo đó có được đầy đủ y phục hoặc thô, hoặc diệu, thức uống ăn, thuốc trị bệnh và các thứ vật dụng nuôi thân mà được cư trú an ổn, nên biết gọi là chỗ nương là các y phục, vật dụng...

Hoặc nương chỗ đây, tùy theo từng thời gian thân hành bốn oai nghi, được tùy theo ý vui mà trụ an lạc, nên biết gọi là chỗ nương là oai nghi.

Nếu thuận theo chỗ nương như vậy mà an trú, trọn chẳng bị khổ não vô nghĩa, phi thánh dẫn phát những điều mệt mỏi, hư xấu tự tổn hại mình.

4. Thọ dụng: Có 5 chủng thọ dụng bất tịnh và 5 chủng thọ dụng thanh tịnh.

Năm chủng thọ dụng bất tịnh: 1. Thọ dụng vật của tháp mà không do mắc phải trọng bệnh, giả sử gặp phải bệnh nặng nhưng đã có phương kế khác; 2. Thọ dụng các vật của Tăng-già, chẳng phải Tăng trao cho, không ở trong bát, chẳng phải Tăng phân chia cấp cho; 3. Thọ dụng vật riêng của người khác, không phải từ người trao cho, không phải người kia chấp nhận, tùy ý thọ dụng; 4. Thọ dụng vật không phải do tin tưởng giao cho, tức là tất cả sở hữu mà chẳng được sự ủy phó tin giao, thì không được thọ dụng; 5. Thọ dụng các vật bị nhiễm bẩn cấu uế...; hoặc nếu tập quen gần gũi sẽ tổn giảm các thiện pháp, tăng trưởng các bất thiện pháp; hoặc lúc tập quen gần gũi khiến người thế gian sanh khởi chê trách, khiến người thế gian chán ngán xem thường, người chưa sanh tín khiến càng chẳng tín, người đã sanh tín khiến thay đổi. Đây gọi là 5 chủng thọ dụng bất tịnh, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da phải nên xa lìa.

Trái với tướng đây nên biết là 5 chủng thọ dụng thanh tịnh, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da được phép thọ dụng. Như vậy nếu Bí-sô tùy hành thọ dụng thanh tịnh, xa lìa thọ dụng bất tịnh, mới

năng khéo đền đáp ân của tín thí.

5. Yết-ma: Tất cả Yết-ma lược có 4 chủng: 1. Đơn bạch Yết-ma; 2. Bạch nhị Yết-ma; 3. Bạch tứ Yết-ma; 4. Ba ngũ Yết-ma.

Bốn Yết-ma đây lược có 2 sự làm chỗ nương: sự thuộc số hữu tình làm chỗ nương và sự thuộc số vô tình làm chỗ nương.

- Sự thuộc số hữu tình làm chỗ nương là các Yết-ma như Yết-ma xuất gia, hoặc Yết-ma thọ Cụ túc, hoặc Yết-ma bổ-đặc-già-la đồng ý, hoặc Yết-ma xuất tội, hoặc Yết-ma cử tội, hoặc Yết-ma đuổi bỏ, hoặc Yết-ma hai chúng thọ an cư, mười đêm, hai mươi đêm, bốn mươi đêm... Như vậy hoặc vì nhiếp thọ hữu tình, hoặc vì chiết phục hữu tình mà thi thiết Yết-ma. Đây gọi là Yết-ma do sự thuộc số hữu tình làm chỗ nương.

- Sự thuộc số vô tình làm chỗ nương là các Yết-ma như Yết-ma thọ trì y bát, hoặc Yết-ma trì y công đức, hoặc hộ y, hoặc không xả y, hoặc Yết-ma kiết giới, hoặc Yết-ma đồng ý tịnh ngũ cốc. Hết thảy loại Yết-ma như vậy, nên biết gọi là Yết-ma do sự thuộc số vô tình làm chỗ nương.

Lại, Yết-ma đây nên biết hoặc có hai chúng cùng làm, hoặc có bốn chúng cùng làm, hoặc có mười chúng cùng làm, hoặc có hai mươi chúng cùng làm, hoặc có bốn mươi chúng cùng làm, hoặc hợp nhiều chúng cùng làm.

- Hai chúng cùng làm: là một Bí-sô đối trước một Bí-sô.

- Ba chúng cùng làm: là Yết-ma biệt hối phát lồ hối trừ, hoặc tội đọa tử, hoặc tội ác tác...

- Bốn chúng cùng làm: là Yết-ma phát lồ hối trừ, như có người phạm tội thô rồi đối trước bốn người mà phát lồ hối trừ.

- Mười chúng cùng làm: là Yết-ma thọ Cụ túc.

- Hai mươi chúng cùng làm: là Yết-ma khiến Bí-sô ra khỏi tội chúng dư và Yết-ma Bí-sô-ni thọ Cụ túc.

- Bốn mươi chúng cùng làm: là Yết-ma khiến Bí-sô-ni ra khỏi tội chúng dư.

- Hợp nhiều chúng cùng làm: là Yết-ma tăng trưởng, hoặc Yết-ma nêu ra sự phóng túng buông lung, hoặc Yết-ma thuộc các chủng loại khác.

Bốn Yết-ma đây do sự việc sai khác nên Yết-ma thành vô lượng chủng sai khác, nếu nói rộng

nên biết như Ma-đát-lý-ca Tỳ-nại-da. Như vậy đã hiểu rõ các Yết-ma, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da tùy theo đó mà làm các Yết-ma, ở nơi tội đã phạm mà được khéo léo; ở nơi việc ra khỏi, xa lìa tội ấy cũng được khéo léo; tự thân gìn giữ, hộ trì, xa lìa khiến được thanh tịnh lìa các tội trái vượt.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nên biết có 5 pháp học trái nghịch phải nên xa lìa. Lại có 5 chủng pháp học tùy thuận phải nên thọ trì.

Năm pháp học trái nghịch: 1. Chướng ngại; 2. Tương tự chánh pháp; 3. Bạo ác; 4. Phiền não ngu si, nóng nảy mạnh mẽ; 5. Lực tư lương đời trước kém ít.

1. Chướng ngại: có 5 chướng ngại: a. Chướng ngại tăng thượng giới; b. Chướng ngại tăng thượng tâm; c. Chướng ngại tăng thượng tuệ; d. Chướng ngại đến cõi thiện; e. Chướng ngại lợi dưỡng, thọ mạng và công việc làm.

a. *Chướng ngại tăng thượng giới:* như có người hoặc là nô tỳ, hoặc do chiếm được, hoặc do lời gởi, nói rộng cùng tương ưng với tất cả pháp chướng

ngại xuất gia. Như vậy gọi là chướng ngại tăng thượng giới.

b. Chướng ngại tăng thượng tâm: có 11 chướng ngại nên biết gọi là chướng ngại tăng thượng tâm, đó là số và chúng hội là ban đầu; phần xứ, cư trú là sau.

c. Chướng tăng thượng tuệ: đối với chánh pháp và vị thầy thuyết pháp không khởi cung kính, khinh miệt chánh pháp và thầy thuyết pháp. Đã tự mình khinh khi, lại keo lẩn pháp, chướng ngại người nghe chánh pháp, khiến họ trái ghét chánh pháp, hủy báng chánh pháp. Hết thấy loại như vậy nên biết đều gọi là chướng ngại tăng thượng tuệ.

d. Chướng ngại an trụ các cõi thiện: có người ác dục, tà kiến, nhiều các phần hận, nói rộng cho đến có sắc loại như vậy, lãnh thọ các pháp học, triển chuyển các pháp học thuận theo các đường ác. Nên biết đây gọi là chướng ngại thuận theo đường ác.

e. Chướng ngại lợi dưỡng: tức là theo việc đã làm khiến người chưa tín lại càng tăng thêm bất tín, người đã tín khiến thay đổi không vui với công đức. Mọi lúc đều không tinh siêng tu tập sự nghiệp

phước thí, không vui dẫn nhiếp lợi ích an lạc cho người... hết thấy loại như vậy.

Chướng ngại thọ mạng: tức là không cần trọng tránh xa voi ác, nói rộng cho đến chẳng khéo xa lìa những nơi hiểm nguy, có tai hại, có tật dịch; lại không xa lìa các nhân các duyên khiến thọ lượng chưa tận mà bị chết yểu... hết thấy loại như vậy.

Chướng ngại công việc làm: là năng chướng ngại các sự nghiệp như việc y bát... Như vậy tất cả gom chung làm một, nên gọi là chướng lợi dưỡng, thọ mạng, công việc làm.

2. Tương tự chánh pháp: lược có 2 chủng tương tự chánh pháp: a. Giáo tương tự chánh pháp; b. Hành tương tự chánh pháp.

Nếu ở nơi phi pháp sanh tưởng cho là pháp, hiển thị phi pháp tương tự cho là pháp, khiến người sanh tưởng là chánh pháp. Như vậy cho đến giáo pháp chân thật, sâu xa mà cho là chẳng phải chánh pháp, lại chỉ bày tương tự chánh pháp. Vậy nên gọi là giáo tương tự chánh pháp.

Nếu lại rộng vì người tuyên thuyết khiến thọ học như thế, cũng tự mình hư vọng khởi tưởng cho

là pháp rồi theo đó tu hành, tập quen các tà hạnh, tự kiêu mạn xưng rằng: “Ta năng tu là chánh hạnh”. Nên biết đây gọi là hành tương tự chánh pháp. Vì tuyên thuyết rộng tương tự chánh pháp, nên tiếp tục thuyết phần trung gian. Ớt-Đà-Nam nói:

Năm chủng, pháp đứng đầu...

Kế căn, các kiến thấy

Phi xứ, ác tác thấy

Bạo ác giới... sau cùng.

Có các kẻ tạo lập văn cú tương tự giáo pháp Như Lai sở thuyết, ở trong các kinh thiết lập ngụy kinh, ở trong các luật thiết lập ngụy luật. Như vậy gọi là tương tự chánh pháp.

Lại do kiến tăng thêm, hoặc do kiến tổn giảm, nên tăng thêm đối với việc không thật có, tổn giảm đối với việc thật có. Do phương tiện đây, nên ở nơi vô thường... chủng chủng nghĩa môn, rộng vì người tuyên thuyết khai thị. Tự mình tu tập hành trì như vậy, lại khiến người tu tập hành trì, cả hai cùng hành. Như vậy cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại đối với bồ-đặc-già-la tuyên thuyết kinh

điển, tà chấp phân biệt nói chân thật có bổ-đặc-già-la. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại ở trong chủng chủng pháp giả có, mà tuyên thuyết khai thị là thật có tánh. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại ở nơi hạnh xa lìa tất cả hý luận, cứu cánh Niết-bàn, mà phân biệt là có, hoặc chẳng phải có, nên thuyết là tánh có, hoặc là tánh chẳng phải có. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la tác thuyết như vậy: “Thế Tôn tuyên thuyết khai thị, xưng dương tán thán, khích lệ gia hạnh mật hộ căn môn. Do nhân duyên đây, thà rằng không ngắm nhìn sắc, cho đến không khởi ý tư duy đối với pháp, chứ không thể ở nơi ngắm nhìn các sắc, cho đến dụng ý tư duy các pháp mà bị trói cột nhớ nghĩ”. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn tuyên thuyết khai thị, xưng khen hạnh an trụ tĩnh lặng chất trực, bèn nói như vậy: “Thà không trách cứ, cũng không có định kiến so lường với người, đối với người nên chê trách thì không chê trách, đối với người nên tán thán cũng không tán thán, mà cũng chẳng có chỗ chê trách

tán thán”. Như vậy cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn tuyên thuyết khai thị xưng khen hạnh nói lời hòa nhã, nhu nhuyễn bèn nói lời như vậy: “Thọ giới im lặng, thấy không nói năng là cực lành thiện”. Như vậy cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn xưng khen hạnh tiết lượng y phục, vật thực, liền nói lời như vậy: “Trụ đoạn thực, hành lỏa thể mới thật là diệu thiện”. Như vậy cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn tuyên thuyết khai thị, xưng khen hạnh lìa nói tạp, dừng các nói năng và sự nghiệp, liền nói lời như vậy: “Xả bỏ ngoại cụ, tịch tĩnh nhàn cư, không tu tập mới thật là mỹ diệu”. Như vậy cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại nghe Thế Tôn thuyết: “Tâm dẫn dắt thế gian, tâm tạo làm tất cả, tùy theo tâm sanh khởi đều được tự tại mà chuyển”... Đối với nghĩa thú các kinh như vậy, kẻ kia đều không như thật rõ biết. Hoặc có một loại bổ-đặc-già-la do chấp thủ ác nói lời như vậy: “Chỉ có một thức rong ruổi trong sanh tử, không hai không khác”. Như vậy cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại có kẻ nói lời như vậy: “Nghe Phật cho phép bổ-đặc-già-la sĩ phu trì giới được thọ dụng trăm vị thức ăn, trăm ngàn y phục không chướng đạo. Giả sử có chánh thọ dụng các phẩm vật đây, cũng không chướng ngại gì”.

Lại có một hạng người do chấp thủ ác nói lời như vậy: “Thế Tôn sở thuyết các dục năng chướng ngại đạo. Giả sử chỉ thân cận thôi, thì cũng không đủ công năng làm chướng”. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại nghe Phật thuyết: “Chư A-la-hán ở trong hiện pháp đối với ngôn thuyết thực, uẩn, giới, xứ... không xả, không thủ”. Kẻ kia không như thật rõ biết, liền nói lời như vậy: “Như ta hiểu lời Phật thuyết thì A-la-hán Tăng ở nơi sự chết, về sau không còn sự hiểu biết rõ ràng”. Như vậy cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người không như thật rõ biết hai đạo lý đế là thắng nghĩa và thế tục. Trái với hai lý đế nói lời như vậy: “Các uẩn vô ngã, nếu vô ngã làm sao tạo tác các nghiệp khiến ta đạt đến xúc và chứng?”. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người bản tánh ngu si, hành nhiều phỉ báng. Kẻ kia đối với chín chủng chánh trụ nội tâm không như thật rõ biết; đối với quán hành đế, quán hành niệm trụ cũng không như thật biết. Do không biết nên vì người tuyên thuyết: “Chỉ cần tác ý tín hiểu chính là phẩm Xa-ma-tha, chỉ cần tác ý tín hiểu chính là phẩm Tỳ-bát-xá-na, chỉ cần tác ý tín hiểu thì năng tự được rốt ráo”. Kẻ kia tự mình cũng huân tập hành theo tướng như vậy. Nên biết đây cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người ác tác phi xứ mà không tư duy. Đây cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người đối với việc đọc tụng, quán hành, tác ý đều năng kham nhiệm, khiến tự mình tăng thêm sự vui vẻ, cũng ở nơi việc ấy cho là công đức thù thắng, cho nên vì người tuyên thuyết. Đây cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người ở nơi giới, ở nơi tu có khả năng kham nhiệm, mà ở nơi huệ thí thấy công đức thù thắng, nên du ngoạn các phương. Do đây ở nơi các cấm giới ngăn ngừa, dừng dứt, phần nhiều có hủy phạm, tích chứa gom nhóm tài vật để phụng thí Phật Pháp Tăng. Nên biết đây cũng gọi là

tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người đã được xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, rồi triển chuyển tương dẫn lấy việc lắng nghe làm rốt ráo. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người thấy các Bí-sô phước lớn, dòng tộc lớn có nhiều lợi dưỡng y phục... bèn xả bỏ hạnh thiếu dục đi đến chỗ kia thăm hỏi, hiện tướng thân cận dạy bảo, khiến tâm Bí-sô bị tác động nên sanh khởi tà tâm. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người xả bỏ kinh điển tương ưng tánh Không thăm sâu Như Lai đã thuyết, chuyên vui tập học thuận theo văn chương chú thuật thế gian mà không tự quán xét, cho là thông minh nên ôm lòng ngạo mạn, lại muốn người biết mình là bậc thông minh. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người chiết phục các kẻ bạo ác cùng những kẻ phạm giới, muốn cùng kẻ bạo ác phạm giới kia làm điều không nhiều ích, phát khởi tư duy ác. Nên biết cũng gọi là tương tợ chánh pháp.

Lại có một hạng người đối trá tu tập chủng

chúng oai nghi. Nên biết cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại có một hạng người lấy sự hiểu biết văn chương chú thuật thế gian mà mong cầu thu được nhiều lợi dưỡng. Nên biết cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại có một hạng người tổn não người, dùng phi pháp như vậy kiến lập tội phước để thu gom, tích chứa tài bảo. Nên biết cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Lại tức kia năng dẫn vô nghĩa, dùng các nhân duyên khai thị, kiến lập tương tự chánh pháp. Nên biết cũng gọi là tương tự chánh pháp.

Như vậy, tất cả tương tự chánh pháp đây đều là pháp học trái nghịch.

3. Bạn ác: Tánh tướng bạn ác nên biết như *Thanh văn địa* và *Bồ-tát địa* đã rộng thuyết. Lại nếu nói lược về tướng bạn ác đây, tức là hoặc ở nơi sự phóng dật, hoặc ở nơi các ác hành, hoặc ở nơi các công đức thiện thấp kém mà khích lệ lẫn nhau, nên biết hết thảy loại như vậy đều gọi chung là bạn ác.

4. Phiền não ngu si, nóng nảy mạnh mẽ:

Các chủng loại ngu si, tối tăm, thấp hèn, phát khởi phiền não mạnh mẽ lâu dài... đây gọi là phiền não ngu si cháy mạnh.

5. Lực tư lương đời trước kém ít: Đời trước không tu tập thiện pháp như tín... nên nay trong hiện pháp tín... rất yếu kém. Tuy rất chân thành ân trọng, nhưng không đủ lực kham năng khiến trong hiện pháp hoạch đắc Niết-bàn. Đây gọi là tư lương đời trước kém ít, nên trong hiện pháp lực đây yếu nhược.

Như trên gọi là 5 chủng pháp học trái nghịch. Trái với tướng đây nên biết là 5 chủng pháp học tùy thuận. Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da vì muốn thành tựu 5 chủng pháp học tùy thuận kia, nên chân chánh tu tập tất cả học xứ.

Lại nữa, thành tựu 5 chủng pháp tùy thuận như vậy, lại có 5 pháp năng phòng hộ giới uẩn: 1. Chánh xuất gia; 2. Khéo thỉnh hỏi; 3. Quán sát sâu; 4. Tu đối trị; 5. Nhậm trì tín.

Nếu không bị sự lệ thuộc mà cầu xuất gia... như trước nói rộng, chỉ vì quý trọng vui thích sở học,

chỉ vì Niết-bàn mà cầu xuất gia. Nên biết đây gọi là chánh xuất gia.

Đã xuất gia rồi, đối với phạm, không phạm và hoàn tịnh, những điều chưa hiểu rõ, tự đến cung kính thỉnh hỏi Bí-sô trì Kinh, Luật, Luận để quyết nghị, liền được vị kia khai tỏ. Đây gọi là khéo thỉnh hỏi.

Tự mình ba thời quán sát giới, hoặc phần đầu ngày, hoặc phần giữa ngày, hoặc phần cuối ngày, nếu thấy không phạm liền sanh hoan hỷ, đêm ngày tinh cần an trụ tùy học; nếu thấy có phạm tức liền nhanh chóng như pháp hồi trừ. Nên biết Đây gọi là quán sát sâu.

Tùy lúc, hoặc vào đầu đêm, cuối đêm, hoặc vào ban ngày, tư duy tu tập đối trị các phiền não tham... không chỉ lắng nghe lời dạy về giới mà sanh vui đủ. Đây gọi là tu đối trị.

Tin hiểu sâu rằng: “Nếu hủy phạm năng chiêu cảm quả phi ái; nếu không hủy phạm sẽ cảm quả khả ái về sau”. Đây gọi là nhậm trì tín.

Lại lấy “chánh xuất gia” làm chỗ nương, nên hành 4 việc khác. Đó là nương thỉnh hỏi chân chánh, nên trọn chẳng phạm lỗi do không hiểu

biết mà phạm. Nương quán sát sâu, nên trọn không phạm lỗi do phóng dật mà phạm. Nương tu đối trị, nên trọn không phạm lỗi do phiền não thiêu đốt mạnh mẽ mà phạm. Nương nhậm trì tín, nên trọn không phạm lỗi do khinh mạn mà phạm.

Như vậy vì nương 5 chủng pháp đã nói trên nên năng phòng hộ giới uẩn, cho nên gọi là khéo phòng hộ.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da, do 5 chủng pháp tịch tĩnh nên năng đoạn trừ các ác. Những gì là năm? 1. Nhu hòa dễ cùng cộng trú; 2. Đoạn; 3. Đoạn chi; 4. Cung kính phụng sự; 5. Dứt sự tranh cãi.

1. Nhu hòa dễ cùng cộng trú: Như kinh thuyết thì lược có 6 chủng pháp lạc khả ái.

Nên biết trong đây do nương thân... nên đối với đồng phạm hạnh hiện hành điều không tốt đẹp, không đáng ưa thích. Lại ở trong Tăng-già chung có tài vật, mà thọ dụng không đồng đều. Lại có giới, kiến, pháp không đồng phạm. Tất cả do tánh không nhu hòa, tâm thường xoay vần triển chuyển cấu khinh mạn, nên khó thể cùng cộng trú.

Như vậy gọi là chỗ đối trị với pháp lạc khả ái.

Trái với tướng trên là pháp lạc khả ái. Do nhân duyên 3 chủng phẩm bạch đây, nên biết kiến lập 6 chủng pháp lạc khả ái. Do phẩm bạch thứ nhất kiến lập ba chủng đầu. Do phẩm bạch thứ hai kiến lập chủng thứ tư. Do phẩm bạch thứ ba kiến lập chủng thứ năm và thứ sáu.

Lại ở trong đây phương tiện khiến các nghiệp thân, ngữ, ý của người có được lợi ích an lạc đáng vui, chánh kiến hiện tiền, gọi là bạn thiện từ. Hoặc vật khiến thọ dụng thanh tịnh, nên biết vật đây gọi là lợi dưỡng như pháp. Hoặc vật đây không nương tà mạng mà có, không phải phương tiện phi pháp mà thu được, gọi là như pháp mà có được. Hoặc vật đã đặt ở trong bát, nên biết vật đây gọi là ở trong bát. Hoặc vật tuy chưa đặt trong bát mà sắp muốn đặt, nên biết vật đây gọi là thuộc về bát. Hoặc vật thực thu được không tinh diệu, không quá nhiều, phải cùng ăn; ăn thức ăn được xếp bày trước mặt, không riêng lén ăn, cho đến chỉ vừa đủ no bụng; cũng cùng phân chia, trọn không cố ý giấu riêng mà ăn, cũng chẳng đóng cửa mà ăn; không được sợ người đói thiếu đến cầu xin phải

chia sót. Nên biết đây gọi là thọ dụng bình đẳng.

Phân biệt *Giới mà bậc Thánh yêu quý* sai khác, tướng đây như phần *Nhiếp Di Môn* đã thuyết.

Phân biệt *chánh kiến xuất thế* sai khác, tướng đây như phần *Nhiếp sự* đã thuyết.

Lại do 2 tướng thành tánh khả lạc: 1. Hiểu rõ người kia có đức nên tôn trọng; 2. Người kia có ân huệ nên ý vấn an thăm hỏi. Lại tánh khả lạc có 2 tướng khác: 1. Chưa sanh khiến được sanh; 2. Đã sanh khiến càng tăng rộng.

Nên biết trong đây tôn trọng tăng thượng, đó là thể của người kia có đức. Ý vấn an thăm hỏi tăng thượng, đó là nhiếp hai thứ là tài và pháp. Hai kia tăng thượng, đó là khéo hòa hợp. Hòa hợp tăng thượng, đó là tâm không nhiều não. Xa lìa chỗ có nhiều não tham... gọi là không trái. Phương tiện hòa hợp chung làm một việc, gọi là không tranh. Nước hòa cùng sữa gọi là tánh một hương.

2. Đoạn: là chỗ có 4 luân của cõi trời, người.

Lại xứ sở viên mãn, dạy dẫn viên mãn, chánh hạnh viên mãn và tư lương viên mãn làm chỗ nương, nên biết kiến lập bốn luân trời người.

- Xứ sở viên mãn: là chỗ có 5 chủng diệu hảo gọi là xứ sở viên mãn, nếu nói rộng thì như *Thanh văn địa* đã thuyết.

- Dạy dẫn viên mãn: là bậc thiện hữu chân chánh, nếu nói rộng thì như *Thanh văn địa* và *Bồ tát địa* đã thuyết.

- Chánh hạnh viên mãn: do 5 chủng tướng tự phát chánh nguyện. Những gì là năm? 1. Đối với điều chánh dạy trao, năng kính thuận giữ gìn; 2. Hạnh không trái nghịch; 3. Như thật hiển bản thân; 4. Ở nơi vị thầy dạy trao, tùy thu được y phục, uống ăn, ngọa cụ tinh diệu hay thô xấu, cũng sanh vui đủ; 5. Hai chủng gia hạnh không gián đoạn, ân trọng, vui đoạn vui tu, cho đến tu tập 4 chủng đối trị ái thủ của Bí-sô.

- Tư lương viên mãn: đó là bổ-đặc-già-la đời trước làm nghiệp phước. Vì lực thiện căn đời trước tăng thượng, nên biết có 5 tướng quả lợi ích thù thắng:

1. Do lực đời trước làm việc phước tăng thượng, nên an trụ 2 chủng quả báo khả ái bên trong và bên ngoài.

Quả báo khả ái bên trong là trường thọ sống

lâu, diệu sắc đoan nghiêm, không bệnh ít não; không làm tội tở, không làm bán nữ; trí huệ mãnh lợi, phát lời uy nghiêm, đầy đủ dòng tộc con cháu.

Quả báo khả ái bên ngoài là sanh vào nhà phú quý, được giàu có lớn, được bảo hộ lớn, có nhiều kẻ hầu người hạ, như kinh đã rộng thuyết. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ nhất của việc làm phước đời trước.

2. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên khéo được an trú ở những xứ tốt lành, không bị các vông lợng, dạ xoa, phi nhân, thần giữ nhà... năng làm chướng ngại. Tức là đối với tài sản, địa vị không bị chướng ngại, hoặc đối với thọ mạng không bị chướng ngại. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ hai của việc làm phước đời trước.

3. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên đối với thiện pháp tâm tánh năng thú nhập, tu tập không lười biếng. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ ba của việc làm phước đời trước.

4. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên đối với ác hạnh tự mình chân thành thấy hổ thẹn sâu. Tuy đã làm ác, lúc nào cũng phát khởi tâm ăn năn mãnh lợi. Do nhân duyên đây khiến

việc làm ác hiện tiền trở nên mỏng nhẹ, ở đời đương lai năng vĩnh viễn xa lìa ác kia. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ tư của việc làm phước đời trước.

5. Do lực đời trước làm phước tăng thượng, nên tất cả sự nghiệp phương tiện gia hạnh, ý hướng, kỹ năng đều triển chuyển mạnh mẽ hưng thịnh. Phạm làm việc phước thí đều được kính thuận, dùng ít công lực mà có nhiều thành tựu. Đây gọi là tướng quả lợi ích thù thắng thứ năm của việc làm phước đời trước.

Như vậy bốn chủng trời trên các trời, người trên các người, chỗ có bánh xe Chỉ Quán thắng diệu luân chuyển, tùy khuyết một chủng thì xe đây không chuyển.

3. Đoạn chi: là 5 đoạn chi. Đó là nương nghĩa đã biện mà sanh sâu tin hiểu, đối trước Sư trưởng như thật hiển hiện chính mình, thân có dũng mãnh, tâm có dũng mãnh, kham năng lãnh thọ hiểu biết pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết. Tùy theo thứ lớp ấy nên biết kiến lập 5 chủng đoạn chi. Tùy khuyết một chi, đoạn không thành tựu viên mãn.

4. Cung kính phụng sự: Trước hết cần phải cung kính phụng sự Đại sư, vì đây là bậc năng tuyên thuyết giáo pháp tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Kế đến phải kính trọng pháp đã thuyết dạy. Kế đến khi tu tập tùy pháp hành pháp, phải cung kính nương tăng thượng giới và học xứ tương ưng Tỳ-nại-da. Kế đến phải cung kính nương dạy răn dạy trao tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ, tùy từng thời gian mà tu cúng dường tài và cúng dường pháp, trong đây nên biết cúng dường tài pháp tức là cùng cộng trú và cùng thọ dụng. Kế đến ở nơi tĩnh lự mà tu tập tam-ma-địa. Từ đây không gián đoạn theo đó không ái vị, thông đạt lý đế, vĩnh viễn tận các lậu, không phóng dật. Như vậy nên biết 7 chủng thứ lớp “Cung kính phụng sự” sai khác.

Lại có 3 tướng sự cung kính, đó là: năng biết rõ công đức lợi ích thù thắng của bậc có đức mà phát khởi tôn trọng; tùy theo điều đã hiểu rõ dụng ba chủng thân, ngữ, ý chánh hạnh mà tu cung kính; xếp đặt chủng chủng tràng phan bảo cái mà vì cúng dường.

5. Dứt tranh cãi: là 7 pháp dứt sự tranh cãi.

Hoặc có các đồng phạm hạnh cử tội một đồng phạm hạnh khác, tức hiện tiền đối diện, đem việc thật, không đem việc chẳng thật mà nói, cho đến nói rộng. Trước người kia chưa hiểu nên phạm, lúc đã thông hiểu liền không phạm lại. Vì Bí-sô đó không phạm trở lại, nên các Bí-sô thấy, nghe, nghi kia không được nêu lại việc phạm trước. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại có Bí-sô khi thấy Bí-sô khác phạm tội liền ngăn chặn. Nhưng ở thời sau, người phạm tội kia quên mất lỗi mình đã phạm trước. Bí-sô thấy người kia phạm rồi, liền nhớ lại chỗ phạm của kia, nên nêu cử chất vấn rằng: “Ông có tự nhớ chỗ từng phạm chẳng?”. Người kia bèn đáp: “Tôi đều không nhớ”. Vì người kia đã không thể nhớ, nên không thể tự mình hối trừ. Ngược lại nếu người kia nói: “Tôi nhớ”, tức kia liền tự hối nên nói: “Sẽ năng lia ác tác”. Người kia đã bị người cử tội, nên tín thuận theo người đã cử tội, đến trong chúng Tăng cầu xin nhớ nghĩ tưởng Tỳ-nại-da cùng với thanh tịnh. Bấy giờ chúng Tăng chấp nhận cho Bí-sô kia thanh tịnh. Người phạm tội kia được xa lia ác tác, vậy

nên các Bí-sô không được nêu lại việc phạm trước. Như vậy sự tranh cãi được chấm dứt.

Lại có Bí-sô do điên cuồng nên hiện hành nhiều tội phi pháp Sa-môn, chẳng tùy thuận pháp. Người kia do sự điên cuồng đây, nên chẳng thành phạm. Nhưng có một loại Bí-sô vô trí không hiểu biết, cho là người kia thành phạm mà chưa cử phát. Các Bí-sô vì ngăn ngừa kia sẽ lại phạm ở vị lai, nên dạy răn khiến tự tâm người kia nhớ lại không còn si cuồng, dạy bảo Bí-sô kia trở lại cầu xin chúng Tăng, người kia nghe rồi tức liền cầu xin. Bấy giờ chúng Tăng nên đoạn trừ chỗ phạm của kia. Bồ-đặc-già-la như vậy thành không phạm. Tăng hòa hợp đứng thẳng xứng và thanh tịnh. Bí-sô không hiểu biết đã nghe việc đây rồi, các Bí-sô khác chẳng được nêu lại việc phạm trước. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại có Bí-sô ở trong chúng Tăng cử tội Bí-sô. Người năng cử khởi tưởng người kia có phạm. Người bị cử lại khởi tưởng không phạm. Do tưởng không phạm bèn tự xưng nói: “Tôi không phạm”. Người năng cử nói: “Ông chẳng từng làm việc như vậy như vậy ư?”. Người kia chân thật nói: “Tôi chưa

từng làm”. Người nằng cử lại nói: “Ông trước đã phạm, nay tiếp tục phạm nên cử phát mà không tự rõ biết, lại nói là không phạm”. Bấy giờ chúng Tăng liền vì đó mà tìm cầu tánh thật của sự việc kia là phạm hay không phạm. Nếu thấy thật phạm rồi, phải như pháp đoạn trừ. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại ở trụ xứ này có nhiều chúng Bí-sô, đối với chỗ phạm tội sanh nghi ngờ nên tranh cãi lẫn nhau, hoặc nói có phạm, hoặc nói không phạm, hoặc nói là nặng, hoặc nói là nhẹ. Ở trụ xứ khác có số chúng vượt hơn chúng ở trú xứ trước, trong chúng đây có nhiều bậc thông huệ thọ trì Kinh Luật Luận. Chúng trước nên tập trung đến đây để thỉnh hỏi quyết nghi rốt ráo. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Lại Bí-sô đã phạm tội rồi, đối với lỗi ác tác triền của bản thân, bị kích phát quá độ nên sanh buồn não cho đến tiêu tụy. Vì lo sợ người cử phát, liền như pháp hối trừ. Do đây tất cả sự tranh cãi đều được chấm dứt.

Có nhiều Bí-sô xoay vần cử tội lẫn nhau, mỗi mỗi riêng bị sự chấp thủ của kiêu mạn, không

muốn triển chuyển đối diện nhau phát lồ sám hối, dẫn đến việc hai bộ chia lìa, sống ở hai nơi riêng biệt. Mỗi bộ đều nói lời đây: “Kia đã không chấp nhận đến trước chúng ta phát lồ hối diệt, thì có sao chúng ta phải đi đến chúng kia mà phát lồ hối diệt?”. Bấy giờ, hai bộ kia đây, mỗi bộ nên cử một người có trí dẫn đầu chúng, cùng nhau dàn xếp, cùng đến chúng khác phát lồ hối diệt chỗ phạm. Như vậy sự tranh cãi liền được chấm dứt.

Như vậy sự tranh cãi lược có bốn chủng, nên biết trừ diệt cũng có bốn chủng. Sao gọi là 4 chủng sự tranh cãi? 1. Sự tranh cãi do người cử phát; 2. Sự tranh cãi do nghi ngờ lẫn nhau; 3. Sự tranh cãi do tự mình cử phát; 4. Sự tranh cãi do cử phát lẫn nhau.

Những gì gọi là 4 chủng trừ diệt? 1. Trừ diệt do nguyện ra khỏi chỗ phạm; 2. Trừ diệt do thí cho thanh tịnh; 3. Trừ diệt do chấp nhận tìm tánh thật; 4. Trừ diệt do mỗi bên tự phát lồ.



Quyển 100

Thứ 5. NHIẾP TRẠCH SỰ ĐIỀU PHỤC

Phần 2

Lại nữa, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da nên chân chánh biết khắp 5 xứ đây. Những gì là năm?
1. Biết khắp sự; 2. Biết khắp tội; 3. Biết khắp bổ-đặc-già-la; 4. Biết khắp dẫn nhiếp nghĩa lợi; 5. Biết khắp tổn não.

1. Biết khắp sự: Có năm sự uẩn... như *Thanh văn địa* đã thuyết.

2. Biết khắp tội: Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da, do 5 chủng tướng biết khắp chỗ phạm: **a.** Biết khắp nhân duyên phạm tội; **b.** Biết khắp đẳng khởi phạm tội; **c.** Biết khắp sự việc phạm tội; **d.** Biết khắp gia hạnh phạm tội; **e.** Biết khắp rốt ráo phạm tội.

a. Biết khắp nhân duyên phạm tội: Biết khắp hoặc nhân duyên do tham, hoặc nhân duyên do

sân, hoặc nhân duyên do si, nên hủy phạm các tội.

b. Biết khắp đấng khởi phạm tội: Hoặc có tội do thân khởi hết thấy, chẳng phải do ngữ, chẳng phải do tâm; hoặc lại có tội do ngữ khởi hết thấy, chẳng phải do thân, chẳng phải do tâm; hoặc lại có tội do tâm khởi hết thấy, chẳng phải do thân, chẳng phải do ngữ; hoặc có tội do thân, do tâm khởi hết thấy, chẳng phải do ngữ; hoặc lại có tội do ngữ, do tâm khởi hết thấy, chẳng phải do thân; hoặc lại có tội do thân, do ngữ khởi hết thấy, chẳng phải do tâm; hoặc lại có tội do thân, do ngữ, do tâm khởi hết thấy, không riêng do tâm.

Đã phạm các tội, nên đối trước người khác mà phát lồ hối trừ, hoặc chỉ tự mình thành khẩn phòng hộ sâu, như trường hợp Bí-sô phát khởi chủng chủng tâm tư dục, tâm tư bất thiện..

c. Biết khắp sự việc phạm tội: Các sự việc phạm tội lược có 2 chủng: 1. Sự thuộc trong số hữu tình; 2. Sự thuộc trong số vô tình.

d. Biết khắp gia hạnh phạm tội: Chỗ phạm tội có 2 gia hạnh: 1. Sự nghiệp gia hạnh chẳng phải chỗ nên làm; 2. Sự nghiệp gia hạnh chỗ nên làm.

e. Biết khắp rất ráo phạm tội: Nếu đối với việc nào đó thi thiết phương tiện thực hiện, thì thực hiện cho đến rất ráo, chẳng ở trung gian mà thối lui. Dụng duyên đây thì chỗ phạm viên mãn.

Ở trong phương tiện của các tập tội thô là vượt hơn người và chúng dư, cũng phạm tội đọa tử và ác tác. Ở trong phương tiện kia và trong mỗi tụ mà được rất ráo. Ở trong các phương tiện tội đọa tử, cũng là phạm ác tác. Bốn chủng tụ tội gọi là tội còn sót (tội hữu dư). Tụ tội tha thắng gọi là tội không sót (tội vô dư).

Hoặc chỗ phạm tội do có trí, nên gọi là không tích tập; hoặc vì theo người mà hiển phát, nên cũng gọi là không tích tập. Trái với tướng đây tức không gì không phải tích tập.

Hoặc chỗ phạm tội đã phạm rồi mà đối trước người như pháp phát lồ, phương tiện hối trừ, gọi là đã trình bày nói rõ. Trái với tướng đây gọi là chưa trình bày nói rõ.

Hoặc chỗ phạm tội đã phạm rồi sẽ hối trừ, gọi là có mong muốn. Trái với tướng đây gọi là không mong muốn.

Hoặc chỗ phạm tội mà chư Phật Thế Tôn ở

trong Biệt giải thoát Tỳ-nại-da kiến lập là phạm, gọi là có chế lập. Trái với tướng đây gọi là không chế lập.

Hoặc chỗ phạm tội, hoặc thuộc phạm vi một loại bổ-đặc-già-la, hoặc lại thuộc phạm vi thời gian nào đó không xác định, không sai khác so với tướng chung chế lập đã nói ở trước, nên biết tội đây gọi là đẳng vận. Trái với tội đây gọi là chẳng phải đẳng vận.

3. Biết khắp bổ-đặc-già-la: Do 5 tướng nên biết sai biệt: *a.* Do hành sai biệt; *b.* Do chúng sai biệt; *c.* Do tăng giảm sai biệt; *d.* Do chúng đặc sai biệt; *e.* Do quán sát sai biệt.

Do hành sai biệt: năng biết khắp do hành tham... có sai biệt, nên chỗ phạm có sự sai biệt. Tướng sai biệt kia như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Do chúng sai biệt: năng biết khắp do 7 chúng là Bí-sô, Bí-sô-ni... sai biệt, nên chỗ phạm có sự sai biệt.

Do tăng giảm sai biệt: Như có một loại bổ-đặc-già-la hoặc quý tộc xuất gia, hoặc phú tộc xuất gia, hoặc dung nhan đoan chánh xuất gia... Ngoài

ra, có loại chẳng như vậy. Lại có một loại bổ-đặc-già-la đa văn uyên bác, có lời nói đầy đủ viên mãn, có đại trí đại phước, vững chắc mãnh lợi phòng hộ giới thanh tịnh, ít có chỗ phạm khiến sanh nhiều ác tác, năng khéo rõ biết lúc phạm tội và lúc ra khỏi tội. Ngoài ra, có loại chẳng như thế. Nếu năng biết khắp các sự việc như vậy, nên biết gọi là biết khắp tăng giảm có sai biệt, nên chỗ phạm có sự sai biệt.

Do chứng đắc sai biệt: Năng biết khắp từ bổ-đặc-già-la tùy tín hành cho đến rốt sau là bổ-đặc-già-la câu phần giải thoát có 7 chủng sai biệt; từ Dự lưu hướng, Dự lưu quả cho đến rốt sau là A-la-hán quả có 8 chủng sai biệt. Phân biệt các bổ-đặc-già-la sai biệt như vậy, tướng đây như *Thanh văn địa* đã biện.

Do quán sát sai biệt: Bổ-đặc-già-la năng cử tội phải khéo léo quán sát người bị cử tội, rồi mới cử tội khiến người kia nhớ lại, khởi quán như vậy: “Bổ-đặc-già-la bị cử tội đối với ta có lòng kính quý không?”, tướng đây nên biết như kinh đã nói rộng. Bổ-đặc-già-la bị cử tội đây cũng phải khéo léo quán sát người năng cử tội: “Người cử tội ta là ngu phu

điên cuồng si khờ, cử tội phi pháp, muốn làm việc tổn hại đối với ta”, tướng đây nên biết như kinh đã nói rộng; hoặc: “Người cử tội ta là bậc trí không cuồng, không ngốc nghếch, chỗ có phẩm bạch...”, tướng đây nên biết như kinh đã rộng thuyết. Lại đối với bổ-đặc-già-la kham cử tội, nên chân chánh quán sát: “Nên khai cử chăng?”. Như vậy gọi là bổ-đặc-già-la quán sát sai biệt.

Tất cả như vậy gọi là biết khắp bổ-đặc-già-la.

4. Biết khắp dẫn nhiếp nghĩa lợi: Năng biết khắp lược có 3 chủng dẫn nhiếp nghĩa lợi. Những gì là ba? *a.* Dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng của thân mình; *b.* Dẫn nhiếp nghĩa lợi khiến thân người ra khỏi tội; *c.* Dẫn nhiếp nghĩa lợi khiến Tăng-già đuổi bỏ người phạm giới, an lạc.

Dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng của thân mình: Hoặc bản chất của các lợi dưỡng là thanh tịnh, gọi là chân thật. Hoặc các lợi dưỡng thanh tịnh được tích trữ để sử dụng, chẳng phải vô dụng, gọi là năng dẫn nghĩa lợi. Hoặc các lợi dưỡng chẳng quá thời gian cho phép mà được đem thọ dụng, gọi là đúng thời. Hoặc các lợi dưỡng khác Bí-sô cũng hiện

dẫn nhiếp, gọi là có bạn. Có bạn đây chẳng phải dẫn phá Tăng, gọi là lia phá Tăng. Nếu đầy đủ 5 chi dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng như trên, lúc thọ dụng phải nên an trụ chánh niệm, dụng tâm vô nhiễm, thì dẫn nhiếp nghĩa lợi lợi dưỡng như vậy gọi là không tội.

Dẫn nhiếp nghĩa lợi thân người ra khỏi tội: Hoặc xem thấy chỗ phạm tội của người kia thật sự hiện hành, gọi là chân thật. Hoặc lại tự biết “ta năng khiến kia ra khỏi bất thiện, an đặt nơi thiện”, gọi là năng dẫn nghĩa lợi. Hoặc lúc người đang chân chánh gia hạnh như thuyết pháp, cung kính phụng sự bậc tôn trưởng, chăm sóc nuôi dưỡng bệnh... thì không nên cử tội, gọi là đúng thời. Hoặc cử tội kia, các Bí-sô khác cùng làm trợ bạn, gọi là có bạn. Nhưng nhân duyên có bạn chẳng phải năng dẫn phá Tăng, gọi là lia phá Tăng thanh tịnh. Nếu đầy đủ năm chi dẫn nhiếp nghĩa lợi khiến thân người ra khỏi tội như vậy, phải nên an trụ chánh niệm, tâm không nhiễm ô, như bạn thiện từ đem lời nhu nhuyễn mà dẫn nhiếp người ra khỏi tội, gọi là không tội.

Như dẫn nhiếp nghĩa lợi người ra khỏi tội, thì dẫn

nhiep nghĩa lợi khiến Tăng-già đui bỏ người phạm giới, an lạc nên biết cũng vậy. Nhưng đây có sự sai biệt. Nếu nhân bị quả trách đui bỏ mà người bị đui đây không làm chướng ngại người năng đui, hoặc không nhân đây phá hoại vườn của Tăng, cũng không nhân đây tổn hoại tháp và tổn hại đồng phạm hạnh khác, như vậy gọi là năng dẫn nghĩa lợi.

Trái với tất cả tướng trên nên biết gọi là dẫn nghĩa không lợi.

5. Biết khắp tổn não: Là 5 chủng tổn não ở hiện pháp, chỉ có kẻ phàm phu hướng đến, kẻ ngu si hướng đến, bậc trí tránh xa. Kẻ phàm phu ngu si kia tuy thật chẳng phải cuồng mà việc làm như cuồng, cho đến chỉ có hư dối trôi nổi, không tăng trưởng các việc làm có nghĩa lợi ích.

a. Có một loại thương tiếc người chết, dùng nhiều tướng biểu hiện tự bức bách, tự đè nén, tiếc thương quá mức kẻ đã chết. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ nhất mà phàm phu hướng đến, cho đến nói rộng.

b. Có một loại kiếm sống rất khó khăn, nên

tà khổ bức mình lấy đây nuôi sống. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ hai mà phạm phu hưởng đến, cho đến nói rộng.

c. Có một loại vì tánh tham cấu keo lẩn, cất giấu tích trữ chủng chủng tài bảo, các vật dụng nuôi thân, mà chỉ dùng chút ít phần nhỏ nhất để tự nuôi sống thân. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ ba mà phạm phu hưởng đến, cho đến nói rộng.

Sao gọi là cấu keo lẩn? Là 8 chủng cấu keo lẩn: 1. Cấu keo lẩn do thói quen keo kiệt tham lam đã có từ trước, không thường huân tập hạnh huệ thí; 2. Cấu keo lẩn do hiện pháp ôm lòng ái luyến quý trọng thân mạng phẩm thượng; 3. Cấu keo lẩn do thường cộng trú với người có tánh keo lẩn và học theo thói của kia, không xuyên suốt huân tập bi, tâm bi yếu kém; 4. Cấu keo lẩn do thấy các ruộng thí có ít công đức, hủy phạm chánh hạnh; 5. Cấu keo lẩn do đối với tài vật khởi tưởng khó được; 6. Cấu keo lẩn do ba thời ưu hối; 7. Cấu keo lẩn do đối với các tài bảo chỉ thấy công đức, không thấy quá hoạn; 8. Cấu keo lẩn do tà thí, hồi hướng. Nên biết đây gọi là 8 chủng cấu keo lẩn.

d. Có một dạng người yêu thích cõi trời, muốn

cầu sanh thiên, nhưng không như thật biết con đường sanh kia, nên tự bức hại thân mình như đoạn ăn uống, nhảy vào lửa, lên núi cao gieo mình nhảy xuống... Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ tư mà phạm phu hưởng đến, cho đến nói rộng.

e. Có một dạng người thích thanh tịnh mà không như thật biết con đường thanh tịnh. Lại dùng pháp khổ để được thanh tịnh và dùng vô lượng môn tự bức hại mình. Đây gọi là tổn não ở hiện pháp thứ năm mà phạm phu hưởng đến cho đến nói rộng.

Như vậy là 5 chủng tổn não ở hiện pháp, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da nên chánh biết khắp, nên chánh xa lìa.

Lại nữa, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da thành tựu 5 pháp khiến người chưa tín sanh tín, người đã sanh tín càng thêm tăng trưởng. Những gì là năm?
1. Giới viên mãn; 2. Chánh kiến viên mãn; 3. Quỹ tác viên mãn; 4. Tịnh mạng viên mãn; 5. Xa lìa triển chuyển đấu tranh viên mãn.

- *Giới viên mãn* lược có 10 chủng, tương đương như *Thanh văn địa* đã biện, đó là lúc ban đầu khéo thọ trì, không quá trì trệ, không quá phấn tấn, cho

đến nói rộng.

- *Chánh kiến viên mãn* lược có 5 chủng: 1. Tăng ích, tức là đã vĩnh viễn đoạn thân kiến và biên chấp kiến; 2. Tổn giảm, tức là đã vĩnh viễn đoạn trừ loại bỏ tà kiến; 3. Chấp thủ kiến, tức là đã vĩnh viễn đoạn các kiến thủ và giới cầm thủ; 4. Đã vĩnh viễn đoạn hư vọng kế chấp kiến “kiết tường”; 5. Đã vĩnh viễn đoạn các kiến điên đảo hư vọng kế chấp cho là có hữu vi, chẳng phải hữu vi.

- *Quý tắc viên mãn* cũng có 5 chủng: hoặc nương thời nên làm các việc; hoặc nương phẩm thiện nên làm các việc; hoặc nương oai nghi nên làm các việc; chỗ có quý tắc thuận theo thế gian và Tỳ-nại-da, nói rộng nên biết như *Thanh văn địa*.

- *Tịnh mạng viên mãn* cũng có 5 chủng: năng xa lìa năm pháp khởi tà mạng giả dối... tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết.

- *Xa lìa triển chuyển đấu tranh viên mãn* lược có 6 chủng, vì xa lìa 6 chủng căn bản đấu tranh. Trong đây 6 chủng căn bản đấu tranh, đó là phần, hận... như kinh đã nói rộng. Lại nương sáu xứ nên kiến lập 6 căn bản đấu tranh. Những gì là sáu xứ? 1. Tướng không làm nhiều ích; 2. Vui ẩn giấu lỗi

trái vượt của mình, chấp giữ kiêu mạn; 3. Vui muốn lợi dưỡng cung kính hiện hành; 4. Hành hủy phạm tăng thượng giới; 5. Hành hủy phạm tăng thượng tâm; 6. Hành hủy phạm tăng thượng tuệ.

Nên biết nương xứ thứ nhất kiến lập căn bản đấu tranh thứ nhất, cho đến nương xứ thứ sáu kiến lập căn bản đấu tranh thứ sáu. Đó là có một loại bồ-đặc-già-la có hiểu biết rộng, nên từ người mà thu được nhiều lợi dưỡng. Do nhân duyên hủy phạm giới, đối với điều mình phạm vui muốn ẩn giấu, không muốn người biết. Có các Bí-sô đã rõ biết rồi, ở nơi có một, hai, hoặc nhiều chúng mà cử việc phạm đây. Do đây nên kia một hướng ưu buồn nhiều não thân tâm. Lại do chấp giữ kiêu mạn ẩn chứa bên trong, nên sanh nhiều nhiệt não, tự nghĩ: “Chớ để kia ở nơi chúng khác nhân việc trước mà trách cứ đối với ta”. Như vậy người kia trước ẩn giấu điều đã phạm gọi là che đây, lại thêm phát khởi kiêu mạn phiền não. Hợp hai sự việc đây lại, gọi là vui ẩn giấu lỗi trái vượt của mình, chấp giữ kiêu mạn. Do đây kiến lập căn bản đấu tranh.

Lại có Bí-sô vui muốn cung kính lợi dưỡng hiện hành, thấy có người nhiều tài bảo, nhiều

người biết đến, đầy đủ đại phước, liền gần gũi nương dựa ân cần phụng sự. Không phải vì quý, không phải vì kính, cũng không phải vì vui pháp, chỉ chuyên vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính. Kẻ kia tư duy như vậy: “Nhiếp giữ chất trực, nhẫn nhục, nhu hòa làm thầy y chỉ, ta ở nơi kia được tùy ý tự tại, kia thấy ta như vậy sẽ cho ta nhiều thứ, mà kỳ thật ta không làm gì cả”. Lại tư duy như vậy: “Nhiếp giữ huệ nhanh nhẹn, vui thích tu phước, cùng những người đồng phạm hạnh lấy làm trợ bạn. Chỗ có công việc của Tăng và các việc khác đều nhờ kia làm, ta riêng lẫn tránh chỗ kín mà được yên thân”. Khi hủy phạm cấm giới, các đồng phạm hạnh chánh nạn hỏi, thì không phân minh, liền giả dối mượn việc khác để nói. Như vậy gọi là hành giả dối, hành cống siểm. Do nhân duyên đây khởi các tranh cãi. Ngoài ra, tùy chỗ thích hợp nên biết tướng đây. Trái với tướng đây có 5 chủng pháp khiến người chưa tín chuyển tăng bội không tín, khiến người đã tín trở lại thay đổi.

Lại nữa, Bí-sô siêng học nương Tỳ-nại-da thành tựu 5 lực, thì ở nơi tất cả chủng thân, khẩu, ý đều hành chánh gia hạnh. Những gì là năm? 1. Lực gia

hạnh; 2. Lực ý lạc; 3. Lực khai sáng; 4. Lực chánh trí; 5. Lực chất trực.

Nếu thân khẩu ý ở tất cả phần đều vui tu học, chân chánh khéo léo tu học các học xứ, lại đối với điều được học thật sự cung kính, chỉ vì tự điều phục, chỉ vì Bát-niết-bàn, nên biết gọi là lực gia hạnh.

Đã hủy phạm rồi, do ý lạc nên nhanh chóng trở lại ra khỏi xa lìa, như vậy gọi là lực ý lạc.

Đối với học xứ, thời thời thỉnh hỏi các bậc trì ba tạng Kinh, Luật, Luận; đã tự mình quý kính, cũng năng khai thị khuyên bảo người khác tu học như thế. Như vậy gọi là lực khai sáng.

Đã từ người được nghe rồi, nếu những lời dạy ấy là chân thật Tỳ-nại-da, thì nhiếp thọ không diên đảo; nếu lời dạy ấy là giả ngụy Tỳ-nại-da, tương tợ chánh pháp, là lời ác trái với pháp tánh, thì cũng như thật rõ biết. Tuy không đến kia cúi mình thỉnh hỏi những điều chưa hiển rõ, nhưng vì lắng nghe nhiều, nên đối với điều Phật Thế Tôn tuy không ngăn dứt, cũng không khai hứa, mà năng tự tư duy “So với tánh Sa-môn thì đây năng thuận theo, đây năng trái nghịch”. Đã rõ biết rồi, tùy chỗ

thích hợp mà năng chân chánh tu hành, năng chân chánh xa lìa. Như vậy nên biết gọi là lực chánh trí.

Đã có lực tin hiểu lìa các cuống siểm, thì không chút phần sanh khởi phân biệt hư vọng. Chẳng thể ở trong chỗ khai hứa ít phần, mà lại khởi hiện hành khiến tăng thêm nhiều phần; chẳng thể ở trong chỗ khai hứa nhiều phần, mà lại khởi hiện hành khiến tổn giảm ít phần. Đối với tất cả sự việc hiện hành đây đều không tăng thêm, cũng không tổn giảm. Thực hành như vậy, ban đầu tự mình phát sanh hỷ lạc, về sau khiến mình người trụ nơi an lạc, tu hành chánh hạnh, không khiến người bị mê hoặc. Như vậy nên biết gọi là lực chất trực.

Lại nữa, nương sở học gia hạnh Tỳ-nại-da, nên biết có 5 phẩm loại bồ-đặc-già-la sai biệt:

1. Có một loại bồ-đặc-già-la đối với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da nương pháp xuất gia, ban đầu sắp phát khởi hương đến, tuy muốn phát khởi hương đến, nhưng chưa xuất gia liền sanh phiền não tầm cầu tà dục. Do duyên đây bèn không xuất gia.

2. Có một loại đã xuất gia rồi, vì phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, nên suy nghĩ hủy phạm giới

luật. Do nhân duyên đây phát sanh nhiều các ưu buồn hối tiếc, nên sanh phiền não tầm cầu tà dục.

3. Có một loại đã xuất gia rồi, ở trong pháp xuất gia mà không sanh hỷ lạc, sắp muốn phát khởi hướng đến xả sở học; cũng ở nơi việc xuất gia mà phát sanh ưu buồn hối tiếc, khởi nghĩ đây: “Ta không còn vui thích đối với việc xuất gia”. Người kia do 2 duyên trên mà phát sanh phiền não tầm cầu tà dục.

4. Có một loại bồ-đặc-già-la đã xuất gia rồi, không vì nhân duyên nuôi mạng khó mà cố nghĩ trái vượt sở học, cho đến suốt đời vui muốn xuất gia siêng tu phạm hạnh. Người kia không do hai duyên khiến phát sanh phiền não tầm cầu tà dục.

Bốn chủng bồ-đặc-già-la như vậy thuộc loại dị sanh.

5. Có một loại là các hữu học chưa đắc giải thoát, lấy đây làm chỗ nương về sau đạt được tâm tuệ giải thoát bậc nhất, như thật rõ biết thông đạt thăng tiến. Đây gọi là bồ-đặc-già-la thứ năm.

Bồ-đặc-già-la thứ năm đây có sự khác biệt so với bốn loại trước, tức do thuộc hàng hữu học giải thoát điều thiện mãnh lợi, về sau thông đạt thăng

tiến giải thoát, nên biết đây đã thấy dấu vết đế.

Trong đây, theo thứ tự đã thuyết thì ba bổ-đặc-già-la trước phải chánh trừ khiến phiền não tầm cầu tà dục phát sanh do phát khởi hướng đến, do ưu buồn hối tiếc, do hai duyên; lại phải chánh rõ biết đối với thượng giải thoát. Còn bổ-đặc-già-la thứ tư chỉ cần chánh rõ biết đối với thượng giải thoát sau. Nếu bốn bổ-đặc-già-la làm được như vậy, thì tất cả đều ngang nhau không sai khác.

Lại nữa, ở trong ba học, nên biết lược có 3 chủng tà hạnh. Có một loại bổ-đặc-già-la trước vì cầu Niết-bàn mà vui xuất gia, nhưng xuất gia rồi về sau trôi nổi vui đắm vị diệu dục cõi trời, chỉ phòng hộ giới, thọ trì giới hồi hướng cõi trời cho là vui đủ. Đây gọi là bổ-đặc-già-la ngoại kiết tà hạnh nơi tăng thượng giới thứ nhất.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la chẳng ở nơi phòng hộ giới mà sanh vui đủ, năng hướng đến chứng đắc các cõi giới cao hơn, nên theo đuổi một tĩnh định. Lại ở nơi định đây sanh sâu nhiễm vị, không cầu tiến hiện quán thánh đế. Đây gọi là bổ-đặc-già-la nội kiết tà hạnh nơi tăng thượng tâm thứ hai.

Lại có một loại bổ-đặc-già-la là hữu học đã

thấy dấu vết đế, do trụ phóng dật nên trong hiện pháp không Bát-niết-bàn. Nên biết đây gọi là bổ-đặc-già-la tà hạnh nơi tầng thượng tuệ thứ ba.

Như vậy, đã lược dẫn cảnh trí của luận đây tùy thuận tương ưng với tông yếu Ma-đát-ly-ca của sự Điều phục. Ngoài ra tất cả những chi tiết liên quan đến cảnh trí luận đây đều phải nên hiểu rõ.

BIỆN NHIẾP THỨ TỰ SỰ BẢN MẪU

Như vậy đã thuyết Ma-đát-ly-ca của sự Tỳ-nại-da. Sao gọi là **sự Ma-đát-ly-ca**? Hoặc Ma-đát-ly-ca của Kinh, hoặc Ma-đát-ly-ca của Luật, lược chung làm một gọi là *Ma-đát-ly-ca*. Tuy lại không có Ma-đát-ly-ca khác, nhưng vì nói lược thấu nhiếp tạp pháp lưu chuyển, hoàn diệt, tạp nhiễm, thanh tịnh, mà nay Ta lại thuyết phân biệt pháp tướng Ma-đát-ly-ca. Ốt-Đà-Nam nói:

*Cần yếu dụng khác giải thích khác
Chẳng được tức đây giải thích đây*

*Đầu tiên tóm lược sự “Thứ tự”
Về sau sẽ rộng biện “Thứ tự”.*

Nếu vì người mà tuyên thuyết các pháp, trước cần dùng môn này để nêu chung, sau lại dùng môn khác để giải thích chi tiết, như vậy gọi là thuận theo chánh lý. Không được trước dùng môn đây để nêu chung, sau trở lại lấy môn đây để giải thích chi tiết. Như trước nêu chung: “Sao là hữu vi?”, về sau giải thích chi tiết nói: “Chỗ gọi là năm uẩn”, như vậy gọi là thuận theo chánh lý. Không được trước nêu chung: “Sao là hữu vi?”, sau lại giải thích riêng nói: “Chỗ gọi là hữu vi”. Như vậy tất cả nên tùy theo đó mà hiểu rõ.

Lược do hai tướng nên biết kiến lập phân biệt pháp tướng Ma-đát-lý-ca: 1. Trước lược thứ tự sự; 2. Tức nương chỗ lược thứ tự sự như vậy, sau sẽ rộng biện rộng.

1. Lược thứ tự sự: Tức nói lược thứ tự của sự phẩm lưu chuyển, tạp nhiễm và sự phẩm hoàn diệt, thanh tịnh.

Sự phẩm lưu chuyển, tạp nhiễm: là sự tự tánh,

sở y, sở duyên và trợ bạn của sáu thức thân, hoặc sự uẩn giới xứ, hoặc sự các duyên khởi xứ phi xứ, hoặc sự ba thọ, hoặc sự ba đời, hoặc sự bốn duyên, hoặc sự các nghiệp, hoặc sự phiền não, hoặc sự ba cõi là Dục giới...; hoặc sự mười hữu, đó là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, địa ngục hữu, bàng sanh hữu, quỷ hữu, trời hữu, người hữu, nghiệp hữu, trung hữu, do ly dục đường thiện, đường ác riêng khác chiêu dẫn hướng đến các hữu có sự sai khác; hoặc sự mười một thức trụ, hợp chung mà nói đó là bốn thức trụ và bảy thức trụ; hoặc sự cư trú của chín hữu tình như kinh đã rộng thuyết; hoặc sự năm đường, hoặc sự bốn sanh, hoặc sự bốn nhập thai, hoặc sự bốn được tự thể, hoặc sự bốn thực, hoặc sự bốn ngôn thuyết, hoặc sự bốn pháp thọ, hoặc sự bốn điên đảo, hoặc sự khổ đế, hoặc sự tập đế. Hết thảy loại như vậy gọi là nói lược thứ tự của sự phẩm lưu chuyển, tạp nhiễm.

Sự phẩm hoàn diệt, thanh tịnh: là sự diệt đế, hoặc sự đạo đế, hoặc sự tam-ma-địa, hoặc sự các trí, hoặc sự đây chỗ dẫn dắt các công đức, hoặc sự bảy chánh pháp, hoặc sự bảy chánh tác ý quán sát, hoặc sự ba mươi bảy pháp Bồ-đề phân, hoặc sự bốn

dấu vết hành, hoặc sự bốn dấu vết pháp, hoặc sự Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, hoặc sự bốn tu định, hoặc sự ba phước nghiệp, hoặc sự ba học, hoặc sự bốn quả Sa-môn, hoặc sự bốn chứng tịnh, hoặc sự bốn thánh chủng, hoặc sự ba thừa, hoặc sự bốn hỏi đáp. Hết thấy loại như vậy gọi là nói lược thứ tự sự phẩm hoàn diệt, thanh tịnh. Biện rộng kiến lập hết thấy sự như vậy, tùy chỗ thích hợp đã thuyết ở trước, tướng đây nên biết trong các địa kia và các phần nhiếp đã thuyết.

Tóm lại mà nói tất cả sự gom chung trong 5 sự: 1. Sự tâm; 2. Sự pháp sở hữu của tâm; 3. Sự sắc; 4. Sự tâm không tương ưng hành; 5. Sự vô vi.

2. Biện rộng thứ tự của sự: Lược do 4 tướng mà biện rộng sự kia. Những gì là bốn? 1. Vì dị môn sai biệt; 2. Vì thể tướng sai biệt; 3. Vì giải thích từ sai biệt; 4. Vì phẩm loại sai biệt.

Dị môn, thể tướng, giải thích từ sai biệt, tướng đây nên biết như phần *Nhiếp thích* đã thuyết.

Phẩm loại sai biệt lại có 8 chủng: **a.** Kiến lập tánh có, chẳng phải có; tánh khác, chẳng phải khác sai biệt; **b.** Kiến lập giới địa sai biệt; **c.** Kiến

lập thời phần sai biệt; **d.** Kiến lập nơi chốn, phương hướng sai biệt; **e.** Kiến lập tương tục sai biệt; **f.** Kiến lập phần vị sai biệt; **g.** Kiến lập phẩm phần sai biệt; **h.** Kiến lập đạo lý sai biệt. Do 8 chủng sai biệt như vậy thấy, nên đối với tất cả sự phẩm loại sai biệt phải tùy theo đó mà hiểu rõ.

a. Tánh có, chẳng phải có; tánh khác, chẳng phải khác sai biệt: Nếu nói lược thì có 3 chủng có: 1. Thật có; 2. Giả có; 3. Thắng nghĩa có.

Thật có: là các pháp tiêu biểu có danh khả đắc, có sự khả đắc. Danh đây ở nơi sự vô ngại mà chuyển, chẳng phải có lúc chuyển được hoặc có lúc không chuyển được. Nên biết danh đây lược thuyết thật có. Như ở trong các tụ pháp như tụ sắc kiến lập các tướng thành, nhà, quân, rừng, cỏ, cây, y phục, thức ăn... nhưng tướng đây chỉ tùy chuyển ở nơi tụ đây, không dùng ở nơi tụ sắc khác. Các tướng khác mà ở tất cả xứ khác thấy đều tùy chuyển, thì tướng đây được nói là thật có, nên biết tướng khác được nói là giả có.

Giả có đây lược có 6 chủng: 1. Tụ tập giả có; 2. Nhân giả có; 3. Quả giả có; 4. Sở hành giả có; 5. Phần vị giả có; 6. Quán đāi giả có.

Tụ tập giả có: Vì thuận theo thế gian dùng lời nói để dễ dàng hiểu rõ. Như ở nơi tướng chung năm uẩn... mà kiến lập tướng ngã, hữu tình, bổ-đặc-già-la, chúng sanh... tướng đây chỉ có thể hiển rõ tụ đây, vậy nên nói là tụ tập giả có.

Nhân giả có: Đời vị lai pháp hành có thể sanh. Do chưa sanh, nên tuy không phải thật có, mà có nhân đây nên có thể sanh, gọi là nhân giả có.

Quả giả có: Chỗ gọi là trạch diệt, là quả đạo, nên không thể thuyết là không, nhưng chẳng phải thật có, nói chung là vì đoạn tất cả phiền não, ở đời đương lai rốt ráo chẳng sanh mà giả lập.

Sở hành giả có: Đời quá khứ các hành đã diệt, sở hành cảnh hiện tiền chỉ do tạo tác nhớ nghĩ, cho nên gọi là sở hành giả có, bởi lẽ đã tàn diệt nên chẳng phải thật có.

Phần vị giả có: là các tâm không tương ưng hành như sanh... như trước phần Ý địa đã nêu ra, biện rõ, giải thích. Tức ở nơi các hành đây do nương trước và sau, có và chẳng phải có, đồng loại

và khác loại, tương tục và phần vị mà giả lập sanh... Chẳng phải sanh... đây là ngoài các hành mà có tự thể chân thật riêng biệt khá có được.

Quán đái giả có: là hư không vô vi, như hư không, phi trạch diệt... vì đối đái với các cõi sắc mà giả kiến lập. Nếu nơi thị xứ cõi sắc chẳng phải có, giả nói hư không; như vậy chẳng phải là ngoài pháp sắc không chỗ hiển, riêng có thật thể hư không khả đắc. Chẳng phải “không chỗ hiển” mà được gọi là thật có. Quán đái các hành không đồng sanh khởi, ở trong đời vị lai pháp chẳng sanh, lập là phi trạch diệt. Chỗ hiển không sanh giả nói là có. Chẳng phải chỗ hiển không sanh mà được gọi là thật có.

Thắng nghĩa có: Trong đây, tất cả danh lời, tất cả thi thiết thấy đều vĩnh viễn đoạn trừ, là các hý luận, là các phân biệt. Vì khéo phương tiện thuyết là pháp tánh, chân như, thật tế, không, vô ngã... như trong *Bồ Tát Địa phẩm* “Chân Thật Nghĩa”, phần thứ 4 “Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh”. Trái với tướng trên đây nên biết là chẳng phải có.

Lại do 4 chủng riêng, không riêng, nên kiến lập tánh khác, không khác: 1. Do nhân khác, không khác; 2. Do sở y khác, không khác; 3. Do tác dụng khác, không khác; 4. Do thời phần khác, không khác.

Các pháp nhân... hoặc tướng khác biệt khá có được, tức là đây khác so với kia; hoặc tướng không khác biệt khá có được, tức là trước, sau và hiện tại không khác. Thời phần khác tức là tất cả hành chỉ sát-na trụ, tức tự thể đây so trở lại với tự thể, gọi là không khác, qua sát-na sau gọi là khác. Do kia làm chủng mà đây được sanh, gọi là nhân. Nếu do nhân... và đại chủng... làm chỗ nương dựa mà chuyển, gọi là sở y. Nếu tất cả hành mỗi mỗi có công năng riêng biệt, gọi là tác dụng.

Như vậy gọi là kiến lập phẩm loại tánh có, chẳng phải có; tánh khác, chẳng phải khác sai biệt thứ nhất.

b. Kiến lập giới địa sai biệt: là ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới sai biệt.

Dục giới: dưới từ địa ngục Vô gián, trên vượt qua Tha hóa cho đến cung Ma. Trong đây các hành

đều do nhân phiền não Dục giới sanh ra, ở nơi ba đời và phiền não kia làm nơi nương tựa, bị sự theo đuổi trôi buộc của phiền não phẩm thô trọng, bị sự hệ buộc của kia. Lại tất cả phiền não trong Dục giới hoàn toàn chưa ly dục, không phải nhiếp thuộc định địa. Tất cả phiền não ở Sắc giới, Vô sắc giới một phần ly dục nhiếp thuộc định địa. Tương phiền não khác nên biết như trước.

Sắc giới: là bốn tĩnh lự, kể cả tĩnh lự trung gian, có 17 địa.

Vô sắc giới: là bốn Vô sắc địa, như Không xứ...

c. Kiến lập thời phần sai biệt: Ở đời quá khứ có không gián đoạn đã diệt, có cận sát đã diệt, có lâu xa đã diệt. Ở đời vị lai có không gián đoạn sẽ sanh, có cận sát sẽ sanh, có lâu xa sẽ sanh. Ở đời hiện tại có sát-na hiện tại, có chúng đồng phạm hiện tại, có tương tục chưa diệt hiện tại.

d. Kiến lập nơi chốn, phương hướng sai biệt: Các pháp có sắc vì nương dựa nơi chốn nên có phương hướng xa gần sai biệt. Các pháp vô sắc vì không có sắc nên không nương dựa nơi chốn; nếu

nương pháp sắc mà được sanh khởi, tức ở xứ đây nói có phương hướng. Đây do tướng chuyển, chẳng phải do nương dựa nơi chốn. Các pháp có sắc đầy đủ do hai chủng là nơi chốn và phương hướng.

e. Kiến lập tương tục sai biệt: Nên biết tương tục lược có 4 chủng. Do căn cảnh của mình và do căn cảnh của người có sai biệt nên lập 4 tương tục: 1. Tự thân mình tương tục; 2. Thân người tương tục; 3. Các căn tương tục; 4. Cảnh giới tương tục. Hai chủng là giả kiến lập; hai chủng là chân thật nghĩa.

f. Kiến lập phần vị sai biệt: Là phần vị khổ, phần vị lạc, phần vị không khổ không lạc, tức là các pháp năng thuận theo ba thọ.

g. Kiến lập phẩm phân sai biệt: Nên biết kiến lập hai phẩm năng trị, sở trị sai biệt, đó là: pháp nhiễm, không nhiễm; pháp thấp kém, thắng diệu; pháp thô, tế; pháp chấp thọ, không chấp thọ; pháp hữu sắc, vô sắc; pháp có thể thấy, không thể thấy; pháp có đối ngại, không đối ngại; pháp hữu vi,

vô vi; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu tránh, vô tránh; pháp có ái vị, không ái vị; pháp nương đam mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa; pháp thế gian, xuất thế gian; pháp đọa nhiếp, chẳng phải đọa nhiếp.

Pháp nhiếp, không nhiếp: Nên biết trong đây do 5 nhân duyên kiến lập pháp nhiếp: 1. Ở trong ba thọ như chỗ thích hợp chính là tạp nhiếp; 2. Năng khắp nhiếp thọ các phẩm phiền não tánh thô trọng; 3. Năng khắp nhiếp thọ quả phi ái ở hiện pháp, đương lai; 4. Năng khắp liên kết sanh tương tục; 5. Năng khắp chướng ngại tất cả thiện pháp và ở nơi sở tri, chướng ngại trí sanh. Do nhân duyên đây gọi là pháp nhiếp.

Trái với tướng đây nên rõ biết tướng pháp không nhiếp. Pháp không nhiếp đây lược có 2 chủng là thiện và vô ký. Do thói rửa bất tịnh và phiền não bất tịnh, nên gọi là bất tịnh. Do trong đây các sở hữu thọ... đều là khổ, nên gọi là khổ. Do tánh vô thường, nên gọi là chẳng bền chắc. Nếu do đạo lý thắng nghĩa *tánh* thì tánh bất tịnh, tánh khổ, tánh không bền chắc thô ược, gọi là thấp kém. Vượt qua những tánh kia, nên biết gọi là thắng diệu.

Pháp thấp kém, thắng diệu: Do đối đãi nhau

nên lại có hai tướng thấp kém và thắng diệu sai biệt. Đó là đối với Sắc giới thì Dục giới là thấp kém; đối với Vô sắc giới thì Sắc giới là thấp kém; đối với Niết-bàn thì ba giới đều là thấp kém. Hết thấy loại như vậy cần nên rõ biết.

Pháp thô, tế: Vì vi trước sai biệt, vì tịnh uế sai biệt, vì thế dụng sai biệt, nên kiến lập thô, tế của cõi Sắc. Vi, đó là tụ cực vi; trước, đó là tụ còn lại. Tịnh, đó là trung hữu của tụ sắc địa trên; uế, đó là các hữu còn lại của tụ sắc địa dưới. Thế dụng: như ở thị xứ mà thế lực tác dụng của địa đại tăng mạnh, tuy cùng với các tụ khác lượng ngang nhau, mà kia năng vượt hơn địa khác, hiển hiện phần thô khá có được.

Vì phẩm loại hạ, trung, thượng có sai biệt, nên kiến lập sở hữu thô, tế của các pháp Vô sắc sai biệt. Phẩm loại hạ, trung, thượng có sai biệt: tức là các thọ như lạc... các pháp như tín... có phẩm loại hạ, trung, thượng sai biệt.

Pháp hữu sắc, pháp vô sắc do lý thế tục đế và lý thắng nghĩa đế, do dễ hiểu và khó hiểu, nên có hai chủng thô và tế sai biệt.

Pháp chấp thọ, chẳng phải chấp thọ: Các pháp

sắc nhờ sự chấp thọ giữ gìn của tâm, tâm sở. Do đây nương gá lẫn nhau, nên tâm tâm sở cùng kia đồng chuyển an bình, nguy hại. Đồng chuyển sự an nguy, tức là do lực tâm tâm sở vận nhậm giữ gìn nên sắc đây không bị đoạn, không bị hoại, không bị thối rữa. Do sự chấp thọ sắc như vậy, hoặc lúc suy tổn, hoặc lúc tăng thêm thì tâm tâm sở ấy cũng tùy đó suy tổn hay tăng thêm. Trái với tướng đây gọi là chẳng phải chấp thọ.

Pháp hữu sắc, vô sắc: Hữu sắc là năng nương dựa vào nơi chốn, phương hướng; vô sắc là không nương dựa vào nơi chốn, phương hướng. Đây nói trong phạm vi sở duyên lãnh nạp lưu chuyển mà thi thiết kiến lập.

Pháp có thể thấy, không thể thấy: Nếu các sắc được mắt nhận biết và chỗ nương... tức ở tại mắt đây, kia hiện tiền rõ ràng, gọi là có đối ngại. Trái với tướng đây gọi là không thể thấy.

Pháp có đối ngại, không đối ngại: Nếu các sắc năng chướng ngại sự thấy các sắc khác và chướng ngại sự qua lại của sắc khác. Trái với tướng đây gọi là không đối ngại.

Pháp hữu vi, vô vi: Hữu vi tức là có sanh diệt

hệ thuộc vào nhân duyên. Trái với tướng đây nên biết là vô vi.

Pháp hữu lậu, vô lậu: Nếu các pháp do các lậu phát sanh, do sự đuổi theo trôi buộc của các lậu thô trọng, do các lậu tương ưng, do các lậu sở duyên; do các lậu quá khứ năng sanh, vị lai năng sanh, hiện tại năng sanh; do các lậu nương nhau, gọi là pháp hữu lậu. Trái với tướng đây nên biết là vô lậu.

Pháp hữu tránh, vô tránh: Vì năng cùng đương lai các khổ sanh... làm nhân sanh, vì ở trong hiện pháp có tánh tội, gọi là pháp hữu tránh. Trái với tướng đây gọi là vô tránh.

Pháp có ái vị, không ái vị: Vì ở môn nội tự thể có ái nhiễm đuổi theo, nên gọi là có ái vị. Trái với tướng đây gọi là không ái vị.

Pháp nương đắm mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa: Vì ở nơi môn ngoại cảnh giới có ái trước đuổi theo, nên gọi là nương đắm mê vui thích. Trái với tướng đây gọi là nương ra khỏi xa lìa.

Pháp thế gian, xuất thế gian: Nếu tất cả pháp là hữu lậu, hữu tránh, có ái vị, nương đắm mê vui thích như vậy, gọi là thế gian. Nếu năng trị đây, tức nương thế tục để khởi tục trí và dẫn phát tục

trí, cũng gọi là thế gian. Trái với tướng đây gọi là xuất thế gian.

Pháp đọa nhiếp, chẳng phải đọa nhiếp: Nếu các thế gian, gọi là pháp đọa nhiếp, vì rơi trong khí hữu tình nhiếp thuộc Dục, Sắc, Vô sắc thế gian. Nếu các xuất thế gian, gọi là pháp không đọa nhiếp, vì không như đọa nhiếp thế gian đã nói trên.

h. Kiến lập đạo lý sai biệt: Là 4 đạo lý: 1. Quán đãi đạo lý; 2. Chứng thành đạo lý; 3. Tác dụng đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý. Phân biệt đạo lý sai biệt như vậy, tướng đây nên biết như *Thanh văn địa* đã thuyết.

Như vậy 8 chủng phẩm loại sai biệt và trước đã thuyết về dị môn, thể tướng, thích từ sai biệt. Thứ tự của tất cả sự như trước đã năng chánh biện rộng, biện lược, nên biết đều không vượt quá tất cả sự đã biện ở đây.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Đâu tỳ, nhiếp nhau thấy
Thứ đến thành tựu thấy*

Tự tánh thủy, nhân thủy
Sau rộng thuyết địa thủy.

Có 9 tự pháp nhiếp tất cả pháp. Những gì là chín? 1. Tự pháp thiện; 2. Tự pháp bất thiện; 3. Tự pháp vô ký; 4. Tự pháp kiến sở đoạn; 5. Tự pháp tu sở đoạn; 6. Tự pháp không đoạn; 7. Tự pháp tà tánh định; 8. Tự pháp chánh tánh định; 9. Tự pháp bất định.

Tự pháp thiện: tương đương đã rộng biện như Ý Địa.

Tự pháp kiến sở đoạn: là tất cả kiến hoặc nương tham sân si mạn kiến... hoặc nghiệp đường ác, hoặc ở nơi các đế sanh khởi do dự nghi ngờ...

Tự pháp tu sở đoạn: là tất cả pháp phải đoạn còn lại.

Tự pháp không đoạn: là pháp vô lậu.

Tự pháp tà tánh định: là nghiệp vô gián và đoạn thiện căn.

Tự pháp chánh tánh định: là sở hữu các pháp học, vô học.

Tự pháp bất định: là pháp phi học phi vô học còn lại. Nên biết trong đây sở hữu các pháp tự

tánh nhiếp lẫn nhau, tương ưng tánh khác.

Hoặc lại có một loại bổ-đặc-già-la thành tựu thiện pháp và pháp vô ký, không phải pháp bất thiện, đó là các bậc thánh đã lìa dục tham và đây dị sanh đã lìa dục tham, trừ chủng tử pháp.

Hoặc có một loại bổ-đặc-già-la thành tựu pháp bất thiện và pháp vô ký, không phải các pháp thiện, đó là bổ-đặc-già-la đoạn thiện căn, trừ chủng tử pháp. Hoặc không có loại bổ-đặc-già-la thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện, không phải pháp vô ký. Hoặc không có bổ-đặc-già-la chỉ toàn bất thiện, hoặc chỉ toàn vô ký.

Lại trong đây nên biết các pháp tùy chỗ thích hợp hoặc là đắc, hoặc là xả. Đó là có một loại do thọ chỗ được thọ, hoặc do xả chỗ được thọ, hoặc do tà thô thúc tìm cầu, hoặc do chánh thô thúc tìm cầu, hoặc do chuyển hình, hoặc do pháp nhĩ, hoặc do ly dục, hoặc do gia hạnh, hoặc do thối thất, hoặc do đắc quả, hoặc do sống chết mà có đắc, xả.

Như trong pháp luật nghi Biệt giải thoát, do thọ pháp Biệt giải thoát luật nghi nên đắc, do xả pháp Biệt giải thoát luật nghi nên xả. Như trong các thiện pháp, do tà thô thúc tìm cầu nên xả, do

chánh thôi thúc tìm cầu nên đắc. Do chuyển hình nên xả, đó là trong luật nghi Bí-sô và trong luật nghi Bí-sô-ni, hoặc chuyển xả thân Bí-sô thành thân Bí-sô-ni, hoặc chuyển xả thân Bí-sô-ni thành thân Bí-sô. Bấy giờ hoặc Bí-sô, hoặc Bí-sô-ni kia nếu chuyển hình khác hoặc chuyển không hình, thì hoàn toàn xả luật nghi Bí-sô, Bí-sô-ni. Do pháp nhĩ, khi thế gian hoại năng nhập pháp nhĩ sở đắc tĩnh lự. Do ly dục, nên năng đắc sở hữu thiện pháp địa trên. Do gia hạnh, nên năng nương kia dẫn công đức khiến hiện tại tiền. Do thối thất, nên trở lại đắc các pháp hạ liệt trước. Do đắc quả, nên xả các pháp thế gian, được pháp xuất thế gian và thiện pháp thế gian thanh tịnh về sau. Do sống chết, nên lúc sanh cõi dưới thì khi sanh được các pháp thiện, bất thiện, vô ký; hoặc khi sanh cõi trên, chỉ đắc thiện pháp và pháp vô ký. Chỗ xả các hữu, như chỗ thích hợp cũng theo đó hiểu rõ.

Các tâm, tâm sở không chống trái lẫn nhau mà cùng tương ưng, cùng nhiếp lẫn nhau, tức sát-na hành đây trở lại cùng sát-na đây.

Lại không có tất cả các hành, pháp sanh tử vĩnh viễn đoạn trừ.

Lại không các hành trước chưa từng sanh, bỗng nhiên nay khởi.

Lại tất cả hành đều sát-na sanh, sát-na sau sanh ắt không dừng trụ; các hành một sanh, một trụ, một diệt.

Lại tất cả pháp chỉ một tự tánh, không có tự tánh thứ hai khá có được.

Lại quyết định không có hai pháp cùng loại cùng một lúc tương ưng, tức do không có tự tánh thứ hai.

Lại chẳng phải một pháp có tướng khác chia lìa hai chủng tướng tác dụng.

Lại tất cả hành nương cái khác chuyển mà không nương chính mình.

Lại chẳng phải tự tánh cùng với tự tánh đồng nhau, cũng không tùy chuyển cùng nhau.

Lại chẳng phải tức một sát-na tâm đây làm sở duyên sát-na tâm đây.

Lại chẳng phải tức tự tánh sát-na đây làm nhân tự tánh sát-na đây; cũng chẳng phải sanh sau làm nhân sanh trước; cũng chẳng phải đồng loại làm nhân của dị loại, như bất thiện so với thiện, thiện so với bất thiện, mà làm thành nhân

quả dị thực vô ký.

Rộng thuyết địa... Ớt-Đà-Nam nói:

*Đầu các địa, các y
Kế đế, trí, gia hạnh
Tam-ma-địa, căn, đạo
Đối trị, hành, tu tập
Pháp hữu lậu, vô lậu
Các quả, các nhân, duyên
Lập bố-đặc-già-la
Sau biết khắp, cứu cánh.*

Có 9 chủng địa. Những gì là chín? 1. Tư lương địa; 2. Phương tiện địa; 3. Quán hành địa; 4. Kiến địa; 5. Tu địa; 6. Hữu học địa; 7. Vô học địa; 8. Thánh giả địa; 9. Dị sanh địa.

Trước nên tu tập tư lương xuất thế. Kế đến vì tận lậu nên siêng tu phương tiện. Kế đến tu tùy thuận quyết trạch thời phần, chánh quán các đế. Kế đến năng chứng nhập chánh tánh ly sanh. Cuối cùng thứ lớp chứng bốn quả Sa-môn. Trong đây ba trước là hữu học địa. Quả thứ tư đây là vô học địa. Chứng ly sanh rồi, dần dần thăng tiến tất cả đạo thế gian, gọi là tu địa. Tức đây tổng nhiếp kiến

địa, học địa và vô học địa, gọi là thánh giả địa. Còn lại tất cả đây gọi là dị sanh địa, tức là tất cả dị sanh hoặc chưa tu gia hạnh, hoặc đã tu gia hạnh, hoặc đã ly dục.

Lại nữa, có 9 y năng tận các lậu. Những gì là chín? Đó là vị chí định, hoặc Sơ tĩnh lự, tĩnh lự trung gian, ba tĩnh lự còn lại và ba vô sắc, trừ Đệ nhất hữu.

Lại nữa, có bốn Thánh đế năng khiến tận các hoặc, tịnh các hoặc.

Lại nữa, có 10 trí năng rõ biết tất cả cảnh giới sở tri: pháp trí, loại trí, thế tục trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sanh trí. Đây rộng phân biệt như *Thanh văn địa*.

Lại nữa, thầy Du-già có 5 gia hạnh: 1. Vì muốn chứng nhập chánh tánh ly sanh; 2. Vì đắc thượng quả; 3. Vì thắng tiến ly dục; 4. Vì muốn chuyển căn; 5. Vì dẫn công đức.

Lại nữa, Du-già có 3 tam-ma-địa: 1. Không tam-ma-địa; 2. Vô nguyện tam-ma-địa; 3. Vô tướng tam-ma-địa.

Lại nữa, có 3 chủng các căn của tất cả hành hướng và trụ quả: 1. Căn chưa biết muốn biết, là

các căn hành hương quả Dự lưu; 2. Căn đã biết, là các căn trụ quả Dự lưu trở lên đến hành hương quả A-la-hán; 3. Căn biết đầy đủ, là các căn trụ quả A-la-hán.

Lại nữa, có 9 đạo. Sao gọi là chín? 1. Đạo thế gian; 2. Đạo xuất thế gian; 3. Đạo gia hạnh; 4. Đạo không gián đoạn; 5. Đạo giải thoát; 6. Đạo thắng tiến; 7. Đạo phẩm hạ; 8. Đạo phẩm trung; 9. Đạo phẩm thượng.

Đạo thế gian: do đây nên năng chứng đoạn các phiền não thế gian, hoặc không chứng đoạn; năng đến cõi thiện hoặc đến cõi ác.

Đạo xuất thế: do đây nên năng chứng rốt ráo đoạn các phiền não.

Đạo gia hạnh: vì đoạn các hoặc nên siêng tu gia hạnh.

Đạo không gián đoạn: vì chánh đoạn các hoặc.

Đạo giải thoát: vì đoạn không gián đoạn, tâm đắc giải thoát.

Đạo thắng tiến: từ đây về sau phát gia hạnh thù thắng.

Đạo phẩm hạ: năng đối trị phiền não phẩm thượng.

Đạo phẩm trung: năng đối trị phiền não phẩm trung.

Đạo phẩm thượng: năng đối trị phiền não phẩm hạ.

Lại nữa, có 4 chủng đối trị: 1. Đối trị nhằm chán hoại diệt; 2. Đối trị đoạn diệt; 3. Đối trị nhậm trì; 4. Đối trị phần xa.

Lại nữa, có 16 hành tướng, đó là quán các đế là vô thường... như trước đã biện.

Lại nữa, có 8 chủng tu tập, đối trị như vậy, hành tướng như vậy, tu tập như vậy. Tướng đây nên quán như *Định địa* và *Thanh văn địa* ở trước.

Lại nữa, có 2 phẩm nhiếp tất cả pháp: 1. Pháp hữu lậu; 2. Pháp vô lậu. Hai đây nên biết như trước đã biện.

Lại nữa, có 5 quả: 1. Quả dị thực; 2. Quả đẳng lưu; 3. Quả lìa hệ buộc; 4. Quả sĩ dụng; 5. Quả tăng thượng.

Lại nữa, có 10 nhân: 1. Nhân tùy thuyết; 2. Nhân quán đái; 3. Nhân dẫn dắt; 4. Nhân nhiếp thọ; 5. Nhân sanh khởi; 6. Nhân dẫn phát; 7. Nhân quyết định khác; 8. Nhân đồng sự; 9. Nhân trái nhau; 10. Nhân không trái nhau.

Lại nữa, có 4 duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

Như vậy tất cả nhân, quả và duyên, tướng đây như *Bồ-tát địa* đã biện.

Lại nữa, có 7 chủng bồ-đặc-già-la, đó là tùy tín hành...

Lại nữa, có 6 chủng A-la-hán, đó là pháp thối...

Lại nữa, có 8 chủng bồ-đặc-già-la, đó là hành bốn hướng và trụ bốn quả, nên biết tướng đây kiến lập như *Thanh văn địa*.

Lại nữa, sáu 6 chủng trí biết khắp: 1. Trí biết khắp bất định địa hữu lậu đế; 2. Trí biết khắp định địa hữu lậu đế; 3. Trí biết khắp vô lậu vô vi đế; 4. Trí biết khắp vô lậu hữu vi đế; 5. Trí biết khắp thuận hạ phần kiết; 6. Trí biết khắp thuận thượng phần kiết.

Lại nữa, có 2 chủng rốt ráo: 1. Trí rốt ráo: là tận vô sanh trí, tức là từ đây về sau vì không phải biết đến việc đoạn trừ phiền não; 2. Đoạn rốt ráo: là khắp rốt ráo đoạn các phiền não, do kia đoạn nên chứng tâm giải thoát và tuệ giải thoát rốt ráo viên mãn.

Như vậy đã lược dẫn cảnh trí của luận đây tương ưng thuận theo sở hữu tông yếu Ma-đát-lý-ca. Ngoài ra tất cả những chi tiết liên quan cảnh trí luận đây đều phải nên rõ biết. Vào khắp hành của tất cả Ma-đát-lý-ca, tướng đây nên biết như phần *Nhiếp thích*. Giáo pháp Như Lai số lượng vô hạn, làm sao năng đến được bờ vô biên ấy? Tất cả đều thuận theo phương hướng đây, thuận theo dẫn phát đây, thuận theo nghĩa thú đây. Các bậc thông tuệ đối với tất cả điều trên nên chân chánh tâm tư, nên chân chánh giác liễu.



Mục Lục

	III. PHẦN NHIẾP THÍCH	7
Quyển 81	Phần Nhiếp Thích	
	Phẩm thượng	9
Quyển 82	Phần Nhiếp Thích	
	Phẩm hạ	42
	IV. PHẦN NHIẾP DỊ MÔN	73
Quyển 83	Phần Nhiếp Dị Môn	
	Phẩm thượng	75
Quyển 84	Phần Nhiếp Dị Môn	
	Phẩm hạ	111
	V. PHẦN NHIẾP SỰ	147
Quyển 85	Thứ 1. Nhiếp Trạch Sự Hành Kế Kinh	
	Phần 1	149

Quyển 86

- Thứ 1. Nhiếp Trạch Sự Hành Khế Kinh
Phần 2 187

Quyển 87

- Thứ 1. Nhiếp Trạch Sự Hành Khế Kinh
Phần 3 231

Quyển 88

- Thứ 1. Nhiếp Trạch Sự Hành Khế Kinh
Phần 4 279

Quyển 89

- Thứ 2. Nhiếp Trạch Sự Xứ Khế Kinh
Phần 1 328

Quyển 90

- Thứ 2. Nhiếp Trạch Sự Xứ Khế Kinh
Phần 2 371

Quyển 91

- Thứ 2. Nhiếp Trạch Sự Xứ Khế Kinh
Phần 3 414

Quyển 92

- Thứ 2. Nhiếp Trạch Sự Xứ Khế Kinh
Phần 4 458

Quyển 93

- Thứ 3. Nhiếp Trạch Sự
Duyên Khởi-Thực-Đế-Giới Khế Kinh
Phần 1 499

Quyển 94

- Thứ 3. Nhiếp Trạch Sự
Duyên Khởi-Thực-Đế-Giới Khế Kinh
Phần 2 539

Quyển 95

- Thứ 3. Nhiếp Trạch Sự
 Duyên Khởi-Thực-Đế-Giới Khế Kinh
 Phần 3 579

Quyển 96

- Thứ 3. Nhiếp Trạch Sự
 Duyên Khởi-Thực-Đế-Giới Khế Kinh
 Phần 4 618

Quyển 97

- Thứ 4. Nhiếp Trạch Sự
 Pháp Bồ Đề Phần Khế Kinh
 Phần 1 663

Quyển 98

- Thứ 4. Nhiếp Trạch Sự
 Pháp Bồ Đề Phần Khế Kinh
 Phần 2 710

Quyển 99

- Thứ 5. Nhiếp Trạch Chung Sự Điều Phục
 Phần 1 757

Quyển 100

- Thứ 5: Nhiếp Trạch Chung Sự Điều Phục
 Phần 2 805
- Biện Nhiếp Thứ Tự Sự Bản Mẫu 822
- Mục Lục 847

* * *

* * * *

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Tập V

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

270. Nguyễn Đình Chiểu Q.3 - TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Mai Thời Chính

Biên tập:

Công Bình – Thăng Long

Bìa và trình bày:

Trần Phú Nhạc

Khổ 14.5 x 20.5 cm, Số ĐKKHXB: 293 - 2010/CXB/41-09/TN

Quyết định xuất bản số 449/QĐ - TN/CN ngày 06 . 10 . 2010

In 1000 cuốn, tại XN IN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 - 2010